

CỔ ĐỒ THƯ

PHONG THỦY CẢNH QUAN (HÌNH THẾ)

Tầm long điểm huyệt nhập linh

寻龙点穴入灵

Kiến thức cơ bản của Phong thủy Hình thế
Trích dẫn tinh túy từ nhiều tài liệu Hán cổ
Gần 400 hình màu minh họa sát thực tế



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐAI

TÂM LONG
ĐIỂM HUYỆT
NHẬP LINH

寻龙点穴入灵

Tác giả giữ bản quyền.

Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, trích dẫn hay bất cứ hình thức nào khác, dưới bất cứ định dạng nào, bằng bất cứ phương tiện gì, dù là điện tử, cơ khí, chụp hình, ghi âm mà chưa được sự cho phép trước bằng văn bản của tác giả.

**Bản in tiếng Việt được xuất bản phát hành theo thỏa thuận
giữa Tác giả và Cty Văn hóa Minh Lâm.**

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system or transmitted, in any form, or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, or otherwise, without the prior written permission from author.

PERMISSIONS & COPYRIGHT

Email: book@VietnamRight.com

VietnamRights@gmail.com

Available rights: World, ex N.A., Vietnamese.

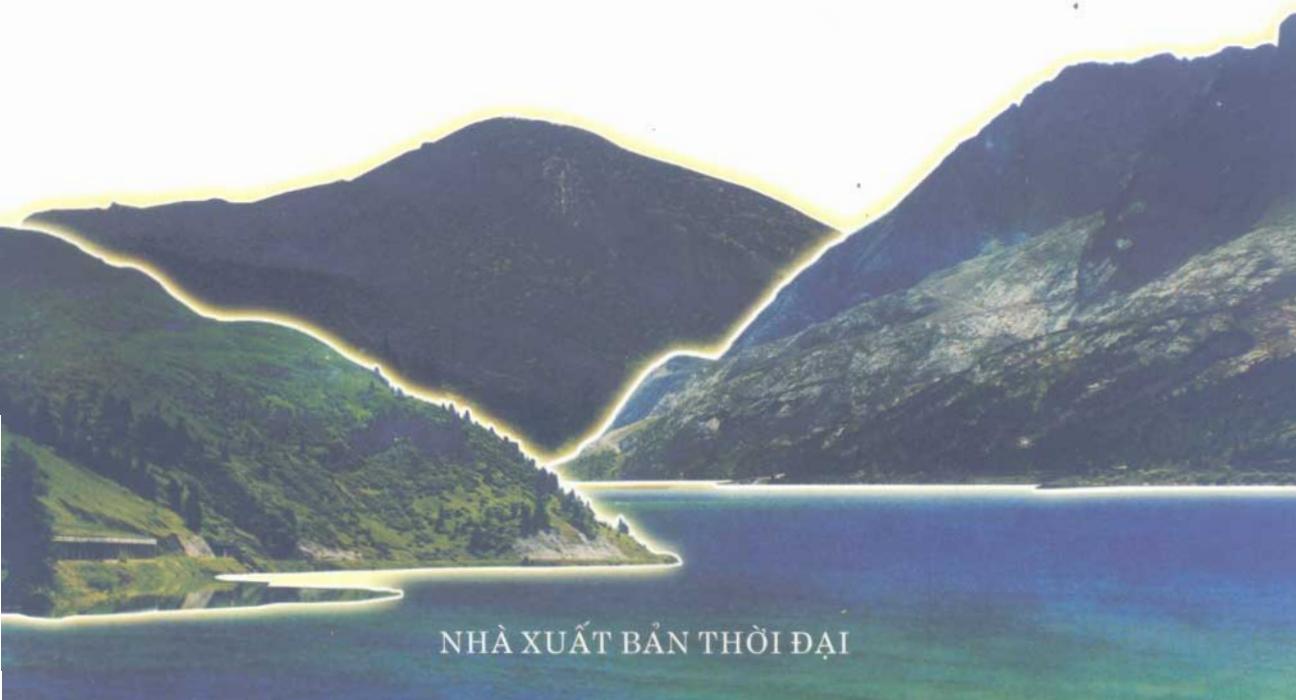
CỔ ĐỒ THƯ

PHONG THỦY CẢNH QUAN (HÌNH THẾ)

TÂM LONG ĐIỂM HƯỚNG NHẬP LINH

寻龙点穴入灵

Kiến thức cơ bản của Phong thủy Hình thế
Trích dẫn tinh túy từ nhiều tài liệu Hán cổ
Gần 400 hình màu minh họa sát thực tế



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

先

祖傳后尋龍

TIỀN TÍCH ĐỨC, HẬU TẦM LONG

LỜI GIỚI THIỆU

Phong thủy là văn hóa truyền thống, từng một thời bị coi là mê tín, nhưng giờ đây đã được cả các nhà vô thần (*vốn chỉ tin vào những gì mắt thấy tai nghe*) công nhận. Thực ra, phong thủy là một môn học liên quan đến môi trường cảnh quan thuận phác của người xưa, vẫn ứng dụng được cho đến ngày nay, nhất là trong lĩnh vực xây dựng kiến trúc. Một kiến trúc sư hiện nay mà không hiểu phong thủy thì thật là khó tưởng tượng nổi.

Phong thủy là một môn khoa học thực dụng, nhưng trước đây có thời từng bị coi là ngụy khoa học, đó là do trong một thời gian dài khoác vẻ ngoài thần bí, nhất là khi liên hệ phong thủy với vận khí gia tộc, tiền đồ con cháu của một con người, làm đi chệch với nguồn gốc ban đầu.

Trong phong thủy phần thần bí nhất chính là "tầm long điểm huyệt", nói một cách dễ hiểu "tầm long" là đi tìm địa hình địa thế của núi, "điểm huyệt" là nơi đặt mộ. Nói như vậy sẽ dễ hiểu, và đơn giản quá không? Chẳng trách với trí tuệ của người xưa, họ lại thích làm cho nó phức tạp và huyền hoặc hơn. Núi từ xa chạy lại thì như cái gì? Có giống một con rồng không? Cách nói của người xưa thật thú vị!

Nơi đất đẹp trong phong thủy là "tả Thanh Long", "hữu Bạch Hổ", "tiền Chu Tước", "hậu Huyền Vũ", đó là cách nói so sánh một nơi thích hợp để sinh sống hay an táng, bên trái cần có một gò đất nhỏ, bên phải cần có một quả đồi, phía sau cần có núi làm bình phong, trước mặt nên có mảnh đất rộng, nếu có thêm một hồ nước thì càng tốt. Sau lưng cần có núi, là do ở Bắc bán cầu, như vậy mùa đông sẽ tránh được gió mùa; Trước mặt cần rộng rãi, để gió mùa hè mát mẻ thổi vào; Lại cần có hồ nước, là chẳng may cháy còn có nước để dập, không có hồ nước sẽ có tai họa là vì thế.

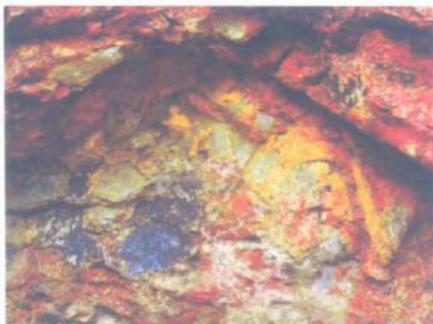
Nhưng tại sao người xưa không nói thẳng ra, mà lại phải nói vòng vo tránh, dùng động vật để thay thế? Đó là để ám thị với mọi người, khi chọn nhà hay nơi đặt mộ, cần chú ý đến "sức sống", như trên núi đá, cỏ cây không mọc, có tìm ra chỗ để ở không?

Nhưng không có nghĩa như vậy là ai cũng xem được phong thủy. Phong thủy tuy là một môn khoa học nhưng lại rất sâu sắc. Thuật phong thủy cho rằng "điểm huyệt" không phải chuyện dễ, giới phong thủy ai cũng biết đến câu "ba năm tầm Long, mười năm điểm Huyệt", với ý "tầm Long" đã khó, "điểm Huyệt" còn khó hơn.

Trong khi "tầm Long điểm Huyệt" phải sử dụng đến rất nhiều phương pháp, có lúc phải quan sát chất đất để phán đoán sinh khí của vùng đất, mà phong thủy xưa cho rằng đất ngũ sắc là tốt nhất. Hiện nay ở công viên Trung Sơn (Trung Quốc) còn bảo lưu được Xã Tắc Đàn (Xã là thần Thổ Địa, Tắc là thần Ngũ Cốc, là nền móng quan trọng của xã hội nông nghiệp) xây



dựng từ đời Minh năm Vĩnh Lạc thứ 18 (năm 1420), tầng cao nhất hình vuông (cao 15.8m), bên trên để đất 5 màu theo các hướng khác nhau: hướng Đông màu xanh, hướng Nam màu đỏ, hướng Tây màu trắng, hướng Bắc màu đen, ở giữa màu vàng. Trong hình bên dưới là đất ngũ sắc chụp ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.



Đất ngũ sắc gốc



Đất ngũ sắc để riêng theo khu

Người xưa có câu “Sống về mồ về mả, ai sống về cả bát cơm” cho thấy sự coi trọng về mồ mả của tổ tiên, xuất phát từ nhu cầu đó, cuốn "**Tầm Long điểm Huyệt nhập Linh**" này được viết, trên cơ sở trích dẫn, chắt lọc tinh túy từ tư liệu cổ xưa, cố gắng dẫn giải cho dễ hiểu nhất, với hình ảnh minh họa màu cho tiện theo dõi, tuy vậy đây cũng không phải là sách dễ đọc cho những người mới nhập môn. Thuật phong thủy xưa cũng đưa ra một số yếu tố mà người muốn học "tầm Long điểm Huyệt" cần chú ý, đó là: muốn giỏi phải đi sâu nghiên cứu, do đó chắc chắn cần phải bỏ ra nhiều tâm huyết mới có thể có được nhiều kiến thức. Cái tinh túy sâu xa của phong thủy nếu không công nghiên cứu và tìm tòi thì không thể đạt tới cực điểm. Khi học phải chú ý tới một số yếu tố quan trọng, nếu thiếu một trong những yếu tố này thì chắc chắn sẽ khó thành: (1) Có thầy giỏi truyền thụ; (2) Biết dụng tâm suy nghĩ; (3) Khảo sát nhiều mộ cổ; (4) Đọc nhiều sách để hiểu rõ địa lý; (5) Phải dốc toàn bộ tâm huyết, thời gian và sức lực; (6) Tâm thuật phải ngay thẳng.

Việc tìm vị trí đất, hướng đặt mộ,... là phong tục dân gian rất được coi trọng, nhưng điều rất quan trọng là “Tiên tích Đức, hậu tam Long”, và “Đức năng thắng số”, không nên cho rằng tìm được nơi đất tốt là có thể “há miệng chờ sung”, hay “kê cao gối nằm im”.

Nay xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả.

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI





PHẦN 1.
KIẾN THỨC CHUNG





KHOẢNG CÁCH VÀ SỰ THAY ĐỔI CỦA SƠN, THỦY, ÂM DƯƠNG

Nhi khí Âm Dương vận hành ở giữa, đạo lý là như vậy không bội ngược. Cần nhìn thấy sự dung kết của khí, đạo lý hết sức tinh vi.

Nhi khí là Âm Dương. Nhất lý là lý của nhất nguyên, tức Thái cực (nguồn gốc sinh vạn vật). Bởi có nghĩa là trái ngược. Dung kết nghĩa là ngưng tụ. Tinh vi nghĩa là tinh tế, hết mức.

Nghĩa của câu trên, là núi sông một cương một nhu, một động một tĩnh, tất cả đều do hai khí Âm Dương vận chuyển một cách huyền diệu ở bên trong. Cái gọi là “Cô Âm bất sinh, độc Dương bất thành” chính là một mình Âm không thể sinh, một mình Dương không thể thành, chỉ có Âm Dương kết hợp và ngưng tụ lại mới có thể tạo ra vạn vật. “Sơn dừng thủy tụ” mới là sự hội tụ của linh khí, chúng ta cần phải dùng tâm, dùng não và dùng mắt để cảm nhận được sự tinh tế của nó. Địa khí được dẫn qua Sơn mạch, sơn tinh là Âm, bản thân Địa khí cũng không thể di chuyển, nên là Âm. Thiên khí chuyển động trong không trung và phân chia theo 8 hướng, nên thuộc Dương. Nước do mưa từ trên trời rơi xuống mà có, tích tụ chảy ra sông ra biển, vận động không ngừng, nên thuộc Dương.

Âm Dương giao hòa mới có thể sinh ra vạn vật, nước chảy thuộc Dương, còn nước tích tụ thuộc Âm, núi vốn thuộc Âm, nhưng hướng núi uốn lượn như Long (rồng), động mà thành Dương, cả cương lẫn nhu, cùng coi trọng như nhau, Long gấp Thủy mà dừng, kết huyệt để nuôi dưỡng, đó chính là “nhất lý tịnh hành”, không thể làm trái.

Âm Dương giao hòa



1. Diễn giải sự chuyển biến của sơn thủy Âm Dương

Sơn tĩnh thuộc Âm, nhưng Sơn mạch từ cao xuống thấp, hình thế như Long, nên động, thuộc Dương.



Nước chảy thuộc Dương, nước không chảy mà ngưng tụ thuộc Âm



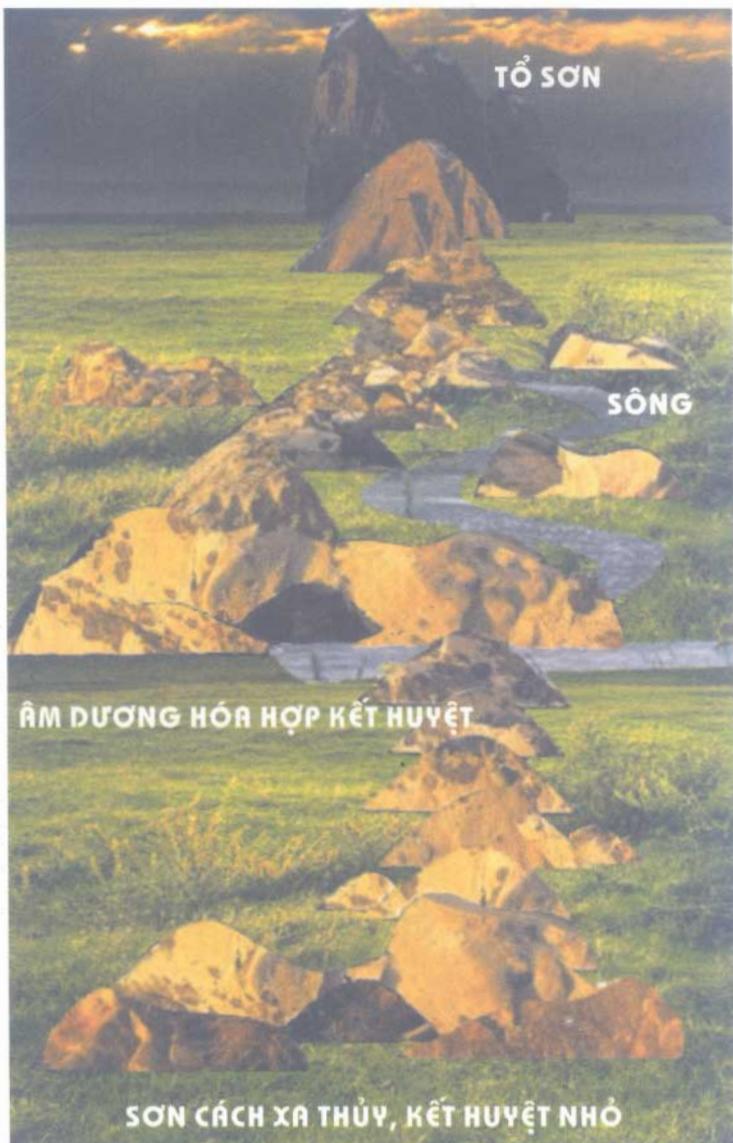
Nước chảy thuộc Dương, nước không chảy mà ngưng tụ thuộc Âm, một động một tĩnh, một Âm một Dương, chính là sự thay đổi của Sơn và Thủy. Việc mai táng người mất, mục đích chính hấp thu khí vượng nhất của Thiên - Địa, từ đó tạo phúc ám cho con cháu sau này.

Bên trên có nói là nơi Sơn dừng Thủy tụ chính là nơi kết huyệt, tại sao lại như vậy? Vì sơn mạch qua nhiều lần lên xuống, mới nổi lên một gò Tinh, gần như hít một hơi vào sâu, rồi thở ra, nơi thở ra chính là nơi khí mạnh nhất.

Bên trái phải huyệt trường có Long Hổ Sa bao bọc tạo thành Thủy khẩu, hay phía trước có Chân thủy và Long dừng ở trước Thủy khẩu, làm thế nào để quan sát xem Long có động hay không? Nói một cách dễ hiểu, khi bạn đạp phanh xe, như thế ấn chân xuống vậy, nhánh núi hướng lên trước và thu lại, thì mới là tượng dừng lại. Còn nếu tượng như chồm lên, thì có nghĩa vẫn còn động, chưa thể kết huyệt. Tốt nhất là có thầy dạy chân truyền, rồi dùng tâm, dùng trí, dùng mắt đi khảo sát thực địa, là sẽ có thể linh hội được.

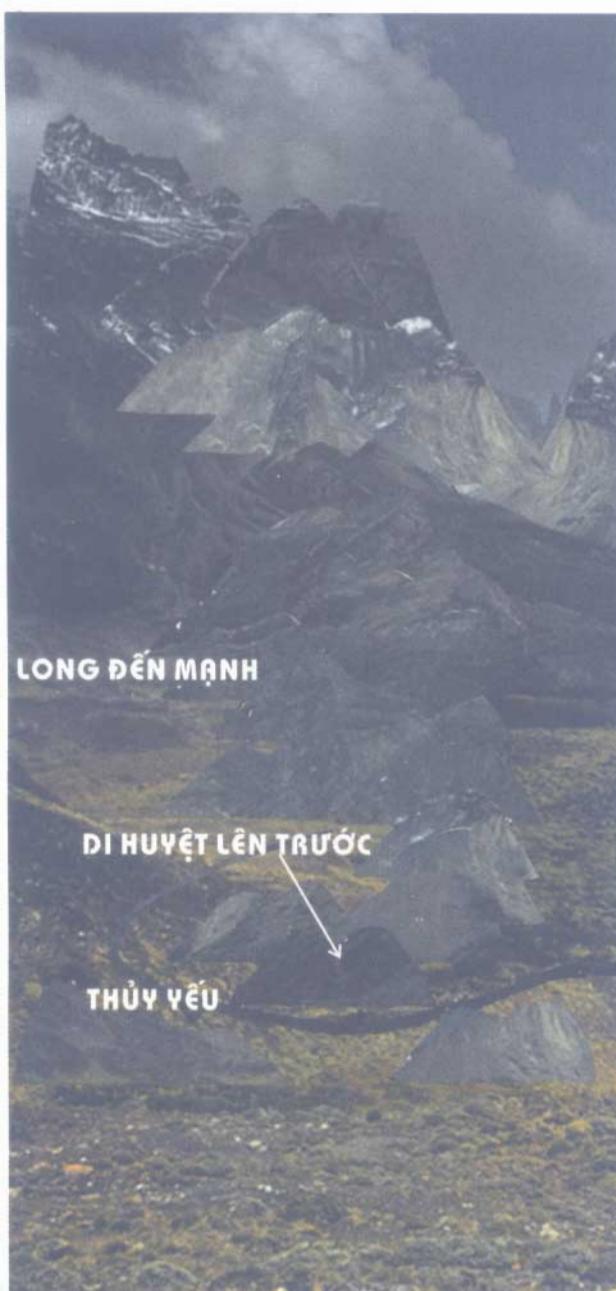
2. Sự khác biệt về khoảng cách giữa sơn thủy

Nếu chỉ có Sơn mà không có Thủy, là cô Âm khuyết Dương, không kết được huyệt. Nếu có nước nhưng nước lại ở quá xa, có chảy đến nhưng lũng lờ không động thì có thể kết nhỏ, Long quá nhỏ, đi qua gần như bị thắt họng, rồi nổi lên một gò, trước mặt có Thủy, có thể kết huyệt Âm Dương tương phối nơi Long dừng bước.



Qua hình trên có thể thấy, Sơn cách Thủy quá xa nên không thể tạo khí, chỉ có thể kết huyệt nhỏ, nếu huyệt trường có nước, Âm Dương hóa khí rồi sẽ kết thành huyệt.

Thủy cách Sơn quá xa thì không có tiêu chuẩn về Sơn. Thế xung mạnh, như đang lao nhanh, sẽ không thể kết huyệt gần Thủy giới, mà chỉ có thể kết huyệt nhỏ ở chỗ Long dừng. Qua đó có thể thấy, Long và Thủy phải nương tựa vào nhau, Thủy đến thì Long dừng, còn Long thì quy chuẩn hướng của Thủy.



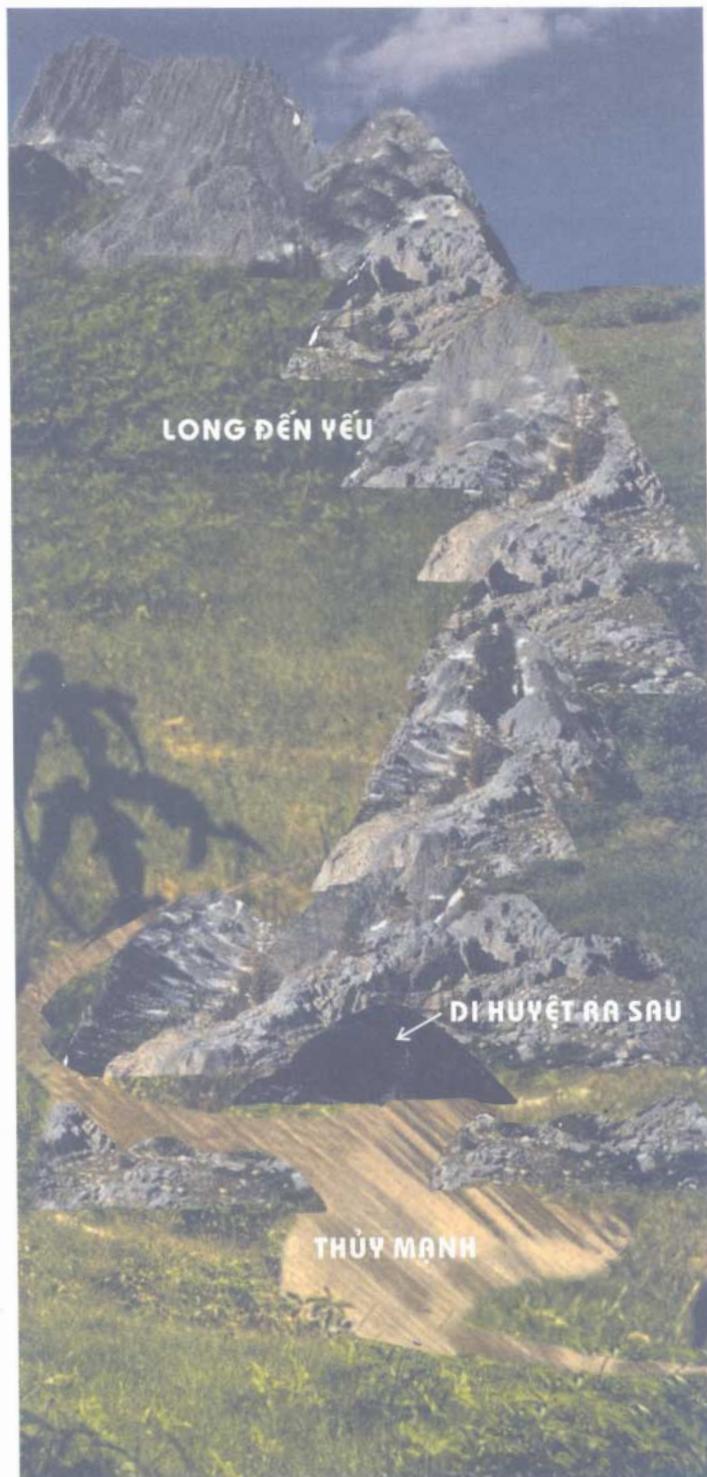
Thầy phong thủy cao tay thường xem Tinh, thầy phong thủy trung bình thường xem Thủy khẩu, thầy phong thủy bình thường xem thế núi. Vì vậy nhận biết được Thủy khẩu (chỗ giao nhau giữa Sơn và Thủy) trong phong thủy đã là khá lầm rồi.

3. So sánh thế mạnh giữa long và thủy

a. Sơn mạnh Thủy yếu: Sơn ở sau, Thủy ở trước thì quan tài phải di chuyển lên trước, nhận thêm nhiều khí dương (Thủy) là cát, nhưng cẩn thận không để phạm trường hợp Nước cắt chân.



b. Thủy mạnh Sơn yếu: Thủy ở trước, Sơn ở sau. Thủy thấp Sơn cao, vì thế Âm Dương phải cân bằng và hòa hợp thì mới kết, quan tài cần di chuyển lên trên để gần Sơn mạch, để nhận thêm nhiều khí Âm (Sơn).





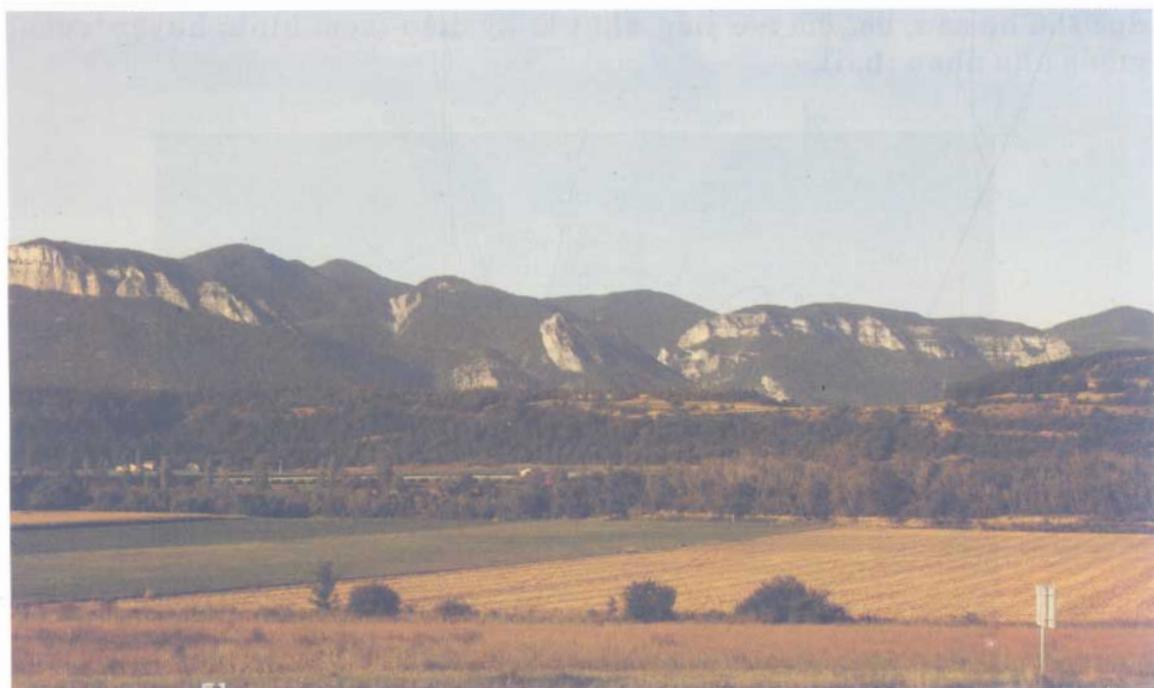
NÚI NON TRÙNG ĐIỆP. SƠN THỦY HỮU TÌNH

Con người được phú cho cơ thể, hình thành từ xương cốt và các khiếu. Hình hài trên đất, đa dạng khác nhau, như muôn núi nghìn sông; mà núi sông hình thành cũng từ nguồn gốc riêng.

Cao là núi, núi *hành* là hiện, núi *phục* là ẩn, là tịnh. *Hiện* là gốc của khí, còn *Ẩn* tàng chứa các khí khác nhau.

Thủy do nước mưa từ trên trời rơi xuống tạo thành, nước chảy thành sông thành suối, là nước *Hiện* trên mặt đất, sau đó ngấm vào lòng đất sẽ là *Ẩn*.

Sơn thủy lúc ẩn lúc hiện, Khí lúc hành (chuyển động) lúc phục (nằm im), là nguồn gốc rung hòa kết phát của hai khí Âm Dương. Cái lý của con người, vạn vật, hay núi sông đều như vậy.





KẾT HUYỆT NUÔI DƯƠNG, VỐ CÙNG VỐ TẬN

Thai tức dựng dục, biến đổi vô cùng.

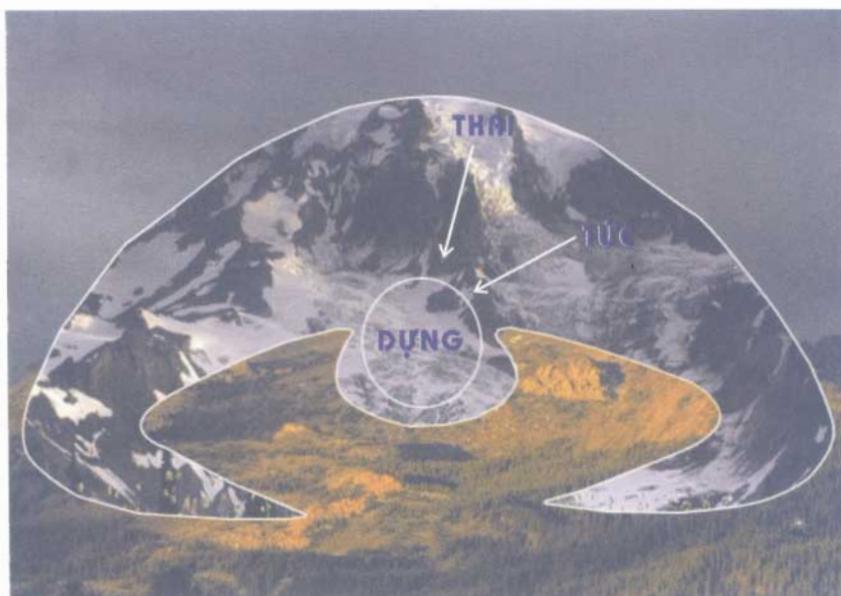
Thai: Nơi yết hầu Long hóa khí, rồi nổi lên gò Tinh, đến nơi kết huyệt, là nơi khí tàng tích tụ trong đất, giống như người mẹ đang mang thai vậy.

Tức: Cuống rốn. Có thai và cuống rốn mới có thể tạo ra thế hệ sau. Rốn của huyệt trường cũng chính là nơi Long khí dừng mạch, là ống để đưa khí (xem hình).

Dựng: Trước khi thành hình là khí, nằm ở chính giữa Thiên tâm thập đạo, là nơi khí ngưng kết, muốn sinh khí thành hình phải trải qua giai đoạn dưỡng dục.

Dục: Nguyên lý sinh nở.

Hành Long đến từ Tổ sơn. Sơn là núi Tử tôn, Thai cũng là núi Tử tôn, còn núi ở sau huyệt là núi Phụ mẫu. Long Sau khi bị thắt ở yết hầu sẽ nổi lên gò Tinh, sinh khí đi qua kinh mạch đến huyệt trường là nơi nuôi dưỡng tử tôn, dung hòa và kết sinh vạn vật. Hai khí âm dương giao hòa, dưỡng dục thế hệ sau, đồi đồi nối tiếp, thật là kỳ diệu (xem hình: huyệt trường giống như nhau thai).





TƯƠNG NÚI GIỐNG NHƯ TƯƠNG NGƯỜI

Tương núi giống như tương người. Điểm Huyệt giống như châm cứu. Sai một ly, đi một dặm.

Điểm ở đây chính là chỉ ra được cái tình của Huyệt. Huyệt không dễ thay đổi. Huyệt là nơi Chân long dừng lại. Khí mạch động mà tụ khí, hòa vào đất bên trong chiên thần và ngưng kết thành huyệt, giống như huyệt đạo trên cơ thể người khi bị châm cứu cũng sẽ tụ khí mạch.

Phần này này mượn người nói về huyệt, cách xem tương núi cũng giống như cách xem tương người. Người cần có hình có cách thì mới là tương tốt. Đất cần có hình có cách thì mới có thể chôn. Núi có cao thấp, màu mỡ, cằn cỗi, vuông tròn thì cũng giống như con người có to cao, thấp lùn, thông minh, ngu dốt, giàu sang, hèn kém. Con người có Ngũ hành chính khí thì là người phú quý, núi có Ngũ tinh tốt thì kết được huyệt phú quý. Người và đất đều có tương phú quý hay nghèo hèn, do đó cần quan sát kỹ mới có thể nhận biết chính xác.

Long nhập thủ giống như mặt người. Đỉnh núi tròn tức là bộ phận đầu, mặc dù có đinh nhọn nhưng mình vẫn tròn. Đỉnh tròn không thể lộ mạch tích (dấu vết của mạch), nếu lộ mạch tích thì sẽ phân thủy lãnh, tạo nên một đỉnh nứt nẻ có hình chữ "x", gọi là mạch xuyên đỉnh. Mạch phía sau não Huyệt tinh không thể lộ mạch tích, nếu lộ mạch tích thì gọi là Lai long xuyên đỉnh, không phải là mạch thật. Tinh đỉnh kết Huyệt lạc Mạch thì cần hạ xuống dần dần từ đỉnh tròn, nếu hơi nhô ra thì gọi là não hóa sinh. Giống như bộ phận trán của con người.

Chỗ hơi nhô ra phân nước thành chữ bát (tức là chảy thành 2 nhánh), giống như trán có hai phần, hai Âm Sa bên trái phải được gọi là cánh ve, là núi thật bảo vệ huyệt, giống như hai lông mày. Tại nơi nhô ra trúc xuống một đường mạch tích, giống như sống mũi con người, đường mạch tích này hơi nhô lên, tạo nên một khối tròn tròn, giống như là chóp mũi của con người, hai bên phần nước, mỗi bên là một chữ "bát" nhỏ giống như mắt người. Huyệt dưới quả cầu tròn tức là táng khẩu, lại giống như nhân trung phía dưới mũi con người.

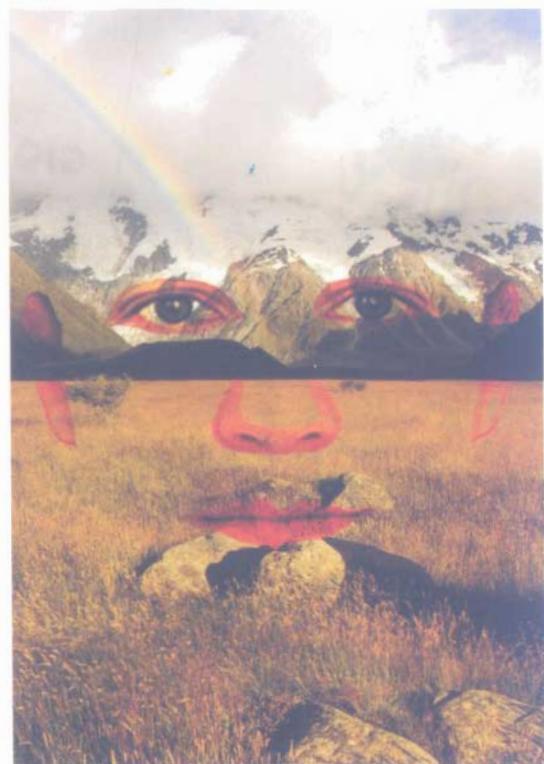
Phía trước huyệt có chiên thần hợp thủy, giống như môi trên của con người. Nơi bằng phẳng trước huyệt gọi là tiểu Minh Đường, giống như miệng người. Hai bên nước chảy phân nhánh ôm lấy tiểu Minh Đường, giống như ria mép của con người, gọi là Hà Tu (râu tôm). Hai bên có Âm



Sa mờ ảo bao quanh phía dưới Minh Đường, gọi là Cầu Nhiêm (râu quai nón), giống như hàm dưới của con người.

Huyệt tụ ở trên, giống như đầu đứa trẻ con, đứa trẻ mới sinh ra, đầu chưa hoàn chỉnh, hơi hõm xuống, tức là Oa huyệt trên đỉnh núi. Huyệt tụ ở giữa, giống như tim người, hai tay tức là Hổ Long Sa. Huyệt tụ ở dưới, giống như bộ phận sinh dục của con người, hai chân chính là Long Hổ Sa.

Do tướng núi giống với tướng người cho nên cần quan sát kỹ mới có thể hiểu được.



Còn phương pháp điểm Huyệt thì lại cần quan sát nơi khí mạch hội tụ, giống như thầy thuốc điểm huyệt châm cứu, nơi có khí tụ thì có thể đặt quan tài, có thể nhận mạch thặng khí, chớ nên coi nhẹ mà để xảy ra sai sót, nên nhớ rằng sai một ly, đi một dặm, do đó cần hết sức thận trọng.

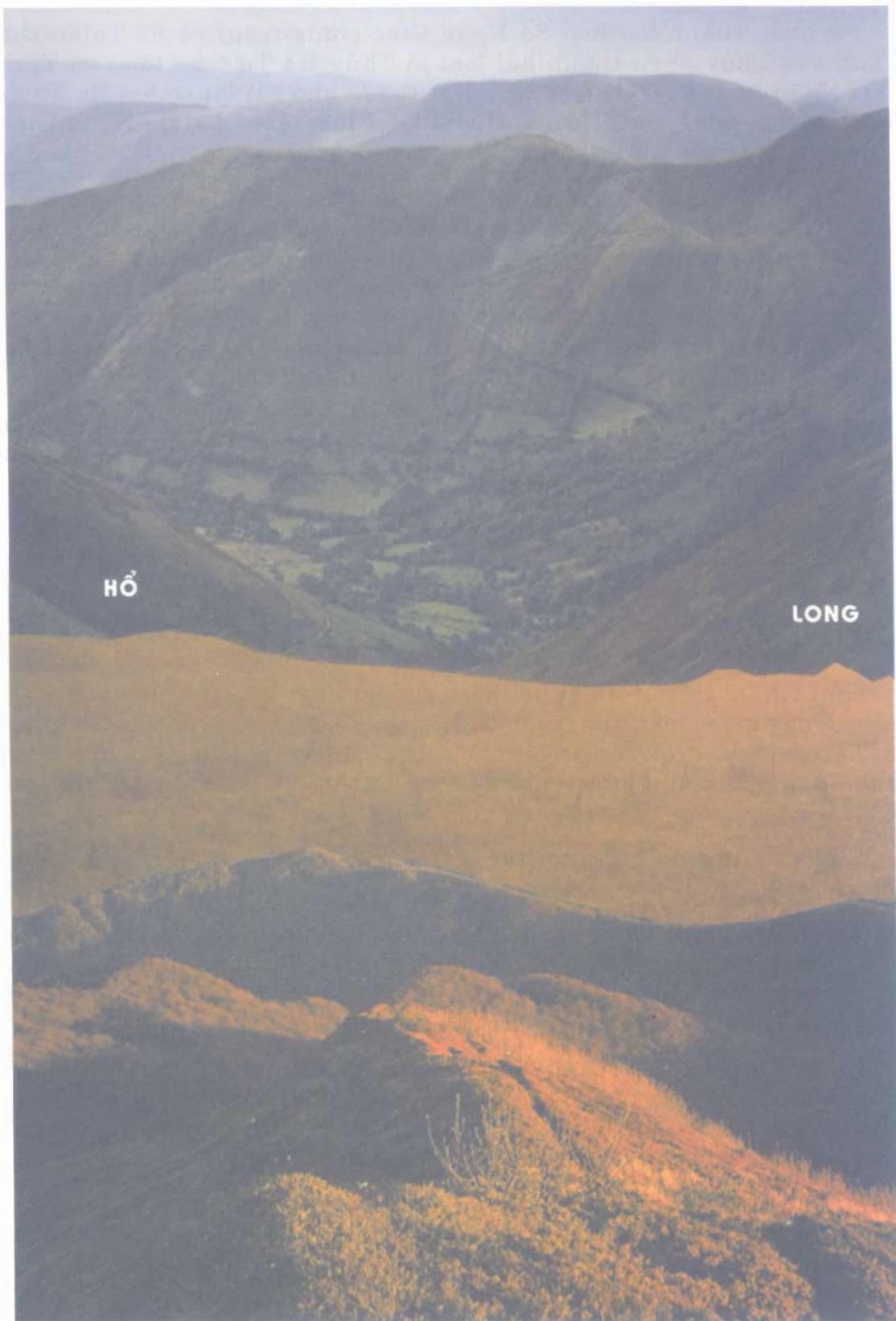
Mặc dù Huyệt pháp có nhiều nhưng không nằm ngoài trong Âm có Dương, Dương tới Âm nhận, Âm tới Dương nhận, trong Dương có Âm. Âm giống như bàn tay úp, cứng nhắc, gồ ghề, là Âm mạch. Dương giống như bàn tay đẻ ngừa, mềm mại, bồng phẳng, là Dương mạch.

Âm mạch lạc huyệt thì chắc chắn hóa thành khai oa, trở thành Dương nhận. Oa cần sâu.

Dương mạch lạc huyệt thì ngực phải nhô ra là Âm nhận. Ngực nhô nhiều là lão Âm, ngực nhô ít là thiếu Âm, trong Oa nhô ra, trong nhô ra có Oa là nguyên lý Dương cực Âm sinh, Âm cực Dương sinh. Huyệt tốt cần phải có Sa thật, Thủy thật, Thủy và Sa cần phải vòng quanh trước Đường.

Âm Dương phân thành tứ tượng lão Dương, lão Âm, thiếu Dương, thiếu Âm, bên trong lại phân thành thượng Âm hạ Dương, thượng Dương hạ Âm, biên Dương biên Âm hoặc Âm nhiều Dương ít, Dương nhiều Âm ít, Âm vuông Dương nửa, Dương vuông Âm nửa, chứ không phân tinh Âm Dương mỏng hay dày, còn phân Âm Dương trên đất màu mỡ hay cằn cỗi là chỉ nơi kỳ diệu của đất.





Sa phân thành hai loại Sa Ngưu Giác (sừng trâu) và Sa Thiên Dực (cánh ve). Thủy phân thành hai loại là Thủy Hà Tu (râu tôm) và Thủy Giải Nhãm (mắt cua). Huyệt Nhū Đột (ngực nhô ra) lại có hai Sa Thiên Dực, kẹp hai dòng nước Hà Tu, Huyệt Oa Kiếm lại có hai Sa Ngưu Giác, kẹp một dòng nước Giải Nhãm.

Khí mạch hành độ trên Huyệt tinh chắc chắn sẽ nhô ra ở nơi sinh khí ngưng tụ, có thể nhìn thấy khí mạch nổi lên. Hai bên nơi nhô ra phải có Chân sa giống như vật áo trên rộng dưới hẹp. Nước chảy uốn lượn vòng quanh Chân sa sẽ tụ vào trong Minh Đường trước Huyệt. Khí ngưng tụ, còn Sa và Thủy giao nhau, Sa bên mỏng bên dày, bên dài bên ngắn. Chân Thủy có đoạn sáng đoạn tối, bên có bên không. Sa và Thủy đều phân Âm Dương là minh chứng cho thấy trong Huyệt có sinh khí.

Chân Sa, chân Thủy trong vòng Thái Cực đều ẩn không thấy rõ. Cần cát cỏ nhổ gốc mới nhìn thấy rõ tướng mạo thật. Nếu không, sẽ giống như cướp đất để chôn.

Đào đất hạ quan tài lại không tính là nhổ cỏ, bí quyết của điểm Huyệt và chuẩn bị đặt quan tài thường không nằm ngoài đảo trưng pháp, đây là khuôn mẫu của lập huyệt đặt quan tài. Huyệt pháp nhiều vô kể, song không thể tách rời đảo trưng pháp. Cần thông tỏ tường tận thì mới không lo điểm Huyệt sai.

Giải Nhãm: là một điểm hơi hõm xuống ở hai bên Hạ huyền của Oa kiềm, trông giống mắt cua. Ngưu Giác: nằm ở Thượng huyền của Oa kiềm, hai bên nhô cao, trên rộng dưới nhọn, hơi vòng tròn, trông rất hữu tình, hình dạng giống như sừng trâu nên gọi là Ngưu Giác Sa, sinh khí tụ ở Ngưu Giác Sa.

Hà Tu: là đường nước hơi trũng xuống ở hai bên Huyệt Nhū, giống như râu tôm.

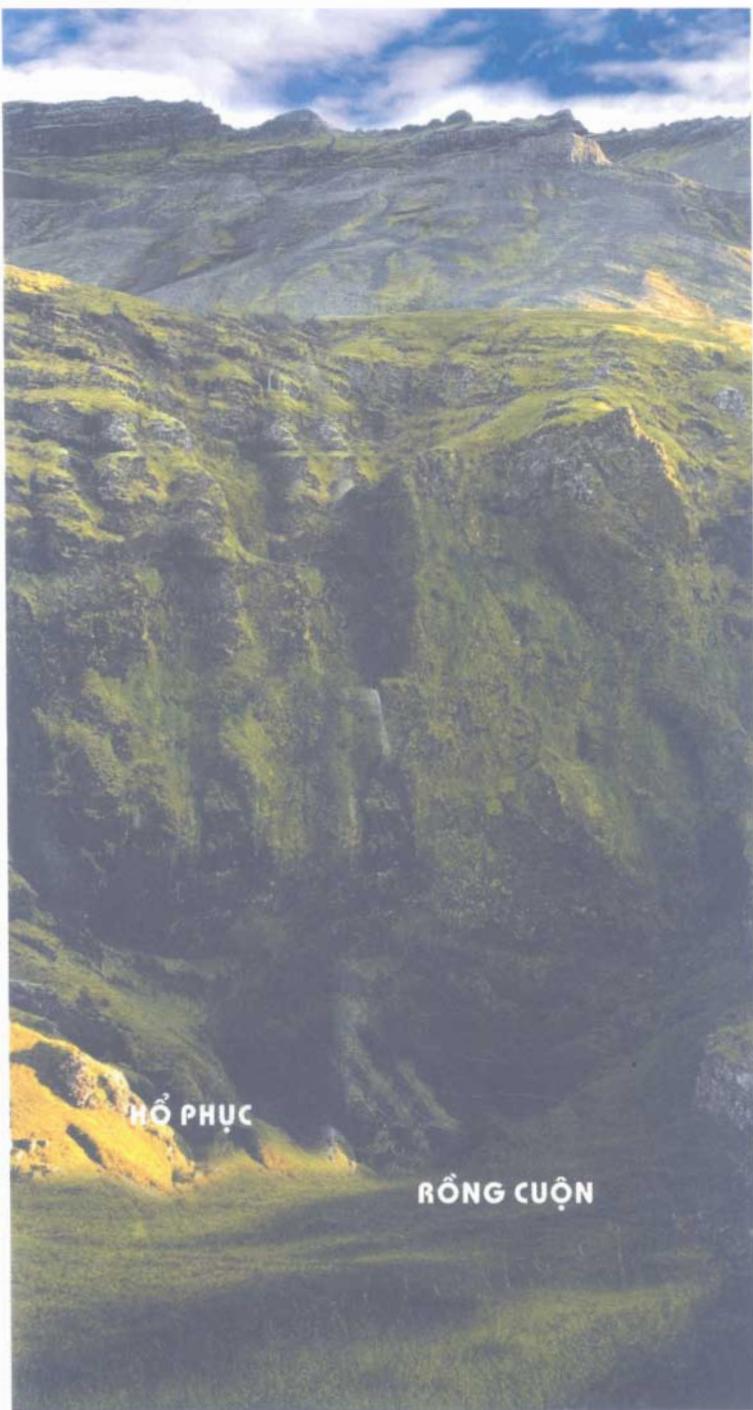
Thiên Dực (cánh ve): ở hai bên Nhū Đột, bên ngoài Hà Tu Thủy và bên trong Long Hổ, mỏng và áp sát mình, hơi cong lại, phía dưới cánh cứng còn có cánh mềm nên gọi là Thiên Dực Sa. Huyệt Nhū Đột ở tận cuối Nhū, bên trong Thiên Dực Sa.

Hà Tu Thủy và Giải Nhãm Thủy còn có tên là Kim Ngư Thủy. Tai nhập khẩu xuất, khẩu xuất đĩ hợp là kỳ diệu, có thể thấy sự phân hợp của Chân Thủy. Chân Sa (Ngưu Giác, Thiên Dực) trước Huyệt, thấp bé, áp sát mình, giống như quý nhân đeo vật trang sức ở thắt lưng.

Bốn loại Chân Sa, Chân Thủy là chứng cứ về việc khí mạch ngừng thì kết huyệt, nếu khai phá đất tại nơi kết huyệt thì sẽ phá hỏng Chân Sa,

Chân Thủy như vậy thì sẽ không thể kết huyệt.

Nếu Bình Dương Long điểm Huyệt thì lại không nằm trong lý thuyết này.





LONG HƯƠNG TỰ SINH, SA THỦY TỰ CÓ, KHÔNG CẦN DÙNG ĐẾN CỬU TINH, BÁT QUÁI

Cách điểm Huyệt là, trước hết cần xem Lai long, nếu có Long tự sinh và có thể dùng được thì Huyệt cũng sẽ tự khắc sinh ra. Huyệt tự sinh ra có Âm Dương hóa khí, có phân cõ hợp thì là do ý trời sắp xếp, nên không dễ thay đổi.

Long huyệt thẳng, lập hướng theo pháp thì tất sẽ hữu tình. Hai mươi tư núi La Kinh đẹp thì không cần câu nệ là hướng đơn hay hướng kép. Nếu chính kim hướng Giáp thì là hướng đơn. Nếu trung kim kiêm hướng Dần thì là hướng kép. Nếu hướng đơn hữu tình thì chọn hướng đơn; Nếu hướng kép hữu tình thì chọn hướng kép. Hữu tình và hướng về chủ là Chân huyệt, vô tình quay lưng vào chủ thì lại không phải là Huyệt tốt.

Nước không thể tự chảy uốn lượn được mà cần dựa vào hình thế của núi, nếu núi quanh co thì nước mới có thể uốn lượn hữu tình. Bởi vậy núi quanh co, nước uốn lượn là tốt nhất.

Cửu tinh là chỉ: Thực Lang, Cự Môn, Lục Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Tả Phụ, Hữu Bật, Phá Quân. Bát quái là chỉ Càn, Khôn, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khảm, Đoài. Long Huyệt đã có thể tự sinh ra thì cũng sẽ tự khắc có Sa Thủy tương ứng, không cần phải dựa vào Cửu tinh Bát quái để định lành dữ, nước nào nên đến, nước nào nên đi, núi nào nên cao, núi nào nên thấp mà chỉ cần xem núi và nước hữu tình ý hay không là được. Nếu hữu tình ý thì có thể kết huyệt. Long Sa Thủy Hướng cảm hóa lẫn nhau, có chân Long thì tự khắc sẽ có Chân huyệt, có Chân huyệt thì tự khắc cũng sẽ có Sa Thủy tương ứng. Điểm huyệt coi trọng "Sơn Thủy hữu tình", chứ không nhất thiết phải dựa vào phương vị.





PHẦN 2.
TÍCH ĐỨC





CẢNH THUẦN CÓ TÀNG KINH. HUYỀN DIỆU KHÔNG KỂ XIẾT

Bài luận của Mục Đường sâu sắc ở cái lý. Thâm thúy không tỳ viết. Tàng kinh của Cảnh Thuần tinh túy, huyền diệu không kể xiết

1. Mục Đường tức là sát thần của Tống tiên sư, hiệu Mục Đường, là cha của tiên sinh Tây Sơn. Truyền thuyết có nói ông là người học thúc uyên thâm, tinh thông thiên văn, lịch pháp, đặc biệt rất giỏi địa lý, nổi tiếng với Phát Vi Luận. Phát Vi Luận của ông là nguồn gốc của địa lý, có thể suy luận chuẩn nhất sự huyền diệu của Âm Dương, không biết được sự tinh túy của Phát Vi Luận thì sẽ không thể biết được điểm quan trọng của Âm Dương. Với lời lẽ thâm thúy, Phát Vi luật quả thực không hề tầm thường, nó trong sáng, không tì vết nên có thể nói quý như ngọc.

Bài luận của Mục Đường sâu sắc ở cái lý. Câu này có nghĩa là, cái tinh túy ở địa lý, nó có ở người đi trước, là thủ pháp. Sách xưa cũng liệt câu nói này vào dạng phú văn, bởi vì lời lẽ của nó cũng giống như phú văn. Tin rằng, khi giải thích, người sau sẽ thêm vào câu văn ở thể phú, chứ không phải là nguyên tác Bốc Thị, tại sao ư? Bởi vì Bốc Thị là người nhà Đường thì làm sao có thể dự đoán được rằng thời nhà Tống sẽ có Mục Đường làm Phát Vi Luận cơ chứ?

Nhiều khi, nếu không am hiểu về sách phong thủy thì sẽ không thể nhận biết được thật giả, đúng sai. Câu văn giải thích lại bị hiểu lầm là câu nguyên tác trong phú văn.

2. Cảnh Thuần là chỉ Phổ tiên sư Quách Phác, tự Cảnh Thuần, thông thạo thiên văn địa lý, Âm Dương lịch thư, đoán trước sự việc như thần, nổi tiếng với Táng thư và truyền thụ Thanh nang Cửu quyển. Tàng kinh của ông có ngôn từ giản dị mà tinh túy, lời cổ mà có sức cuốn hút, kiến thức về địa lý vô cùng sâu rộng, mà không hề lan man. Người đọc cần nghiên cứu kỹ thì mới thấy cái thú vị của nó.

Có thể nói tất cả những gì huyền diệu nhất trên thế gian này, những gì tinh túy nhất của Âm Dương, những gì tinh tế nhất của thuật số lý khí đều tập trung hết ở đây. Đúng là Tiên sư thần kỳ, học giả không dễ gì đoán hết được ý nghĩa bên trong.



PHÚ QUÝ LÀ DO TRƠI ĐỊNH. CÒN PHỤC ĐỨC CẦN NÓ LỰC HỌC HÀNH. TỰ NHÃN TÍCH ĐỨC

Bí quyết của địa lý không nằm ngoài Ngũ pháp Long, Huyệt, Sa, Thủy, Hướng. Mỗi pháp trong Ngũ pháp có chuẩn tắc khác nhau, mỗi loại cũng phân ra pháp độ cổ và pháp độ kim. đương nhiên, pháp độ kim quan trọng nhất là nguyên tắc tuân theo tuần tự, song pháp độ địa lý có nhiều ý nghĩa khác nhau, khó mà kể hết. Điều đáng nói là, sự kỳ diệu liên quan tới bí quyết của pháp độ địa lý, cần độc giả suy đoán và ứng dụng linh hoạt thì mới có tác dụng.

Vạn vật đều có nguyên lý kỳ diệu riêng của nó, địa lý cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên trong quá trình tìm hiểu nguyên lý kỳ diệu của địa lý, nếu con người có thể tập trung tìm tòi và suy ngẫm thì sẽ cảm thấy vui vẻ cả về tinh thần lẫn thể chất. Để có được sự hiểu biết sâu sắc hơn nữa về địa lý thì cần nỗ lực học tập và nghiên cứu sâu, có vậy mới có thể nắm vững được những bí ẩn của địa lý, và tự khắc cũng sẽ cảm thấy có hứng thú đến quên ăn quên ngủ.

Người am hiểu địa lý quý ở chỗ có thể ứng phó linh hoạt trước mọi hoàn cảnh, tự tạo ra cho mình cơ hội quý báu. Chẳng hạn như, môt của Khổng Tử chắc chắn phải có Thủy tình (cái tình của nước), sự lành dữ của huyệt môt kỳ thực không chỉ ở Thủy tình, mà còn ở những yếu tố khác. Sở dĩ con cháu đầy nhà là vì có được thủy tình, nếu không phải là người am hiểu thì làm sao có thể biết được điều này cơ chứ?

Sách Thánh hiền có câu: "Nhân giả lạc sơn, tri giả lạc thủy" (người nhân từ thích núi, người trí thức thích nước). Ai có thể hiểu được tấm lòng của Khổng Thánh. Cái quý của sơn thủy lại không nằm ngoài ý nghĩa của câu văn. Mọi người cần phải nỗ lực hơn nữa, suy nghĩ thấu đáo hơn nữa để có thể tinh thông mọi chuyện, có vậy mới hiểu được ý nghĩa thực sự của sơn thủy.

"Tận tín thư bất như vô thư" (đọc sách mà tin sách tới cùng thì chẳng bằng không đọc sách), lại không phải có ý nói không đọc sách thì tốt hơn là đọc sách. Tuy nhiên, cũng nên biết rằng, các bậc thánh hiền thời xưa thường không ghi chép thành sách cụ thể và chi tiết bí quyết truyền miệng và nguyên tắc địa lý là vì sợ bị lộ. Những điều ghi trong sách thường thì là những lời giả dối hoặc tô vẽ thêu dệt. Toàn bộ cuốn sách chỉ có một vài câu là thật hoặc một vài cách kiến giải kỳ lạ, ngoại ra sách địa lý phân thành thật giả, thiện ác, không thể không nghiên cứu và suy xét kỹ càng.

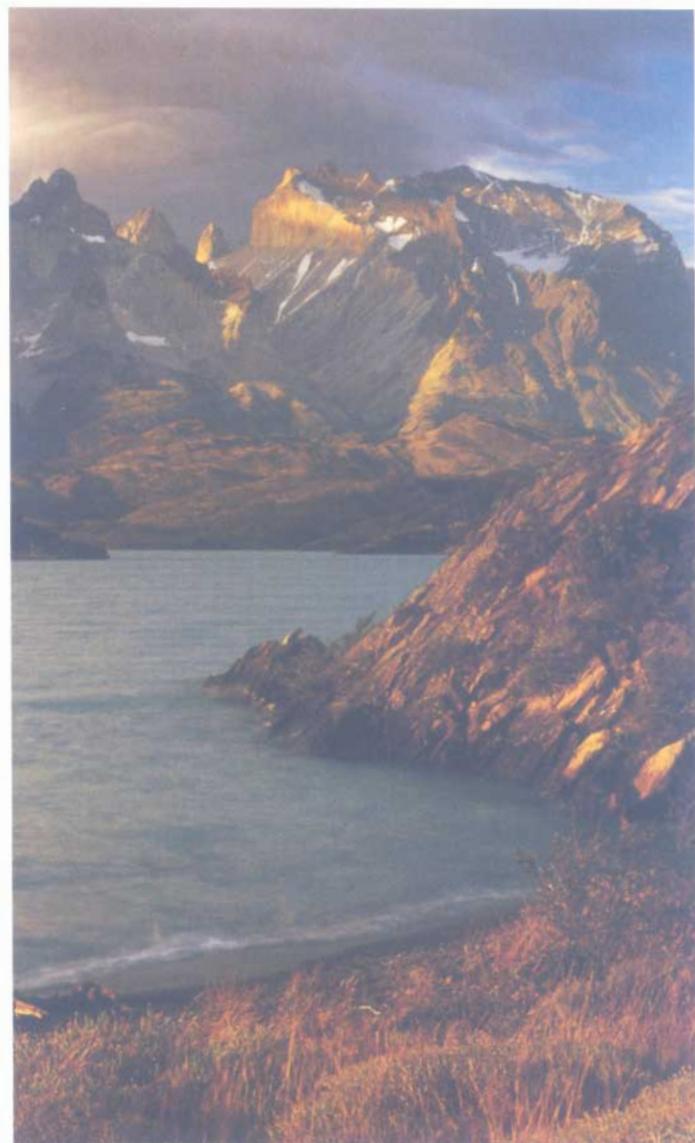


Tin vào mọi điều đọc được trong sách rồi trở nên mê muội, hồ đồ, không phân biệt được thật giả, thiện ác thì chẳng bằng không đọc sách còn hơn. Ở đây, lấy Ly Lâu (Theo truyền thuyết là người có đôi mắt sáng nhất) ra so sánh, có ý là cần dùng đôi mắt sáng và suy nghĩ thấu đáo thì mới có thể nhận biết được Huyệt tình thực sự, mới có thể lập được huyệt tốt.

Thiên bẩm là chỉ số trời đã định đoạt cho một người như vậy. Mặc dù các bậc thánh hiền, tài tử được trời phú cho trí tuệ hơn người, song dù có tài giỏi tới đâu thì họ cũng không thể thay đổi được số phận mà trời đã sắp xếp cho mình.

Người có mệnh, cũng có vận. Mệnh thì không thể thay đổi, còn vận thì có thể thay đổi.

Phú quý sang hèn, vui buồn sướng khổ, sống thọ chết yểu của một người đều được tính là vận. Lành dữ, họa phúc đều là do con người tạo ra. Thiện ác, nhân quả, báo ứng đều gắn với nhau như hình với bóng, có hiệu quả tức thì. Con người muốn thay đổi vận thì cần học tập chăm chỉ, tu nhân tích đức. Muốn sau khi kết huyệt có được sự thảnh thơi, an bình và tạo phúc cho con cháu đời sau thì trước hết cần yêu cầu nghiêm khắc với bản thân, sau đó mới là tìm đất tốt. Đây cũng chính là ý "núi tốt không bằng cái tâm tốt", người quân tử sao lại có thể sơ xuất được đây?



Người tri thích nước, người nhân thích núi



Ý NGHĨA CỦA CẨU "KHỔNG THÁNH HIỀN THÍCH NÚI VÀ NƯỚC"

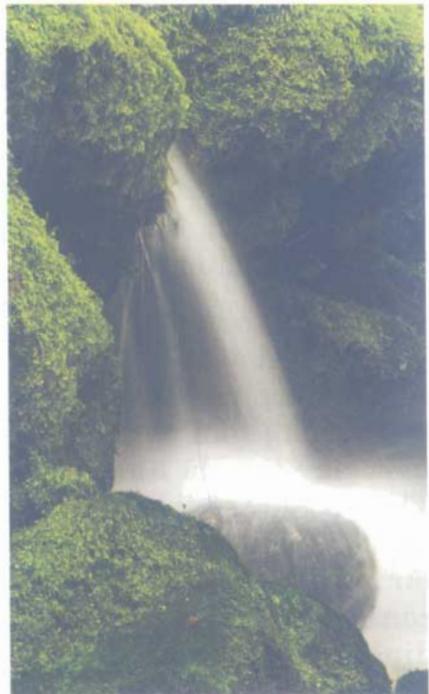
Tri giả lạc thủy, nhân giả lạc sơn, cần chọn nơi có khí tốt hội tụ. Trời sinh con người, đất sinh huyệt, không phải ngẫu nhiên mà có.

Lạc: ở đây có nghĩa là vô cùng vui vẻ và thích thú. Mục trên đã có nói tới việc "ai có thể hiểu được tấm lòng của các bậc Khổng Thánh", còn trong mục này sẽ bàn luận kỹ hơn về lý do tại sao mà các bậc Khổng Thánh hiền lại nói "nhân trí sở lạc".

Thủy là vật động, người có trí tuệ thích sự chuyển động không ngừng, thích sự thông suốt không cản trở, do vậy rất thích nước. Núi là vật tĩnh, người nhân từ thích sự trầm tĩnh, sâu lắng và không thích dịch chuyển, do vậy rất thích núi. Bởi vậy, sách Thánh hiền mới nói: "Tri giả lạc thủy, nhân giả lạc sơn" (người trí thức thích nước, người nhân từ thích núi). Nơi có khí tốt hội tụ thì chắc chắn là đất lành, do đó nên chọn những nơi có sông núi kết hợp, cũng chính là nơi đất tốt mà người lương thiện muốn có.

Trời sinh ra con người, đất sinh huyệt, đây đều là những sự việc không phải ngẫu nhiên, Huyệt tình lành hay dữ còn phụ thuộc vào việc tích lũy phúc đức nhiều hay ít. Trời sinh ra con người, thì nhất thiết phải bố trí nơi ở và làm việc cho con người khi còn sống, còn lúc chết đi thì phải bố trí nơi chôn cất để bảo vệ thi thể. Mỗi người đều có một huyệt, trừ khi bị nhân quả báo ứng mà chết không có chỗ chôn.

Mỗi người đều có một huyệt, chỉ khác ở chỗ người lành thì được huyệt lành, người dữ thì phải chịu huyệt dữ. Người sau có thể phú quý hay nghèo hèn, sống thọ hay chết yểu, vui hay buồn thì đều dựa vào điều này, chứ không phải ngẫu nhiên mà có. Có nhân át có quả, có quả thì tất phải có nhân. Người phúc mới được phúc, huyệt lành mới tạo vinh hoa phú quý cho đời sau, do đó tu nhân tích đức chính là nguyên nhân chủ yếu khiến cho đời sau có phúc.





KHÔNG TU NHÂN TÍCH ĐỨC THÌ KHÔNG THỂ CÓ ĐƯỢC ĐẤT TỐT

Hạ Hầu Anh nhà Hán một ngày nọ cưỡi ngựa tới thành phía Đông, đang đi thì con ngựa bỗng dừng quỳ xuống, hí vang, không chịu đi tiếp, mọi người lấy làm lạ liền cho đào đất tại nơi ngựa quỳ xuống thì thấy ở phía dưới có một thạch quách (cái bọc ngoài quan tài), trên thạch quách có khắc dòng chữ: "Đất đẹp lộng lẫy đã 3 nghìn năm nhìn thấy mặt trăng mặt trời, nước tốt chính là ở đây". Hạ Hầu Anh đã thốt lên rằng: "Chao ôi, đúng là trời đã định, ta chết hẳn là chôn ở chỗ này", có thể thấy đây không phải là chuyện ngẫu nhiên là đã được định ra từ rất lâu rồi.

Thời nhỏ, trong một lần đi chơi, Tôn Thúc Ngao nước Sở nhìn thấy một con rắn hai đầu, khi đó ông đã giết chết con rắn và đem chôn nó ở dưới đất vì cho rằng ai gặp rắn hai đầu thì sẽ chết. Về đến nhà, ông bỏ cơm, mẹ hỏi vì sao, ông liền nói với mẹ: "Nếu nhìn thấy rắn hai đầu tất phải chết thì hôm nay con đã nhìn thấy nó rồi". Mẹ hỏi ông nhìn thấy rắn ở chỗ nào, Thúc Ngao trả lời: "Để người khác khỏi bị nó làm hại, con đã giết và chôn nó rồi". Người mẹ vui mừng nói với con trai: "Đừng lo, con sẽ không chết, làm những việc âm đức thì chắc chắn sẽ được báo đáp dương đức, hôm nay con chôn con rắn dưới đất thì chính là tích âm đức. Ông trời ở trên cao nhất định sẽ vui vì việc con đã làm". Đúng như lời người mẹ nói, Tôn Thúc Ngao sống rất thọ.

Hai tích chuyện trên đây đã cho thấy rõ đất lành không phải ngẫu nhiên mà có được. Từ xa xưa, trời phạt đã sớm định đoạt xem ai được ở nơi đất tốt, chỉ có tu nhân tích đức mới có thể làm cảm động trời phạt. Do đó, muốn có đất tốt để kết huyệt thì cần phải tích âm đức giống như Tôn Thúc Ngao.

Muôn may mắn thì cần có hai điều kiện: Thứ nhất là tìm được đất lành, thứ hai là cần có thầy giỏi giúp đỡ. Tuy nhiên đất lành không dễ tìm, thầy giỏi lại khó gặp. Nếu có được hai điều kiện trên thì chính là nhờ có tu âm tích đức.

Phúc và họa đều do bản thân tạo ra. Người tích đức được trời phạt chứng giám thì sẽ có được đất lành mà chôn cất, còn kẻ luôn gây điều ác thì sẽ thế nào? Trên thế gian này tồn tại đạo lý "nhân quả báo ứng", ác giả ác báo, gây ra tội ác, chuyện xấu xa thì sớm muộn cũng sẽ bị trừng phạt. Con cháu có đồng đúc hay không thì đã được phân định từ trước theo ý trời, người sau chỉ biết là mình được hưởng phúc con cháu đầy nhà mà không hiểu nguyên nhân vì sao (chính là do đời trước tích đức mà có). Nếu hống

hách ngang tàng, tham lam vô độ, thậm chí gây chuyện xấu phải vào chốn lao tù thì tất sẽ bị trời quả báo, đó là chuyện đương nhiên. Người tích ác thì bị trời trừng phạt, dù cho có tìm được đất lành thì cũng do nhân tố con người hoặc môi trường tự nhiên thay đổi mà chuyển thành đất dữ, mang lại họa dữ. Bởi vậy, muốn có được đất lành thì trước hết cần phải yêu cầu nghiêm khắc bản thân, tích đức trước tiên, không làm chuyện xấu xa thì mới có thể có được đất lành.

Sức mạnh của trời thai nghén sông núi, linh khí sông núi hội tụ thai nghén thành huyệt, đất kết huyệt tự khắc có chứ không phải dựa vào sức mạnh của con người, chớ nên làm chuyện xấu xa, trái với ý trời, khiến trời tức giận, mà cần làm mọi việc một cách toàn tâm toàn ý và thành kính thì mới thuận theo ý trời, tất mới có được đất lành và đất phúc.

Tâm là chủ của khí, khí cần phù hợp với đức trách, mới là sinh khí. Tâm khí của con người hợp nhất thì tất sẽ có sự phôi hợp hài hòa, lại không phải trời có thành ý yêu cầu tâm khí con người hợp nhất, lấy thiện bỗ ác, mà là do con người tự quyết định.

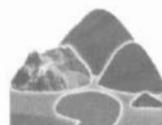
Như trên đã nói, huyệt lành là nơi linh khí của trời đất và sông núi hội tụ, tự khắc sẽ có nơi để kết huyệt chứ không phải do trí tuệ và sức mạnh của con người tạo ra. Nếu con người muốn tìm huyệt trên đất dựa vào phương pháp của phong thủy mà không dựa vào phong thủy ở trong tim thì quả thực sẽ tổn công vô ích, giống như là mò kim dưới đáy bể, vớt trăng trên mặt nước, thậm chí còn có thể gặp họa.



Tích Đức

Nếu nói con người nhất định do trời sắp đặt, tức là họa phúc đều do quý thần trên trời định đoạt, thì chỉ có tích thiện mới có thể thắng trời, mệnh trời thực sự quy về người có đức. Còn thì những người độc ác sẽ bị trời trừng phạt. Đây là đạo lý đương nhiên.

Tóm lại, cầu đất thì trước hết phải cầu tâm họa phúc đều do tâm tạo ra, quân tử không thể không biết điều này. Do đó nên thận trọng mới là thượng sách.





Ý NGHĨA CỦA TÂM LONG ĐIỂM HUYỆT

Phát minh cổ quyết, dốc hết tâm lòng. Những điều huyền diệu và tinh tế của địa lý đều được ghi chép đầy đủ. Không truyền lại cho kẻ cướp. Thận trọng truyền cho đời sau thì trên đời này không bao giờ có sự nghèo đói.

Cổ quyết: là chỉ bí mật của người cổ xưa. Cuốn sách đã chỉnh sửa lại những điều bí ẩn và huyền diệu của các nhà phong thủy thời xưa. Tác giả đã dùng hết tâm huyết của mình để viết ra toàn bộ ý đồ thâm kín trong lòng với mong muốn truyền lại cho người có duyên. Có thể nói, những lợi ích mà cuốn sách mang lại vượt hơn hẳn những tác phẩm nổi tiếng của lớp người đi trước. Người học cần hiểu rõ ý đồ của Bốc Thị thì mới có thể hiểu hết những điều bí mật và có ý nghĩa ẩn chứa bên trong.

Cuốn sách ẩn chứa sự diệu kỳ của tạo hóa, bao hàm những bí mật thâm kín về cái tình của Sa Thủy (núi và nước). Tất cả những điều tinh túy nhất về địa lý từ xưa tới nay đã được ghi chép lại trong cuốn sách, khiến nó trở thành cuốn sách địa lý hay và đáng chú ý nhất liên quan tới núi non. Cuốn sách ghi rất tường tận và cụ thể, không bỏ sót chi tiết.

Mặc dù Bốc Thị đã tiết lộ thiên cơ, viết ra nhiều điều mập truyền trong phong thủy, nhưng ông cho rằng phong thủy có thể giúp người thống trị xây đô lạp nghiệp, tiếp đến là xây huyện, xây mộ, di dời châu, lập quận, xây nhà, phân phòng. Người sống an cư, còn người chết hài lòng nơi chín suối. Những điều liên quan tới việc lập huyệt mộ và sự biến đổi của núi sống kỳ diệu và vô cùng vô tận. Cần đọc kỹ và nghiên cứu sâu mới có thể tránh được sai sót.

Cuốn sách này không vượt ra ngoài phạm vi Âm Dương, tất cả những phương pháp bí mật về địa lý, núi non từ ngàn năm nay đều được đưa vào trong sách. Tuy nhiên, cần thận trọng, không nên truyền lại cho kẻ cướp kéo lộ hết thiên cơ. Quyết sách bí mật sẽ được lưu truyền rộng rãi, nhưng cần chọn người để lưu truyền, có vậy mới không sợ thiên cơ rơi vào tay kẻ ác.

Chú thích: Tuy tác giả cho rằng không nên truyền thụ lại cho kẻ cướp. Song đất tốt là do trời sắp đặt, dù kẻ cướp có mua được đất tốt và biết cách tìm huyệt tốt nhưng anh ta lại không làm việc có phúc, tức là không tu nhân tích đức thì cuối cùng sẽ không có được đất tốt, thậm chí, đất lành cũng biến thành đất dữ.



MONG MUỐN ĐƯỢC NƠI ĐẤT TỐT THÌ CẦN LÀM NHIỀU VIỆC THIỆN

Chọn nơi đất tốt để mai táng. Đất tốt là do thần linh trời phật quản, người tốt sẽ được phù hộ. Khanh tướng công hầu, đều từ đó mà ra. Vinh hoa phú quý cũng bắt nguồn từ đó.

Chọn được nơi đất tốt để mai táng thi thể và làm yên lòng vong hồn, người làm nhiều việc thiện tất sẽ tạo phúc âm cho con cháu. Đất tốt đều có thần linh trấn giữ, không cho kẻ ác làm điều xằng bậy. Người giữ chữ tín và làm việc thiện, sẽ cảm ứng thiên địa, được thần linh chứng dám, trời phật phù hộ. Do cát thành cát địa là nơi khí linh hội tụ, nên khanh tướng công hầu cũng từ đó mà ra, đâu phải chỗ dành cho kẻ ác nhân, giả dối thất tín. Mà phú quý vinh hoa sinh ra từ đất lành, muốn được đất lành thì sao không làm việc thiện cơ chứ?

Người tích được ít thiện thì chỉ có thể được tiểu huyệt, sẽ chỉ tạo phúc âm cho con cháu vài đời sau tức là chỉ được tiểu phúc có tiểu phúc cũng là hợp lẽ trời.

Nếu tích thiện thì có thể được phúc địa, nhưng nếu công lao và thành tích có hạn thì, lực phúc không lớn, phải được thầy giỏi chỉ bảo, mới có thể tự tìm được phúc địa, chôn cất tổ tiên tốt thì sẽ tạo phúc âm cho đời sau. Nếu chôn cất được ở nơi đất tốt thì phải tiếp tục tích cực làm việc, con cháu cũng phải tích thiện hành thiện thì mới có thể phát phúc dài lâu.





PHẦN 3. TẦM LONG

Phong thủy học coi mặt đất là một cơ thể sống, cho rằng giữa các bộ phận của trái đất cũng có huyết nối kết với nhau như kinh mạch trong cơ thể con người vậy, "khí" sẽ vận hành theo các kinh mạch này, và tụ ở huyết. "Tảng thư" cho rằng sinh khí của trái đất đi theo các đường sơn mạch, thay đổi biến hóa theo độ cao thấp của địa hình, gấp gò đồi hay núi non thì nổi lên, gấp khe hõm thì lặn xuống. Huyết vị (hay nơi cát địa) là nơi sinh khí xuất hiện và tích tụ trên bề mặt đất.

Vì thế, quan sát hướng đi, hình thế, kết cấu,... của sơn mạch trở thành một bước rất quan trọng trong tìm kiếm "cát địa". Vì hình thái của núi cũng như rồng, nên trong phong thủy học đã ví sơn mạch là Long mạch, và việc khảo sát tìm kiếm hình thế hướng đi dừng của sơn mạch là "tầm Long". Trong phong thủy có các câu như "tầm Long tróc Mạch", "tầm Long vọng thế",... đều là chỉ quá trình tìm sơn mạch.





3.1 NHẬP MÔN




LẠC MẠCH NHẬN LONG ĐẾN.
CHƠN CẤT XEM NÔNG SÂU

Táng thừa sinh khí, mạch nhận Lai Long.

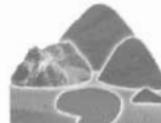
Táng: Giấu ở đất và chôn trong đất, rồi dùng đất phủ lên trên.

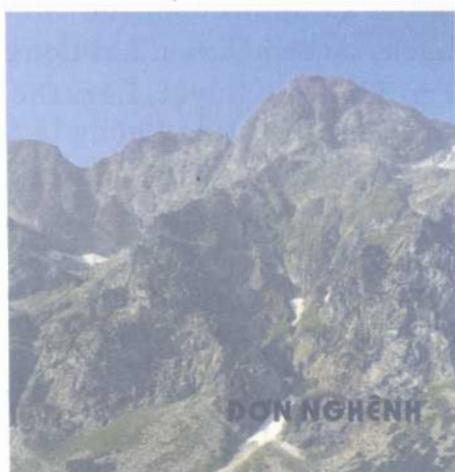
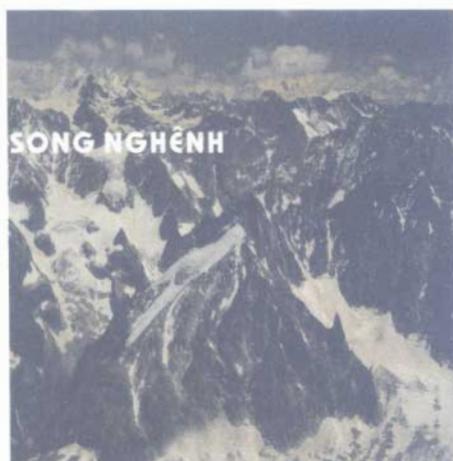
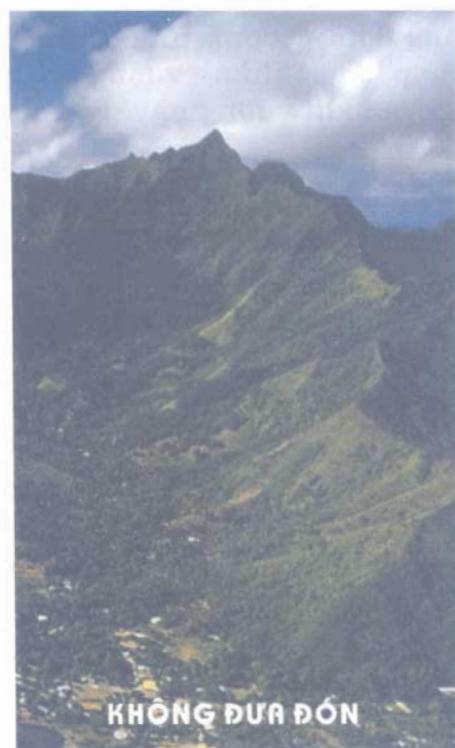
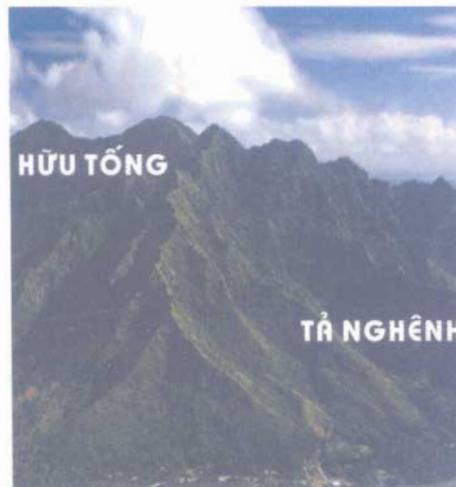
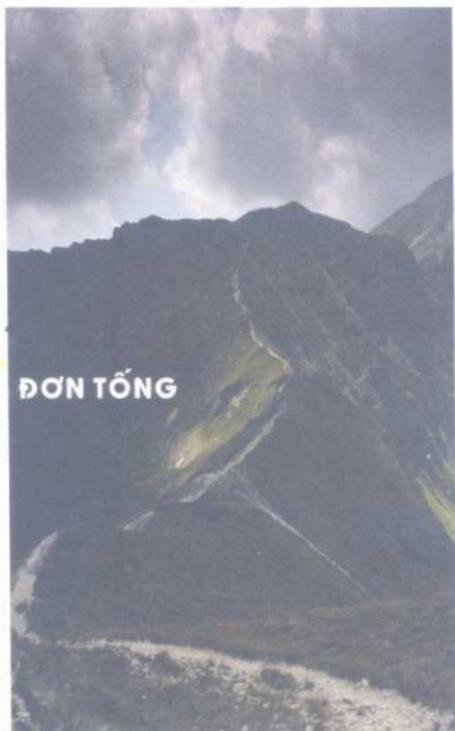
Thừa: Đi xe, cưỡi ngựa, thừa cần phải ở chính giữa để nhận khí, không được lệch hay nghiêng.

Sinh khí: Khí Âm và khí Dương, cương nhu hòa hợp và trung hòa, địa khí do Long dẫn tới, do Mạch mang tới huyết trường và tích tụ ở đó, sinh khí của trời thổi tới từ tám hướng, cùng Thủy tương ứng phản xạ vào huyết, thu vào bia mộ, nước mưa và khí hợp lại, sẽ thành vượng khí, nằm ở huyết tại thiên tâm thập đạo, có thể dựa vào khí vượng này, tạo phúc ấm cho đời sau.

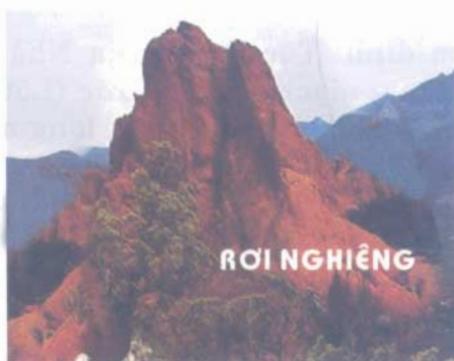
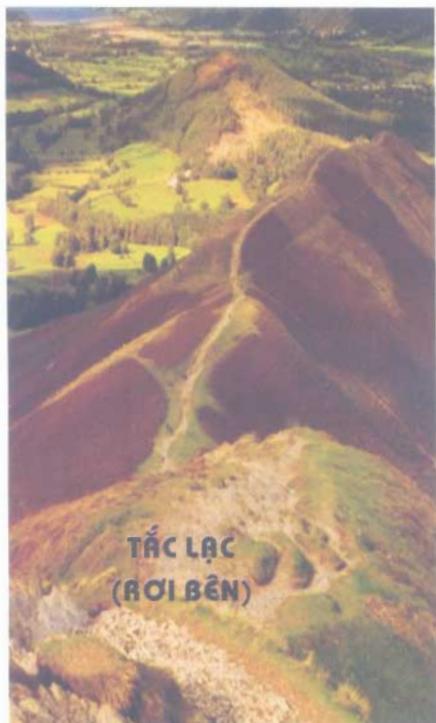
Mạch từ phía sau của huyết tới, do đó cần đón từ phía sau. Còn lai mạch là công cụ để đưa sinh khí đến. Mạch là núi nhập thủ (nhập huyết), Long từ nơi xa nghìn dặm tới, chỉ nhìn thấy đoạn đầu, muốn xem hướng Long mạch, trước hết xem Lai Long qua khe núi, sau khi vượt qua khe núi mới tới gò Tinh sau huyết. Làm thế nào mới biết Long mạch thắt hầu? Chỉ cần xem có đưa hay tiễn không là được, vì có đưa tiễn, bảo vệ thì mới qua được khe núi. Nhận rõ thế của Lai Long, xem mạch như thế nào, thì cần chú ý xem Chủ tinh (Sao chính) đưa sinh khí tới huyết như thế nào (đến thuận, chạy chéo, hay ngang). Cần xem hình thế và mức độ nhanh chậm của Lai Long để quyết định táng pháp, quyết định phương pháp thu khí bằng tọa hướng đặt xương cốt.

Nhận xong mạch, định xong Long, thì cần quan sát mức độ nông sâu của Lai Long, Lai Long sâu thì cần chôn sâu, Lai Long nông thì lại không thu được địa khí từ dưới lên. Lai Long nông thì cần chôn nông, chôn sâu thì xương cốt không thể thu được sinh khí chạy bên trên (xem hình).





Can Long lạc mạch nghênh đón



Chủ tinh Lạc mạch





HUYỆT PHÂN TAM ĐÌNH THIÊN ĐỊA NHÂN. NÚI PHÂN BÁT QUÁI PHƯƠNG VỊ

Huyệt phân tam đình, Sơn phân Bát quái

Huyệt: Nơi sinh khí ngưng kết hội tụ, cũng giống như huyệt vị của con người.

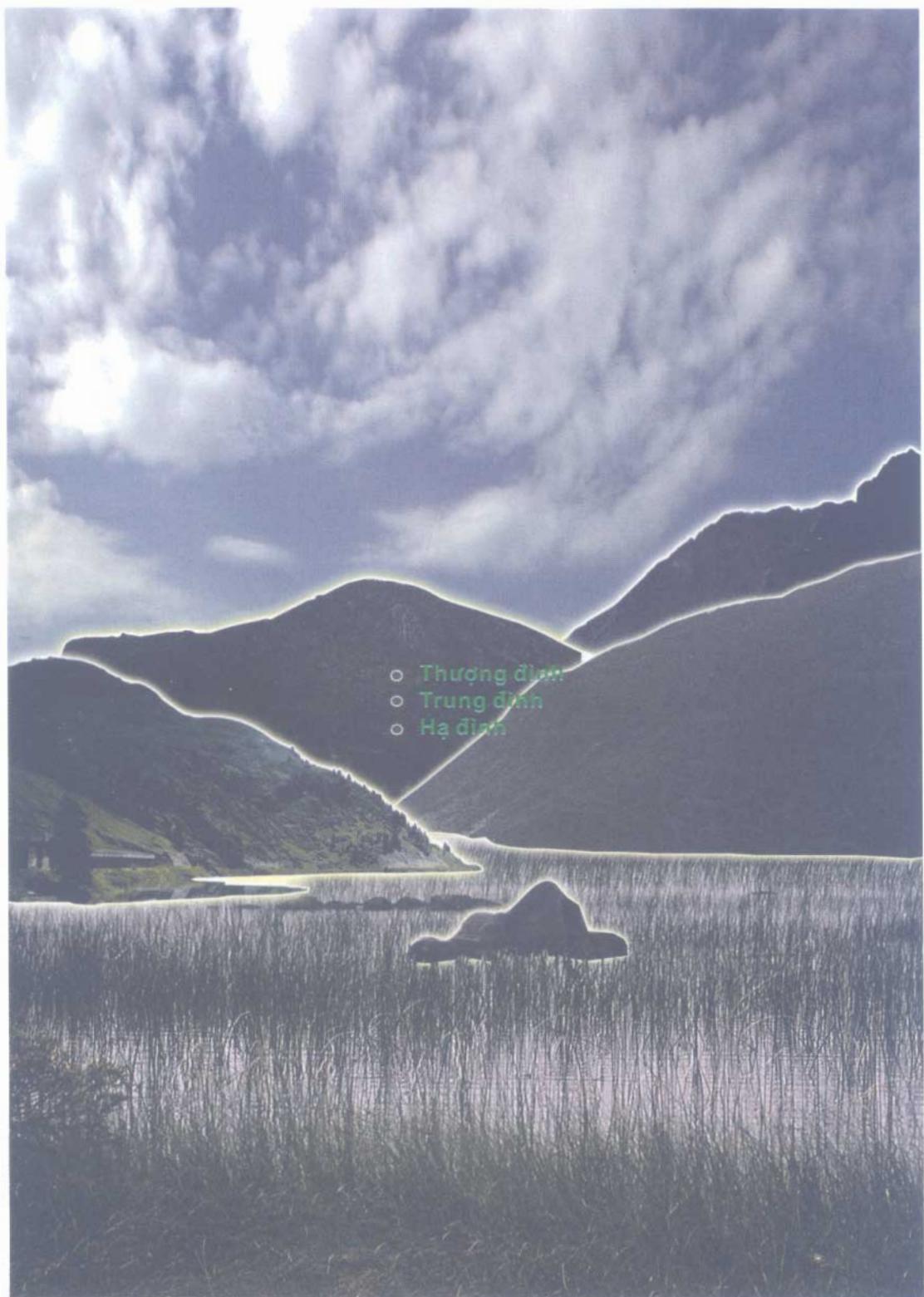
Tam đình: Tức Thiên Địa Nhân (Thượng Đình, Trung Đình và Hạ Đình). Long mạch phải *lột xác* (Lột xác, một thuật ngữ, chỉ sự thay đổi hình thể đỉnh Tình trước khi long mạch tiến ra trước, lột dần những lớp vỏ cứng, kết thành huyệt mềm mại. Hình thức của lột xác là không ngừng đứt gãy, đứt rồi liền, liền rồi lại đứt, hình đứt nhưng thế không đứt, núi không liền nhưng khí vẫn liền) mới quý, từ núi Tổ tiên lột xác một mạch đến Huyệt tình, thế của nó chia thành nhanh chậm và vượng suy, tốc độ của khí thì Tam đình phải đi chậm, mục đích là để hóa khí, Long vượng (chủ Tình cao to như người) cần phải có Tam đình tưới hóa khí.

Bát quái là chỉ tám quẻ Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, mỗi quẻ quản 3 sơn, 8 quẻ quản 24 sơn, vị trí các quẻ được dùng để định Âm Dương Ngũ hành, sinh tiết khắc chế, có tác dụng đón lành tránh dữ.

Huyệt pháp nơi dừng sinh khí của Tam đình có thể lý giải như sau: Nhập thủ Tình đỉnh thẳng đứng, thân cao sừng sững giống như người, khí nổi ở bên trên, là táng vào Thiên huyệt. Nhập thủ Tình đỉnh thân ngừa như người ngủ, khí ở phía dưới, là Địa huyệt. Nhập thủ Tình đỉnh thân khom tay vòng lại giống như ngồi xổm trên đất, khí ở giữa, là Nhân huyệt.

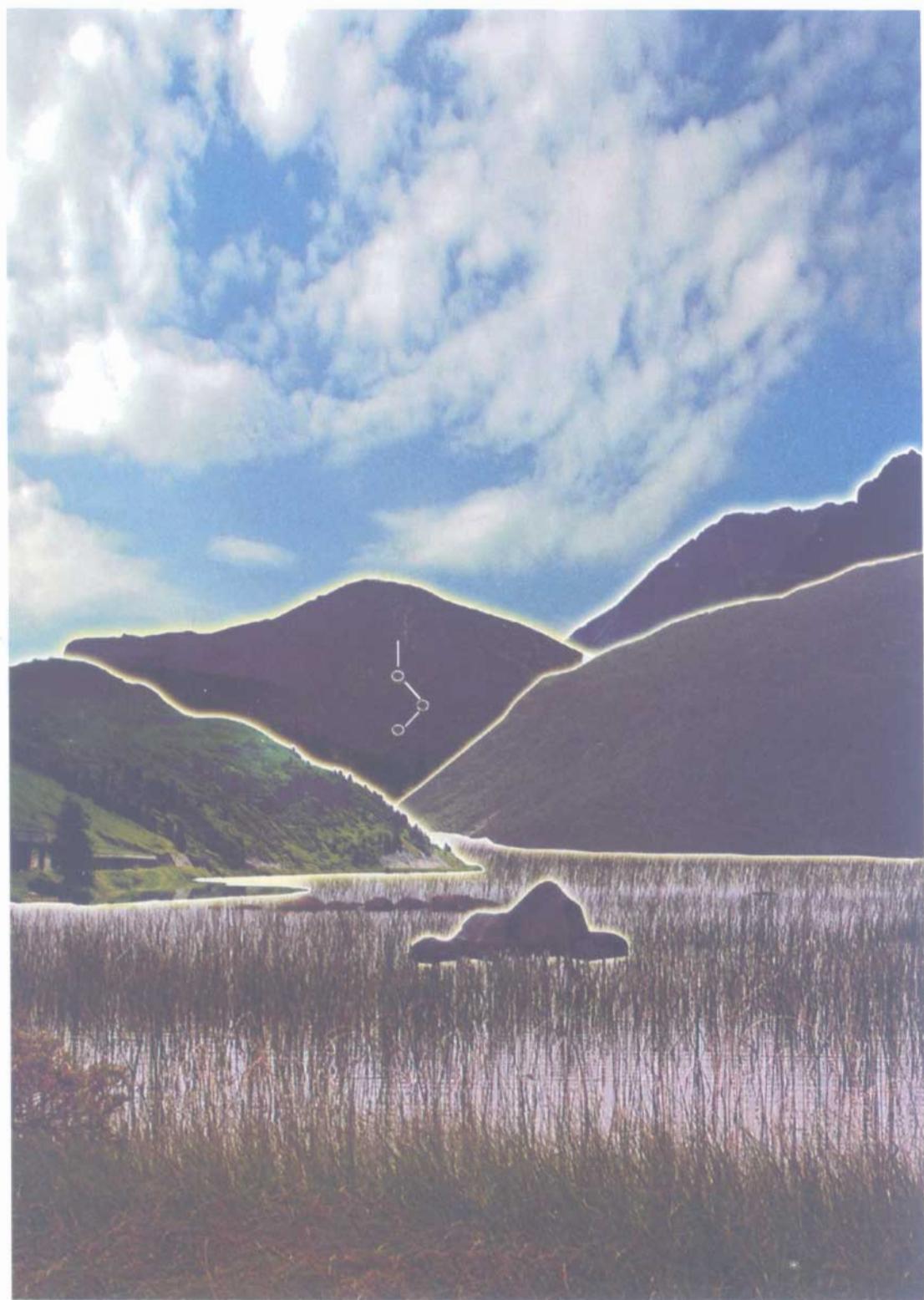
Nếu khí vượng, Tam đình đều có huyệt thì chọn chôn ở huyệt thừa sinh khí.

Khí vượng, Chủ tình lớn, nếu Tam đình dùng được, nếu chọn chôn ở Thượng đình sẽ phát quý; chôn ở Trung đình thì phát phú quý, song phát tương đối chậm; chôn ở Hạ đình gần nước thì phát phúc rất nhanh (xem hình A, B).



A. Tam đinh hạ thảng

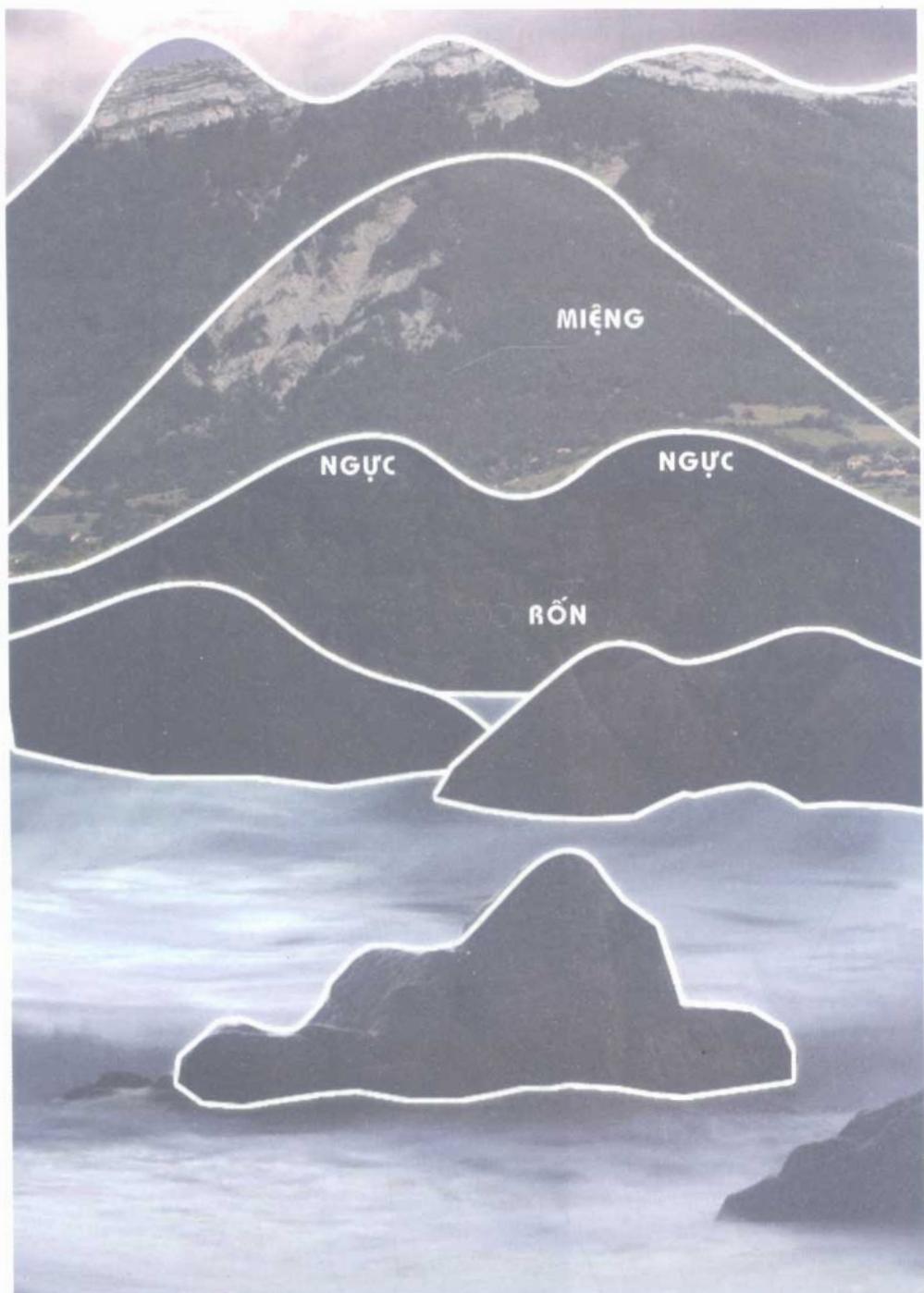




Hình B. Mở huyệt nhấp nháy, Tam đình kết



Nếu có dạng ngồi hoặc nằm ngửa, thì kết huyệt ở rốn hoặc ở bộ phận sinh dục phía dưới cơ thể.



Dạng nằm ngửa

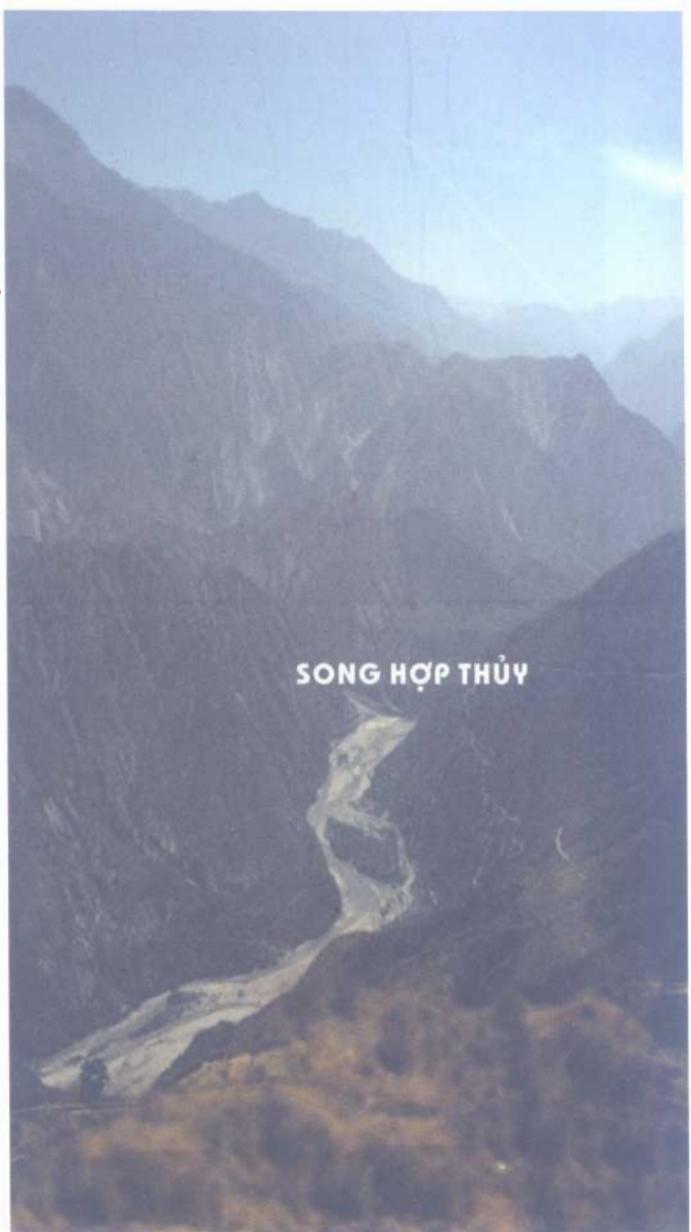


Kết huyệt ở rốn thì không nên đào và lập Huyệt ở vị trí giữa, tránh để nước tràn vào.

Giống hình người đứng thì táng ở trên tâm hõm, không được chôn phía dưới tâm và ranh giới mép nước.

Nếu táng ở rốn, hai đỉnh cao sừng sững, như ví dụ ở lời nói đầu, thì sẽ phát nữ lanh tụ, gần đó có đỉnh Văn Khúc (dạng núi dễ nhận biết nhất trong phong thủy, đặc trưng là nhiều ngọn núi liên tiếp như dạng sóng, nhưng không có đỉnh nào nổi trội) thì càng linh nghiệm. Nếu Văn Khúc phá cục (núi nứt vỡ, hoặc thất vận) thì quyền thế trong tay nữ giới càng mạnh, nhưng có quan hệ không tốt.

Nằm nghiêng thì huyệt ở vị trí bầu vú, rốn quá nghiêng và ở thế cấp thì không thể chôn, chỉ nên kết huyệt ở Trung đình (bầu vú).



Táng ở Trung đình,
để tránh xa mép nước



BẢNG SINH VƯỢNG HƯU TÙ TỬ CỦA PHÁI HÌNH THẾ

Sinh: Sinh nhập

Hỏa tinh ở phía Đông là Mộc sinh Hỏa.
 Mộc tinh ở phía Bắc là Thủy sinh Mộc.
 Thủy tinh ở phía Tây là Kim sinh Thủy.
 Kim tinh ở giữa hoặc ở Tứ duy Thổ khố là Thổ sinh Kim.

Vượng: Đắc địa

Mộc tinh ở phía Đông, Hỏa tinh ở phía Nam, Thổ tinh ở giữa hoặc ở Tứ duy Thổ khố, Kim tinh ở phía Tây, Thủy tinh ở phía Bắc thì phương vị và hình tượng khá vượng.

Hưu: Sinh xuất

HỎA TINH
 HỎA TINH Ở GIỮA HOẶC TỨ DUY THỔ KHỐ, HỎA SINH THỔ.
 KIM TINH Ở PHÍA BẮC LÀ KIM SINH THỦY.
 THỔ TINH Ở PHÍA TÂY LÀ THỔ SINH KIM.
 MỘC TINH Ở PHÍA NAM LÀ MỘC SINH HỎA.
 THỦY TINH Ở PHÍA ĐÔNG LÀ THỦY SINH MỘC.

Tù: Khắc xuất

HỎA TINH
 HỎA TINH Ở PHÍA TÂY LÀ HỎA KHẮC KIM.
 THỔ TINH Ở PHÍA BẮC LÀ THỔ KHẮC THỦY.
 MỘC TINH Ở GIỮA HOẶC TỨ DUY THỔ KHỐ LÀ MỘC KHẮC THỔ.
 KIM TINH Ở PHÍA ĐÔNG LÀ KIM KHẮC MỘC.
 THỦY TINH Ở PHÍA NAM LÀ THỦY KHẮC HỎA.

Tử: Khắc nhập

HỎA TINH
 HỎA TINH Ở PHÍA BẮC LÀ THỦY KHẮC HỎA.
 THỔ TINH Ở PHÍA ĐÔNG LÀ MỘC KHẮC THỔ.
 KIM TINH Ở PHÍA NAM LÀ HỎA KHẮC KIM
 MỘC TINH Ở PHÍA TÂY LÀ KIM KHẮC MỘC.
 THỦY TINH Ở TỨ DUY VÀ TRUNG CUNG LÀ THỔ KHẮC THỦY.





ÂM DƯƠNG THUẬN NGHỊCH, RẤT KHÓ QUAN SÁT

Âm Dương thuận nghịch khó hiểu, trạng thái quý thần khó quan sát

Âm Dương là chỉ hai mặt đối lập nhau của sự vật, ví như động là Dương, tĩnh là Âm.

Âm tính: Là mềm, là tối, là mảnh, là nghịch.

Dương tính: Là cứng, là sáng, là thô, là thuận.

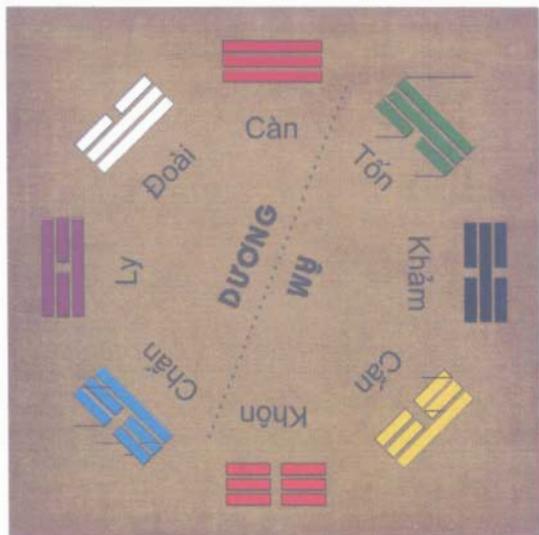
Dương	Sáng	Thuận	Ngoài	Cứng	Động	Thô	Lẻ
Âm	Tối	Nghịch	Trong	Mềm	Tĩnh	Mảnh	Chẵn

Ví dụ đơn giản, nước trong hồ tĩnh lặng là Âm, nước sông hay suối chảy là Dương.

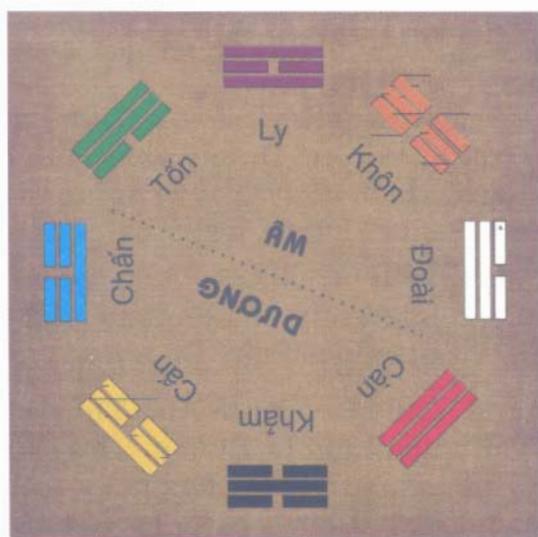


Theo "Kinh dịch" thì Thái cực sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi chính là Âm Dương, trong Dương có Âm, trong Âm có Dương (Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, trong Dương nghi có Thiếu Âm, trong Âm nghi có Thiếu Dương. Tứ tượng biến thành Bát quái, Tiên Hậu thiên Bát quái có Âm Dương khác nhau).

Tiên thiên Bát quái phân Âm Dương theo lưỡng nghi.

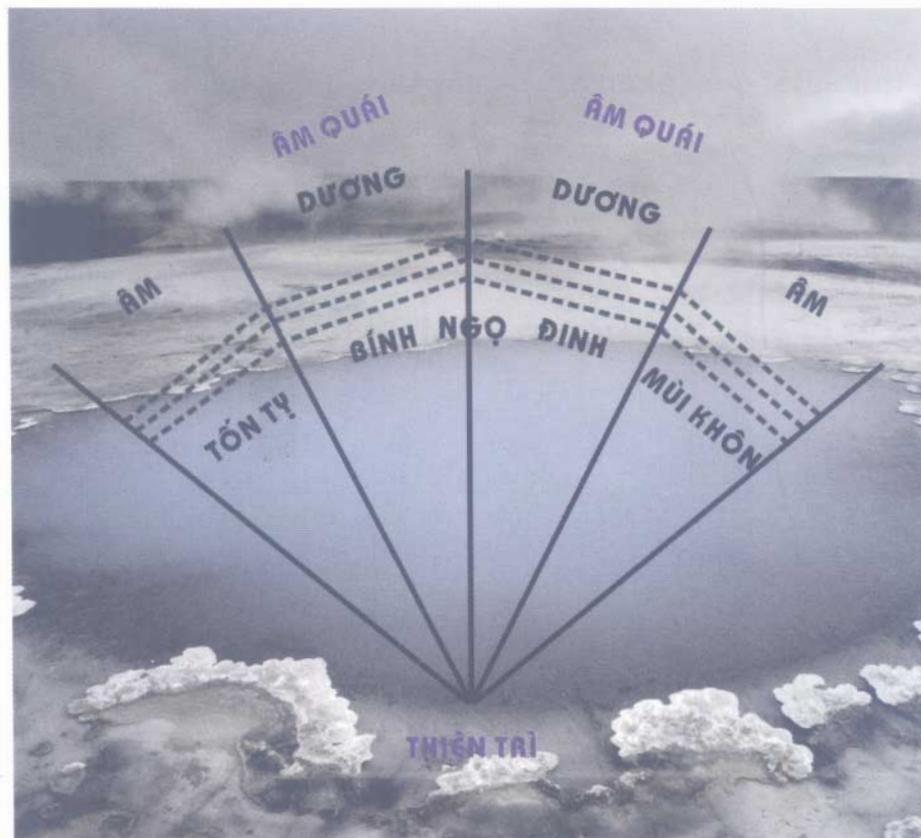


Hậu thiên Bát quái phân Âm Dương theo nam nữ.



64 quẻ phân Âm Dương.

Bát quái lại nhân lên thành 64 quẻ, đường ranh giới Âm Dương của 64 quẻ ở cung Ly - Ngọ sơn.



Ranh giới Âm Dương của 64 quẻ

Trên đây là Âm Dương lý khí, khá rõ ràng và dễ hiểu, cái khó hiểu là Âm Dương của núi. Khi khí của Âm Dương vận hành ở giữa Sơn Thủy thì Âm Dương thuận nghịch dễ hiểu nhất. Nói về núi thì núi tĩnh là Âm, Hành Long lại là Dương, lột xác qua khe núi để bó khí, qua Tinh đỉnh Lạc mạch tụ khí (khai Oa), đây đều là điểm động; toàn bộ huyệt trường, Long án sa, Kháo Sơn, Án Sơn và chỗ hợp Thủy đều là động, thế núi cần lấy Âm hóa Dương sinh, nếu không có sự biến đổi này thì khí suy yếu chứ không sinh.

Thủy động là Dương, Thủy tích tụ là Âm, Thủy bao thân và tích tụ ở trước đường là Âm, Thủy uốn lượn là Dương. Thủy từ Dương biến thành Âm thì khí không tụ, khí không tụ thì không kết được huyệt, do đó, núi và nước phải biến đổi hòa hợp Âm Dương thì mới tốt lành.



Hình thế biến hóa thuận nghịch rất phức tạp, có lúc núi và huyệt tương thuận (hướng và huyệt dựa vào hướng Lạc mạch), có lúc núi và huyệt tương nghịch (hướng và huyệt ngược với thế đi của hướng Sơn mạch), có khi Sa thuận Thủy nghịch, Thủy thuận Sa nghịch, cơ thể Long chuyển động có khi lúc thuận, lúc nghịch, phương pháp lập huyệt cần lấy nghịch trong thuận, lấy thuận trong nghịch, không kiến giải sáng suốt thì khó mà hiểu được.

Âm nghịch Dương thuận, nếu thuận nghịch đổi chỗ cho nhau hoặc dùng sai thì dù Sơn Thủy có tốt đến đâu cũng không dùng được. Muốn biết rõ thuận nghịch thì trước hết cần hiểu thế của núi sông ở cách xa bao nhiêu dặm, từ đó nhận định thuận nghịch cách huyệt trường bao nhiêu thước, một cong một thẳng, biến hóa phức tạp, tuy nhiên lại không phải khó đoán định, chỉ cần quan sát hình thế và khí chất xung quanh thì có thể biết được sự thay đổi của nó, từ đó cân nhắc suy nghĩ có dùng hay không. Nhìn từ đằng trước lại, mở thẳng ra là thần, đỡ phía sau và cong phía trước là quý, chúng được lấy ra để giải thích cho tính tình, hình dạng và sự đối lập quanh co, thẳng tắp của nước và núi, đặc biệt được chú giải rằng "linh là thần, không linh là quý".

Thần linh khó quan sát, Âm Dương khó hiểu, không cố gắng suy nghĩ và quan sát thì khó mà tìm thấy cái quý của đất, cần phải tĩnh tâm để quan sát và suy nghĩ mới có thể thực hiện được cái gọi là "tâm Long điểm Huyệt".



HUYỀN VŨ PHẢI CÚI ĐẦU, CHU TƯỚC PHẢI BAY LIỆNG

Bố trí Bát quái Bát phuơng, thăm tra Tứ duy Tứ thế. Có đến có đi, có động có tĩnh.

Bố trí: Có nghĩa là sắp xếp. Bát phuơng tức là Tứ chính quái vị và Tứ duy quái vị. Ngoài ra, còn cần chú ý tư thế trước sau, phải trái, phán đoán Ngũ hành sinh khắc, "sự đến đi" của Sơn Thủy và "sự động tĩnh" của Âm Dương.

Huyền Vũ phải cúi đầu:

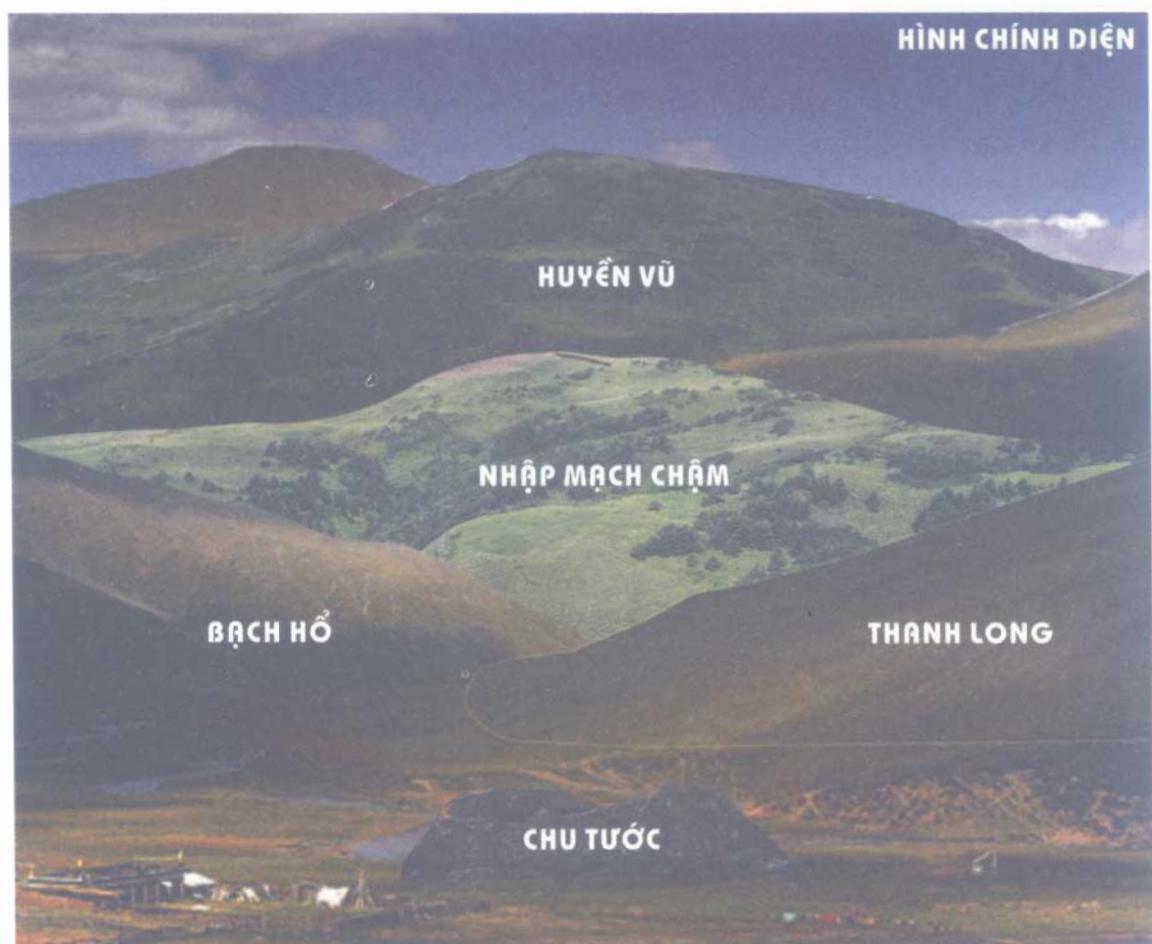
Theo cách nói của Táng thư thì bên trái là Thanh Long, bên phải là Bạch Hổ, phía trước là Chu Tước, phía sau là Huyền Vũ. Tứ duy chính là



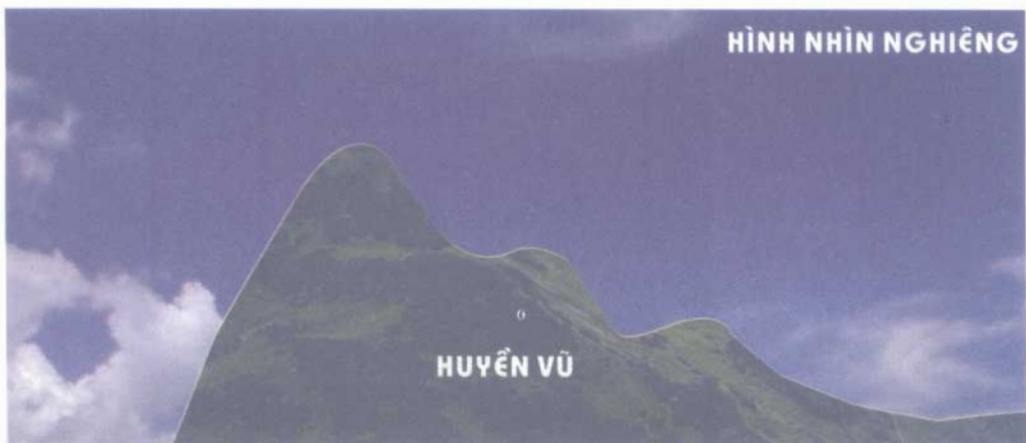
chỉ hình thế Sa của 4 phương vị này, sự thay đổi biến hóa của Sơn Long cần có lợi cho huyệt trường. Sách nói: "Huyền Vũ cúi đầu, Chu Tước bay liệt, Thanh Long uyển chuyển, Bạch Hổ thuần phục". Tứ ứng (trước sau, trái phải) cần ngay ngắn chỉnh tề, Thủy cần phải uốn lượn và ngưng tụ, đỉnh Sa phải tuấn tú, Án Sơn lai triều, sẽ là cát huyệt. Thủy cần có đến và đi, Sơn cần lên xuống nhấp nhô, Đường cần có động có tĩnh, đây là điều kiện hình thế cần có.

Hiểu rõ thuận nghịch, quan sát kỹ hình dạng và trạng thái, bố trí tốt phương vị Bát phương Bát quái, định ra Sinh Vượng Hưu Tù, nếu đều phù hợp chuẩn tắc thì quan sát hình thế xung quanh, nếu hình thái giống như Táng thư miêu tả thì sự đến và động tĩnh của Huyệt trường đều may mắn.

Thủy đến tất sẽ đi, đi rồi át sẽ quay trở lại, động rồi ngừng mới được coi là tĩnh, tĩnh rồi sẽ lại động, biết đi biết lại, biết trạng thái, hình dạng mới không sợ không hiểu Âm Dương thuận nghịch.

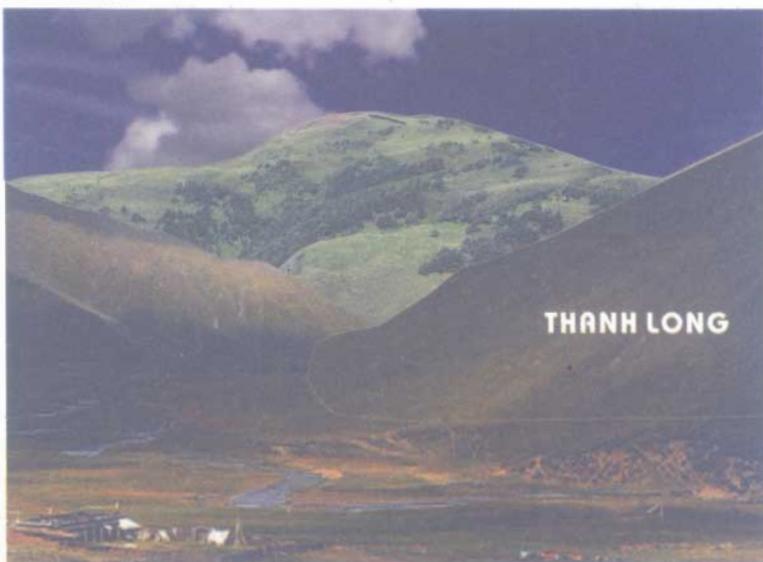


Huyền Vũ phải cúi đầu

HÌNH NHÌN NGHIÊNG

Mạch phía sau núi có 4 dạng là thẳng, nghiêng, xiên và ngang, mạch tới cần từ từ, mà không được tuôn chảy, có vậy quan tài mới ổn định; Nếu quan tài bị nghiêng thì Dương trạch bất an. Thanh Long cần uyển chuyển, Bạch Hổ cần thuần phục.

Long Hổ Sa bên trái phải không bị chèn ép, hình thế không được quay lưng lại. Cao thấp phải phù hợp, cao thì lấn át huyệt, thấp thì không có khả năng bảo vệ, Bạch Hổ nhô cao thì làm thương người, và quyền nằm trong tay phụ nữ. Thanh Long quá cao thì lực lại yếu, Sa thủ vỡ ở lối ra thì tổn định.



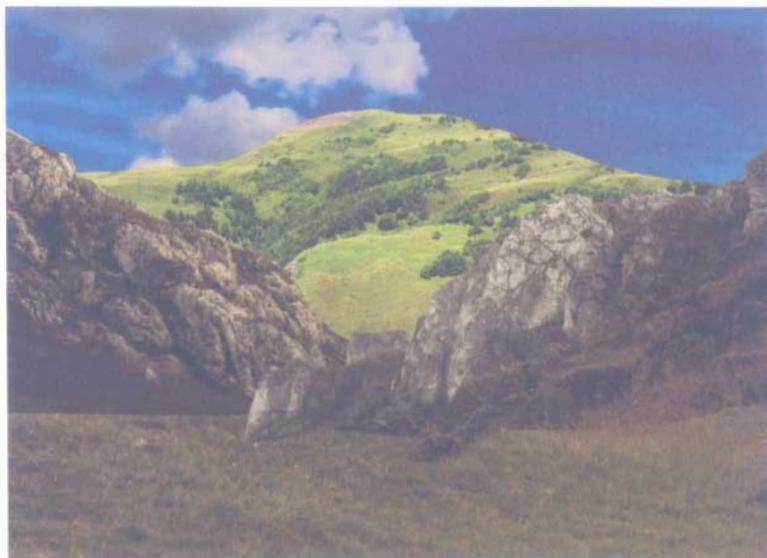
Thanh Long quá cao



Bạch Hồ
quá cao

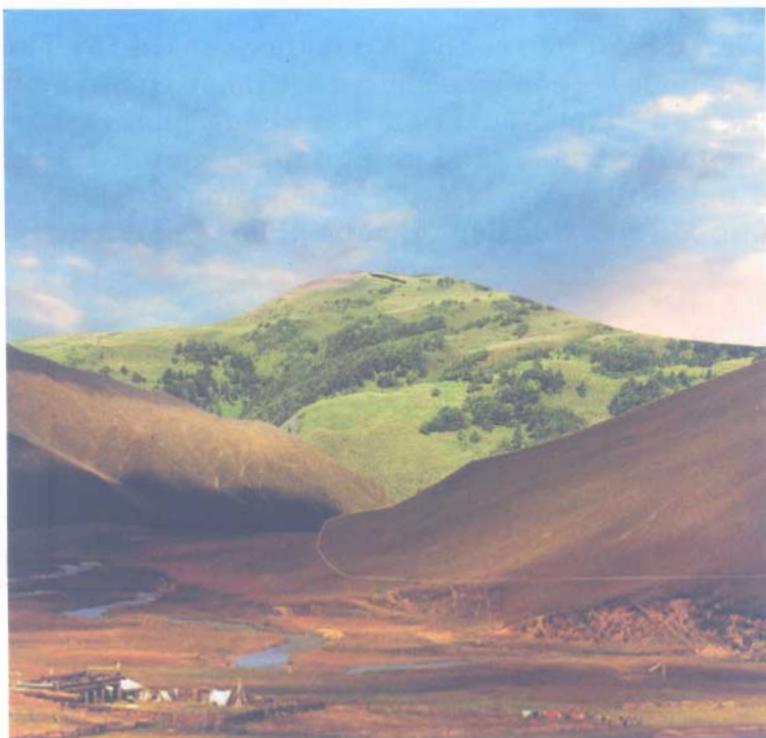


Long Hồ Sa vỡ

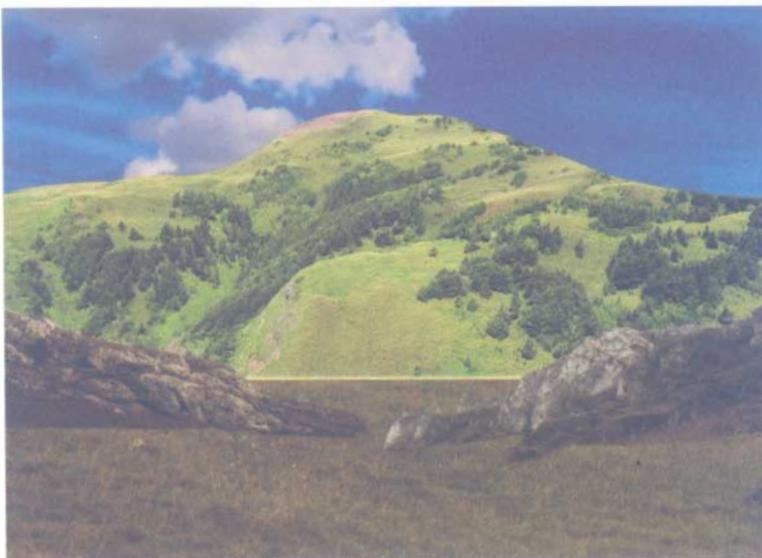


Long Hồ
khi chử





Long Hồ phù hợp



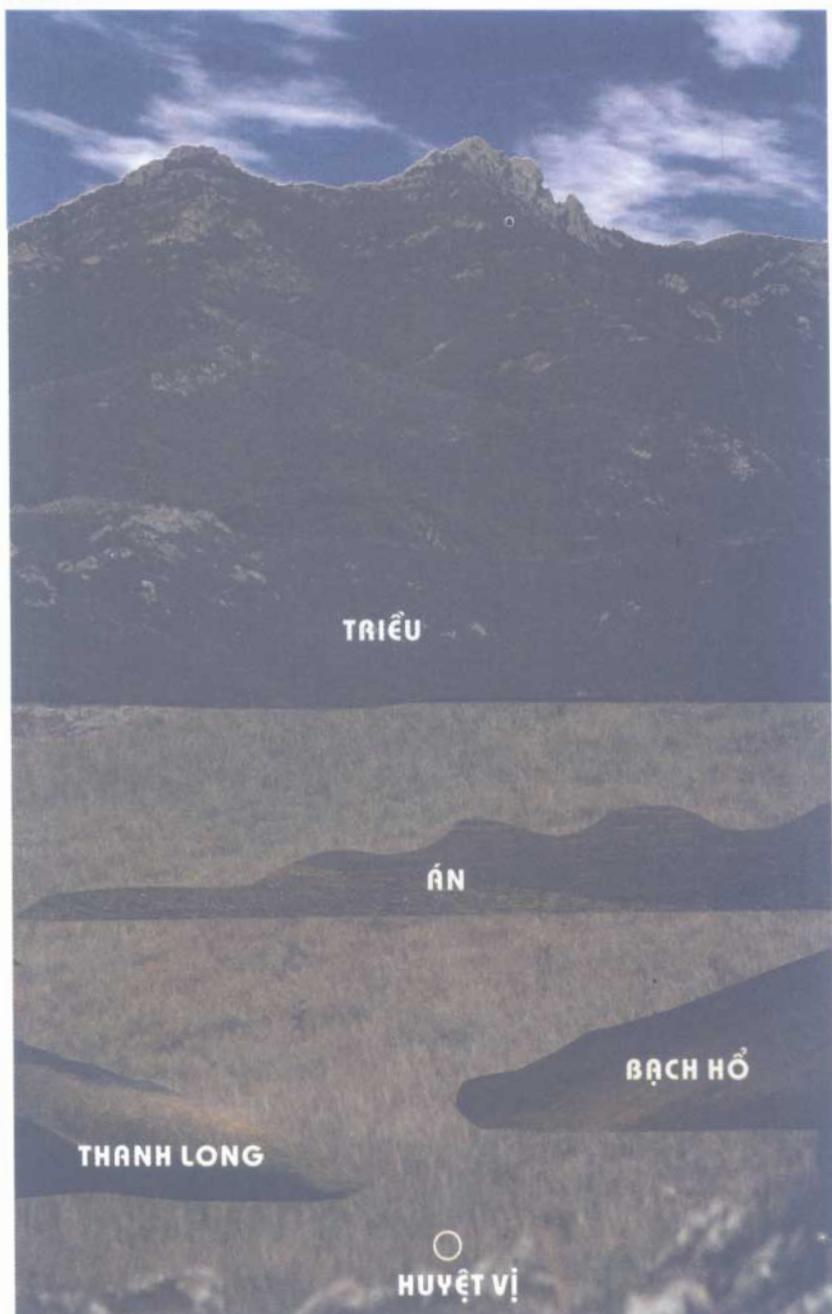
Long Hồ quá nhỏ

Chu Tước phải bay liệng

Phía trước là Chu Tước, phía sau là Huyền Vũ, Án Sơn trước huyệt quá cao sẽ chèn huyệt; quá gần thì bất lợi, thấp thì tiết mất khí; ngang với hông núi là tốt nhất.



Ngoài Án là Triều, Triều có thể là Sơn, hoặc có thể lấy Thủy làm Triều Sơn. Xem hướng nước thì cần xem chỗ nước tụ, nếu có núi hướng về thì núi nên cao, không nên thấp. Nếu Triều Sơn không phải một tầng, thì tầng sau phải cao hơn tầng trước, càng nhiều tầng càng tốt. Chỉ khi Triều Sơn hữu tình, thì người nhà mới lập nên nhiều công tích vang. Có Long huyệt mà không có Triều Sơn đẹp thì cũng không phải là huyệt tốt.



Trước mặt huyệt vị



NÚI TỔ TIÊN SINH NÚI CON CHÁU, NƯỚC TỪ ĐẦU NGUỒN CHẢY RA

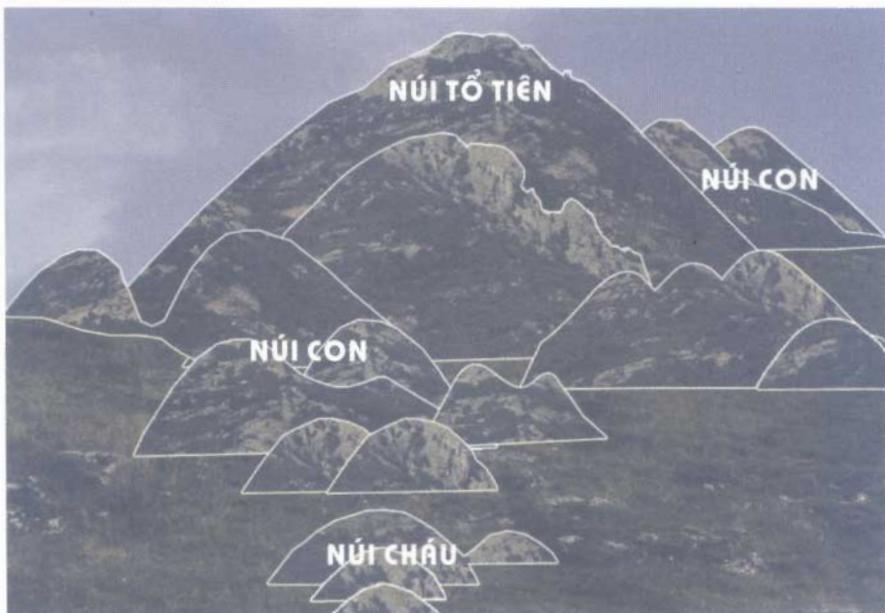
Núi phát tích từ nơi xa, là do núi tổ tiên sinh núi con cháu, dòng nước chảy ào ào, phân nhánh từ đầu nguồn

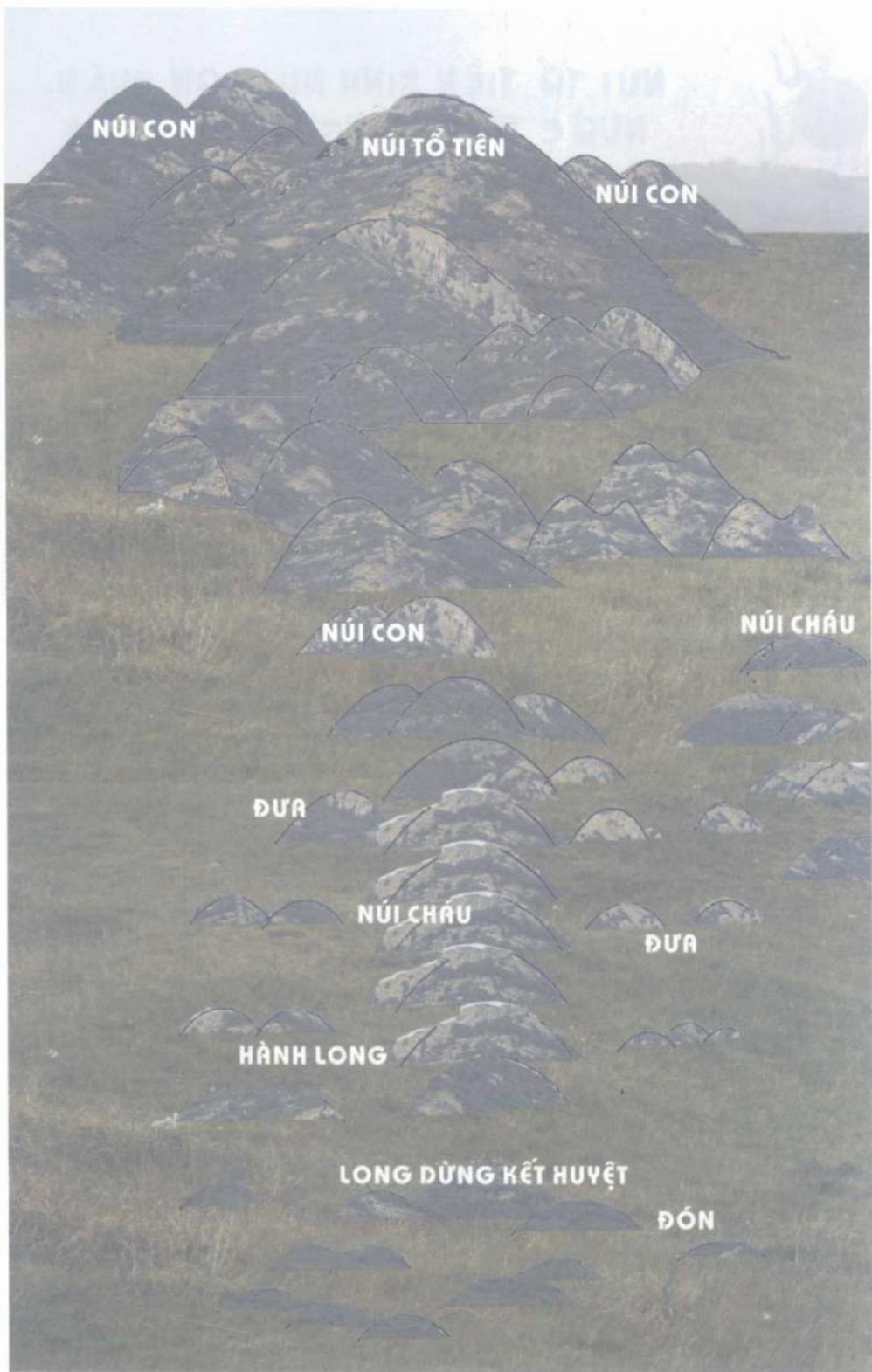
Xa: Có nghĩa là xa xôi. Ào ào: Thể hiện trạng thái của nước.

Núi tổ tiên phân nhánh thành núi con và núi cháu:

Hành Long tới từ núi tổ tiên từ nơi xa xôi, sinh ra vô số hành Long khác (Can), rồi phân nhánh (Chi) mà đi, do vậy mà Hành Long bắt đầu phát tích từ tổ tiên, sinh ra Thỉnh Can (núi bố mẹ), núi bố mẹ tiếp tục phân nhánh sinh ra núi con cháu. Nước chảy từ đầu nguồn, chia ra thành nhiều nhánh. Biết được núi tổ tiên bắt đầu từ đâu, và nước xuất phát từ đâu, núi kết thúc ở chỗ nào và nước chảy về đâu, thì sẽ biết ngay động tĩnh, và hướng đến - đi.

Núi và nước đều có quan hệ với tổ tiên và con cháu, chúng đều có sự phân nhánh từ gốc. Con người cũng có tổ tiên, rồi mới đến ông bà cha mẹ, rồi mới đến con cháu. Long mạch càng phân nhánh nhiều, con cháu về sau càng càng đông, không thể hội tụ lại. Tuy nhiên, nước phân thành nhiều nhánh từ cùng một nguồn, cuối cùng vẫn có thể hội tụ, chỗ hội tụ này chính là huyệt trường.

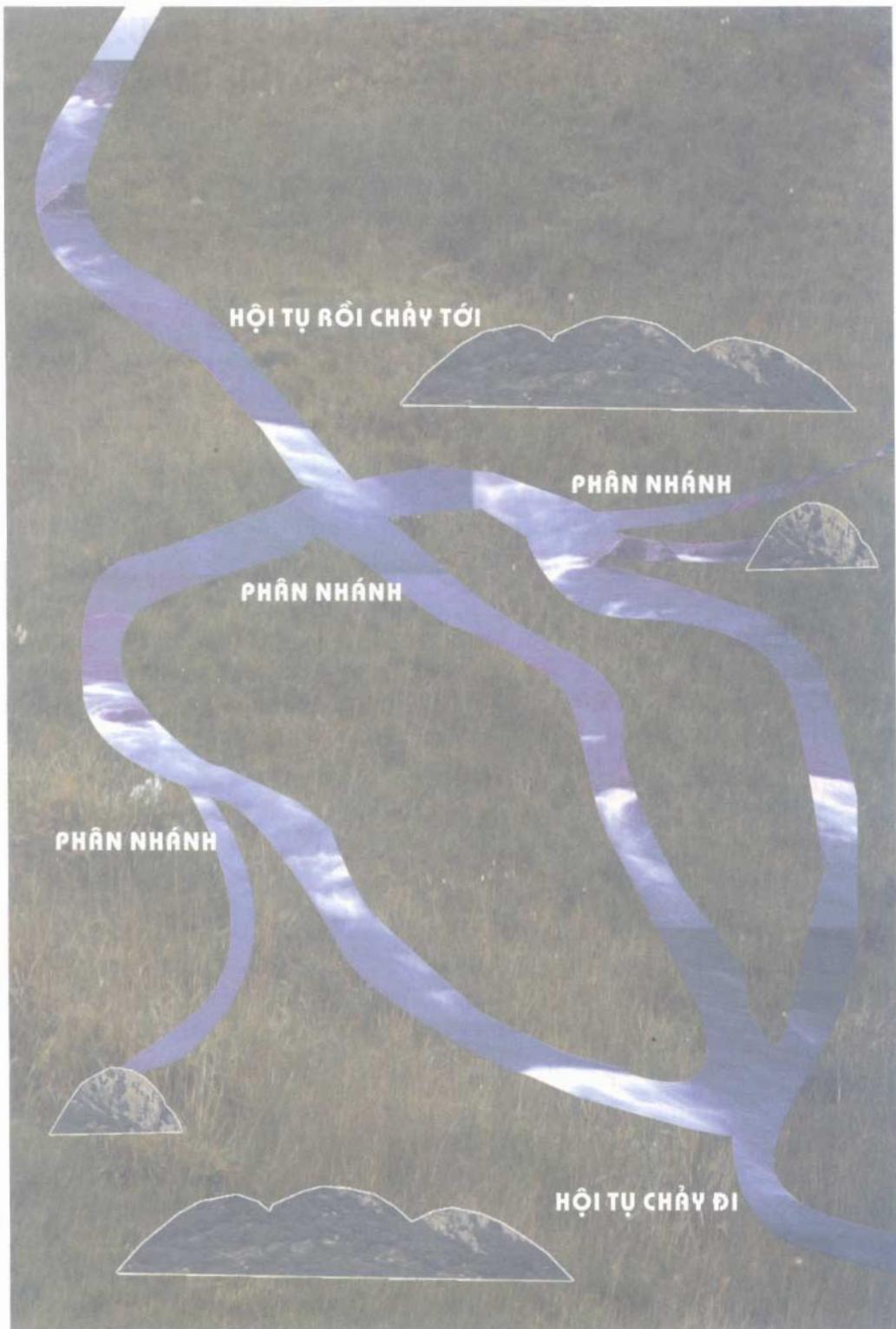




Núi tổ tiên phân nhánh thành núi con cháu



Nước phân nhánh từ cùng một nguồn lại có thể hội tụ.



Phân chia rồi hội tụ





VÀO NÚI TÌM THỦY KHẨU, LÊN HUYỆT XEM MINH ĐƯỜNG

Vào núi tìm Thủy khẩu, lên Huyệt xem Minh Đường

1. **Thủy khẩu** là chỗ nước chảy vào chảy ra. Tìm Thủy khẩu tức là tìm chỗ nước chảy vào chảy ra. Tiểu Thủy khẩu là nơi Long Thủ giao hợp. **Minh Đường** là nơi nước chảy phía trước huyệt. Sơn Thủ không tách rời nhau, Thủ cần khép lại để bảo vệ huyệt trường ở bên trong, do đó, trước hết cần phải tìm Thủy khẩu. Nếu Thủy khẩu giao nhau và khép lại với đất, hai bên có Sa Thủ hình thú (gọi là Cầm tinh) bảo vệ Thủy khẩu, nước chảy uốn lượn vào phía trong, lại thêm La tinh chấn lối, không thấy nước chảy ra, khí vượng cũng sẽ không bị tiết ra. Long thần không tan, chính là nơi kết huyệt tốt. Nước chảy từ từ không khép, tiết ra Long khí thì không nên kết huyệt. Muốn xem Thủy khẩu thì trước hết cần xem độ chặt chẽ, tìm nơi kết huyệt cần để ý tới điều này.

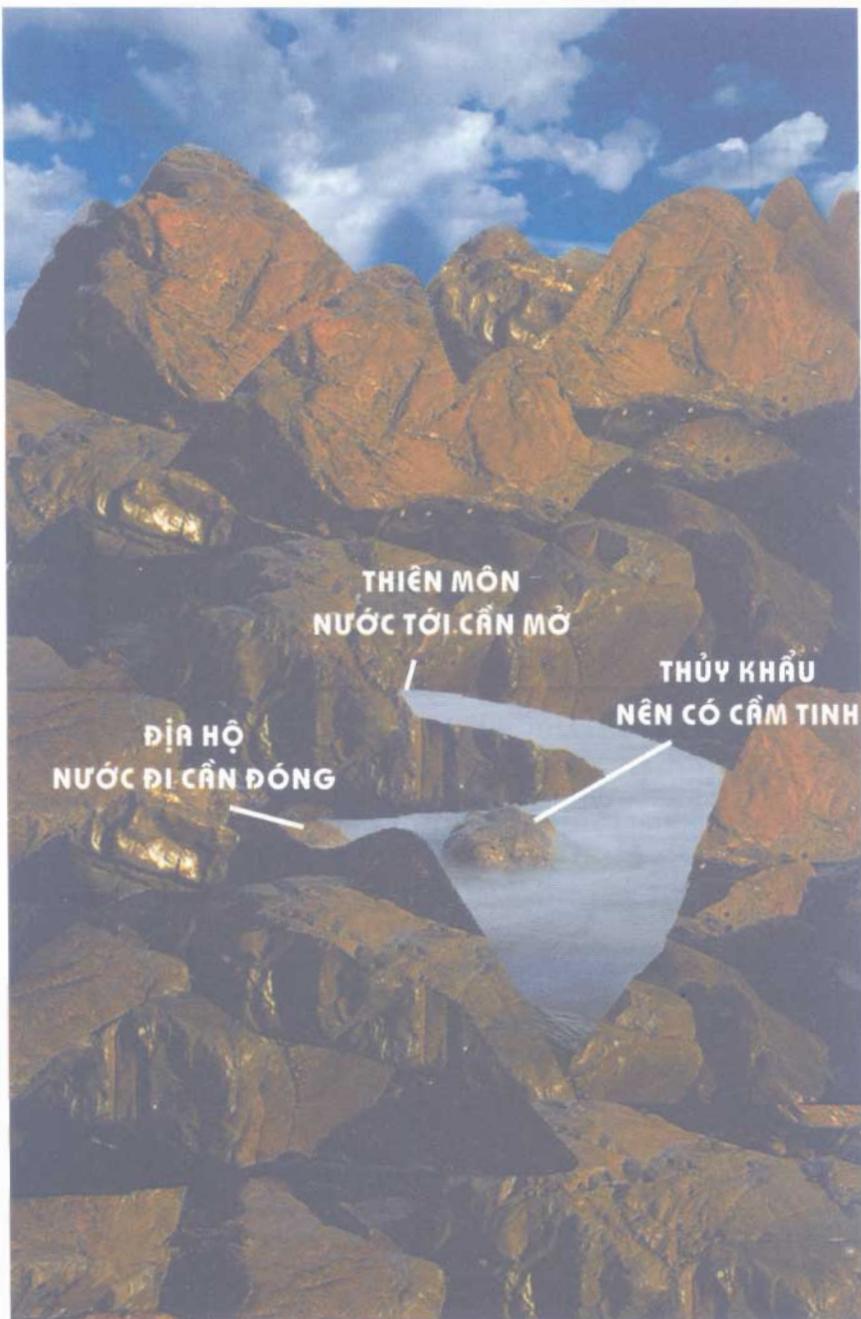
Hướng nước chảy tới chính là Thủy khẩu tới, gọi là Thiên Môn. Thiên Môn cần mở để có thể hội tụ mọi dòng nước vào Đường. Hướng nước chảy đi gọi là Thủy khẩu đi, cần có Sa Thủ bảo vệ, để nước đi mà như quay lại Huyệt, để nước không chảy thẳng đi, mới là huyệt tốt, còn không tồn thán thương khí, không thể kết huyệt.

Khẩu Thủ chảy đi còn gọi là Địa Hộ, là Hạ Thủ Sa. Địa Hộ cần đóng, khí bên ngoài vào tập trung ở Đường, có nước. Có Sa bảo vệ càng gấp may mắn, không dễ cho khí từ trong Đường tiết ra bên ngoài, còn không nước sẽ nhanh chóng rút. (xem hình trang sau)

2. **Vào núi lên Huyệt xem thấy Tiểu Minh Đường, mới là Chân Huyệt.** Phía trước Huyệt bằng phẳng, đủ chỗ cho một người đi qua thì gọi là Tiểu Minh Đường, Tiểu Minh Đường này được dùng để ngăn Thủ, Thủ dừng mới là Huyệt. Lên Huyệt không thấy Tiểu Minh Đường thì có nghĩa là khí không thể hội tụ, khí không tụ sẽ không thể gọi là huyệt.

Tiểu Minh Đường hơi hõm xuống, hoặc bằng phẳng, hoặc giống như lòng bàn tay ngửa lên thì là may mắn, Tiểu Minh Đường khiếm khuyết hoặc lồi lõm, khớp khẽnh thì là không may mắn. Chân Sa bao xung quanh, còn Chân Thủ hội tụ là Minh Đường tốt. Không có Chân Sơn, nơi Long Hổ giao nhau, cũng là nơi Sơn Thủ gáp nhau, cần quan sát kỹ mới hiểu rõ. Cùng trên một mặt phẳng trước huyệt bên ngoài nơi yết bái, nơi tụ thủy trong Long Hổ là Trung Minh Đường (còn lại là Nội Minh Đường), Trung

Minh Đường quá rộng thì lại không thể tàng phong tụ khí, mà quá hẹp thì lại không đủ quý. Chỗ nước hợp bên ngoài Long Hồ gọi là Đại Minh Đường (còn gọi là Ngoại Minh Đường), Đại Minh Đường cần phải rộng rãi, thoáng đãng, không bị chèn ép, nước cần tụ mà không được chảy đi, Lai Long dài, lớn thì Minh Đường cần to, Lai Long nhỏ, ngắn, nếu Minh Đường to thì sẽ không cân xứng.



Thiên môn Địa hộ



Táng thư có nói: "Bát quốc chính khí tỏa Thành môn" (Chính khí tám hướng khóa thành môn). Minh Đường là nơi tụ nước trước Huyệt, cần có Sơn Thủy vòng quanh, chỗ hợp chính là Thành môn. Cần tụ hợp mà không được tiết khí, Minh Đường khiếm khuyết thì có thể tu sửa. Án Sơn cần phải "ngoảnh đầu nhìn lại", nếu không quay đầu sẽ rất vô tình. Minh Đường rộng hay hẹp, Đường có khiếm khuyết hay không thì đều ảnh hưởng tới Phòng khẩu, đại diện cho từng phương vị Minh Đường.

Thủy và Sơn không thể tách rời, Lai Long kết Huyệt, Minh Đường đắc thủy sẽ phát phú quý nhanh chóng, Nhập khẩu trước hết cũng cần dựa vào Thủy Khẩu, bởi vì nước là mạch máu của núi, do đó xem Thủy Khẩu là biết được có kết huyệt hay không.

3. Tác dụng của Sa Thủ ở Thiên Môn và Địa Hộ:

Thiên Môn còn gọi là Thượng Thủ Sa, chỗ nước tới xuất hiện Sa Thủ có hai tác dụng:

1. Khiến nước tới bị Âm chấn, không lao thẳng tới Huyệt trường.

2. Dẫn nước vào Minh Đường, đưa nước cắt chân vào trong Đường mà không làm tổn thương tới Long Hổ, đây là tác dụng quan trọng nhất của Thượng Thủ Sa.

Chỗ Địa Hộ nước đi xuất hiện Sa Thủy có tác dụng:

1. Khiến nước ở Minh Đường uốn lượn phía trước Đường, bảo vệ Đường, tạo thành cục diện "Thủy tụ Thiên Tâm".

2. Hạ Thủ Sa bao bọc lẫn nhau, giúp vượng khí tụ ở bên trong, không thể tiết ra bên ngoài, Sa bit ở Thủy khẩu có hình cầm thú, bên trong gọi là Cầm sa, dưới đây là một số hình về Cầm Sa để tham khảo (xem hình A, B, C, D, E).



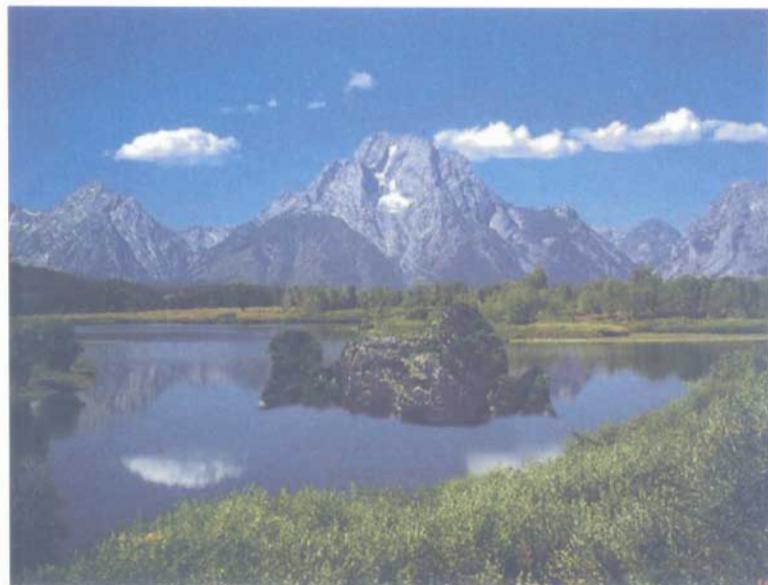


A Sa hình chim ưng

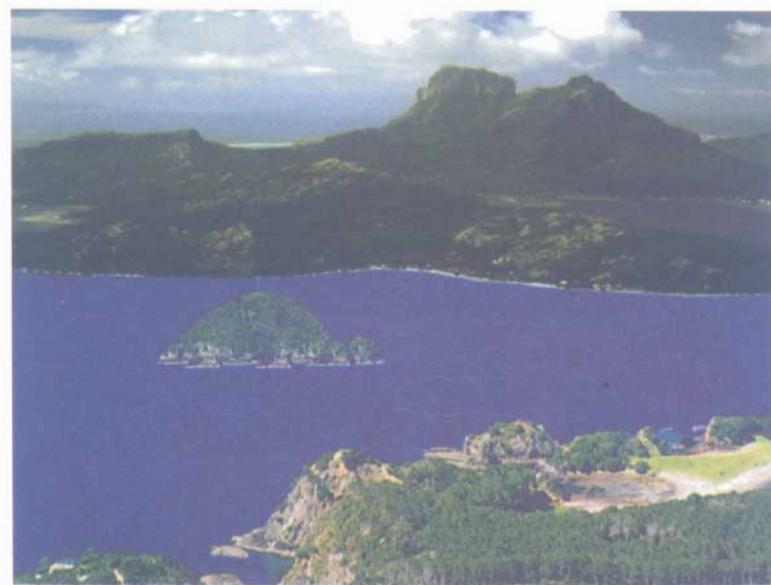


B Sa hình sư tử nằm



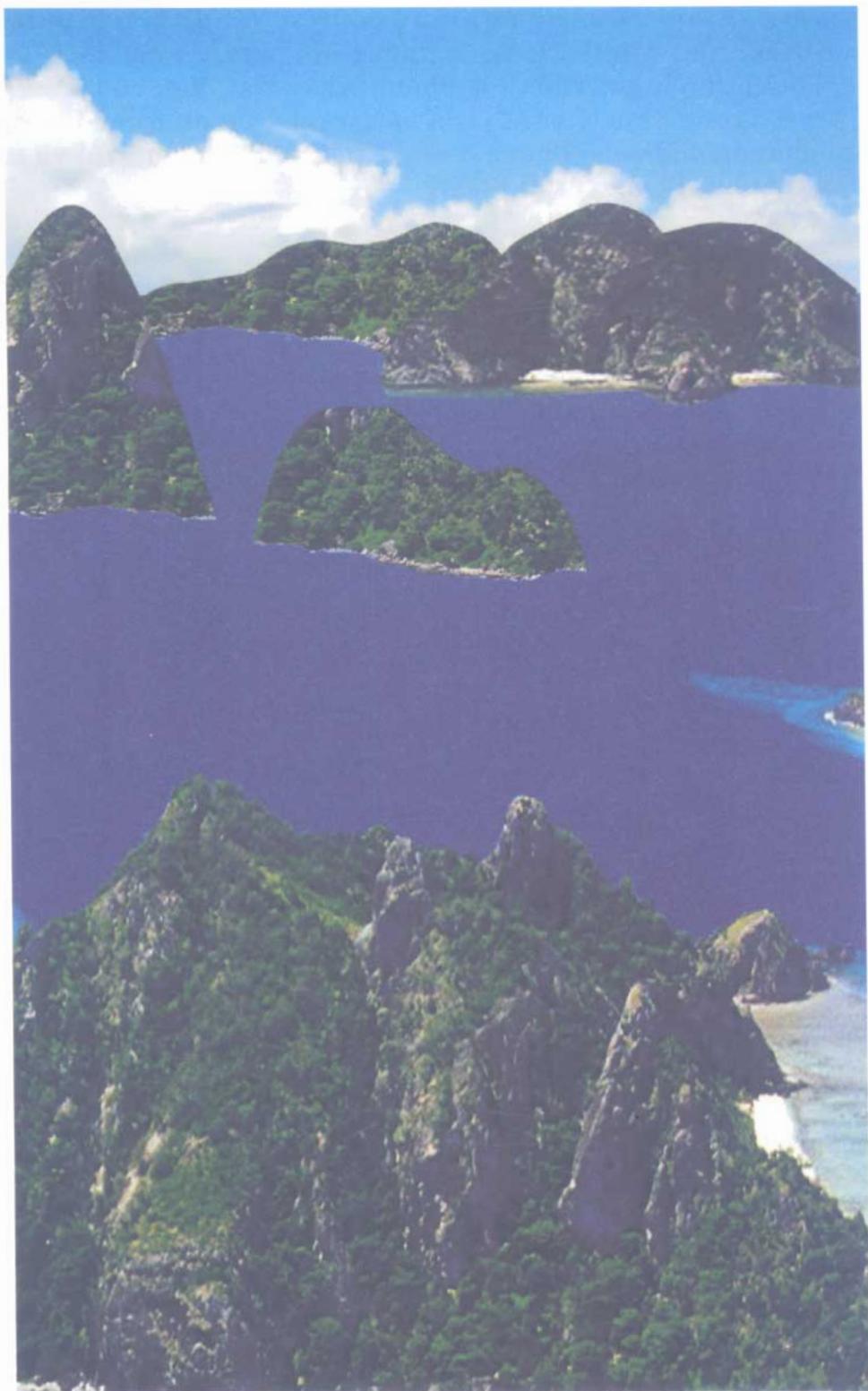


C Sa hình lạc đà



D Sa hình rùa

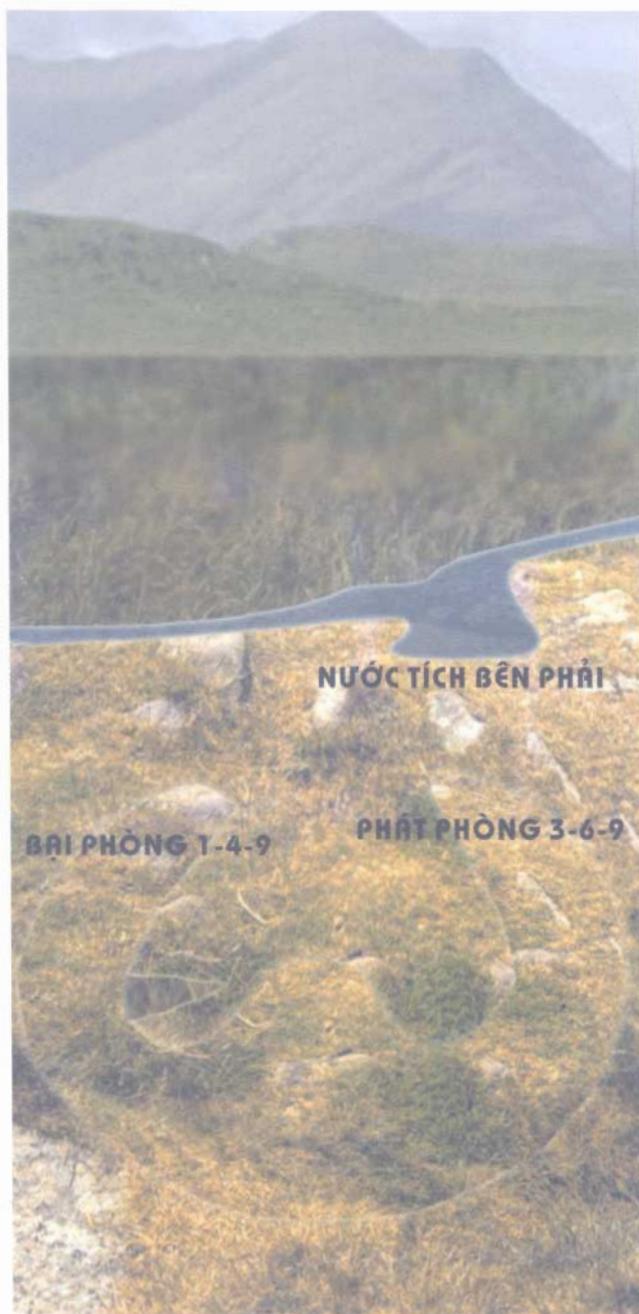




E Sa hình voi

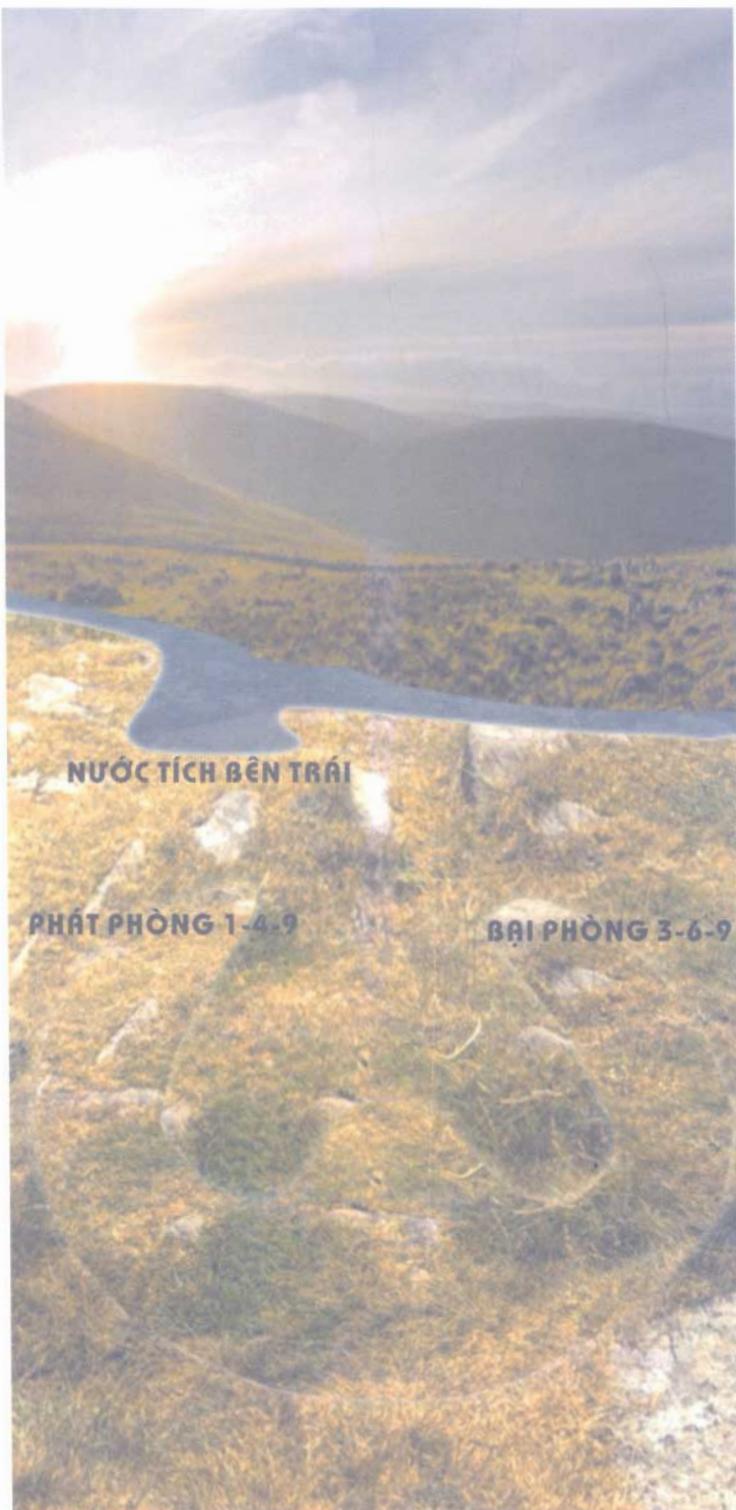


4. Nước nghiêng, Đường nghiêng có liên quan tới cát hung của Phòng Khẩu: Nếu Minh Đường nghiêng thì nước trong Đường cũng nghiêng, có ảnh hưởng rất lớn tới Phòng Khẩu đại diện cho từng vị trí Minh Đường. Trong hình cho thấy: Sa bên trái có đại diện cho Phòng 1-4-7, Sa bên phải đại diện cho Phòng 3-6-9. Nước nghiêng bên trái và tích tụ ở bên phải thì phát Phòng 3, bại Phòng 1.



Nước tích tụ bên phải

Nước nghiêng bên phải và tích tụ ở bên trái thì phát Phòng 1, bại Phòng 3.



Nước tích tụ bên trái



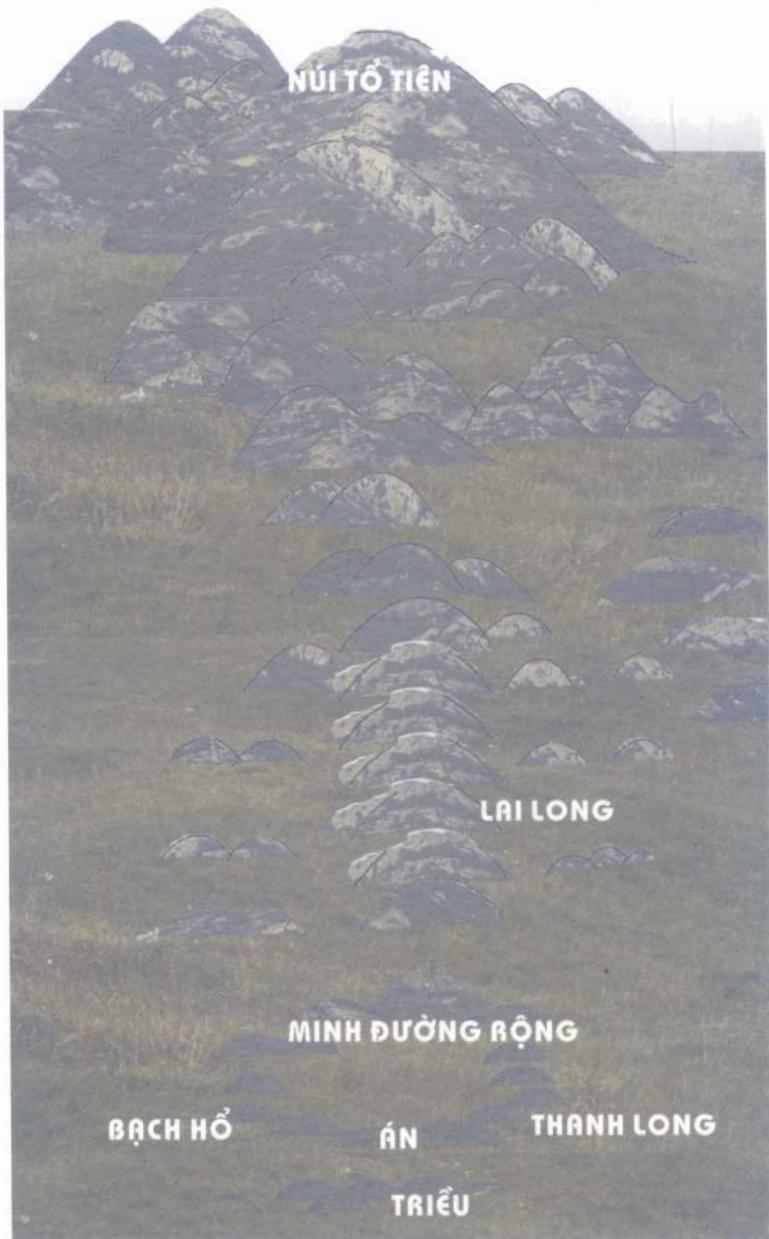
Nước nghiêng bên trái và bên phải, tích tụ ở giữa thì phát Phòng 1-2-3, phú quý liên tục.



Nước tích tụ ở giữa

5. Long Hổ mạnh yếu, Minh Đường rộng hẹp có liên quan tới điểm lành dữ

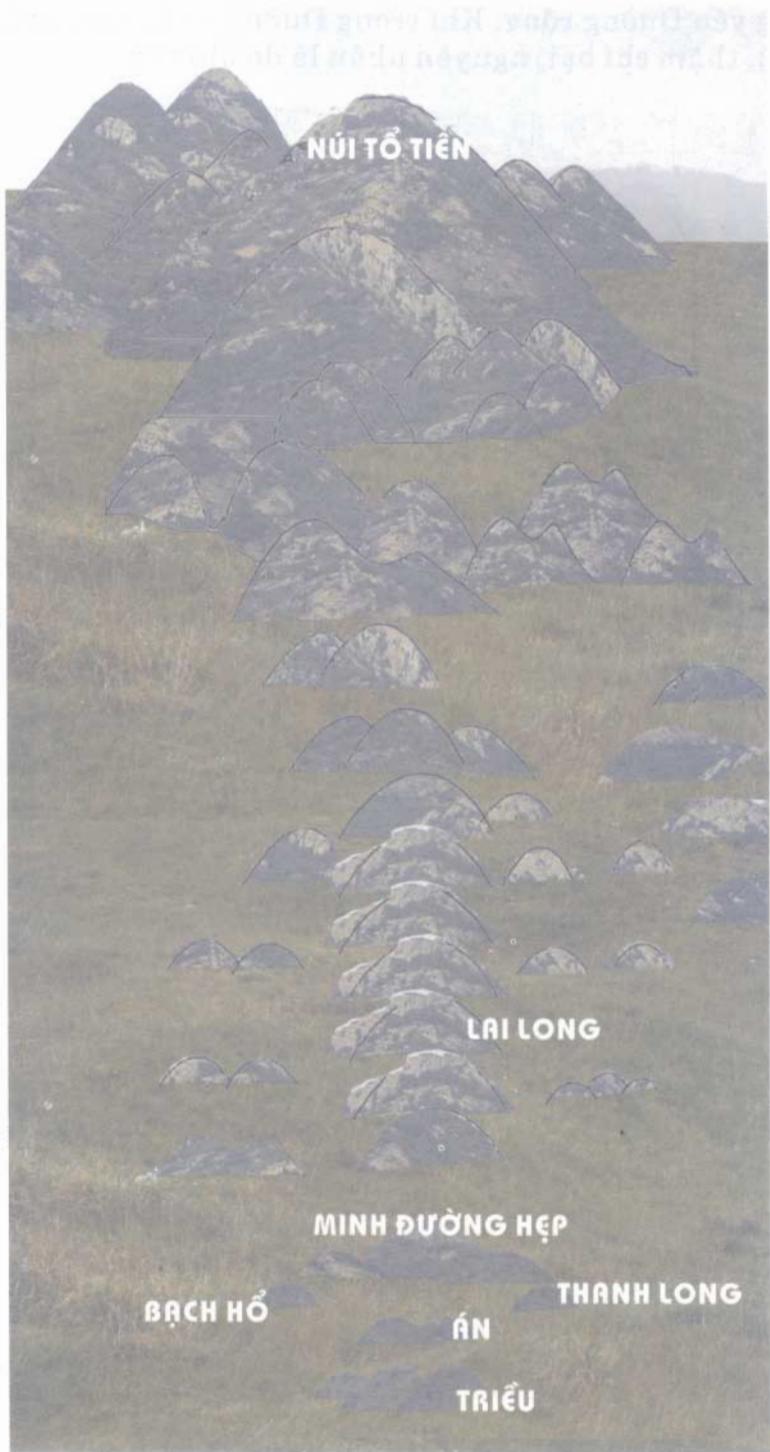
(1) Long yếu Đường rộng: Khí trong Đường phân tán, phát chậm (hoặc không phát), thậm chí bại, nguyên nhân là do khí tán.



Long yếu, Minh Đường rộng



(2) Long mạnh Đường hẹp: Dù khí tụ nhưng không tán, có thể phát nhanh, nhưng phú quý không nhiều.



Long mạnh, Minh Đường hẹp

6. Minh Đường chia làm Nội Dương, Trung Dương và Ngoại Dương

Nội Dương tức là Nội Minh Đường, Trung Dương tức là Trung Minh Đường, Ngoại Dương tức là Ngoại Minh Đường.

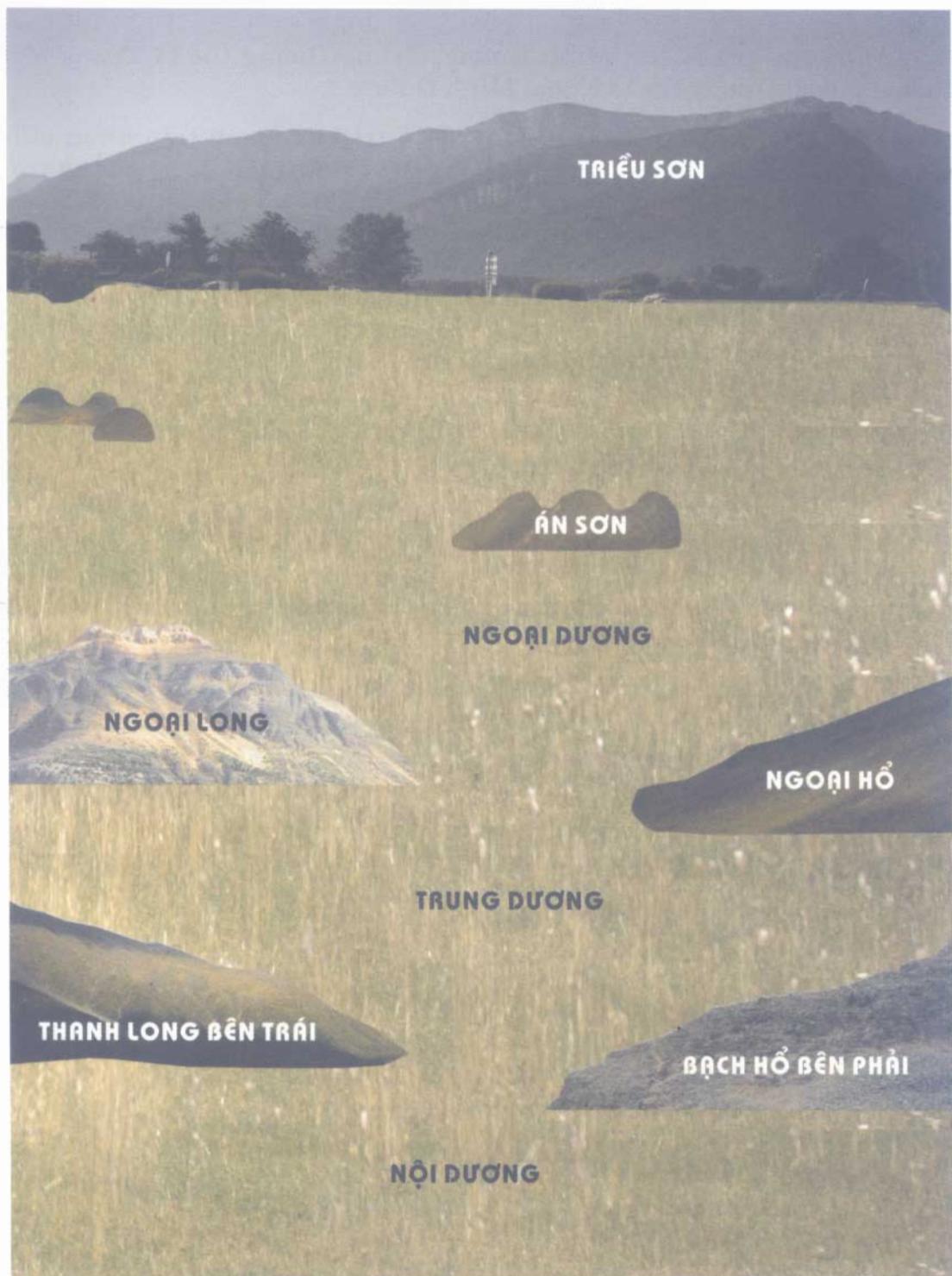
(1) Nội Minh Đường (Nội Dương) ở vị trí Lạc mạch tiếp nhận chính khí, cần có Sa Thủ bên trái và bên phải bảo vệ, vùng đất bằng phẳng trong phạm vi 180 độ phía trước Huyệt được gọi là Chiên Thần (miệng). Mồ mả xây dựng xong chính là Tiểu Minh Đường (tức Nội Minh Đường - Nội Dương). Nội Minh Đường tạo phúc âm cho thế hệ con cháu gần nhất, do đó thế hệ con cháu cần đặc biệt nghiên cứu cách bố trí Nội Minh Đường. Trung Minh Đường đại diện cho thế hệ con cháu xa hơn một bậc, Ngoại Minh Đường đại diện cho thế hệ con cháu xa nhất. Đắp bờ hai bên trái phải ngoài Án tọa không được quá cao (cao sẽ ngăn không cho khí vào Đường) hoặc quá thấp (thấp sẽ khiến khí thoát ra bên ngoài), độ cao thấp phải phù hợp.

(2) Trung Minh Đường (Trung Dương) ở bên trong Sa, nơi có Long, ở phía trước Nội Minh Đường, trước Chiên Thần. Trung Minh Đường tốt nhất là có nước đổ về từ hai bên trái phải, Sa bảo vệ hai bên trái phải tốt nhất bao quanh một cách hữu tình phía trước Huyệt, chiều cao cần phải thích hợp, không được nứt vỡ sụp đổ.

(3) Ngoại Minh Đường (Ngoại Dương) ở bên ngoài Nội Long Hổ, ở giữa Ngoại Long Hổ, bên trong Án Sơn. Ngoại Minh Đường nên rộng rãi, thoáng đãng, tốt nhất là dẫn được nước vào Đường, mà Thủy khẩu đến có tác dụng dẫn dắt, Thủy khẩu đi có tác dụng đóng lại, khiến nước tụ trong Đường, không chảy đi. Đây chính là cục diện tốt nhất.



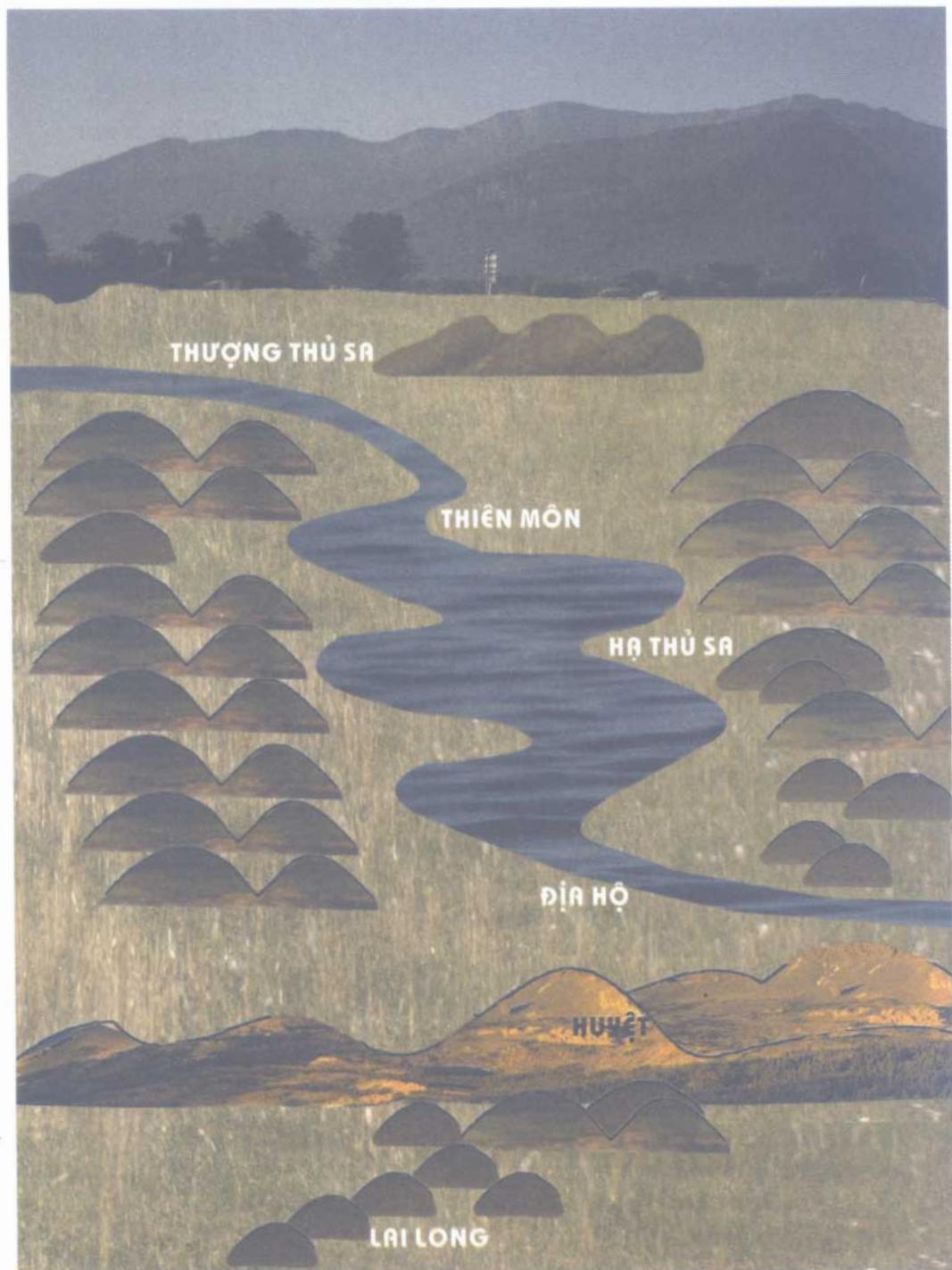
Nội Dương, Trung Dương và Ngoại Dương xem hình dưới.



Nội Trung Ngoại Minh Đường



Thượng Thủ Sa (Thủy khẩu tới), Hạ Thủ Sa (Thủy khẩu đi) như hình dưới.



Thượng Hạ Thủ Sa



Nhạc Độc hội tụ linh khí của tinh tú, Tân Chủ đẹp ở Đông Nam

Nhạc: Chỉ Ngũ nhạc, tức là Đông Nhạc Thái Sơn, Tây Nhạc Hoa Sơn, Nam Nhạc Hoành Sơn, Bắc Nhạc Hằng Sơn, Trung Nhạc Cao Sơn.

Độc: Chỉ Tứ độc, tức Trường Giang, Hoài Hà, Hoàng Hà, Tề Thủy, là cội nguồn cho mọi dòng nước từ trên trời đổ về.

Linh khí của tinh tú: Tinh tú ở trên trời, thế núi ở dưới đất. Vừa được Thủy khẩu và Minh Đường, vừa được Núi hướng về và bảo vệ, hình sông núi không phải tự nhiên mà thành, cần dựa vào linh khí của tinh tú, đỉnh núi lên xuống nhấp nhô, sông suối uốn lượn, chảy về phía trước theo Hành Long, hình dạng của Âm Dương Ngũ hành hình thành trên đất hoàn toàn dựa vào tượng của sao trên trời.

Sông núi được hình thành từ tượng của sao trên trời, trên dưới cân xứng, núi và nước vây quanh, khí ngưng kết mới hội tụ.

Tân: Tức là núi và nước làm thành Án và Triều ở trước huyệt. Chủ: Kháo Sơn ở phía sau là núi chủ, Lai Long có thể tới thẳng, nghiêng, hoặc ngang, Kháo Sơn nơi kết Huyệt là chủ.

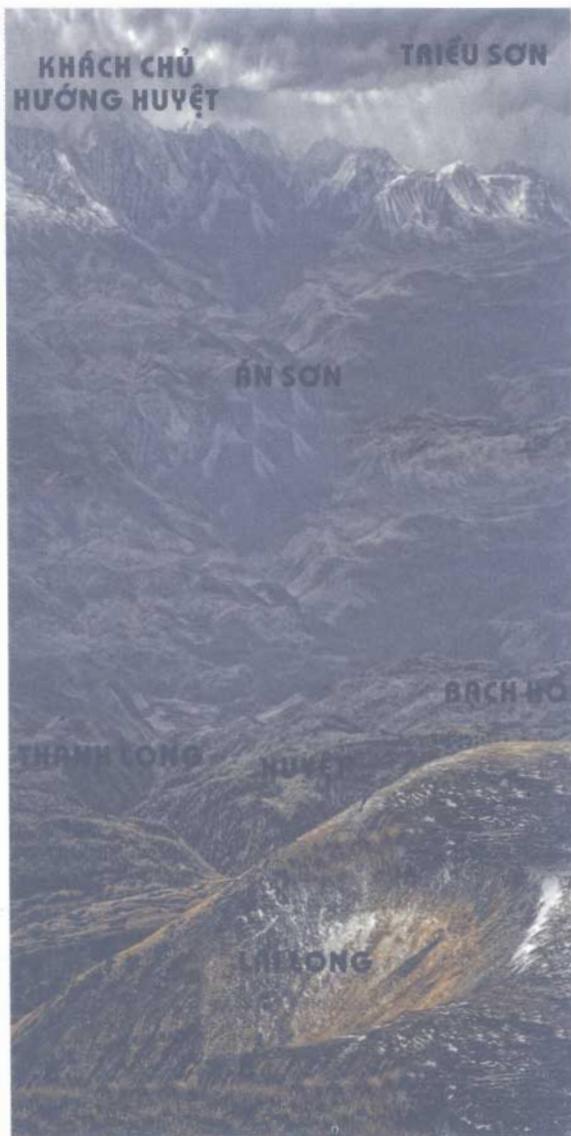
Phía Đông và phía Nam là vị trí Ly Hỏa trong Tiên Hậu Thiên, "Kinh Dịch" có "tương kiến hồ Ly" (gặp nhau ở vị trí Ly), Sơn và Thủy ở vị trí Tiên Hậu Thiên là quẻ tốt, phát đại phúc, hơn nữa phía Đông thuộc Mộc, Đông Nam thuộc Mộc, Nam thuộc Hỏa, là một vùng "Mộc Hỏa thông nhau", do đó Triều Sơn (Án Sơn) và Kháo Sơn sinh vượng cho nhau.

Ý của sinh vượng lại không chỉ sinh vượng của quẻ theo phương vị lắc bàn, mà còn chỉ Sơn và Thủy hướng tới Chủ một cách hữu tình. Quay lưng lại với chủ thì chắc chắn chủ sẽ suy yếu. Hướng tới chủ thì chắc chắn khiến chủ đẹp lên không lời nào tả xiết. Sinh vượng ở đây chính là sinh ra may mắn, tốt lành, có Sơn và Thủy vượng hướng tới là đại cát. Đẹp ở Đông Nam lại không phải chỉ Huyệt Sơn ở Nam, Triều Sơn ở Đông hay Huyệt Sơn ở Đông, Triều Sơn ở Nam, mà Triều Sơn, Huyệt Sơn chỉ mang tính chất tương đối, nếu Huyệt Sơn ở Tây, thì Triều Sơn phải ở Đông; Huyệt Sơn ở Bắc thì Triều Sơn phải ở Nam.

Còn vị trí Tiên Hậu Thiên, là chỉ xem Sơn, Thủy thì cần dựa vào vị trí

Tiên Hậu Thiên mới là vượng nhất, như Long ở vị trí Tiên Thiên Ly (phía Đông), có Thủy ở vị trí Hậu Thiên Ly (phía Nam) chính là Tiên Hậu Thiên gặp nhau. Triều Sơn và Huyệt Sơn có thể tương sinh và hữu tình là cục diện đẹp nhất. Còn làm thế nào mới có thể tương sinh và hữu tình? Dưới đây là một số hình minh họa cho thấy rõ sự sinh vượng và thuận nghịch của Sơn và Thủy:

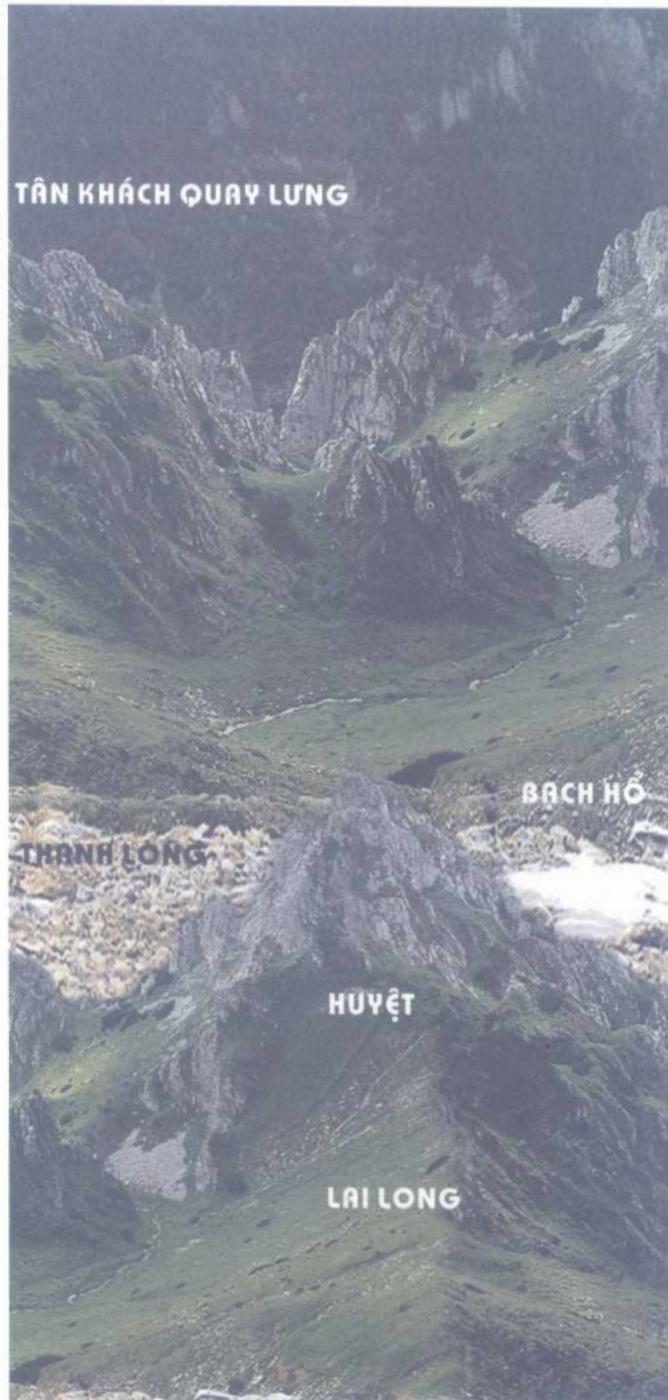
1. Hướng tới núi chủ sinh vượng và hữu tình, như Ngọc đới hoàn yêu (Cách gọi của phái hình thế, chỉ dòng nước, dãy núi bao quanh hình vòng cung), từng ngọn núi hướng về núi chủ; không chèn ép Huyệt chủ, cũng không cao đè ép chủ; hoặc như hình trăng lưỡi liềm cong cong hướng vào Huyệt mộ, là sinh vượng cho Huyệt.



Tân khách hướng về



2. Quần thể núi quay lưng vào chủ, khiến Huyệt mộ trở nên cô lập, vô tình, không được Huyệt chủ sử dụng, rõ ràng không thể sinh vượng. Án Sơn không hướng vào chủ thì cũng không hướng vào Huyệt, chủ bạn bè phản bội, người thân xa rời, không có núi nào hướng vào chủ thì chủ sẽ cô lập, do đó sa sút nhanh chóng.



Tân khách quay lưng



3. Thủy hữu tình, là tướng sinh vượng

Thủy ôm ngang hông, gọi là Kim Thành Thủy, hữu tình với chủ. Thủy tụ ở Thiên Tâm là hữu tình. Nhìn nước uốn lượn hữu tình là Huyệt chủ sinh vượng.



Thủy hữu tình



4. Nước chảy ngược, quay lưng, không hướng vào chủ là vô tình

Nước đến rồi lại vội đi, nước chảy nghiêng, chảy ngược hướng hay phản cung với chủ là nước vô tình. Có nước vô tình, dù đang vượng, cũng khó tụ. Như vậy là chỉ bị bạn bè phản bội, người thân xa lánh, phải đi lang thang khắp đó đây.



Thủy vô tình



LẬP HƯỚNG CẦN XEM QUAN TÌNH, LỘC TÌNH

Lập hướng đón tiếp Quan thi có lộc, đào huyệt cần đón cát, tránh hung.

Quan tinh và Lộc tinh chính là tên Sa tôn quý. Sa tròn, rộng, màu mỡ là phú quý; Sa sạch, đẹp là quý; còn Sa nghiêng, sập, lún, nứt nẻ là hèn. Sa có hình cong cong như trăng lưỡi liềm là đẹp. Sa đẹp rồi, còn cần xem hữu tình hay vô tình, nếu Sa hướng vào Huyệt, bảo vệ Huyệt thì là hữu tình, là cát. Sa quay lưng vào Huyệt một cách vô tình thì là hung.

Quan tinh là núi ở phía trước núi chủ hoặc núi kéo ngược lại từ phía sau Án Sơn, núi trước núi là cục diện khí chủ và khí vượng ngưng tụ mãi mãi, khí dư từ phía sau vòng lên phía trước, qua Minh Đường, lại ra ngoài Quan tinh Án Sơn, là cục diện Long Hổ đủ khí, phát tiết kết thành, nên có Quan tinh trên Án Sơn hoặc Quan tinh kéo dài từ bên ngoài Án Sơn, núi đẹp hướng vào Án Sơn là Quan tinh. Còn không có núi, mà lại nhìn thấy Thủy thì là Thủy Lộc, Thủy nên kết tụ mới tốt. Sa trước án Sơn gọi là Quan tinh, Sa vòng quanh phía sau gọi là Lộc tinh.

Sơn Thủy hữu tình rồi, thì cần lập hướng để tìm huyệt. Cách lập hướng chính là, Quan tinh phía trước hướng tối huyệt hữu tình là quý, gọi là nghênh quan. Quan tinh phân thành Minh Đường và Ám Quan. Quan tinh phải là núi đặc biệt, khác với những ngọn núi khác.

Quan tinh có khí quý chiếu tới Huyệt, đẹp và hùng tráng ở trước Minh Đường là quý nhất.

Núi phía sau là Lộc Sơn, là tọa sơn Tinh đinh sau huyệt, hình núi tròn, rộng và đẹp là cát, có Lai Long, hình dạng oai phong là quý; núi nhọn lộ đá, gồ lưng, hình dạng kỳ lạ là hung. Lai Long thẳng tới, kết Lạc Mạch, đến vôi nhưng nhận từ từ, hoặc đến từ từ và nhận ổn định là cát. Đây chính là phương pháp Lạc mạch ngang, nghiêng của thập nhị đào trượng pháp, mỗi phương pháp đều có cách thu khí Lạc mạch riêng. Tinh đinh nhỏ, không sợ trống rỗng sau huyệt, không sợ gió thổi, khí tán, mưa ngập và sụt lở.

"Đón cát tránh hung" là thế nào? Quan tinh hướng vào huyệt một cách hữu tình, Lộc tinh ở phía sau đỡ lấy huyệt. Cách đón cát là, phía trước hữu tình thì hướng về phía trước, đằng sau hữu tình thì hướng ra



dằng sau, bên trái hữu tình thì hướng về bên trái, bên phải hữu tình thì hướng về bên phải, nếu có khí sát, cân hóa thì hóa, cân chèn thì chèn, cân vứt bỏ thì vứt bỏ, cân sửa đổi thì sửa đổi. Cách lập hướng là không phải lập hướng theo vị trí Bát quái Âm Dương hòa hợp truyền thống, mà là theo hướng hữu tình của Quan Lộc; còn nếu nước chảy, thượng Sa thuận Thủy khiến thượng Sa tạo nước tới ngắn, hạ Sa rộng, nước đi dài thì sẽ sinh họa hại.

Cách đón cát tránh hung:

Định cát hung theo hình núi và thế nước trước sau, trái phải, trên dưới. Thấy cát thì đón, thấy hung thì tránh.

1. Núi và nước đẹp, ôm vòng hữu tình, có hình dạng đặc biệt là tốt. Núi cần có Sa bảo vệ là tốt, thế núi có nét độc đáo riêng là tốt.

2. Nước tới cần từ từ, uốn lượn, không xung hay cắt chân, cần tụ trước Đường. Nguồn nước tới càng dài thì phát phúc càng lâu. Nước tụ trước Đường càng sâu thì phú quý càng lớn. Nước đi cần có cầm thú bảo vệ Thủy Khẩu mới tốt, nước có đi có lại mới là may mắn, Khẩu Thủy đi tốt nhất nên ẩn không nhìn thấy.

3. Phối Thiên tinh Ngũ hành để định cát hung, quyết định xem nơi nào cần để trống, nơi nào cần thu nạp Sơn Thủy, tìm quẻ để định cát hung theo vị trí nước đến và đi.

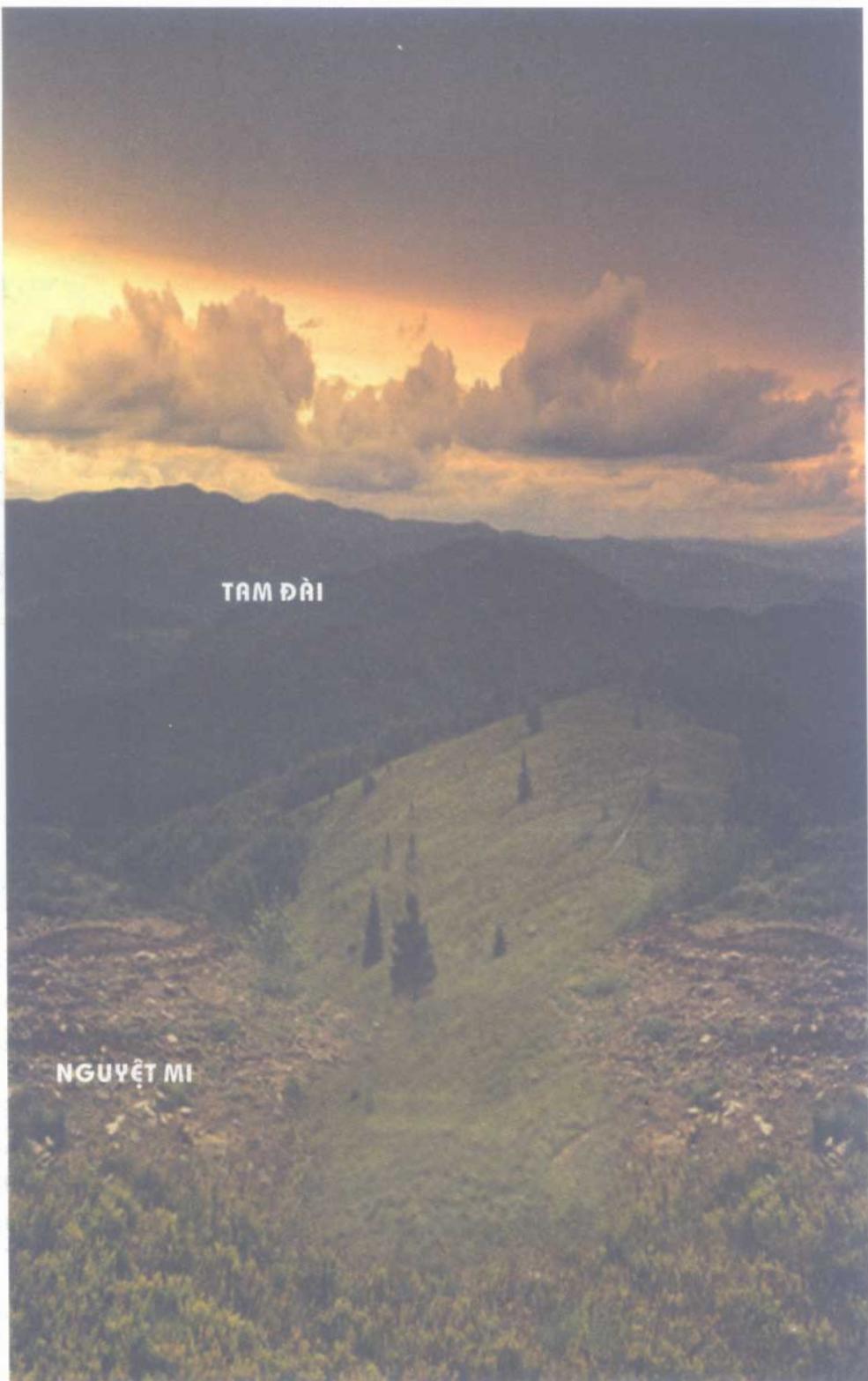
4. Án Sơn và Triều Sơn không nên nứt nẻ, nước không chảy thẳng vào Đường, không lao nghiêng, nếu có thì nên tránh, không nhìn thấy mới là cát. Án Sơn không được để thoát Long Mạch, Án Sơn không được cao to, nếu không sẽ là vô tình.

5. Lai Long Lạc Mạch đi ẩn, hay nhanh chóng nhập huyệt đều là hung. Huyệt tinh đầy đặn hữu tình là cát, không nên lập huyệt ở những nơi nhiều đá, không có cỏ và có địa thế mấp mô.

6. Long Hồ Sa cần hữu tình, quấn quanh ở phía trước, chứ không thể quay lưng một cách vô tình mà đi, Thanh Long cao sẽ đè nén Bạch Hổ, Bạch Hổ cao sẽ đè nén Thanh Long. Sa Thủ không thể sụt lở, nếu không sẽ làm hại người trong Phòng Khẩu theo vị trí sụt lở.

7. Long Hồ Sa quá cao và rộng thì nên lập huyệt ở chỗ cao có hướng ngược lại; Long Hồ Sa thấp thì không thể tàng phong tụ khí, Long Hồ Sa quá thấp thì nên táng thấp.

Một số thế núi đẹp rất tôn quý là Tam Đài, Thiên Mã, Quý Nhân, Kim Chung, Nghiên Trì.

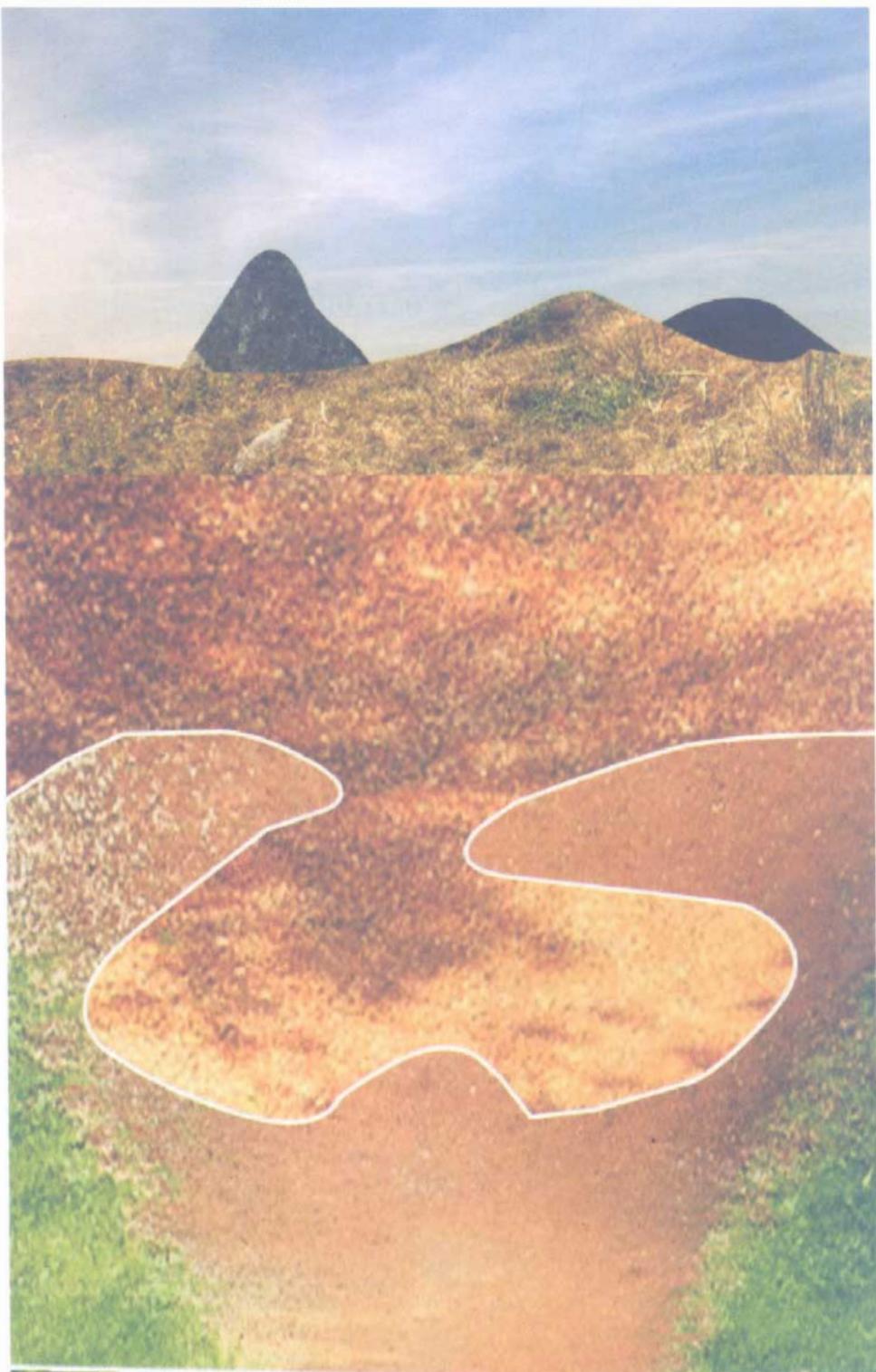


Tam Đài, Nguyệt Mì



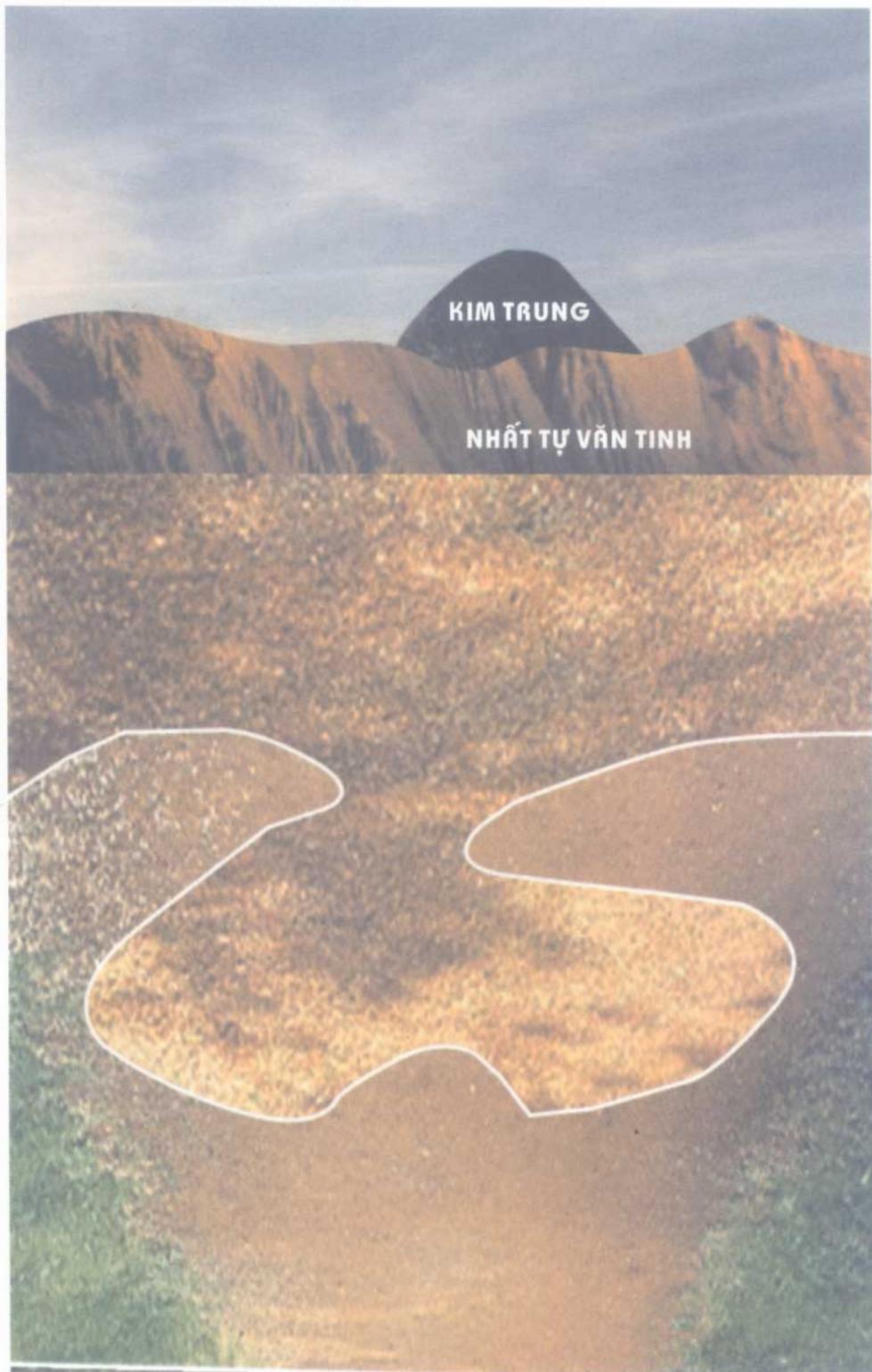


Thiên Mā (Ngựa trời)



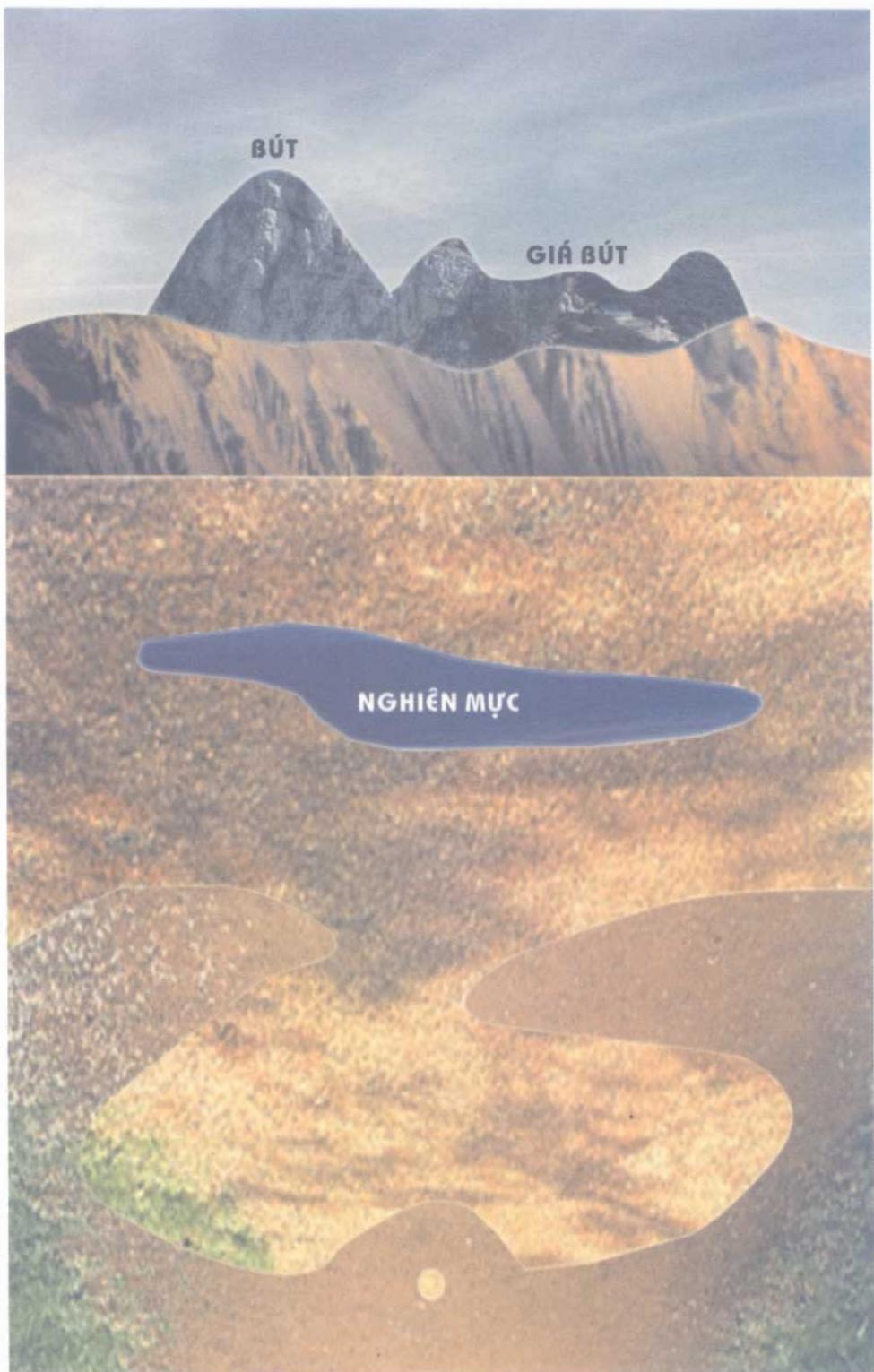
Quý Nhân Sa





*Kim Chung bái Phật (Đồng hồ vàng)
Chủ xuất văn quý*





Mài nghiên mực, chuẩn bị bút,
sáng tác nên những áng văn bất hủ



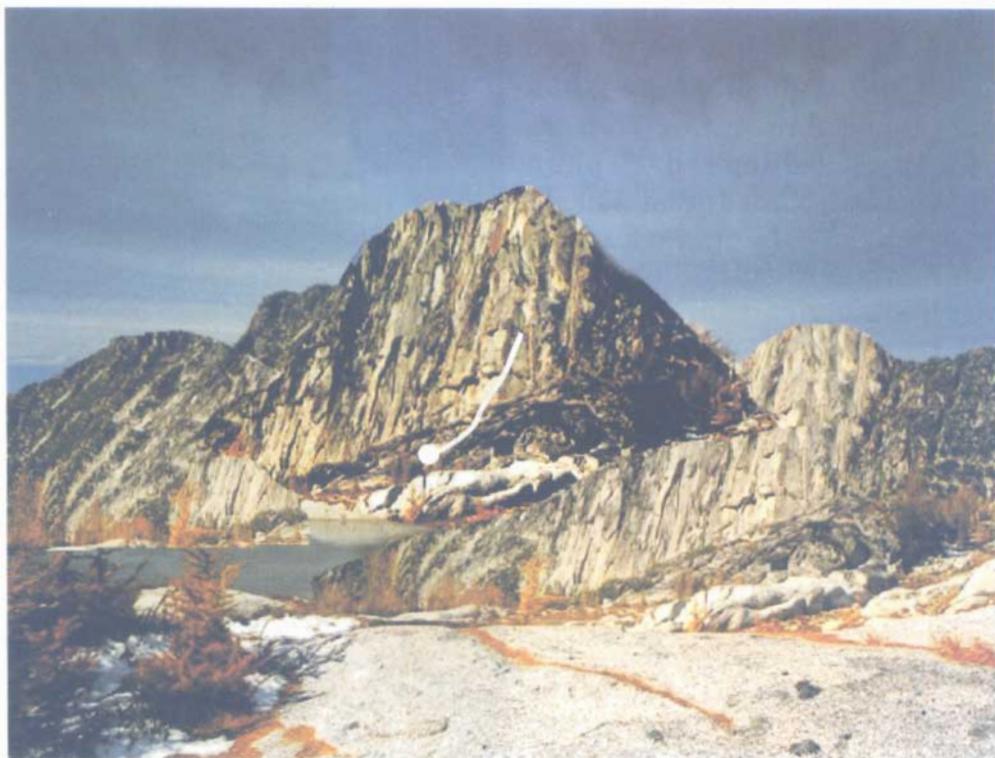


Di chuyển huyệt





Di huyết khi Bạch Hổ chèn ép



Di huyết khi Thanh Long chèn ép





TÌM LONG CẦN QUAN SÁT SƠN THỦY TỪ NƠI CAO, XA

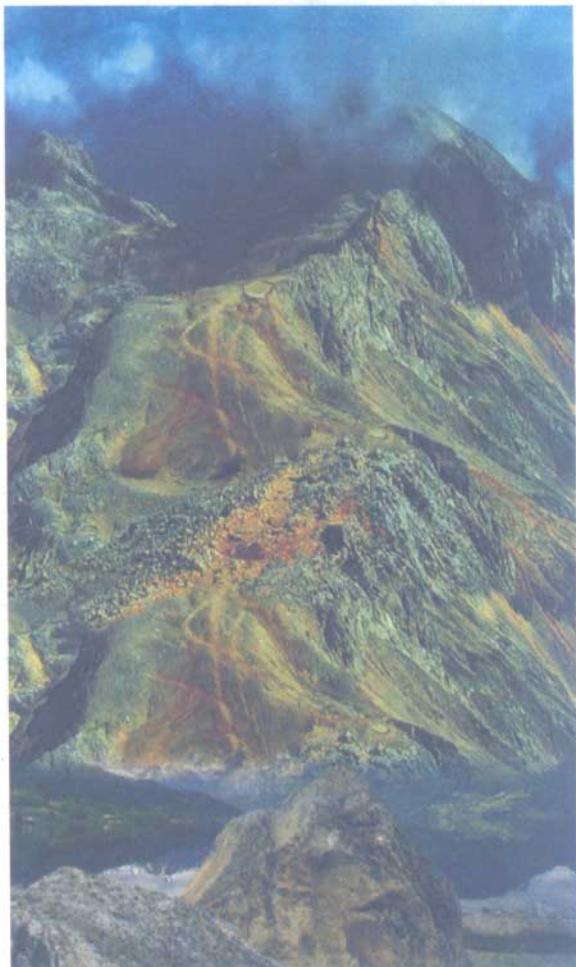
Dựa vào cổ để có kim, quý ở leo cao và trông xa.

Cổ: Có nghĩa là phong cách cổ xưa, đặc biệt là kiểu lăng mộ theo phong cách người xưa.

Kim: Có nghĩa là ngày nay, chỉ sự sáng tạo thời hiện tại. Dựa vào cổ để có kim, tức là khuyên con người không nên tùy tiện xây dựng lăng mộ theo cách riêng của mình, mà trước hết cần quan sát lăng mộ cổ, quan sát lăng mộ cổ để biết được Long Huyệt là thế nào? Và cũng để ứng dụng vào xây lăng mộ cổ hiện đại, làm vậy thì có thể thu được hiệu ứng Tiên nhân tạo phúc âm cho con cháu.

Quý ở leo cao và trông xa: Là chỉ phương pháp tìm Long, tốt nhất là leo lên đỉnh núi cao nhìn các đỉnh núi xung quanh, nhìn thế nước ở hai bên, leo lên đỉnh núi cao (tức Tinh đỉnh) để nhìn xa khắp mọi nơi, xem ở đâu là núi Tổ tiên, Long tới từ đâu, dừng ở đâu, phân nhánh thế nào? Nước tới từ đâu, là huyết mạch của Long hay là do nước từ bên ngoài tụ lại? Cục diện của Minh Đường ra sao? Núi dừng lại ở vị trí nào? Tất cả đều có thể nhìn thấy nếu đứng quan sát từ trên đỉnh núi cao. Đây chính là yếu quyết của Tầm Long Điểm Huyệt.

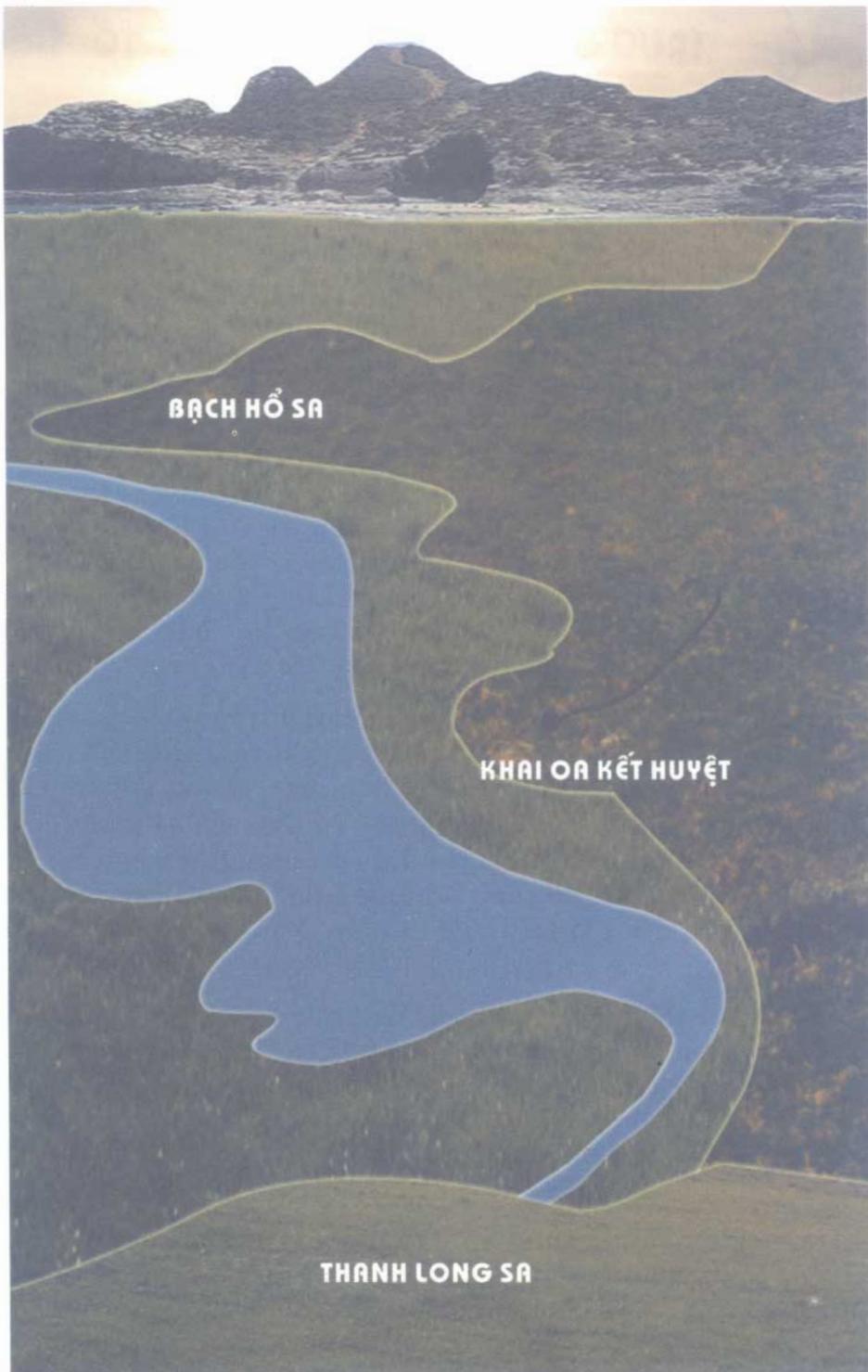
Đứng ở Tinh Thần đỉnh, xem Long Mạch tới từ đâu? Nơi nào nhập thủ huyệt trường.



Nhìn từ cao và xa



Khai Oa kết Huyệt có nước từ bên ngoài tới chảy qua Đường, sẽ như hổ thêm cánh.



Khai Oa kết Huyệt





TÌM HUYỆT CỦA LONG. TRƯỚC HẾT PHẢI NHẬN BIẾT TỔ TIÊN

Long từ xa tới như lâu xuống điện, tìm từ tổ tiên đến nơi kết huyệt.

Lâu: Long lâu. Điện: Bảo điện.

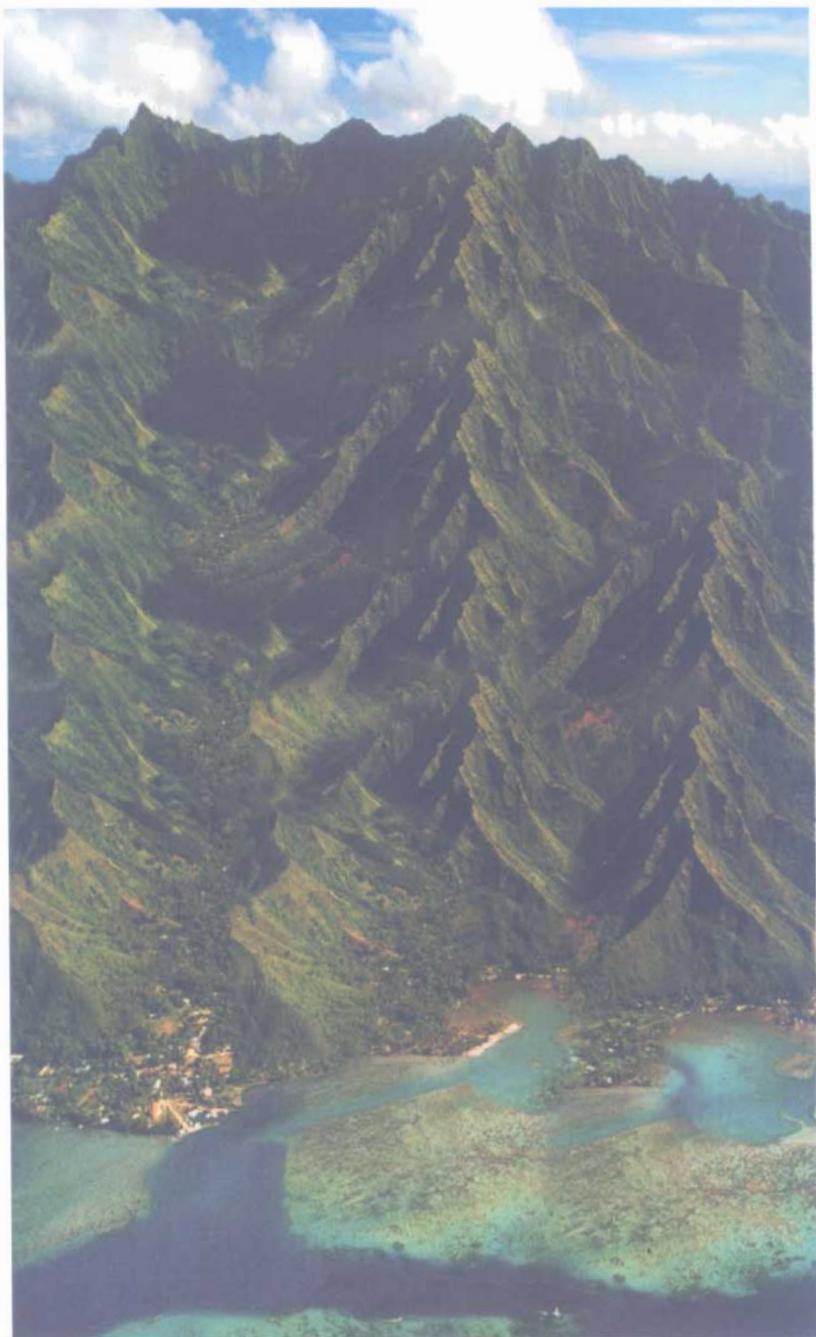
Long nổi lên ở núi Tổ tiên, đỉnh núi cao to, khí thế hùng dũng, hiên ngang, giống như cung điện.

Núi Tổ tiên phần lớn là núi hình Hòa. Núi nhọn, nhiều đá, hiên ngang, cao to sừng sững nên là núi Tổ tiên. Ngọn cao là lâu, bằng phẳng là điện. Núi cao sừng sững phán Long gọi là núi Thái tổ. Long đến giữa lại nổi lên Tinh đỉnh là núi Thiếu Tổ. Núi Thiếu Tổ lại phân trưởng xuất mạch, gọi là núi Phụ Mẫu, còn gọi là Long nhập thủ, tiếp tục nổi lên Huyệt tinh, dần dần hướng xuống, trải qua lột xác, khúc khuỷu, hóa khí nhiều lần rồi kết Huyệt. Vậy làm thế nào để quan sát phân Long xuất Mạch? Quan trọng nhất là cần biết đâu là Long đẹp nhất, đó mới là Chân Long, là Long có hành khí vượng nhất, lại cần có Hộ Long và nước cùng mạch đi theo.

Thế nào mới là cát lợi: Nếu theo Long chủ đi thẳng ra trước thì không được bỏ dở giữa chừng, mới định ra nơi kết huyệt tốt. Làm thế nào để phân biệt sang hèn của Long? Thật giả, sang hèn, ngang dọc, đẹp xấu của Long hoàn toàn dựa trên Lạc Mạch vào của núi Tổ tiên, do đó xem Long không thể chỉ dựa vào một hai đốt "nhập thủ huyệt trưởng" mà cần leo cao trông xa tìm Lai Long và độ đi, có thể xa hàng dặm, từ núi cao, đi dần xuống dưới, đầu tiên đoán định vị trí Long nổi lên, xuất mạch ở giữa, hay xuất mạch ở hai bên.

Tiếp đến, quan sát tướng tận Long kết thúc ở đâu, không được sụp xa và sụp khỗ. Quan sát toàn bộ Long mới có thể "Tâm Long Điểm Huyệt", điểm mấu chốt của quan Long tâm Huyệt là cần phân biệt rõ núi Tổ tiên xuất Mạch ở đâu, tiếp đến nhận biết hành tung của núi Tổ tiên, xem hình dáng sau khi xuống điện, dự đoán hướng đi và nơi khí tụ, mới có thể tìm được Huyệt trưởng.

Chân Long không nhất thiết phải cao to, chỉ cần có nét nổi trội nhất là được. Núi cao to thì Chân Long nhỏ bé, nhiều núi dài thì Chân Long ngắn, kích thước của Chân Long là điều kiện quan trọng để quyết định kết Huyệt dài ngắn, rộng hẹp, cần phải đối xứng mới là tốt.



Chân Long có bảo vệ hai bên

Còn Quý Long là thế nào? Quý Long Hành Long thực sự, thì hai bên trái phải đều có bảo vệ của Long và song hành cùng Long, hơn nữa phải hỗ trợ nhau, bên trái văn (trống), bên phải võ (cờ) gầm thét dương uy, tạo khí thế sục sôi.





NÚI TỔ TIỀN VƯỢT HẮN LÊN THỂ HIỆN SỰ TÔN QUÝ

Núi tổ tiên cao lớn hùng vĩ, núi phân nhánh sê phú quý.

Xem giải thích chi tiết về núi Tổ tiên ở phần trước. Ý nghĩa của cả câu là núi tổ tiên cao vút vượt hẳn các núi khác, các chi Long mạch từ khởi đầu đến kết thúc đều tập trung ở nơi đại phú quý. Tuy nhiên, cần biết rằng, núi tổ tiên là đỉnh núi để lại dấu tích trước khi phân mạch, núi cao đâm thẳng vào trời mây là tốt.

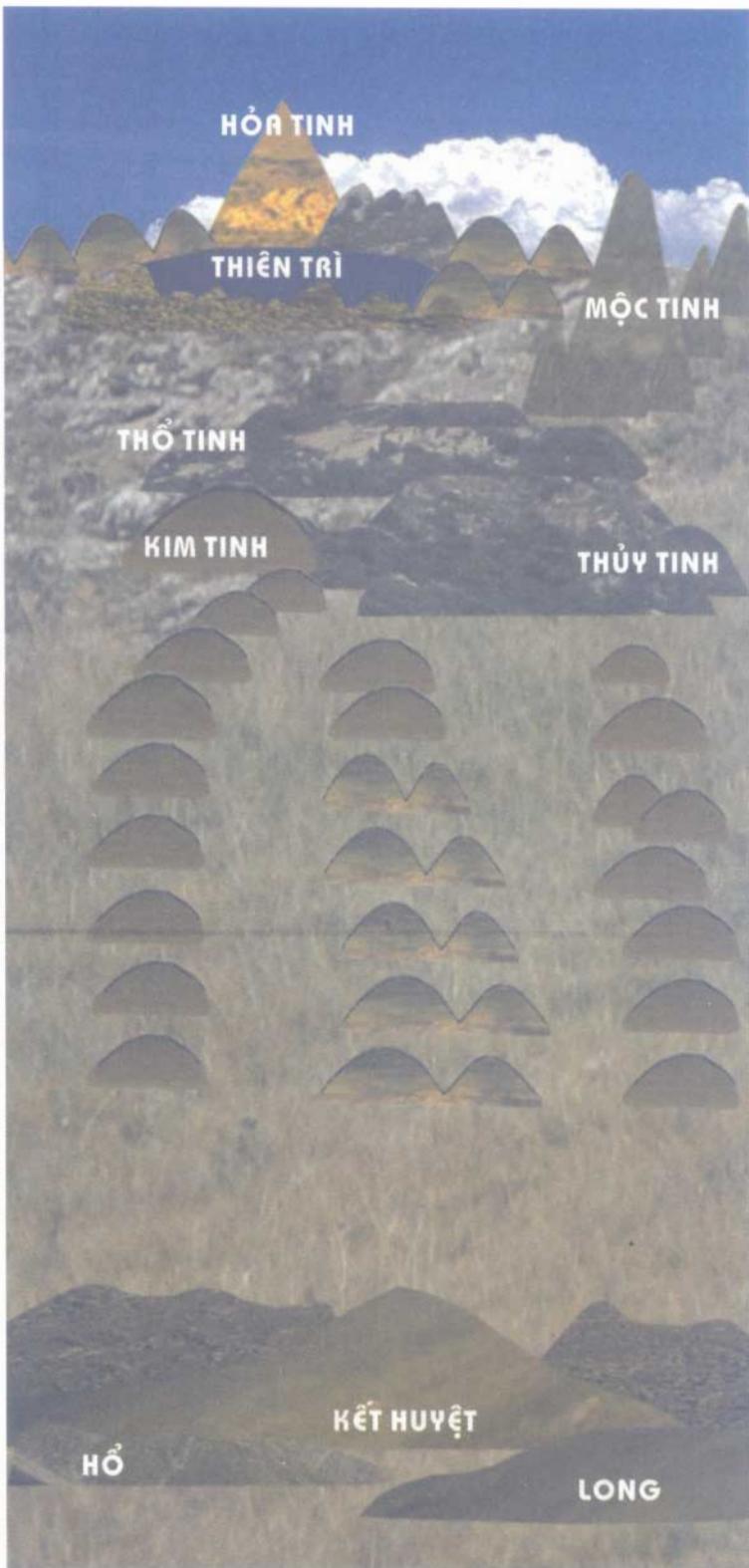
Núi tổ tiên là cội nguồn của quần thể núi. Nước phải tích trữ phòng khi dùng đến, vì thế nước nhiều là quý.

Núi tổ tiên cao vượt hẳn các núi khác, ở phía trên bảo điện của Long lâu, núi đá cheo leo, gọi là Tụ giáng Sơn (thuộc Liêm trinh hỏa Sơn, núi Tổ tiên coi Liêm trinh Sơn là quý). Tụ giáng rồi phân Long xong mà ra, phân Long lấy trung tâm phân trưởng là quý. Trưởng càng nhiều càng quý, trong trưởng có quý nhân, là mức độ cao nhất của Long cách.

Ký Châu, Lạc Dương, Chung Nam do Đại Long kết thành đều là Đế viên Đế kết. Tụ giáng quy viên, đây chính là nơi núi tổ tiên đại quý. Nếu trên đỉnh núi tổ tiên có mây và khí màu tím đổ xuống, ngưng kết thành Thiên Trì nuôi dưỡng che chở Long mạch là tượng trưng cho Long khí hưng thịnh. Nếu trên Huyệt đình tinh có Ngũ phủ quý tinh (La tinh) kết thành Ngũ tinh liên châu thì Long mạch vượng nhất. Nếu vượng khí hình thành bởi ngọn ngũ hành và xuất mạch, kết huyệt thì chắc chắn có đại phú đại quý, con cháu làm chức to, được hưởng vinh hoa phú quý, sống mạnh khỏe an lành.

Tổ tiên tốt mới sinh ra con cháu tốt, chính là ý nghĩa này.

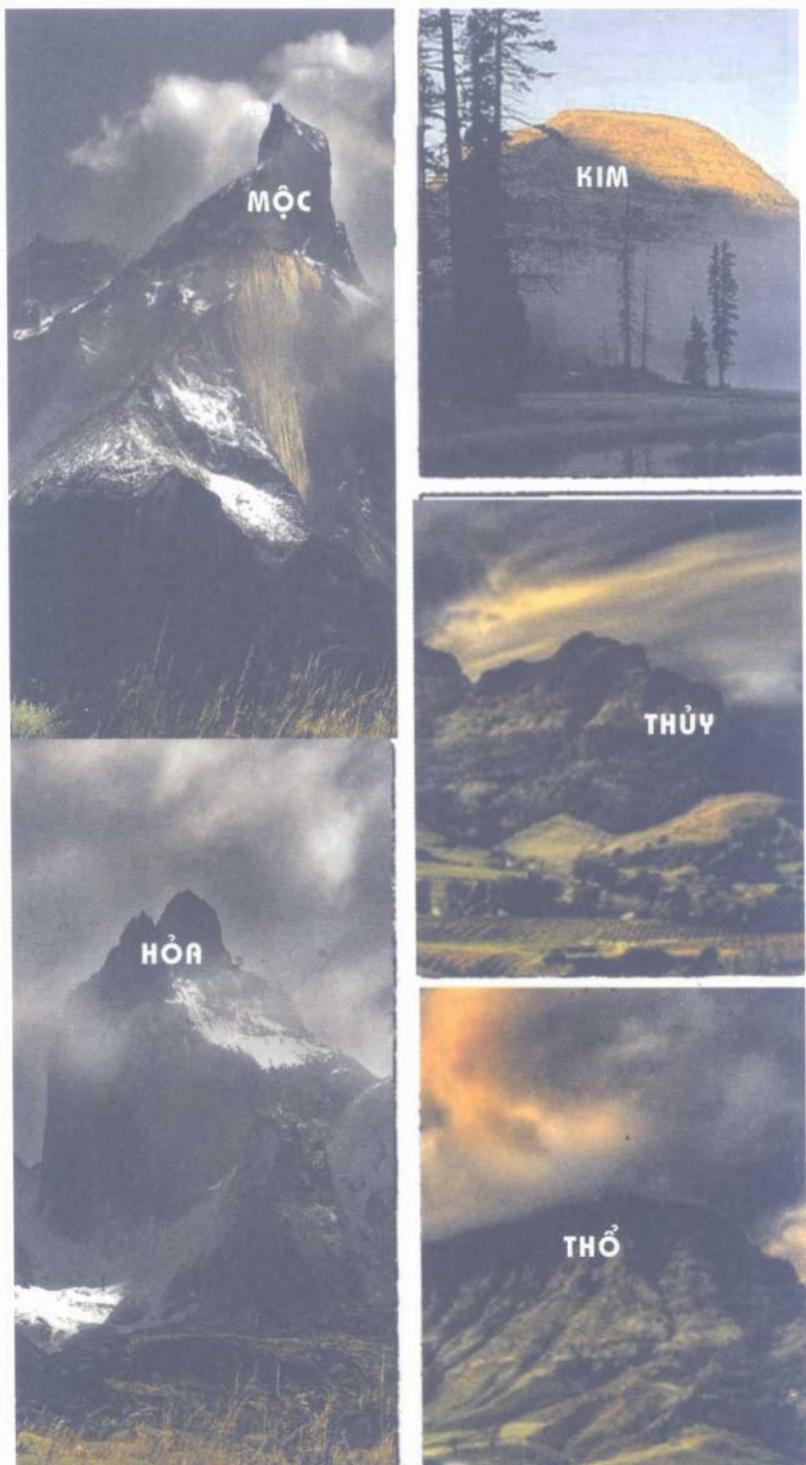
Đại Long (Hỏa tinh) ở nơi nước tụ sâu thì xuất trưởng khai mạch. Kep thiên trì ở giữa, Hành Long tiến thẳng phía trước kết huyệt, trong Đường không có nước, nhưng trên đỉnh núi tổ tiên lại có thiên trì, nước ở trong thiên trì bảo vệ Long, vẫn kết thành nơi phú quý.



Khai đường kết huyết, Thủy tụ Thiên Tâm



Đỉnh núi có cùng lúc các hình dạng tương ứng với Ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, gọi là Ngũ tinh liên châu, là Tinh thể rất được tôn trọng.



Ngũ Tinh liên châu

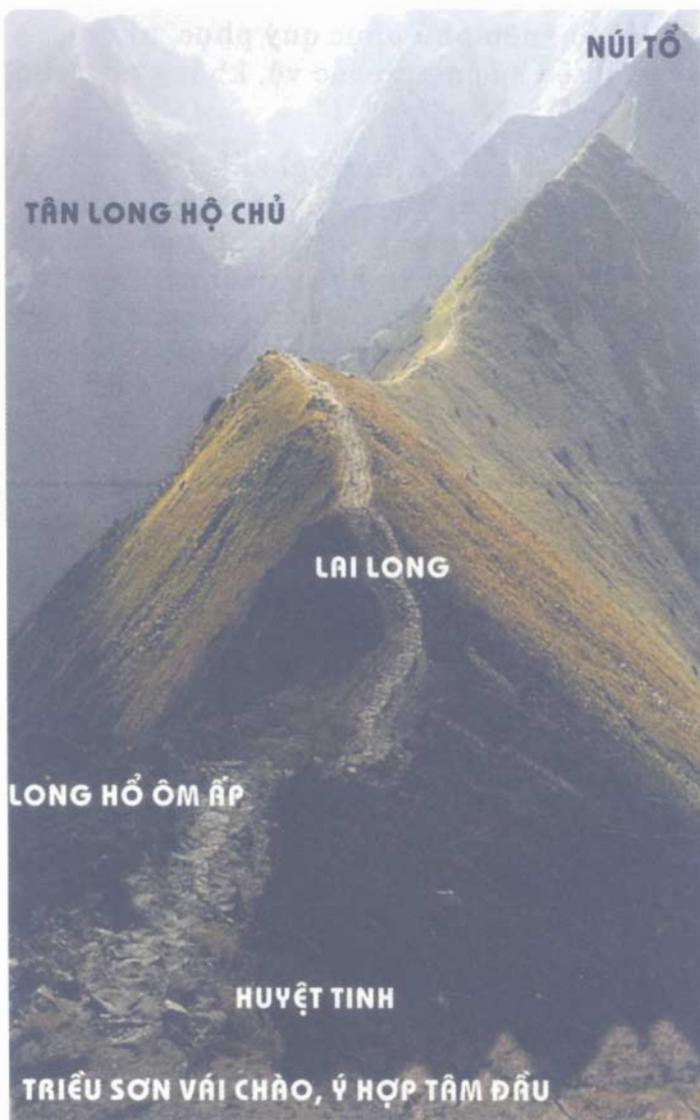


ÁN SƠN. KHÁO SƠN TÂM ĐẦU Ý HỢP

Tân chủ nghênh đón nhau, tình ý tương hợp

Chủ : Tinh đỉnh phía sau huyệt là chủ.

Tân: Núi tổ tiên xuất và núi phụ mẫu song hành, Tôn Long được bảo vệ, Hộ Long là tân, hoặc chỉ Án Sơn phía trước huyệt.



Chỉ rộng ra là phân Long phía trước sau, phải trái của huyệt trường vái chủ. Tân khách cần hướng về phía chủ, là cục diện núi đẹp, hữu tình, tương hợp. Còn quay lưng lại chủ là vô tình. Hồ: có nghĩa là ý hợp tâm đầu. Núi tổ là cội nguồn của huyệt, tân là sự kết phối của huyệt, cả hai vái chào nhau, thể hiện rõ ý hợp tâm đầu, hợp nhau mới thúc đẩy phát triển, là điều mọi người đều mong đợi.

Tân chủ hữu tình, hộ Long có sức





LỚP LỚP BẢO VỆ. ĐẠI TƯƠNG ĐĂNG ĐÀI

Hữu phục, tả giáng (bên phải cần phủ phục, bên trái cần quỳ), tinh thần vững vàng. Tiền hô hậu ứng, khí tượng hào hùng.

Tả: Chỉ Thanh Long

Hữu: Chỉ Bạch Hổ

Cả hai đều là Huyệt Trường Hộ Sa, nên phủ phục quỳ phục, nhưng độ cao phải thích hợp, quá thấp ắt sẽ thiếu sức mạnh bảo vệ, không tốt. Quá cao ắt chèn ép chủ, cũng không tốt.

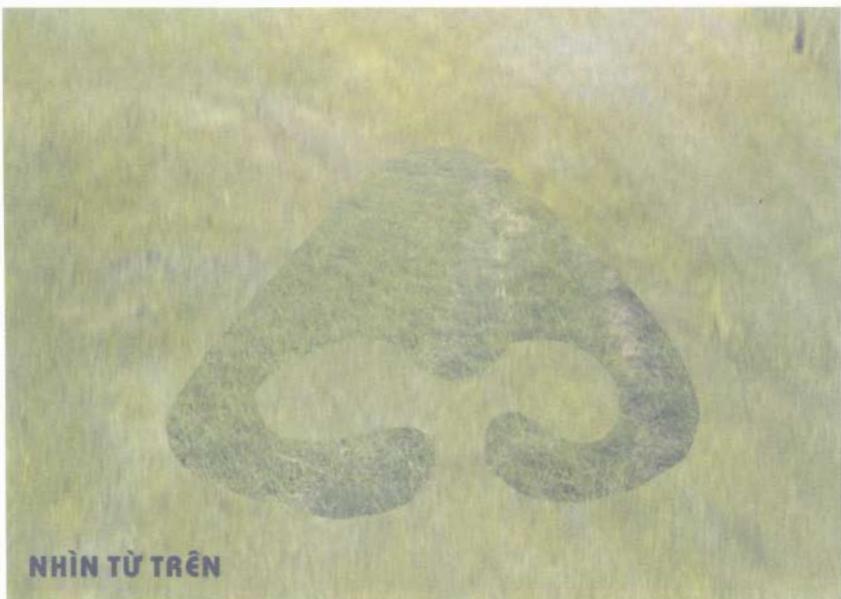
Tả hữu Sơn là núi thị vệ. Tiền hậu Sơn là núi nghênh tiễn. Huyệt trường muốn quý thì Thanh Long bên trái và Bạch Hổ bên phải đều cần quỳ xuống phủ phục. Huyệt trường có Đường như quý nhân ngồi, thị vệ hai bên trái phải phủ phục, tự khắc tinh thần sẽ phấn chấn, vững vàng lên, có lớp lớp tiền hậu, nghênh tiễn Sơn bảo vệ, tiền hô hậu ứng, đại tướng đăng đài, khí thế hào hùng, rất là uy nghiêm. Bốn phía không khiếm khuyết là thế núi tốt nhất. Nếu có khiếm khuyết, hình thế bất lợi, hướng ngược vô tình thì là hung.



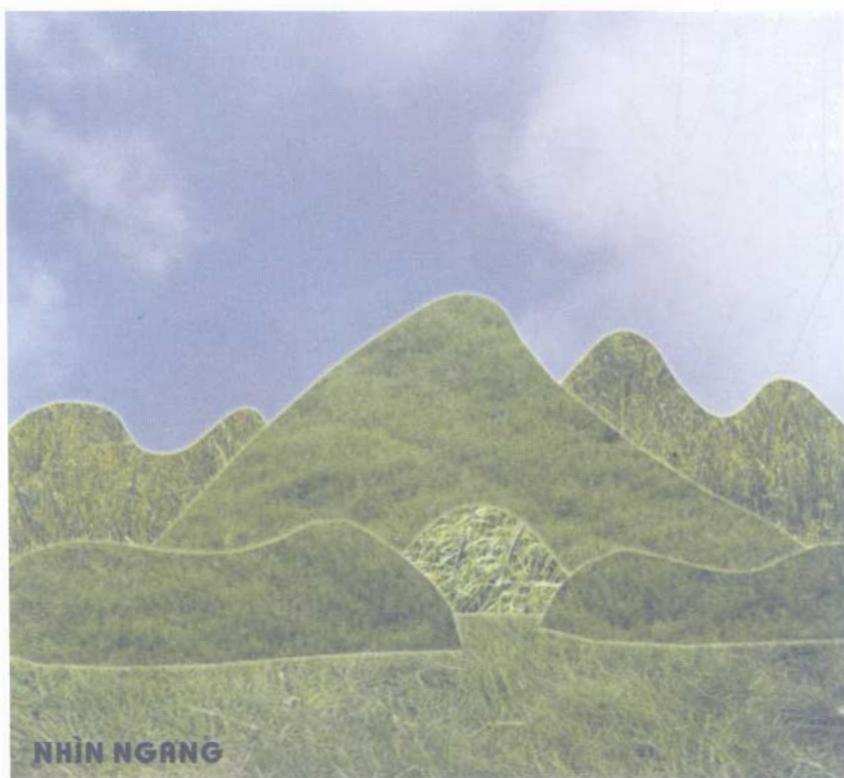
Tả giáng hữu phục



Núi Thanh Long và Bạch Hổ nhô đỉnh ở đầu cuối, giống như nấm đấm đấm vào ngực, là anh em tương tàn, đại hung.



NHÌN TỪ TRÊN

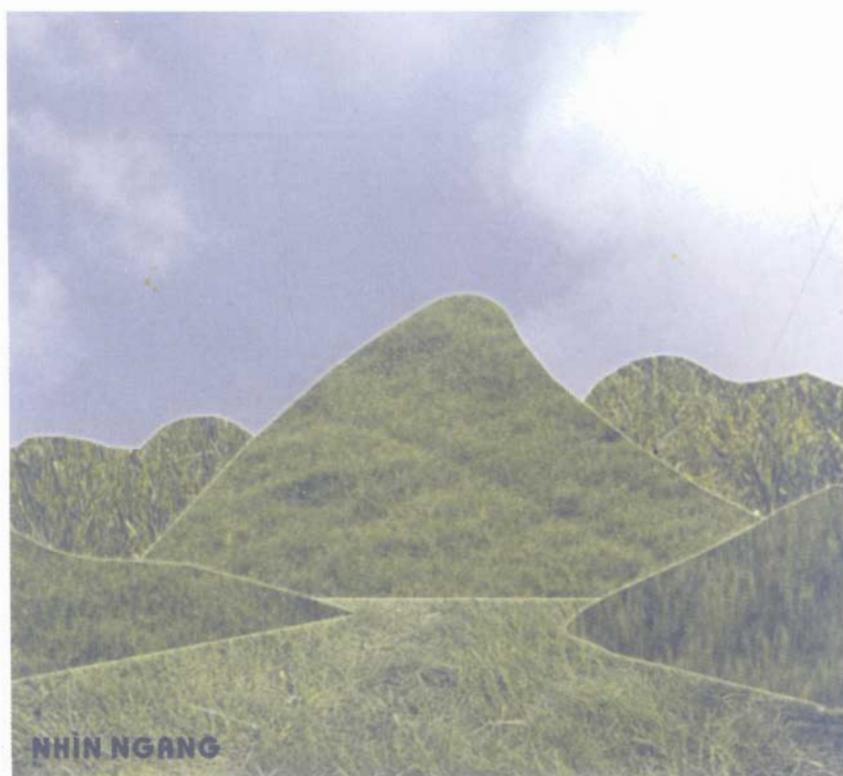
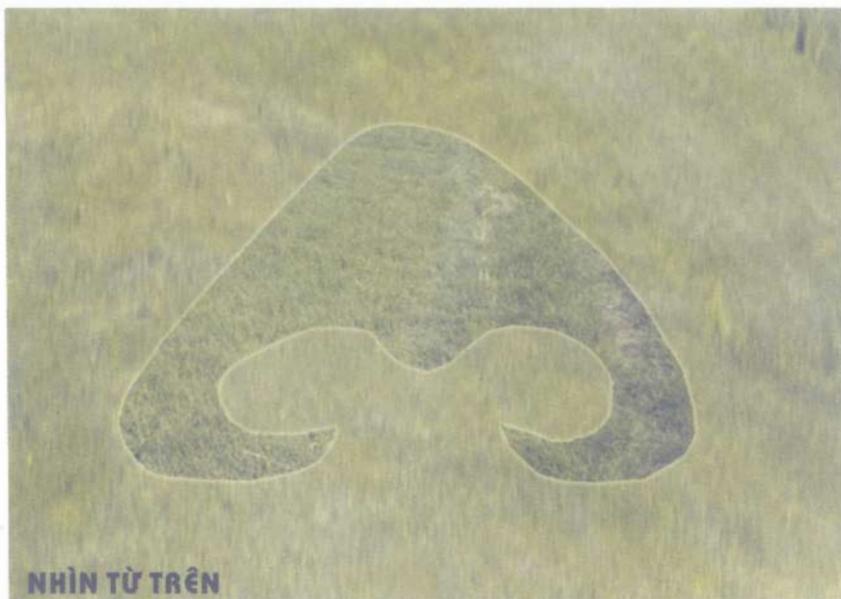


NHÌN NGANG

Hổ đấm ngực



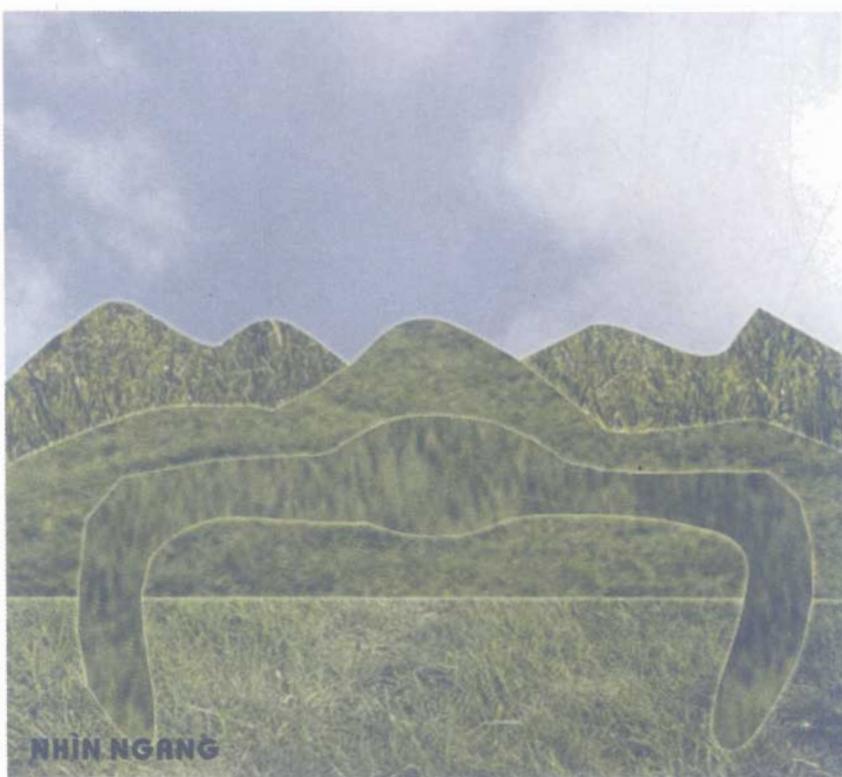
Núi Thanh Long và Bạch Hổ nhọn đầu và hướng đầu nhọn về phía chủ, thì gia đình gặp họa.



Long Hổ nhọn xuyên tâm



Thanh Long Bạch Hổ tuy cần phủ phục, nhưng cần phải là Long Hổ sống, mới có sức và tinh thần. Nếu có hình dạng như sợi dây thừng hoặc như rắn chết, thì không tụ khí, chủ sẽ gặp họa rất nhanh.



Long Hổ dài lòng thòng



Tiền hô hậu ứng, khí thế hào hùng cần như hình dưới đây.



Tiền hô hậu ứng



KẾT HUYỆT CAN THÂN. KẾT HUYỆT CHI BÊN

Sơn mạch có can chi, cần phân biệt đồng Can dị Chi

Sơn mạch: Là thực thể, Long khí là thể khí, là hу thể. Cái gọi là Long chính là hình thế, thế đi, Sơn mạch quy định hành độ của Long, là đường dẫn của hành Long khí.

Đồng Can dị Chi: Long có tổ tiên, tân chủ, tả hữu, hộ tung, chủ can khác nhau, vì thế chia ra làm Can, Chi. Can là mạch chính, như thân cây. Mạch đi ra phía bên là Chi, như các cành cây.

Can Long lên xuống qua các khe núi tạo nên núi Tổ tiên, tạo thành thế, Lạc mạch chính xuất hiện, gọi là *Can xuất trong Can*. Xuất mạch từ đỉnh nhô lên của Can Long hoặc xuất mạch ở hông, từ Tổ sơn xuất Lạc mạch, gọi là *Can xuất trong Chi*. Xuất mạch cạnh Can Long gọi là *Chi xuất trong Can*. Xuất mạch bên cạnh Chi Long gọi là *Chi xuất trong Chi*.

Sơn mạch xuất ra từ trong can gọi là Trung Can. Mà kết huyệt ở tả hữu, là bằng Chi kết huyệt. Can Chi phải phân định rõ ràng, không phải cứ cao vút là Can, dốc bằng là Chi. Vậy làm thế nào để phân biệt rõ ràng? Nghi Long kinh có viết: “Trên Long thân không sinh đỉnh, có đỉnh đều là Chi”, xuất ra từ đỉnh là phân Chi, Can Long hai bên có hiệp hộ, chứ không phải là một núi đơn nhất. Hình có dạng nhấp nhô đứt quãng, dư chi che chắn xung quanh, không nhất thiết nằm ở giữa mới là Can Long, núi Tổ chính là chi trưởng, mạch xuất ở bên là chi thứ. Nhưng nếu chi trưởng kết huyệt phân nhánh, để bảo vệ thân thì lại biến thành thứ; còn nếu Long mạch nhánh chuyển thân trở thành một Tinh khác, thì lại biến thành chi trưởng.

Can Long xuất trong Can Long, tức là núi Tổ tiên phân mạch thành Can Long, Can Long xuất mạch, khí thế mạnh mẽ là đại tướng có tài. Mạch chính xuất Can Long là sē kết vũ quý (mạnh mẽ và cao quý).

Ý nghĩa của Chi Long xuất Can, mạch phân nhánh từ núi cha mẹ (núi tổ tiên phân nhánh thành) gọi là Chi Long, Chi Long xuất mạch, Trung Can hoàn mỹ, tiền hô hậu ứng, tả hữu bảo vệ, kết Huyệt công hầu phía dưới.

Nô Sa (Hộ Sa), bắt nguồn từ Chi Long kết tiểu huyệt, chưa chắc đã là

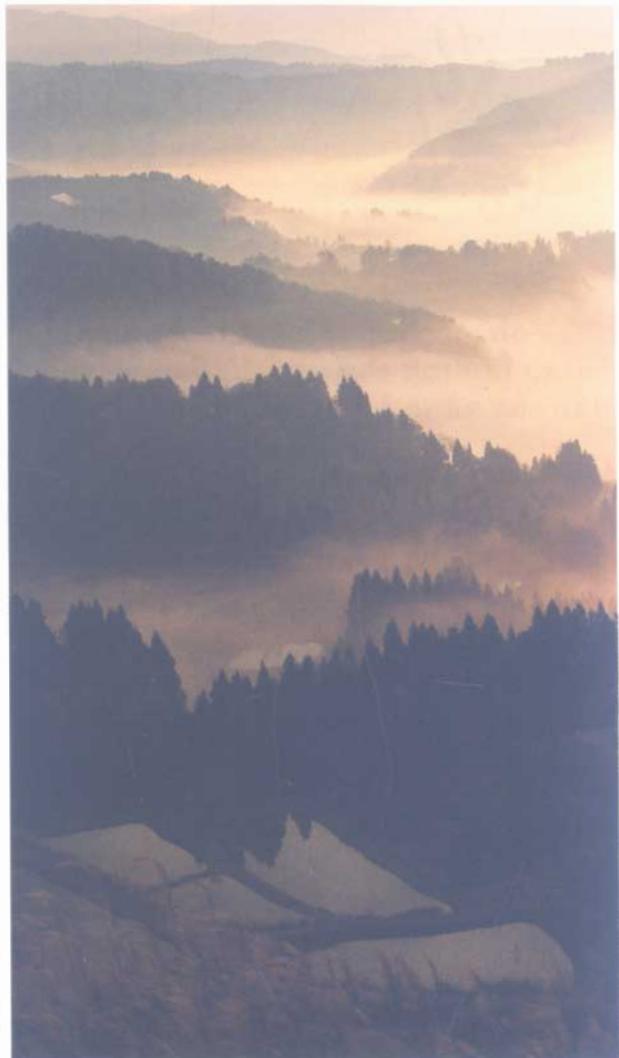


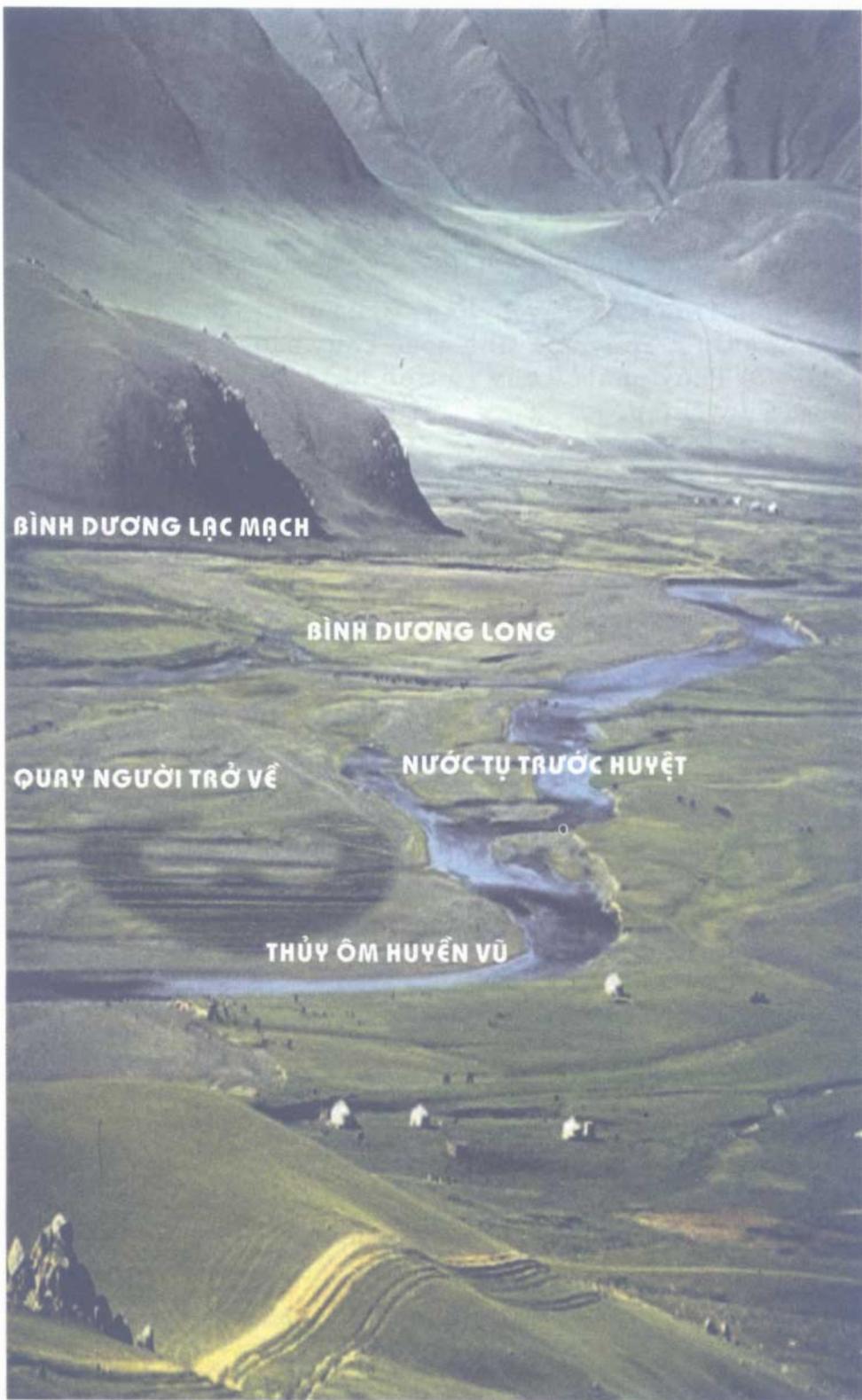
huyệt quý. Sức bảo vệ của Long, nếu thế núi hùng vĩ, sau khi lột xác, trở thành đỉnh cao sừng sững, vượt qua khe, thắt hầu tạo thành Tinh đỉnh, tả hữu có Long bên cạnh bảo vệ, hô gọi là tói, lại có Long Hổ Sa tầng tầng lớp lớp bảo vệ, Hành Long càng nhiều hộ vệ thì càng nhiều quý khí, người đời sau càng được hưởng nhiều phúc âm. Long có bệnh hoặc một bên có Hộ Long, và một bên không có Hộ Long; hoặc một bên cây cối sinh sôi nảy nở, một bên cây cỏ khô héo; hoặc một bên hoàn mỹ, một bên sụt lở; hoặc bị nước cắt ngang chân; hoặc bị nước xối làm gãy mạch, chõ kết huyệt tuy có Đường sáng sủa, đẹp nhưng lực của phúc âm không lớn. Thế đi yếu, xương cốt gày gò như que củi là Suy Long, các nhánh khô héo, thiếu lực tiến lên phía trước, khí dễ phân tán, kết huyệt như vậy sẽ sinh cảnh bần hèn. Dù là Can Long hay Chi Long thì đều phải dựa vào sự thịnh suy, đẹp xấu, mạnh yếu của Long mà định ra tốt xấu, cũng như sức mạnh tạo phúc âm cho người đời sau.

Long chia ra làm hai loại là Sơn Long (Long đồi cao và Long đồi thấp) và Bình Dương Long, mỗi loại có nét đặc thù riêng. Sơn Long quay đầu về chủ, Tọa Sơn trống trải, thì thi thể chuyển màu đen, nước ngập quan huyệt, người nhà không yên ổn.

Bình Dương Long đến ngược theo dòng nước, quay người trở về, thì không sợ tọa bị trống, hiệu ứng của Bình Dương Long và Sơn Long là khác nhau.

Phân biệt cát hung của Sơn Long và Bình Dương Long như hình trang bên.





Bình Dương Long





BA NHÁ NH THỦY TỤ TRƯỚC ĐƯỜNG, CHÍN KHÚC THỦY LAI TRIỀU

Bàn về Thủy pháp thì phải nói tới Tam xoa Cửu khúc

Thủy pháp: Tình thế hợp với pháp độ của quan Thủy, Thủy có hai dạng vô tình và hữu tình. Thủy hữu tình hoặc Thủy bảo vệ và đón tiếp thân chủ là phù hợp với Thủy pháp. Thủy vô tình hoặc Thủy chảy ngược là không phù hợp với Thủy pháp.

Tam xoa: trước Đường có các dòng nước giao nhau hội tụ.

Cửu khúc: Nước đến cần uốn lượn từ các hướng khác nhau đổ về Đường, nước đi cần uốn lượn bảo vệ Huyền quan, hoặc uốn lượn bao quanh Thủy Khẩu, Thủy uốn lượn vòng vèo là tốt. Có được Thủy Tam xoa Cửu khúc là vô cùng tôn quý.

Nếu tình thế của Thủy không hợp với pháp độ, thì phải dùng biện pháp tránh, nhưng không nên dùng quẻ, phuơng vị, tinh pháp, mà nên thay đổi hình thế, biến Thủy vô tình thành Thủy hữu tình. Nếu không thể thay đổi thì tránh không dùng. Nếu có Tam xoa tụ trước Đường, lại có Cửu khúc Thủy lai triều, nước đi lại quanh co uốn lượn thì chắc chắn là chỗ Thủy pháp quý nhất.





3.2 LONG MẠCH

BÌNH DƯƠNG LONG KHÓ THẤY NÚI

Sơn và Thủy có mối quan hệ gắn bó thân thiết với nhau nên chúng ta nhất định phải quan sát thế nước chảy. Sự biến đổi của Sơn mạch thường là vô cùng vô tận, rất khó đưa ra nhận định, phán đoán chính xác. Núi thường nhấp nhô, gồ ghề hoặc có thể bị đứt gãy, hình thế rất dễ nhận thấy nhưng có thật có giả, rất khó nhận biết.

Núi non ở những vùng đất thấp, trũng lại càng khó nhận biết bởi chúng thường hoặc ẩn hoặc hiện, hoặc nhô lên cao hoặc lõm sâu xuống thấp, hoặc có nhiều hòn đá tảng lởm chởm, hoặc như sợi chỉ uốn mình trong không gian, hoặc như rắn đang trườn trong bụi cỏ,... Như "Tâm long kinh" đã từng viết: "Nơi bình dương không thấy hình thấy ảnh, như một vách mờ, dù có tâm quyết của Dương Quân Tùng, thì khi hình như chim ưng trốn trong mây, rất khó mà nhận biết". Có thể thấy khi Long mạch lột xác, vượt đến bình dương, vô hình vô ảnh, phải lần tìm vết tích của Long, như chim ưng báy tít trong tầng mây, muốn nhận biết được là rất khó.



Bình dương Long



Sơn mạch bản thân đã khó nhận biết, Sơn Long nơi bình địa lại càng khó nhận biết hơn, hoặc để lại vết tích ở những nơi đất đai rộng lớn, hoang vu; hoặc ẩn tàng ở những vùng đất ven các ao hồ, sông suối, Mạch chạy hoặc Tinh tán ở những vùng đất thưa người, vắng lặng, nơi có địa hình phức tạp, khó nhận biết.

Hành Long có khi tụ tập ở những nơi đông đúc, nơi phồn hoa đô hội nên tất cũng có nhiều Quý khí tụ tập, bốn bên đều có khí bốc lên. Nếu đứng từ xa quan sát những nơi này sẽ không thể nhìn rõ vì nhìn như khói bếp bay ngùi ngút che khuất tầm nhìn. Vì vậy, Sơn mạch bình địa sẽ khác với Sơn mạch ở vùng núi.

Long bình dương dù bằng phẳng như một tấm thảm, nhưng chỉ cần cao hơn một thốn sẽ là Sơn, thấp hơn một thốn sẽ là Thủy, địa hình sẽ có những chỗ phân biệt cao thấp, lồi lõm. Giữa các đoạn, trong trường xuất mạch rồi qua khe, dấu vết liền chuỗi, giới thủy phân hợp. Nhiều lúc hộ Sa không khác gì mấy với núi cao, Long bình dương nhìn không rõ rệt, rất khó phân. Xem Tình cũng là xem lúc đứng thẳng, còn nếu nǎm như Mộc tinh đảo địa thì phải quan sát như khi đang đứng thẳng. Đó là bí quyết để quan sát Bình dương long.

Bình dương thấp thoáng, nửa nổi nửa chìm cũng giống như dãy núi cao có đoạn nhô hẳn lên, nơi đứt gãy là núi cao qua khe thắt hâu, đất bằng như con giun chuyển động lên xuống, đây cũng là đỉnh và chân của ngọn núi, phần chân hướng về phía sau, phần đỉnh hướng về phía trước. Những nơi đất rộng và dày, là vai cánh của ngọn núi. Những nơi nhọn, thẳng, gấp khúc, vuông hay tròn chính là các hình dạng Hỏa, Mộc, Thủy, Thổ, Kim của ngọn núi.

Nếu vì việc mở rộng diện tích khiến cho đất đai bị mất đi hình thể ban đầu, thì lấy chỗ nổi lên làm gốc, tìm Thủy khẩu đến và đi để phán đoán về Địa mạch, thì sẽ biết tình hình chung. Vì có đất nhô lên thì mới có Long khí, Địa long hành độ tất sẽ phải có dấu tích của ẩn Long, bên trái và bên phải chắc chắn có Sa Thủy bảo vệ, qua khe sẽ có Hộ Sa đưa tiễn. Sau khi qua khe núi cũng có thể nhìn thấy núi đá nhô lên. Chỗ Bình long giống như một gáy trong trường, Thúc khí như có các nén bạc đón tiếp. Sau khi qua nơi đất bằng trống trải, rộng rãi, sẽ có Thổ mạch dẫn tiếp, qua sông hoặc qua khe núi tất sẽ có Thạch cốt xuyên qua.

Vậy chọn huyệt ở Bình dương long như thế nào?

Tại nơi Kết huyệt, sẽ hơi nổi gồ (Tiểu tinh đỉnh), đây là nguồn chính của Huyệt khí, hơi mở hàm ếch, trước mặt hơi có Minh Đường, hai bên cũng có Tiểu sa thủ, được bao vây bởi một vùng nước rộng, cũng có Long Hổ Triều Án, ẩn hiện. (Nơi Sinh khí dừng sẽ có đất bằng nổi cao, có thể

nhìn thấy Long khí, bên trái và bên phải đều có núi nhỏ bảo vệ để Long khí không bị phát tiết ra ngoài, trong Sa có hình thế nước chảy, thế nước và Sa nhỏ bao bọc ở phía trước Huyệt).

Tinh đinh sinh Huyệt khí, Kiềm khẩu là nơi sinh khí tích tụ. Chiên thần lại là nơi khí tự ngừng.

Nếu Bình địa không Khai khẩu thì thần tiên cũng khó lòng can thiệp. Muốn kết huyệt, Bình địa cần Khai khẩu, Khai khẩu mới có Minh Đường thật sự. Chỉ có như vậy thì Chân khí mới tụ lại. Nếu có thêm Thủy cục thì có thể chọn làm Huyệt.

Nếu muốn xem Thủy mạch, trước hết cần xem Long và hồ ao, sông suối để định hình thế, Thủy phải hội tụ có Sinh khí, thẩm tra hình thế xong thì quan sát sự phân hợp của Thủy, để giới hạn đường đi của Long. Sách "Hám long kinh" đã từng viết: "Cần xem nơi nước tụ và nước chảy, phần kẹp giữa hai đường nước chính là lưng Long". Nơi hai đường nước giao nhau cũng chính là nơi long mạch dừng lại. Sau đó cần xem nước uốn khúc, lập huyệt ở nơi nước uốn cong hữu tình.

"Đã đến bình dương không cần xem vết tích, xen thủy uốn lượn là biết Chân long". Kết huyệt nơi nhiều Thủy, không phân biệt cao thấp, khởi đinh, khai khẩu bằng mắt thường, mà dùng tâm suy xét, chỉ có khi nước ôm vòng và huyệt cạnh nước (bàng Thủy), thuận Thủy hữu tình thì mới quan sát bằng mắt thường.

Bàn về Sa thủ hộ tống và Triều Án, tất cả đều lấy Thủy (nước) làm chủ, tốt nhất là cách Thủy có hình thế đồng ruộng chiếu tới, để thêm hữu tình mới có thể định huyệt. Muốn có được Huyệt trường thật sự tốt đẹp, cần biết cách dùng nhãn lực để quan sát và dụng tâm suy nghĩ thì mới mong linh hội được.

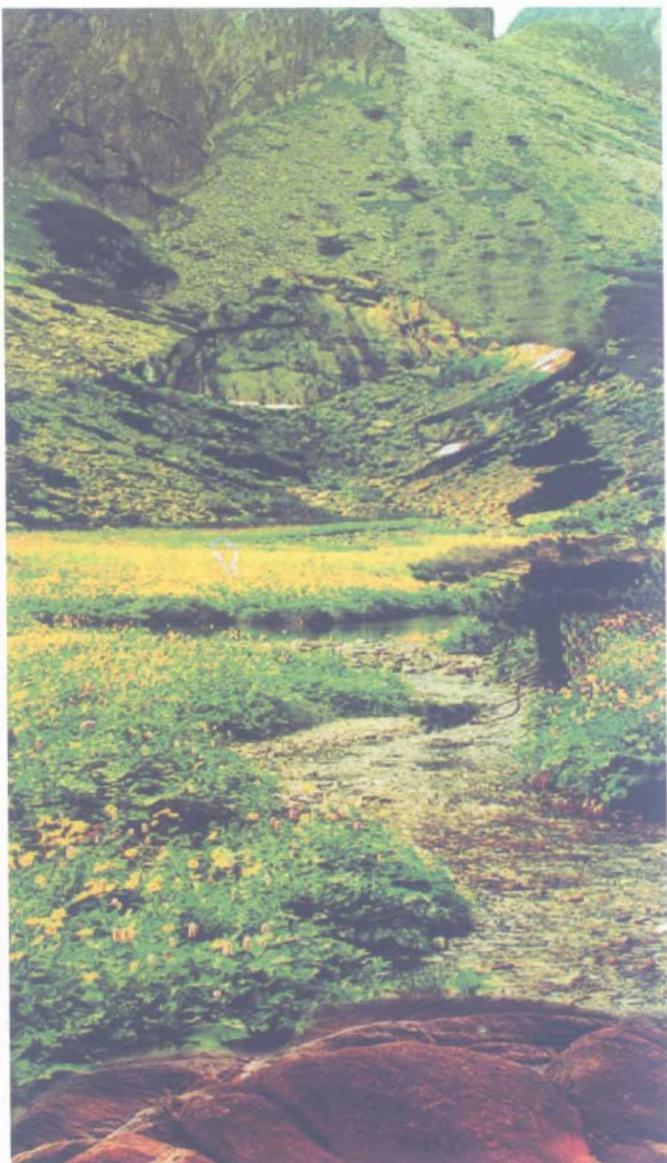




NỘI NGOẠI KHÍ NẨY SINH,
MUỐN BIẾT SINH THÀNH,
KHÔNG THAM XA BỎ GẦN

Hậu tương ứng với tiền. Trong tương ứng với ngoài. Triều sơn ở xa không tốt bằng Triều sơn ở gần. Muốn biết sinh thành, nghịch thế tốt hơn. Nhiều người thích Triều sơn to ở xa, không thích Triều sơn nhỏ ở gần, trong khi ở gần tốt hơn.

Khi phía sau có núi đến bảo vệ, thì phía trước cũng cần có núi tương ứng, đó chính là cái lý hậu tương ứng với tiền. Khi có nhiều khí tầng ẩn bên trong, thì bên ngoài cũng cần có hình thế tương ứng để tránh thất thoát khí. Muốn tìm nơi kết chân Huyệt, tốt nhất nên chọn Triều sơn gần nhất, chứ không nên chọn Triều sơn ở xa. Muốn biết rõ sự tốt xấu của thế cục sinh thành, nên chọn thế nghịch chứ không nên chọn thế thuận. Đa số mọi người thường thích Triều sơn to ở xa, mà không thích Triều sơn nhỏ ở gần, ai biết rằng chọn gần tốt hơn, mà cái ở xa chỉ là cái hư ảo. Phải rất nhập tâm mới hiểu ra điều này, nhất là khả năng phân biệt của mắt để cảm ứng với tình cảnh chung.



Tiền Hậu tương ứng

Long mạch nơi bình địa tuy rất khó nhận biết, nhưng lại có sự chiếu ứng ở cả phía trước, phía sau, bên trong và bên ngoài để làm căn cứ để tìm kiếm Long mạch bởi Đỉnh núi nơi kết huyệt hoặc kết huyệt nơi Bình địa, đa số có vết tích của Tổ sơn, mà có hình Sơn mạch đặc biệt mới là chân Long. Núi cao sừng sững ở nơi xuất mạch, tất sẽ có Quý huyệt ở phía trước. "Hám long kinh" đã từng viết: "Bình địa long bắt đầu từ nơi cao, cao khởi Tinh thấp lạc Huyệt". Nơi đất cao chính là Long mạch, nơi đất thấp là chỗ lập huyệt. Tại nơi có độ cao trung bình, khí tiêm tàng ở bên trong, tất có hình tượng ưu tú phát lộ ra bên ngoài nên có thể chứng huyệt ở bên cạnh. "Táng thư" viết: "Nếu đất có cát khí thì đất cũng theo đó mà nổi lên". Từ những nhận định trên, có thể thấy rằng: Bình dương long cũng có thể phân định được nơi đất tốt, để xác định chân huyệt.

Móng của Triều sơn và Án sơn thường xuôi theo dòng nước, phía trước huyệt không có hàng rào cản trở, nên chắc chắn sẽ phát tiết ra bên ngoài, phúc thường không được lâu dài, sức mạnh của phúc âm cũng không lớn.

Triều sơn cũng có sự phân biệt giữa thật và giả nhưng chỉ Triều sơn thật mới có hiệu quả cũng nhu giá trị sử dụng. Triều sơn thật phải hướng vào huyệt, vì vậy gần tốt hơn xa, núi gần kết hợp với nước gần, chính là Âm Dương tương phôi. Triều sơn giả không hướng về, hình thế Sơn Thủy tốt nhất là vẻ đẹp của tự nhiên, Thủy của Triều sơn hướng về Huyệt trường, Thủy nơi Chính huyệt không phát tiết ra ngoài. Triều sơn ở nơi xa thường là một quần thể núi, không hướng về Huyệt, không nên sử dụng. Triều sơn ở gần có thể phối hợp với Huyệt trường, và được dùng để chứng huyệt. Nghịch là chân của Triều án đi ngược mà cản ngoại khí. Thủy ở phía trước Minh Đường có xu hướng chảy đến phía trước Huyệt, Thủy của chính Đường khóa lại, không thể Triều sơn. Nếu không để một sơn một thủy đi, và có thể khóa theo hướng ngược lại thì đây tất là nơi đất quý.

Trong "Nghi long kinh" viết: "Chỉ thích Triều án nghịch thủy, không thích theo dòng nước chảy thuận chiều, thuận theo Thủy hay Án sẽ không có được sức mạnh, bị gọi là Phá thành, nếu nghịch thủy làm Án sơn, khí sẽ không thể thoát được ra bên ngoài". Từ đó có thể thấy nghịch thế thường tốt hơn thuận thế, bởi nghịch thế có thể giữ cho Nội khí không tiết ra ngoài.

Triều sơn không quan trọng ở chỗ lớn hay nhỏ, mà quý ở chỗ hữu tình và hướng về phía huyệt, nếu hữu tình thì dù Triều sơn có nhỏ và ở gần, cũng hoàn toàn có thể chứng huyệt, nếu tham Triều sơn lớn và ở xa nhưng lại không hữu tình hoặc chỉ giả tình giả nghĩa, thì lại là có hại.

Triều sơn cũng không sợ ở xa quá, nhưng cũng không nên tham gần, tham to, chỉ cần hữu tình với huyệt, thì tuy xa mà gần, cũng có thể lấy làm Triều. Nếu tham Triều ở gần, không hướng về huyệt, thì thường không có

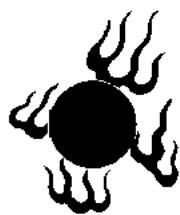


ích lợi. Nếu Triều sơn có hình dáng thanh tú, không thô kệch, không có thế ác thì chỉ cần hướng về huyệt và hữu tình, không phân biệt lớn hay nhỏ, xa hay gần cũng đều có thể lấy làm hướng. Nếu tham dùng những núi vô tình, núi hướng về huyệt và hữu tình nhưng lại quay lưng lại, khiến huyệt bị biến đổi, mất phương hướng thì cần linh hoạt biến thông, không nên cho rằng cái đó là nhất thành bất biến.

Để nhận biết được Long mạch, cần dụng tâm quan sát kỹ hình thế, suy nghĩ thấu đáo môi trường cảnh quan chung. Hội bởi tâm và ứng bởi mắt nhìn, mới là tinh túy của Triều sơn chứng huyệt.

Huyệt trường ở mức cao hay thấp, sẽ được quyết định bởi độ cao hay thấp của Triều sơn. Nếu Triều sơn cao thì huyệt cũng nên được đặt ở nơi cao và ngược lại, nếu Triều sơn thấp thì huyệt cũng nên được đặt ở nơi thấp. Nếu Triều sơn hướng về bên phải thì nên kết huyệt ở bên phải, nếu Triều sơn hướng về bên trái thì nên kết huyệt ở bên trái.





TÌM CHÍNH HUYỆT CHÂN HÌNH. DỰA VÀO HÌNH THẾ LONG MẠCH. KHÔNG NÊN GÒ ÉP VÀO PHƯƠNG VỊ

Tam cát lục tú, sao phải cố gắng kiếm tìm? Chính huyệt chân hình, sẽ tự nhiên phù hợp. Có chân long nên xem ngũ hành bát quái. Nơi tử tuyệt có khí cục vượng tướng, cần xem nguyên do hữu tù. Long lột xác không như bỏ vũ khí, trùng hưng doanh trại.

Tam cát: Ba hướng Chấn, Cấn, Hợi. **Lục tú:** Cấn, Bính, Tốn, Tân, Mão, Đinh dùng để chỉ phương vị.

Hình: Hình dạng của huyệt, không nhất thiết phải cố gắng tìm kiếm phương vị tốt lành, cát tú ở trên la bàn. Tuy nhiên, tìm huyệt chính hình được chân cát tú lại thường tự nhiên phù hợp. Cát tú ở chỗ Long huyệt chứ hoàn toàn không ở phương vị.

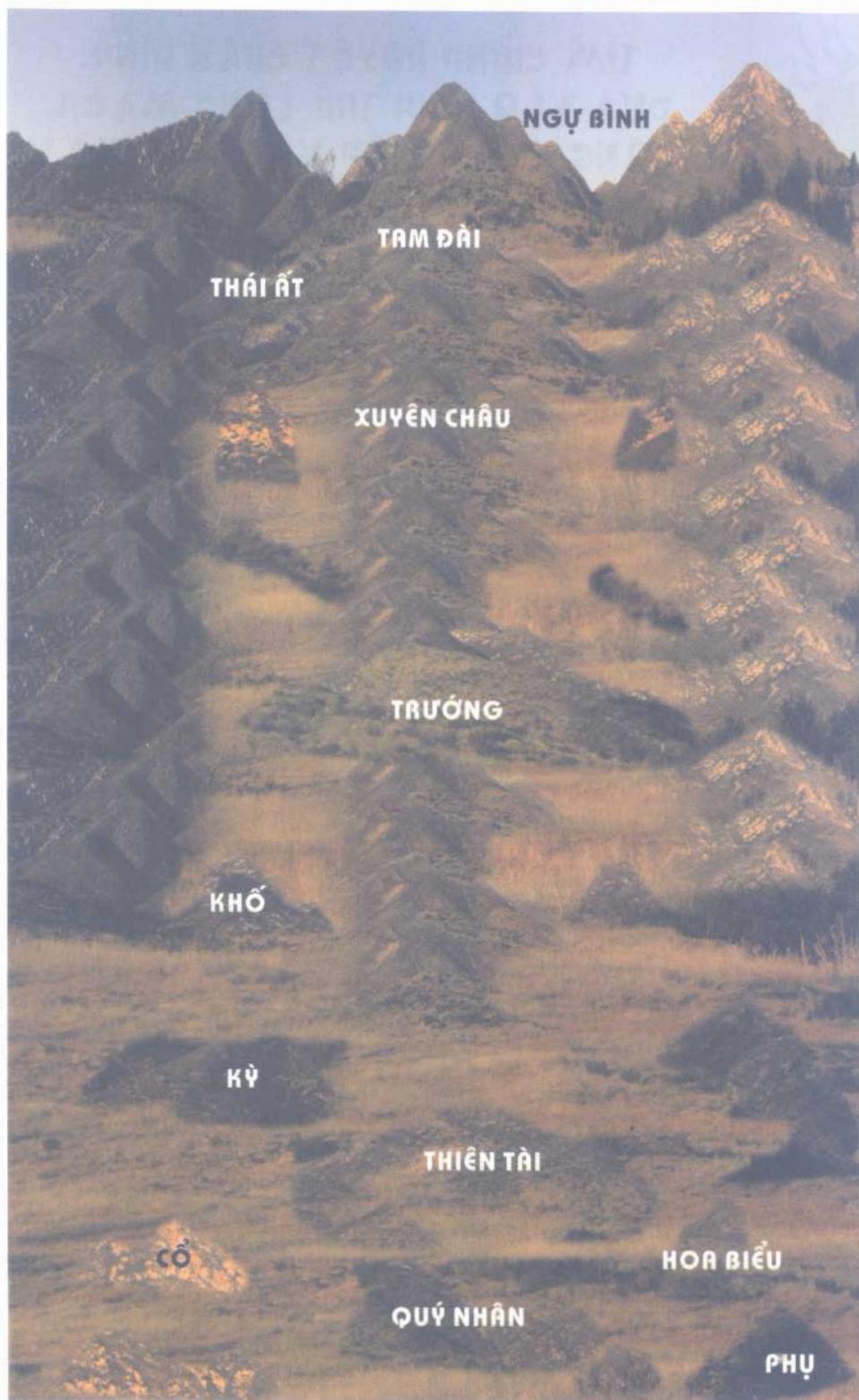
Âm Dương Bát quái, Ngũ hành tương sinh tương khắc là yếu tố thường được chọn để sử dụng, không bỏ gốc lấy ngọn. Khi luận về Long mạch, nên dựa vào hình thế để đưa ra nhận định và phán đoán.

Long mạch có lúc lõm thấp xuống hoặc đứt đoạn giống như tử tuyệt nhưng chỉ cần qua khe thắt hầu, là sẽ phục hồi lại được tinh thần, lại nổi Tinh đǐnh, mở ra một cục diện mới. Như vậy nơi tử tuyệt lại sinh thành khí cục.

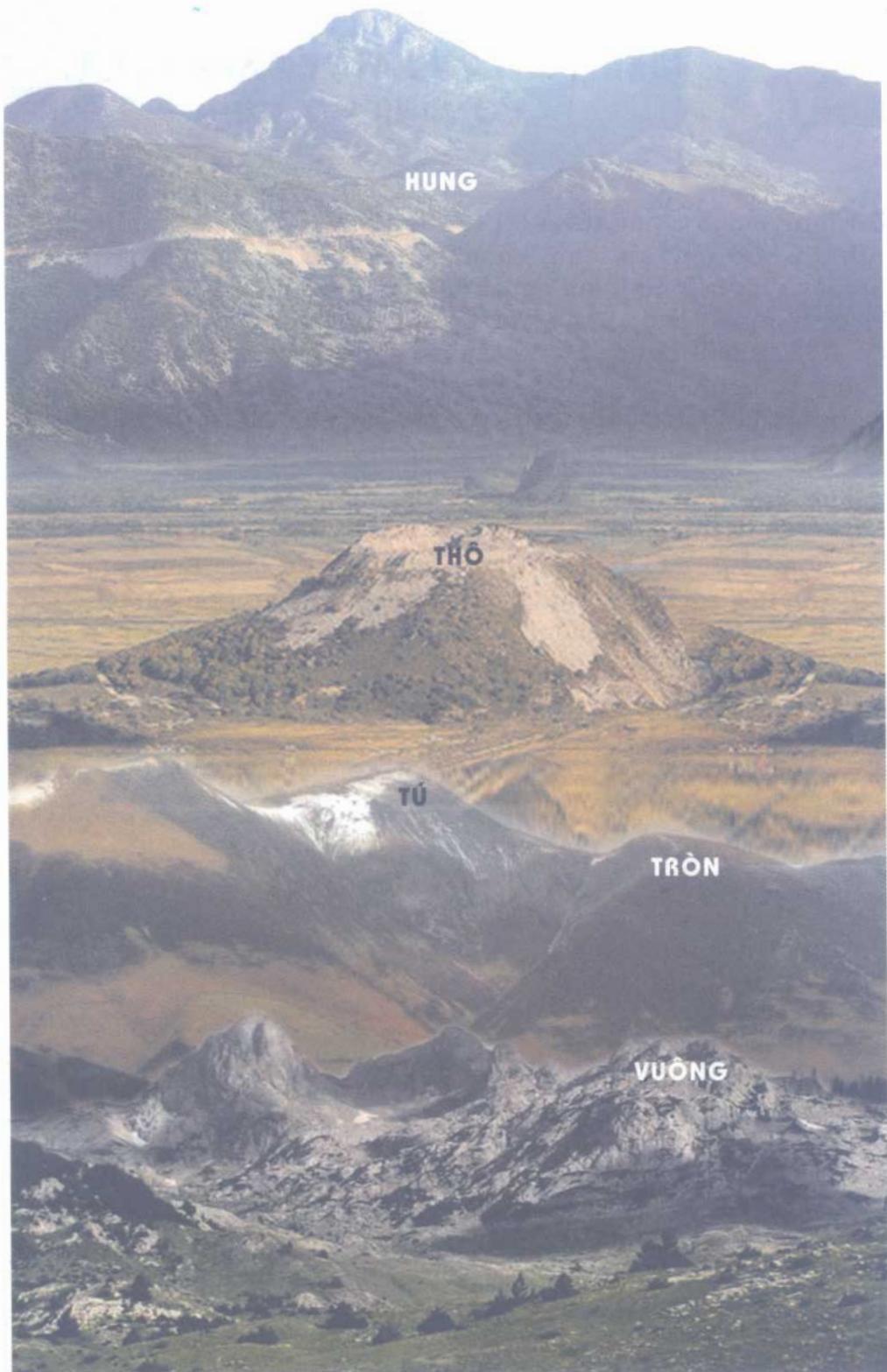
Cũng có lúc Long mạch nổi rõ lên như vượng tướng, rồi lại mất hết cả dấu tích, không thể đoán biết được hướng đi, là vượng tướng biến thành hữu tù, phải hết sức thận trọng. Hoặc có Sa thủ xuyên ngược, vùng nước rộng mênh mông, Triều sơn quay lưng lại, nước tại Đường đi thẳng, làm Huyệt trường bị tán khí, khi chứng huyệt cần hết sức thận trọng.

Tại những nơi Long mạch bị đứt gãy, hoặc qua đồng ruộng, qua sông rồi nổi Tinh đǐnh tạo thành cục, nếu vị đại tướng thất bại trên chiến trường, buông bỏ vũ khí, giải tán quân đội, lùi về sau một bước để gáy dựng lại thanh thế, uy danh của mình, cũng có nghĩa là tử tuyệt được sinh vượng. Nơi Long mạch xuất, rất nhiều Tinh đǐnh, như cờ trận, nhưng bỗng rơi vào nơi bình dương rồi nổi Tinh, như chuỗi ngọc quay đầu, như vị đại tướng đang bài binh bố trận, bỗng bỏ cờ quạt, binh đao mà đi, nhằm che mắt thiên hạ, là nơi vượng tướng có dấu tích hữu tù (xem hình A, B).





A. Qua khe xuyên châu



B. Long mạch đứt gãy





HÌNH THẾ LONG MẠCH MỞ NHẤT, VÔ HÌNH VÔ KHÍ

Khi long mạch chưa dừng lại tại điểm kết huyệt, các núi chư hầu ở xung quanh sắp xếp tán loạn, không tuân theo bất cứ một trình tự nào, như rùa bơi một mạch không ngoái đầu trở lại, như một tiểu phu bỏ gánh cùi để ngồi nghỉ ngơi, hai chân bắt chéo, hướng ra ngoài, như chèo thuyền, đó chính là Long vẫn đi tiếp mà chưa dừng, chỉ là đi qua nơi này, chứ không dừng lại. Long mạch chưa dừng, sinh khí tạm thời tụ lại, cánh tay kẹp lại, chân thì duỗi ra, không thể thu được Ngoại khí, không kết được chính huyệt, táng xong phúc không lớn.

Rùa bơi một mạch không quay đầu lại nghĩa là Long mạch chưa dừng lại. Nếu các gò, đống đất nổi lên cũng nhẹ và mỏng manh như những cánh hoa đào, hoa liễu, sẽ bị gió cuốn bay đi mất thì đó sẽ là Long mạch không có khí. Cánh hoa rơi rụng, không có gốc rễ giống như Long mạch không có sự liên kết của sinh khí, không có Chính hình để quan sát nên lại càng không có sinh khí để sử dụng. Hình sông thế núi có thể thay đổi theo sự bào mòn của thời gian nên Long mạch cũng cần trải qua sự thay đổi nhiều lần thì mới có thể coi là quý.





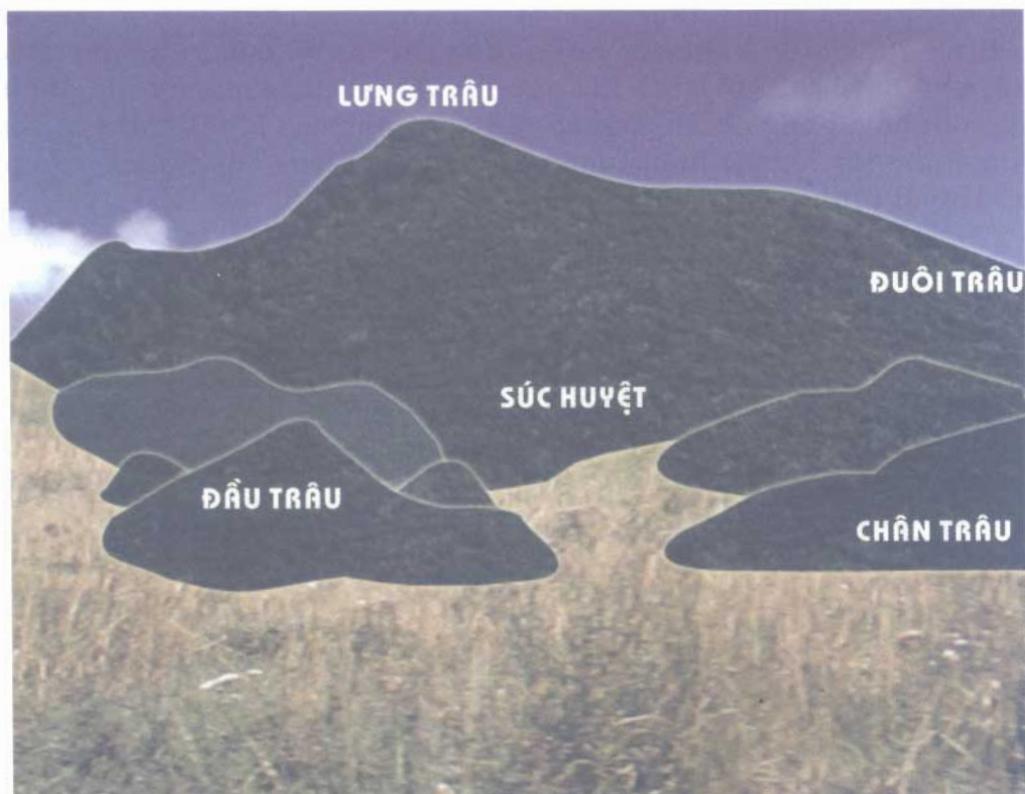
NƠI BÌNH DƯƠNG, LẤY NƯỚC LÀ NÚI NÚI NHỎ CAO ĐÁNG GIÁ NGÀN VÀNG

Khí tụ mạch đứt, bên ngoài huyệt có đường nước chảy bao quanh, cũng như có núi bao xung quanh, Bình dương không có núi thậm chí còn tốt hơn Bình dương có núi. Núi và nước đan xen, nối tiếp nhau, đối với huyệt là hữu tình. Long mạch tốt đẹp, ưu tú nên Huyệt đương nhiên cũng sẽ là Huyệt tốt.

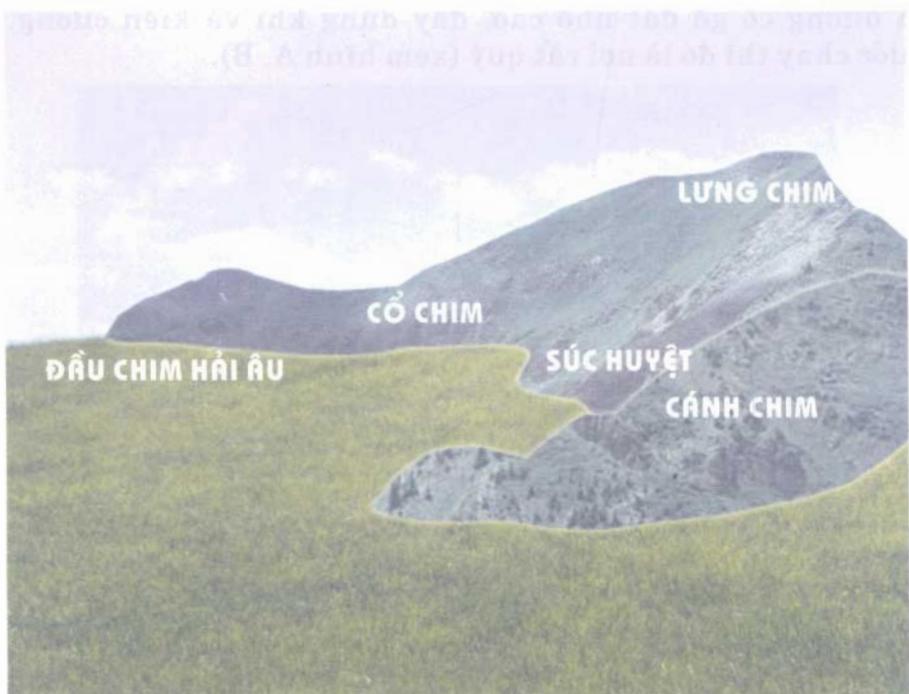
Bình dương nếu có nước chảy quanh, bên ngoài cần có núi bao quanh cả bốn phía, để làm rào chắn không cho khí thoát ra ngoài, thủy không tán mà khí lại tụ, nếu không được khóa lại thì khí sẽ tán hết, không thể thu lại được. Bình dương tuy không có núi nhưng chỉ cần có một vùng đất nhô cao lên, thì khí tốt có thể hội tụ và kết được huyệt lạ. Long mạch ở nơi đất bằng là thuần dương, bỗng nhiên có một vùng đất nhô cao hẳn lên thì là Dương cực Âm sinh, đây là một hiện tượng vô cùng kỳ diệu. Tuy nhiên, cần phân biệt rõ Huyệt hình.



Do hình dạng có sự thay đổi đột ngột nên cần dùng phương pháp cắt xén để xác định, như hạt châu thì là hình Kim; như cái thước là hình Mộc; như sợi dây là hình Thủy; như góc viên gạch là hình Hỏa; như cái hòm là hình Thổ. Phải phân biệt rõ thật giả, nổi lên sẽ có Ôa hoặc hơi mở miệng, thè lưỡi, có khăn quàng, phía sau có Mạch nâng đỡ, phía trước có Minh Đường, bên trái và bên phải đều có Sa thủ bao quanh thì đó mới là chân huyệt. Ngược lại, nếu chỉ đột nhiên nhô ngược, đơn độc và vô tình thì lại không thể lập huyệt. Hai phía trái phải đều cần có chân Thủy giao nhau, bên ngoài còn có thêm chân Sa hộ vệ, bảo vệ cho huyệt, trên rộng dưới hẹp, che chắn ở trước để dừng ngoại khí, chân Thủy hội trước Đường, sẽ là huyệt trường kỳ diệu (xem hình A, B).

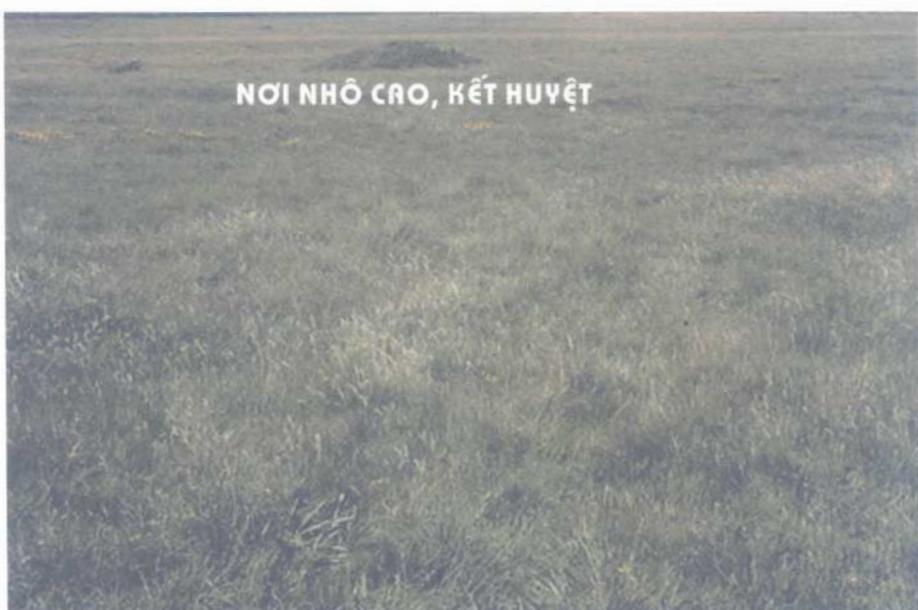


A. Huyệt nhu trâu nằm



B. Huyết như hải âu

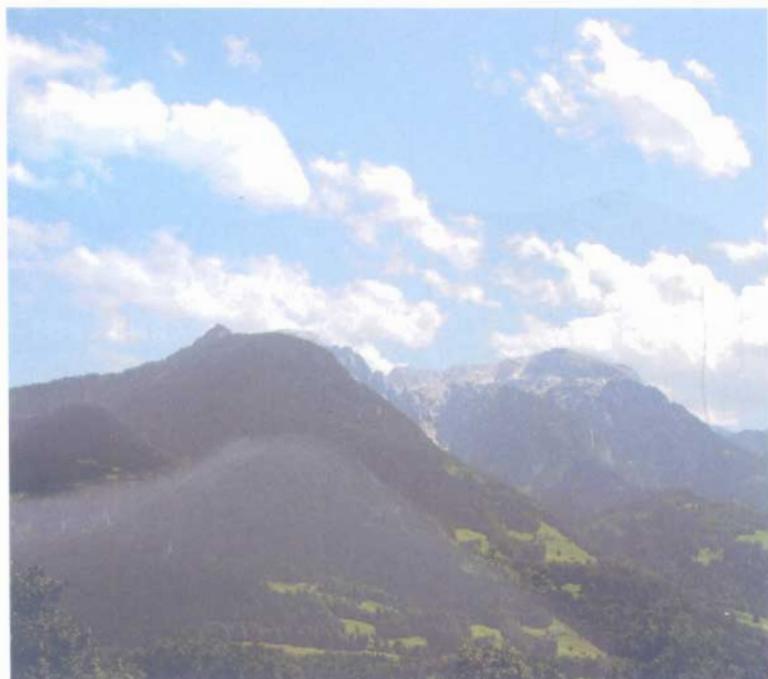
Bình dương quái huyết như hình dưới:



Kết huyết chỗ nhô cao



Bình dương có gò đất nhô cao, đầy dũng khí và kiên cường. Nếu có đường nước chảy thì đó là nơi rất quý (xem hình A, B).



A. Lõm giữa



B. Gò đất nhô cao



CHỨNG HUYỆT MẠCH

Long mạch đến kết huyệt, cần dựa vào Triều sơn để chứng thực, tuy bên phải và bên trái đều là bình địa, hoàn toàn không có núi non hay gò đất nhô cao, cũng cần cố gắng tìm kiếm kỹ càng để thấy được Triều sơn, chỉ cần Quan tinh hay Án sơn tương đối rõ ràng, phân minh hữu tình là có thể chứng huyệt. Dù bên trái và bên phải huyệt không có núi non hộ vệ, cũng cần phải có Sa thủ hơi nhô cao lên ở phía trước, giúp Nội khí trong Minh Đường không bị thất thoát, khí mới có thể hội tụ.

Đường cục rộng rãi, phía trước không có Triều sơn hay Án sơn đứng chặn thì xung quanh hoặc phía xa cũng cần có núi bao quanh, hoặc La thành vây quanh Huyệt trường phải thật dày đặc để có thể chiếu ứng Huyệt trường, khiến Huyệt trường không trở nên trống trải. Nếu cả bên trái và bên phải đều không có Sa thủ nối nhau, Thủy đi tán loạn và vô tình, thì ở ngoại thế nơi nước đi cần có hồ, ao hoặc sông ngòi vây quanh, tạo thành hàng rào bảo vệ để khí quy tụ tại Minh Đường, giúp cả nước và khí không bị thất thoát, phát tiết ra bên ngoài. Táng ở đây có thể dẫn tài tiến bảo.

Đường nước tuy vô tình nhưng cuối cùng vẫn chảy vòng quanh và quy tụ lại, hội hợp rồi mới chảy đi. Nếu các đường nước hội tại chính Minh Đường thì mạch dừng khí tụ, là nơi đất tốt.

Long mạch đến, có ôm giữ, che chở là quý, là tốt. Gốc của Long mạch đầy đặn, mạch linh hoạt, như con rồng sống, nhưng lại không thể kết huyệt, không thể sinh thì giải thích thế nào? Không được ôm giữ, không che chở hoặc bị gió thổi nước cho đến chết, không kết được. Nguyên nhân là do núi tổ tiên rất đầy đặn, nhưng ở xa, nên mè mạnh con yếu, nguồn sinh khí từ Tổ sơn mãi mãi không cạn kiệt, nhưng đi xa đến nơi thì đuối sức.





QUAN SÁT KỸ CÀNG MỚI BIẾT LONG THẦN MẠCH KHÍ Ở ĐÂU

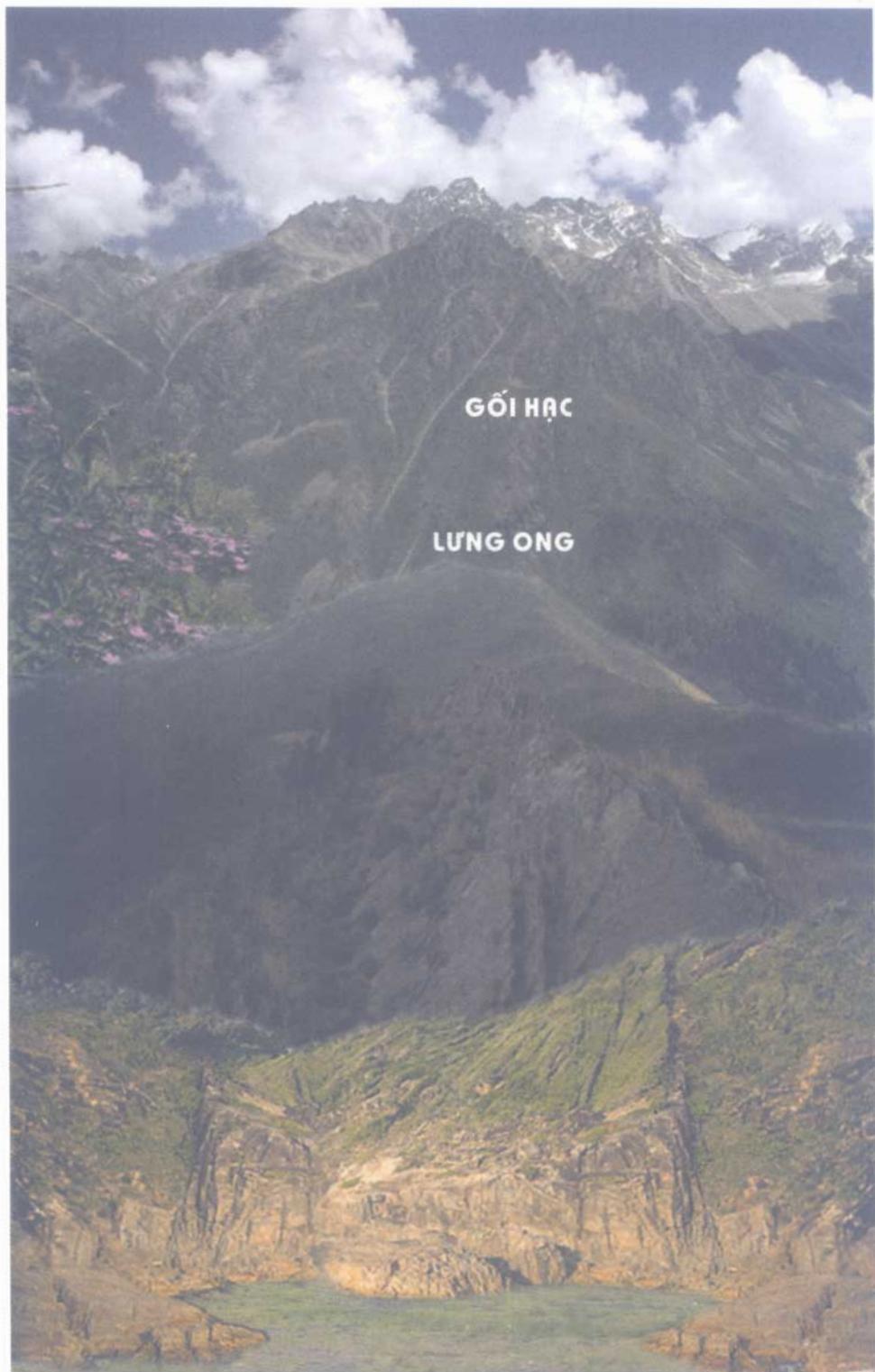
Gối hạc lưng ong là Long kết cục, nhưng sợ Quỷ kiếp nên chưa định. Tơ nhện chân ngựa như không có thân Long, nên khó xác định Long mạch.

Gối hạc: Mạch khí đi qua khe núi, phần giữa vượng, nối Tinh bào với hai đầu nhỏ, phần giữa to giống như khớp gối của một con hạc vậy.

Lưng ong: Mạch nhỏ đi qua khe núi, hai đầu to nhưng phần giữa lại nhỏ giống như thắt dây lưng ong. Phần mạch nhỏ như gần đứt mà không đứt, tích lại ở phía sau huyệt, áp sát vào Sa của Huyệt tinh, nếu ngắn và ít gọi là quỷ, nếu dài và nhiều gọi là kiếp. Cả hai đều đoạt lấy khí của huyệt. Sau khi qua được khe, Quỷ Sa trở thành Cát Sa, chỉ còn Kiếp Sa lấy khí của huyệt.

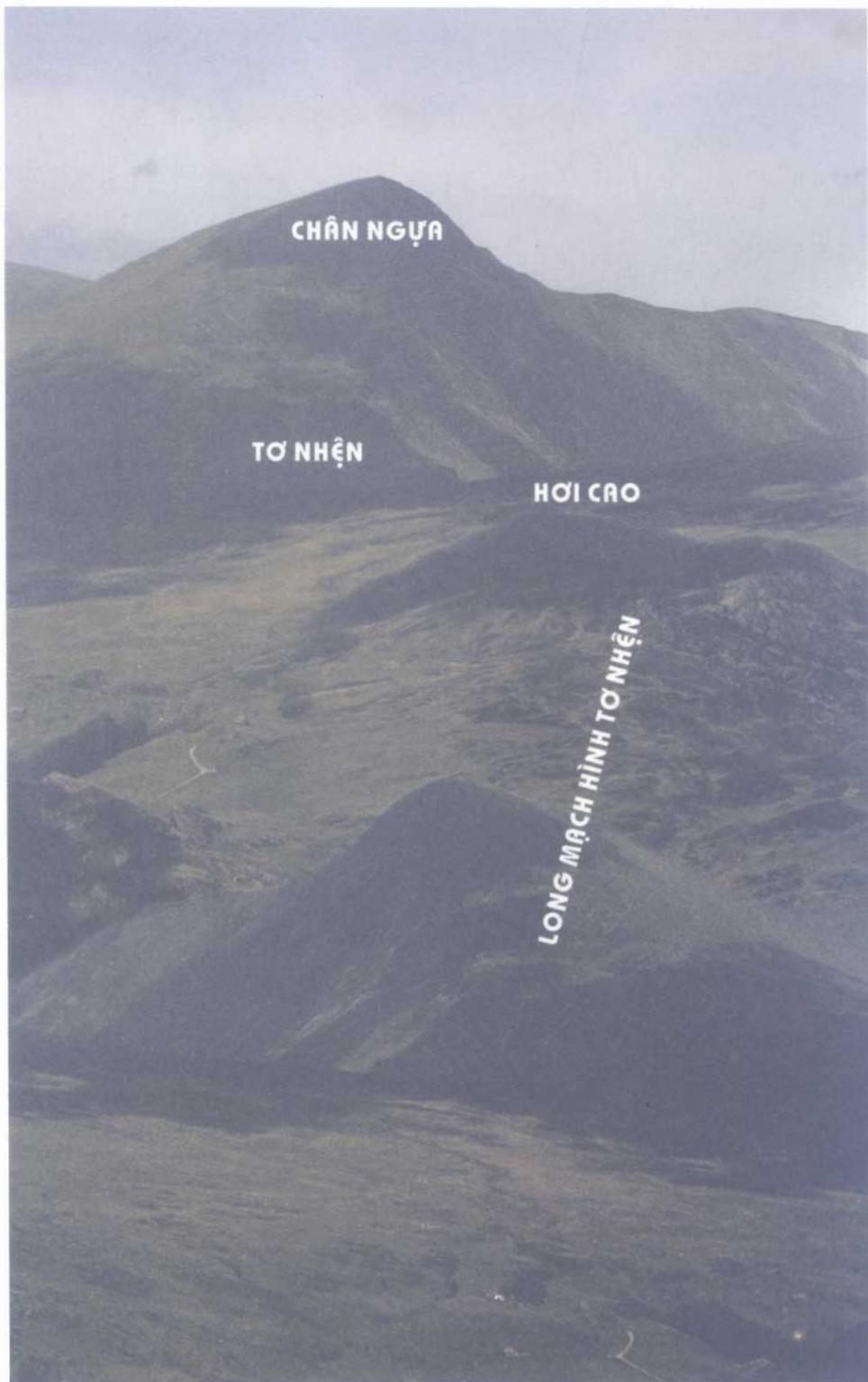
Tơ nhện: khi qua khe phần hẹp giống như nhện chằng tơ. Vết chân ngựa: khi đi qua mạch, các Tinh bào nhỏ đứt quăng nối nhau như vết chân ngựa. Đây là sự phân Chi của Long mạch, chứ không phải là lưng mạch được tạo thành từ đá. Long thần: tinh thần trong thế đi của Long mạch. Huyệt dạng gối hạc lưng ong. Long mạch kết huyệt nhưng lại có Quỷ Kiếp lấy mạch, khiến Long mạch bị tán loạn, và mạch khí cướp mất nên sê hao tổn, khó có được huyệt tốt. Long đến từ Tổ sơn. Phân mạch từ đỉnh, từ vai, từ eo hay ở cuối, đều không bị cướp, nếu bị cướp sê tổn mạch khí. Chi qua khe như nhện chằng tơ, như vết chân ngựa, tại nơi nhỏ và ẩn, Long thần rơi vào đây sẽ có thể nhận biết được một cách dễ dàng. Không như Long thần gặp ghềnh trên núi cao, Long thần nhảy nhót, hiện rõ và rất dễ nhận, nhưng không hẳn là Long mạch có thần khí.

Những nơi Long thần không rõ ràng thường rơi vào chỗ khí mạch cao mà giới thủy lại thấp. Tuy nhiên, sự cao hay thấp này cũng chỉ là tương đối mà thôi. Họ Sa hai bên ôm vòng với nhau, điểm tiếp giáp tương đối cao mà nếu không dùng mắt quan sát kỹ càng, tỉ mỉ thì sẽ không thể nhận ra được. (Xem hình A, B).



A. Gối hạc





B. Long mạch tơ nhện



LAI LONG, ÁN SƠN, LONG HỔ, THẾ NÀO MỚI LÀ HÌNH TỐT?

Mong muốn lớn nhất là Long nghịch Thủy. Điều vui nhất là Án sơn có nghịch Thủy ôm vòng. Trước huyệt có nhiều núi nhỏ như ong như kiến, chỉ cần tròn và nhỏ là được. Rồng cháu hữu tình, Hổ phục nằm im thì không câu nệ xa gần hay to nhỏ.

1. Long nghịch Thủy: Long mạch có hướng ngược với hướng của dòng nước.

Án sơn được ôm vòng: Án sơn ở gần ngay trước huyệt và cong vòng lại.



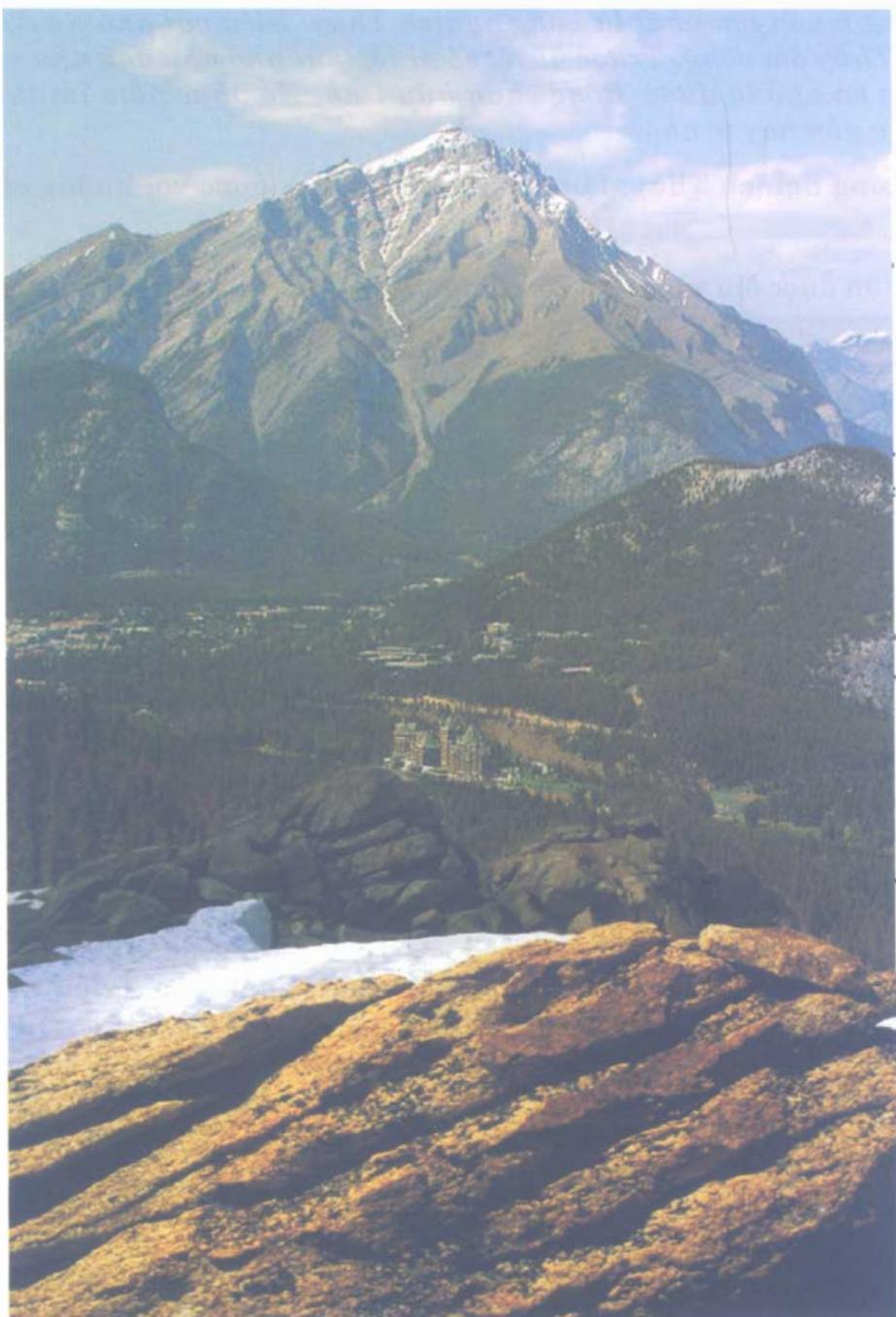
Nghịch thủy long

Sơn long ngược dòng mà đi, thế núi hồi chuyển, thế nước hướng đến, sức mạnh của nước đạt đến độ lớn nhất, phát phúc rất nhanh, phúc âm cũng lớn nhất, vì thế mà mong muốn lớn nhất của các nhà phong thủy không gì khác ngoài Long nghịch Thủy. Long thuận Thủy phát phúc sẽ chậm hơn, phúc âm cũng nhỏ hơn. Để đường nước đến không bị ngăn cách, Triều sơn, Án sơn đều không nên có hạ thủ Sa chặn lại, để có thể vòng lại kết huyệt.

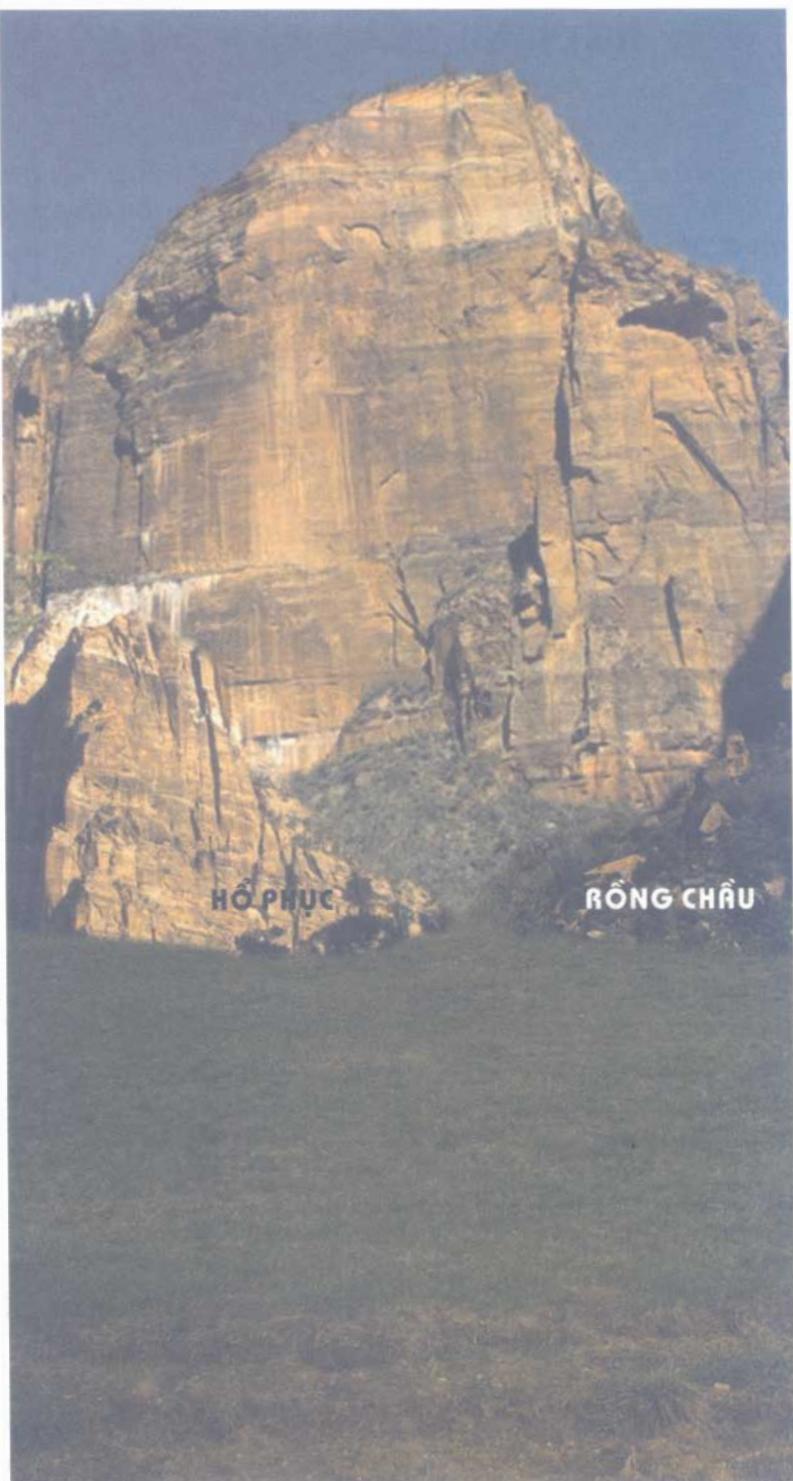
Án sơn ôm vòng, khả năng tụ khí tàng phong thụ thủy lớn nhất, chân của Triều sơn lộ ra nhiều, phần đỉnh hướng về Huyệt trường, Án sơn ôm vòng chặn ngay trước huyệt, khả năng hấp thụ khí ở Đường rất lớn, phát phúc cực nhanh, vì thế phúc âm là tương đối lớn, hơn nữa Thủy đóng chặt, nên có được Án sơn ôm vòng là việc rất đáng mừng.



2. Nếu quần thể núi ở phía trước Huyệt trường là những núi nhỏ, như ong hay kiến tụ tập, dạng tròn đều nhưng không tản mát, hơi quay lại và hình thế không ác, không đè ngược, là hình tốt, cát lợi. Tả hữu có Thanh long, Bạch Hổ như Rồng chầu hổ phục, hữu tình thì không cần câu nệ đến lớn hay nhỏ, gần hay xa. Huyệt trường như Đại tướng ở giữa, quân sĩ xung quanh, tiền hô hậu ứng, nhất nhất tuân lệnh, là kết đai phúc đại quý.



Chân Long đáp xuống, rồng chầu hổ phục, rồng có dáng nằm rất hữu tình, hổ phục nằm im một bên, là hình thế tốt nhất của huyệt.



Rồng chầu hổ phục





MẠCH TẬN KHÍ TUYỆT. NƠI HÌNH DỪNG CẦN CÓ HỘ VỆ

Nơi tận cùng của Long mạch, cần đề phòng khí cũng hết mà tuyệt. Nơi đất thấp hèn kỵ có nguồn nước chảy qua. Có đến sẽ bị dừng, dừng thì cô quả, lúc đó cần được bảo vệ xung quanh.

Tại nơi tận cùng của Long mạch, cần đề phòng nguồn khí cũng cạn kiệt, nếu muốn kết huyệt, cần có một chút dư khí, vì thế phải kết huyệt tại eo hông, khi đó dư khí sẽ đến bảo vệ, che chắn cho huyệt. Không nên kết huyệt ở nơi tận cùng, nơi kết huyệt cần có thể Long mạch uốn khúc, thế núi mạnh mẽ, như đang giương vuốt oai phong, bên ngoài có Sơn Thủy bảo vệ, triều ứng đặc biệt, quay đầu hữu tình, thân của Long phải quay lại mới có thể kết huyệt, nếu không mộ sẽ bị mưa gió bào mòn. Dương Quân Tùng từng nói: "Đất tốt đa phần là những vùng đất kết ở lưng của Long mạch, các Chi quay đầu có thể bổ trợ làm thành quách". Nếu nơi đất trống có dư Long, hai đường nước giao nhau thành Cục, mà huyệt mộ bị gió thổi thì nguyên nhân là do chưa nhận được Long mạch thật, nên đã chọn nhầm phần Long tận khí tuyệt.

Nơi địa thế thấp hèn, cũng nên hơi có lưng của Chi Long, hơi có đỉnh, hơi có giới Thủy, hai bên trái phải có hướng đi của Sa, thì có thể làm huyệt. Còn nếu tất cả bằng phẳng, lại có nguồn nước chảy, hoàn toàn không có mạch khí, thì do Huyệt pháp không rõ ràng. Tất cả sinh khí của nguồn nước đều bị phát tiết, thất thoát ra bên ngoài, làm huyệt sẽ tuyệt tự. Khi nước nguồn lên thì toàn bộ khí tụ lại ở giữa, khi nước nguồn xuống thì đất lại khô ráo, khí hướng sang một bên, chủ nhân dễ xuất gia.

Những gò đồi, núi nhỏ ở bên phải hoặc bên trái của huyệt mộ đều có tác dụng bảo vệ cho huyệt, mạch tận khí tuyệt là do cô sơn độc lô, lại không tụ khí, Lai Long bắt buộc về hình thế sẽ có điểm dừng, hình dừng mới kết huyệt, e rằng nơi hình dừng chỉ còn có sơn, Long sẽ vô tình, cần có Hộ Sa hai bên, để tránh mưa gió phá hỏng, phía sau càng cần có Kháo Sơn mới dùng được. Phía sau có Kháo sơn, coi như có chỗ dựa.





LUẬN VỀ ĐỤC CÁI: ÂM DƯƠNG VÀ LẬU THAI

Đơn âm hoặc đơn dương là một, có âm có dương là hai. Đơn âm đơn dương sẽ không thể sinh ra vạn vật, cần phải có âm dương kết hợp. Có đực có cái, có quý có hèn. Nếu đắc Sơn không đắc Thủy, là mất độ. Như Thanh Long Bạch Hổ bảo vệ thai huyệt, nhưng chỉ là "lậu thai" (Thanh Long Bạch Hổ không bảo vệ được cho huyệt, khiến huyệt mội bị rò rỉ, không khép kín).

Nếu chỉ có một cá thể, tất không thể có được sự sinh sản, với ý cô âm bất trưởng, độc dương bất thành. Dương Quân Tùng khi dưỡng lão xem đực cái, thực ra là xem âm dương. Nói đực cái, chứ không nói âm dương, là muốn nhấn mạnh âm dương phải tương phôi.

Nếu toàn bộ Long mạch có dạng giống như một lòng bàn tay nằm ngửa, lồi lõm được tách bạch rõ ràng, trong phần lồi không có phần lõm và trong phần lõm không có phần lồi thì được gọi là thuần dương. Long mạch có nhiều phần lồi như lưng bàn tay, gọi là thuần âm. Thuần âm và thuần dương là âm dương không có sự tương giao. Chỉ khi có sự tương phôi giữa âm và dương thì bộ máy sinh sản mới hoạt động tốt, mới phát huy chức năng dưỡng đực vạn vật của đất mẹ.

Âm dương cũng như sự phôi hợp nam nữ, vậy Sơn và Thủy cái nào là dương? cái nào là âm? Sơn vốn tĩnh, là âm; Thủy vốn động, là dương. Long thủy cũng có sự phân biệt âm dương riêng.

Âm và dương là khí, đực và cái là thực thể hình thành từ khí. Đực cái còn chỉ âm dương tương hợp, như tình yêu nam nữ. Quý là Chủ Long; hèn là Nô Sa. Muốn tầm long điểm huyệt, trước hết cần tìm được núi tổ tiên, đồng thời cần nhận biết rõ về âm dương của Sơn Thủy. Nếu không có sự tương giao, thì không nên mót công tìm kiếm điểm kết huyệt. Vì thế mà sách cổ có viết: "Đực nghe theo mệnh lệnh của Long cái, cái làm sứ chỉ huy của Long đực". Đực và cái tương ứng, tương giao với nhau mới là nơi có thể kết được huyệt tốt.

Có Chủ Long, có Nô Sa thì mới có sự phân chia quý là chủ nhân, hèn là nô bộc. Chủ Long cao còn Nô Sa thấp; Chủ Long dài còn Nô Sa lại ngắn; Chủ Long đầy dặn trong khi Nô Sa lại gầy nhỏ; Chủ Long có tinh thần cao hàng trăm lần, nhiều cây gỗ to mọc cὸn Nô Sa lại chỉ là sát nặt đất, chỉ có lùm cây bụi cỏ. Nói tóm lại, Chủ Long hoàn toàn khác biệt với xung quanh.



Long Sa Thủy vừa có đực vừa có cái, trong huyệt pháp nơi khí mạch dừng, bên trên có sự phân ly, phía dưới lại có sự hòa hợp với chân Thủy, mới là sự giao hòa điều độ giữa đực và cái. Nếu không có chân Thủy mà thấy trước huyệt có Long Hổ Sa giao nhau, cây cỏ xanh mướt, tươi tốt thì cũng là giao hòa điều độ.

Nếu không có chân Sa khóa trước huyệt, thì sinh khí trong huyệt thường bị phân tán theo dòng nước, là biểu hiện của sự không cân bằng, mất độ, là giao kết giả, trên có phân mà dưới lại không có hợp, là âm dương không giao hòa điều độ, “mất độ” sẽ không thấy âm dương đực cái.

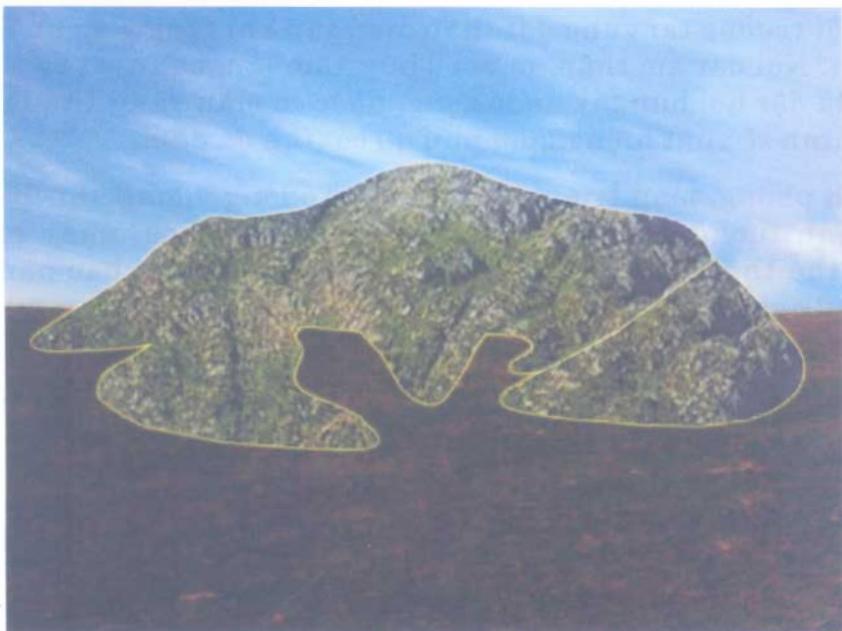
Chủ và khách phải có sự phối hợp, núi và nước phải tương nghịch tương giao, Long Hổ ôm vòng, phối hợp hai bên trái phải, núi và nước ở hai bên trái phải tương nghịch, tất cả đều là tương giao điều độ.

Tương nghịch thì tương giao, tương giao lại tương sinh. Nếu tương nghịch thấp thì huyệt trường ít nước, tương nghịch cao thì huyệt trường nhiều nước.

Huyệt trường không có nước thì đó là biểu hiện của sự mất cân bằng, với hàm ý nếu không có chân Sa, mà trước mặt vẫn thu được chân Thủy thì không coi là mất cân bằng. Nếu không có chân Sa, lại không có chân Thủy (có nước nhưng không ôm vòng), thì mất sự tương giao. Trường hợp nào thì Sa thủ mới không ôm vòng giới thủy? Long Sa, Hổ Sa dùng để bảo vệ cho huyệt mộ, nếu không ôm vòng qua huyệt thì huyệt trường nhô ra lưỡi, vượt qua ngoài ranh giới cân bằng của Long Sa và Hổ Sa, gọi là lậu thai (huyệt trường bị rò rỉ). Thai cũng chính là huyệt. "Lậu thai" nghĩa là các núi nhỏ hộ vệ đã không bảo vệ được Thủy và sinh khí của huyệt trường, làm chúng bị phát tiết ra bên ngoài. Nếu Long Sa và Hổ Sa ở hai bên đều ôm vòng qua huyệt thì mới bảo vệ được (Hộ thai). (Xem hình A, B).



A. Hộ thai

*B. Lại thai***QUÝ LONG**

Tốt nhất là trên thân Long Hổ sinh đỉnh Sơn. Xấu nhất là tìm huyệt nơi lầy lội. Nơi Long mạch xuất, cần có bình phong có trướng bảo vệ Long. Nơi kết huyệt phải có chấn có đệm, như thế tức là huyệt có dư khí, nhân định vượng.

1. Sa thủ ở bên trái và bên phải của huyệt được gọi là Long Hổ. Những điểm nhô cao nhất trên Long và Hổ được gọi là Nhĩ phong. Trên thân nổi đỉnh nhô cao, là phần lưng và eo của Long và Hổ. Khi mở huyệt cần có Hộ Sa và Hộ Thai. Điều đáng mừng nhất là trên Long và Hổ xuất hiện những đỉnh tốt (Tú phong), không chỉ tạo được tứ ứng của thập đạo, mà còn có thể dùng bảo vệ huyệt trường. Đây là vùng đất tuyệt vời nhất.

Trên Thanh Long sinh đỉnh, cũng như sinh quý tử, tên đề cao trên bảng vàng, rất đỗ đạt. Trên Bạch Hổ sinh đỉnh, cũng như sinh nữ tú, là trang tuyệt sắc, nghiêng nước nghiêng thành. Tại nơi đất bùn đầy lội, quanh năm ngập nước, mạch khí thường bị phân tán hoàn toàn. Nếu chọn



nhâm huyệt trường tại vùng đất thấp hèn, sau khi táng già chủ dễ khuynh gia bại sản. Nơi đất ẩm thấp, là nơi Thủy xâm lấn, dễ tuyệt tự tuyệt tông. Xấu nhất là đặt nơi bùn lầy nước đọng, nước có màu vàng xỉn, là điềm báo trong gia đình sẽ xuất hiện người phụ nữ có tính đa dâm.

2. Bình phong, màn trường đều là nơi Tổ long vượng khí. Bình phong là Tinh đinh tương đối nhỏ, tổng thể đẹp và hài hòa, ngay ngắn. Màn trường có thể thô to, hay xếp hàng ngang, kép ra xa, khác hẳn với bình phong hay ở ngay gần.

Trường khác với nơi phân Chi xuất mạch, phân Chi thì hai tay hướng ra trước, trường thì như hai tay giang ngang, trường cao mà dài, lại hơi cong.

Nơi kết huyệt phải có Long Hổ bảo vệ. Trước Minh Đường cần có chân Sa, chân Thủy tích tụ, lại có thêm mạch khí dừng nơi giới thủy, giúp chân khí không thoát, phát tiết ra ngoài.

Nơi Long mạch xuất phát, lại có núi đứng cao sừng sững, có bình phong có màn trường, như quý nhân có võng lọng che chắn phía sau, lại có người tháp tùng, sau lưng có sơn mạch như bình phong che chắn, cũng như đại tướng luôn được bảo vệ. Phải có bình phong có màn trường thì mới có Quý Long.

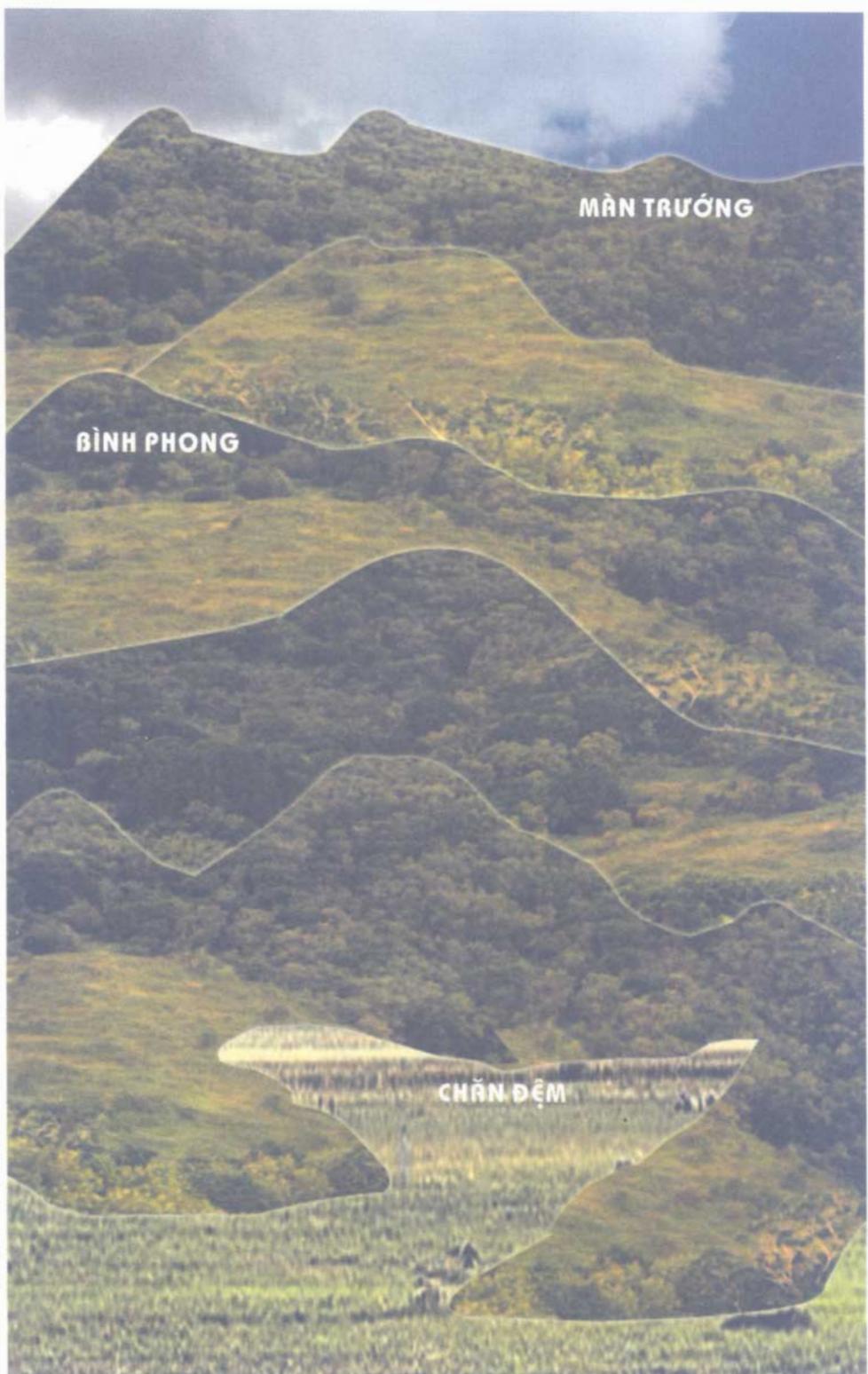
"Nghi Long kinh" viết: "Quý long núi non trùng trùng qua trường, Tiên long lại trống tròn". Khi mới qua trường có thể kéo dài hàng trăm dặm, thu nhỏ dần từng đốt, khi kết huyệt còn dư khí tới vài dặm, quay lại ôm lấy để bảo vệ. Từ thập đạo xuyên ra là trường rất tốt, còn xuyên từ chữ Đinh thì kém hơn một chút. Giả long có lúc cũng xuất khỏi trường, nhưng khi qua khe không có nghênh đón, lại không có hỗ trợ, che chắn.

3. Chắn, đệm: Dùng để đắp lên người, lót dưới giường hay lót dưới nền đất để bảo vệ cơ thể không chạm xuống nền lạnh.

Long mạch đi đến nơi kết huyệt, cần trải dư khí ra, như mang chắn đệm ra trải lên trên, dưới nơi mạch dừng khí tụ, như người giàu nằm đệm ấm, kết huyệt có chắn đệm là Quý Long.

Chân Long (kể cả mạch nhánh) đi đến nơi kết huyệt, có đủ cả chắn và đệm thì sẽ dồi dào, mạnh mẽ.

"Nghi Long kinh" viết: "Nơi Quý Long đi có đệm, đệm là cục phú quý. Vậy nhận đệm ra sao?". Chân đệm là dư khí, quý ở chỗ mới mẻ sạch sẽ, đối với con người, tim là huyệt, rốn là khí. Dư của khí, phần dư là thô, còn khí tinh sẽ tàng nơi huyệt. Nên chọn dùng khí tinh, bỏ khí thô. Dư khí như khí thừa của người, nên không thể dùng được.

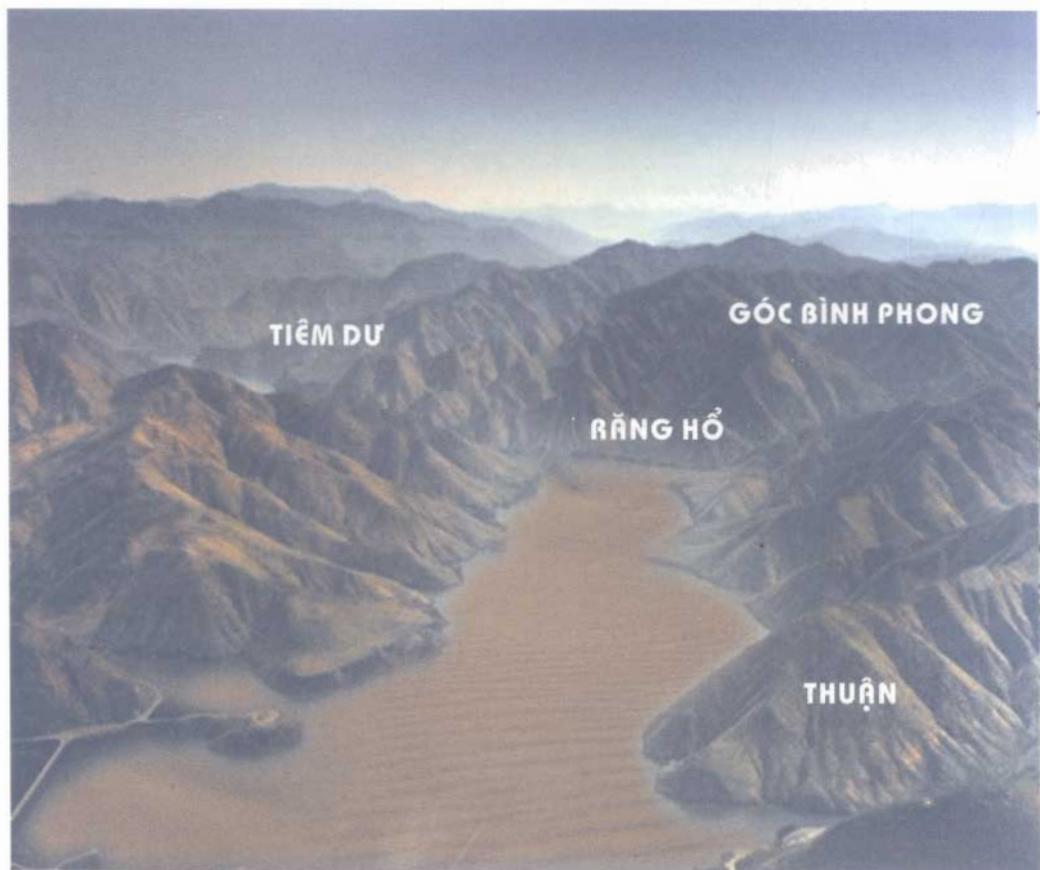




SA KỲ LẠ VÀ XU HƯƠNG CỦA NÚI BẢO VỆ

Các núi nhỏ ở bên phải và bên trái huyệt trường, nếu nhìn thấy được thì gọi là hiện, không nhìn thấy được gọi là ẩn; tướng núi hữu tình gọi là thân, dáng núi vô tình gọi là sơ. Phương pháp quan sát Sa thường không có sự phân biệt giữa ẩn hay hiện, chỉ cần xem có hữu tình hay không, không được quay lưng hờ hững, vô tình với huyệt trường là dáng núi đẹp.

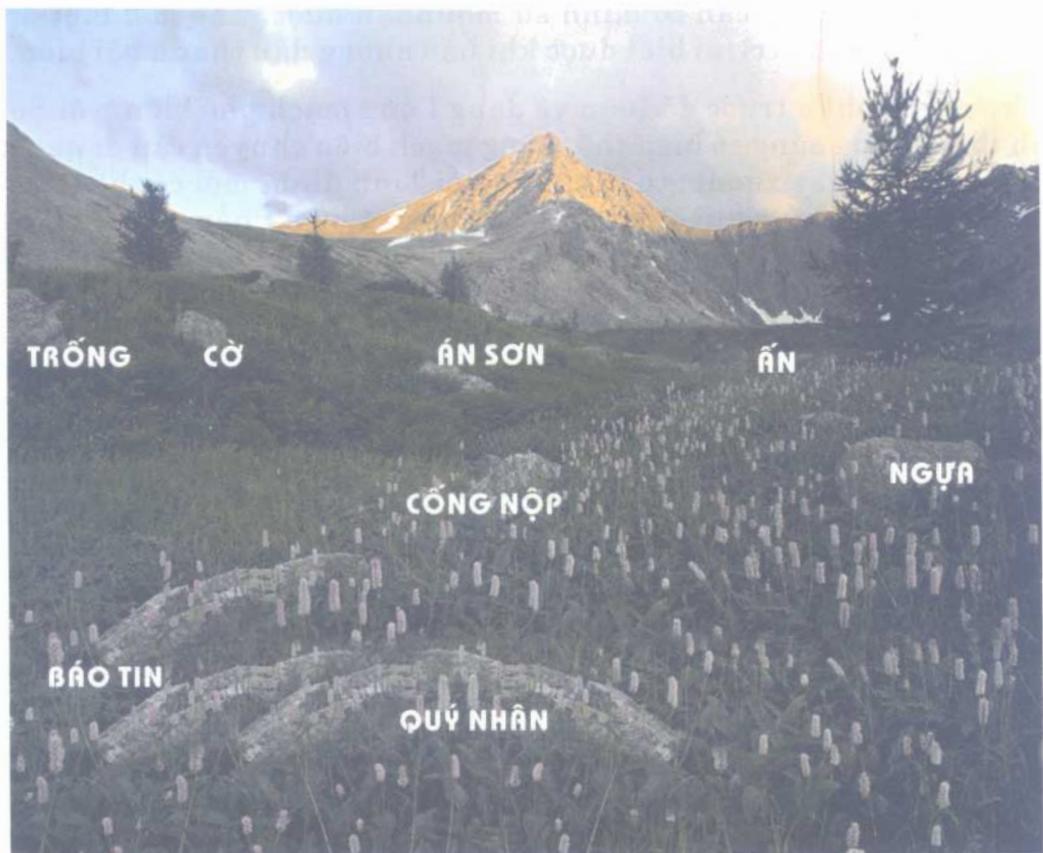
Sa thủ ở bên phải và bên trái huyệt trường có muôn hình vạn trạng, không nên vội vàng quyết định, nên lựa chọn núi có dáng đẹp, tròn và thẳng, hướng về huyệt trường. Ngược lại, những núi có dáng nghiêng, xấu, không bảo vệ được huyệt trường thì không nên lựa chọn.



Hung tướng

Khi lên huyệt trường, với hình tượng Sa nhìn thấy, nếu nhọn như sừng trâu, hay răng hổ, thoát lậu và lộ ra ngoài, được gọi là sao Tố tụng, không có ý nhu thuận tương ái, mà là họa kiện tụng, thị phi, tranh chấp, binh đao, thuyền chuyển, không có điểm lành, chỉ khi thấy thủy ôm vòng thì may ra có chút cát tường.

Hình Sa ngay ngắn tròn tria, như những hạt ngọc, chủ về được cống tặng, là tốt.

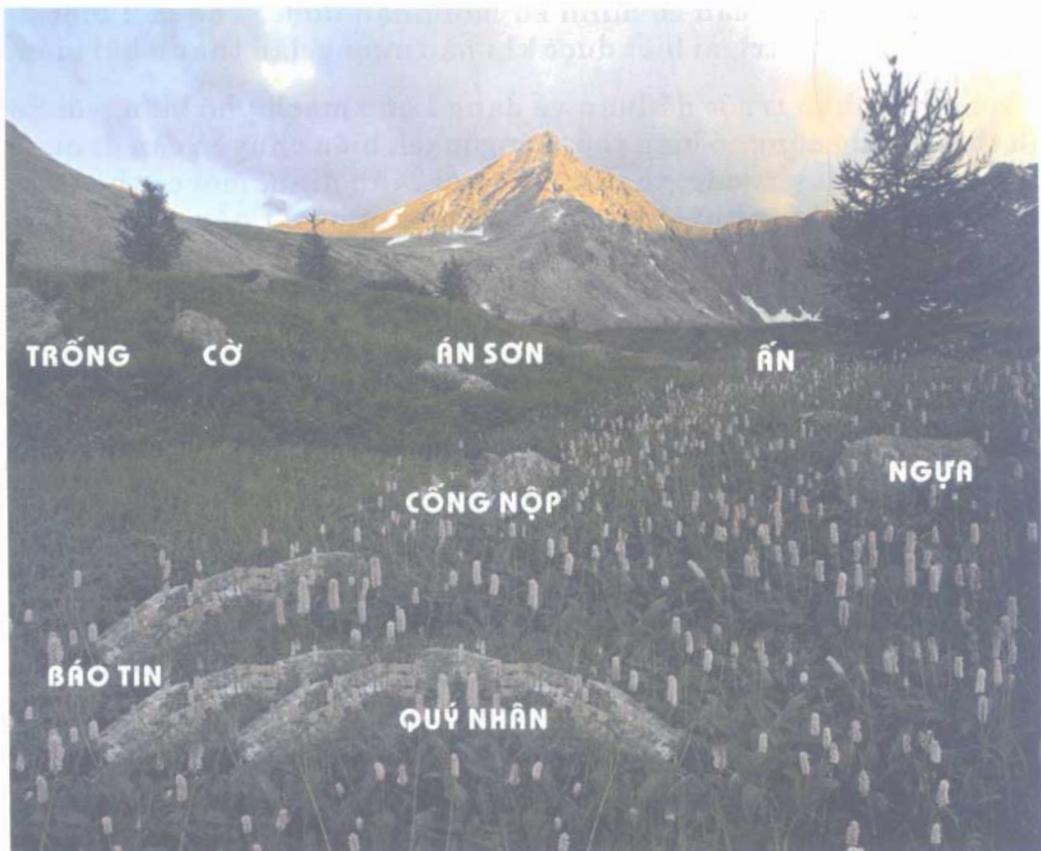


Cát tường



Khi lên huyệt trường, với hình tượng Sa nhìn thấy, nếu nhọn như sừng trâu, hay răng hổ, thoát lậu và lộ ra ngoài, được gọi là sao Tố tụng, không có ý nhu thuận tương ái, mà là họa kiện tụng, thị phi, tranh chấp, binh đao, thuyền chuyển, không có điểm lành, chỉ khi thấy thủy ôm vòng thì may ra có chút cát tường.

Hình Sa ngay ngắn tròn tria, như những hạt ngọc, chủ về được cống tặng, là tốt.



Cát tường





LONG MẠCH THEO THỜI GIAN MÀ THAY ĐỔI

Huyệt nằm sâu đáy nước, là mạch khí rất mạnh, do nước chảy ngang qua là khí chìm xuống. Huyệt nơi vách đá, do Lai Long tạm dừng, đá đát cùng nhau lột xác mà thành. Huyệt đáy nước cần có "đạo nhẫn" mới nhìn ra, huyệt nơi vách đá cần có minh sư mới nhận được. Thế mới biết địa lý cần có thần linh chủ trì, ai biết được khi nào nương dâu thành bãi biển.

Trong các phân trước đã luận về dạng Long mạch phổ biến, với Sơn là chính thể, nhưng cũng có biến thể, Long mạch biến chuyển cần đi qua khe, sau khi lột xác thay xương, thắt hầu sẽ nổi Tinh đỉnh, mới có thể kết được huyệt. Trong các dạng huyệt trường biến đổi, có huyệt nằm sâu dưới nước, chắc chắn sẽ là điều kỳ diệu tinh tế của Sơn mạch, Lai Long Khứ Mạch vô cùng đặc biệt, xuất chúng khác thường, khác hẳn với các núi thường khác.

Thực ra, Long thần thường đến từ một vùng nước sâu hoặc ao hồ, ẩn tàng ngưng kết, qua khe nơi thủy cục, huyệt dưới đáy sâu, mắt thường rất khó nhận biết. Để chứng huyệt, phải là thầy phong thủy có kinh nghiệm dùng "đạo nhẫn" của mình mới xác định đúng huyệt.

Huyệt trường ẩn mình trên đá cũng rất khó tìm kiếm, phát hiện, Lai Long phải trải qua rất nhiều lần thay đổi, nổi đỉnh nhiều lần, rồi lột xác thay xương, chuyển thành núi đất, thì vẫn cần thầy phong thủy giỏi mới nhận ra núi đá hóa núi đất, và lạc huyệt nơi núi đá. Như Dương Quân Tùng từng nói: cũng có huyệt trường nằm nơi vách đá, cũng có huyệt trường ẩn dưới khe nước sâu.

Nếu huyệt trường ở nơi núi đá cao, Long nhập thủ phải chuyển thành Chi Long mềm mại, và phải là núi đá có thể khoan đục được, nơi kết huyệt, khoan mở đá mới có sinh khí.

Ngoài những trường hợp núi đá biến thành núi đất, cũng có khá nhiều núi đất biến thành núi đá, nơi kết huyệt vẫn cần lột xác thành đá nhô mịn, xen kẽ giữa đá là đất, chỉ dù để táng quan tài, đất dung kết giữa đá, tạo thành một thể thống nhất. Đây là công hiệu của "hoán cốt".



Đất dung kết với đá

Chỉ cần Long là chân Long, huyệt là chân huyệt, thì có thể đá núi rất to, phải khoan tạo giếng giữa núi đá, rồi lấy bùn đất đắp vào, cũng có thể đào một giếng nhỏ ở bên cạnh để tạo sự cân bằng.

Nếu trong đất có nhiều đá nhỏ, có thể đào bỏ đá đi, nhưng khi thấy đá to hay những tảng đá lớn ở phía sau huyệt, dùng tiếp mạch khí của Long nhập thủ, để tránh làm tổn thương Long khí, chỉ có thể dùng đất trát kín những khe hở trên đá lại.

Nếu huyệt ở trên đá, có thể đặt quan tài nằm ngay trên đá, rồi dùng đất lấp lên, tạo thành gò nhỏ, nếu trong đá có huyệt, nên phối hợp với Long mạch đặc biệt, đá bốn bên phải ngay ngắn chỉnh tề, huyệt tình thanh nhã mới có thể đặt quan tài, cũng có thể đặt quan tài dưới tảng đá, nguyên lý của nó cũng tương tự.

Nếu trên bề mặt có bùn đất thì táng nồng, tuyệt đối không được đặt quan tài sâu xuống lòng đất. Nếu thấy đá lộn xộn, tản mát, không có một chút đất nào và cũng không có loài cây cỏ nào sinh sống thì tuyệt đối không được đặt huyệt mộ. Nếu thấy gò núi bốn bên dạng ôm vòng, chỉ thấy màu xanh mướt của cây cỏ, đất tốt tất sẽ có cây cỏ nảy mầm, sinh sống, nước sẽ giúp cây lớn nhanh, trưởng thành, xanh tốt. Đó cũng là nơi rất tốt để đặt huyệt mộ.

Vì vậy, huyệt mộ trên đá, quý ở chỗ chịu khó học hỏi, nhận ra sự kỳ diệu thì chỉ có các bậc minh sư giàu kinh nghiệm và có vốn hiểu biết phong phú.

Long mạch cần có sự phân tích, phán đoán thật tỉ mỉ, chính xác. Bên



cạnh đó, các vấn đề về địa lý, huyền cơ biến hóa ẩn hiện đều chịu sự tác động, khống chế của Thần minh. Một người nào đó nếu thật sự là chủ nhân của huyệt mộ thì chắc chắn sẽ có lúc dù vô tình hay hữu ý gặp được duyên may, được hưởng nhiều phúc lộc. Nếu không phải là chủ nhân thật sự của huyệt mộ, dù được thầy phong thủy cao tay và giàu kinh nghiệm chỉ, mách nước và chọn được vùng đất tốt để kết huyệt nhưng sau khi chôn cất người chết (nếu là đất tốt và người chết là chủ nhân thật sự của huyệt mộ thì tất sẽ có sự tu nhân tích đức), thần linh sẽ có sự biến động, gây ảnh hưởng đến cả người sống và người chết. Ví dụ: Nước ngập tràn vào Huyệt trường, làm hỏng hình thế vốn dĩ đã rất đẹp của các dãy núi; hoặc sẽ tạo ra một sự thay đổi lớn như bãi bể biến thành nương dâu, nương dâu biến thành biển xanh,... Dù sự thay đổi đó là gì, mức độ thay đổi lớn hay nhỏ thì cũng đều là cát biến thành hung, những điều tốt đẹp lại chuyển thành điều xấu. Cổ ngữ có câu: Đất đai tốt chẳng bằng tâm địa tốt. Chỉ cần tích đức hành thiện, bạn tự nhiên sẽ được phúc phần chiếu sáng, gặp được huyệt mộ tốt đẹp của riêng mình.



3.3 NGŨ TINH



**PHÂN BIỆT TÌNH THẬT GIẢ
CỦA SA PHONG THỦY THẾ.**

LÀ HIỂU ĐƯỢC NGUYÊN LÝ KẾT THẬT GIA

Muốn hiểu rõ thế phân hợp, phải xem kỹ hướng thuận nghịch.

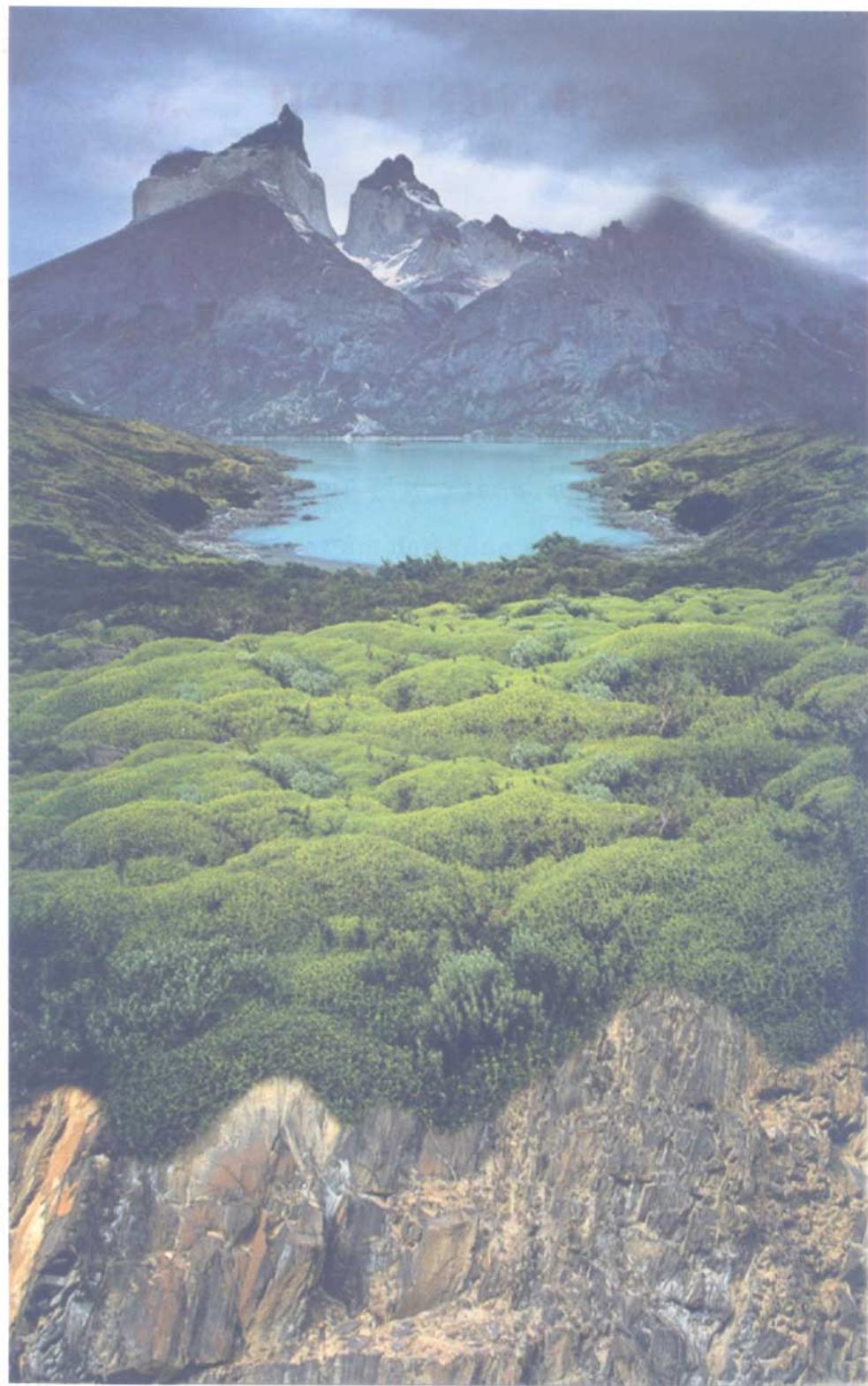
1. Long mạch do núi Tổ tiên phát tích mà ra, Long phải nhìn nơi nước phân nhánh, Thủy theo Long mà xuống, hợp thành suối, thành sông, thành biển, chỗ Long Thủy giao nhau dừng lại, chỗ tụ lại của Long khí, chính là nơi kết huyệt tốt. Thủy theo Long mà ra, cũng tụ hợp tại đó.

Tâm Long điểm Huyệt phải rõ thế Thủy phân hợp, Long mạch tới, có Thủy dẫn đường. Thủy hợp thì Long dừng, chỗ Long Thủy giao nhau dừng lại, nạp vào chính khí, vì thế nước phân nhánh ở đâu, hợp lại ở đâu, sẽ có 3 loại hoặc trước hoặc trái phải hoặc sau. Còn phân hợp cũng có 3 loại: trước sau huyệt; từ mộ phần đến nơi Long Hồ giao nhau; từ Long tổ đến chỗ Long giới Thủy.

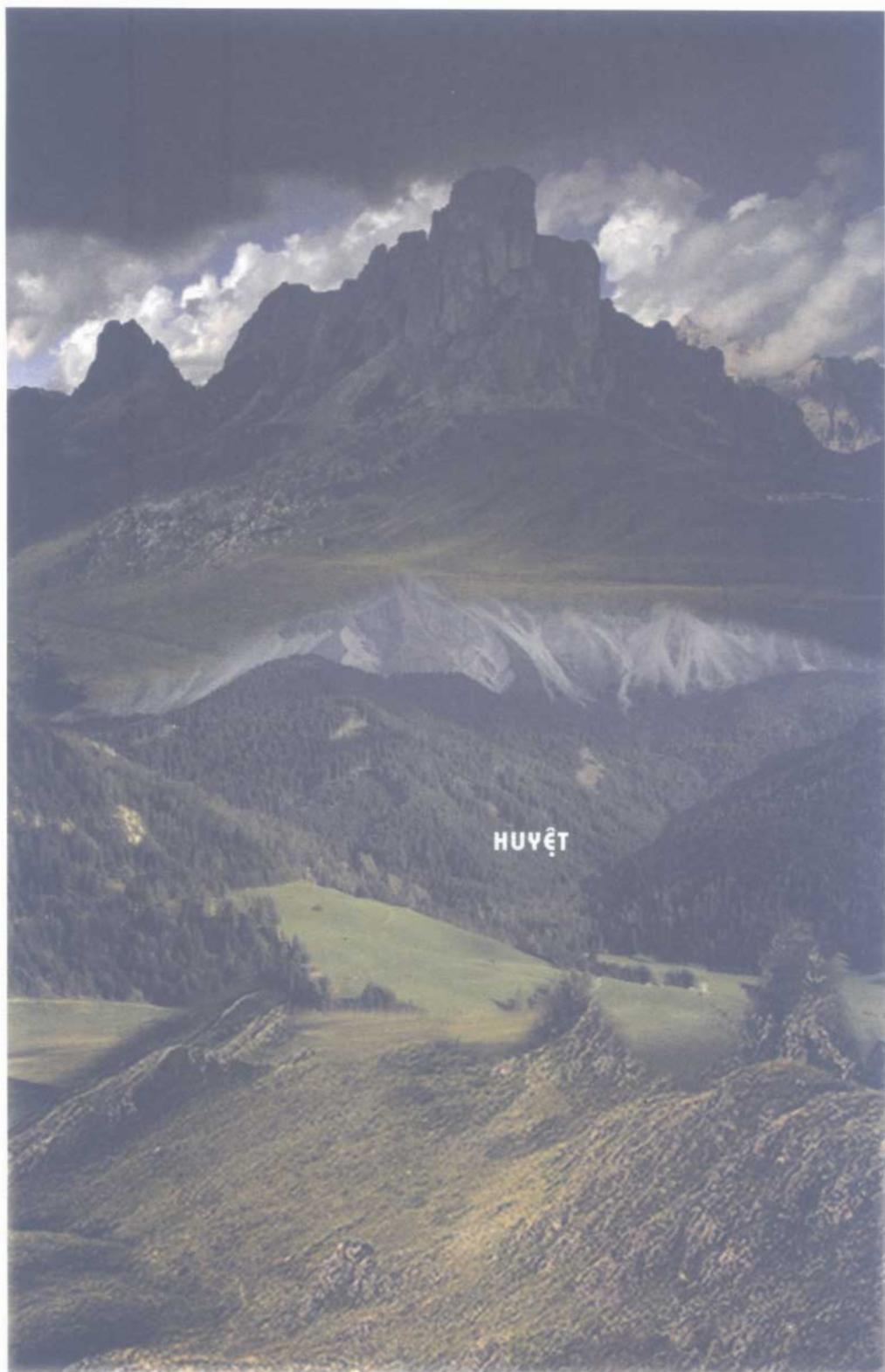
Nhỏ thì không có phân, chỉ có hợp; To thì phân hợp lại rồi phân, rồi lại hợp. Tiểu khẩu đầu tiên là hợp Thủy hình chữ bát "八" nhỏ bên trong Long Hồ; thứ hai là hợp Thủy hình chữ bát to bên ngoài Long Hồ; thứ ba là nhánh chính chia ra và hợp lại. Có hợp mà không phân, tức là đến mà không thật, không có sinh khí. Nhưng Huyệt trường Tam hợp lại tích tụ ở trên, không cần phải phân nhánh chảy đi, có phân không có hợp thì dừng lại không rõ ràng, mà bên ngoài không có khí Đường, đây là ứng nghiệm của huyệt, Long Hồ tương hợp thì Long có ảnh mà không có hình, kết tại một điểm nhỏ, cần phải xem xét kĩ mới có thể rõ thế của nó. Thủy phân hợp sẽ định Long mạch dừng ở đâu.

Long hợp Thủy phân thành tứ hợp: trước (tiền), sau (hậu), trái (tả), phải (hữu), Hậu hợp theo như “Hám Long kinh” là: “Hồi Long về với chủ mới được coi là hữu tình” (xem hình A, B, C, D).



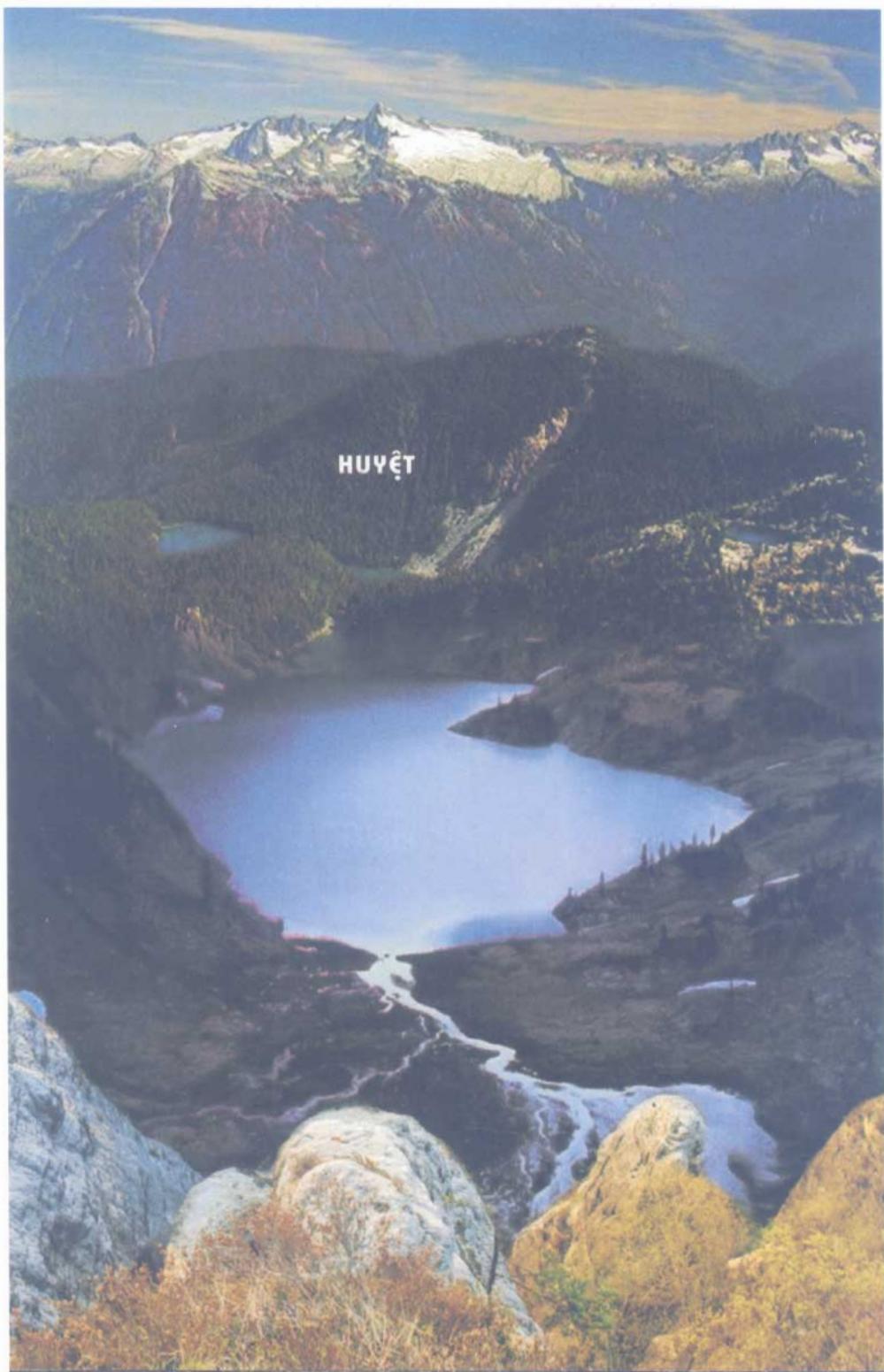


A. Tiên hợp

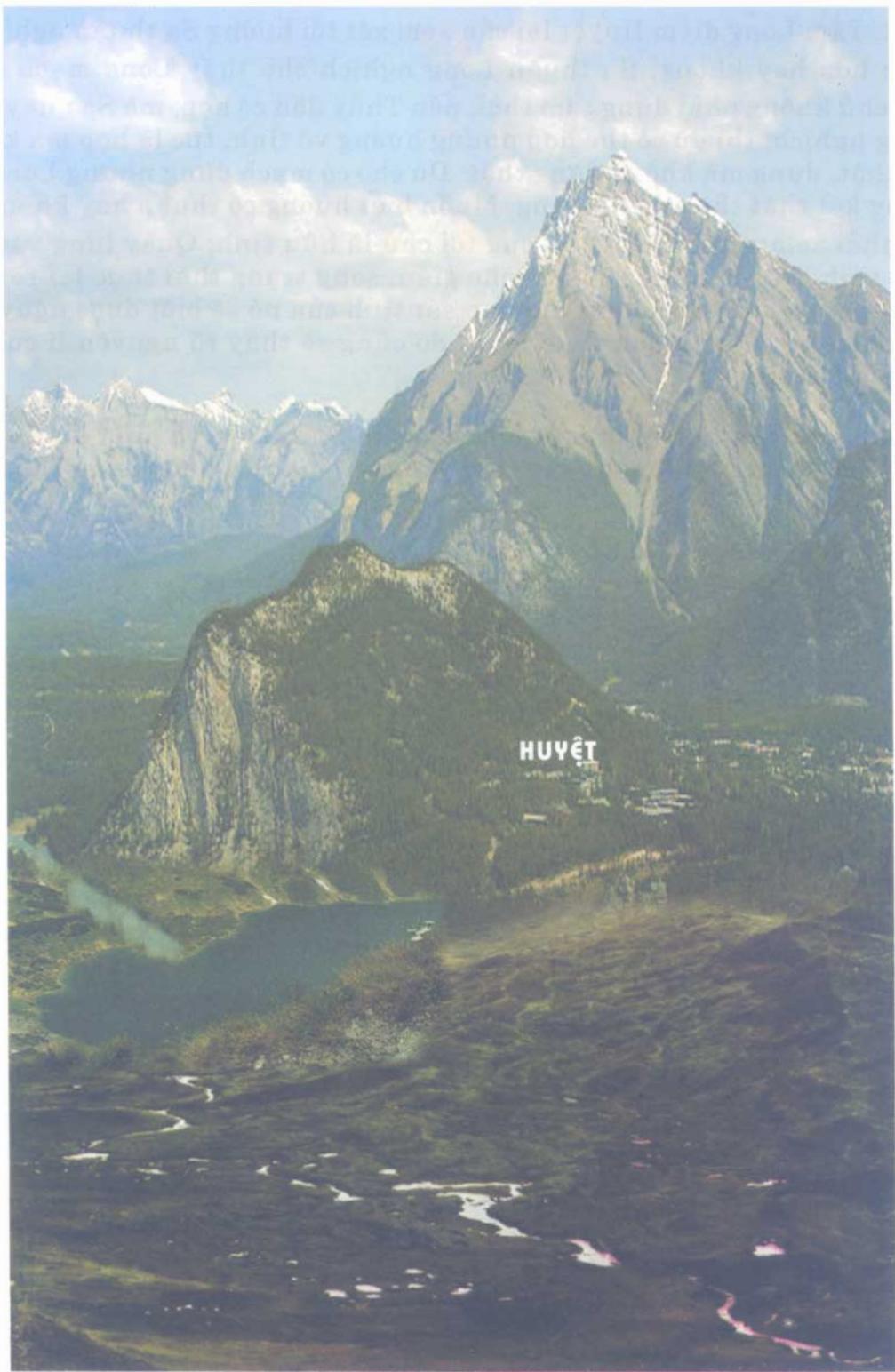


B. Hậu hợp





C. Tả hợp



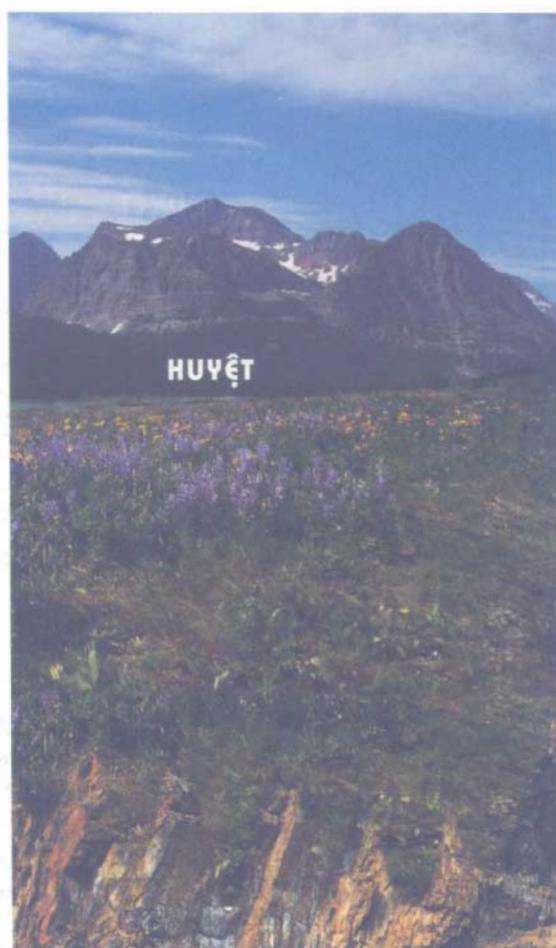
D. Hữu hợp



2. Tâm Long điểm Huyệt lại cần xem xét tới hướng Sa thuận nghịch có thích hợp hay không, Sa thuận Long nghịch cho thấy Long mạch dừng thật chứ không phải dừng tạm thời, nếu Thủy đến có hợp, mà Sa quay lưng tương nghịch, thì dù có thể hợp nhưng hướng vô tình, tức là hợp mà không hợp thật, dừng mà không dừng thật. Dù cho có mạch dừng nhưng Long khí không kết thật thì cũng là hung. Muốn biết hướng có thuận hay không thì cần phải xem xét kĩ lưỡng. Hướng tới chủ là hữu tình; Quay lưng vào chủ là vô tình. Tức là dù có cố gắng che giấu, song trạng thái thực lại rõ ràng không ẩn, xem hình của nó và quan sát tình của nó sẽ biết được nguyên lí của hướng thuận nghịch thực tế, từ đó cũng sẽ thấy rõ nguyên lí của cát hung họa phúc.

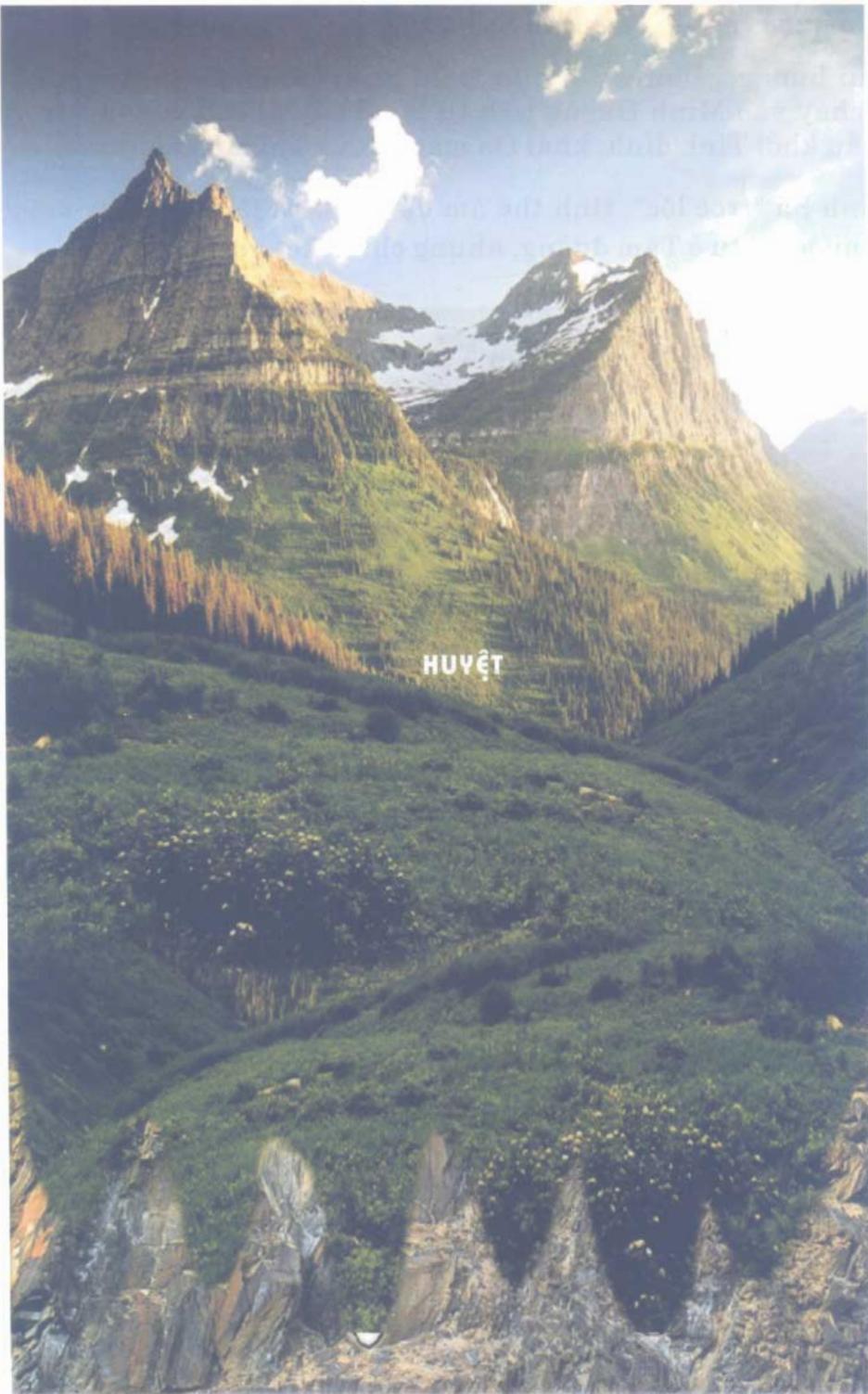
Ý nghĩa của hướng là mặt lõm vào của Sa hướng về phía huyệt (chủ thể) là cát; còn mặt lõm hướng ra bên ngoài, mặt lồi hướng vào chủ là vô tình, là hung.

Mặt lõm hướng vào chủ là hữu tình là cát.



Hữu tình

Mặt lồi hướng vào chủ, là nghịch, là vô tình, là hung.



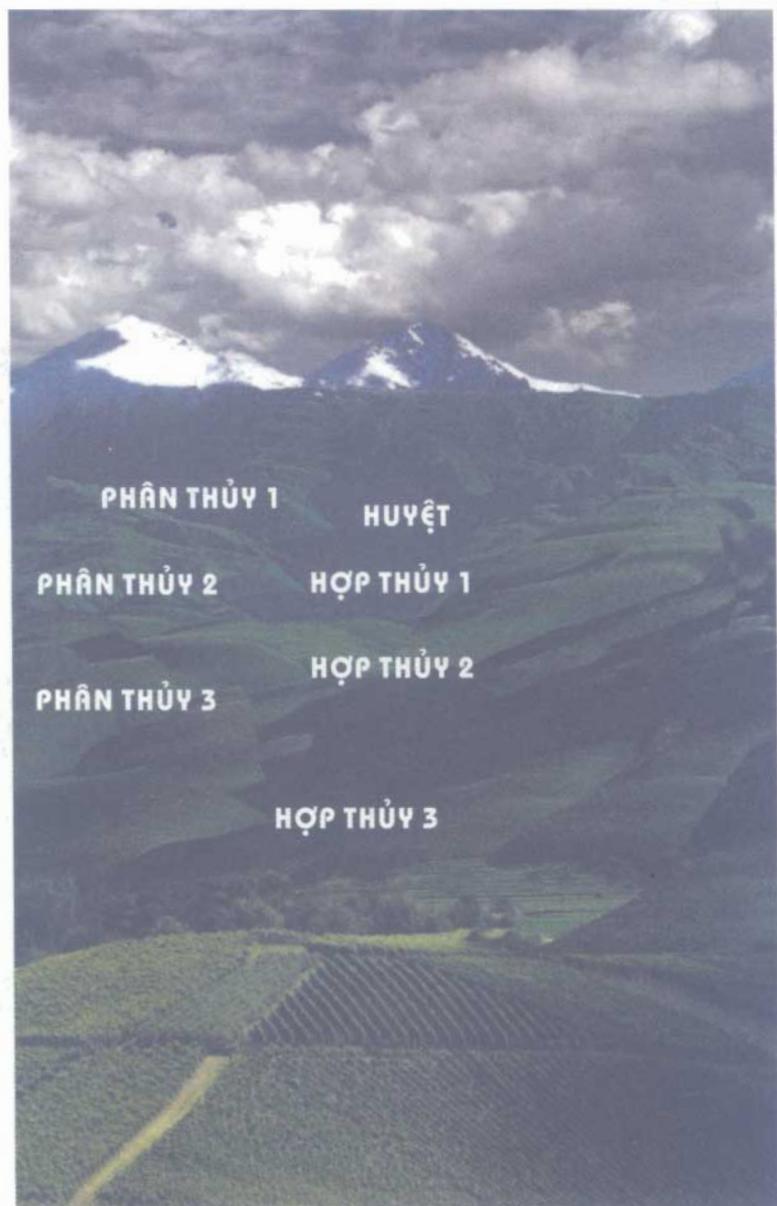
Vô tình



3. Phương pháp nhận biết kết thật hay kết giả dựa vào hình thế phân hợp của nước và tình của đỉnh Sa:

Núi hướng về huyệt là hữu tình, quay lưng lại với huyệt là vô tình. Thủy chảy vào Minh Đường tích tụ lại, Thủy đi còn vương vấn, thì Long thắt hầu khởi Tinh đỉnh, khai Oa mạch dừng khí mà kết huyệt.

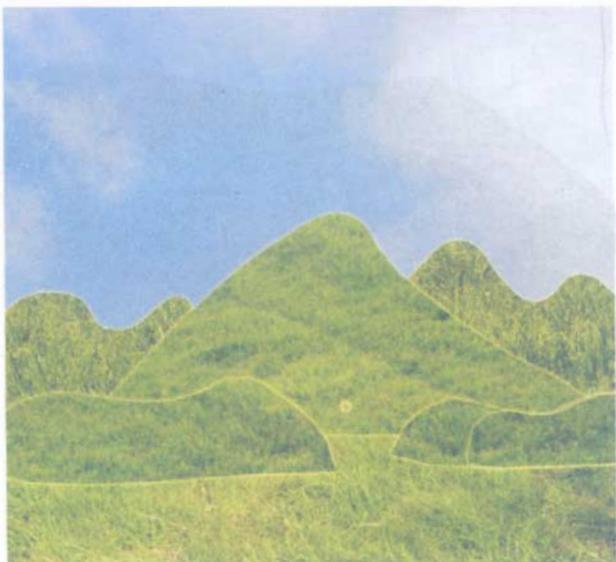
Đỉnh Sa "trọc lốc", tình thế ảm đạm tán ra là hung, tuy mạch khí đã dừng, nước lại tụ ở Tâm đường, nhưng chỉ là kết giả.



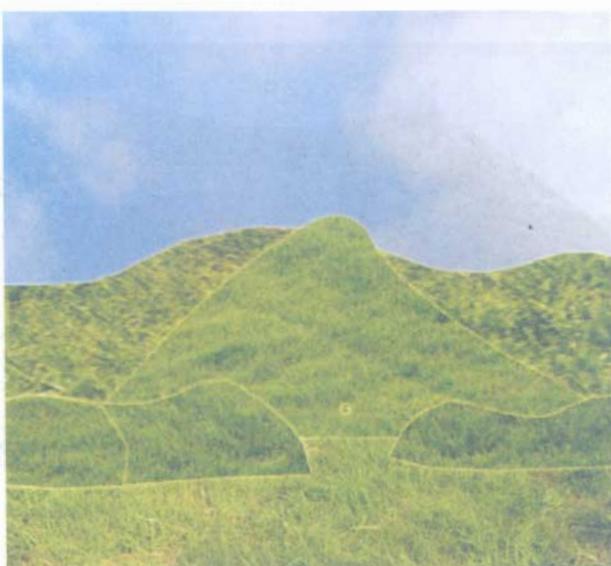
Kết giả

4. Nếu huyệt trường có khiếm khuyết, không ngay ngắn thì có thể dùng phương pháp tu sửa để tránh hung nghênh cát, kết thành chân huyệt.

(1) Bổ sung Long Hồ Sa, nếu Long Hồ Sa đều có khiếm khuyết, thì sẽ không sử dụng được. Nếu một Sa trong đó có khiếm khuyết, thì tuy huyệt tình có thể dùng, và bên ngoài hỗ trợ bảo vệ, song hỗ trợ bảo vệ bên ngoài xa cách, nên không dùng được. Nếu đã thiếu hụt, thì nên bổ sung, nếu không bù đắp nhân tạo, lâu dần sinh khí sẽ yếu đi, sau khi tu bổ, sinh khí sẽ dồi dào, tự khắc tạo phúc ấm cho đời sau (xem hình A, B).



A. Bổ sung Thanh Long Sa



B. Bổ sung Bạch Hổ Sa

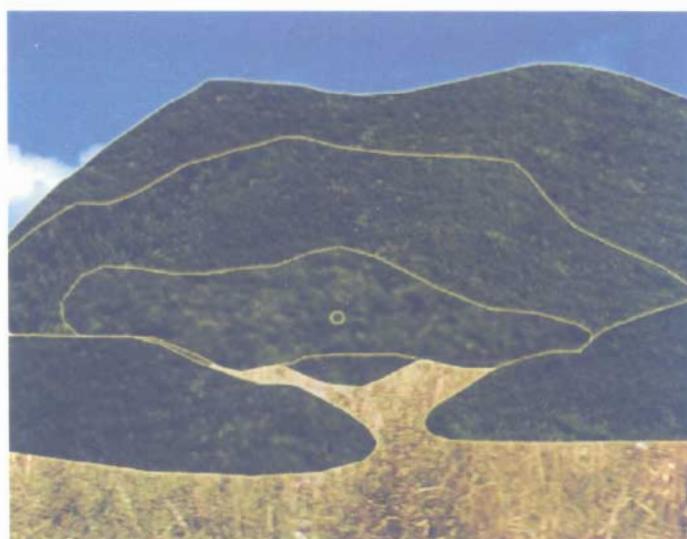


(2) Bổ sung huyệt đỉnh, và chiên khâm (khǎn): Bình Dương Long đỉnh phần lớn là thiếu chiều cao, thậm chí còn lõm xuống, phải bổ xung đỉnh, sau khi bổ sung, Tinh đỉnh vượng khí có thể tuần hoàn liên tục và chuyển vào Huyệt trường, rồi thông thả tới mội phần, để huyệt trường sử dụng.

Trong cùng một mặt bằng, dưới Huyệt thật, tại nơi nước hội tụ, phía trước khăn choàng hơi có khiếm khuyết (ở đây Hồ tượng trưng cho khăn hay vật áo) thì chắc chắn thiếu sinh khí, phải bổ sung thêm đất để tương xứng với huyệt trường, để Đường khí được phong mãn toàn vẹn, đầy đặn mà đẹp đẽ (xem hình A, B).



A. Bổ sung Huyệt đỉnh

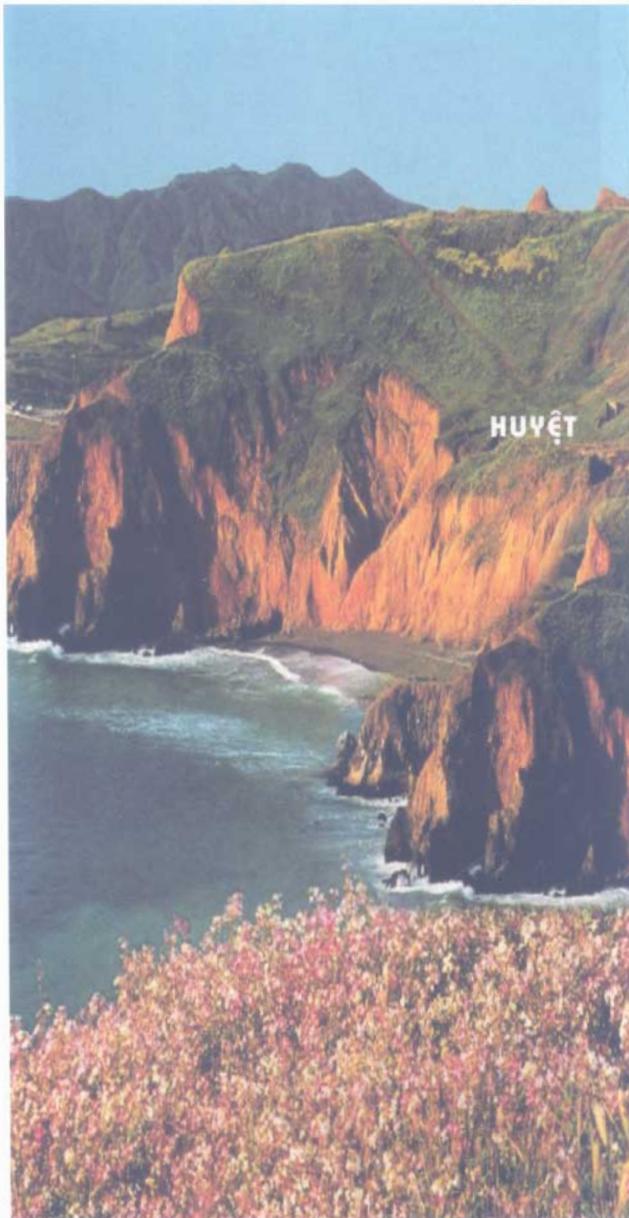


B. Bổ sung Khăn



(3) Tả sinh hữu tử thì cắt bỏ bên phải, hữu sinh tả tử thì cắt bỏ bên trái

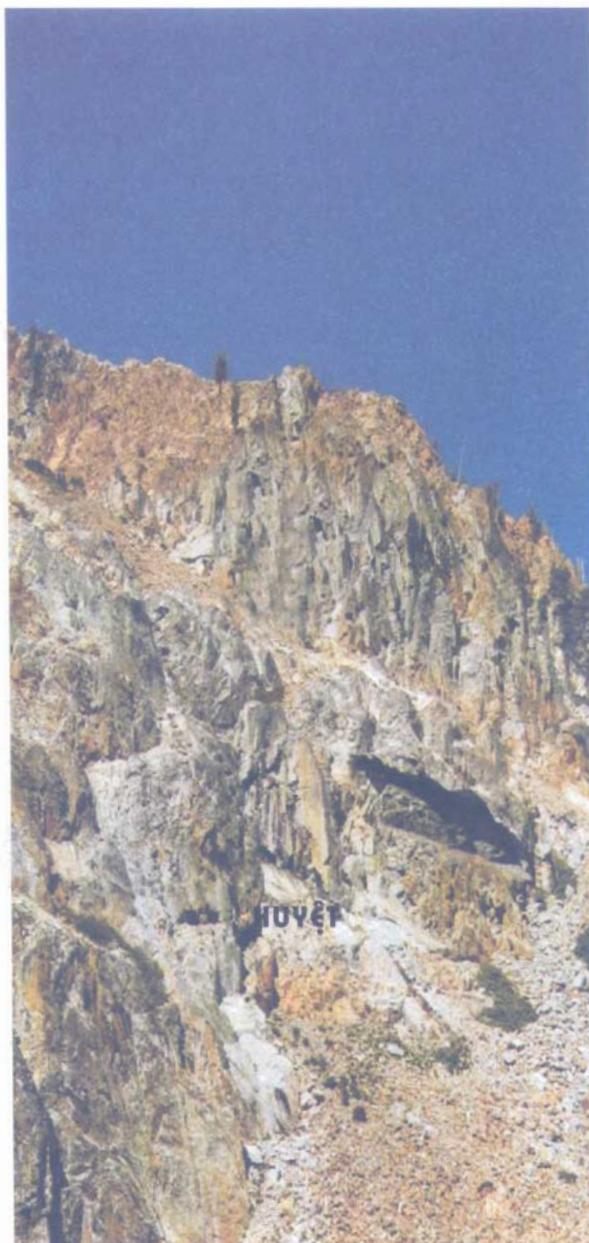
Lạc Mạch nghiêng vát, Long đến cuồn cuộn, thể hỗn loạn không rõ ràng, cắt bỏ cơ chết bên nách phải, làm cho hình thể đẹp đẽ trở lại, chuyển hỗn loạn thành rõ ràng, tự khắc thai nghén ra vật đẹp đẽ.



Hữu tử tả sinh, cắt bỏ cơ chết bên phải



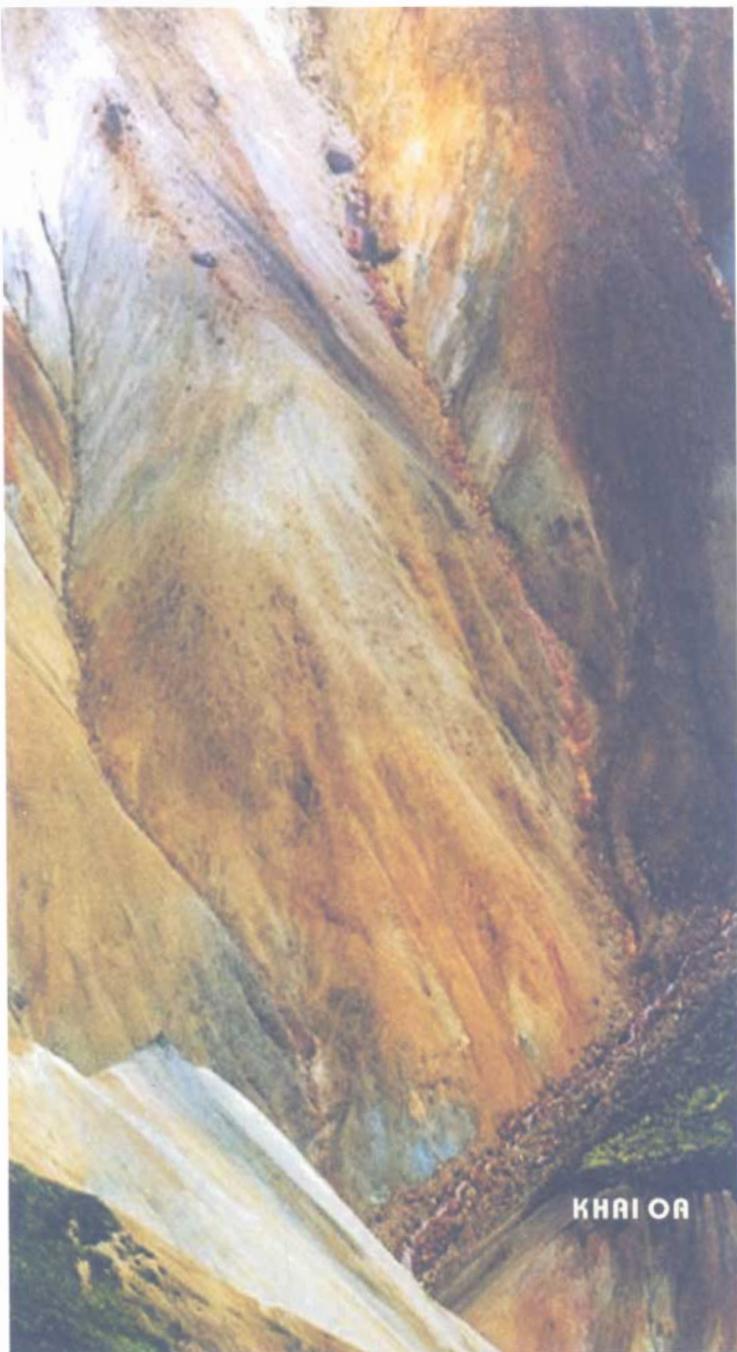
Thường gặp nhất là "nhất sinh nhất tử", phương pháp tu bổ là dựa vào khả năng quan sát và phán đoán, nếu phải khởi tử hồi sinh, thì áp dụng phương pháp tu bổ tổng thể, nếu cơ bên nách trái bị chết thì có hại cho Long, cũng phải cắt bỏ, có vậy mới xuất hiện sinh khí, mới tạo ra nhiều phúc.



Tả tử hữu sinh, cắt bỏ cơ chết bên trái



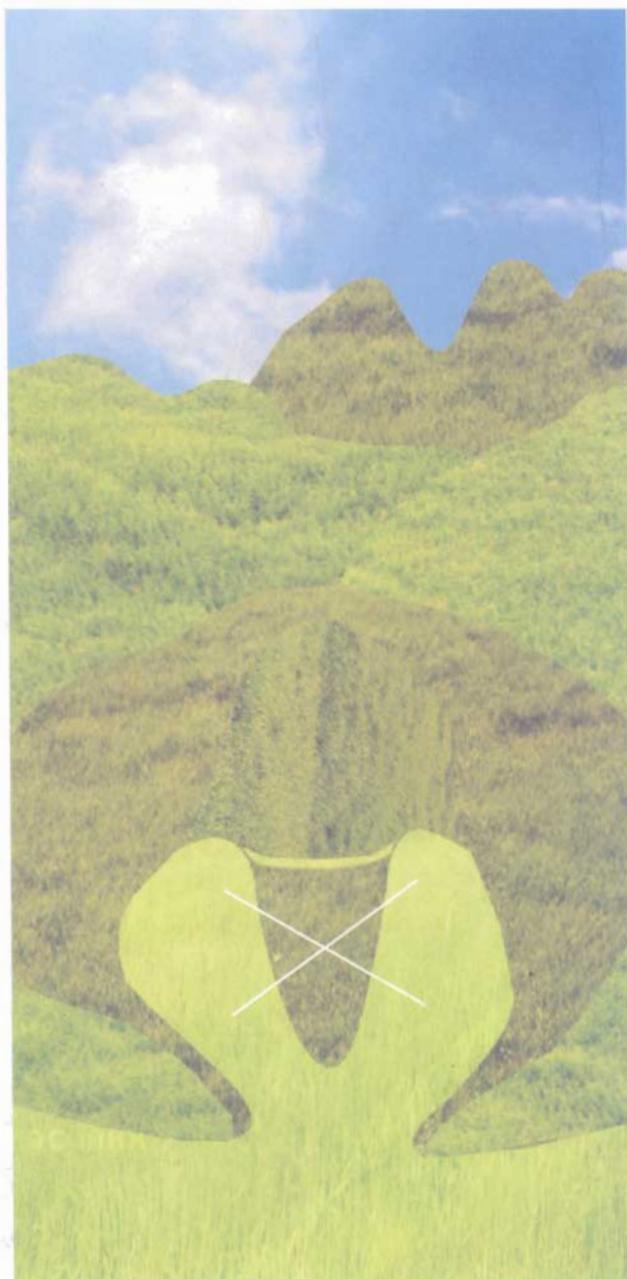
(4) Mạch đến thẳng mà rõ ràng, Long huyệt đầy đặn thì cần khai Oa tạo Minh Đường (loại bỏ thể dư), để linh khí lộ ra đẹp mới tốt, tuy nhiên phải cẩn thận, tiến hành cần chọn phương pháp hợp lý, quan sát điểm kết huyệt rõ ràng thì mới có thể khai Oa.



Khai Oa tạo Minh Đường



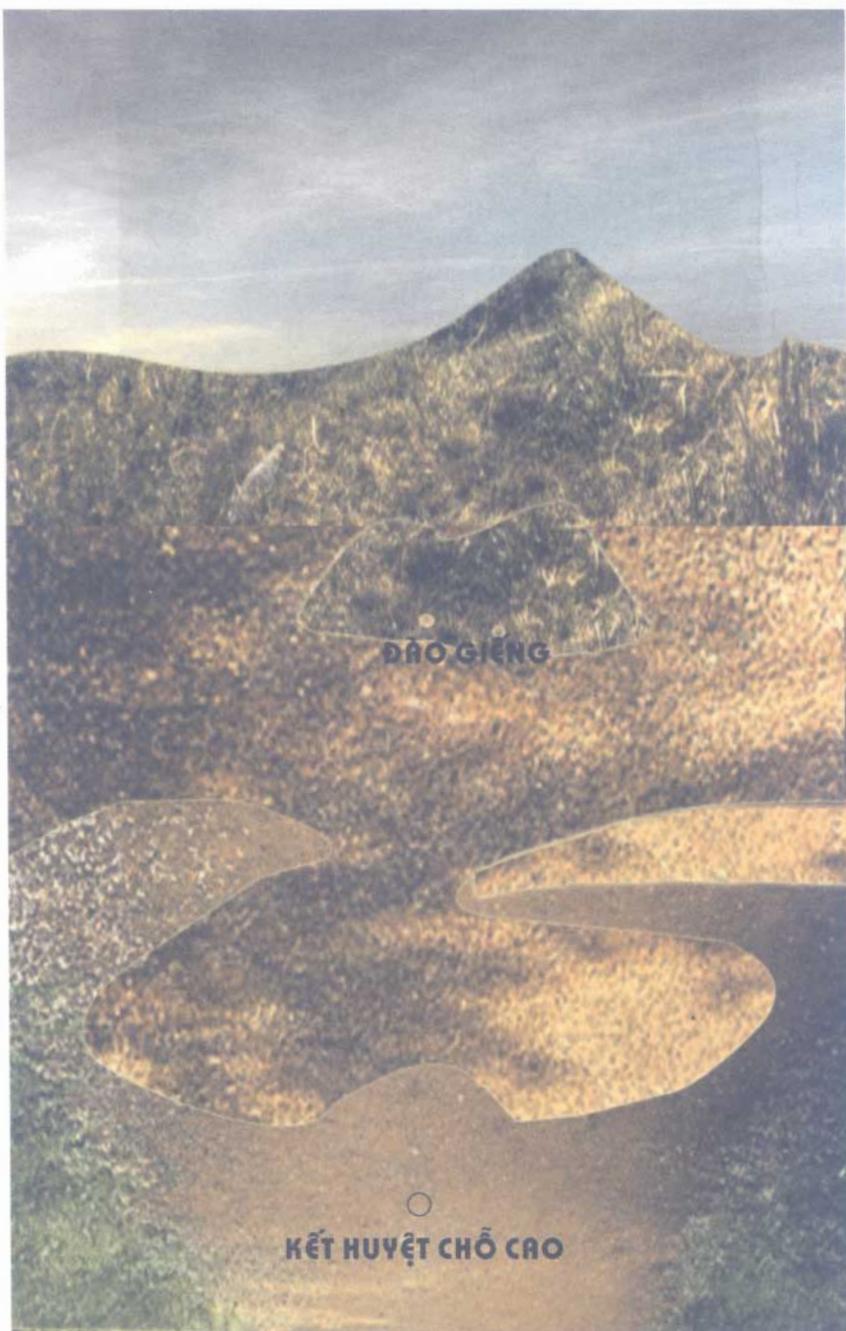
(5) Cắt bỏ lưỡi Chiên Thần, bên ngoài bệ vái thờ, trên cùng một mặt bằng, tại nơi nước hội tụ, bao gồm cả mặt phẳng bên trong Long Hổ Minh Đường, gọi là Chiên Thần, thường thè lưỡi trước huyệt, là dư khí của Long, lộ ra cái miệng hình Mộc, thì cần phải cắt bỏ, tránh để rơi mất vượng khí, giúp huyệt trường cân bằng.



Cắt bỏ lưỡi



(6) Kết huyệt chỗ cao, Đường khí hùng hậu ngưng kết, có Án Sơn với dốc nghiêng, là nơi kết huyệt rất đẹp. Nếu ngoài Án Sơn, thể đi như bay tiết khí, thì cần đào giếng bên ngoài Án Sơn để ngăn chặn sinh khí, làm cho sinh khí quay trở lại, có vậy mới tạo ra nhiều phúc ấm.



Đào giếng chặn khí



(7) Kết huyệt chỗ thấp, hình thể yếu, khí không thể bay lên, tùy thuộc vào thân thể để đắp thêm bùn đất, làm nở rộng Huyệt tinh, chuyển yếu thành mạnh, cát khí có thể trực tiếp bay lên, thân thể khỏe mạnh thì tự khắc khí cũng sẽ mạnh, khí mạnh tự khắc thai nghén dưỡng dục, lực của phúc ấm càng lớn.



Bồi bổ thể yếu



(8) Xây dựng Đường đóng chặt nguyên thần, ngoại Sa tuy dày, nhưng nội Đường không đóng, nên Nguyên thần chảy xiết: phải xây một Án Sơn nhỏ hình trăng khuyết trước Đường, thì Nguyên thần không còn chảy ra ngoài nữa, sinh khí tự khắc sẽ toàn vẹn.

(9) Xây dựng Sa để chống sát: Thủy triều dâng lên huyệt, huyệt quá thấp, Long Hổ không giao nhau, để ngăn nước xông thảng vào thì nên xây dựng Sa Án trước Đường để hóa sát nghênh cát. Nếu nước xông thảng vào, có thể xây Sa cao lên để ngăn chặn không nhìn thấy nước xông vào, làm vậy có thể phục hồi lại sự hữu tình xung quanh, chuyển hung thành cát.

Có dòng nước xông thảng vào gần huyệt, có gò núi chắn nước đến, nước chảy vòng quanh huyệt hữu tình, thì sẽ chuyển hung thành cát, nước như mũi tên đâm thảng vào vô tình, có gò án nhỏ ngăn chặn, giữa huyệt không thấy nước xông vào, ngoại Dương tuấn tú, sau huyệt lại có sự vấn vương thì có thể chuyển hung thành cát (xem hình A, B, C, D).

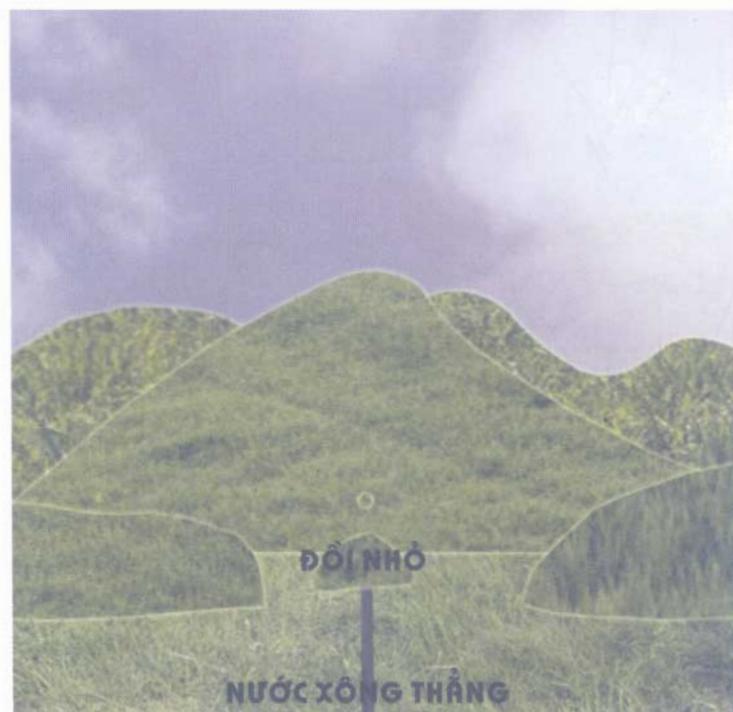


A. Xây Sa cao để giảm sát



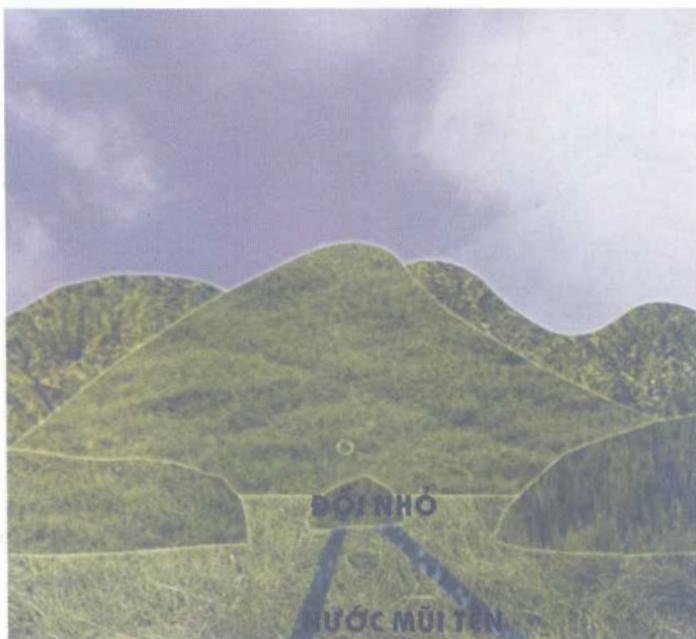


B. Sa cao ngăn đường nước xông thẳng đến



C. Đồi nhỏ chặn nước xông thẳng vào huyệt





D. Đồi nhỏ chặn nước mũi tên



Ý NGHĨA CỦA PHÂN HỢP, THUẬN NGHỊCH

Sơn Thủy phân tán, thì sẽ chạy loạn, không qua lại với nhau. Sơn Thủy tụ hợp thì sẽ nương tựa quan tâm lẫn nhau chứ không quay lưng vô tình mà đi. Quần thể núi phân nhánh, quần thể nước chia dòng, gùi gắm cho nhau, có Triều án, nước chia dòng hội tụ ở phía trước, giao hội ở phía sau. Ý nghĩa của Thủy tụ là chỉ cùng loại tụ lại với nhau, Sơn cùng loại cũng tụ lại với nhau, vì thế không thể không biết ý nghĩa của phân hợp.

Dựa vào Sơn và Thủy để phân thành thế tán loạn, hợp, quần phân, hay loại tụ.

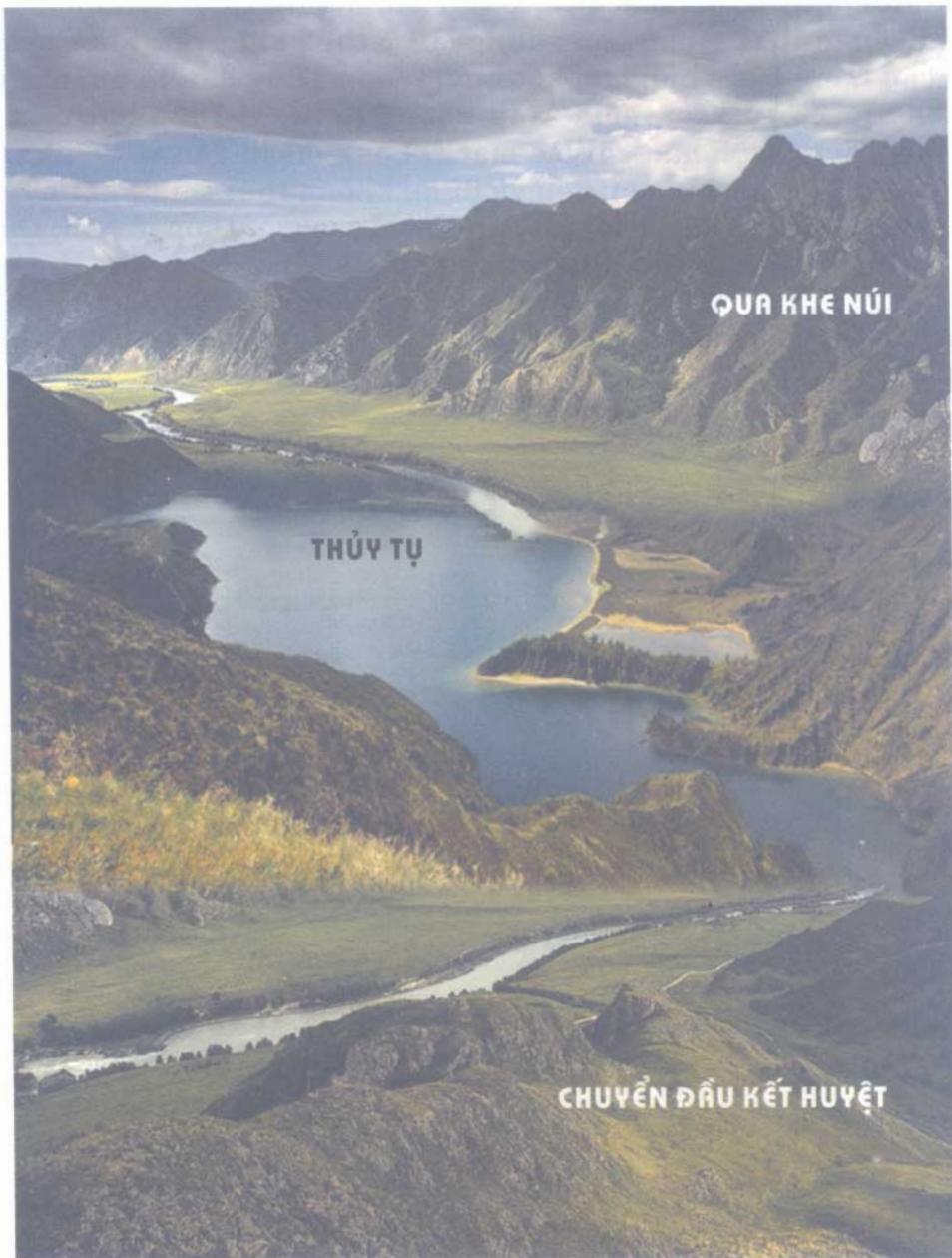
1. Sơn Long: Do núi Tổ phát tích, xuất Can mạch Lạc mạch là núi cha mẹ, thế như vạn mã chạy băng băng, phân nhánh mà đi, tạo thế cục "Quần hùng Cát cứ" gọi là loạn. Còn như phân nhóm mà đi, mỗi nhóm tự kết huyệt, hợp lại thành bầy, có Long bảo vệ, có Sa làm Án, hoặc sinh ra một huyệt tương xứng với huyệt khác, hoặc các huyệt tụ trong Đường, tương hỗ với Triều án, là đồng loại tụ hợp.





Sơn Long tụ hợp

2. Thủy Long: Thủy phân thành Thủy Long Sơn linh đi theo hai hướng trái phải, bị chặn bởi phân nhánh của can Long hoặc do núi đồi dẫn dắt tới. Đã phân nhánh, đã phân dòng gọi là loạn. Trong loạn lại gặp núi đồi ngăn cách, rồi lại hợp thì sẽ chảy đi theo cùng một hướng. Song nếu Thủy quá mạnh át sẽ xâm phạm, Thủy yếu thì không tốt tươi, xâm phạm át sẽ phân nhánh phân dòng, tức phân theo nhóm. Thủy yếu át chảy chậm chạp theo một dòng, tụ hợp lại thì sẽ tạo nên thế mạnh, cuối cùng tụ hợp lại trước Minh Đường, gọi là đồng loại tương tụ.



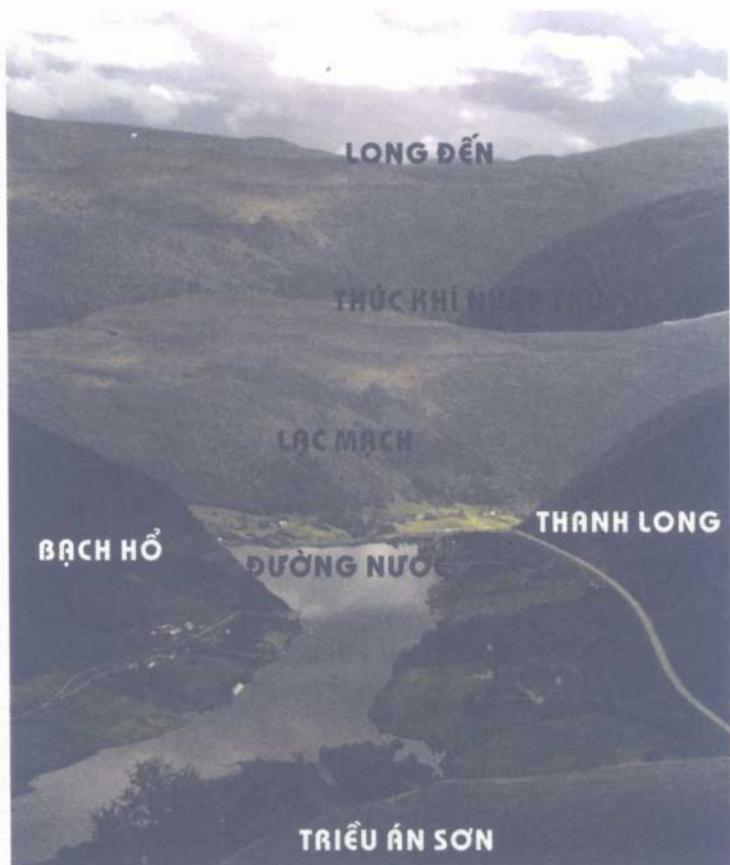
Thế đi của Thủy Long



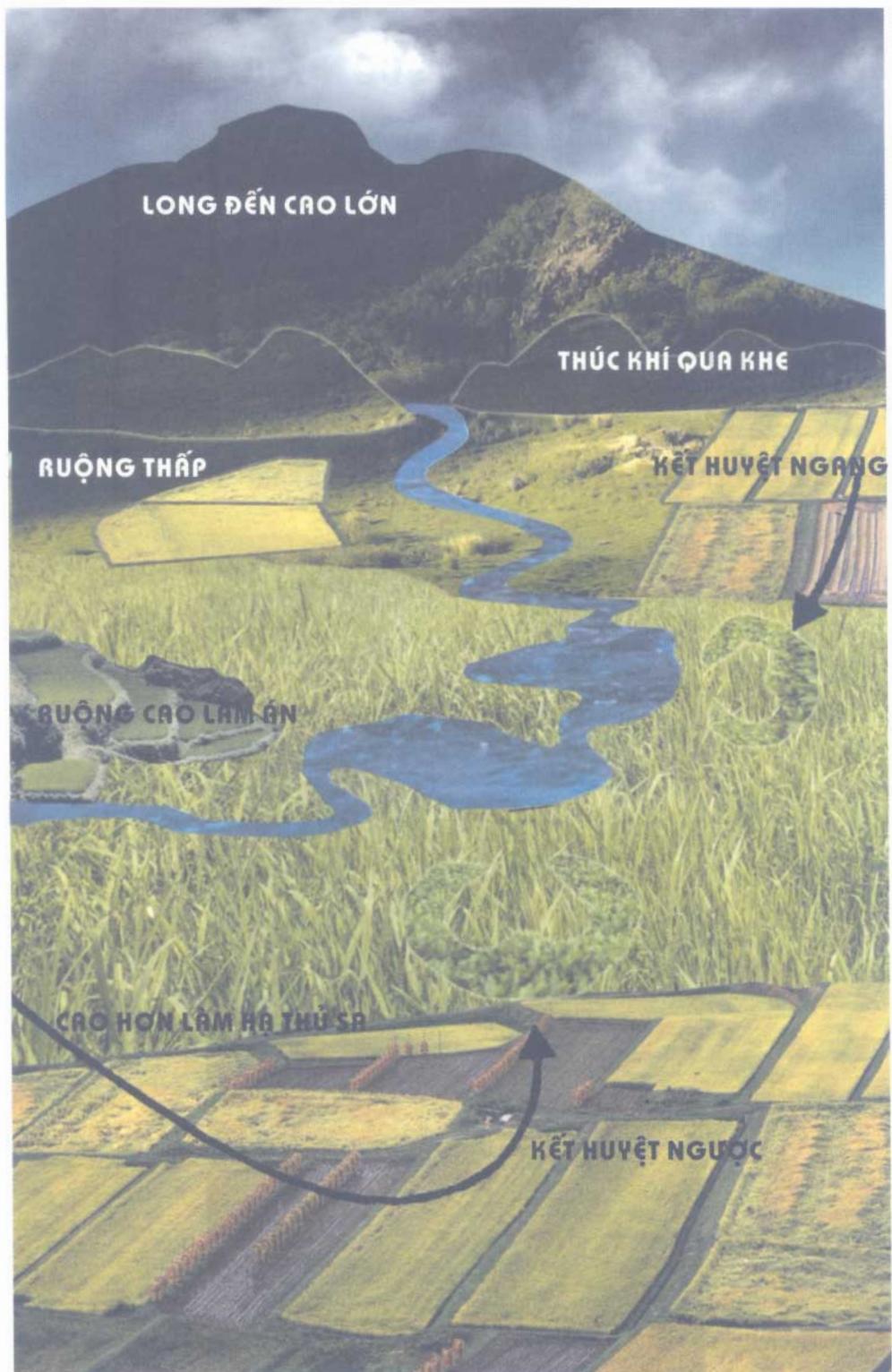


KHÔNG ĐẾN DỪNG THỰC THÌ KHÔNG THỂ KẾT HUYỆT

Tiềm tàng là Long mạch nổi lên rất nhở, là thời điểm chưa xuất mạch, "đến" là chỉ mạch nổi lên, "dừng" là chỉ nơi kết mạch. Hình thế Long mạch có 4 loại: sáng tối, to nhở, ẩn nấp và thâm tàng. Sơn Long nổi lên, lột xác thay mình là quý. Long mạch từ to thô đến mảnh, từ to đến nhở, biến đổi xoay chuyển hình thế, chỗ Long dừng lại có thể kết huyệt, không cần phải câu nệ chỗ Long dừng hẳn mới kết huyệt. Sơn Thủy đều có phân tán có tụ hợp, Long mạch tụ kết, thâm tàng không lộ ra, vì thế phải xem xét kĩ lưỡng tông tích, chỗ phân chi lạc mạch, Long mạch đến sẽ có nhận, phải xem xét rõ ràng thực hư, nếu đến và dừng không thật thì sẽ kết huyệt giả. Cho dù không có Sơn mạch đồi cao, nhưng vì cao một thốn là Sơn, thấp một thốn là Thủy, nên địa thế phải có chỗ hơi cao, nơi bình dương nên xem Thủy, Long. Thế đi của Thủy Long là từ cao xuống thấp, Long nhô lên từ chỗ địa thế hơi cao, và kết ở chỗ Thủy tụ hoặc chỗ nước mưa đọng lại (xem hình A, B).



A. Sơn Long



B. Thủy Long





CHỖ THỦY TỤ, UỐN KHÚC LÀ ĐẸP

Chỗ Sơn tụ, mà Thủy chảy nghiêng là không thiện. Chỗ Thủy uốn khúc, mà Sơn phân tán, gọi là vô tình.

1. Sơn và Thủy là hai thể hỗ trợ cho nhau, giống như vợ chồng, núi phải tụ, Thủy phải uốn lượn, hai cái đều vẹn toàn mới được xem là hoàn mỹ. Nếu Sơn Mạch đoàn tụ mà Thủy lại chảy nghiêng hoặc chảy ào ào là không thiện.

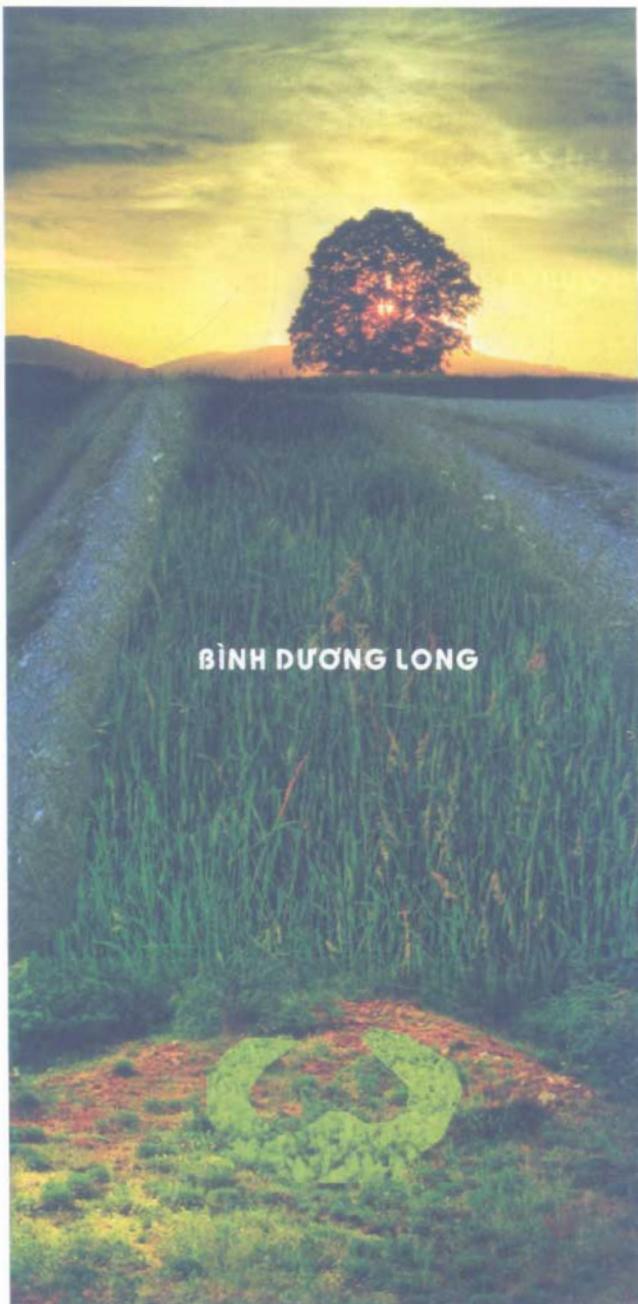
Thủy phải uốn lượn, bao quanh thì mới dùng được, Thủy xói thảng hoặc chảy chêch, mạnh mà dữ dội đều không tốt, cho dù Sơn tụ cũng không cát.



Nước chảy nghiêng chảy xiết

Sơn Long: Thủy không tụ ở Đường, mà chảy chêch sang hai bên, chảy về nơi xa, con cháu nhanh chóng thất bại.

Thủy Long: Bình dương lạc mạch là Thủy Long, nước ở phía trước Đường chảy xuôi đi mà không tụ lại trước Đường, phía trước lại không có Án Sơn khép lại thì con cháu thất bại, nghèo khổ.



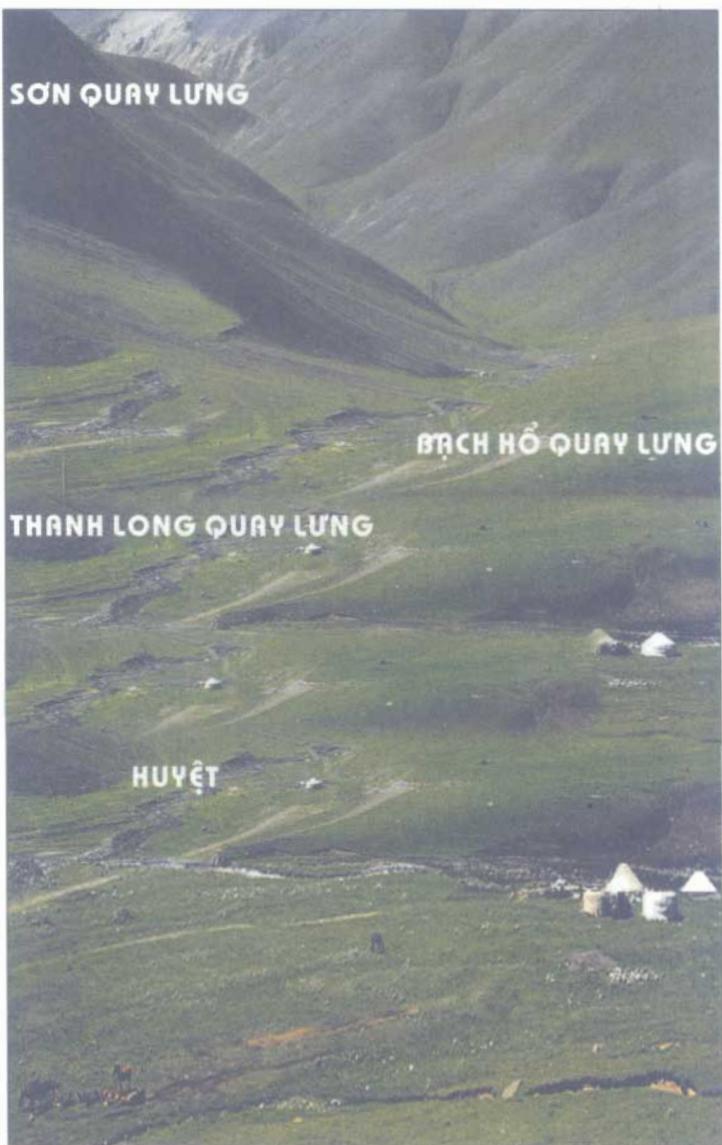
Nước đi thẳng, không tụ



2. Thủy tuy uốn lượn quanh núi, nhưng núi tản mạn không tập hợp, gọi là vô tình, là nơi không kết huyệt thật, cho nên chỗ Long dừng không thể xem nhẹ cái tình của Sơn Thủy.

Cho dù Thủy đến uốn lượn, ôm lấy Minh Đường tích tụ ở trước Đường, song nếu núi quay lưng vào huyệt, tản mạn hướng ra ngoài, thì sẽ làm lọt Đường khí, Nguyên thần thất tán, Huyệt trường không thể tàng phong tụ khí, Thủy tuy đẹp mà núi vô tình, thì sẽ không cát.

Những dãy núi trước mặt quay lưng lại, thì là vô Án cũng vô Triều, Thanh Long Bạch Hổ quay lưng lại, tức không có Long Hổ bao bọc, không tụ khí, vừa vô tình lại vô nghĩa.

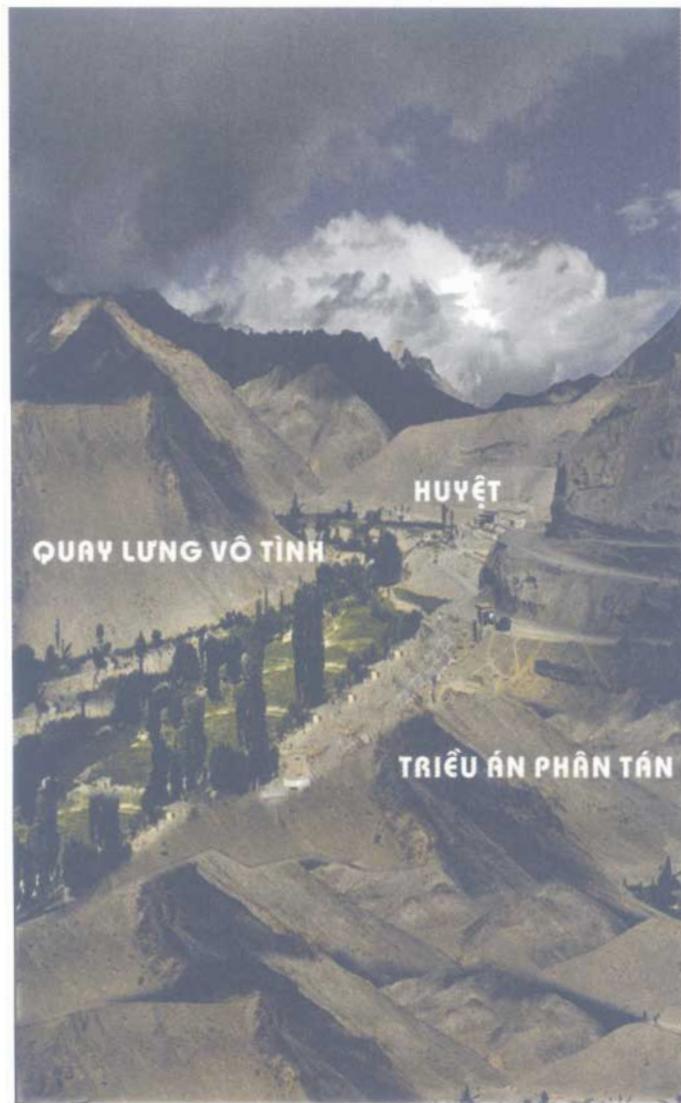


Sơn loạn vô tình



**SƠN THỦY CÓ PHÂN HỢP.
QUAY MẶT MÀ KHÔNG QUAY LƯNG
ĐƯỢC XEM LÀ HOÀN MỸ**

Nếu chỉ chú trọng tới vẻ đẹp bình thường của huyệt mà bỏ qua đại thế của Sơn Thủy, hay dù có Sơn tụ Thủy uốn khúc nhưng lại không để ý tới tổn hại về đại thế, thì chỉ thấy cái nhỏ mà không thấy cái lớn, chỉ thấy một điểm mà không thấy toàn cục. Sơn Thủy đều cát mới có thể tìm huyệt, nếu Sơn Thủy đều hung, muốn tìm tiểu cát trong hung là cực kì nguy hiểm, giống như gỗ trôi theo dòng nước chảy, hay trèo cây bắt cá, đã không thể bắt được cá, lại còn rất nguy hiểm.



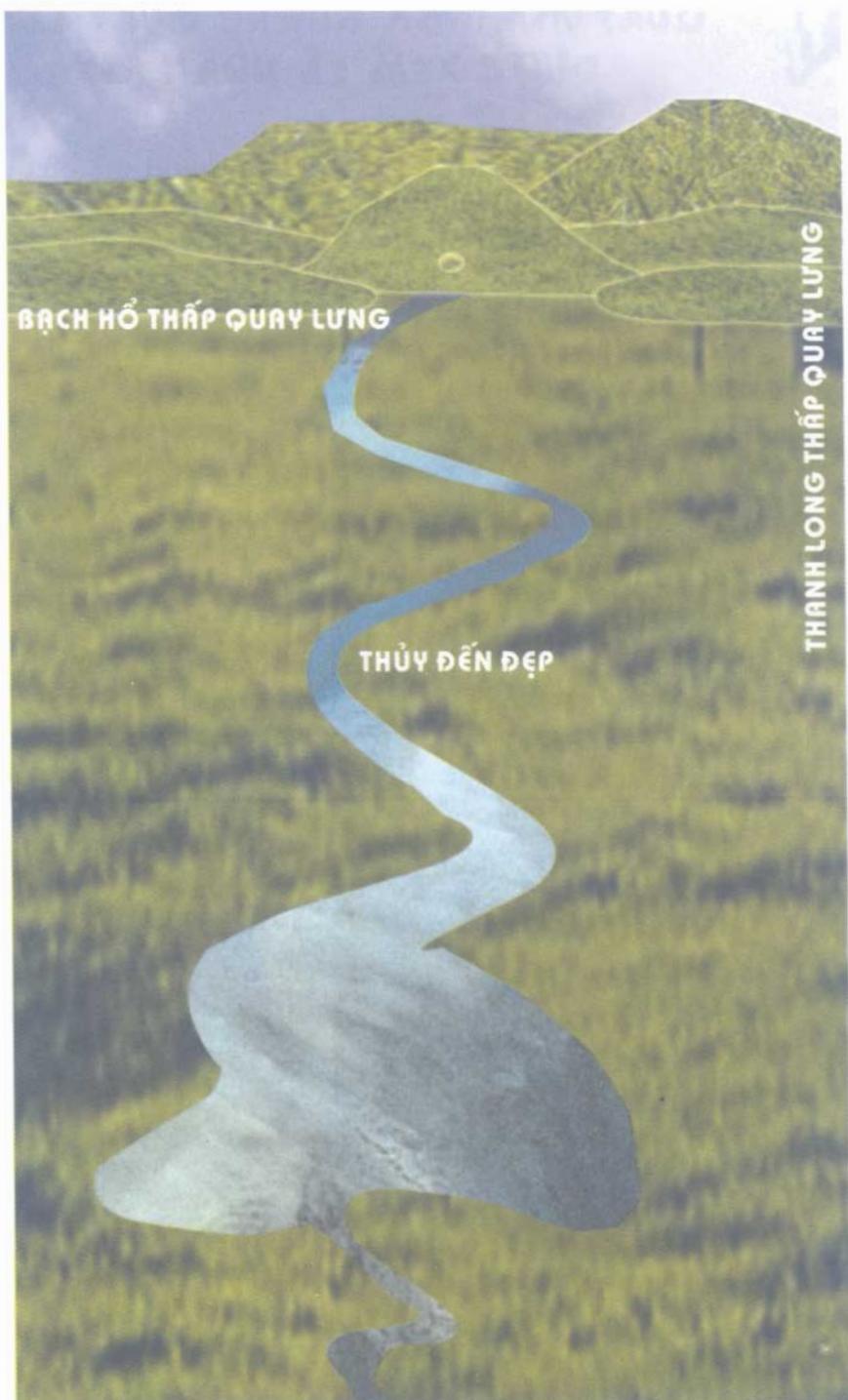
Ngoài ra còn có cách nói khác: Tiểu Sơn tiểu Thủy hướng vào chủ có hữu tình, đại Sơn đại Thủy bỏ đi một cách vô tình vô nghĩa, chỉ quan tâm tới Tiểu Sơn Tiểu Thủy đẹp, mà bỏ qua thế xấu của đại Sơn đại Thủy thì không thể kết huyệt tốt. Hình thế đại Sơn đại Thủy phải đẹp đẽ, Sơn tụ Thủy uốn khúc mới được coi là hoàn mỹ.

Quần Sơn nứt vỡ, thì chỉ có huyệt tiểu cát, Sơn lại quay lưng thì tuyệt đối không thể dùng.

Quần Sơn nứt vỡ

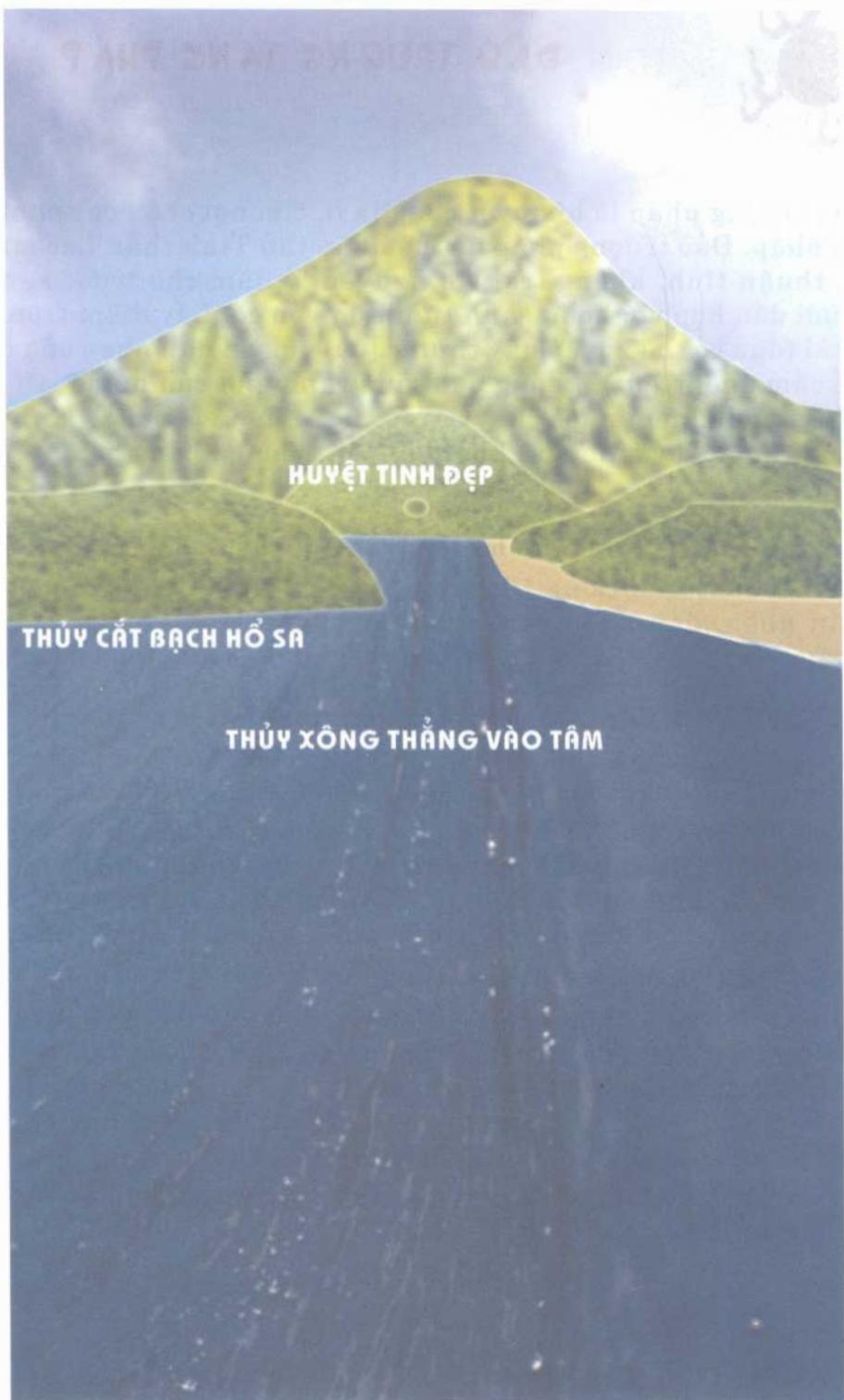


Thủy đến tuy đẹp, nhưng Long Hổ SA thấp và quay lưng, không thể bảo vệ huyệt thì huyệt trường cô độc lạnh lẽo, không thể dùng.



Long Hổ quay lưng

Huyệt đẹp Thủy đẹp Long đẹp, nhưng Thủy cắt chân, lại xông thẳng vào tâm, thì Phòng 2-3 đều thất bại nhanh chóng, không thể dùng.



Nước xuyên tâm





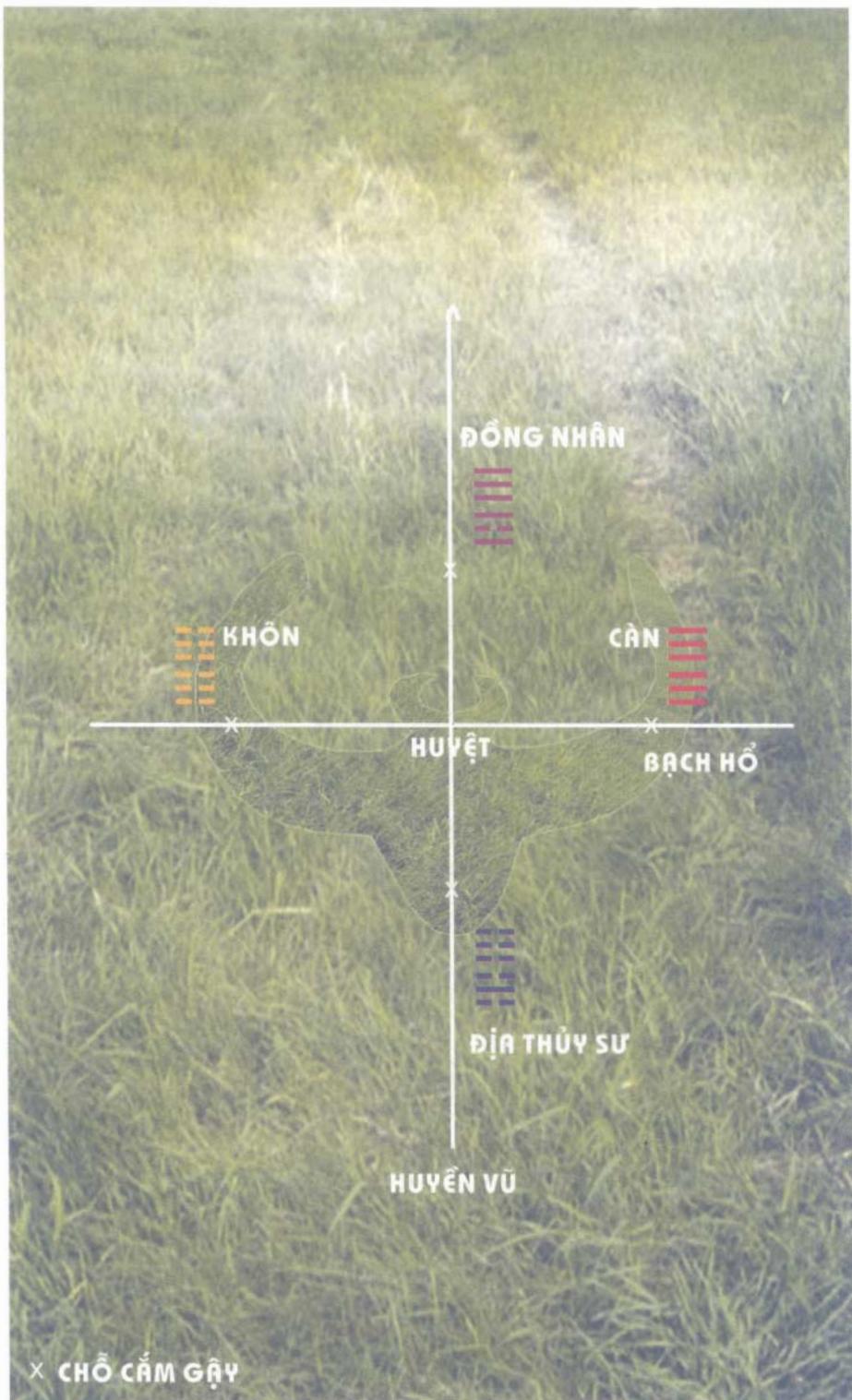
ĐẢO TRƯỢNG TÁNG PHÁP

Đảo trượng pháp là bí quyết của địa lí, tìm nơi chôn cất phải dùng đảo trượng pháp. Đảo trượng pháp do thế nhập thủ Tinh thần Lạc mạch khá tự nhiên, thuận tình, không trái với nguyên lý, làm cho trước sau trái phải trên dưới đều hợp với hoàn cảnh tự nhiên vốn có. Lấy điểm tròn trước đầu Quan tài (đầu có thể xuyên dây thừng qua) đối với đầu nhọn của đảo trượng (có thể cắm xuống đất), không vượt quá ranh giới của huyệt, từ nơi xa của Sơn Thủy, nơi nguồn nước chảy ra, có thể tính được nơi có sinh khí hội tụ đặt quan tài, để lấy sinh khí, khiến huyệt trường không bị mất mạch thoát khí.

Phương pháp thịnh hành hiện nay là dùng Quẻ lập tứ ứng, ví dụ hướng bia mộ là Thiên Hỏa Đồng Nhân, thì dùng 4 thanh gậy gỗ, một đầu tròn, một đầu nhọn, đầu nhọn cắm xuống đất, đầu tròn khoan một lỗ ở giữa, dùng dây thừng xâu thanh gậy gỗ thành 2 nhóm, mỗi nhóm 2 thanh.

Khi lập huyệt, đứng ở nơi dự tính đặt bia, nhằm thẳng hướng tiền Án (Sơn hoặc Thủy), đo Quẻ ban đầu (ví dụ quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhân), lấy một thanh gỗ của một nhóm cắm xuống đất để định vị, rồi cắm thanh gỗ còn lại ở trên nơi dự kiến đặt bia mộ (Tọa Sơn là quẻ Địa Thủy Sư), kéo căng dây thừng buộc 2 thanh để tạo thành một đường thẳng. Dùng phương pháp như vậy đo Thanh Long Sa được quẻ thuần Khôn, lại tiếp tục đo Bạch Hổ Sa được quẻ thuần Càn, kéo căng dây tạo thành một đường thẳng, nơi hai sợi dây thừng giao nhau chính là trung tâm Huyệt trường nơi đặt quan tài. Đường nội phân kim phải hướng đúng nơi định ban đầu của quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhân. Tứ ứng của huyệt trường (tiền Chu Tước, hậu Huyền Vũ, tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ) không thể để quá lên trước, ra sau hay sang trái, sang phải, huyệt trường nằm ở trung tâm hình chữ thập, 4 mặt đối nhau là tốt, đây là phép tìm Huyệt dựa vào phương pháp dùng Quẻ định Thiên tâm Thập đạo, là phương pháp cắm gậy gỗ xuống đất hoặc dùng Quẻ đo Thiên tâm Thập đạo để tìm huyệt.

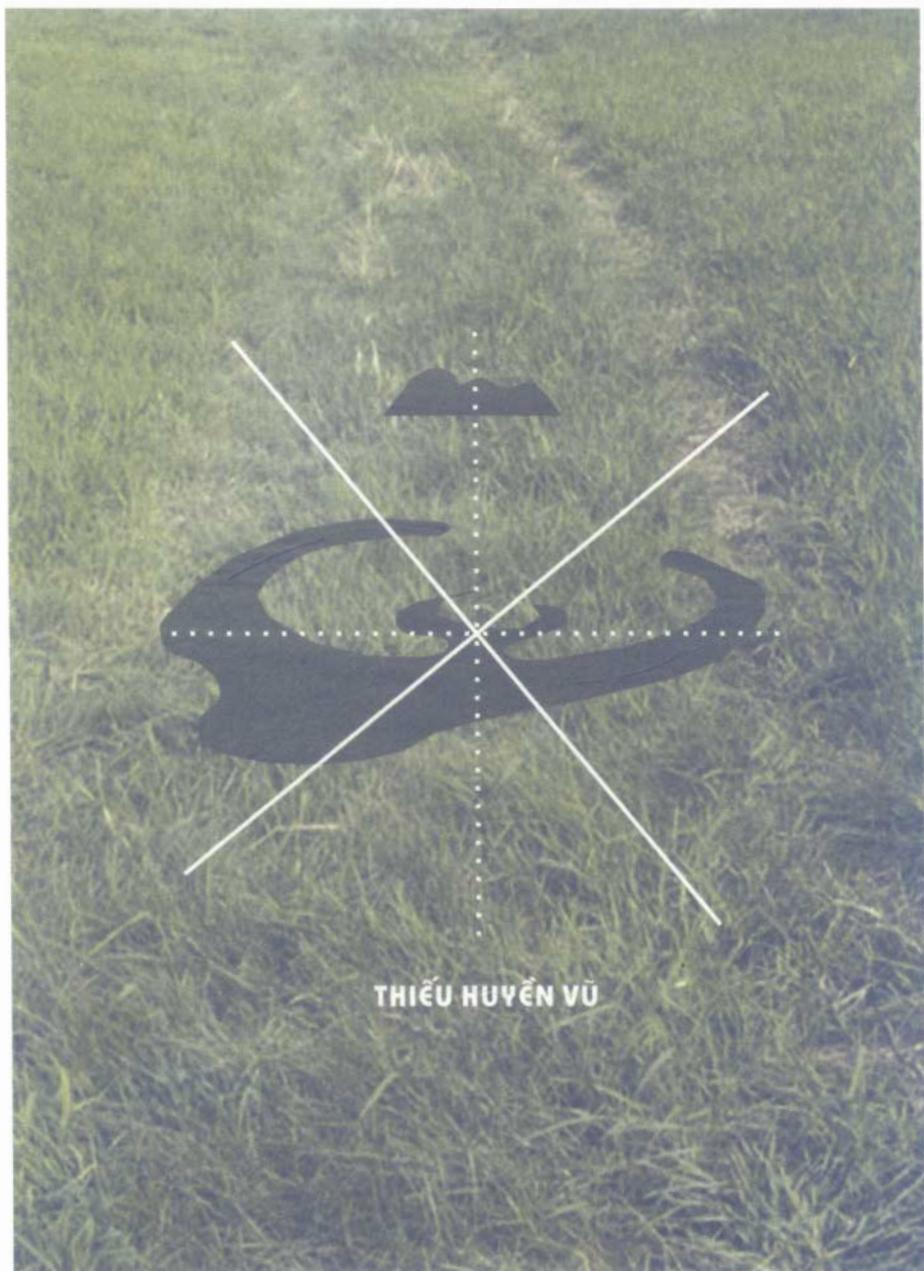




Thiên tâm Thập đạo



Trong phép tìm huyệt Thiên tâm Thập đạo, nếu bắt cứ một phương nào trống đều là hung. Nếu có thể xé dịch vị trí của đường dây, khiến cho 4 phương phù hợp với Thiên tâm Thập đạo, thì được xem là cát lợi. Như hình dưới, vốn không tựa vào núi, nhưng nếu sau khi dịch chuyển vị trí (vị trí đường nét đứt), núi dựa vào được phục hồi, cũng được xem là phù hợp với nguyên lí Thiên tâm Thập đạo, tức là không hung mà là cát.



Dịch chuyển Thiên tâm Thập đạo

Chúng tôi cho rằng dựa vào quẻ để luận cát hung, nếu thay đổi vị trí, di dời đường quẻ, dẫn đến mất mạch thoát khí, thì sẽ phản tác dụng biến cát thành hung, do đó nếu phép dùng Quẻ sai khác với trượng pháp thì cần dùng trượng pháp. Hiểu trượng pháp, mới hiểu được dùng Quẻ làm trái với đảo trượng pháp là sai. Tất nhiên phù hợp hợp với đảo trượng pháp, lại phù hợp với quẻ, thì đã cát lại càng thêm cát.

Chúng tôi đã dựa vào thuyết pháp của Dương Quân Tùng đưa ra bí quyết quan trọng của đảo trượng pháp: Nhận biết rõ Tình thần, xem xét tông tích, ghi nhớ kĩ Giao khâm, Minh Đường phải thích hợp, khi chọn huyệt phải quan sát phía xa, nhận biết lai lịch đường đi rõ ràng thì mới có thể tìm được huyệt tốt.

Tình thần là chỉ Tình định phía sau Huyệt trường sau khi thắt hầu. Giao khâm là nơi khai Khâm lập Minh Đường trước Huyệt (phần khâm). Minh Đường là khoảng đất bằng phẳng rộng rãi phía trước huyệt mộ, định ra huyệt trường. Quan trọng nhất là Thủy khẩu, Thủy khẩu nằm ở nơi xa, nơi xa nhất của ranh giới giao nhau giữa Thủy và đất, là điểm thoát ẩn thoát hiện.

Dùng trượng pháp quan trọng nhất là chỗ Lai mạch nhập lộ (để định nội khí), sau đó xem trượng để quan sát ngoại khí.

Sau khi xác định được đường đến của nội khí và ngoại khí, thì phải quyết định phương pháp nghênh tiếp mạch khí, phương pháp tiếp mạch như sau:

Chính mạch tà tiếp, tân mạch chính tiếp, hoành mạch trực tiếp, trực mạch khúc tiếp, cấp mạch hoãn tiếp, hoãn mạch môn tiếp, song mạch đoạn tiếp, đơn mạch thực tiếp, tân mạch tụ tiếp, thương mạch náo tiếp, ngạnh mạch nhuễn tiếp, nhuễn mạch ngạnh tiếp, chính mạch trung tiếp, tà mạch trắc tiếp. Yếu mạch không được rời Quan, Quan không rời mạch, cao không lộ gió, thấp không thoát mạch, Âm lai Dương thụ, Dương lai Âm tác, trong thuận lấy nghịch, trong nghịch lấy thuận, náo Long giảm Hổ, náo Hổ giảm Long, đây là bí quyết của đảo trượng tàng pháp.

Tổng cộng có mươi mấy trượng pháp, nếu có thể nắm chắc tất cả trượng pháp này thì việc tìm Huyệt sẽ dễ dàng suôn sẻ, nhờ đó người đời sau được nhận phúc ám tổ tiên. Trượng pháp, được khái quát như sau: dùng trượng (gậy gỗ) để chỉ lai mạch nhập lộ, quyết định đường tới của ngoại nội khí, từ đó quyết định vị trí chính xác của quan tài. Phần bên dưới sẽ giới thiệu cụ thể 16 trượng pháp kèm theo hình minh họa, đọc kĩ, và đã suy nghĩ, hiểu thấu đáo thì sẽ lí giải được đảo trượng tàng pháp.

Có nhà phong thủy giải thích thêm: Trượng pháp, là dùng trượng xác



định Lai mạch nhập lô, định ra nội khí, rồi quay ngược người lại để xét ngoại khí, sau đó hướng đầu tròn của gậy vào đầu quan tài, hướng thẳng gậy ra tìm hướng, đảo gậy lại tìm hướng phía sau, sau đó xoay ngang tìm hướng trái phải, để tạo thành đường chữ thập trên tàng quan, tức Thiên tâm Thập đạo, có thể lấy vôi, bút vạch ra đường chữ thập, làm sao cho chuẩn trước sau phải trái.

Lại cắm thẳng trượng vào giữa hình chữ thập, rồi quan sát trước sau, trái phải xem mạch đến, suy xét tình hình, mạch đến không nhanh không chậm thì định huyệt, ở trung tâm mạch nhanh tiến lên phía trước 1-2 thước, mạch chậm thì lùi lại phía sau trượng 1-2 thước, mạch lệch về bên trái thì thẳng trượng sát về bên trái 1-2 thước, mạch nghiêng về bên phải thì sát trượng thẳng về bên phải 1-2 thước, cân nhắc xem xét để đảo trượng, hợp lý thì đặt quan tài.

Tầm Long điểm Huyệt quan trọng nhất phải xem hình thế, có hình thế tốt thì huyệt mới là chân huyệt. Hình thế không tốt thì dù thiên Tinh tốt cũng không phải là huyệt tốt. Tầm Long huyệt nếu chỉ tìm quẻ Long đến nào đó, mà định ra hướng của quẻ, thì là chỉ đơn thuần dùng quẻ, sẽ không chính xác. Ý nghĩa của điểm huyệt là phải lấy hình thế làm chủ, nếu chỉ dùng quẻ điểm huyệt hoặc đoán cát hung là sai. Hợp quẻ, lại có hình thế tốt thì đương nhiên sẽ càng tốt hơn.

Quẻ ngoài việc phối hợp với hình thế ra còn có các công dụng khác, ví dụ dùng để nghênh cát tránh hung, định tọa hướng, chọn ngày,...

Dùng đảo trượng pháp nên lưu ý những điểm sau:

1. Dùng đảo trượng pháp nhất định phải biết hình thế của Lai Long nhấp nhô, lột xác, qua khe núi, thắt hầu, nhập thủ lạc mạch cũng như biết được Thai tức dưỡng dục, chuyển hóa Âm Dương, cấu thành huyệt trường,... Hợp với nguyên lý thiên địa tạo hóa vạn vật, có thầy giỏi chỉ bảo mới có thể định ra huyệt vị, chứ không chỉ đơn thuần dựa vào quẻ.

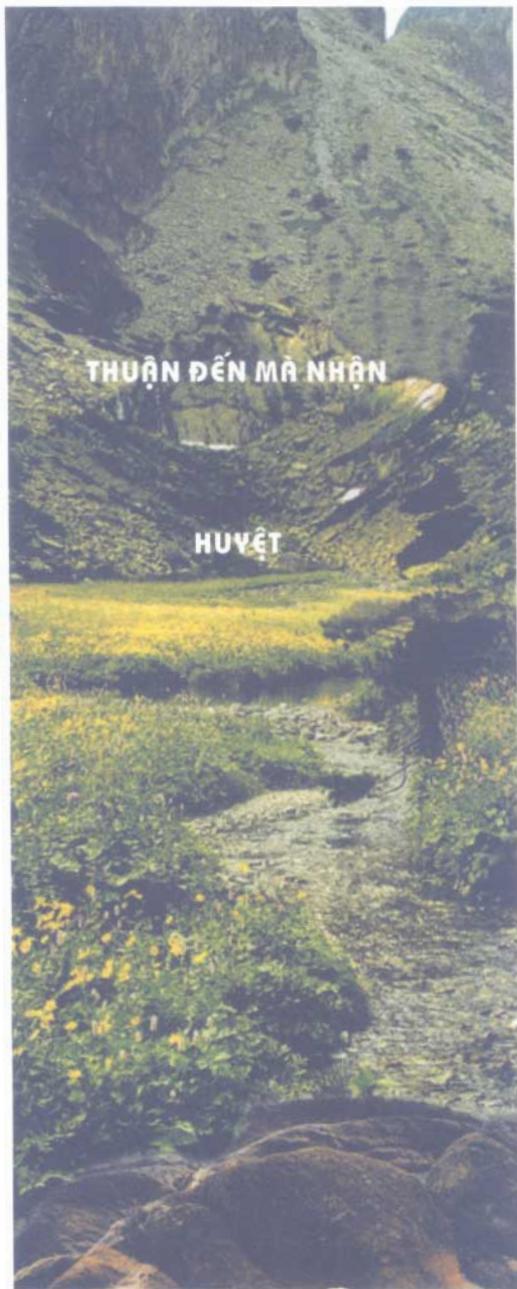
2. Dùng trượng hoặc giá chữ thập đo, đường chữ thập lấy vôi trắng để vạch, ngoài ra còn phải để ý trước sau phải trái, lựa cho kỹ, hợp lý cân bằng tỉ mỉ và công phu, nếu không linh hoạt và suy nghĩ thấu đáo thì không thể làm được.

3. Đảo trượng và quẻ thực ra có thể dùng song song. Một là định huyệt theo Thập đạo của hình thế, một là theo định huyệt lý khí, hai phương pháp này có chức năng khác nhau, dùng kết hợp cả hai là tốt nhất.

4. Trong phong thủy chỉ có một loại hình thế, còn học thuyết lý khí lại

rất đa dạng như Tam nguyên, Tam hợp, Cửu tinh... Mỗi cái đều có những điểm khác nhau, cũng có điểm tương đồng. Nguồn gốc của quẻ là Hà đồ lạc thư, Hà lạc chỉ có một loại, do đó quẻ cũng chỉ có một dạng. Nếu quẻ có sự khác biệt, thì chắc chắn là do thầy phong thủy chỉ biết một phần của quẻ, hoặc là do chưa học hết.

Quẻ thực tế cũng rất hữu dụng, ngoài việc tiêu Sa xuất sát, chọn ngày và định hướng ra, thì tâm Long điểm Huyệt rất cần sự phối hợp của hình thế và lý khí.



Dưới đây là 16 đảo trượng tàng pháp cổ đại:

1. Thuận trượng pháp: Huyệt thuận theo mạch đến, Lai Long trải qua lột xác và dừng, nhập thủ mạnh yếu vừa phải, cứng mềm phù hợp, khí vào huyệt ổn định, có thể nhận Long khí nhập mạch. Nhập huyệt phải uốn lượn, quanh co không được xông thẳng vào, lại không được sắc nhọn như thanh kiếm sát khí, Triều án Minh Đường phải ngay ngắn, Thủy tụ trong Đường, Long Hổ Sa vừa vặn, Huyệt trường nằm ở trung tâm thập đạo, không nghiêng lệch, như vậy mới là chính huyệt, hợp với thuận trượng.

Thuận trượng pháp



2. Nghịch trượng pháp: Huyệt ngược với đường mạch đến, núi tổ cao sừng sững và đẹp, mạch đến nhỏ mịn, không quay lưng, không có nhánh đâm vào huyệt, lấy núi Tổ làm Triều Sơn, cùng nhau làm tân chủ, Lai Long lạc mạch, đến yếu nhưng kết mạnh, dương hành âm phát, khí đến từ đối diện, phát phúc nhanh chóng, nên dùng nghịch trượng.



Nghịch trượng pháp



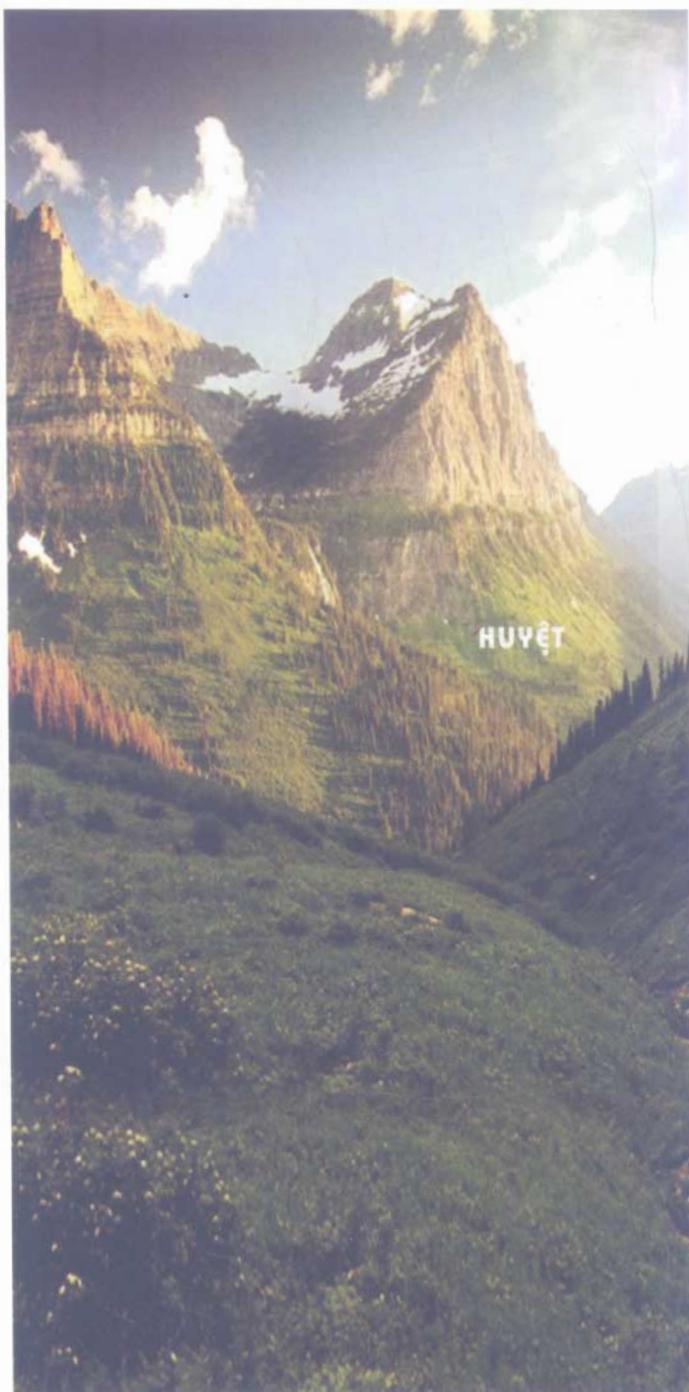
3. Thúc trượng pháp: Thúc có nghĩa là co lại, rút lại, thu lại. Khí nhập thủ Lai Long tích tụ ở đỉnh phong, Mạch dừng khí ở chỗ cao, mạch đến dài nhưng dừng lại thì ngắn. Để tránh sát, lập huyệt tại vị trí Bách Hội đỉnh đầu, sát tự khắc sẽ mất đi (thu huyệt ở đỉnh, giống như ốc trời nhả ngọc). Mạch lạc dừng khí ở chỗ cao thì cần dùng Thúc trượng pháp.



Thúc trượng pháp

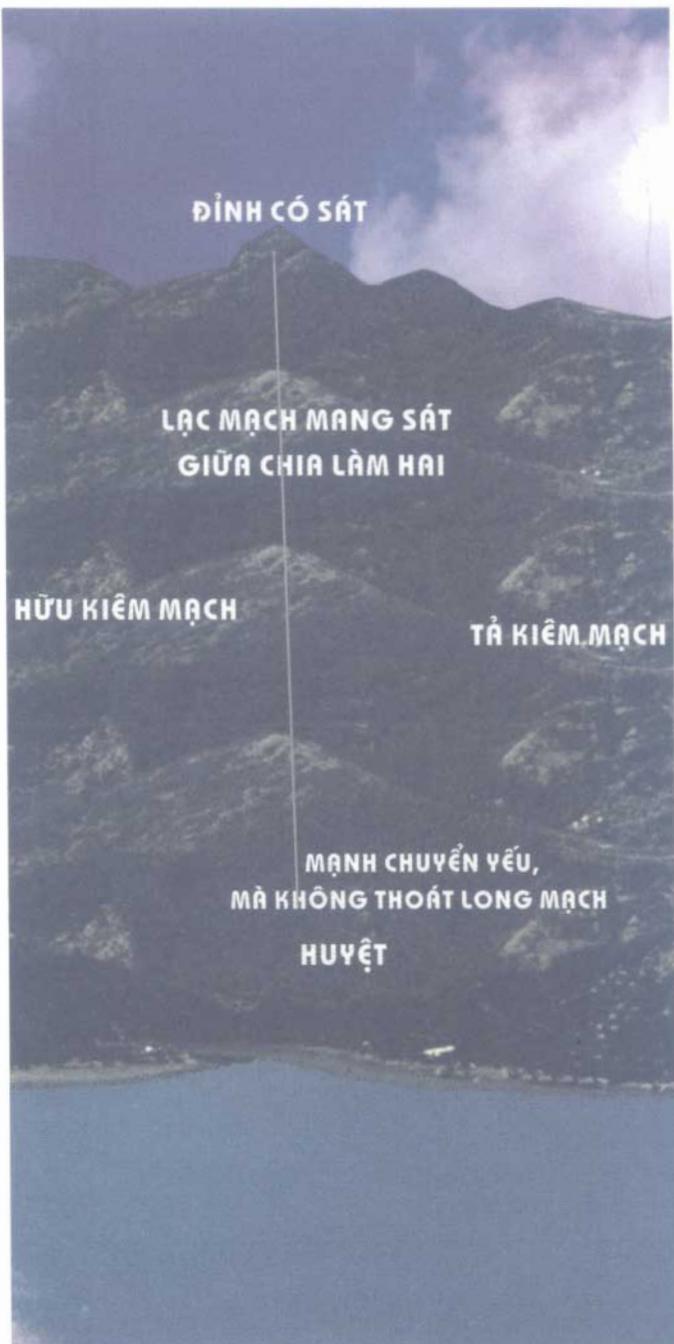


4. Xuyết trượng pháp: Thể Long mạch gấp, Lạc mạch nhanh, khí dừng không thích hợp, chỉ có nhân Huyệt cát ở chỗ mạch thấp nhất, chính là Long mạch kéo dài tới chỗ thấp nhất, nơi Long mạch sẽ tới điểm cuối. Thể Long mạch, gấp thì nên dùng Xuyết trượng pháp.



Xuyết trượng pháp

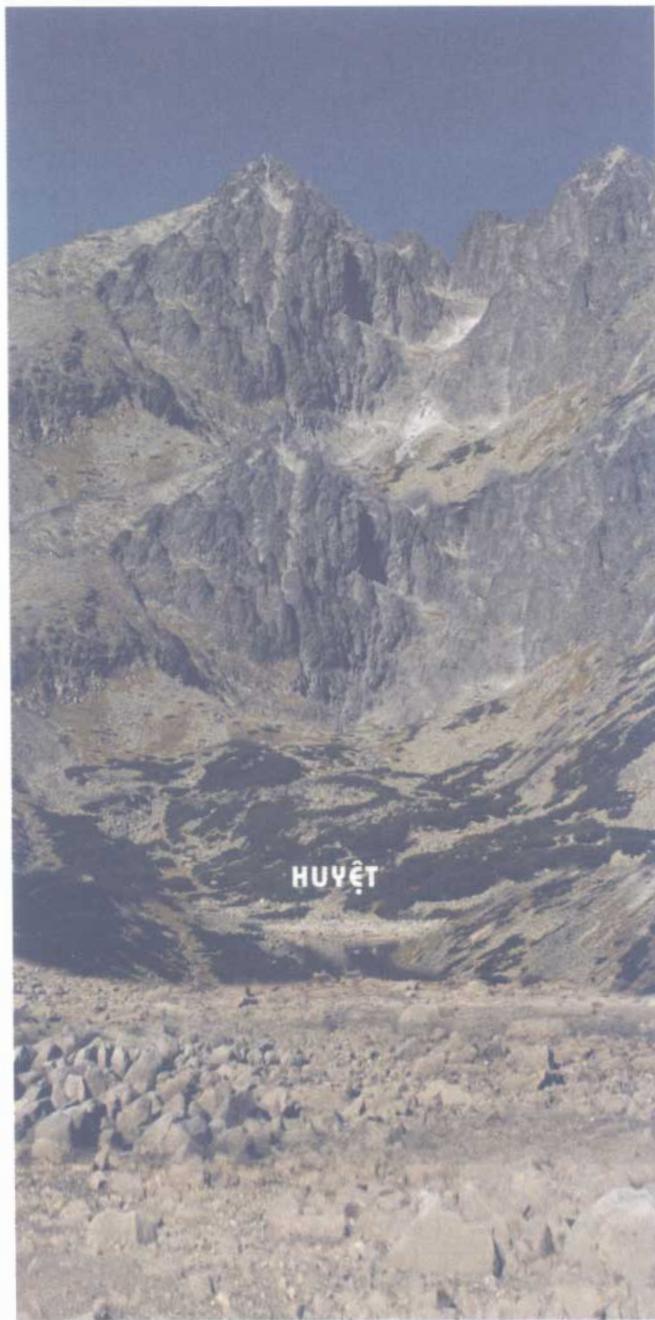
5. Khai trương pháp: thế Long trực xung, đầu mang theo sát, đương mạch phạm khí sát. Phải ngắm đúng Lạc mạch của đỉnh Tinh, phân mạch ra hai bên để giảm sát khí. Huyệt dựa vào chỗ Long mạch chuyên từ thế mạnh sang thế yếu, thu khí Minh Đường, hai bên lập huyệt, mức độ thích hợp.



Khai trương pháp

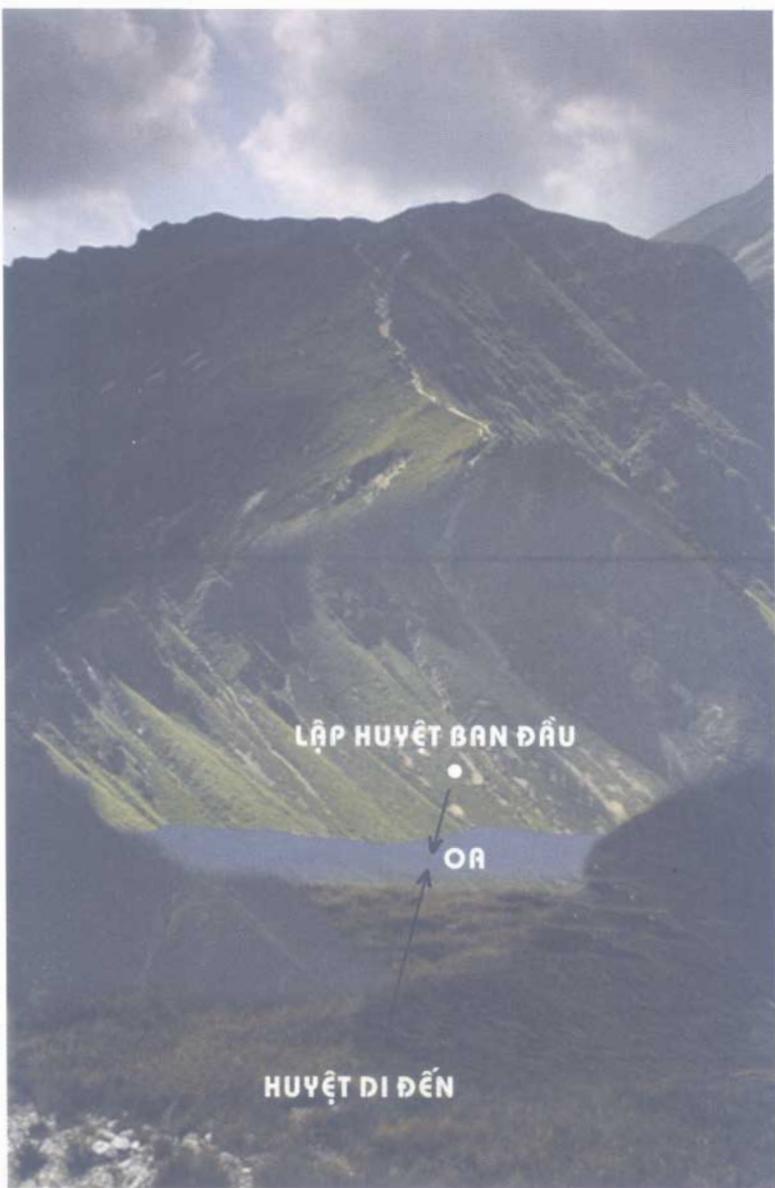


6. Ly truong phap: Chủ tinh hùng tráng, Long mạch ngừng ngắt nhấp nhô, ở chỗ nhập thủ Lạc mạch rời đi nhanh, không thể trực tiếp thụ mạch, sau khi Long dừng thì nổi đỉnh Tinh, lúc này phải rời khỏi Lai Long để kết Huyệt, nhưng sau khi thoát tới chỗ bằng phẳng thì có 4 thế (trước sau trái phải) đều phải cân bằng mới cát, phải lưu ý tới sinh khí không được lọt ra ngoài.



Ly truong phap

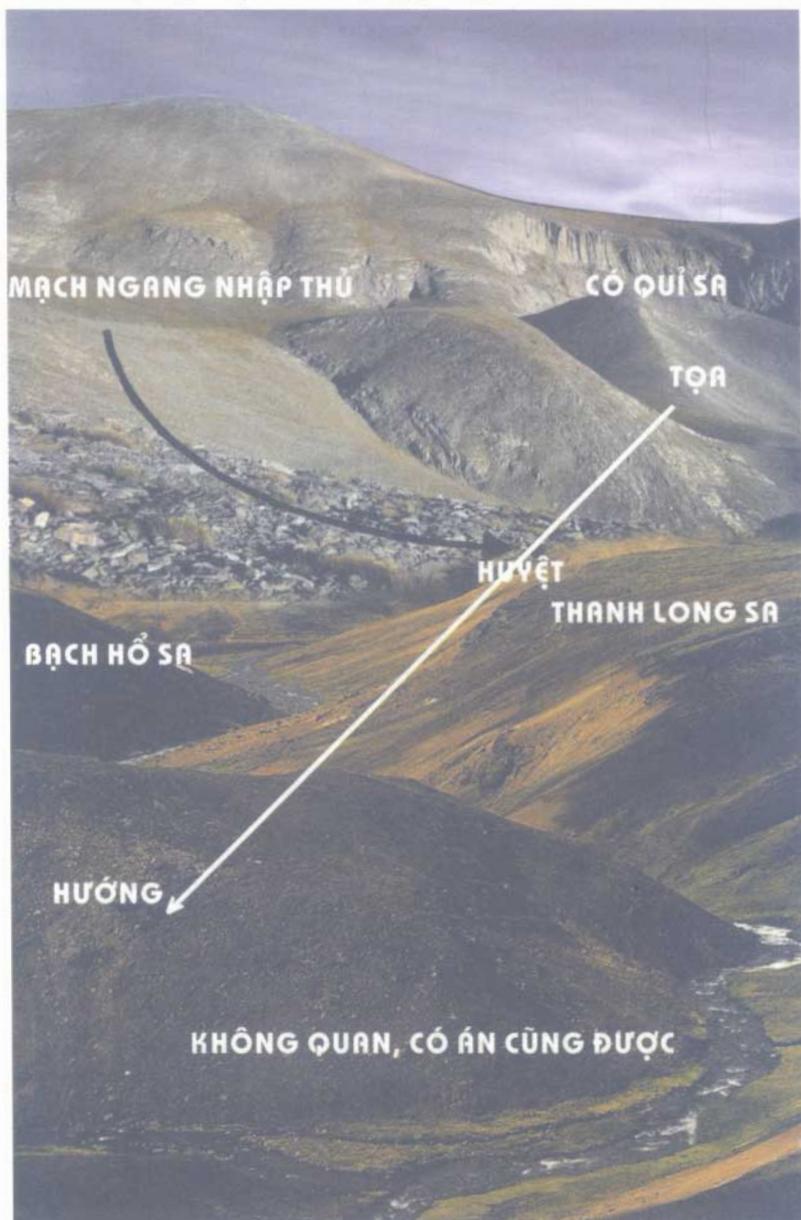
7. Một trượng pháp: Một nghĩa là Âm đến Dương nhận. Lai Long nhập thủ mạnh rồi khai Oa kết huyệt, sinh khí rơi xuống đáy Oa, đảo trượng cũng chìm xuống đáy Oa, nhận Lai mạch ở chỗ sâu rồi tạo huyệt. Lõm (Oa) là Dương, lồi là Âm (vì khí rót vào Oa lõm xuống sẽ tích tụ lại, nổi lồi lên nhưng bị ngăn trở mà dừng, Âm Dương phân ở dừng hay động). Thông thường thế Long âm tới thẳng, sau khi nhập thủ mới khai Oa thành Dương, là nguyên lý Âm Dương giao cấu. Oa mạch đã sâu, huyệt cũng tàng ở đáy sâu, cho nên dùng Một trượng pháp. Nếu quá sâu, đảo trượng nên dùng giá chữ thập ở đỉnh huyệt.



Một trượng pháp

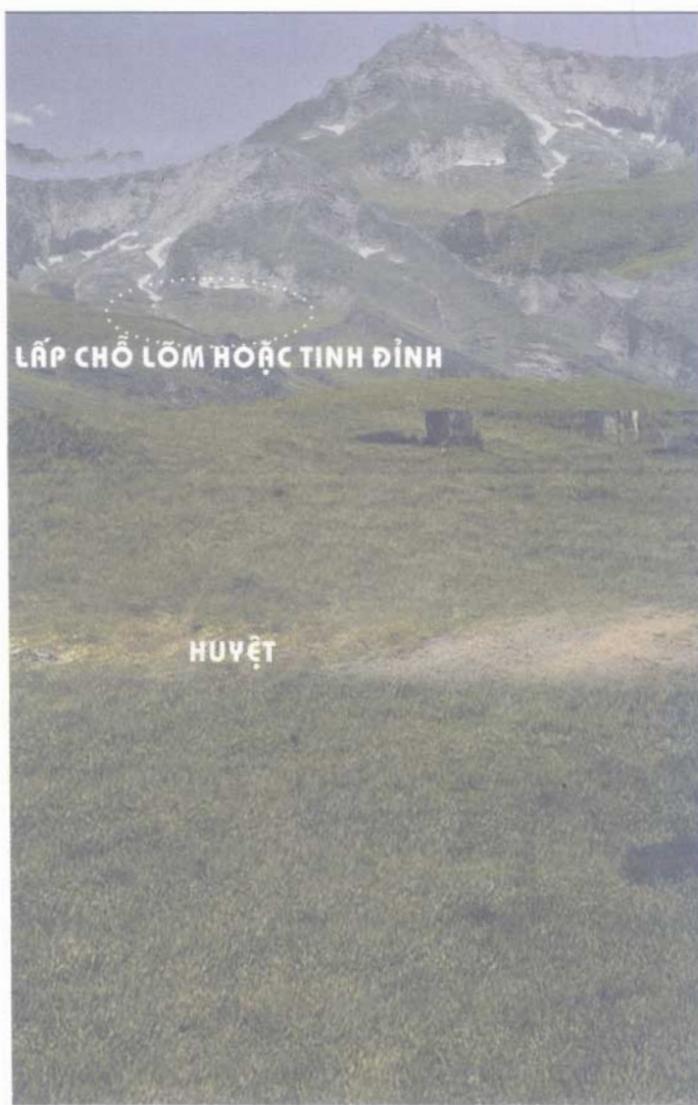


8. Xuyên trượng pháp: Giống như dùng sợi chỉ xuyên lỗ kim. Mạch nhập thủ từ bên, nhận thằng kết huyệt, chỗ đặt quan tài nằm ngang hông nhận khí. Có thể mạch nghiêng kết thằng, hoặc đến thằng kết ngang, nhưng huyệt trường phải ngay ngắn, trước có Triều án, hai bên phải có Long Hổ bao quanh, Thủy tụ Minh Đường, thế cục này nếu có thể tân chủ nghênh đón, trước có Quan Sa (Sa quay đầu bái triều trước huyệt và giữa Án Sơn), sau có Quỉ Sa (Hộ Sa tích tụ ở giữa huyệt và Kháo Sơn), thì là thế cục đại cát, nhận mạch ở lưng chừng, rồi lập huyệt ở trung tâm chữ thập tứ ứng, vì thế nên dùng xuyên trượng pháp.



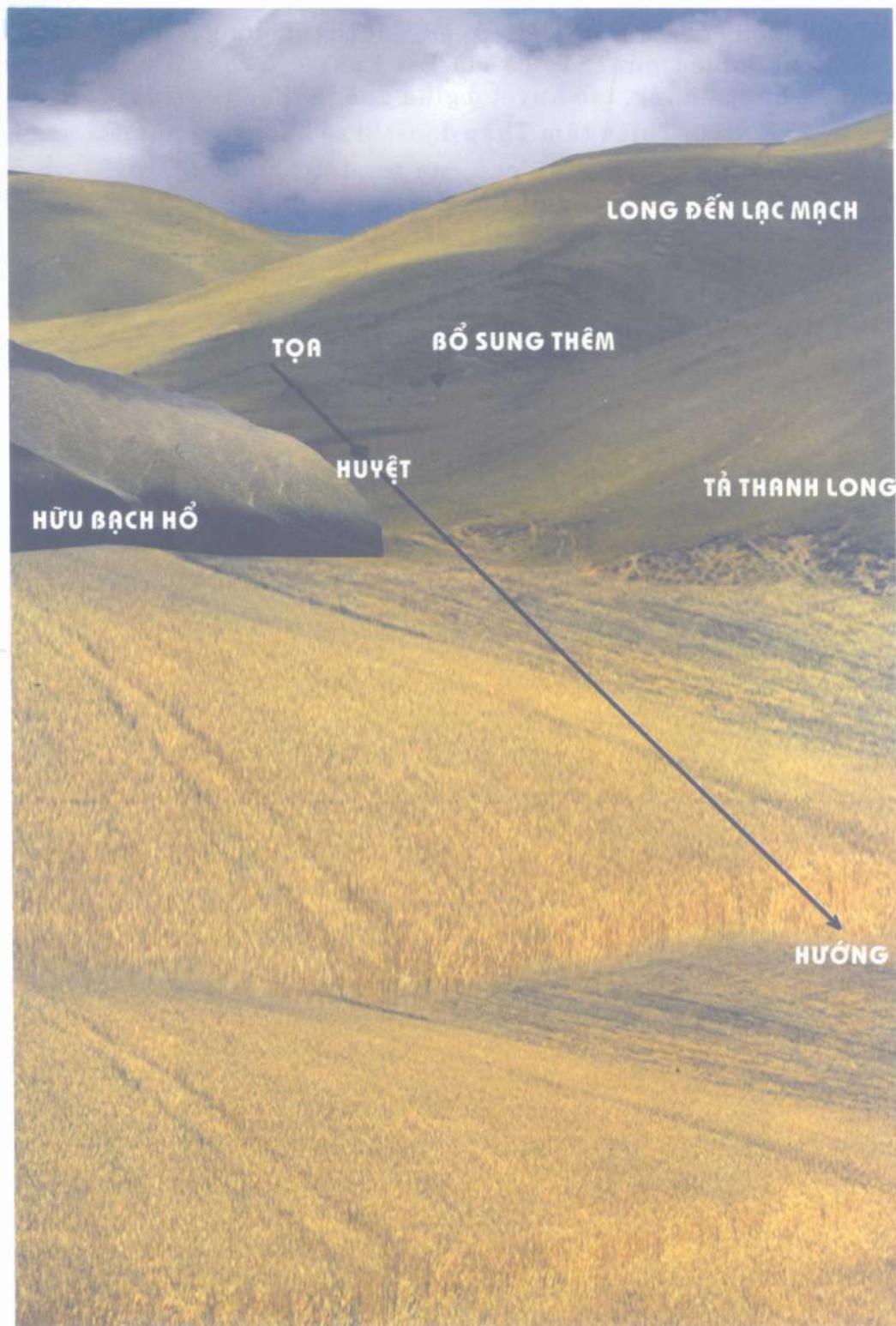
Xuyên trượng pháp

9. Đốn trượng pháp: Đốn ở nơi cỏ cao, đất thành đống để tụ sinh khí, để phối toàn cục, nhiều núi thấp bé mà Lai Long cao to, thì nơi Lạc mạch nhập thủ sẽ bằng phẳng, tạo huyệt ở giữa đường thập tự có đất chất đống, cần lưu ý kết hợp với Thiên tâm Thập đạo, thì sẽ không sợ mất đi Long khí. Nếu phía sau huyệt Tinh đỉnh chủ cao to, đặt phía sau Huyệt của Lai mạch không hòa hợp với đất đầy đặn của chủ Tinh, thì phải bổ sung thêm đất đầy đặn ở hai bên trái phải (Lai mạch nhập thủ), lấp chỗ lõm cho bằng phẳng, mới có thể có kết cấu tốt. Hai cách này dùng bổ sung hoặc chỉnh sửa vào chỗ thiếu hụt về độ cao của chính huyệt và Tinh huyệt, làm cho hung địa trở thành cát địa. Huyệt lõm xuống trở thành huyệt may mắn (xem hình A và B).



A



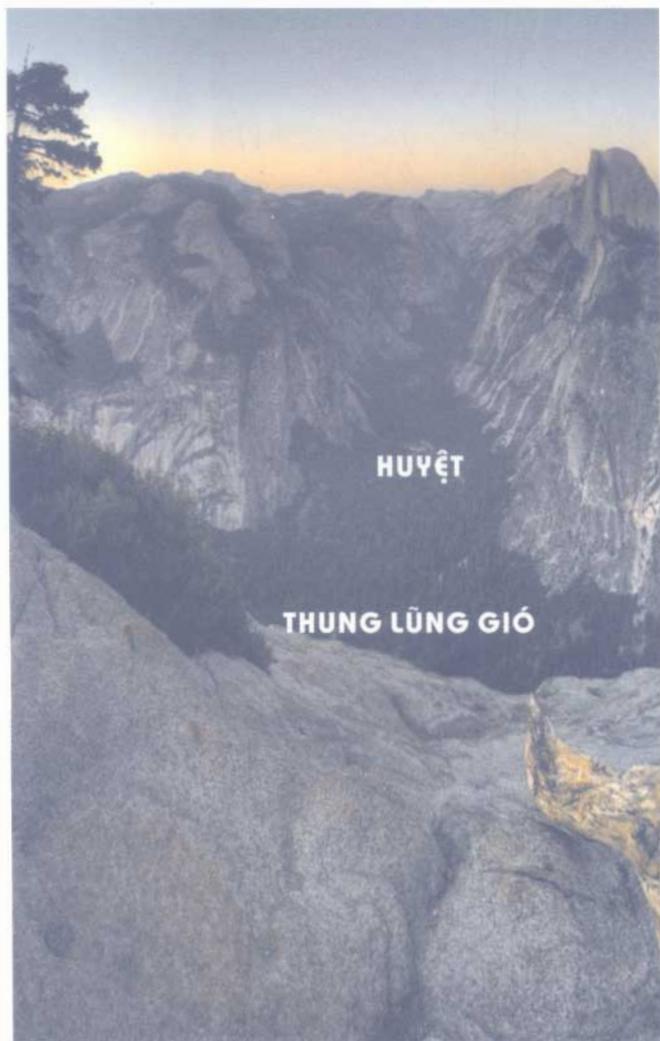


B

10. Phạm trưng pháp. Chân Long không nhất định phải cao hơn các núi khác, chỉ cần là núi đặc biệt thì được coi là Chân Long, các núi đều cao, thì đương nhiên Chân Long là núi thấp. Phạm có nghĩa là làm thương tới Lai mạch, tức là đục mở Long mạch chính là huyệt. Các núi đều cao mà chỉ có Long thấp, thì huyệt trường không thể thấp, tránh chèn ép, mà nên ở chỗ phía dưới của đỉnh núi (chỗ âm chuyển hóa, sách cổ gọi nơi hơi nhô lên phía dưới đỉnh núi là tử tôn đầu, tức núi con cháu đã thoát ra khỏi núi cha mẹ). Huyệt trường ở đó yên ổn chắc chắn, có quần Long phủ phục xung quanh, Kháo sơn hình Kim là rất quý, trong chứng thực Huyệt pháp gọi là "thừa Kim", khởi huyệt ở đỉnh tiểu Kim tinh, Kim là tài, lại sinh Thủy, gọi là mở kho báu lấy của cải, vì thế phải dùng Phạm trưng pháp.

Vị trí huyệt này nằm ở đỉnh cao, đáng sợ nhất là có gió thổi mạnh từ thung lũng tới (gió thung lũng) vì có gió thung lũng thì không thể tàng phong tụ khí, không những không hợp với nguyên tắc phong thủy mà còn trải qua thời gian dài bị gió "tấn công" làm tổn hại, không những đất đá ở

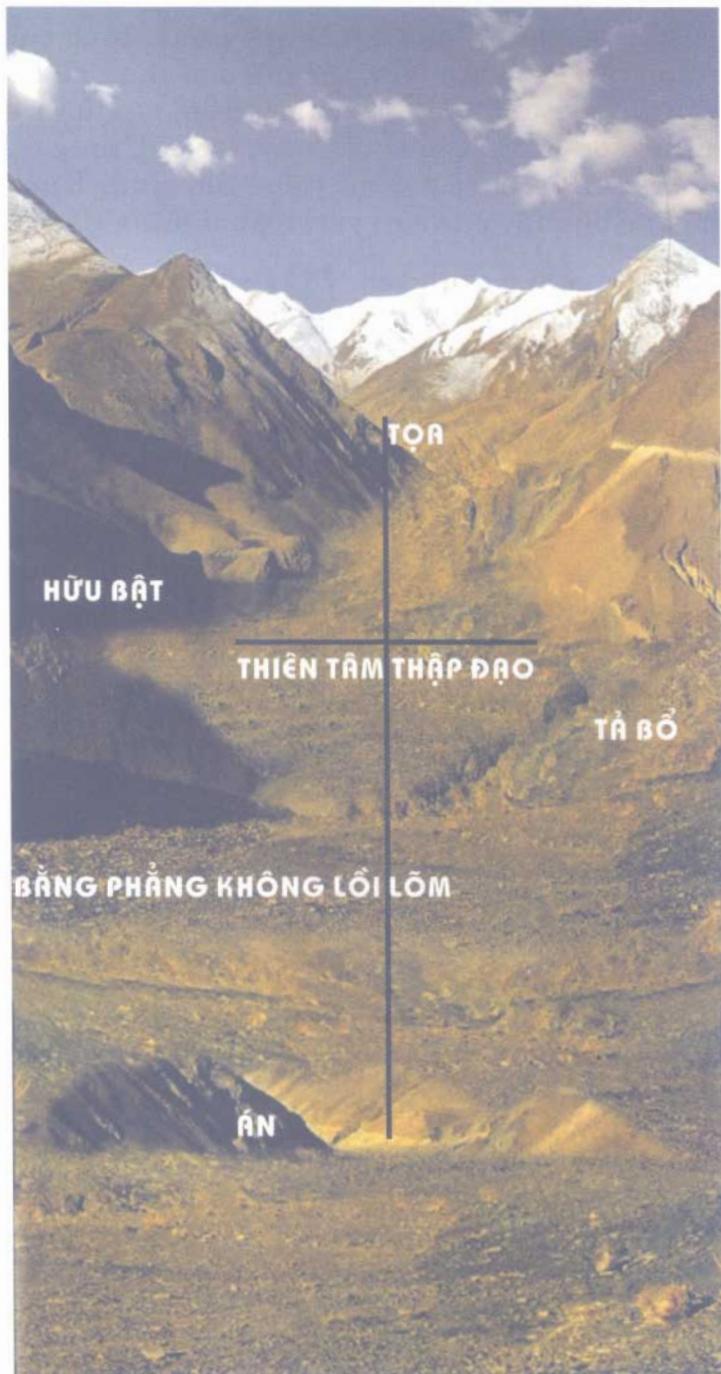
mộ huyệt biến thành màu đen, thậm chí xương cốt trong huyệt cũng có thể biến thành màu đen, quan tài và thi thể bị xung, tổ tiên không thoải mái làm sao có thể tạo phúc ấm đây!



Phạm trưng pháp



11. Đối trưng pháp: Đối có nghĩa là Tứ ứng đǎng đối. Lấy trung tâm làm huyệt, cần Long chính lạc mạch, hình huyệt không có lồi lõm, nhập thủ bằng phẳng, nhưng khi lạc độ, cần tu sửa cắt xét trước sau trái phải phải theo phép Thiên tâm Thập đạo, vì thế phải dùng Đối trưng pháp.



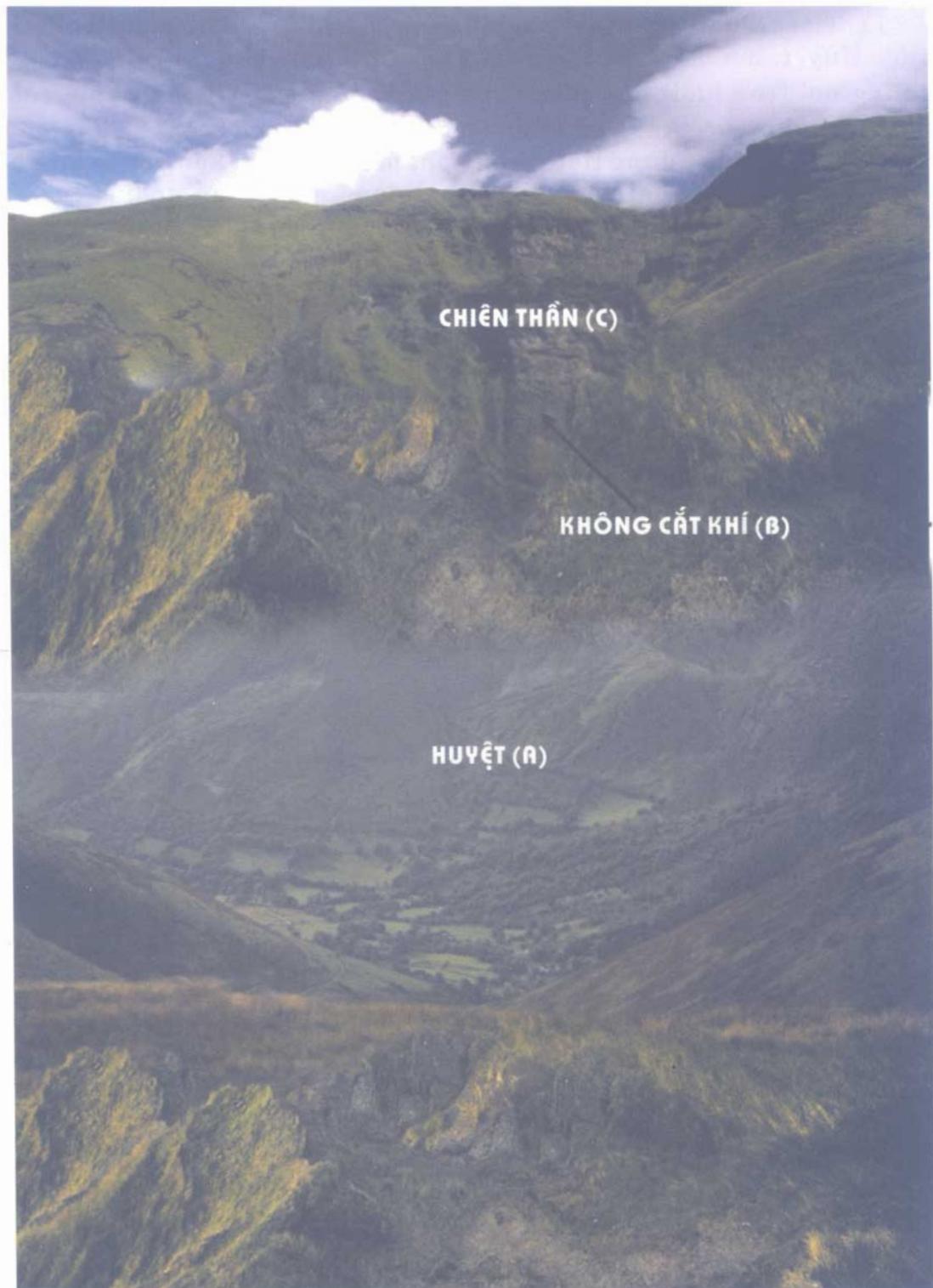
Đối trưng pháp

12. Tiệt trượng pháp. Tiệt nghĩa là cắt bỏ phần khí dư của Chiên thần trước Huyệt, mà bên trái bên phải không bọc kín, chỗ rơi rớt cần cắt bỏ. Những nơi "thè lưỡi" đều mang sát, phải dùng tiệt trượng pháp, cắt bỏ những dư khí trước Án. Nếu Minh Đường đẹp, nhưng lại không phải là nơi kết đẹp, cũng có thể dùng tiệt trượng pháp, nhằm cưỡi Long cướp khí. Nếu mạch đến kèm theo hai dòng nước, một dòng nước chắn ngang, khá dài, nhưng cắt địa mà không cắt khí, cần lấy núi trái phải bao bọc, cắt bỏ dòng nước chảy ngang từ phương Huyền Vũ, lập huyệt chính giữa, vì thế phải dùng tiệt trượng pháp (xem hình A, B).



A. *Đào ao cắt khí*

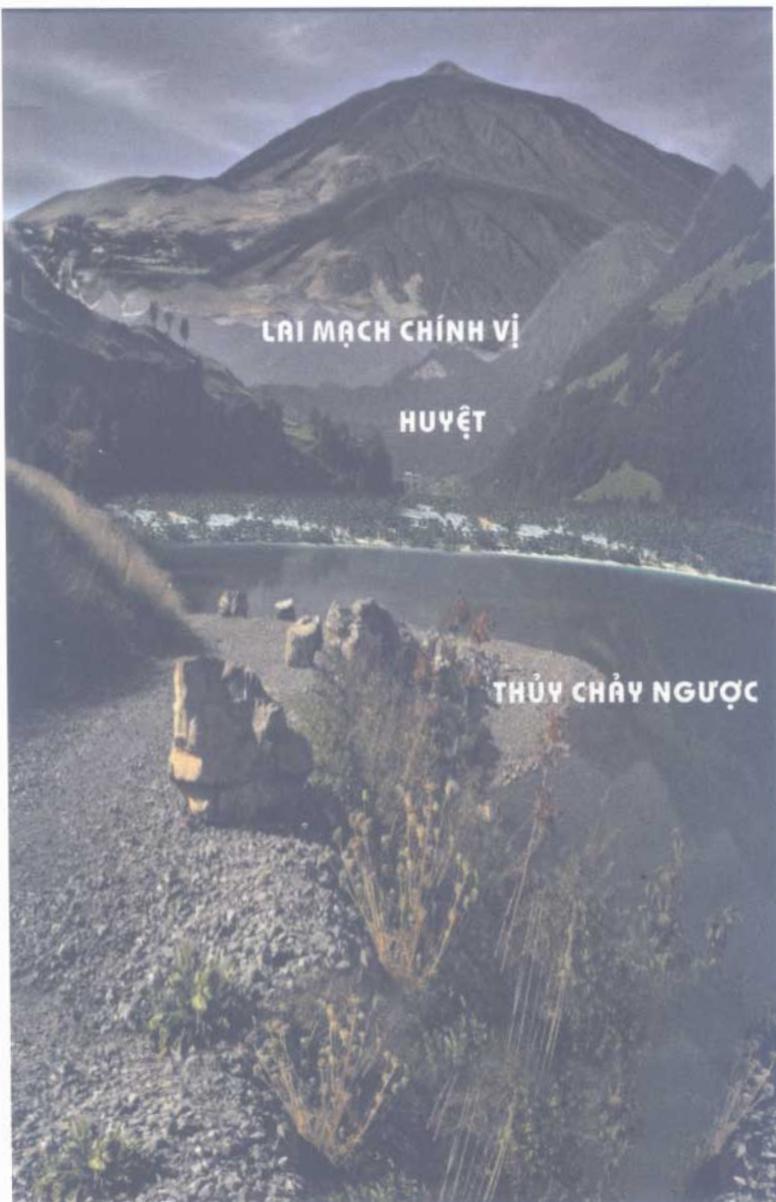




B. Mạch qua Đường có kết (A), có người táng,
dù (C) thè lưỡi, cũng không thể cắt khí (B),
bởi vì làm như vậy sẽ tổn đức



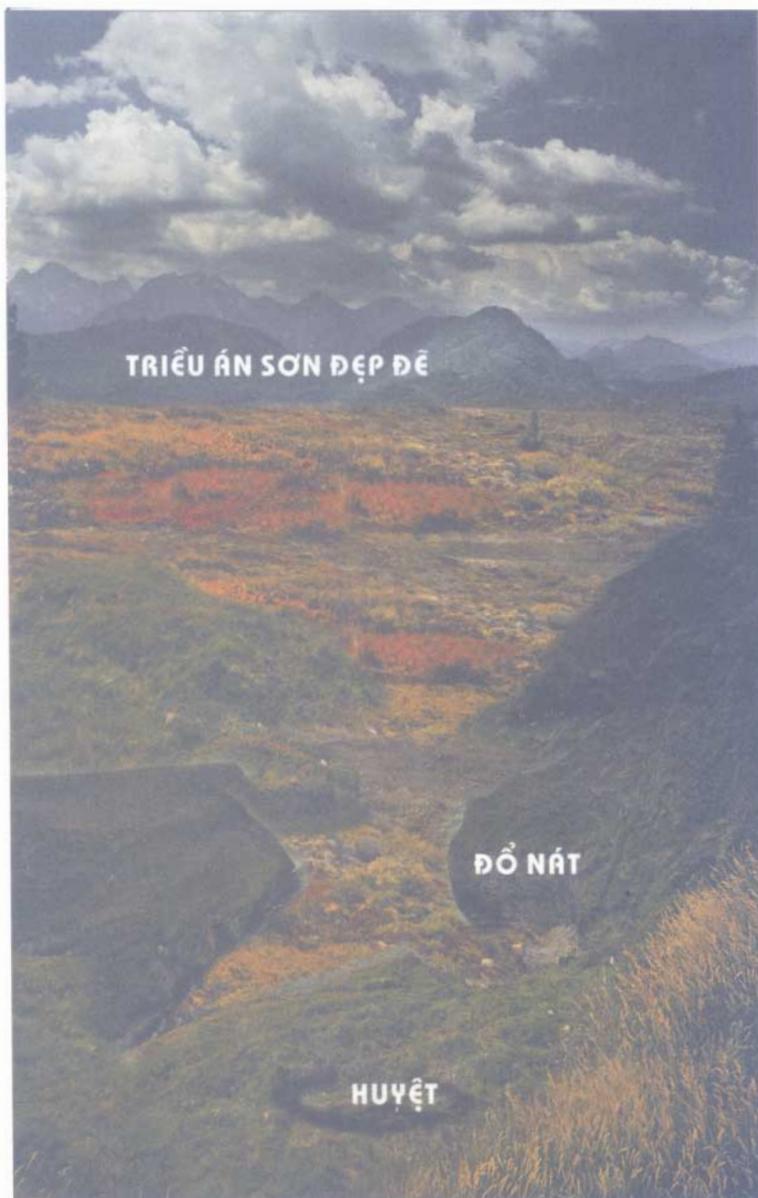
13. Thuận kiêm nghịch trượng pháp: Thuận đón Lai mạch, còn nghịch đón khí trong Đường. Thuận theo Lai Long, chính Lạc mạch kết Huyệt, thích hợp hướng lên trên, chính diện có Thủy uốn lượn chảy ngược đến, chính diện nhận khí, lập huyệt nơi Thủy hướng lên trên, không được hướng sang Thuận thủy sa phía trên, mà dùng Hạ nghịch Sa, để nhận nghịch Thủy đến. Vì thế phải dùng thuận kiêm nghịch trượng pháp. Nên lập mạch chính diện thuận đỉnh, còn chân thì là hướng ngược Thủy, Thủy đi là hợp.



Thuận kiêm nghịch trượng pháp

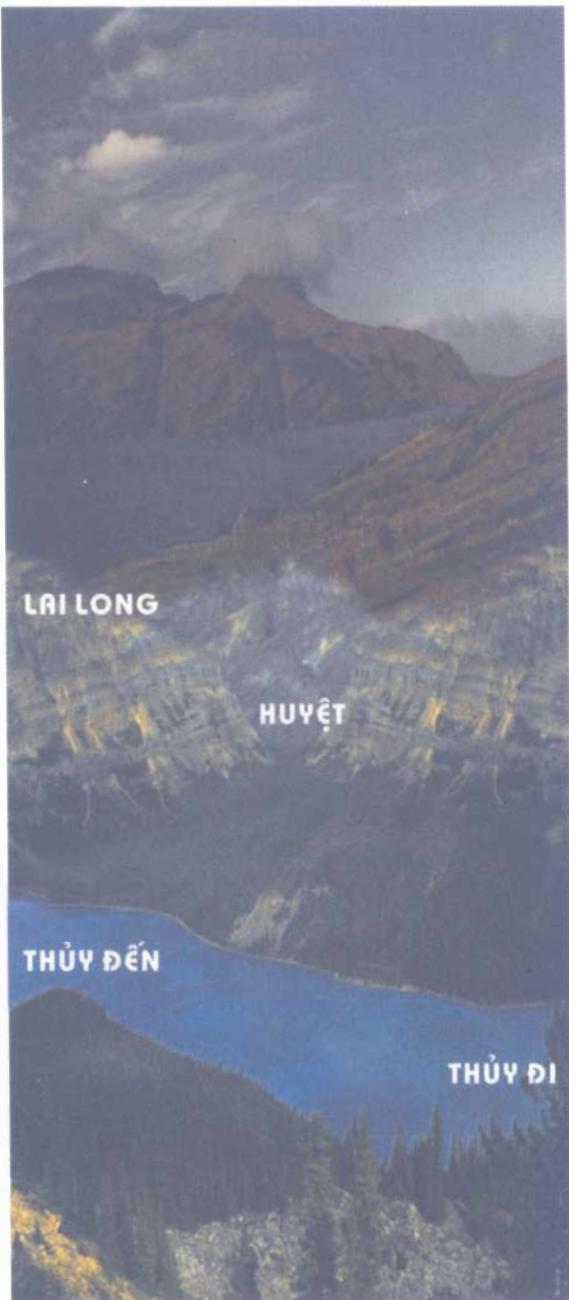


14. Thuận kiêm thúc trượng pháp: thuận đón Lai mạch, như thuận trượng pháp, thụ khí ở huyệt Bách hội (chỗ cao nhất ở đỉnh đầu, ba hõm thượng trung hạ), sau đó kết huyệt, thu khí Sơn Thủy từ phương xa, huyệt trường lên cao, chỉ cần tàng phong tụ khí, dùng thăng hỏa pháp, tránh gió thung lũng, cục diện của Đường cần có đại huyệt ngay ngắn. Nếu huyệt trường có chỗ sập lún thì, có thể nâng cao hoặc hạ thấp huyệt trường, ngoài ra Tam đình tàng phong mà không thấy đổ nát là cát, cũng có thể dùng cách bổ sung hoặc cắt bớt để bỏ hung tìm cát.



Thuận kiêm thúc trượng pháp

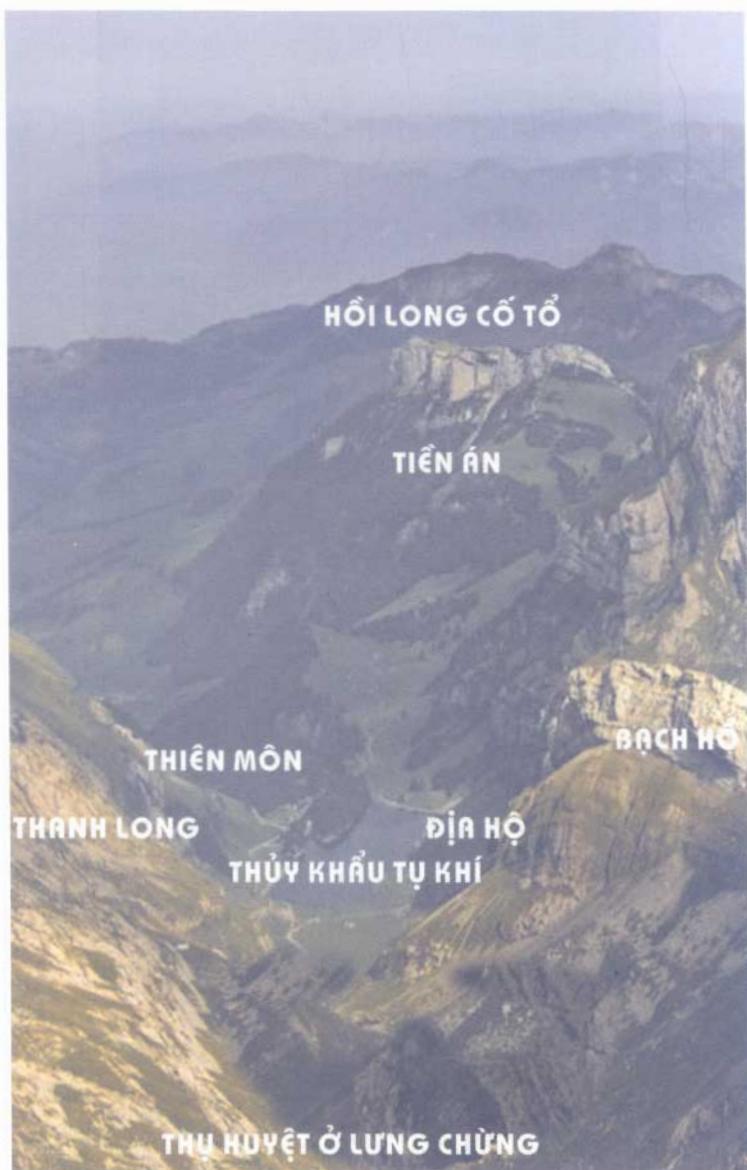
15. Nghịch kiêm thuận trượng pháp: nghịch kiêm thuận, nghĩa là nghịch đón Lai mạch. Nhưng cần thuận đón khí ở Đường vào huyệt, nơi Long nhập thủ lại vươn ra một mạch, huyệt lại kết ở lưng (như tổ sơn ở chính đỉnh, ngược hướng phía trước). Núi Tổ trở thành Quỉ tinh giữa Kháo Sơn, cần chú ý hướng chuyển của Lạc mạch, nên lấy Thủy đến và đi đặt giữa Án Sơn và Huyệt trường, không rơi vào trong Thủy là đẹp.



Nghịch kiêm thuận trượng pháp



16. Nghịch kiêm xuyên trượng pháp: Khác với trượng pháp ở trên, trượng nghịch này chính là Đường khí; đón Lai mạch đến ngang, quay đầu và hướng vào Tổ, trượng pháp trên lại không hướng vào tổ, không câu nệ chuyển trái hay phải, mạch lõe sáng một bên, nghịch Long định cục, thì cần thụ huyệt ở lưng chừng, có Triều có Kháo, Long Hổ uyển chuyển bao quanh, Thủy tụ ở trong, vì thế phải dùng nghịch kiêm xuyên trượng pháp.



Nghịch kiêm xuyên trượng pháp

Trượng pháp lập huyệt có rất nhiều chủng loại, khó có thể kể hết, cần có thầy giỏi chỉ bảo, linh hoi bằng tâm, thì mới có thể sử dụng rộng rãi.



XEM ĐỘNG TĨNH ĐỂ BIẾT ĐIỀU KÌ DIỆU CỦA TẠO HÓA

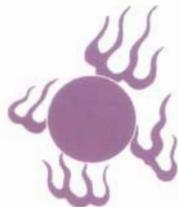
Sơn nằm trên đất, nên không động thì là tĩnh, là Âm, nhưng Sơn vẫn có động thái, Sơn động, tức là Long lột xác, chuyển mình qua khe, thoát sát khí, đổi thô khí thành tú khí, thắt hâu nổi lên thành Tinh đỉnh, biến hóa vô cùng, đó chính là động, là Dương, có thể thấy điều kì diệu của Âm Dương khí hóa. Mạch đến làm tụ khí thành Huyệt trường, thái cực biến hóa, Âm Dương giao cấu là điều quan trọng nhất, hành Long phải mang động trong tĩnh, mang tĩnh trong động, đó là sự hội tụ của sinh khí.

Thủy do nước mưa rơi xuống, tụ lại trong đất thành sông suối, biển cả, nước chảy là động, là Dương. Nước tích tụ ngừng lại là tĩnh, là Âm. Long phải tìm động trong tĩnh, sức sống dồi dào, Thủy theo Long mà đi, Long gặp Thủy thì dừng, Long không dừng thì Thủy không dừng, Thủy dừng thì nước mới tụ lại trước Đường, vì thế huyệt phải có âm dương hòa hợp như vợ chồng, như Thủy tụ trước Đường phối hợp với Sơn, chiếu ứng lẫn nhau, xem huyệt phải dùng mắt và suy nghĩ mới kết luận chính xác nguyên lý Âm Dương.

Sơn Long cần nhấp nhô bay lượn, Thủy cần uốn khúc quanh co, trong động có tĩnh, trong tĩnh có động.

Triều Án phải khom lưng hướng về chứ không chèn ép ở trên. Long Hổ phải tĩnh, uốn mình hướng vào trong, chứ không hướng ra ngoài. Tuyệt đối kị đi nghiêng chạy ra. Thủy phải tĩnh tụ chứ không xông thẳng vào trong Đường. Duy chỉ có chỗ Lạc mạch kết huyệt thì cần linh hoạt có sức sống, nếu Long động đi lại, thì huyệt phải tĩnh, như vậy mới được hết sự kỳ diệu của tạo hóa Âm Dương.





THỦY CHỨNG MINH ĐƯỜNG ĐƯỜNG CHỨNG HUYỆT

Chỗ quần Sơn dừng lại là chân huyết, chỗ quần Thủy tụ lại là Minh Đường.

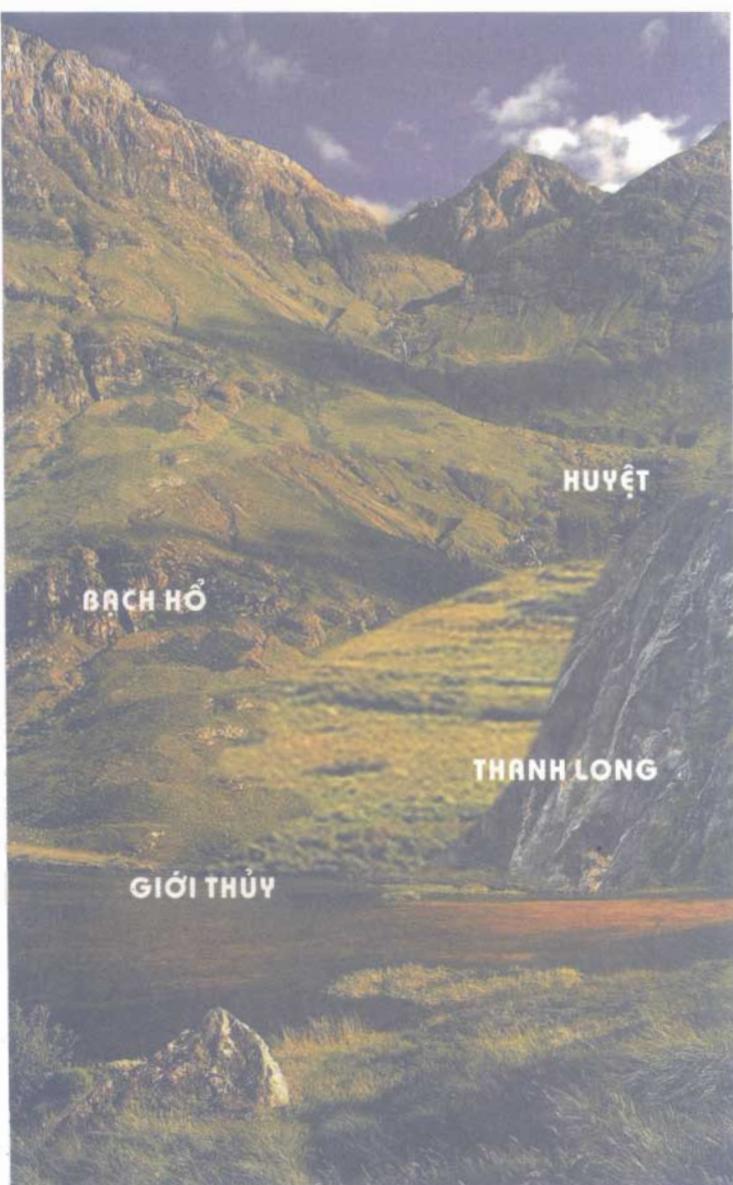
1. Minh Đường là chỉ Thủy tụ tại Trung Minh Đường và Đại Minh Đường. Thế Long động mà đến, phải có lúc dừng lại, nơi các sơn tụ hội, chính là Huyết trường. Núi Tổ phân chi thành rất nhiều núi, chỗ quần Sơn tụ lại là chỗ Long dừng nhập thủ, mảnh đất kết huyết phải có La Thành (Tinh) giữ Thủy khẩu, hai bên trái phải đều phải có Long Hổ bao bọc bảo vệ.



Quần sơn hội tụ

2. Thủy tới theo thế Sơn, chỗ quần Thủy tụ hội lại là Minh Đường. Do đó có thể thấy, tìm Huyệt không khó, Thủy tụ lại là Minh Đường, Minh Đường nằm ở trước huyệt. Chỗ Sơn dừng, thì phía trước phải có Thủy đến, tụ lại trước Đường, có Thủy huyết mạch, có Thủy từ bên ngoài đến, hữu tình hướng về chủ là cát, Âm Dương phối hợp hài hòa với nhau là cát.

Thủy có chân có giả, nhìn thấy Thủy tại Đường phía trước bia mộ là chân Thủy, nếu không nhìn thấy mà chỉ nhận Thủy khí hoặc nhận thế Thủy là giả Thủy. Đây là phương pháp đơn giản để chứng huyệt.



Nơi Hành Long dừng phải có giới Thủy





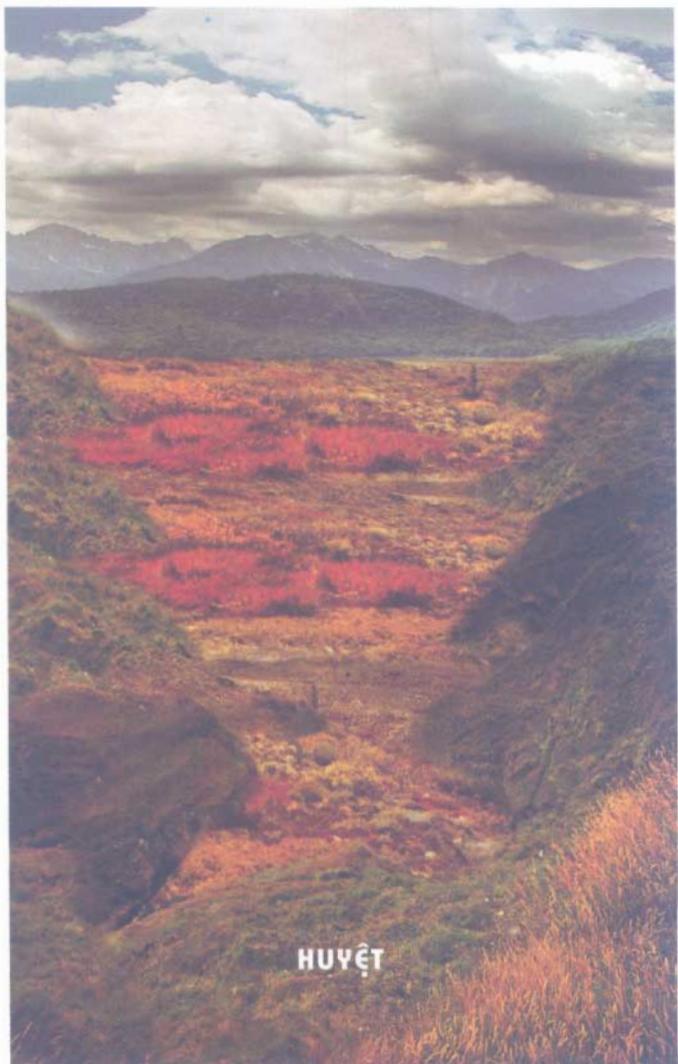
MÌNH ĐƯỜNG NHƯ LÒNG BÀN TAY, PHÚC NHƯ ĐẦU ĐÔNG VÀNG

Lập Oa trong Đường tốt nhất, sau huyệt cần tránh ngưỡng ngõa.

1. Oa có nghĩa là hố đất. Trong Minh Đường tốt nhất là tụ thành hố đất, có thể tiếp nhận mật pháp của quần Thủy. Lạc mạch kết huyệt trong Can Long của Sơn, bốn mặt đều cần có núi bao quanh, Minh Đường như lòng bàn tay. Trong sách có viết: "Minh Đường như lòng bàn tay, phúc của gia đình như đầu đong vàng". Thủy tụ ở bốn mặt quy về Minh Đường, thì phú quý dài lâu.

Dương Quân Tùng có viết: "Minh Đường như chưởng tâm, gia phú đầu lượng kim" (Minh Đường như lòng bàn tay ngửa, gia đình sẽ phát phúc, như có đầu đong vàng), hay "Minh Đường như oa đỉ, phú quý nhân nan tí" (Minh Đường cong như đáy chảo, phú quý ít ai bì).

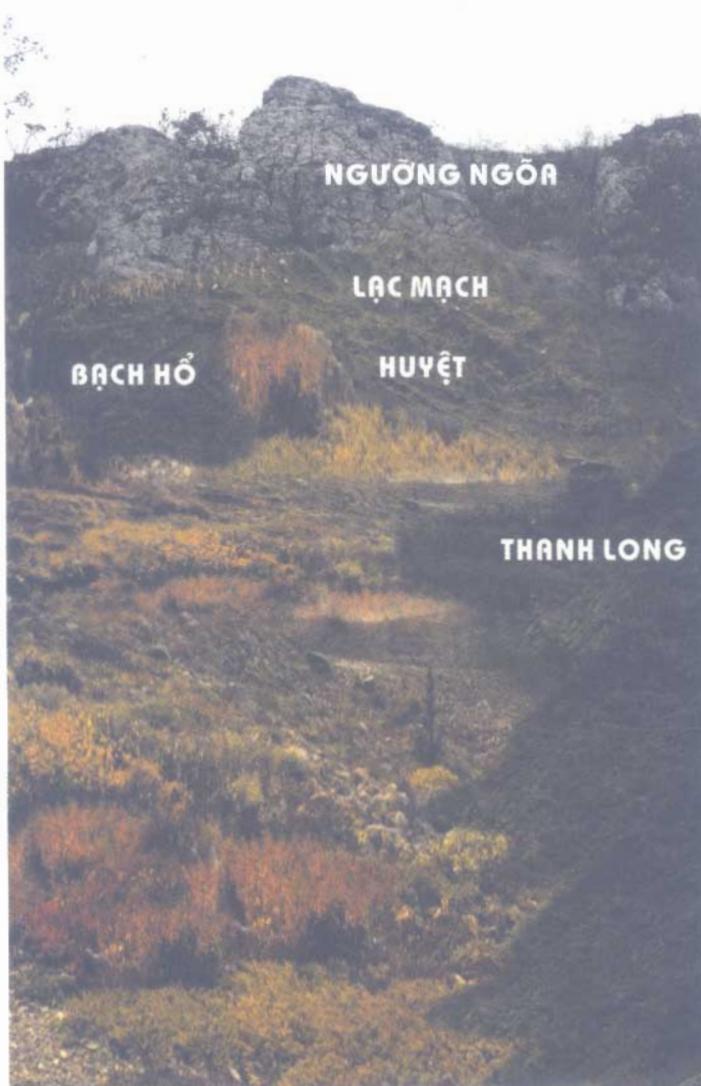
Cục diện của Thủy trong Minh Đường, lấy Thủy tụ làm chính, Thủy hướng về là thứ, thuận Thủy là xấu nhất, nghịch Thủy là phát tài.



*Minh Đường có hố,
Thủy tụ là cát*



2. Ngưỡng ngõa: Sau huyệt hoặc sau Chủ tinh, có hình dạng lõm xuống giống như viên ngói lõm, Long đến chứng huyệt phần lớn có hình dạng giống như hình viên ngói nằm ngửa, nếu hồi Long hướng về chủ mà kết huyệt ngang, sau Tinh đinh có hình lõm rộng, thì kết huyệt song cần phải có quỷ Sa cai quản giữ sau Huyệt trường mới tốt. “Hám Long Kinh” viết: “Vấn quân hà giả thị không vong, huyệt hậu khi không ngưỡng ngõa thế” (Sau huyệt có thể ngưỡng ngõa là không vong). Như huyệt Thiên tài lõm xuống, hai bên Cự môn tinh nhô ra như Nguyên Bảo, thì Lai Long có thể kết Quái huyệt, nhưng phía sau phải được bao bọc chặt chẽ, không được trống, nếu có thuận qui Sa liền kề cũng có thể kết huyệt, nếu không sē là nơi bại tuyệt, sau khi chôn cất sē nhanh chóng thất bại, thậm chí là nhà tan cửa nát.



Núi “ngói ngửa”

Sau huyệt có thể ngưỡng ngõa đa số là xấu, “Nhân tử tu tri” còn viết rõ: “Hậu cung ngưỡng ngõa, tắc khí bất dung kết” (Sau huyệt có thể ngói ngửa, khí không thể tụ).





ĐOÁN HUYỆT THẬT GIẢ. CẨN BIẾT TÌNH CỦA QUAN QUÝ

Nhìn núi Quan trước huyệt, núi Quý sau chủ Sơn, mới biết được thực kết hay hư kết.

Quan: là Sa (núi nhỏ) nhô ra ngoài Án, chia ra làm hai phần sáng và tối. Phần sáng có đỉnh nhô lên, phần tối kéo dài ra, đứng trên huyệt không thấy được là tối.

Quý: là Sa nhô ra phía sau huyệt, ôm lấy sau huyệt, hai cái đều là khí quý của Long đẹp, nơi không kết huyệt đẹp thì sẽ không thể có Quan Sa.

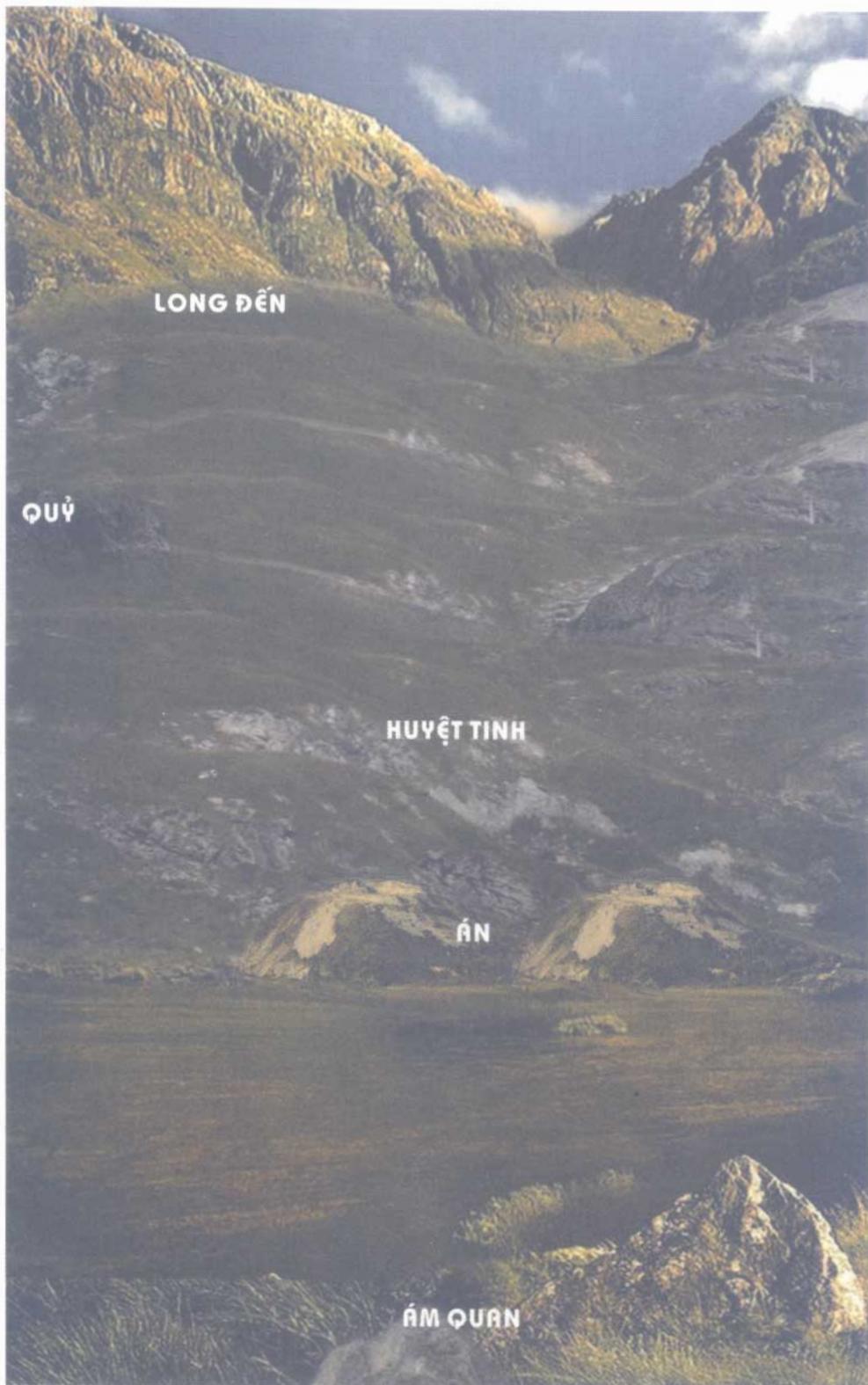
"Hám Long kinh" có viết: "Phải phân biệt rõ Quan trước Quý sau, Quý khắc Huyệt đứng ở phía sau, Quan tinh khắc Huyệt đứng ở phía trước, đó là sự xuất hiện Long gia Quan Quý".

Có Quan Quý Sa là Chân Long huyệt, sẽ có sức mạnh, tạo phúc ám cho con cháu dài lâu.

Chứng huyệt trước tiên là từ Long nhập thủ, Long đến nhập huyệt, thì không cần phải có Quý tinh. Long mạch đến ngang, đến thừa hoặc quay lại thì cần phải có Quý tinh ứng hộ. Nếu không sẽ bị gió thung lũng thổi bay, đã không cát mà còn chuyển thành hung. Quan sa trước mặt có đỉnh đẹp, dằng sau Án Sơn không nhìn thấy tinh diệu là ám Quan. Làm thế nào để biết Lạc mạch ở đâu? Nếu thấy có Quý Sa đỡ ở sau lưng, là biết được kết huyệt trước mặt. Tinh phía sau huyệt dao động không ngừng, là Long động mà chưa dừng. Chân khí đẹp mà kết, thì Quan Quý đều dừng. Long khí chuyển động thì Quan Quý Sa không thể dừng. Xem Quan Quý, có thể biết được kết huyệt hay không. Quan Quý đều khí đẹp của Huyệt trường, do đó Quan Quý phải hữu tình, Quan phải quay lại, Quý phải dựa sát vào huyệt, nếu không chỉ là huyệt hư vô giả dối. Không hướng về đỡ lấy thì là vô tình, giả đỡ lấy; hữu tình là địa huyệt kết thực huyệt.

Long dừng và kết huyệt phía sau, xem hành Long có dừng hay không, thì phải xem Quan Quý có dừng hay không, vì thế xem cái tình của Quan Quý thì biết được huyệt trường kết thật hay giả.





Quỷ tinh dừng lại, cho thấy Long dừng kết huyết



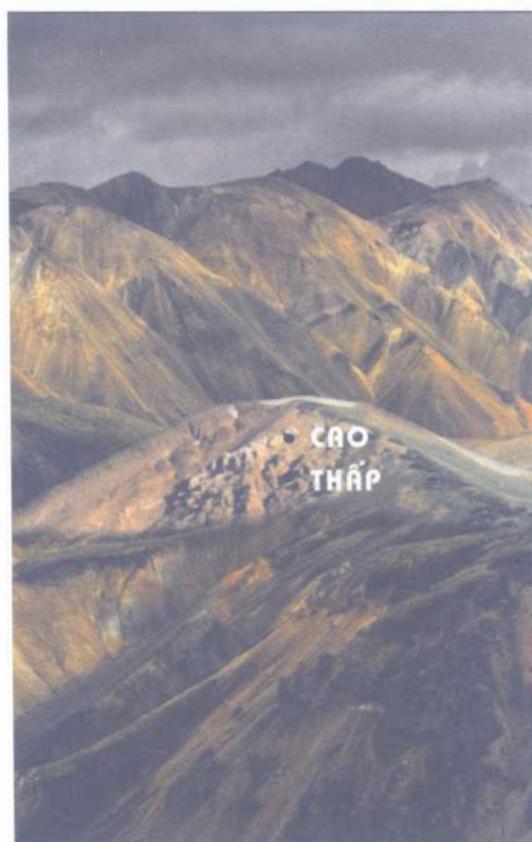


PHÁP ĐIỂM HUYỆT NÊN LẤY TỨ THẾ HÀI HÒA

Bên ngoài cúi chào mà bên trong bức ép nên lập huyệt ở chỗ cao. Thế núi thô mà hình cấp thì nên lập huyệt ở chỗ khí chậm giải. Cao thì những núi hung ác xung quanh sê khuất phục. Chậm giải thì Tứ thế hài hòa.

Tứ thế là hình thế trước sau trái phải. Khi tìm huyệt, vừa cần phải biết thế thực hư, vừa cần bốn phía xung quanh hòa hợp thì mới có thể lập huyệt. Nơi thế Lai Long thô, Long mạch cấp thì không thể lập huyệt, nên lập huyệt ở chỗ khí chậm giải, và Tứ thế hài hòa.

Nếu núi bên ngoài vòng quanh, cúi chào mà bên trong bức ép, gò bó thì nên lập huyệt chỗ cao. Có vậy, núi hung ác xung quanh mới khuất phục dưới chân, mới có thể tránh quần Sơn chèn ép trước ngực.

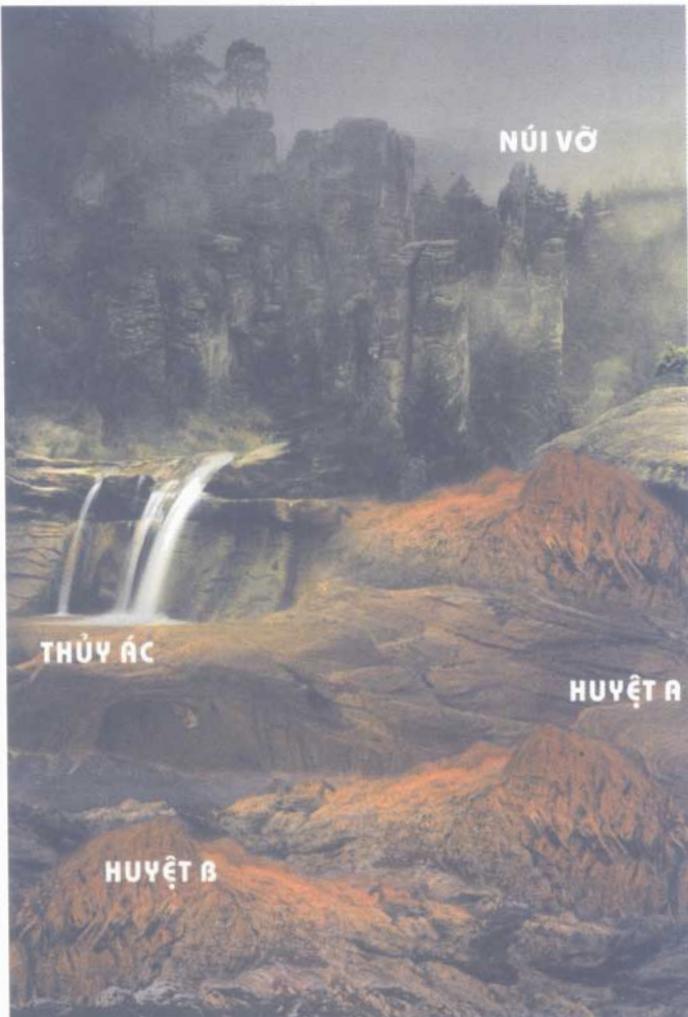


*Núi bên ngoài cúi chào,
mà bên trong bức ép thì nên lập huyệt chỗ cao*



SƠN THỦY CÁT HUNG ẨNH HƯỞNG TƠI HUYỆT TRƯỜNG

1. Phép điểm huyệt coi trọng sự cát hung của Sơn Thủy, Huyệt và Triều Sơn cần phải có mối quan hệ như chủ khách gặp nhau tay bắt mặt mừng. Triều Án Sơn phải đẹp, tròn trịa và sạch sẽ, nếu núi cao đổ nát, rơi vào huyệt hoặc có hình dạng như vách đá dựng đứng hướng vào huyệt là hung, họa hại đến nhanh chóng. Nhưng nếu ở hai bên thì nhẹ và đến chậm.

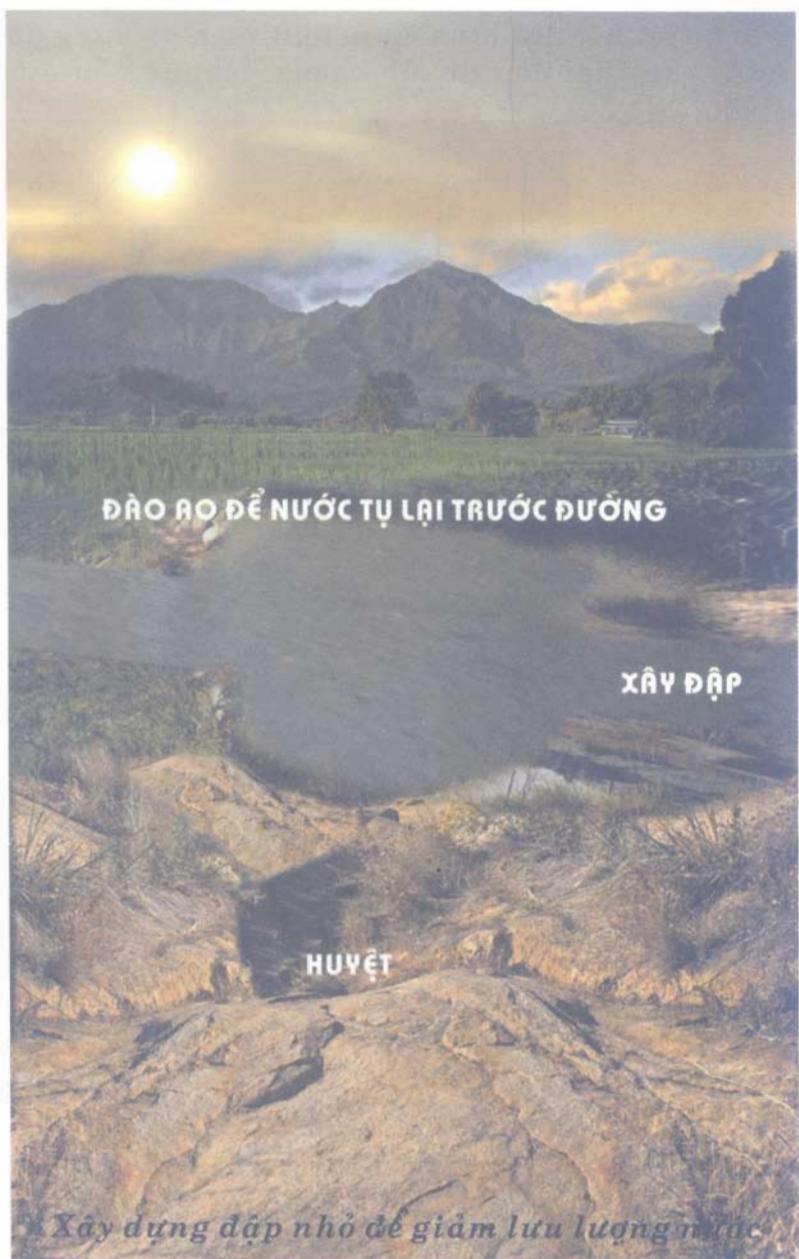


*Thế huyệt A thấp, không nhìn thấy núi vỡ thế, Thủy ác
Thế huyệt B cao, Thủy ác, núi vỡ hướng về huyệt
thì chủ nhân nhanh chóng gặp họa*



2. Sơn Thủy phải có quan hệ mật thiết như vợ chồng. Long gấp Thủy thì dừng, huyệt và Thủy như Âm Dương giao cấu, chỗ Long mạch dừng lại, nếu Thủy chảy cấp hoặc lao nghiêng thì là vô tình, vô tình thì sao có thể phát huy tác dụng Âm Dương giao cấu đây? Đứng trên huyệt thấy Thủy "nhỏn nhơ" tụ lại là cát. Nếu thấy Thủy nghiêng ngả chạy mạnh, xông thẳng vào huyệt là hung đến, thậm chí còn đến nhanh hơn họa của Sơn. Nếu đứng ở trên huyệt không thấy Thủy dữ, thì họa sẽ đến chậm. Thủy là ngoại khí, vì thế không nên chảy gấp xông vào Huyệt trường, mặc dù không nhìn thấy nhưng vẫn để thoát nội khí.

3. Sơn và Thủy hung, nếu đứng ở huyệt không nhìn thấy thì họa phát khá chậm, hung lực giảm bớt. Nếu Long Chân huyệt có tật nhỏ thì có thể trồng nhiều cây để che chắn trước huyệt, hoặc trồng cây chặn Sơn hung trước Án. Thủy chảy đi gấp gáp, do đó nên làm cho Thủy chảy uốn lượn vòng mà đi. Xây dựng hồ đập để làm cho nước tụ lại, không còn chảy tán tác, phân tán nữa. Trồng cây trước Án, cũng có thể hóa hung thành cát.





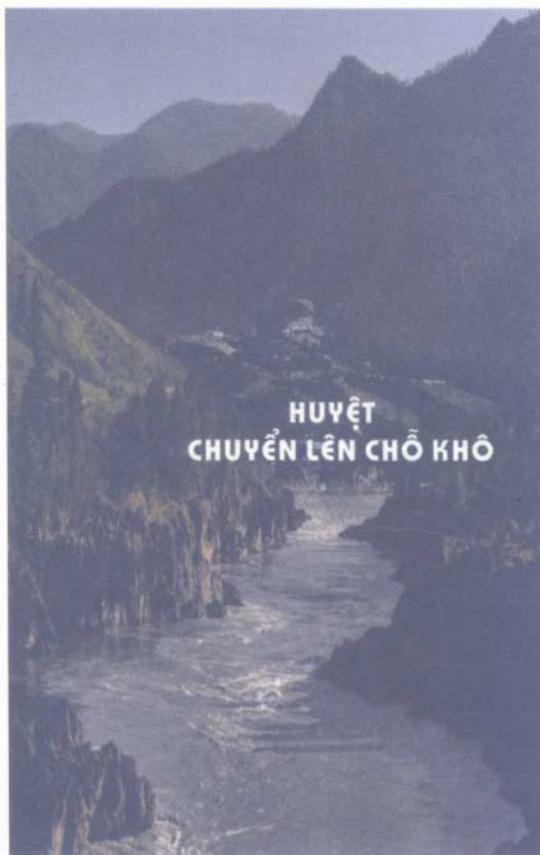
KHÔ RÁO THÌ CÁT. ẨM THẤP THÌ HUNG

Thông thường chỗ ẩm thấp là nơi tụ Thủy ở tiểu Minh Đường (chỉ chân Thủy, không phải điểm Long Hổ Sa bao quanh hay chỗ hai chân Thủy giao nhau), Long đã dừng, Chiêm Thần quá thấp mà lại gần nước hoặc bên cạnh đầm lầy.

Khô ráo là chỉ Huyệt trường nằm ở chỗ khô thoáng có khí. Chỗ khô ráo là nơi hai dòng nước giao nhau mạch dừng, khí tụ. Ẩm thấp là hung, xương cốt dễ bị mục nát. Chỗ khô ráo là cát, xương cốt tụ mà không tán cho nên sẽ tụ khí.

Lập huyệt nên dời khỏi chỗ tiểu Minh Đường ẩm thấp đến nơi khô ráo, để tránh thoát khí mà mất mạch.

Chuyển từ chỗ ẩm thấp tới nơi khô ráo là tìm cát tránh hung.



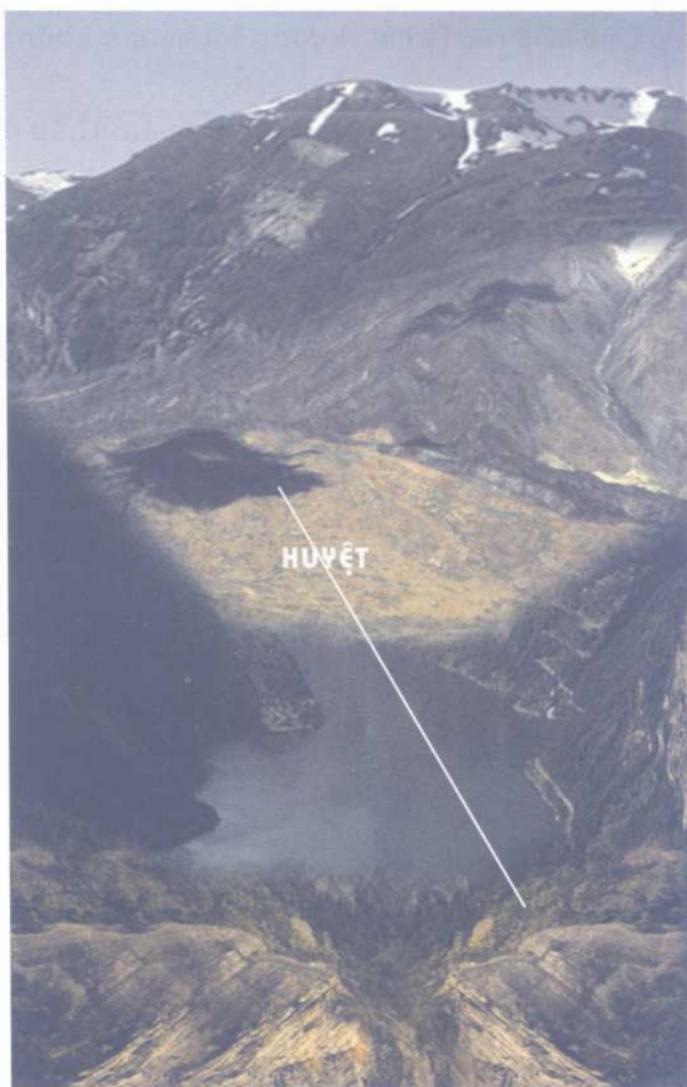
Di huyệt lên chỗ khô





HUYỆT Ở TÂM HOA, LÀ THẾ CỤC ĐẠI QUÝ

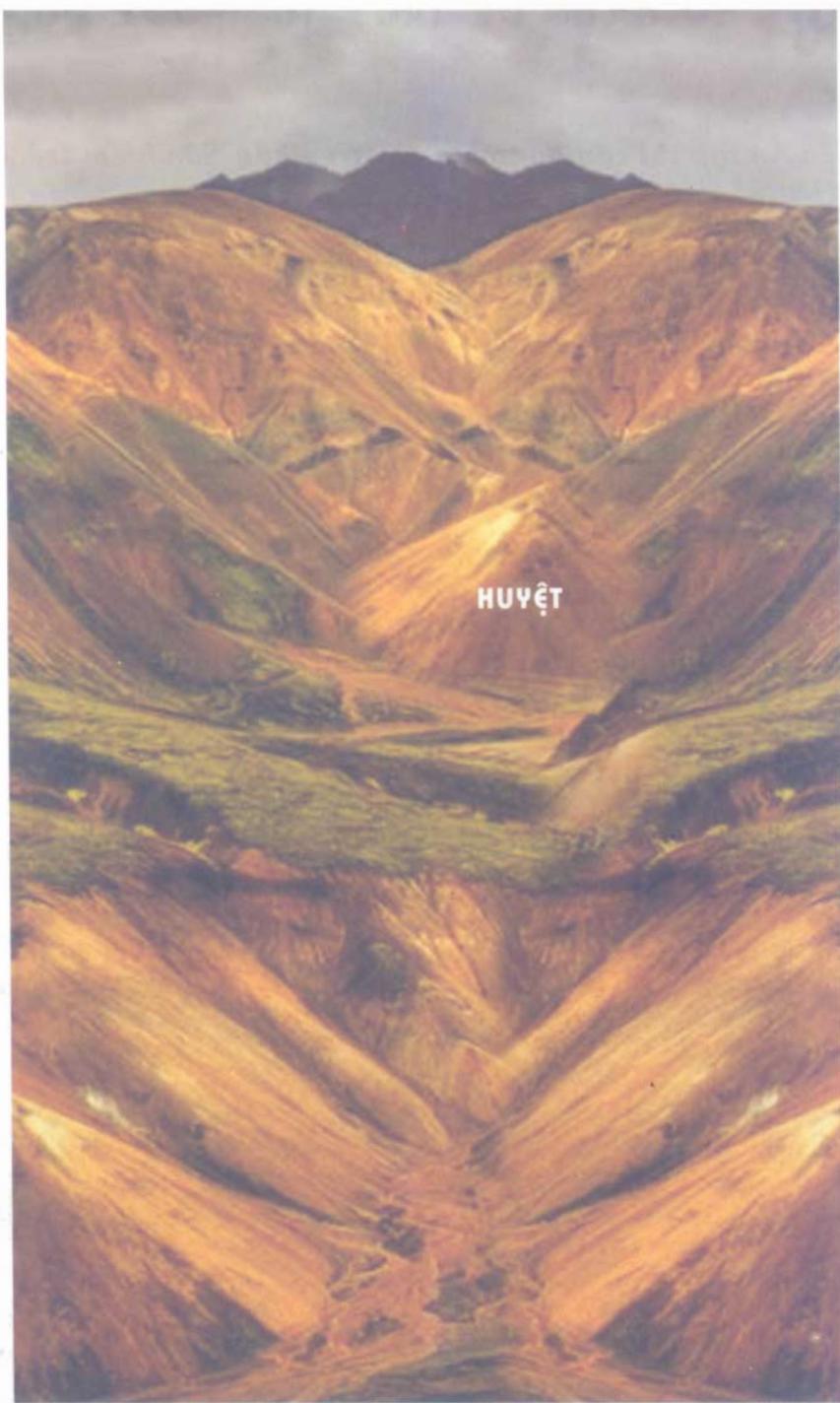
Điểm huyệt phải xem hình thế cục diện của huyệt, giống như có lớp lớp cánh hoa bao bọc xung quanh, tức là huyệt nằm ở trung tâm của bông hoa sen, được bảo vệ kỹ lưỡng, Huyệt ở chính giữa, có tầng tầng lớp lớp bao bọc bảo vệ, cung kính nghiêm trang, hữu tình hướng vào nhau, giống như bậc đế vương ngồi, không thấp không cao, bốn phía xung quanh đều chiềng bái dưới chân, đó là thế cục đại phú quý (xem hình A, B).



A. Quần Thủy quy Đường, huyệt ở giữa



Cha mẹ tôn quý trang nghiêm, nhập thủ mảnh, nhỏ, vị trí nằm trên đỉnh cao, tục gọi là Huyết hoa sen, được liệt vào thế cục quý đẹp, những huyết bình thường không thể so sánh được.



B. Huyết hoa sen

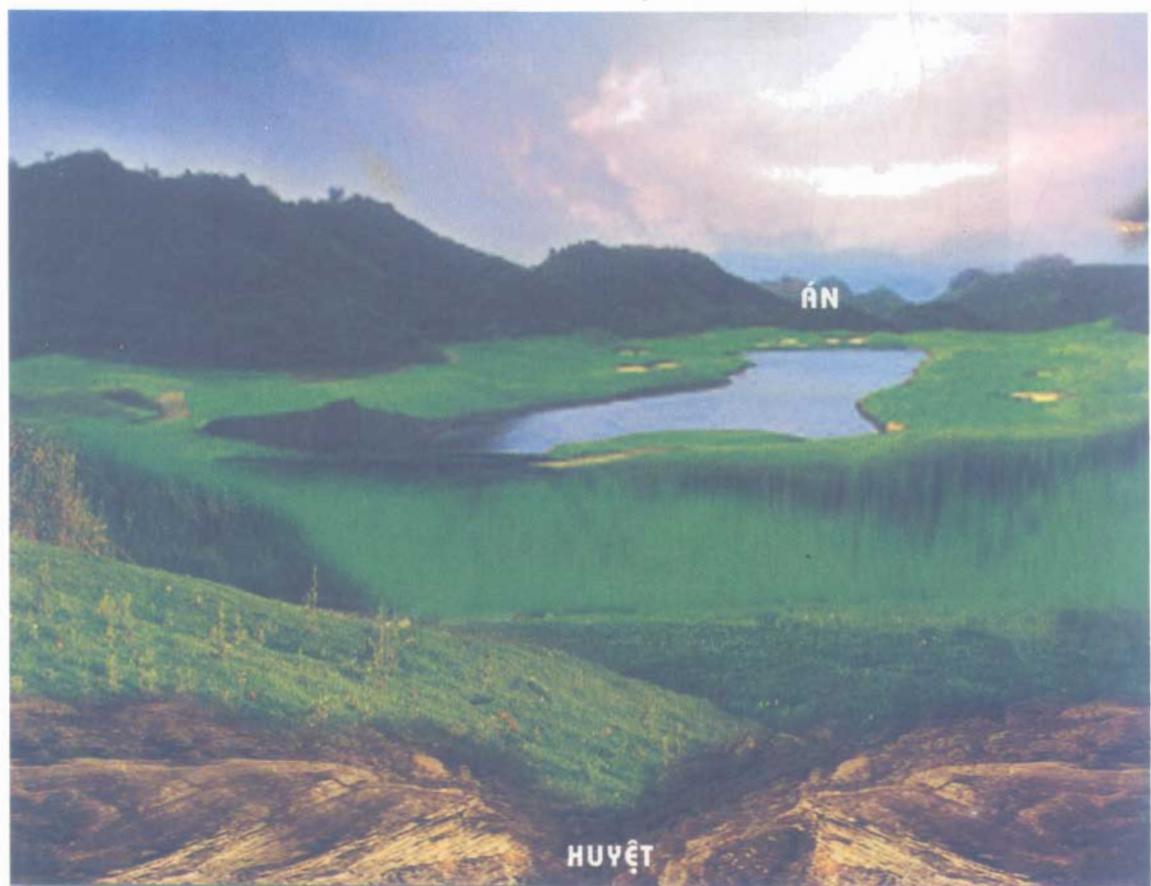




BÌNH DƯƠNG KHÔNG CÓ NÚI.
CÓ GẮNG ĐỂ THỦY TỤ TRƯỚC ĐƯỜNG

Nếu tiền Án tạp thì cần hồ tích nước. Nếu hậu Sơn hiểm trở, tránh kết huyệt cheo leo.

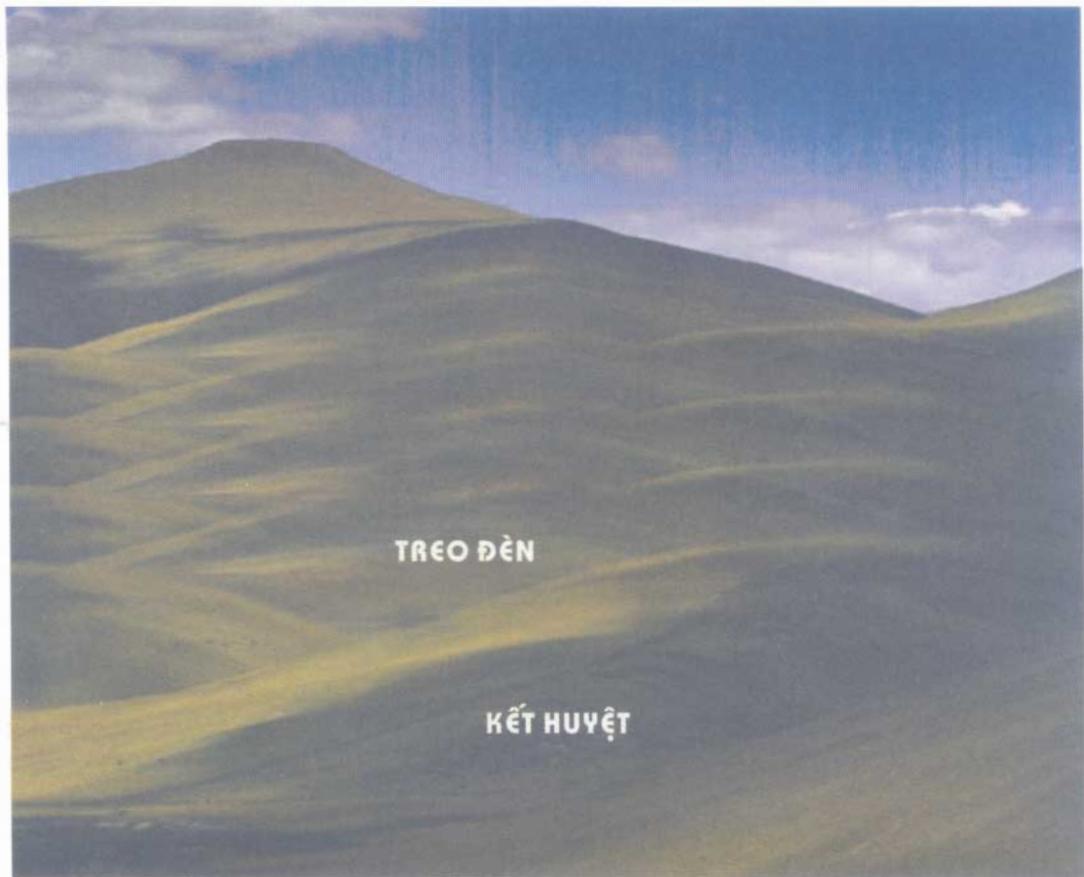
1. Tạp: có nghĩa Án trước huyệt không ngắt ngắt. Trước huyệt là phần đất ngay gần với mỏ phần. Điểm huyệt phải biết sự kì diệu của việc cắt xén, Án trước huyệt đặc biệt thì sê quý, vậy mà chính Án không có thì làm sao mà tốt được? Án Sơn vốn dĩ được dùng để khóa nước trước huyệt, cho nước tích tụ lại, do đó muốn nước tích lại trước Đường, mà không có hồ nước tự nhiên, thì phải đào hồ nhân tạo. Như “Nghi Long kinh” có viết: “Có hình dáng nhưng không có Án Sơn, thì cần tụ nước ở giữa là được”.



Trước Án tụ nước, bù đắp thiếu hụt của tiền Án



2. Hiểm trở: Kháo Sơn hiểm trở, thế núi cần bình hoãn mới đẹp. Thế núi cheo leo hiểm trở phải ở trên vùng đất bằng phẳng, mới có thể kết huyệt kiểu treo đèn (khí cấp, thế núi hiểm ác thì không thể lập huyệt), nhưng phải táng nơi hơi nhô lên trong phần lõm (Oa), thế cục của Đường phải đẹp và có Thủy tụ mới có thể lập huyệt.



Kết huyệt khi thế núi hiểm





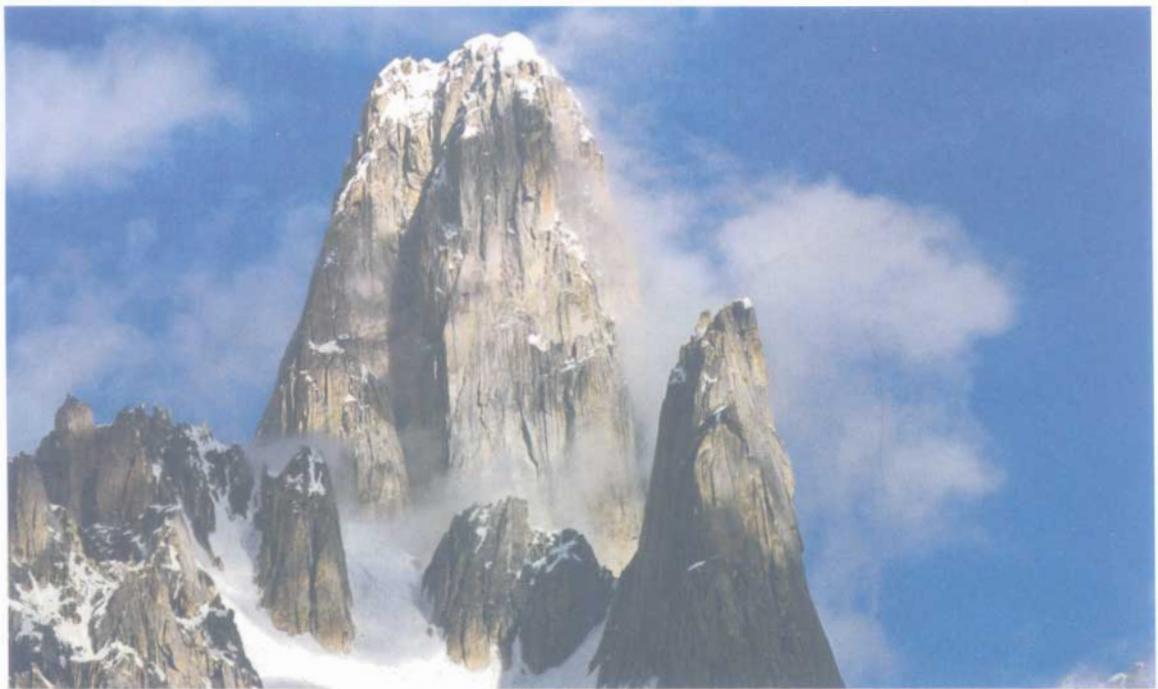
PHÂN CHIA NGŨ HÀNH KIM, MỘC, THỦY, HỎA, THỔ

Các hình minh họa dưới đây là ngũ hành thuần túy của thể núi, chứ không pha tạp các kiểu. Còn biến thể thì đa dạng và biến hóa khôn lường, không thể kể hết ra. Muốn biết nhiều hơn, đón đọc cuốn “Hàm Long kinh” của Dương Quân Tùng (chúng tôi sẽ giới thiệu trong thời gian sắp tới) thì mới có thể hiểu hết ý nghĩa của chính biến tinh thể (xem hình A, B, C, D, E).

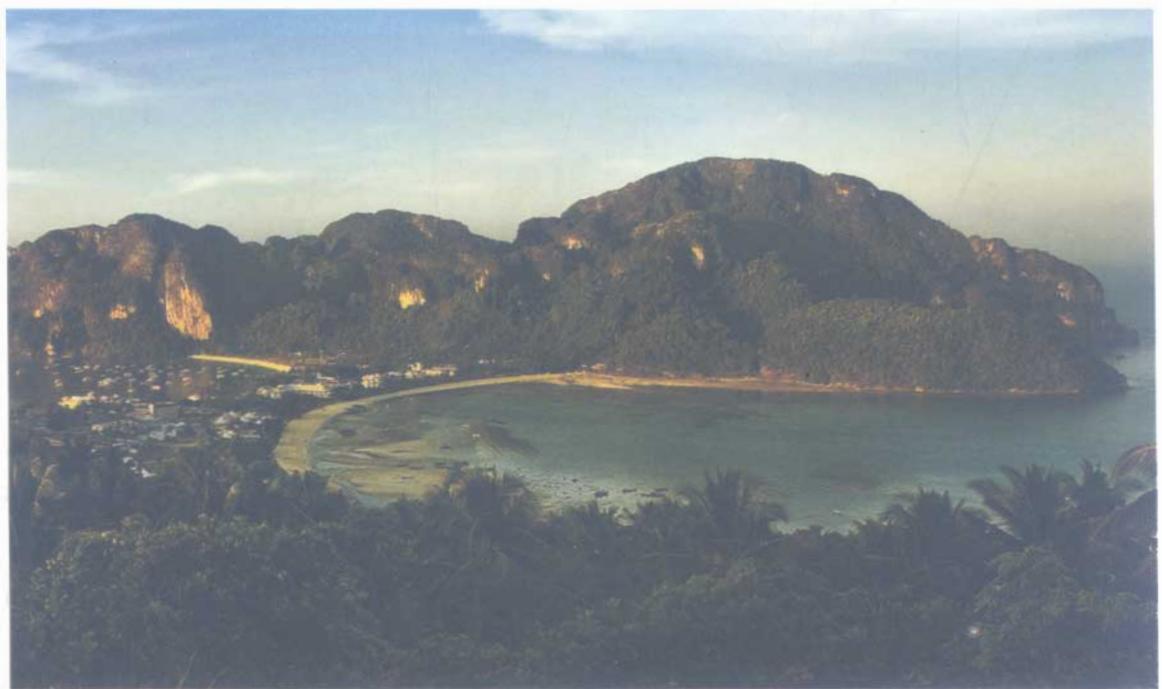


A. Kim tinh





B. Mộc tinh



C. Thủy tinh





D. *Hỏa tinh*



E. *Thổ tinh*



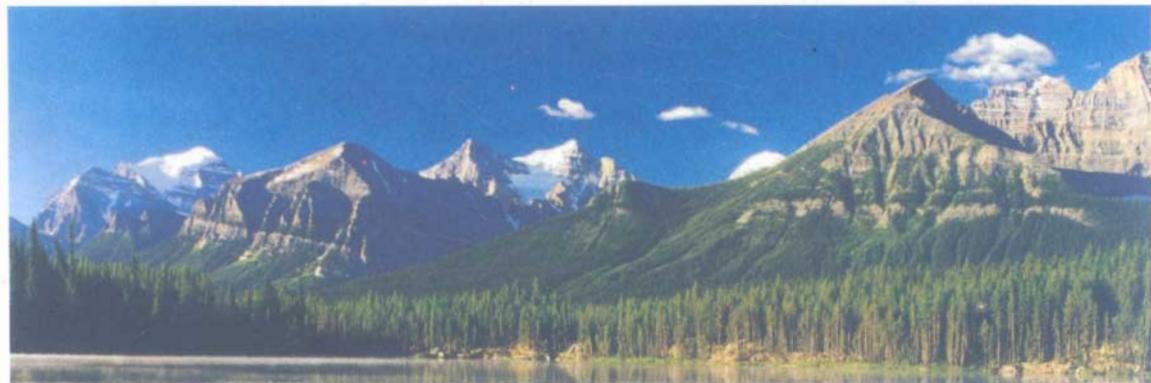
LỘT XÁC TỪ THỔ ĐẾN TINH, CHÂN LONG KHÁC VỚI QUẦN SƠN KHÁC

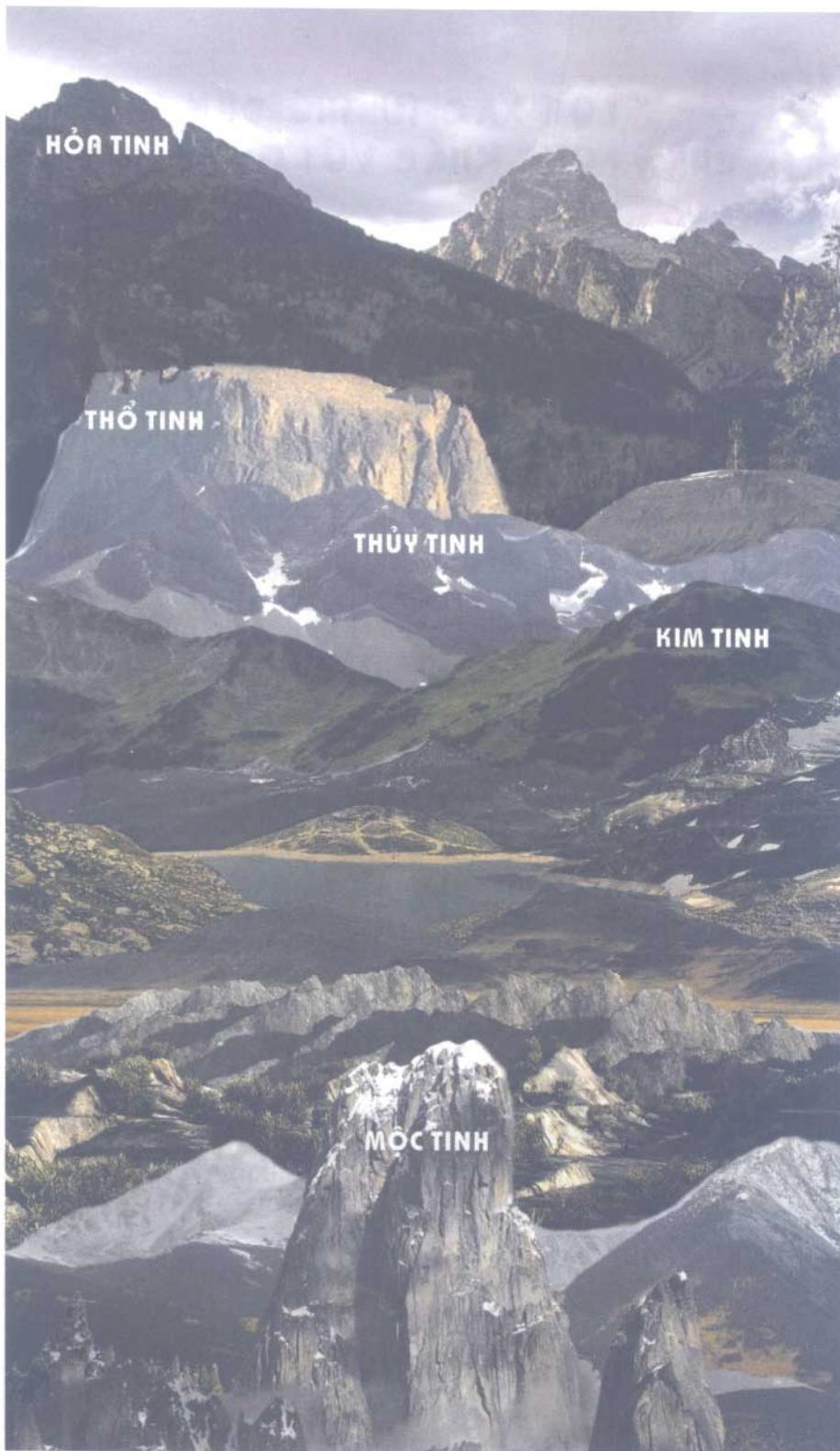
1. Tinh trong ngũ tinh: Chỉ Sơn Long Tinh đĩnh của Ngũ hành Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ. Mỗi Ngũ tinh biến hóa mỗi khác. Sau khi trải qua thoát thai (rũ bỏ hình thế cũ), thay xương cốt (chuyển thành một hình thế mới), hình thể của Sơn Long cũng thay đổi, hình thể ngay ngắn, đẹp đẽ, tròn trịa, đầy đặn là đẹp. Hình dạng Ngũ hành của Sơn Long Sau khi thay đổi mỗi Tinh sẽ nảy sinh những hình núi khác nhau. Một hình dạng nào đó sẽ tương sinh tương khắc với một hình dạng khác.

2. Trước khi lột xác thay đổi hình dạng, núi cao cheo leo hay thấp bé, đổ nát, đều có sát khí thô ác, do đó phải chuyển từ cheo leo thành đẹp đẽ, từ đổ nát thành viên tròn, hoặc biến thô thành tinh, biến lớn thành bé thì sát khí mới có thể hoàn toàn tiêu tan, mà cát khí tụ hội trở thành nơi kết đẹp. Đại Sơn chuyển mình thành tiểu Sơn, đĩnh to trở thành đĩnh bé, tạo hóa thật kỳ diệu, đó là công dụng của “lột xác”. “Lột xác” như kim thiền thoát xác (ve sầu lột xác), không thể chôn cất ở núi đá, sau khi “lột xác” trở thành núi đất mới có thể chôn cất, đây chính là kết quả của “lột xác”.

Ngũ tinh lột xác, rơi thẳng xuống Bình Dương, mỗi Tinh đều có thể dấu vết nhỏ riêng. Tinh nào biến thành Tinh ấy, không thể lẫn lộn. Nếu chỉ có núi cao cheo leo thì cần “lột xác” mới có thể dùng, đất võng đổ nát là Long bị bệnh, ắt không thể kết huyệt.

Thực ra, cho dù Thổ Long đổ nát, chỉ cần chỗ nhập thủ lột xác thành hình dạng tinh thể đẹp và may mắn thì vẫn có thể kết huyệt (xem hình).



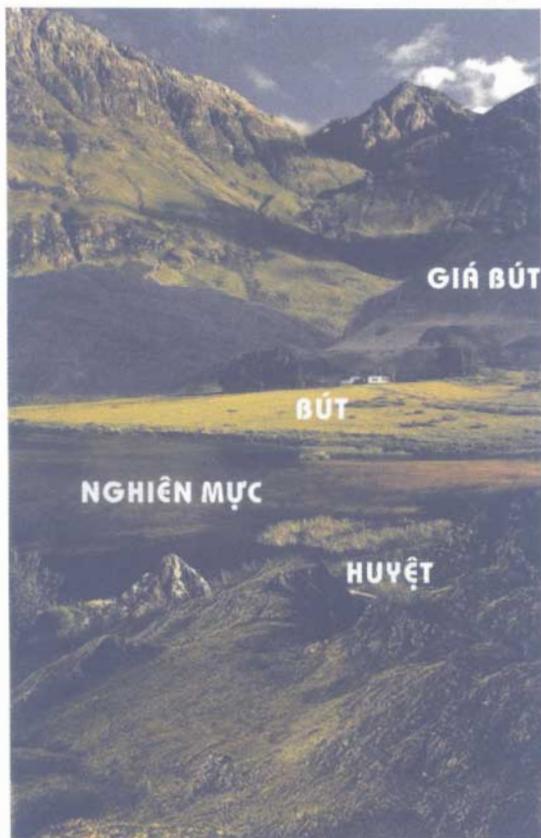


Ngũ tinh lột xác

2. Hình: Có nghĩa là hình thể của Ngũ tinh. "Đặc" là chỉ Loan đầu đẹp đẽ, khí thế siêu quần, vượt trội. "Đạt" là phát triển thoải mái, hoạt động tự do không bị ngăn trở. Thô mà tinh anh hoạt bát, dung hòa mà kết tát sê dày, vô cùng tôn quý.

Thực ra, Long chân huyệt không cần phải cầu nệ hình thể cao thấp lớn nhỏ, chỉ cần đại (thô) Long chuyển thành tiểu (tinh) Long, trở thành Long mới mẻ, tới chỗ kết huyệt lại có hình thể đặc biệt, không giống với quần Sơn, hoặc có hình thể của loài cầm thú, La tinh, hoặc đẹp đẽ linh hoạt, hoặc khí thế hiên ngang, có quần Sơn hồi triều cung kính, chính là chân Long quý kết.

Cho dù không có hình thể đặc biệt, chỉ cần thế cục đẹp, tìm được chân Long cũng có thể chôn cất, mà chân Long và quần Sơn khác nhau, từ hình thể mà nói, chân Long có hộ tống, còn giả Long chỉ là Nô Sa và hộ Long của huyệt khác mà thôi. Giả Long thấp thì chân Long cao; giả Long cao ắt chân Long thấp; giả Long nhỏ thì chân Long lớn; giả Long lớn thì chân Long nhỏ; chân Long béo thì giả Long gầy; chân Long dài thì giả Long ngắn, giả Long dài thì chân Long ngắn,... Tóm lại, chân Long và quần Sơn nhất định phải khác nhau, nhìn qua là thấy được sự khác biệt. Chân Long lạc mạch kết huyệt, thêm vào đó là xung quanh có Sơn Thủy bao bọc thì có thể bố trí thành một thế cục huyệt trường đặc biệt.



Hình thể đặc biệt





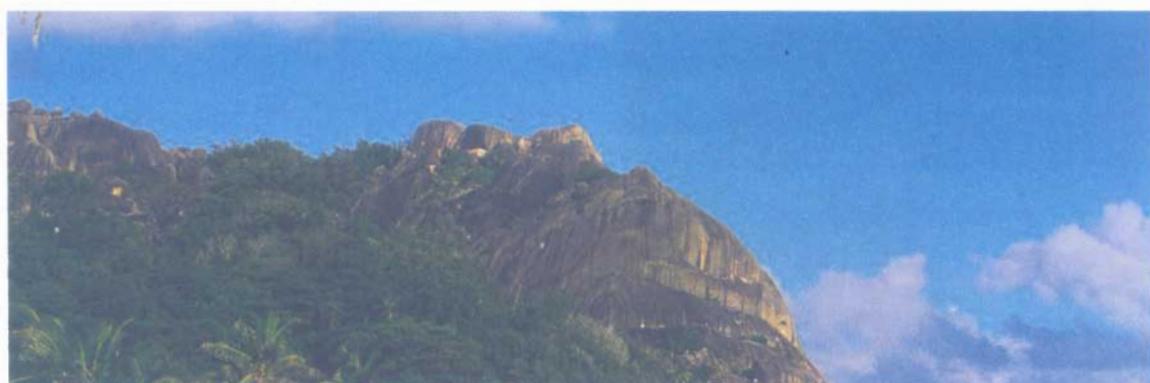
HÌNH THẾ CỦA 5 SAO HỖN TẠP THÌ KHÍ KHÔNG THỂ TRONG SÁNG

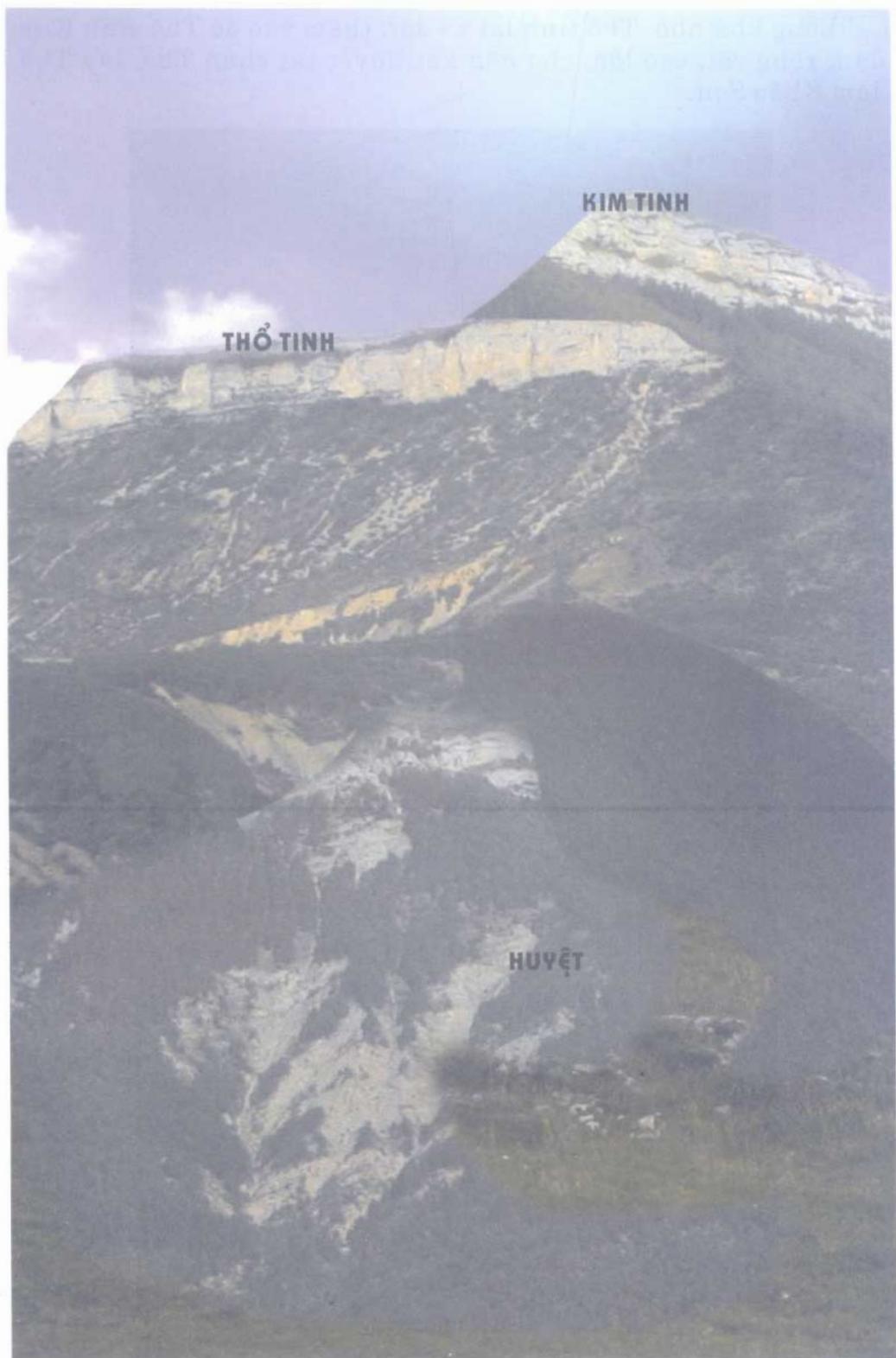
Tinh thể tốt nhất là đầu tròn bóng, hình thể ngay ngắn, hình thể rõ ràng, khí không hỗn tạp. Người thiết kế phong thủy theo phái hình thể chắc chắn sẽ không lấy hình dạng nghiêng lệch, đổ vỡ, xấu xí. Nếu hình trạng hỗn tạp và lỗn lộn thì khí sinh ra cũng hỗn tạp.

Hình núi thay đổi không đồng nhất, vốn là tạo hóa của Trời Đất, nếu các Tinh và các Chi đều cả thì mỗi Tinh đĩnh của nhập thủ Long đều có hình dạng riêng của nó. Chỉ khi Tinh đĩnh sau huyệt tinh khiết và ngay ngắn thì mới có thể kết huyệt. Nếu Tinh đĩnh có hai hình tinh thể tương sinh thì cũng có thể kết huyệt. Ví dụ, đầu Tinh đĩnh vừa như là Thổ lại như là Kim, Kim không ra Kim, Thổ không ra Thổ; vừa như Mộc lại như Hỏa, Mộc không phải Mộc, Hỏa không phải Hỏa. Thổ tinh tinh xảo lại như Kim, Mộc sắc nhọn lại như Hỏa, Thổ tinh không hoàn toàn bằng phẳng, lỗn với Kim tinh trong đó. Mộc tinh cũng không hoàn toàn là chân Mộc, có lỗn Hỏa nhọn ở trong đó.

Như thế sẽ khiến nhiều người hoa mắt, khi chọn dùng cũng không biết phải sửa ra sao. Núi có hai hình thì không phải là núi đặc biệt, không được coi là tôn quý. Số Tinh biến thể của Ngũ hành được liệt kê như sau:

Đỉnh nhô ra là hình Kim, đỉnh bằng là hình Thổ, đó chính là trong Thổ có Kim, hai thể tương sinh, có thể làm Tinh đĩnh, khi tạo huyệt phải chọn Tinh đĩnh hình Kim là Kháo Sơn, thuật gia gọi là thuật "thừa Kim", vì thế, mộ huyệt phải lấy Kim đĩnh làm Kháo.

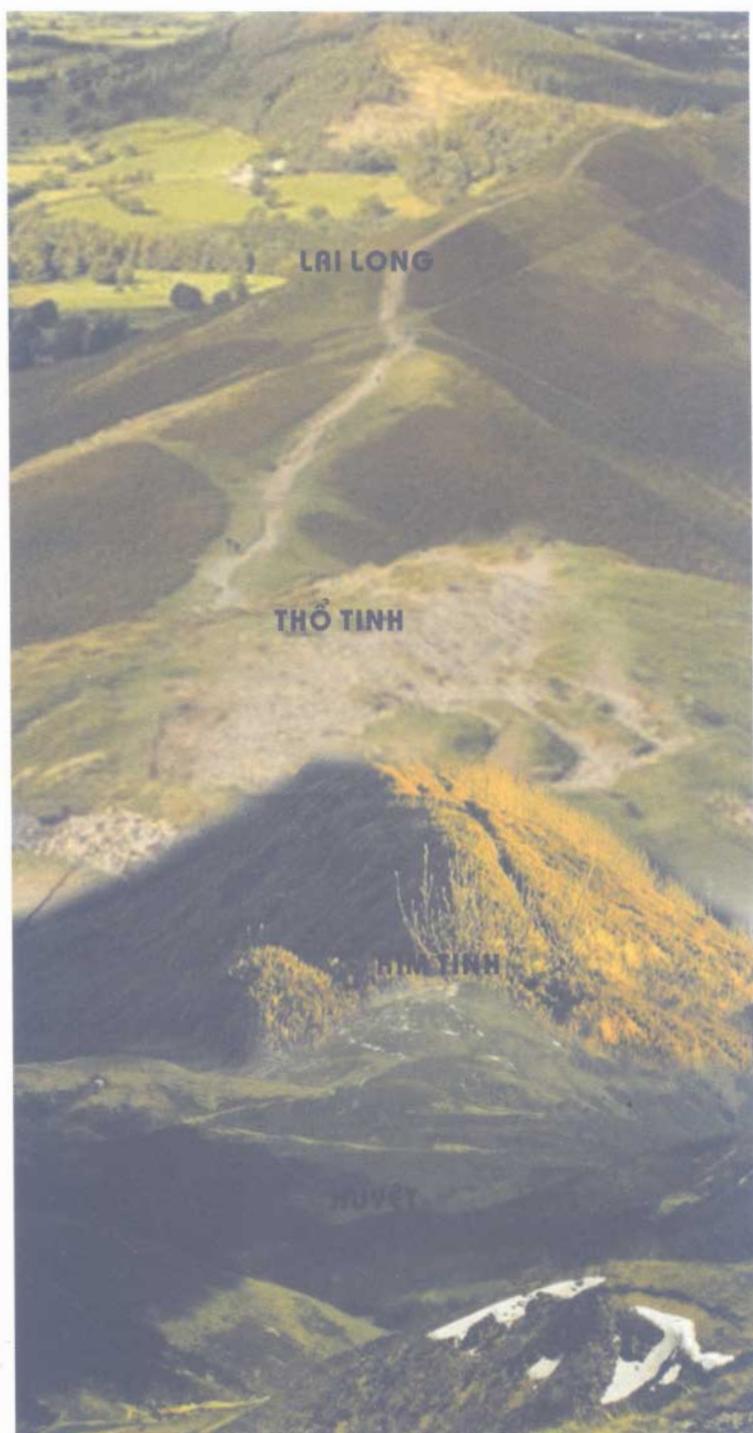




Thổ Kim tương sinh, Kim đỉnh làm Kháo Sơn

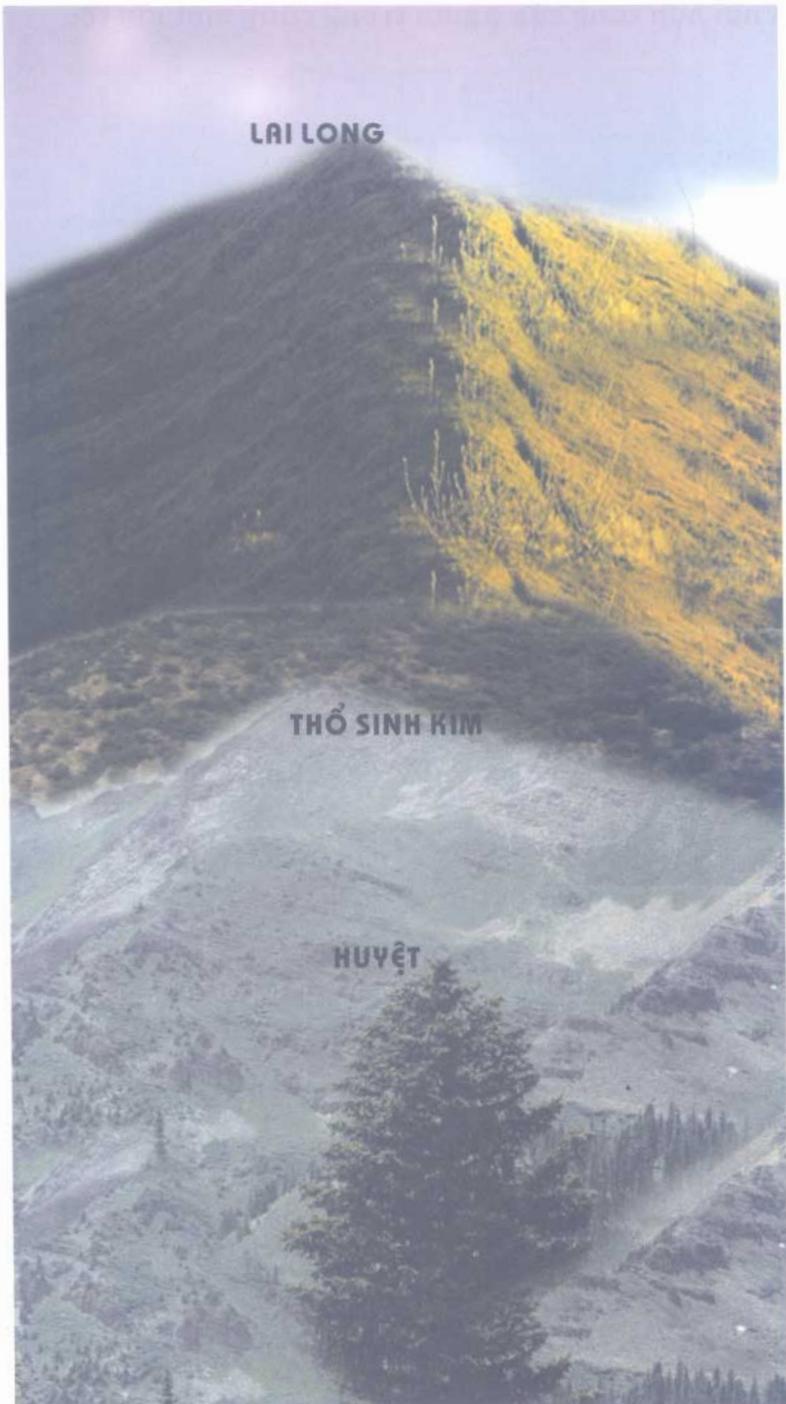


Lai Long khá nhỏ, Thổ tinh lại xa dài, thêm vào đó Thổ sinh Kim tinh đầy đặn, rộng rãi, cao lớn, cho nên kết huyệt tại chân Thổ, lấy Thổ Kim tinh làm Kháo Sơn.



Huyệt chân Thổ sinh Kim

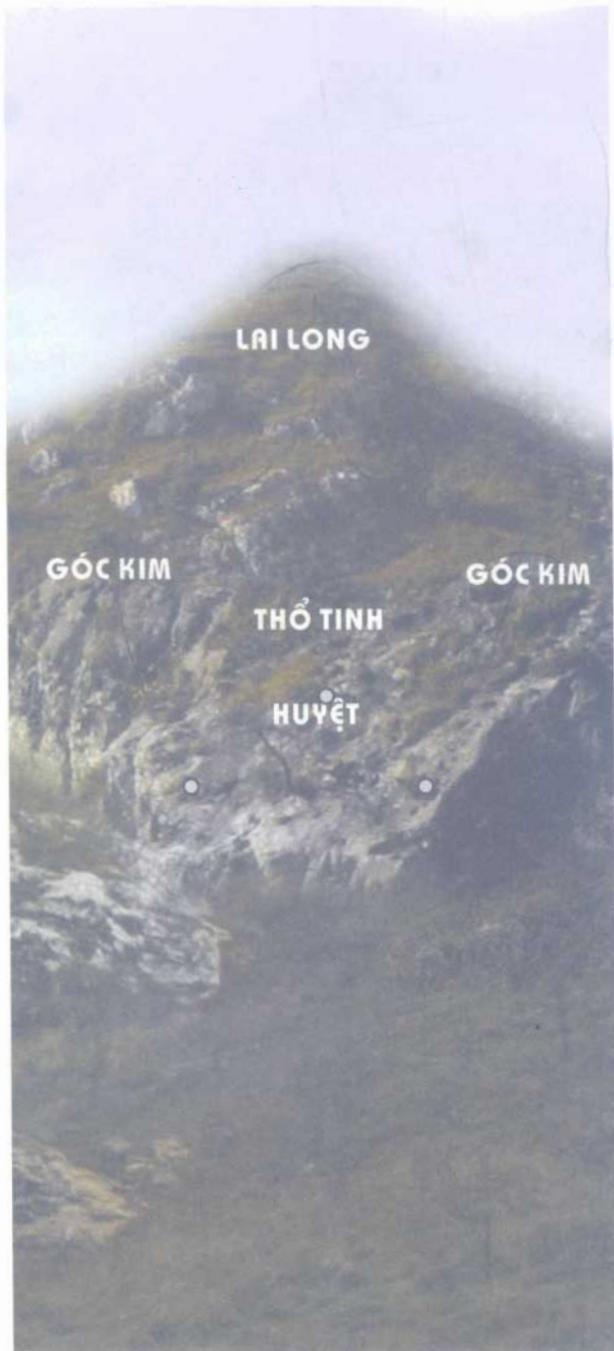
Thổ tinh lạc mạch, lại thắt hầu nổi Tinh đỉnh, Mạch xuất lại xuyên Trưởng, đồng thời Thổ sinh Kim, vì thế phải kết huyệt phía trên Tinh Bào hình Kim sinh ra bởi Thổ tinh.



Huyệt Thổ sinh Kim Bào

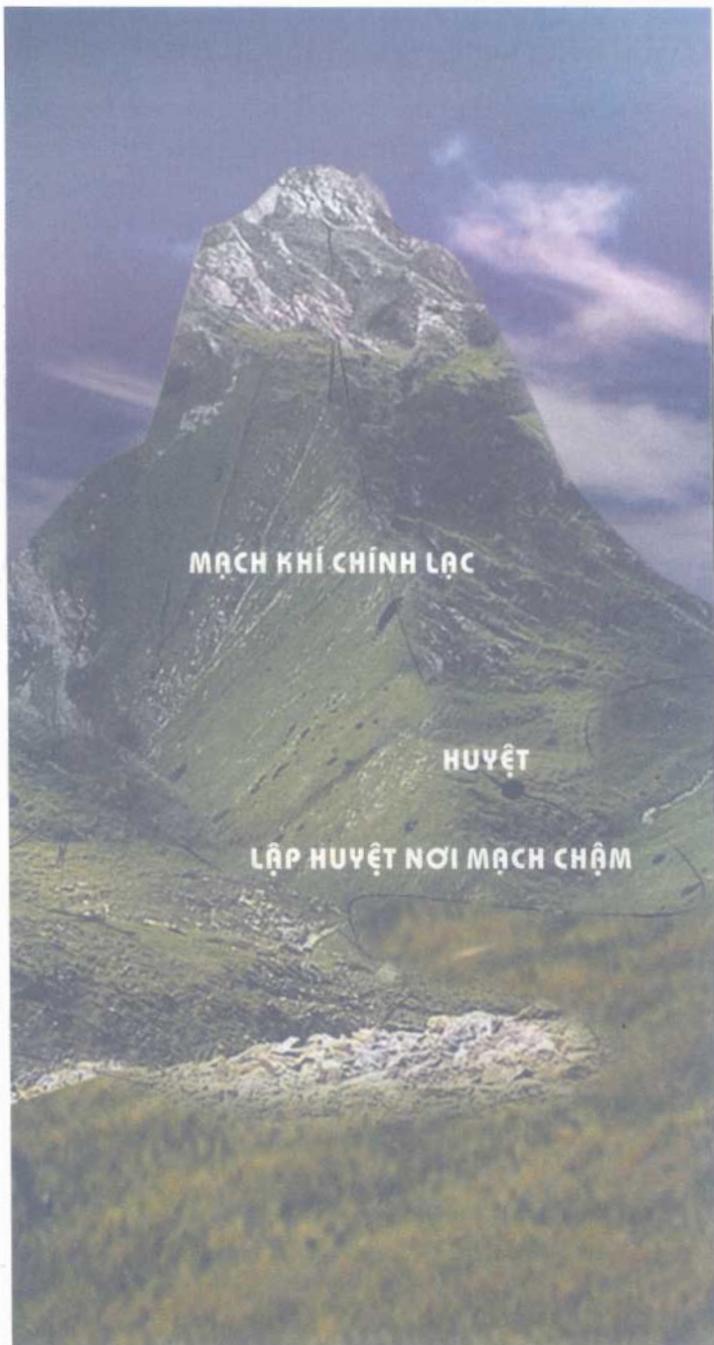


Huyệt này gọi là Song yến thương lương, giống như cặp mắt của con cua, chỗ kết huyệt phải có tiểu Long Hổ bao bọc, bên ngoài lại có đại Long Hổ bảo vệ, không thể chôn cất trên vị trí Thổ. Kết huyệt phải lấy Tinh đinh nhô lên hai bên mình cua làm Kháo Sơn, có thể làm hai huyệt, phần lớn dùng làm nơi hợp táng của người trong cùng một gia tộc.



Kết huyệt hai bên mình cua

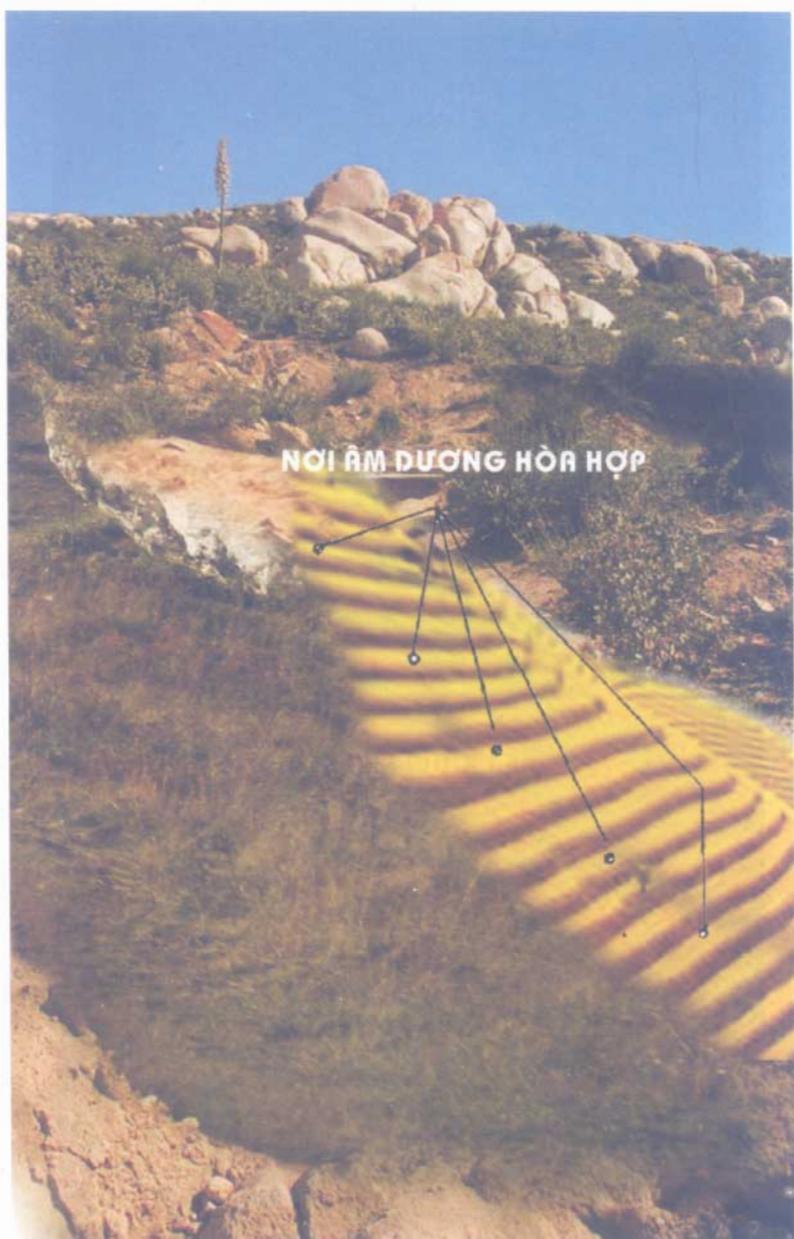
Đây là Mộc tinh Hỏa mạch, Long nhập thủ Lạc mạch, thế của khí mạnh mẽ thì có thể lập huyệt nơi mạch chậm rãi. Bên môi thè lưỡi nhọn hình Hỏa, huyệt ở trước Hỏa mạch, lại trở thành vị trí Huyền Vũ, biến thành Mộc tinh mang mạch Hỏa có sát khí, muốn đề phòng khí lọt ra thì phải cắt bỏ lưỡi Hỏa.



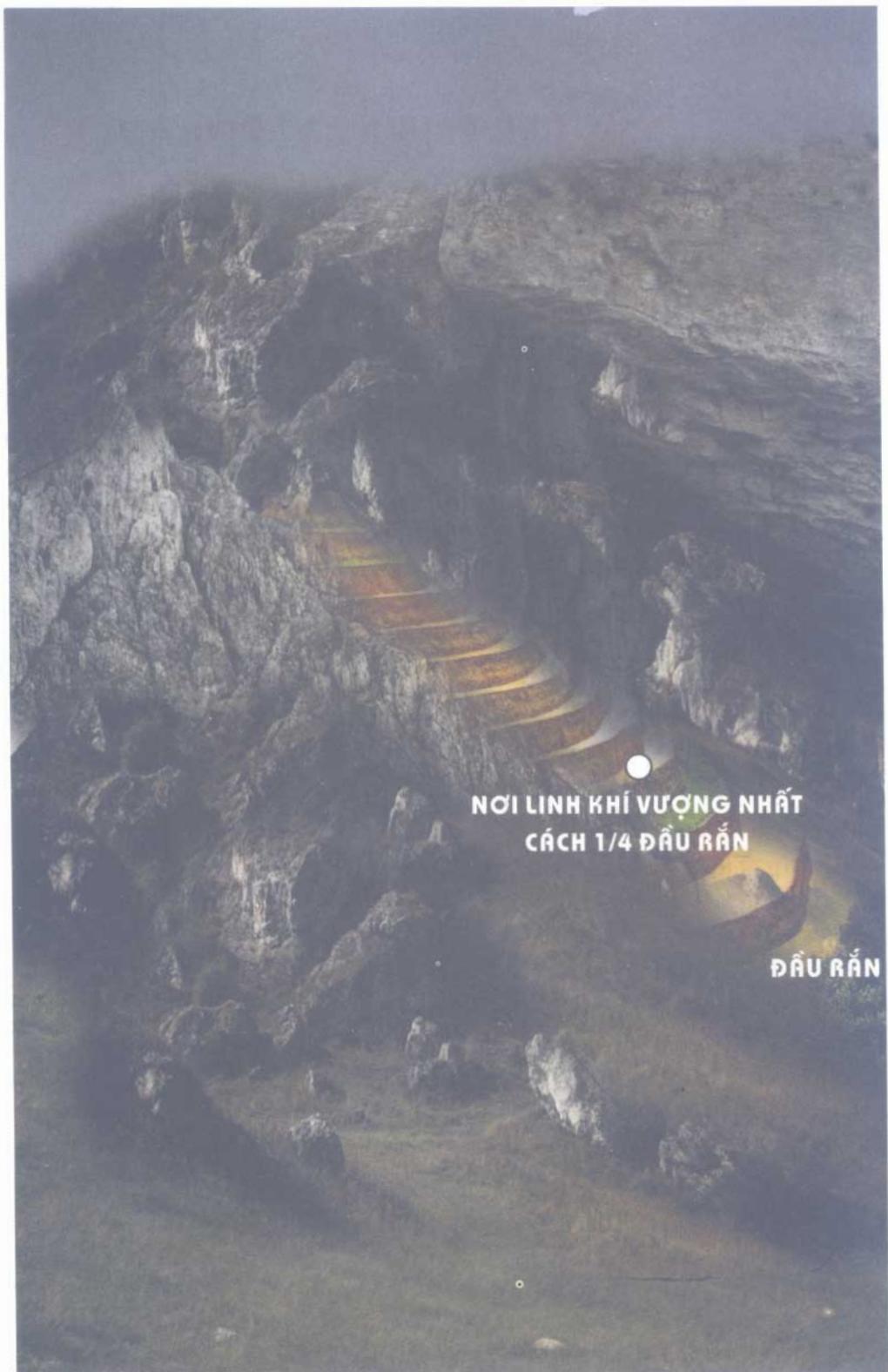
Mộc tinh Hỏa mạch, cắt lưỡi lập huyệt



Bố cục của huyệt này gọi là Mộc tinh đảo địa, hình dáng dài, một đầu hẹp, một đầu rộng, thuộc hình Mộc, điểm chôn cất nằm trên phần Mộc hoặc chỗ Âm Dương hòa hợp, làm cho trong lõm có điểm lồi, trong lồi có lõm, giống như Âm Dương giao cấu, tạo dựng đời sau. Nếu hình thế mềm mại uốn lượn như con rắn thì phải kết huyệt nơi đầu rắn (khoảng 1/4 của thân từ đầu xuống), vì khí chỗ này vượng nhất. Sinh khí vượng thì chắc chắn khí của thai nhi cũng vượng (xem hình A, B).



A. Âm Dương hòa hợp



B. Khi vượng





NGŨ TINH PHƯƠNG VỊ SINH KHÁC

Hướng Đông là phương vị vượng Mộc. Mộc tinh ở hướng Đông được vượng khí, vì thế chỗ kỳ diệu của Mộc chính là ở hướng Đông, nếu ở vào hướng Bắc thì sẽ nhận sinh vượng của Thủy, là được khí. Nếu ở vào hướng Tây thì là khắc Kim, mất khí, nếu ở vào hướng Nam tức là Mộc sinh Hỏa (Long phương hỏa vượng), bị tiết Mộc khí.

Hướng Nam là phương vị vượng Hỏa. Hỏa tinh ở vào hướng Nam, được vượng khí, vì thế Hỏa phát nóng ở hướng Nam. Hướng Đông và Đông Nam vượng Mộc, Hỏa tinh ở vào hướng Đông, Đông Nam thì nhận sinh vượng của Mộc, sẽ được vượng khí, còn ở hướng Bắc thì vượng Thủy, Hỏa tinh ở vào hướng Bắc thì sẽ khắc Thủy, khí sẽ bị suy.

Hướng Tây là phương vị vượng Kim. Kim tinh ở vào hướng Tây, được vượng khí, vì thế Kim khí ở hướng Tây là quý. Ở trung tâm mà nhận sinh vượng của Thổ thì sẽ được khí, hướng Nam hỏa vượng, Kim tinh ở vào hướng Nam bị khắc mà khí hao. Hướng Bắc vượng Thủy, Kim tinh ở hướng Bắc, Kim sinh Thủy, tiết vượng khí của Kim.

Bắc là phương vị vượng Thủy. Thủy tinh ở hướng Bắc được vượng khí, vì thế sự thịnh vượng của Thủy ở hướng Bắc. Hướng Tây vượng Kim, Thủy tinh ở hướng Tây thì Kim sinh Thủy vượng, là được khí. Ở trung tâm vượng Thổ, Thủy ở trung tâm bị khắc chế mà thoát mất khí. Hướng Đông, Đông Nam vượng Mộc. Thủy tinh ở vào hai hướng này thì Thủy sinh Mộc, tiết vượng khí của Thủy.

Trung tâm là phương vị vượng Thổ. Thổ tinh ở trung tâm thì vượng khí, do đó đại đức của Thổ ở trung tâm. Hướng Nam Hỏa vượng, Thổ ở vào hướng Nam thì được khí sinh vượng. Hướng Đông và Đông Nam vượng Mộc, Thổ tinh ở vào hướng này vượng Mộc thì bị khắc mà suy khí. Hướng Tây vượng Kim, Thổ tinh ở hướng Tây, Thổ sinh Kim, tiết vượng khí của Thổ.

Hình thể của các Tinh nếu mất vị trí thì phải xem bốn phía xung quanh có Tinh tương trợ hoặc có Tinh khắc chế, Tinh đối địch hay không mới có thể dùng. Ví dụ, Kim ở hướng Nam, bị Hỏa khắc chế, nếu được Thổ tinh sinh vượng tương trợ hoặc được Thủy tinh khắc chế Hỏa tinh, có thể hóa hung thành cát.





NGUYÊN LÝ CỦA NGŨ TINH SINH KHẮC NÊN LUẬN THEO HÀNH ĐỘ TOÀN PHƯƠNG VỊ

Phân này nói tới sự biến hóa của sinh khắc và hành độ của Ngũ tinh. Âm phân và Dương trạch có lúc khiến cho gia chủ gặp thất bại trước, rồi mới chuyển sang hưng thịnh. Gia cảnh phú quý phần lớn vì Mộc tinh kết huyệt mà bị khắc chế, ban đầu gặp hung, sau đó Long được Thủy tinh đến sinh Mộc, mới hóa hung thành cát.

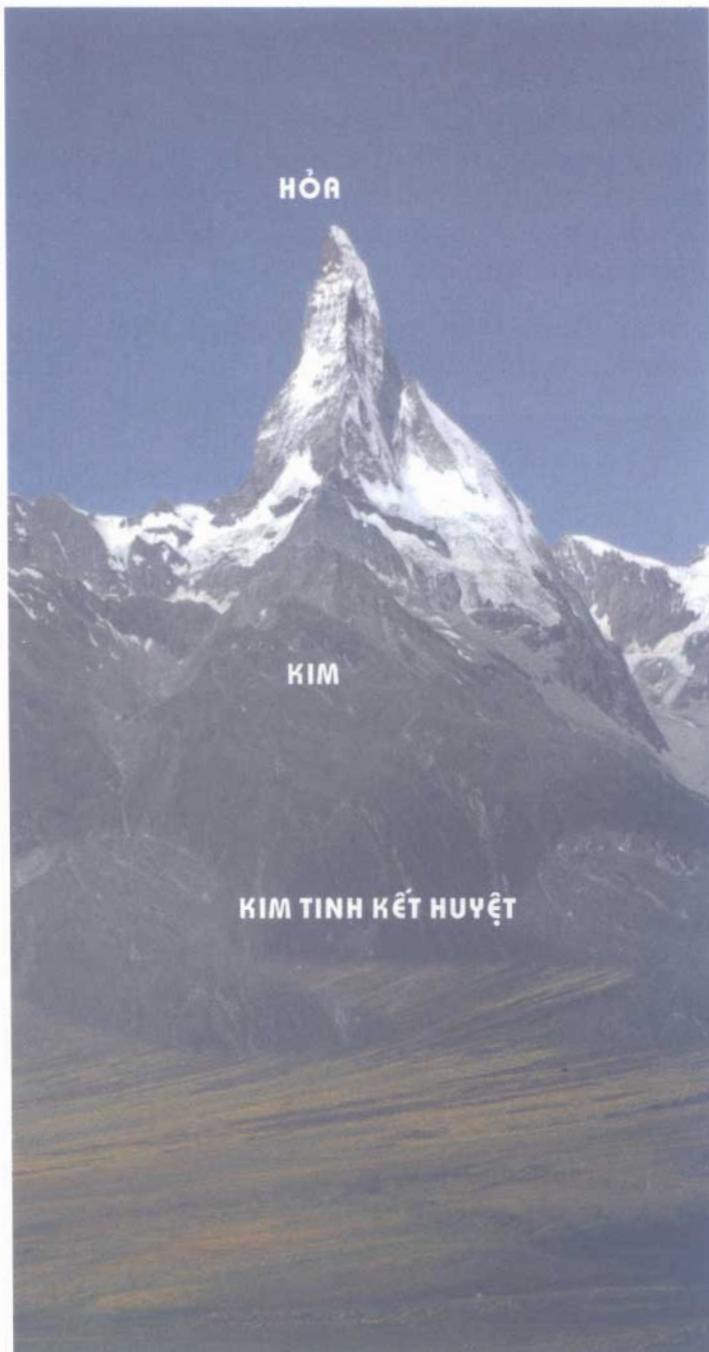
1. Vì Mộc tinh cao lớn, lập huyệt lạc mạch nhọn cứng, bản thân đã mang sát khí, nếu Long Hổ Sa đều là Mộc, Minh Đường không rộng rãi, thoải mái. Đến thoát tạp khí hoặc chân Hỏa kéo dài, ban đầu chôn xuống thì sẽ chịu sát khí, khiến thế cục không cân, ban đầu bị bại, sau đó hành Long nhận Long khí của Kim tinh sẽ sinh Thủy tinh, Thủy tinh lại đến sinh Mộc nên gia nghiệp phục hồi và thịnh vượng nhanh chóng, cho nên chọn huyệt phải dùng sức của thừa Kim, chọn Kim tinh làm Kháo Sơn.



Ban đầu thất bại, sau đó dần dần hưng thịnh là nhờ Thủy tới sinh Mộc



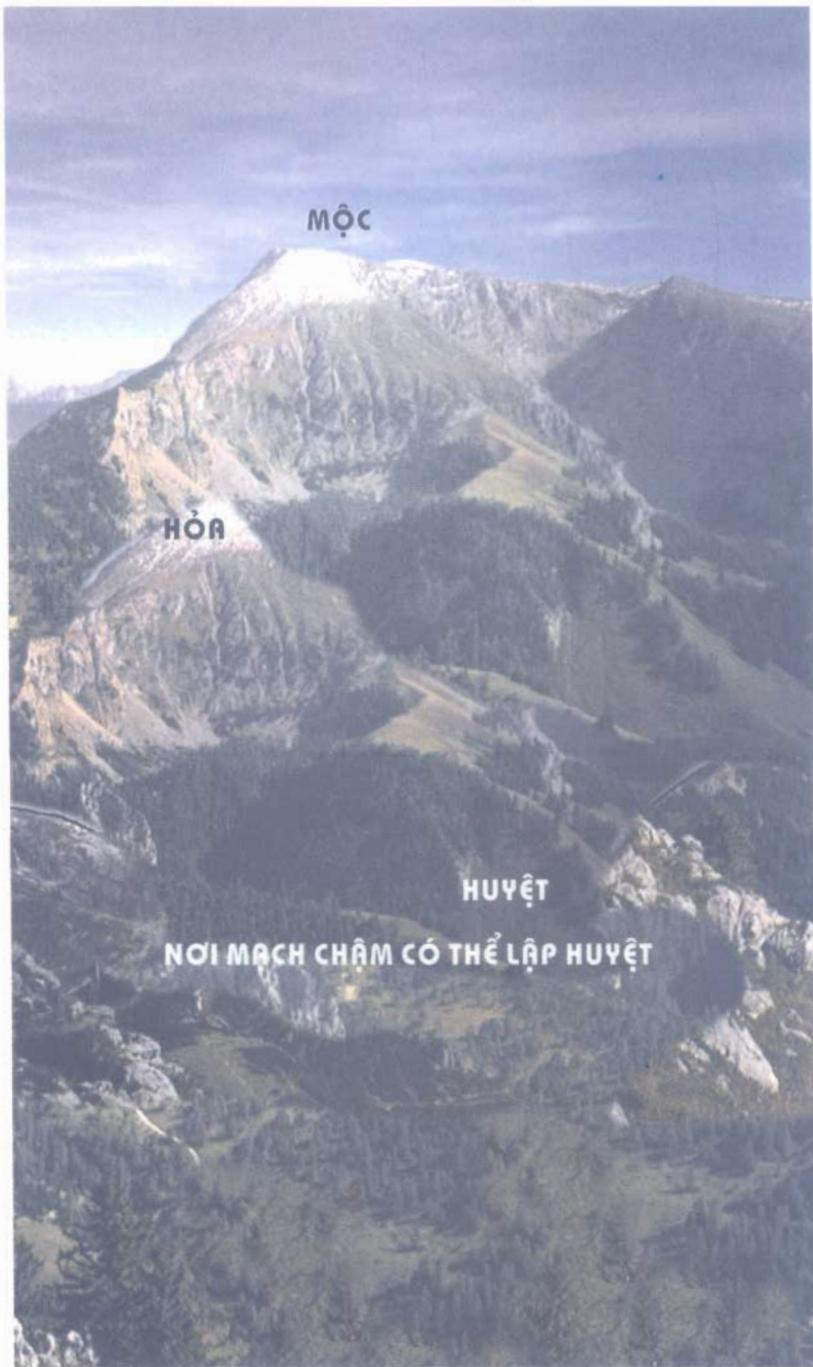
2. Kim tinh kết huyệt, thế cục đẹp đẽ, khởi đầu đại cát, tiếp đến Long găp Hỏa tinh khắc chẽ Kim tinh ắt chuyển cát thành hung, vì thế ban đầu vinh hoa phú quý, mà cuối cùng lại nghèo khổ khốn đốn, gia cảnh suy tàn, con cháu phải tha phương.



*Mở đầu vinh hoa phú quý, cuối cùng nghèo khổ,
khốn đốn là vì Hỏa tới khắc Kim.*



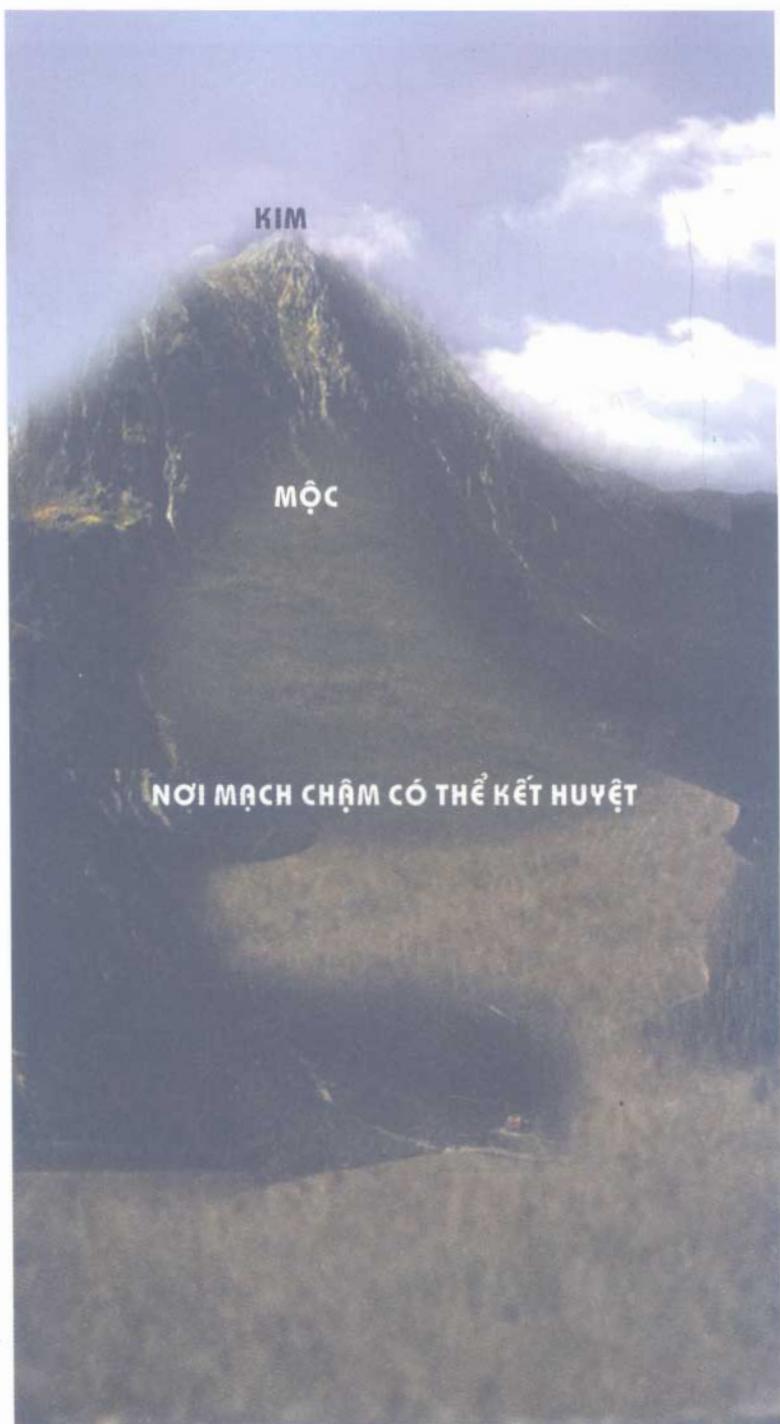
3. Mộc tinh làm Long tổ, Hỏa tinh làm Sơn huyệt, Mộc sinh Hỏa vượng, khí thế tương thành, về lý là thuận, gia cảnh phú quý, con người coi trọng lễ nghĩa.



Mộc sinh huyệt Hỏa, chủ nhân là người giàu có đức độ.



4. Kim tinh làm núi mẹ, Mộc tinh làm núi con tạo thành huyệt Sơn. Kim khắc Mộc, khí gây tổn thương lẫn nhau, về lý là nghịch, ban đầu chưa thấy hung, nhưng rồi sẽ phải gặp hạn.



Kim khắc Mộc là huyệt hung

Ngoài hình trạng ra, sinh khắc của Ngũ tinh cũng nên luận theo phương vị hành độ, như:

Kim tinh kết huyệt, tọa tại Bắc hướng Nam, Hỏa tinh tại Bắc, Hỏa tinh không thể khắc Kim, vì Hỏa bị Thủy khắc chứ không thể khắc Kim.

Mộc tinh tọa Nam hướng Bắc, Kim tinh không thể khắc Mộc tại hướng Nam, vì Kim bị Hỏa khắc ở phía Nam và không đủ lực khắc Mộc.

Thủy tinh tọa Đông hướng Tây: Không sợ Thổ hướng Đông đến khắc, vì Thổ bị Mộc khắc mà không còn đủ lực khắc Thủy.

Hỏa tinh tọa Đông Bắc hướng Tây Nam, không sợ Thủy tinh đến khắc vì Thủy bị Thổ khắc nên không thể khắc Hỏa.

Thổ tinh tọa Tây hướng Đông, không sợ Mộc tinh hướng Tây đến khắc, vì Kim khí ở hướng Tây khắc Mộc tinh, Mộc không còn sức khắc Thổ.

Ngũ tinh có tương sinh thì thành nơi kết đẹp, có tương khắc thì thông thường thành nơi không thể kết huyệt, nhưng cũng có trường hợp có tương khắc mà vẫn có thể trở thành nơi kết huyệt, đó là phương pháp "thay đổi nguyên lý thông thường". Ví dụ như trong trường hợp là Kim, nếu Kim không được rèn qua lửa thì không thể trở thành công cụ, Mộc không được Kim đẽo gọt thì không thành nguyên liệu, Thủy không được Thổ ngăn chặn thì sẽ chảy mãi không ngừng, Hỏa không bị Thủy chế ngự thì lửa hoang sẽ đốt cháy hết, Thổ không được Mộc khai thông ắt tắc nghẽn. Kim được Hỏa luyện mà thành tinh khí, Thủy được Thổ dẫn đường mà không chảy lung tung, Hỏa được Thủy ngăn lại, Thổ nhờ Mộc mà được khai thông, đó là kết quả của tương khắc.

Theo quan hệ thịnh suy của Ngũ tinh, Kim thịnh thì Hỏa suy, Thủy thịnh ắt Thổ kém, Hỏa thịnh thì Thủy khô, Thổ thịnh ắt Mộc bị chôn vùi, Mộc thịnh thì Kim kiệt quệ. Mộc yếu không sinh Hỏa, Thủy yếu không sinh Mộc, Thổ yếu không sinh Kim, Kim yếu không sinh Thủy, Hỏa yếu ắt không sinh Thổ.

Mộc mạnh không sợ Kim khắc, Kim mạnh không sợ Hỏa khắc, Hỏa mạnh không sợ Thủy khắc, Thủy mạnh không sợ Thổ khắc, Thổ mạnh không sợ Mộc khắc. Ngũ tinh yếu thì tất mạnh lên, còn đang mạnh thì tất sẽ yếu đi để được trung hòa, nếu mạnh yếu trung hòa thì không cần phải khắc tiết và sinh phù. Tuy nhiên, nếu không hiểu nguyên lý của sinh khắc, không biết cách vận dụng thì tuyệt đối không thể dùng bừa thuật biến thông.





ỨNG NGHIỆM CỦA NGŨ TINH TẠI PHƯƠNG VỊ

Về cơ bản có một số ứng nghiệm sau hay được nhắc đến:

1. Thủy tại cung Khảm thì xuất hiện Phong trì thân quý: Cung Khảm chỉ vị trí Tý ở hướng Bắc, Phong trì chỉ những vị trí cao quý như trạng nguyên, phò mã, tể tướng. Hướng Bắc Thủy vượng, Thủy tinh tại phương này kết huyệt được Thủy chính khí, định ra thị thần quý nhân, Thủy tinh tươi đẹp, hành Long mềm mại, lại được Thủy Hỏa đều đẹp, chính là tượng trưng quân thần tụ hợp.

2. Kim ở tại vị trí Đoài thì Ô phủ danh cao: Ô phủ chính là Sứ đài Đoài vị, tức hướng Tây (tại Mộc). Hướng Tây vượng Kim, Kim kết huyệt tại cung Đoài ở hướng Tây, được Kim chính khí thì chắc chắn sẽ có người làm to, có thể được ghi danh vào sử sách. Kim tinh ngay ngắn, đẹp đẽ, lại có khí thúc sát, tay cầm quyền binh thì càng linh nghiệm. Nhưng phải phối hợp với Hình thế, mới có thể linh nghiệm, không nên chỉ câu nệ phương vị để lỡ mất thế cục.

3. Thổ vượng ngưu điền: Thổ là Tài tinh, hình trạng đầy đặn là đẹp, đa phần có thể ngồi không mà tài của vẫn sinh sôi nảy nở, Tinh cao lớn, vuông vức thì sinh ra nhân sĩ cao quý, còn thấp bé thì sẽ sinh ra kẻ bần nông.

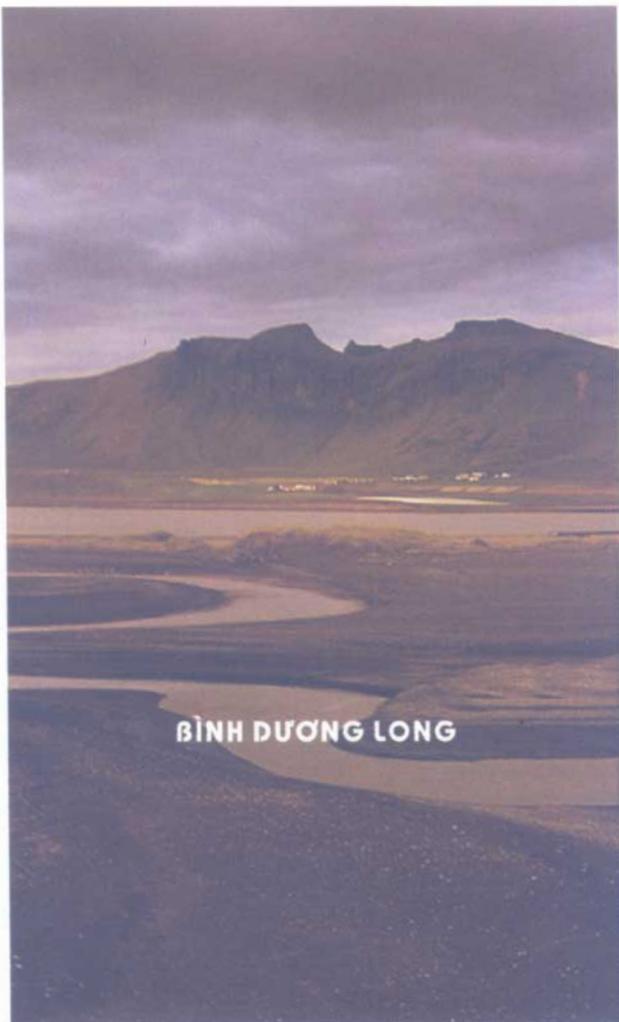
4. Mộc xuất văn sỹ: Mộc là khí màu tím, hình thể cao lớn, giống như măng tre, thì xuất quý nhân. Hình lại như Văn Bút thì sinh ra văn nhân, danh tiếng lẫy lừng, nếu thanh tú nghiêm trang thì cũng sẽ phát phúc và cao quý.





CÁCH CỰC HÌNH THẾ NGŨ HÀNH

1. Thủy tinh phần lớn ở tại đất bằng, rất kỳ diệu, hình dạng của Thủy uốn khúc, tính nhu, chảy xuống chỗ trũng, ở núi cao cũng có Thiên trì, nhưng đa phần là ở mặt bằng, hình thế như con rắn trườn, rất đẹp. Thủy phần lớn kết ở đồng bằng, khác với núi, núi cần lột xác, thế của Thủy tinh uốn lượn như con rắn, khác với Sơn Long, vì thế ở nơi đất bằng có thể hiện rõ hình thể linh hoạt của Thủy.



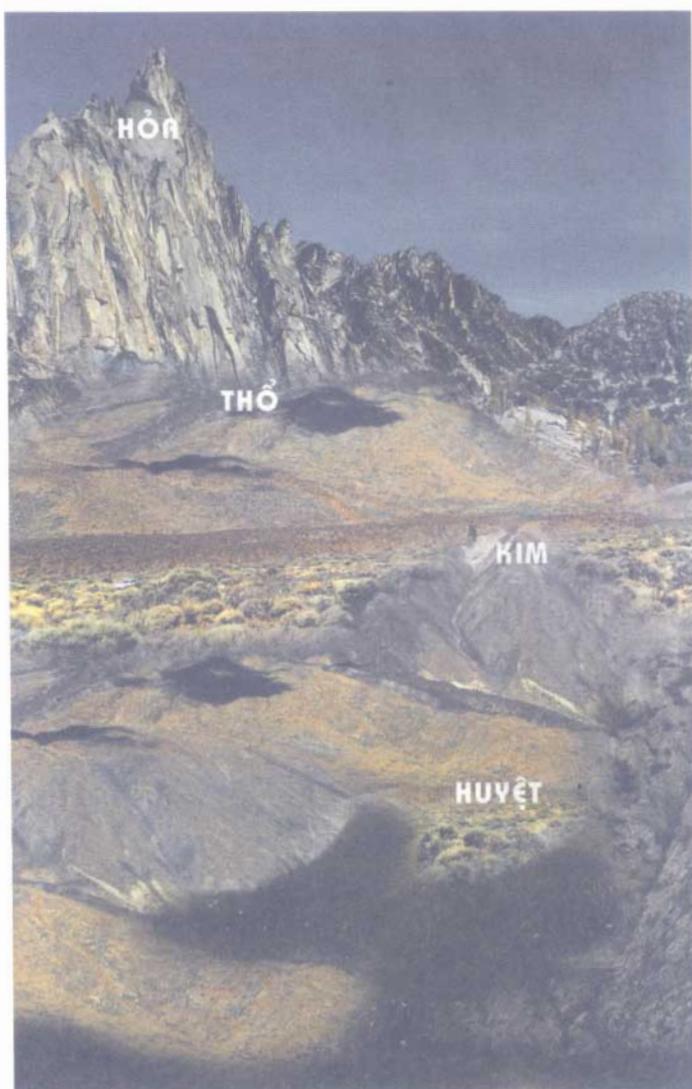
Như rắn khỏi hang, đẹp lạ thường



2. Hỏa tinh phần lớn xuất hiện ở núi cao, quý mà không có địch. Thể của Hỏa nhọn cao, tính khô cứng, đồng bằng cũng có Hỏa tinh đảo địa, nhưng nhiều nhất là ở núi cao. Hình như Long lầu bảo điện, tháp thân lăng tiêu, cực kỳ tôn quý, nằm ở núi cao mới hiện rõ tôn quý.

Hỏa tinh chỉ nên chọn làm núi tổ, chọn làm huyệt tinh ắt phải phòng sát, hơn nữa thăng nhanh mà bại cũng chóng.

Nếu chọn được Kim tinh làm Tinh đỉnh, cận Long lại là Thổ tinh, núi tổ là Hỏa tinh thì tất Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, có thể kết huyệt quý, nếu không có Thổ Sơn ở giữa, sát khí nặng thì không thể lấy Hỏa tinh để kết Huyệt lạc Mạch.



Kết huyệt quý

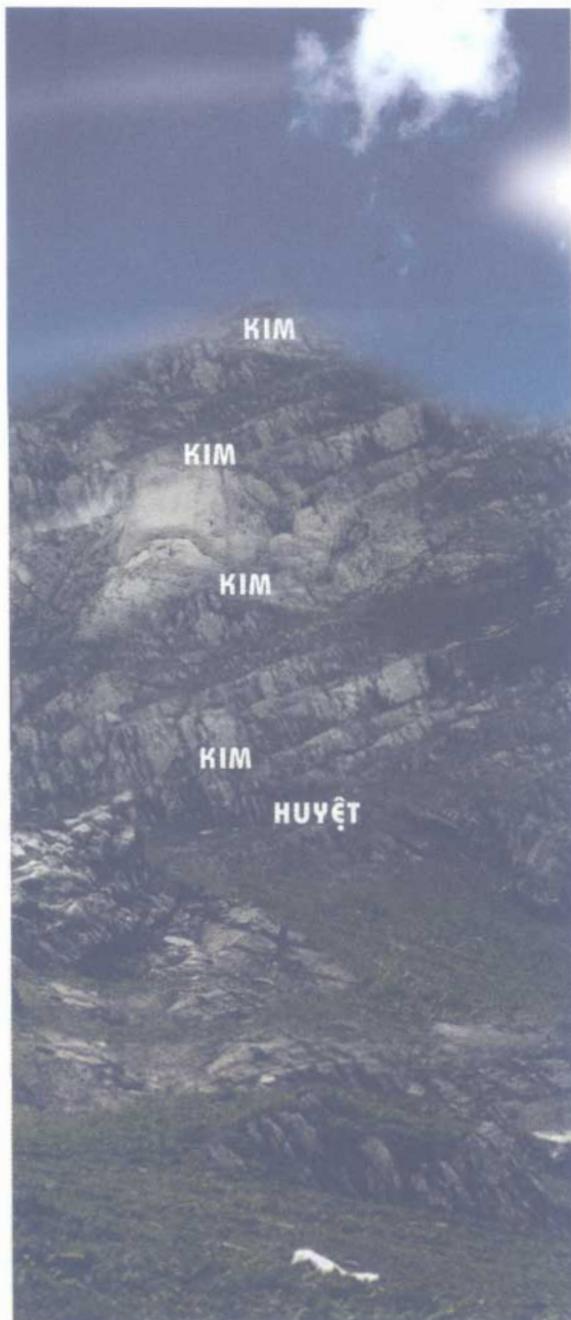
3. Mộc phải có đốt. Mộc tinh phải uốn khúc mang Thủy, ở giữa nhô lên như cành cây nhiều mấu, Mộc tinh quý cách, không thẳng cứng và không có sát khí. Mộc tinh có đốt là Long lột xác thoát sát, có thể kết huyệt, sinh ra người cao quý.



Mộc phải có đốt



4. Kim quý liên châu. Kim tinh quý ở chỗ có nhiều mấu (bong bóng) nối liền nhau thành chuỗi (giống chuỗi ngọc trai), hình thế đẹp đẽ, tinh tế mà không thô lỗ, không ác khí là quý nhất. Song nhớ rằng, không được lạm dụng Ngũ thể của Tinh để tránh rơi vào hỗn tạp.

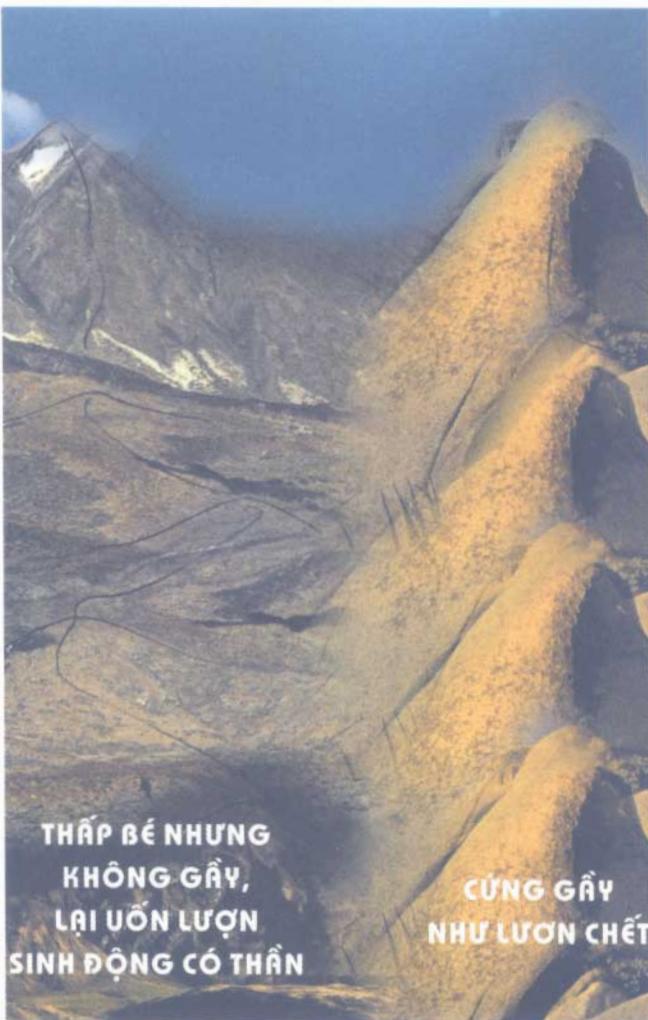


Kim quý liên châu



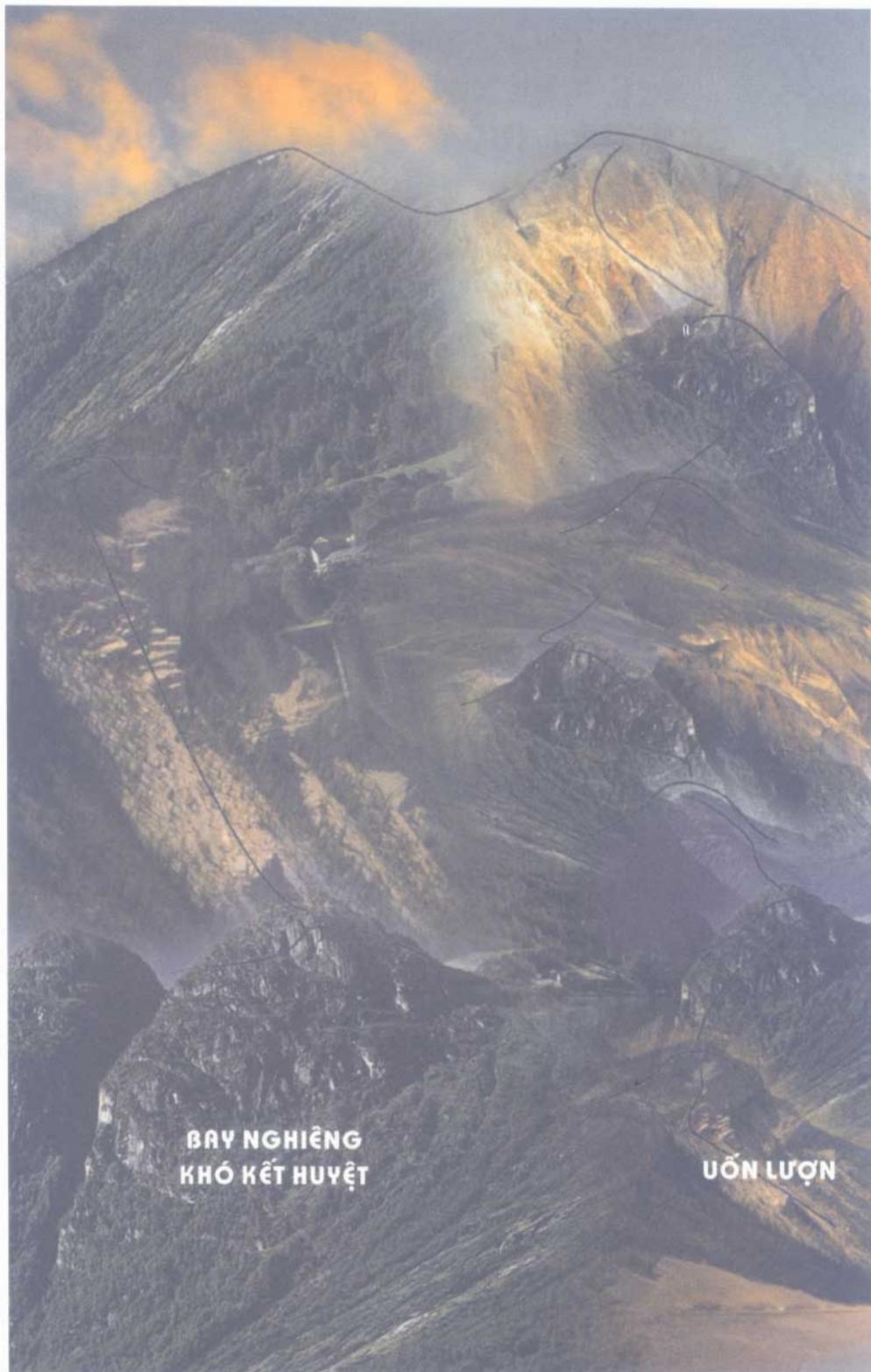
NGŨ TINH KHÁC BIỆT VỀ HÌNH THỂ, SONG LẠI TƯƠNG ĐỒNG VỀ CHUẨN TẮC

Ngũ tinh quý ở chỗ uốn lượn quanh có như rồng như rắn, dù lớn như rồng hay bé như rắn đều không quan trọng, quan trọng là phải sống động thì mới quý. Còn nếu cứng nhắc như cá như lươn chết thì lại bần hàn, là tiện Long tiện Tinh. Hình thế đây đặn là đẹp, tuy thấp bé nhưng vẫn có thể dùng được, song không được quá gầy, gầy là xấu. Nếu bị phạt mất hai bên thì không có sinh khí. Lấy linh hoạt là cát, tuy gập khúc nhưng không xấu, phải cao thấp đồng đều và cân bằng bốn phía.



Rắn sống và lươn chết





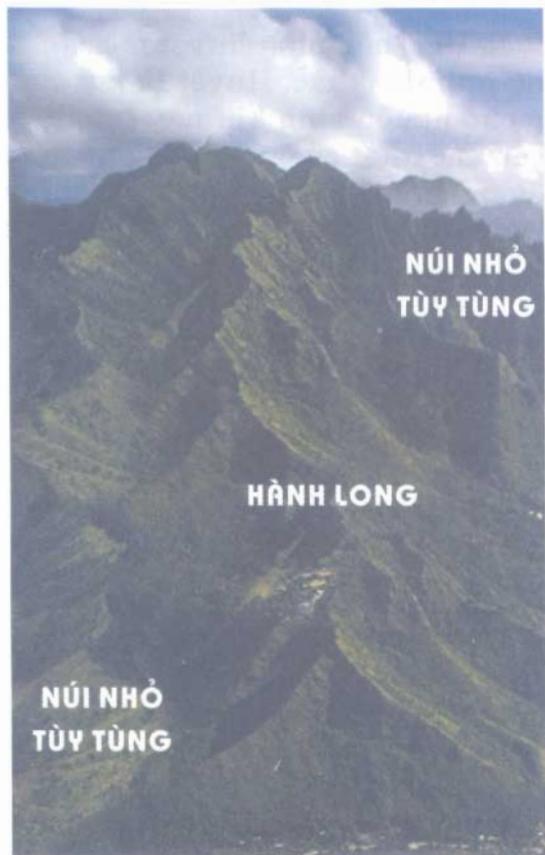
Bay nghiêng khó kết



SAO TỐT LÀ CÓ NHIỀU SAO NHỎ KÈM THEO

Người có đức thì sẽ không bao giờ phải cô độc mà luôn có những người khác đứng bên cạnh. Vì vậy, muốn biết một người nào đó có đức hay không, bạn hãy xem những người đang đứng bên cạnh anh ta. Nếu mắt không tinh thì làm bất cứ việc gì cũng đều uổng công vô ích và kết quả cuối cùng sẽ chỉ là sự mơ hồ, khó nắm bắt.

Bốn phía của Hành long cao quý, tôn nghiêm đều có những Sa (núi nhỏ) bao quanh làm tùy tùng, cũng tương tự như những người có đức thì sẽ luôn có nhiều người ở bên cạnh ủng hộ, giúp đỡ vậy. Những núi nhỏ này càng nhiều càng chứng tỏ vùng đất này có nhiều quý khí. Mặt đất vốn đã được bố trí, sắp xếp như vậy rồi nhưng phải dùng nhãn lực để quan sát rất kỹ càng, tỉ mỉ và đưa ra nhận định sâu sắc, rõ ràng. Nếu mắt không tinh thì sẽ không thể nhìn nhận được sự khác biệt giữa quý và hèn, hữu tình và vô tình, xấu và tốt, chủ và khách, từ đó khiến mọi công lao đều trở nên vô nghĩa. Muốn nhập sơn, trước hết cần tim Thủy Khẩu, muốn đăng huyệt cần xem Minh Đường. Nếu ở Thủy khẩu có nhiều núi nhỏ có liên quan (Sa) thì sẽ biết được bố cục của Minh Đường, nhận định được huyệt tinh thủy tụ ở chỗ nào. Sau đó sẽ tiếp tục phán đoán về Lai Long để biết được Tiên Sa Án Phong có Huyệt trường bao quanh, hậu Sơn có thể dựa vào được hay không. Tất cả những nhận định này đều cần rõ ràng, minh bạch, không thể có sự nhầm lẫn, mơ hồ hay nhận nhầm Huyệt tinh, Huyệt trường bởi từ cái sai của mình có thể dẫn tới cái sai của người.



Núi nhỏ tùy tùng



3.4 LONG HỒ

NGUYÊN TẮC CỦA NÚI THÀNH VÀ BẠCH HỒ

Lai Long cần lột xác, Thanh Long, Bạch Hồ phải rõ ràng. Hoặc là Hồ đi Long về, hoặc là Long đi Hồ về. Quay về không nên ép sát vào Huyệt, còn quay đi cũng cần quay đầu lại. Nếu đi thẳng, không có rào cản, dễ bị chết ở bên ngoài hoặc bại tuyệt.

(1). Đá là khung xương của Long mạch. Long mạch phải nhờ vào sự nâng đỡ của núi đá thì mới có thể trở nên cao lớn sừng sững và thay đổi hình thế rất nhiều lần.

Núi Thanh Long ở bên trái và núi Bạch Hồ ở bên phải huyệt mộ cần có hình thế rõ ràng, dễ phân biệt với những núi nhỏ khác. Huyệt là nơi sinh khí tụ hội, đường nước có tác dụng giúp cho nguồn sinh khí này lưu động tốt hơn. Phía trước Tiểu Minh Đường, điểm mờ nhất của nơi đường nước và đất tương giao với nhau (đường nước thường ẩn hiện khó nhận biết) chính là Thủỷ khẩu. Thủỷ giới hợp tại phía trước Huyệt. Vì Âm sa ở bên trái và bên phải của Huyệt giao nhau ở phía trước Minh Đường nhưng lại không lộ diện rõ ràng nên Dương sa nhìn thấy được và Âm sa không nhìn thấy được ở bên phải và bên trái của Huyệt được gọi tên là Long Sa, Hồ Sa.

Nguyên thần thủy và các đường nước khác chảy quanh Huyệt thường có xu hướng quay về Long Hồ. Nếu Long Hồ không ôm hết được đường nước và các đường nước đều chảy xuôi dòng thì sinh khí sẽ không bao quanh được hết Huyệt trường. Ngược lại, nếu Long Hồ và Nguyên thần thủy có hướng ngược nhau thì sinh khí sẽ bao quanh được hết toàn bộ Huyệt trường.

Thanh Long và Bạch Hồ ở bên trái và bên phải Huyệt mộ cũng giống như hai tay của con người vậy: Hai cánh tay trên giơ ra che chắn để giữ gió lại ở phía trong, hai bàn tay vươn ra thu nước vào trong Đường. Huyệt và nước phải kê đúng vào Long Hồ Sa ở hai bên huyệt thì mới phát huy được hết tác dụng của mình. Nếu Long Hồ Sa ôm vòng hoặc có phần đầu và phần đuôi ngược hướng với nhau thì sẽ làm nước trong huyệt mộ bị thoát ra

bên ngoài.

Nhân tố bảo vệ Huyệt trường là ở chỗ Long Hổ Sa ôm vòng, nhân tố hấp thu nước chính là các ngón tay của Long Hổ Sa (những phần đầu nhọn nhô ra của hai ngọn núi). Trong các sách cổ có viết: Nếu muốn xem Long Hổ Sa, hãy quan sát thật kỹ phần chân núi. Phần chân núi của Long Hổ Sa vươn ra các phía tựa như những móng vuốt của Rồng hay Hổ và cũng tương tự như những ngón tay của mỗi người.

Long và Hổ có cách cục, sinh xuất khác nhau. Cũng có lúc cả Long và Hổ đều xuất phát từ hai bên Huyệt tinh và ôm vòng lấy huyệt mội làm một chính thể. Dưới đây là một số cách cục chủ yếu của Long và Hổ.

1. Chính thể và Bản thể cách (xem hình). Chính thể có hình dạng và đặc điểm như phần đã trình bày ở trên. Bản thể cách bản thân nó không phải là Long Hổ Sa mà là mượn những núi nhỏ ở cách một đường nước để bảo vệ nên gọi là Bản thể. Tuy bản thân nó không phải là Long Hổ để hấp thu đường nước nhưng nếu Tinh thể doan chính, Thiên nguyên khí thuần nhất, nếu Quý nhân tọa kinh, bốn phía trước sau phải trái đều có nhiều núi nhỏ hộ vệ thì núi bên ngoài cũng được ví như Long Hổ, đường nước bên ngoài tụ lại ở phía trước Đường, Huyệt hấp thu được Vượng khí từ phía trước đến. Lúc này, tác dụng của Bản thể cách thậm chí còn lớn hơn ban đầu. Những dãy núi lớn hoặc nơi đất bằng rộng lớn thường kết rất nhiều Bản thể cách. Vì vậy, chúng ta không thể dựa vào lý do vì Bản thể cách không có Long Hổ Sa mà xem nhẹ hoặc lờ đi nhân tố này.



A. Chính thể cách





B. Bản thể cách

2. Tả hữu đan đê: Long và Hổ đều xuất phát từ hai bên Huyệt tinh nhưng một bên hướng về phía trước còn một bên lại hướng về phía sau. Hình thế này của Long Hổ Sa được gọi là Tả hữu đan đê.



Tả đan đê



Hữu đan đê

3. Đan đê biến thể: Một bên của Long Hổ Sa xuất phát từ Huyệt tinh, bên còn lại tương phối với núi ở bên ngoài. Hình thế này của Long Hổ Sa được gọi là Đan đê biến thể.





Dan đê biển thể

4. Tả hữu tiên cung: Long ôm vòng, Hổ thu gọn hoặc Hổ ôm vòng, Long thu gọn. Hình thế này của Long Hổ Sa được gọi là Tả hữu tiên cung. Nhân tố ôm vòng và vươn lên phía trước được gọi là Tả tiên cung, nhân tố lui về phía sau được gọi là Hữu tiên cung hay Cung giác.



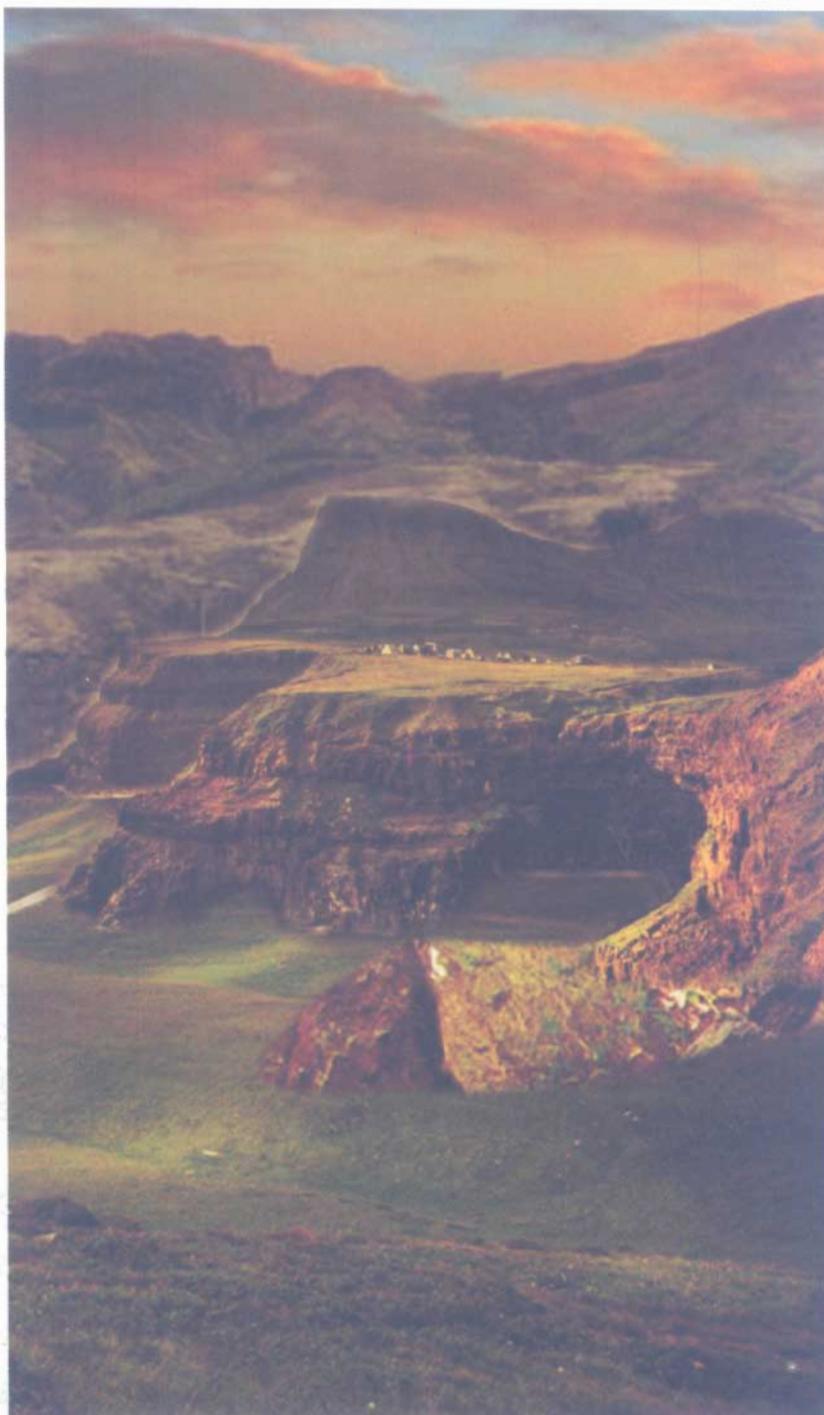
Hữu tiên cung



Tả tiên cung



5. Một phần thân của Long Sa vươn tới Hồ Sa hoặc một phần thân của Hồ Sa vươn tới Long Sa. Hình thế này của Long Hồ Sa được gọi là Tả hữu nữu hội.



Tả hữu nữu hội

Các cách cục nêu trên đều có các nhân tố Long Hổ Sa thuộc dạng một ở trước một ở sau hoặc một thân một sờ (nhân tố xuất phát từ bản thân Huyệt tinh là thân, nhân tố xuất phát từ một núi khác ở bên cạnh là sờ), một ngắn một dài, một vươn dài một co lại. Tuy hình thế của các dạng Long Hổ này đôi khi không cân bằng, bị lệch về một phía nhưng nếu có thể ôm gọn được đường nước một cách thành công thì tác dụng của những Bản thể cách đó cũng tương đương với tác dụng của Chính thể. Thanh Long cần uốn lượn và ôm vòng lại. Bạch Hổ cần nhấp nhô ôm vòng tỏ ý hoan nghênh. Thanh Long và Bạch Hổ có hình thế như trên mới được đánh giá là tốt đẹp. Nơi đường nước đến không được quá dài và phải có La tinh lấp Thủy khẩu. Đường nước đi không được quá ngắn và quá gấp. Đường nước tốt nhất là khi đứng trước Huyệt đường sẽ không nhìn thấy Thủy khẩu. Quay lưng vô tình, lõm thấp đón gió, nhọn sắc quá mức đều là những dạng hung tướng của Thanh long, Bạch Hổ. Vì vậy, Thanh Long và Bạch Hổ rất cần có sự tường minh. Cũng có những thời điểm một phía của Thanh Long nhô lên thành đồi, một phía của Bạch Hổ lại hơi lõm sâu xuống dưới. Hình thế này của Long Hổ Sa được gọi là Tả điệp chỉ. Ngược lại, nếu một bên Bạch Hổ nhô lên thành đồi, một phía Thanh Long hơi lõm sâu xuống dưới sẽ được gọi tên là Hữu điệp chỉ.

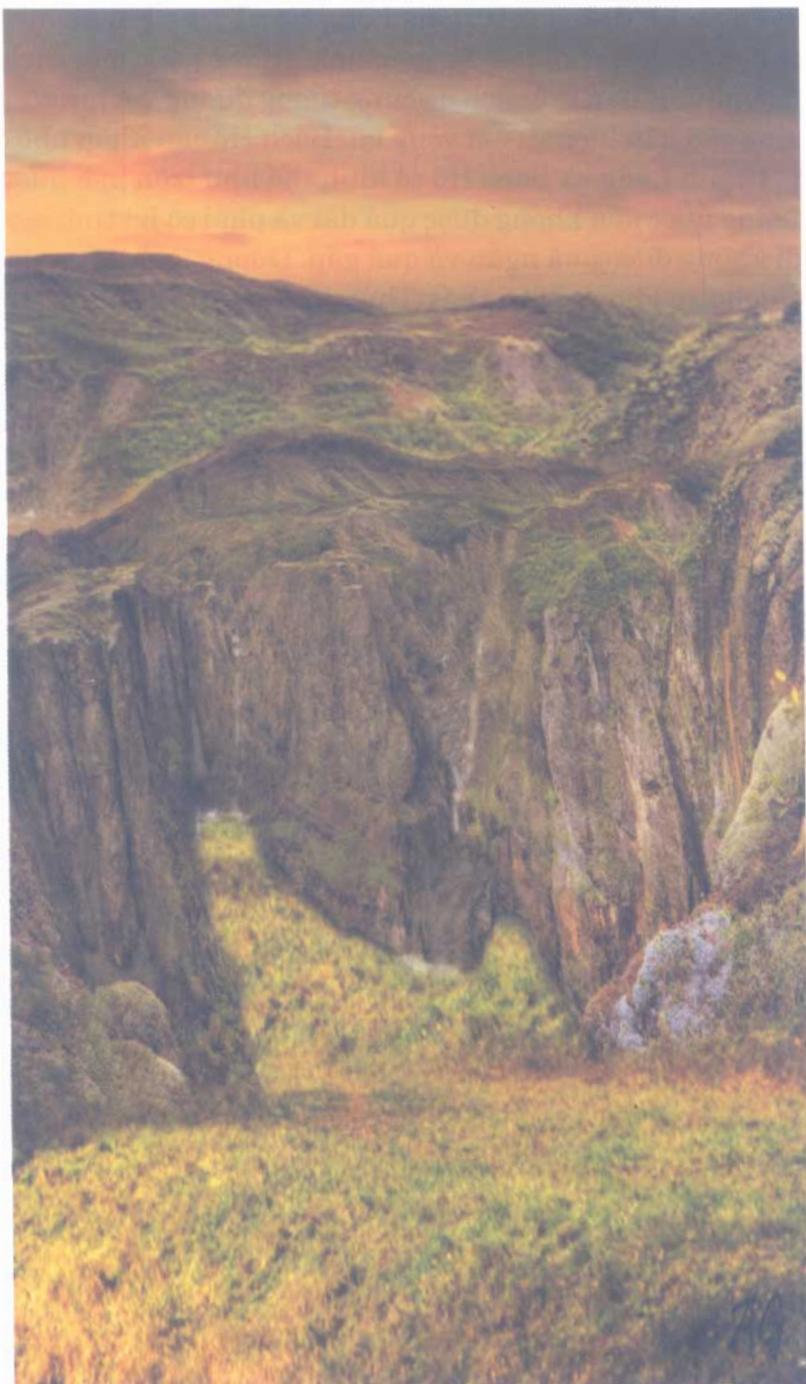
Cũng có những trường hợp cả hai đầu của Thanh Long và Bạch Hổ cùng vươn dài, hướng về phía trước tạo thành rào chắn cho huyệt mộ.



Hình A.

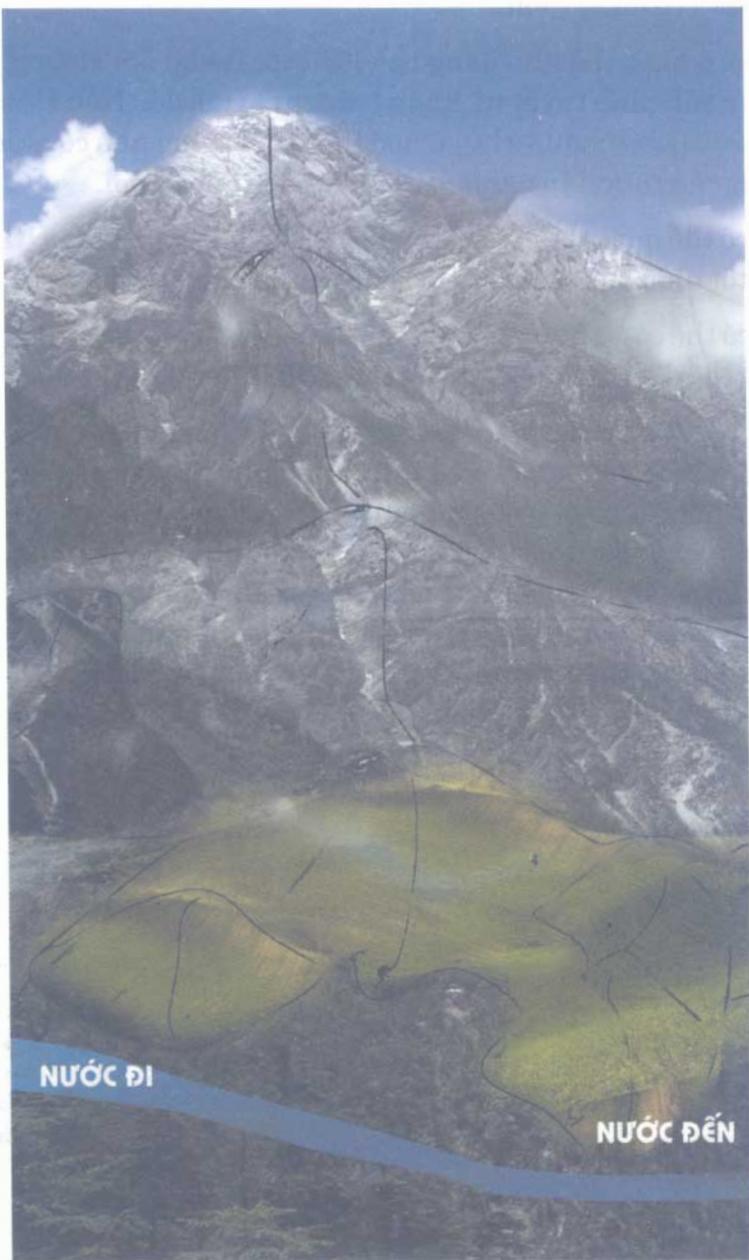


Hoặc có cả hai đầu của Thanh Long, Bạch Hổ cùng co về phía sau và vẫn bảo vệ
chắc chắn được cho huyệt mộ.



Hình B.

Cũng có trường hợp hai cánh tay của Thanh Long, Bạch Hổ mở rộng về hai phía của huyệt mộ. Những trường hợp này thường là tương sơn thực thủy (xem hình C). Hình thế của Thanh Long và Bạch Hổ có nhiều đoạn bị thay đổi nhưng xét về đại thể thì hai hộ sa này vẫn đảm bảo được tác dụng chính là che chắn gió và hấp thu đường nước cho huyệt mộ, rất hữu tình với huyệt và không phản lại chủ. Những dạng Thanh long, Bạch Hổ như vậy cũng được xem là đã hoàn thành tốt trách nhiệm của mình.



Hình C.



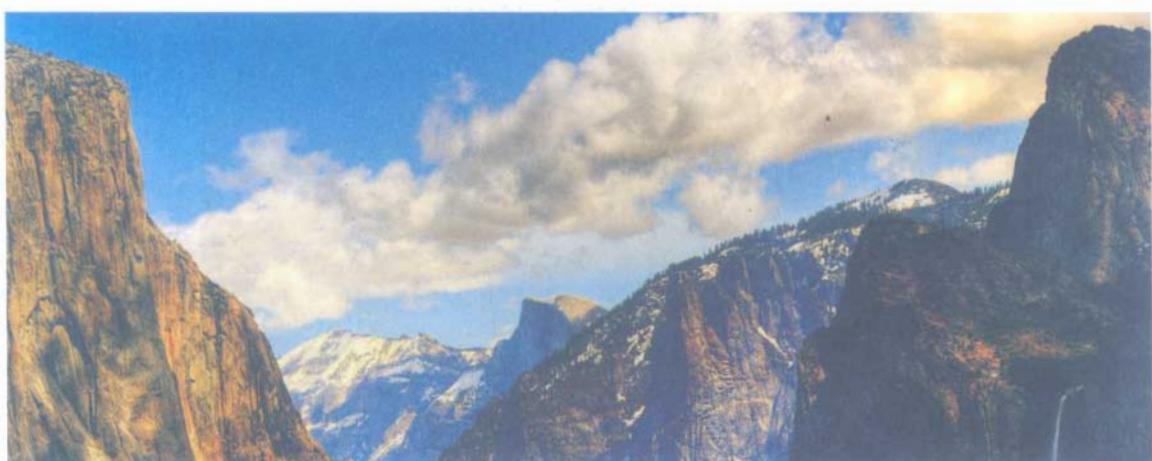
(2). Thanh long, Bạch Hổ có rất nhiều hình dạng khác nhau. Hình thế của Thanh long, Bạch Hổ có liên quan rất lớn đến họa phúc trong cuộc sống của con cháu của người được chôn cất trong huyệt mộ. Nếu Long lai và Long khứ tương nghịch với nhau hoặc Long đi Hổ về hoặc cả Long và Hổ đều đi hoặc Hổ đi Long ôm vòng, bảo vệ huyệt mộ. Long Hổ chỉ nên ôm vòng chứ không nên đè lên bất cứ một phần nào của huyệt mộ. Nếu Long Hổ nhẹ nhàng ôm vòng, bảo vệ huyệt mộ thì được cho là cát tướng; ngược lại, nếu Long Hổ sừng sững ở phía trước huyệt thì lại bị coi là vô tình và có hung tướng.

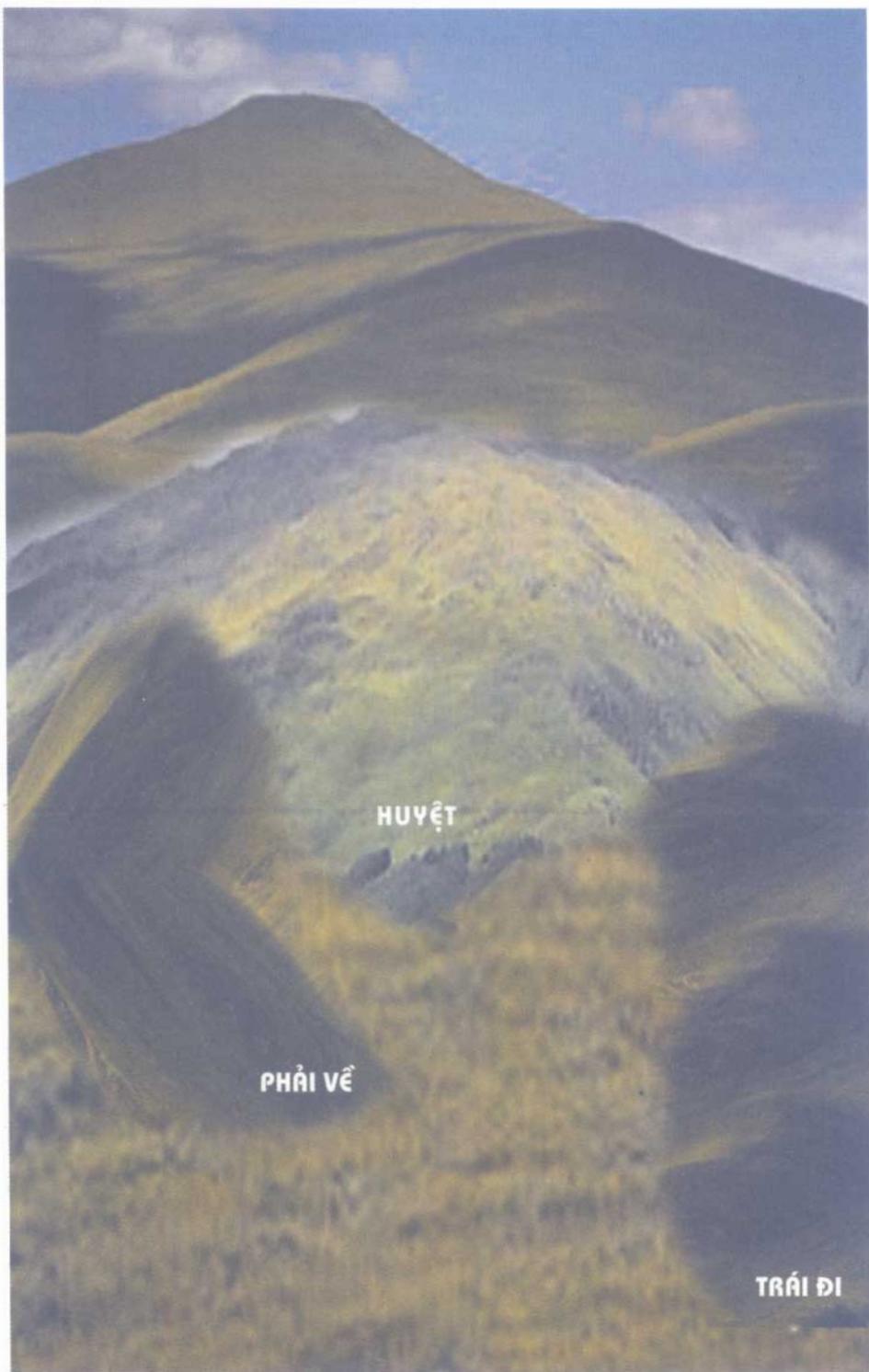
Nếu Long có hình thế như đang bay lên cao, Hổ lại ôm vòng lấy huyệt mộ thì gia đình dễ lâm vào cảnh tuyệt tự, không có con cái nối dõi. Nếu Hổ có hình thế như đang bay lên cao, Long chầu về huyệt mộ thì người trong nhà có nhiều khả năng sẽ phải tha hương cầu thực, lập nghiệp nơi đất khách quê người.

Long Hổ có thể quay đầu lại huyệt mộ nhưng không nên đâm thẳng vào huyệt mộ. Hình thế tốt nhất của Long và Hổ là bao quanh huyệt và hữu tình với huyệt.

Long Hổ có thể có xu hướng đi về phía xa so với huyệt mộ nhưng vẫn phải quay đầu lại, không thể đi là đi thẳng, không thể cứ đi là đi thẳng, không ngoại đầu lại.

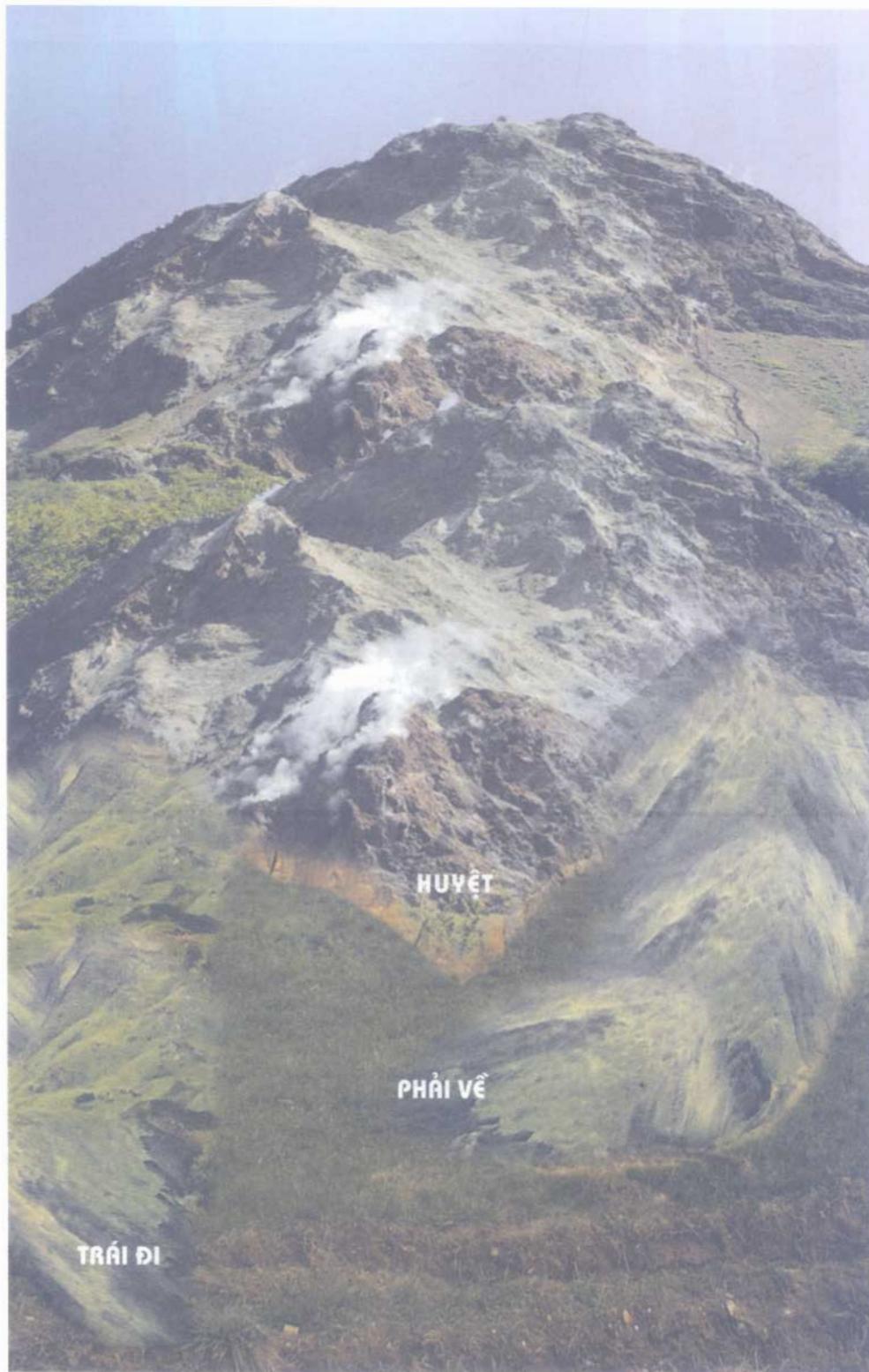
Long Hổ Sa ở cách xa huyệt trường cần có xu hướng quay trở lại, hấp thu đường nước, ôm vòng lấy huyệt và hữu tình với huyệt. Nếu Long Hổ Sa cũng có hướng thuận theo dòng nước chảy, phần chân núi mở rộng khiến đường nước tự động chảy đi mà không có yếu tố gì ngăn trở thì hình thế này được gọi tên là Thủy khứ Sa phi. Hình thế này của núi và nước sẽ làm Chân khí của Huyệt trường không được lưu giữ, khiến trong gia đình có người phải tha hương cầu thực đi đến nơi bại tuyệt, tuyệt tự tuyệt tôn. Tuy nhiên, nếu Long và Hổ có xu hướng đi ra phía xa nhưng ngoài rìa lại có yếu tố chặn đường đi đó lại thì hình thế này vẫn có thể sử dụng được.





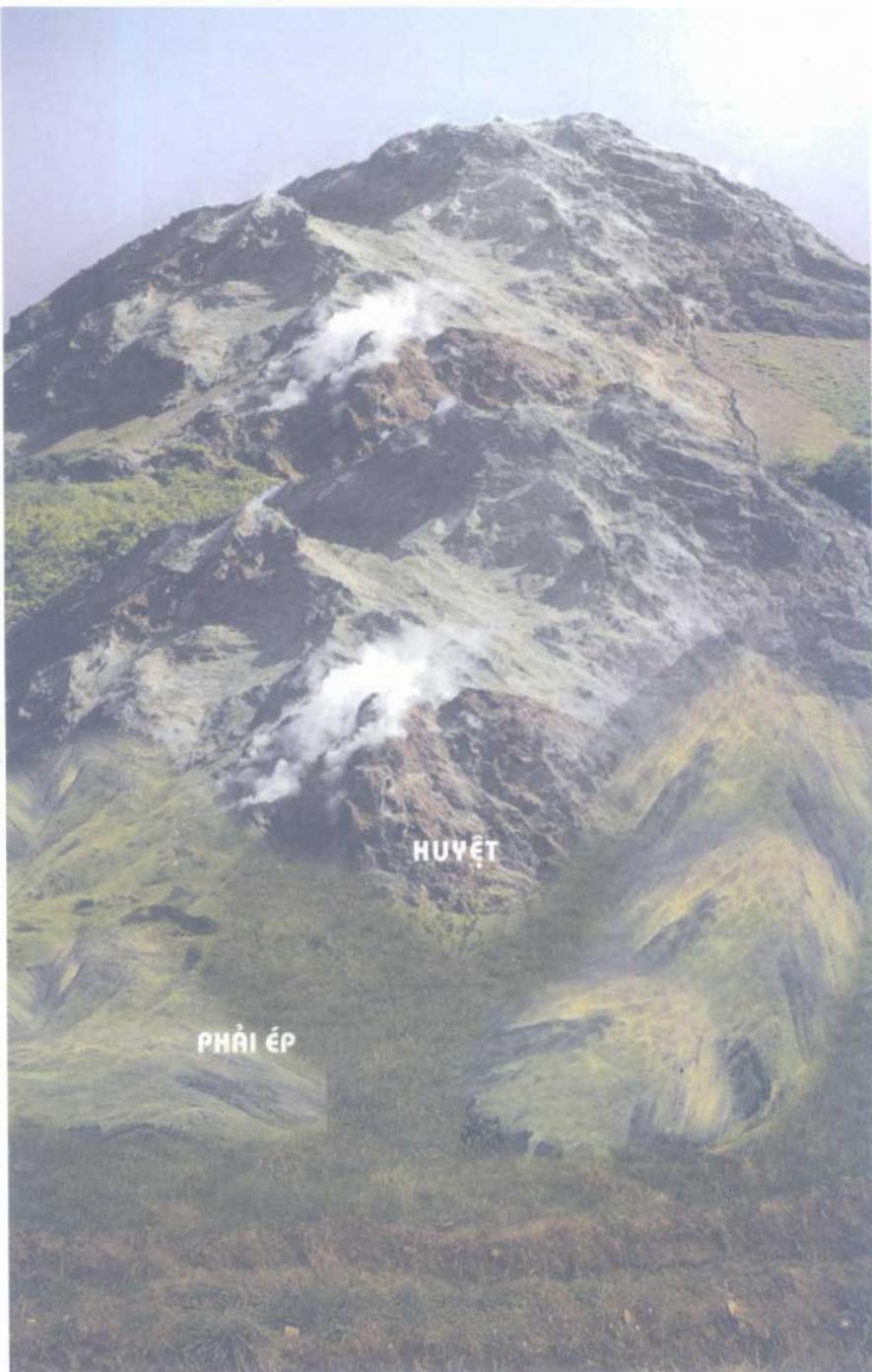
Long đì Hồ vê





Hồ đi Long về

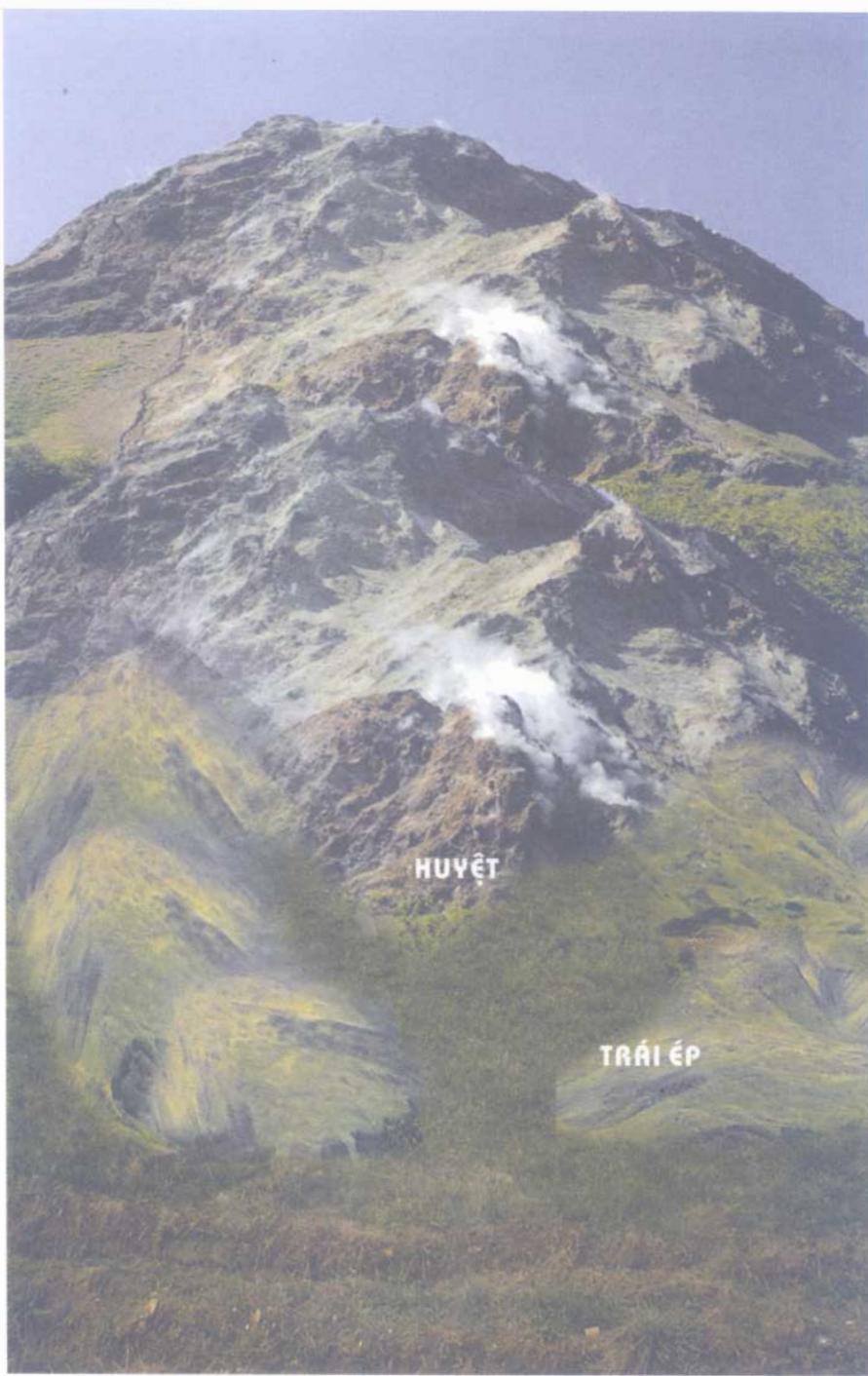
Bạch Hổ áp sát vào huyệt.



Bạch Hổ áp huyệt



Thanh Long áp sát vào huyệt.



Thanh Long áp huyệt

Khứ sa (Thanh Long Bạch Hổ đi xa khỏi huyệt).



Khứ sa





LONG HỒ KHÔNG ĐỀU. DỄ MẮC BỆNH

Long Hồ không đều là chỉ có một trong hai Thanh Long hoặc Bạch Hồ. Không có Long thì nước phải ôm vòng bên trái, không có Hồ thì nước phải chảy ôm vòng bên phải. Tuy không lấy nước làm tiêu chuẩn định cách nhưng huyệt phải tàng phong. Để làm được như vậy cần có sự quan sát tinh tường và phân tích kỹ lưỡng. Long cường Hồ nhược, hoặc Long nhược Hồ cường đều sẽ khiến những người trong gia đình dễ mắc bệnh. Hồ mạnh tốn thương phần đầu, Long mạnh tốn tỳ vị, dễ tranh chấp kiện tụng.

1. Huyệt mõ chỉ có Long Sa mà không có Hồ Sa cũng chính là dạng Tả đan đề hay Tả tiên cung như vừa trình bày ở phần trên. Ngược lại, huyệt mõ chỉ có Hồ Sa mà không có Long Sa lại là dạng Hữu đan đề hay Hữu tiên cung (như phần trên). Đan đề hoặc Tiên cung tuy thiếu đi một bên là Long Sa hoặc Hồ Sa nhưng lại có sự tiếp ứng, hộ vệ từ đường nước hoặc dãy núi bên ngoài. Long thân nếu có đường nước chảy men theo bên trái và ôm qua phía bên phải (khi không có Long Sa) hoặc đường nước chảy men theo bên phải và ôm qua phía bên trái (khi không có Hồ Sa) đều có thể khiến các đường nước chảy đến huyệt mõ tụ lại nên sinh khí cũng được tích tụ. Khi đó, Long Hồ Sa lại có tác dụng ngăn chặn đường nước chảy đi. Các đường nước đến huyệt đều chảy men và tương tụ thì sao lại cần phải có đủ cả Long Sa và Hồ Sa?

2. Không thể coi đường nước là yếu tố để xác định cách cục, dù hình thế cũng tương tự như đường nước chảy hoặc phía đầu nguồn đã trở nên khô cạn (có nước đổ xuống dưới thì tự nhiên sẽ khôi phục được dòng chảy), mà Sa thủ hữu tình thì sẽ là cát tường. Núi cao không bàn về nước (chỉ cần có hình thế đường nước chảy là được), nơi đất bằng không bàn về gió (không có gió thổi dữ dội).

Dù có đường nước chảy men theo núi nhỏ thì cũng cần có một bên Sa thủ quay đầu trở lại. Dạng hình thế này tuy chỉ bảo vệ được huyệt mõ nhưng lại có khả năng ngăn mưa gió tàn phá huyệt trường nên cũng được coi là cát tường. Hình thế Đan đề cách của Long Hồ Sa cũng giống như đôi tay của con người, trong đó một tay là vật, một tay hạ thấp xuống. Tuy không thể hiện rõ hình thái nhưng cũng không phải không hoàn toàn bảo vệ được huyệt trường.

Một nơi có đường nước chảy nhưng lại không có Đan đề hoặc Tiên cung bảo vệ huyệt thì cũng không nên chọn để kết huyệt tạo táng. Vì vậy, khi lựa chọn nơi kết huyệt, cần quan sát thật kỹ càng, tỉ mỉ, tuyệt đối tránh sự qua loa, đại khái hoặc

lựa chọn một cách hổ đồ. Chọn đường nước tốt là để bảo vệ, không cho gió thổi thốc vào huyệt trường. Vì vậy, nơi kết huyệt phải có dãy núi bảo vệ, chắn gió ở phía ngoài. Một điều nữa cũng cần hết sức lưu ý là không nên coi đường nước là một tiêu chuẩn để xác định cách cục. Huyệt mộ tốt là nơi có đường nước và núi hài hòa, có khả năng bảo vệ huyệt trường tránh được sự tàn phá của mưa gió, giúp tạo được nhiều phúc lộc cho con cháu của người được chôn trong huyệt mộ.

3. Điều tối kỵ nhất đối với hình thế của Long Hổ là Long cường Hổ nhược; hình thế tốt nhất của Long Hổ là thuần phục Hổ Sa. Long Sa cao và vững chãi, Hổ Sa thấp nhở hoặc Long Sa thấp nhở, Hổ Sa cao và vững chãi đều sẽ khiến thân nhân của người được táng trong huyệt mắc phải một số bệnh tật nguy hiểm. Nếu Hổ Sa có dạng phần đầu thấp, phần đuôi nhô cao và sẽ không ngăn trở chủ. Một điều không nên có khác ở hình thế của Long và Hổ là dãy có dạng ngang đầu hoặc áp xuống Huyệt trường. Nhìn chung, sức mạnh của Long và Hổ nên ở thế cân bằng, không nên có hiện tượng một bên mạnh, một bên yếu bởi như vậy sẽ ảnh hưởng không tốt đến huyệt mộ cũng như phúc phần của con cháu người được chôn trong huyệt.



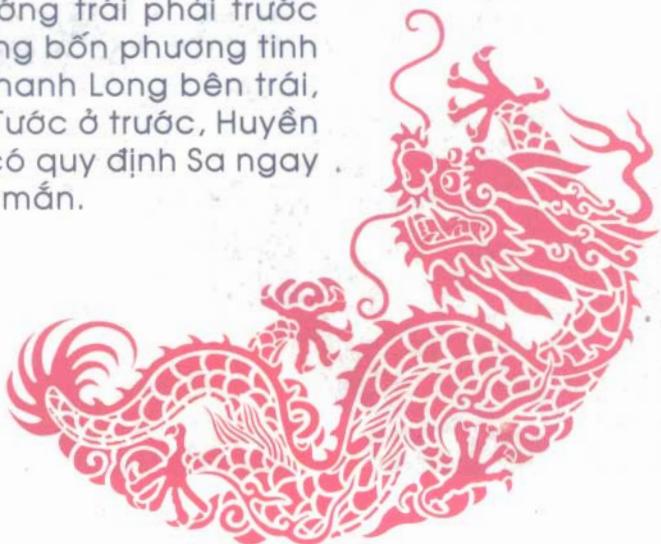


PHẦN 4. SÁT SA

Long là thể núi chính, còn Sa là nhung gò đồi nhỏ bên cạnh Long. Về nguyên nhân hình thành, Sa là những phần đá bên cạnh Long bị phong hóa mà thành, vì thế mà là phần phụ của Long. Phong thủy học cho rằng chỉ có Long không thì không đủ may mắn, xung quanh Long còn cần có các loại Sa bảo vệ, không có Sa thì Long sẽ khó tụ khí.

Vì vậy khi quan sát điểm đẹp, quần sơn xung quanh cũng rất quan trọng, vị trí và hình thái của chúng cũng là tiêu chí để đánh giá đất tốt hay xấu. "Sát Sa" chính là khảo sát quần sơn xung quanh.

Trong các loại Sa, quan trọng nhất là "tú thần Sa", là bốn ngọn núi nhỏ ở bốn hướng trái phải trước sau, phong thủy học dùng bốn phương tinh tú trên trời để đặt tên: Thanh Long bên trái, Bạch Hổ bên phải, Chu Tước ở trước, Huyền Vũ ở sau. Ngoài ra còn có quy định Sa ngay ngắn đẹp đẽ mới là may mắn.





SA THỦY QUÝ CẦN ĐẸP - RÕ RÀNG. NƯỚC NGHIÊNG VÀ CHẢY THEO LUNG NÚI. ĐƯỜNG CỘNG DANH SẼ LUN BẠI

Gốc lớn thì cành mới mạnh, đầu nguồn có sâu thì dòng mới chảy dài. Vì vậy, phải cố gắng tìm được Chân long và chính huyệt. Đường nước phải rõ ràng, núi nhỏ hộ vệ phải có hình thế đẹp. Khi trèo lên núi thấy một đường nước chảy nghiêng, nên sớm từ quan, từ chức. Nếu nhập huyệt mà thấy nhiều núi cùng quay lưng lại, nên chuẩn bị cho cuộc sống tha hương.

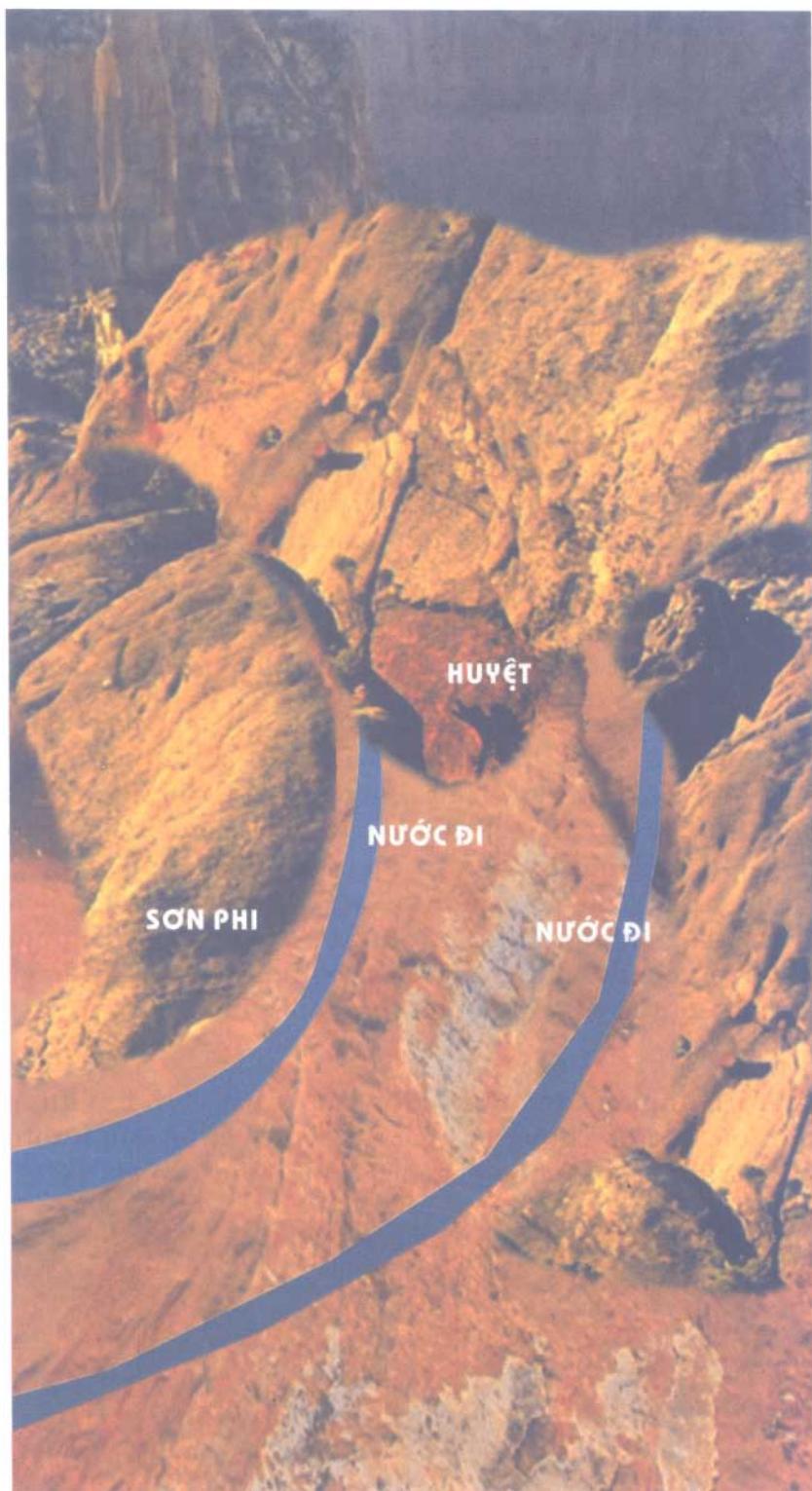
Núi tổ ở phía xa vừa cao vừa to thì các nhánh của Long mạch cũng mạnh và rất vượng. Đầu nguồn: Nơi xuất phát của dòng nước chảy. Những dòng nước có đầu nguồn sâu và xa thường sẽ chảy rất nhanh và mạnh.

Nếu Chân long phát triển một cách đặc biệt, cần sử dụng các phương pháp thích hợp để tìm kiếm chân Huyệt. Nhất thiết phải tìm được Chân long, Chính huyệt, tuyệt đối không được có bất cứ một yếu tố nào là giả.

Cả núi và nước đều cần có hình thế đẹp, dạng tròn, tuyệt đối không nêu thô, ác hoặc xấu. Bên cạnh đó, nơi có núi và nước hữu tình đối với huyệt mới thật sự là đất tốt, đất quý. Nếu đăng huyệt (trèo lên huyệt) mà nhìn thấy có đường nước chảy nghiêng thì đây là dấu hiệu cho thấy người trong gia đình có nhiều khả năng phải từ quan hoặc bị mất chức. Nếu chỉ là người dân bình thường, họ có nhiều nguy cơ bị người khác tố cáo dẫn đến thân bại danh liệt. Nếu phần đầu núi hướng về phía ngoài, phần lưng núi hướng về phía trong thì đó hoàn toàn không phải là biểu hiện của sự thân tình mà ngược lại còn là dấu hiệu cho thấy người này sẽ phải đi tha hương cầu thực.

Dương Quân Tùng đã từng nói: "Một đường nước đi, hai đường nước đi, nhiều đường nước đều đi không quay đầu trở lại, cảnh tha hương cầu thực là sẽ không thể tránh khỏi, không cách nào cứu vãn",





Sơn phi nước chảy



CẦN CHÚ TRỌNG ĐẾN HÌNH THẾ CÙNG NHƯ QUAN HỆ CỦA THẾ NÚI VỚI ĐƯỜNG NƯỚC CHÁY

Nếu thấy văn bút cô đơn, mực trong nghiên đục, giống như bức vách cản đường tiến lên của Khuông Hằng. Tài sơn bị dòng nước chấn phía trước. Ông hút mật ngọt. Trong lòng có núi nhỏ, tròn trịa. Ông đất ôm ấp sâu keo, chỉ trong một năm mà được thăng chức tới chín lần, nhất định là do chín dòng chín khúc tạo nên. Mười năm không có biến chuyển, thăng tiến gì cũng là do hình sông thế núi không tốt đẹp mà thành.

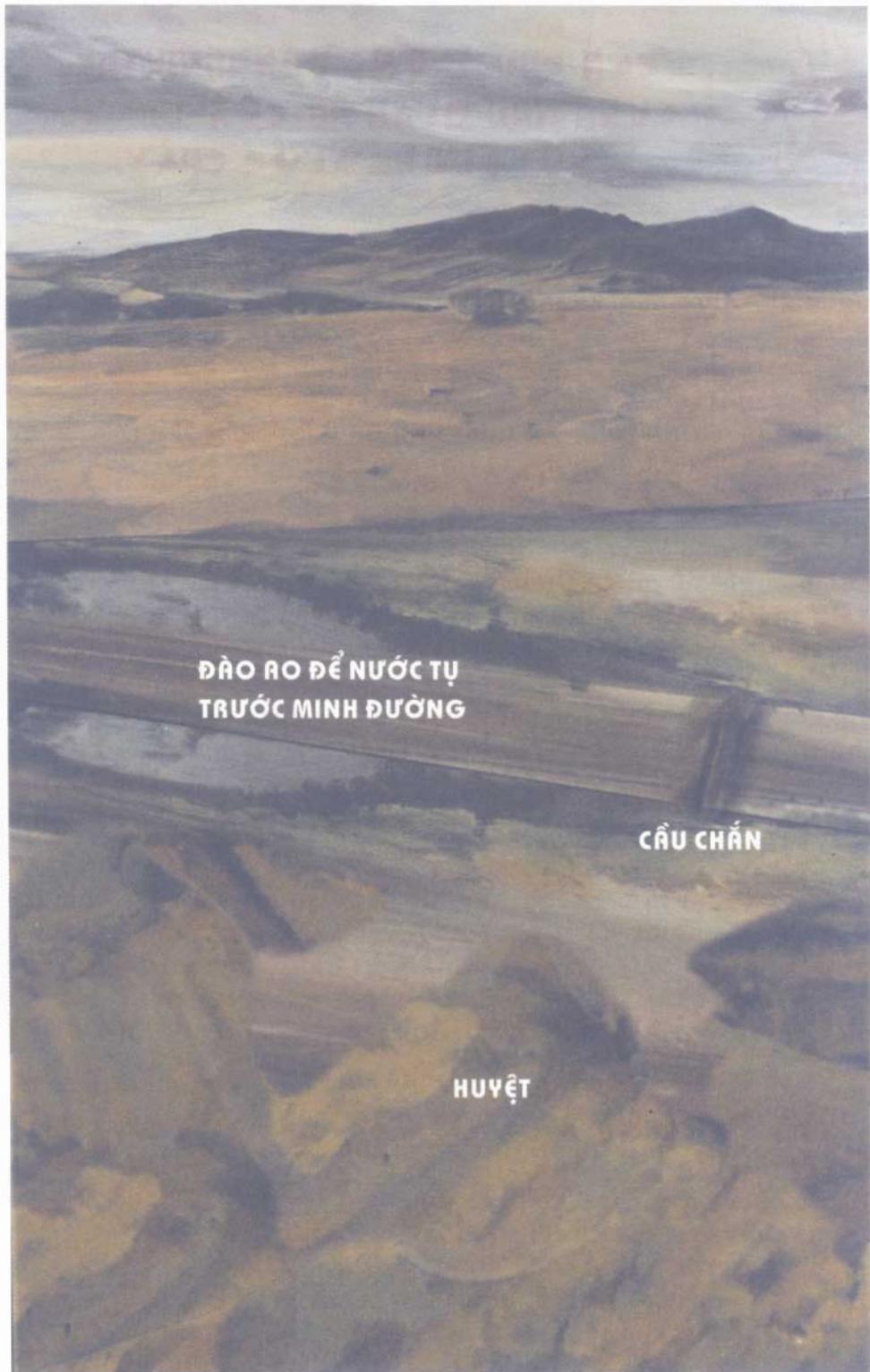
Đỉnh núi nhô cao và trơ trọi, cả bên trái và bên phải đều không có núi nhô hộ vệ thì được gọi là núi cô đơn. Nếu núi nhọn, dáng đẹp thì được gọi là văn bút. Phía trước Minh Đường có nhiều nước chảy động lại thành ao thì được gọi là nghiên mực. Nước trong nghiên không trong mà lại đục. Khuông Hằng là một người Hán sống ở thời xưa, vì nhà nghèo, không có tiền mua dầu thắp đèn nên đã cố tình khoét nhiều lỗ thủng trên vách, lấy ánh đèn từ bên hàng xóm chiếu sang để đọc sách. Tôn Kính là người nước Sở, đóng cửa ngồi nhà đọc sách trong suốt 10 năm ròng, tuyệt đối không bước chân ra khỏi nhà. Ông đã chống lại cơn buồn ngủ mỗi khi đọc sách bằng cách lấy dây thừng buộc búi tóc của mình rồi vắt lên xà nhà, mỗi khi buồn ngủ gục xuống, sợi dây lại giật búi tóc cho thật đau để tỉnh táo ngẩng đầu lên học tiếp.

Trên đây là hai tấm gương tiêu biểu cho sự nỗ lực vượt khó vươn lên trong học tập của người đời xưa với mục đích nói rằng: Văn bút tuy đẹp đẽ nhưng lại cô độc, nước trong ao giống như nghiên mực nhưng lại bị vẩn đục, không trong sáng thì người dù có ham học, nỗ lực phấn đấu đến đâu thì cũng khó mà thành công. (hình trang sau)

Núi hộ vệ ở bên phải và bên trái hơi lõm ngang xuống nhưng lại ôm vòng, bao bọc lấy huyệt mộ được gọi là Tài sơn. Những núi này thường không cần quá chú trọng đến hình dạng cũng như thế núi.

Nếu núi ôm vòng, bao bọc thì được coi là quý, tốt đẹp. Nếu núi bị đường nước chảy kéo theo hướng ra phía ngoài thì tài vận được ví như con ong làm mật: Bỏ rất nhiều công lao để hút nhụy hoa làm thành mật ngọt nhưng lại bị con người lấy mất, bản thân mình cũng không còn mật để ăn. Trong trường hợp này, dù người có có kiếm được nhiều tiền tài nhưng cuối cùng cũng bị người khác lấy đi hết, bản thân không còn lại gì.





Dựng cầu chắn để làm chậm dòng chảy của nước.



Nếu Thanh long và Bạch Hổ ôm vòng, bao bọc quanh một ngọn núi tròn nhỏ thì đó là dấu hiệu cho thấy người đó có con nuôi. Nếu núi ở bên trong không tròn và không nhẵn thì đây là dấu hiệu cho thấy người này dễ bị hỏng thai.

Trong một năm được thăng chức tới 9 lần nghĩa là sự thăng tiến vô cùng nhanh chóng. Đây chính là kết quả của đường nước chảy uốn khúc 9 lần, cong gập 13 lần. Ngược lại, những trường hợp 10 năm ròng không được thăng chức lại cũng là do hình sông thế núi không tốt đẹp tạo nên. Nếu núi và nước không ôm vòng thì đường công danh sẽ mãi trì trệ, không thể thăng tiến được. Công danh thăng tiến nhanh chóng là do hấp thu được khí tốt của núi và nước. Ngược lại, công danh không phát đạt, không thăng tiến chính là do núi và nước không tốt đẹp, ngưng trệ (ngoại trừ long mạch ở nơi đồng bằng - Bình dương long). 9 hay 10 chỉ là những con số mang tính ước lệ, không nên quá cẩn nệ vào những con số này.



KHÔNG NÊN QUÁ CHÚ TRỌNG ĐẾN PHƯƠNG VỊ KHI BÀN VỀ SA THỦY

Nếu đường nước uốn khúc và hữu tình, không hợp với tinh thần thì sẽ là tốt. Nếu thế núi nghiêng lệch, lại thêm sự đâm ngang thì đây là dấu hiệu cho thấy gia chủ sẽ bị tuyệt tự. Đa phần nguyên nhân là do thủy họa sơn cùng. Gia tộc có sự bại vong, đều là do núi đi nước chảy. Đừng hỏi núi nước ở phương nào, tất cả đều là điềm hung.

Tinh thần được chia thành Ngũ tinh và Cửu tinh. Ngũ tinh chính là Kim tinh, Mộc tinh, Thủy tinh, Hỏa tinh và Thổ tinh. Cửu tinh là Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân, Tả Phù, Hữu Bật. Ngoài phương diện Thủy pháp còn có thêm 12 cung là Trường Sinh, Mộc Dục, Quán Quân, Lâm Quan, Đế Vượng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, Dương. Ngoài ra còn có sự phân chia thành Dương thủy (đường nước lộ hẳn ra ngoài, có thể quan sát được rõ ràng) và Âm thủy (đường nước ẩn trong lòng đất, không thể quan sát trực tiếp được). Thủy pháp chuyên luận còn có đường nước Ngụ Giai, Hoàng Tuyền, Thiên Tú. Nếu chỉ có một trong các yếu tố trên thì sẽ không đủ để đưa ra kết luận.



Thông thường, các thầy phong thủy chỉ nhận định rằng đường nước đến từ hướng này thì hợp, đến từ hướng này thì không hợp hay núi của Tinh thần này thì hợp, núi của Tinh thần kia thì hung hoặc đường nước đến từ cung này thì hợp, đường nước đến từ cung kia thì hung; phương pháp bổ khuyết này là hợp pháp, phương pháp bổ khuyết kia là không hợp pháp. Cần chú ý phối hợp hài hòa tất cả các yếu tố. Nếu đường nước cong vòng, hữu tình nhưng lại không hợp với Tinh thần thì có thể dùng các phương pháp bổ khuyết để điều hòa lại. Nếu quá câu nệ vấn đề lý khí mà bỏ qua Chân huyệt thì đó là điều vô cùng đáng tiếc.

Đường nước chảy vòng vèo, uốn khúc ở nhiều đoạn là dấu hiệu vô cùng tốt lành. Nước và núi đều lấy hình thế làm chủ đạo. Vì thế núi có những tiêu chuẩn nhất định nên sẽ rất dễ phân loại, lựa chọn. Nếu thấy núi nghiêng lệch, xiên ngang thì dù Long huyệt có hợp cũng không nên sử dụng.

Nếu tại đầu nguồn của dòng nước và tại phần đuôi của chân núi không có khí tụ thì không nên kết huyệt. Nếu cố tình lập huyệt và chôn cất thì sẽ gặp nhiều điều bất hạnh, xui rủi trong cuộc sống.

Đường nước có xu hướng chảy đi chứ không tụ, núi cũng có thể như đang bay lên là dấu hiệu cho thấy người này phải đi tha hương cầu thực, nhiều khả năng sẽ phải chết nơi đất khách quê người. Nếu lập huyệt mà nhìn thấy đường nước hay thế núi nghiêng lệch, dù ở bất kỳ phương vị nào cũng đều là hung tướng.

Dương Quân Tùng từng nói: "Nơi có đường nước chảy xiết, vách núi dựng thẳng đứng hoặc có đỉnh núi nhọn đâm xuyên vào thì dù là đất tốt cũng sẽ bị suy vong". Vì vậy, khi lựa chọn đất để kết huyệt, không những cần chú ý đến lý khí mà còn cần chú trọng đến những đỉnh núi ở khu đất đó nữa.





NÚI CAO XUNG QUANH CHÂN LONG ẢNH HƯỞNG TỚI CHỨC QUAN CAO THẤP

Muốn xem chức quan cao thấp, phải dựa vào Long pháp. Nếu Thiên Ất, Thái Ất cao chọc trời, đời sau có thể làm đến quan ngự sử. Nếu núi xung quanh lăng mộ là thế núi cầm thú, lại ở giữa Thủy Khẩu thì làm đến quan hàn lâm. Nếu có nhiều núi cao chọc trời thì đời sau có thể làm quan công khanh. Nếu nước chảy uốn lượn vào Minh Đường thì đời sau có thể làm đến quan tể tướng. Nếu thế núi bên trái có cờ, bên phải có trống, đời sau có thể làm đến quan võ. Nếu trước và sau phần mộ có núi non bao bọc thì đời sau có thể làm đến tể phụ.

Long (rồng) là vật linh thiêng, biểu tượng cho sự may mắn cát tường, nó có thể biến hóa khôn lường. Sự biến hóa thay đổi của thế núi được ví với con rồng. Sơn địa (núi và đất) cao rộng kết thành Huyệt đẹp, tạo phúc âm cho đời sau. Người đời sau được hưởng phúc âm sẽ làm quan, chức quan cao hay thấp có thể đoán định thông qua địa thế của Long Huyệt. Vị thế chức quyền có mối quan hệ đặc biệt với hình thể Sa Thủy. Long to, Sa nhỏ, nhìn thấy hết toàn bộ hình thể của Sa, nhưng chỉ nhìn thấy một bộ phận hình núi mới là Chân Long, hình thể của Sa Thủy đều bắt nguồn từ Chân Long, Long quý thì Sa Thủy đều quý, Long hèn thì Sa Thủy đều hèn. Long chân Huyệt chính, Sa Thủy tự khắc có khí quý, do đó Sa Thủy ảnh hưởng tới chức quan cao thấp, cũng chính là nói, muốn xem chức quan cao thấp thì phải dựa vào Long pháp.

Thiên Ất, Thái Ất là chỉ núi xung quanh Long Huyệt hình Mộc Hỏa (nhọn và thẳng), cao sừng sững chọc thẳng lên trời, ở tại vị trí núi cao phía trên hai núi Dị Tân (Tiên thiên Tân nhập vào Dị cung) thì Long là đáng quý, đời sau có thể làm đến quan ngự sử. Thiên Ất và Thái Ất quý ở chỗ có Sa bảo vệ, nếu không sẽ không linh nghiệm. Cầm tinh là chỉ vị trí ở giữa Thủy Khẩu, đá hay núi ở đó đều có hình dạng rùa hoặc chim ưng. Thú tinh là chỉ vị trí ở giữa Thủy Khẩu, nếu đá hay núi ở đó có hình các con thú như ngựa, trâu, rồng, hổ, sư tử, voi thì có thể làm đến quan hàn lâm.

Có núi hoặc đá hình cầm thú ở vị trí Thủy Khẩu thì có thể làm đến chức quan hàn lâm, hình dạng Sa Thủy khí quý đều toát ra từ Long thân (cơ thể rồng). Nên có thể đoán định chức quan cao thấp dựa vào pháp độ dưới đây. (xem hình trang sau)





Nước chảy về Đường, Huyệt ở giữa hồ sen.

Bên ngoài Đường, có rất nhiều đỉnh núi cao sừng sững, chọc thẳng lên trời cao thì đồi sao được hưởng phú quý, có thể làm tới chức quan công khanh. Nếu các dãy núi ở phía sau cao hẳn lên, lại hướng vào Đường thì chắc chắn sẽ có quý.

Nếu Ngũ phong hình bàn tay vây xung quanh huyệt mộ và cao chọc thẳng lên trời thì có thể làm tới chức quan tam công (ngày nay không có chức quan tam công nên tương ứng với quan chức cao cấp). Nếu phía trước Minh Đường có nước chảy uốn lượn, nước càng chảy uốn lượn thì càng may mắn, nếu nước chảy dọc men theo từng bậc từ hai bên đổ về trước Đường (gọi là Ngự Nhai Thủy) thì đồi sau có thể làm tới chức quan tể tướng. Dương Quân Tùng nói "Tứ hoành tam trực quá Đông Tây" chính là ý này. Nếu Long thân không quý, Huyệt pháp không thật thì dù núi cao chọc thẳng mây, nước uốn lượn hướng tới Đường thì cũng không quý.

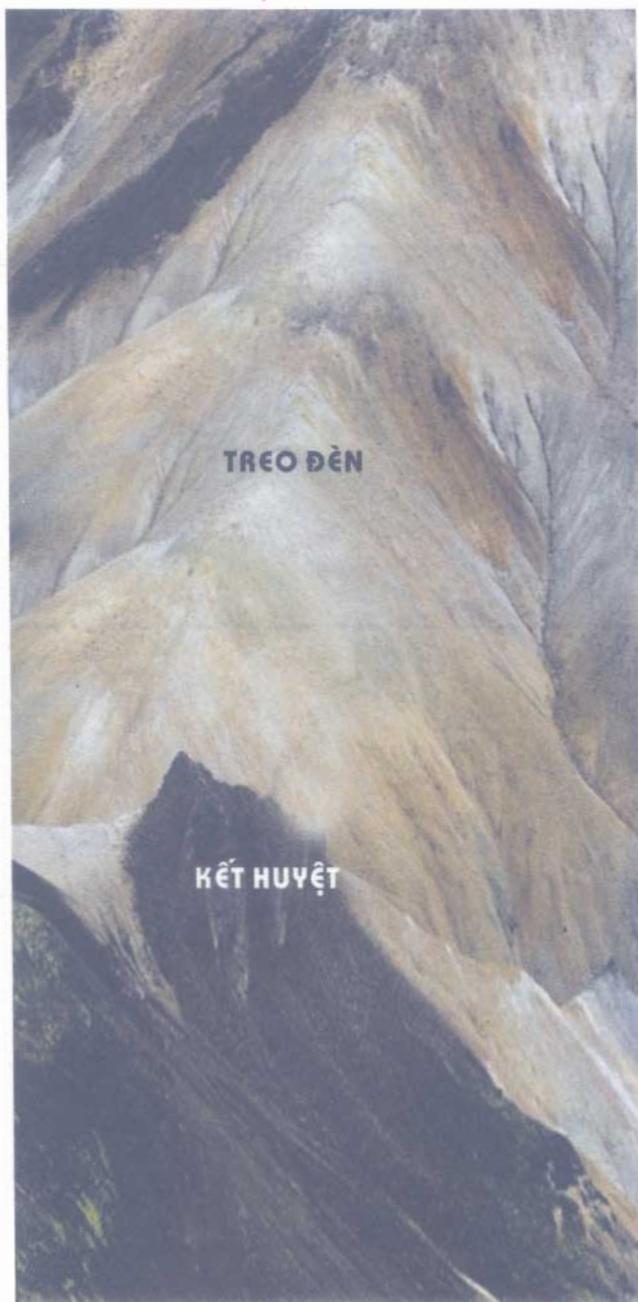


Núi cao chọc trời, nước chảy uốn lượn hướng vào Đường



Trong Huyệt trường, Tổ long nối nhau mà đến, tả Sa giống cờ, hữu Sa giống trống, trông giống như đoàn quân khí thế oai hùng thì đời sau có thể làm chức quan võ, nắm vững binh pháp.

Nếu phía trước và sau Đường có núi bao bọc, che chắn thì có thể làm quan văn, thậm chí làm tể phụ. Tức là nếu có cờ quạt, chiêng chống khắp núi, Long lại đẹp thì có thể làm quan văn, hơn nữa có thể nắm vững binh quyền





KIM TINH XUẤT THẦN ĐỒNG. ĐỈNH NÚI MỘC HỎA NHỌN, ĐẸP THÌ ĐỜI SAU CÓ THỂ LÀM QUAN VĂN

Tê ngưu vọng nguyệt. Thanh Sam xuất hiện trên Thiên Cù. Đơn Phượng ngự thư. Tử Chiếu tới từ Đế khuyết. Văn Bút liên quan tới Cáo Trục thì Nhất cử đăng khoa. Tịch Mão gần với Ngụ Bình thì Đông cung có Thị độc.

Nguyệt là Kim tinh, đẹp và thanh khiết thì có thể là thần đồng, sớm được ghi danh trên bảng vàng. Thiên Cù: có nghĩa là đường lớn. Có hình tê ngưu vọng nguyệt (tê giác, trâu ngắm trăng), lấy Kim tinh làm Án sơn, thiếu niên mặc màu xanh xuống phố, trở thành nhân tài trợ giúp thiên đình.

Nếu trước Huyệt có hình dạng Nhất tự Văn tinh, kết hình "đơn phượng ngự thư" thì sinh quý thấy rõ. Tử Chiếu tới từ Đế Khuyết (khuyết là công trình điêu khắc bằng đá dựng trước lăng mộ) và nhận ở Triều đình. Thanh Sam là chỉ thiếu niên mặc áo màu xanh. Tử Chiếu là chiếu thư có màu tím vàng. Huyệt có hai hình này thì đều quý.

Tinh thể mang Mộc Hỏa, Tinh phong nhọn và đẹp: Cáo Trục: là núi ngang bằng, hai đầu hơi nhô cao (gọi là A Kế Sơn, Lai Long của Huyệt tiền nữ đại tọa và Ngọc nữ bái đường nổi tiếng ở Hồng Kông có hình như vậy). Đầu có hình Mộc tinh lộn ngược, không được quá dài và quá gầy.

Núi Tịch Mão có đầu, có vai, hơi tròn và hơi trúc xuống (hơi có hình dạng giống Kim tinh), giống như Tịch mao (chiếc mũ coi); đầu hơi tròn, trúc xuống và có chân (giống như hình Kim tinh và Thổ tinh kết hợp), giống như là Đường mao (mũ thời nhà Đường); đầu cao, tròn, vai xuôi xuống, giống như là Thiết mao (mũ sắt); đầu tròn vai xuôi giống như Đầu lạp (mũ rộng vành, nón). Có thể suy đoán dựa theo hình dạng khác nhau của núi. Đỉnh bằng phẳng, ngay ngắn lại cao lớn giống như Ngụ Bình thì là Thổ tinh.

Nếu thấy Văn Bút phong trước Huyệt, lại nối liền với núi Cáo Trục thì đời sau sẽ xuất hiện văn nhân, được đăng khoa, con đường học hành rộng mở, nhanh chóng được ghi danh trên bảng vàng. Tịch Mão xuất hiện và tiếp giáp với núi Ngụ bình thì sẽ làm quan Thị Độc, đọc bài cho Thái tử Đông cung.



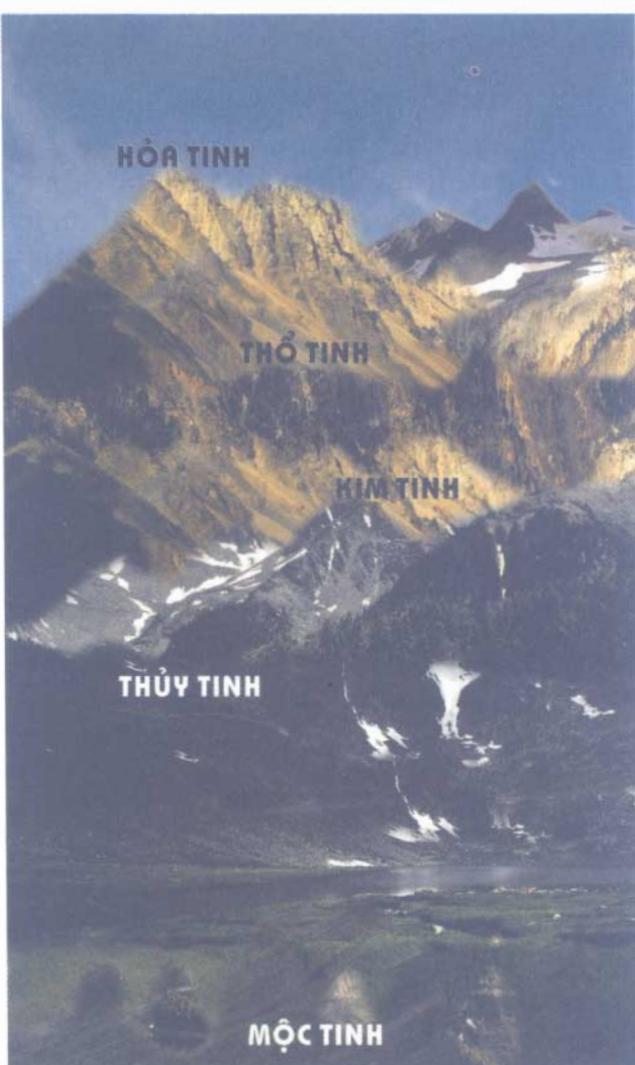


TRÊN ĐỈNH CÓ QUÝ SA TƯ KHẮC SẼ CÓ QUÝ ỨNG

Nha đao giao kiếm thì sē được làm tướng quân oai hùng. Cổ giác mai hoa thì được làm tri châu.

Nhất Sa nhọn bao quanh, gọi là Nha đao. Nhị Sa bao bọc lẫn nhau, gọi là giao kiếm, hai bên Long thân trễ xuống, chính là mang theo kiếm, tượng trưng cho đại tướng quân chinh chiến khắp nơi. Nhiều núi cao lớn, nối liền nhau, núi cao tròn ở giữa là cổ (trống), núi cao nhọn ở trong là giác (cái tù). Mai hoa là chỉ Ngũ phong cao sừng sững và có hình vòng cung. Tri châu tức là quan thứ sử.

Núi ở trước Huyệt, có hình nha đao giao kiếm thì chắc chắn đời sau được làm thống soái, dẫn quân đi chinh chiến khắp nơi. Có hình cổ giác mai hoa thì có thể điều kiển được binh mã, được làm chức quan thứ sử. Ba đến năm đỉnh núi cao xếp thành hàng ở giữa sē tạo Huyệt quan thứ sử.



Ngũ tinh bóc hoán

Thạch Tôn là người thời Tây Phố Huệ Đế, trong nhà có vườn Kim Cốc thì là người cực phú.

Núi nhỏ, trên nhọn dưới tròn thì gọi là Ngân Bình (bình bạc). Sơn Thủy bằng phẳng và tròn như gò đất thì gọi là Trần Chú. Núi nhỏ tầng tầng lớp giống hình dạng chiếc bình thì là đại phú.

Mộc tinh vòng quanh, gọi là Ngọc Đới. Kim tinh nhỏ nhắn, xinh xắn thì gọi là Kim Ngư, được Long thân mang tới, hơn nữa nhìn thấy ở tiền Sa thì là đại quý, bởi vì Kim Ngư Sa ở cạnh Long Huyệt thì cũng giống như quý nhân được trang sức Kim Ngư và Ngọc Đới. Bùi Độ là người thời Đường Huyền Tôn, quý ngang với đế vương tể tướng, ông là người thông minh, tài giỏi, được phong chức quốc công, vô cùng đại quý.



Nhìn thấy núi ở Huyệt trường, ngoài Chân Long, còn nhìn thấy toàn bộ núi, là Sa. Có hình giống như Bình Trần, tượng trưng cho phú, đời sau sẽ phát đại phú. Có hình Ngọc Đới Kim Ngư, tượng trưng cho quý thì đời sau sẽ phát đại quý. Những bằng chứng về quý Sa rất nhiều, không thể kể xiết.

Phấn Đại, Yên Hoa là chỉ gái lầu xanh, cũng chính là kỹ nữ thời xưa. Tam thiên, bát bách là số, có nghĩa là rất nhiều. Núi nhiều, trùng trùng điệp điệp, nối tiếp nhau, toát lên vẻ đẹp kiều diễm, khiến ai cũng phải trầm trồ khen ngợi, giống như là hàng nghìn mỹ nhân, hàng trăm kỹ nữ làm các công tử, vương tôn hồn siêu phách lạc, núi như vậy thì đời sau sẽ được đại quý.

Núi Nga My có hình như mặt trăng mới mọc, là Thái Âm Kim tinh thì nữ chủ nhân thanh tú, có phúc làm quý phi. Núi Kim Cáo kéo dài, hai đầu hơi nhô cao, có hình giống như búi tóc của người con gái là tốt nhất, con trai sinh ra đều làm quan to. Nếu núi dốc, khúc khuỷu và vỡ vụn thì có tính dâm tà.



Núi Nga My



Núi Kim Cáo là Thổ tinh, có hình giống như mẩy chiếc bàn kê ngang, ở giữa bằng phẳng, còn hai đầu hơi nhô cao, kết hợp với Nga Mi Kim tinh thì sẽ sinh ra mỹ nhân, có khuôn mặt như trăng rằm, còn nếu sinh con trai thìắt sẽ có phúc làm phò mã, kết hôn cùng công chúa.

Ngư Đại tức là Kim Ngư Đại, là vật trang sức của các quan đại thần thời Đường, Tống. Đầu núi cao, còn phía đuôi núi lại hơi thấp xuống là núi Thiên Mã, chính là Sa có hình Ngư Đại. Nếu là vị trí Đoài, phía Tây, gọi là Kim Ngư Đại thì đời sau sẽ được làm khanh tướng. Sa quý, lại ở vị trí tốt thì khí quý này càng linh.

Núi Thiên Mã cao sừng sững ở phía Nam thì gọi là Dịch Mã tinh. Nếu ở giữa Viên Thành thì có phúc làm công hầu. Hai con ngựa cùng lao đi với tốc độ như vũ bão thì khí quý càng linh.



Núi Thiên Mã

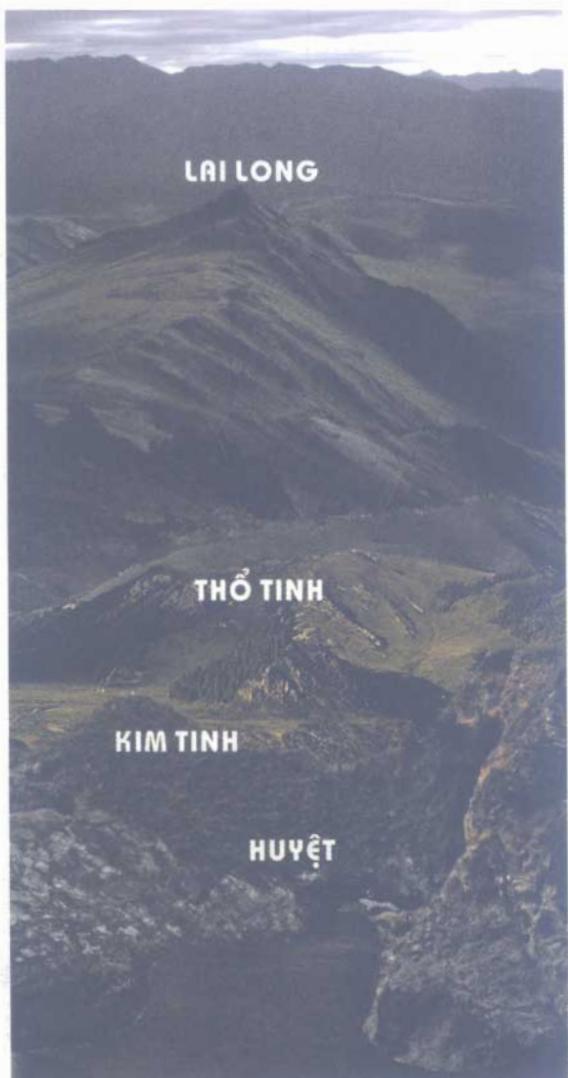




SA THỦ Y HÌNH TƯỢNG KHÁC NHAU SẼ TẠO RA CON NGƯỜI KHÁC NHAU

Quan văn, quan võ khác nhau. Đỉnh núi nhọn đẹp và thanh tú có Ấn Cáo, Kim Bảng, Tịch Máo, Văn Bút, Thư Thái, Ngọc Bình, Ngự Tọa thì đồi sau đều làm quan văn. Dưới Thái tinh có Tiên Đại thì làm quan võ trước, quan văn sau, dưới Tướng tinh có Văn Xương thì làm quan văn trước, quan võ sau. Muốn biết có tướng làm quan văn hay quan võ thì cần xem quý phong ở vị trí nào thì có thể suy ra được làm quan ở đâu. Thời trước phân ra thành châu và quận. Thời này đã khác trước, do đó không cần quá câu nệ trong phạm vi 12 cung.

Thời xưa, trị địa phân theo 12 cung, ứng với cung nào thì sẽ làm quan ở nơi đó, chẳng hạn núi đẹp ở vị trí Tị thì năm Tị sẽ sinh ra quý nhân, trị lý sở địa (trong phạm vi phương Tị).



Thổ Cước sinh Kim Huyệt



Núi cao to, nhô đỉnh ở giữa, có hình hai cánh tay vung rộng thì gọi là Ngự Tọa. Núi cao, bằng phẳng thì gọi là Ngự Bình. Núi cheo leo, thăng đứng, nhọn thì gọi là Đốn Thương. Đỉnh núi bằng phẳng, còn thân núi tròn thì gọi là Đốn Cổ. Long thân (mình rồng) có hình Ngự Tọa, Ngự Bình thì nên làm quan văn (chức trong Nội Thái), có thể được làm chức quan hàn lâm.

Long thân có hình Đốn Thương, Đốn Cổ thì có thể làm quan võ, tất có quyền điêu binh khiển tướng, dẹp giặc bên ngoài. Núi có hình dạng khác nhau thì sẽ có phúc làm quan văn võ khác nhau. Những núi như Bình Tọa, Thương Cổ có thể hướng về phía trước hoặc đở ở phía sau, không cần cầu nệ phía trước Huyệt hay sau Huyệt.

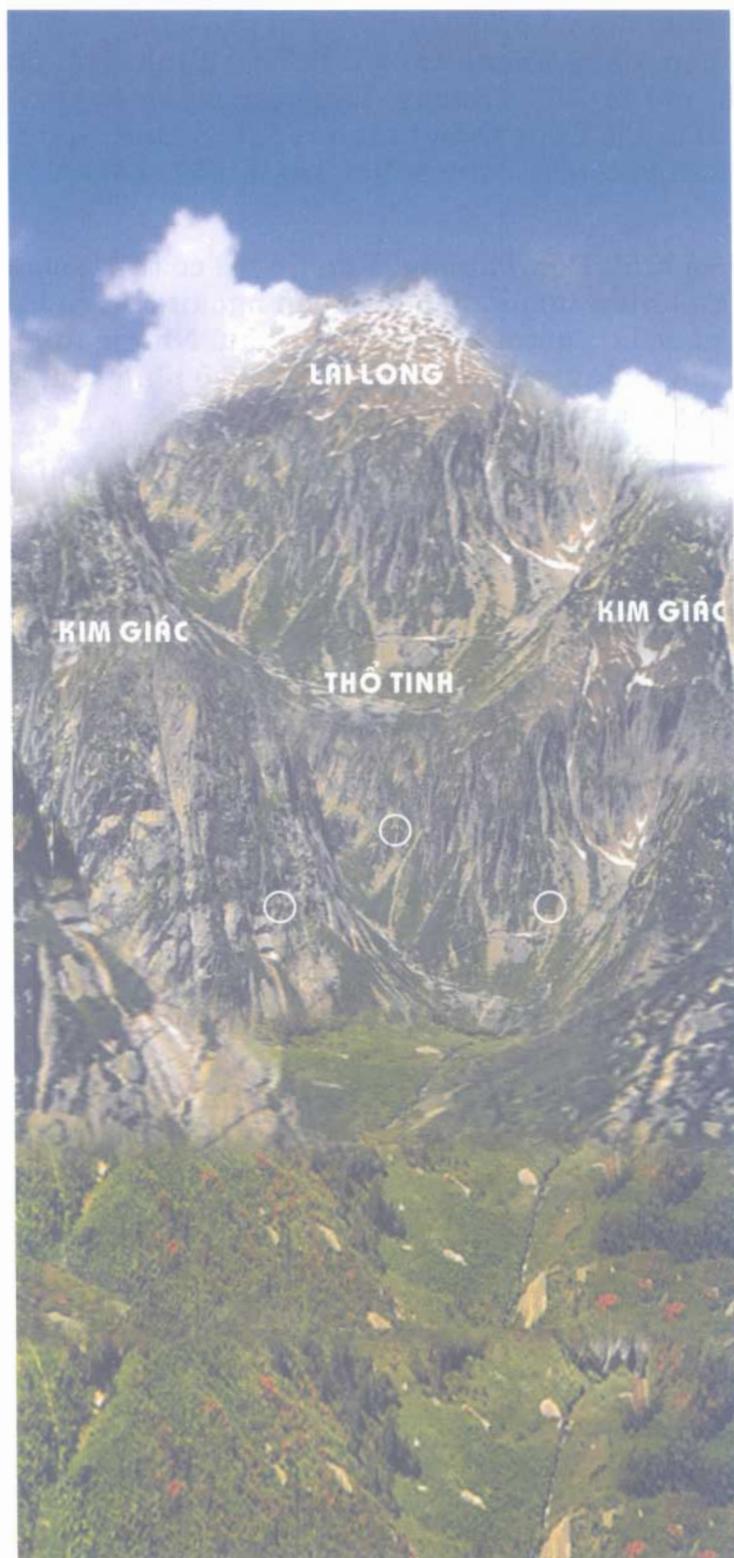
Núi cao, to, rộng, đỉnh lại hơi nhọn thì là Thương. Núi "đáy đà", đỉnh lại hơi bằng là Khố. Bên ngoài Long Hổ Sa của Sơn Long có nhiều khí dư, gọi là Diệu tinh. Khí dư tỏa ra từ phía sau Triều Án gọi là Quan tinh.

Đào là chỉ Đào Chu. Y là chỉ Y Đốn, đều là những người giàu có. Vương là chỉ Vương Đạo. Tạ là chỉ Tạ An, là những người tôn quý thời Phổ. Long thân mang Thương Khố tới, dừng lại ở hai bên trái phải, lại được Thương Khố bảo vệ thì đời sau sẽ phát phú, giàu có như Đào Chu, Y Đốn. Chỉ có mang theo Thương Khố thì mới là Phú Long, như bên ngoài Án Sơn sinh Quan tinh, bên ngoài Long Hổ sinh Diệu Khí thì đời sau sẽ phát quý, tức là được tôn quý như Vương Đạo, Tạ An.

Cái gì là Quan, cái gì là Diệu là được giải thích ở trên, vậy rốt cuộc Quan và Diệu có tác dụng gì?

Quan Diệu Thi viết: "Long Hổ thông thân, nhọn và đẹp thì Long Thân xuất hết khí tốt", lại nói: "kẽ bên phải trái trước Huyệt thì là đất vương hầu quan phẩm". Quan tinh không chiếu thì khó mà có được quý, Diệu tinh nên tối thì mới cân bằng. Nhiệm vụ của Diệu tinh là làm cho Huyền trưởng có thể cân bằng. Nhiệm vụ của Quan tinh là giúp cho con người phát quý. Nếu không phải là chân Long chính Huyệt thì không cần hai ngôi sao Quan và Diệu này. Quan Diệu là sự hội tụ của Sơn minh tú Khí, có hình tượng đặc sắc riêng, phát nhiều phúc cho con cháu, hình dạng của nó cắn tròn, bằng phẳng, ngay ngắn, không gồ ghề, khúc khuỷu.





Kết Huyệt ở hai đầu Song Kim

Văn tinh thấp thì dễ chết yếu. Thiên Trụ cao thì có thể sống thọ như Bành Tổ. Ấn nỗi mặt nước, xuất hiện khôi nguyên. Nước tụ ở Thiên Tâm thì đại phú đại quý.

Văn tinh chỉ Văn Bút Phong. Thiên Trụ chỉ núi chủ sau Huyệt, không nên câu nệ đỉnh núi ở vị trí nào mới là Văn tinh, núi ở hướng nào mới là Thiên Trụ. Ứng nghiệm của Sơn Thủy không chỉ có ở sự giàu có mà còn ở tuổi thọ. Đỉnh Văn Bút thấp, hõm xuống thì đời sau có thể sinh ra người thông minh, nhưng lại sống không thọ, có thể chết yếu, khó qua được 32 cửa ải. Văn tinh quá thấp thì nước dễ tràn vào tàn phá, do đó dễ chết yếu. Núi chủ cao chọc trời thì đời sau có nhiều người sống thọ.



Thiên Trụ cao chọc trời, Văn tinh thấp, hõm xuống.



Đá to hoặc tròn, trơn xuất hiện ở trong nước gọi là Tác Án. Nhìn thấy Thạch Án giữa dòng nước thì vô cùng may mắn. Dương Quân Tùng từng nói: "Thạch Án nổi ở giữa mặt nước thì tất sẽ phú quý, sinh công hầu", cũng chính là ý này. Án nổi mặt nước thì nhất định sẽ xuất hiện khôi nguyên (người thi đỗ đầu bảng). Hình tượng Sa Thủy thế nào thì cũng sẽ tạo ra con người tương ứng. Như Án nổi mặt nước có hình thanh tú thì sẽ xuất hiện người nho nhã, giỏi văn Chương. Thiên Tâm là chỉ trung tâm của Minh Đường, nước tụ về Minh Đường không chảy đi nữa thì đại phú đại quý, danh tiếng vang xa, đây là điều mà ai cũng biết.

Dương Quân Tùng cũng từng nói: "Ao hồ tích nước, không chảy đi thì át sinh phú quý". Đây chính là một trong những pháp độ lập Long Huyệt Sa Thủy, Long Thân phải thật, mà Huyệt Tình phải ngay ngắn thì tự khắc Sa Thủy Đường Cục cũng sẽ may mắn, nếu Long không thật, Huyệt không ngăn ngắn thì dù núi xung quanh có cao chọc thủng trời mây, nước không chảy đi thì cũng sẽ không thấy khí quý, sẽ không thể tạo phúc âm cho đời sau.

Cuối cùng, Long Pháp suy cầu, nghĩ là cần khéo léo suy luận dựa vào sự quan sát và suy nghĩ. Sa Thủy Long Huyệt tương ứng, biến hoa liên tục, cần phán đoán và suy xét dựa vào sự quan sát và suy nghĩ thấu đáo, có vậy mới không xảy ra sai sót nào.





PHẦN 5. QUÁN THỦY

Quán thủy là khảo sát về nước, bao gồm nguồn nước, hướng đi và chất lượng nước. Thủy là một trong những yếu tố quan trọng trong phong thủy. Sơn thủy cùng nhau vận hành, Thủy là huyết mạch của Long. Thủy lớn, Lai Long dài; Thủy nhỏ, Lai Long cũng ngắn. Nơi Thủy đến là nơi Long phát mạch, nơi Thủy tận Long cũng tận. Ngoài ra, sở dĩ Thủy là nhân tố rất quan trọng trong phong thủy, là Thủy có tác dụng dẫn khí, Thủy bay đi thì sinh khí tản, Thủy ngưng kết thì sinh khí tụ, Thủy uốn khúc thì tài lộc tụ, Thủy chạy thẳng sẽ bệnh tật nghèo khó. Nơi Thủy đến là Thiên môn, địa hình cần rộng rãi, Thủy không nên xông thẳng; Nơi Thủy đi là Địa hộ, địa hình nên kín, đường nước uốn cong, không nên đi thẳng, không nhìn thấy Thủy đi là tốt nhất.



5.1 THỦY PHÁP

CÁT HUNG VỀ

HÌNH THẾ CỦA NƯỚC



Muốn biết rõ về Ngũ tinh của núi, xin xem kỹ phần “Ngũ tinh”, vậy khi bàn về nước thì cụ thể sẽ như thế nào? Theo cách nói của Dương Quân Tùng thi: Nước chính là huyết mạch của núi. Nước là con, khí là cha. Khí sinh thủy (nước), ngược lại, thủy có tác dụng tụ và dưỡng khí. Điều này cũng tương tự như con cái phụng dưỡng, báo hiếu cha mẹ thì tất sẽ vượng khí vậy. Nếu nước không tụ lại mà chảy đi thì nghĩa là tiết khí, tâm suy. Trên cơ thể con người, khí tạo thành thân thể, Thủy chính là huyết dịch. Nếu máu chảy tràn ra ngoài thì khí và tâm đều sẽ bị suy. Theo cách nói của Táng thư thi: Ngoại khí tung hoành ngang dọc, nội khí vừa dừng vừa sinh thì ngoại khí sẽ tụ ở nội khí. Long gấp Thủy sẽ dừng nên mối quan hệ giữa núi và nước (hay còn nói là mối quan hệ giữa khí và huyết) là vô cùng mật thiết, chặt chẽ. Để tìm hiểu rõ về mối quan hệ này, cần có sự nghiên cứu thật tỉ mỉ, kỹ càng. Trong cuốn này các phương pháp luận thủy thường lấy chính lý về hình thế của nước làm chuẩn. Đường nước phải uốn lượn, vòng veo và hữu tình. Đường nước đến không được xộc thẳng vào, đường nước đi không được thẳng tuột mà phải cong vòng với ý như ngoái nhìn lại phía sau. Đường nước không được xộc thẳng, không chảy ngược, không đồ gấp thì mới được coi là tốt. Đường nước hữu tình là đường nước có từ 3 đến 5 khúc quanh, lưu luyến không rời Huyệt trạch, đường chảy đi uốn lượn, cong vòng. Bốc Thị “Tầm long điểm huyết” chỉ luận về sự cát hung, lành dữ của hình thế đường nước chứ không bàn tới ảnh hưởng của phương vị cũng như của các chòm sao.

Xin mượn lời của Lưu Bạch Ôn: “Sử dụng Cửu tinh hay Bát quái thì các thuyết như Sinh vượng tử tuyệt sẽ trở nên vô nghĩa, trống rỗng”. Bên cạnh đó, ông còn chú thích thêm là không thể tuyệt đối tin tưởng vào các tà thuyết về phương vị và Bát quái. Các thuyết Huyền không như Cửu tinh, Trường sinh, Tứ kinh, Tứ khố đều chỉ là sự lừa dối mà thôi.

Thực ra, ý nghĩa thực sự của câu chú thích này là: Vì trong tất cả các phương pháp luận về Thủy (nước) của “Tầm long điểm huyết” đều không

có bất cứ một câu nào nói rằng sự Sinh vượng tử tuyệt của quẻ Huyền không và Tinh thể phương vị là giả dối cả.

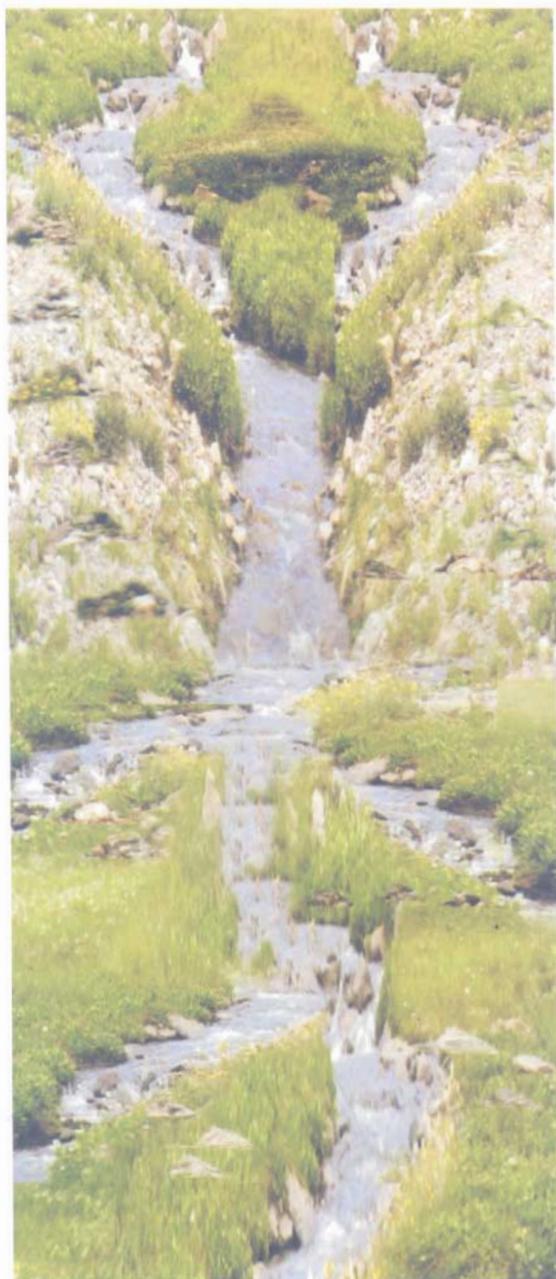
Bốc Thị là người đời Đường, còn học thuyết Lý khí Huyền Không là do Dương Quân Tùng chuyên tâm truyền thụ lại cho đệ tử của mình. Dương Quân Tùng cũng là một người đời Đường Tống. Phương pháp Bốc vân luận thủy chỉ coi trọng hình thế của núi non mà không bàn đến lý khí. Bởi hình thế thật sự chỉ có một, trong khi các quẻ bàn về sự cát hung, lành dữ thuộc phương diện Lý khí lại chỉ có phạm vi tương đối hẹp với nhiều trường phái khác nhau. Đến sau đời nhà Đường, học thuyết Lý khí dần được phổ biến rộng rãi với nội dung ngày càng sát thực và nhiều học thuyết phong phú hơn. Vào thời Bốc Thị, Lý khí chỉ được hiểu một cách cụ thể và nhỏ bé, công phu Hình thế mở rộng và rất sắc sảo. Bởi vậy, khi viết "Tâm long điểm huyệt", Bốc Thị đã lấy Hình thế làm nội dung chủ đạo. Cho đến ngày nay, tất cả mọi người đều biết rằng khi nói đến Phong thủy, rất cần nhắc tới Hình thế, Lý khí bởi hai yếu tố này là vô cùng quan trọng. Khi xem núi, xem nước, việc phải làm trước hết là xem Hình thế. Hình thế có tốt thì mới có thể sử dụng được. Điều quan trọng nhất là phải kết hợp Lý khí. Tuy nhiên, nếu chỉ chuyên chú vào học thuyết Lý khí mà coi nhẹ sự tốt xấu của Hình thế thì lại không thể được. Ngược lại, nếu chỉ chuyên chú vào Hình thế, bỏ qua học thuyết Lý khí thì dù Hình thế có tốt đến mấy, bạn cũng chỉ thu được một nửa phúc khí mà thôi.





HÌNH DẠNG TỐT CỦA NƯỚC

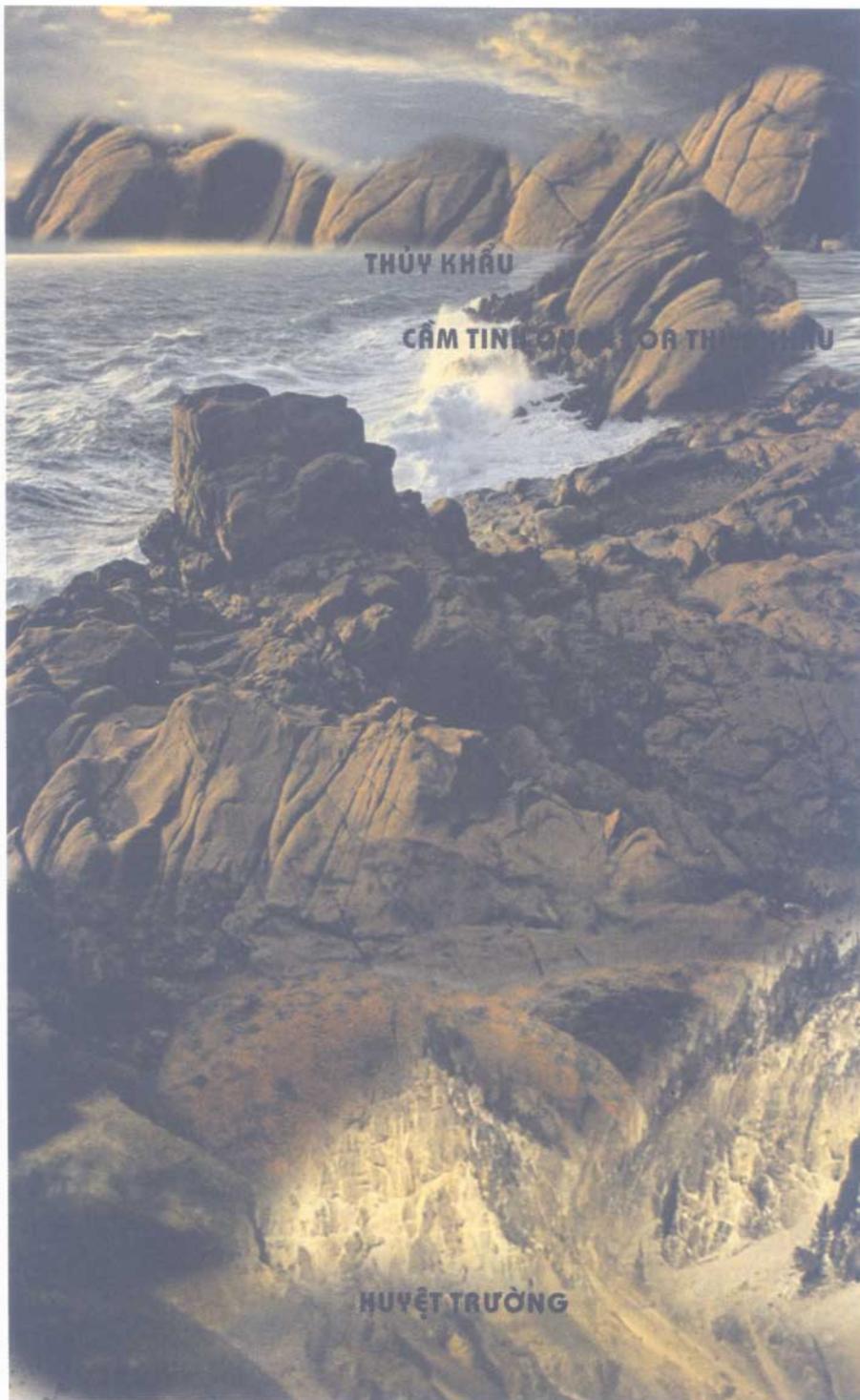
1. Giao: Hai đường nước chảy giao nhau.



Nước giao hội



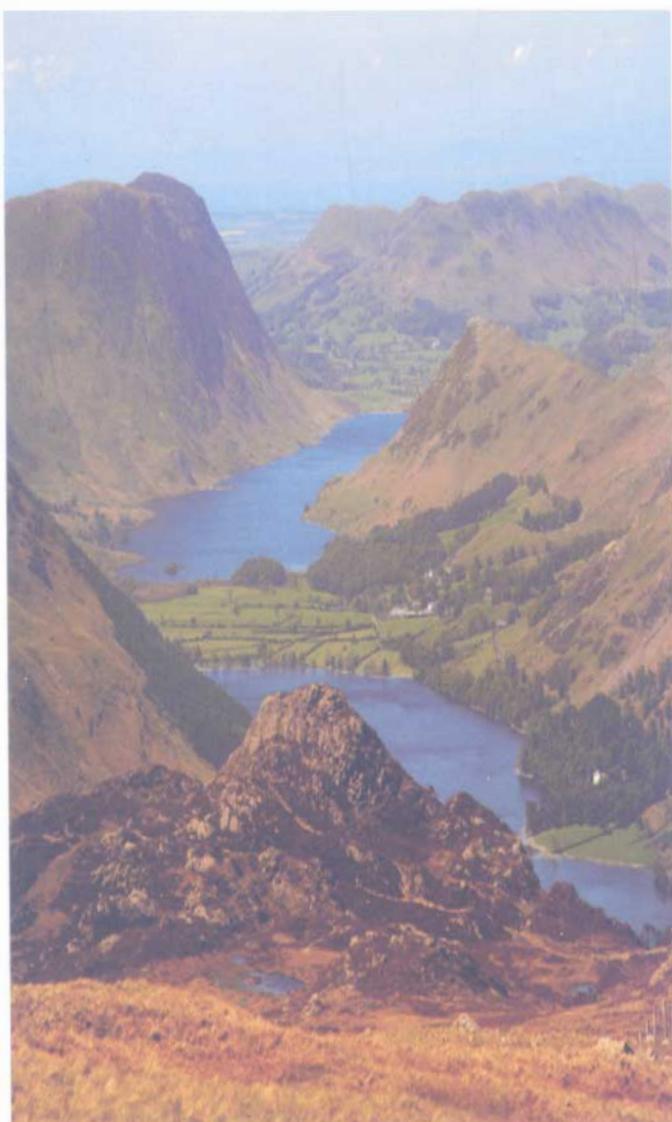
2. Tỏa: Tại nơi đường nước đi ra có Sa chẵn lại, như bị khóa (tỏa).



Nước bị khóa



3. Chức: Đường nước đến và đường nước đi đều quanh co, uốn khúc như hình con thoi dệt vải.



Nước thoi đưa

4. Kết: Nhiều đường nước đan cài, xen kẽ với nhau tạo thành các nút kết như dây thừng. Các đường nước tụ lại ở Đường. Vùng đất tốt nhất là nơi có đường nước tạo thành các dạng giao, tỏa, chức, kết. Nếu lựa chọn địa điểm để kết huyệt, nhất định phải chọn đặt tại nơi có đường nước tạo thành một trong bốn dạng đã nêu ở trên. Có như vậy mới được hưởng nhiều điều cát lợi, tốt lành.

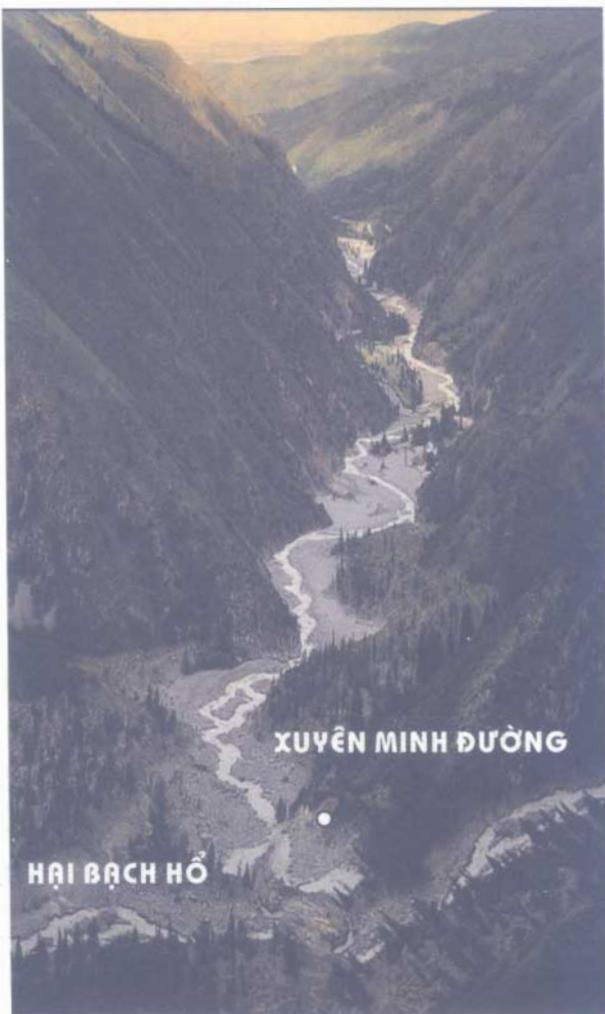




HÌNH DẠNG XẤU CỦA NƯỚC

Nếu là đường nước tốt thì nên đi theo, nếu là đường nước xấu, nên cố gắng tìm cách tránh né. Xuyên, Hại, Tiễn, Xạ đều là những kiểu đường nước xấu và chảy xiết, nên cố gắng tránh né và tuyệt đối không được tùy tiện sử dụng.

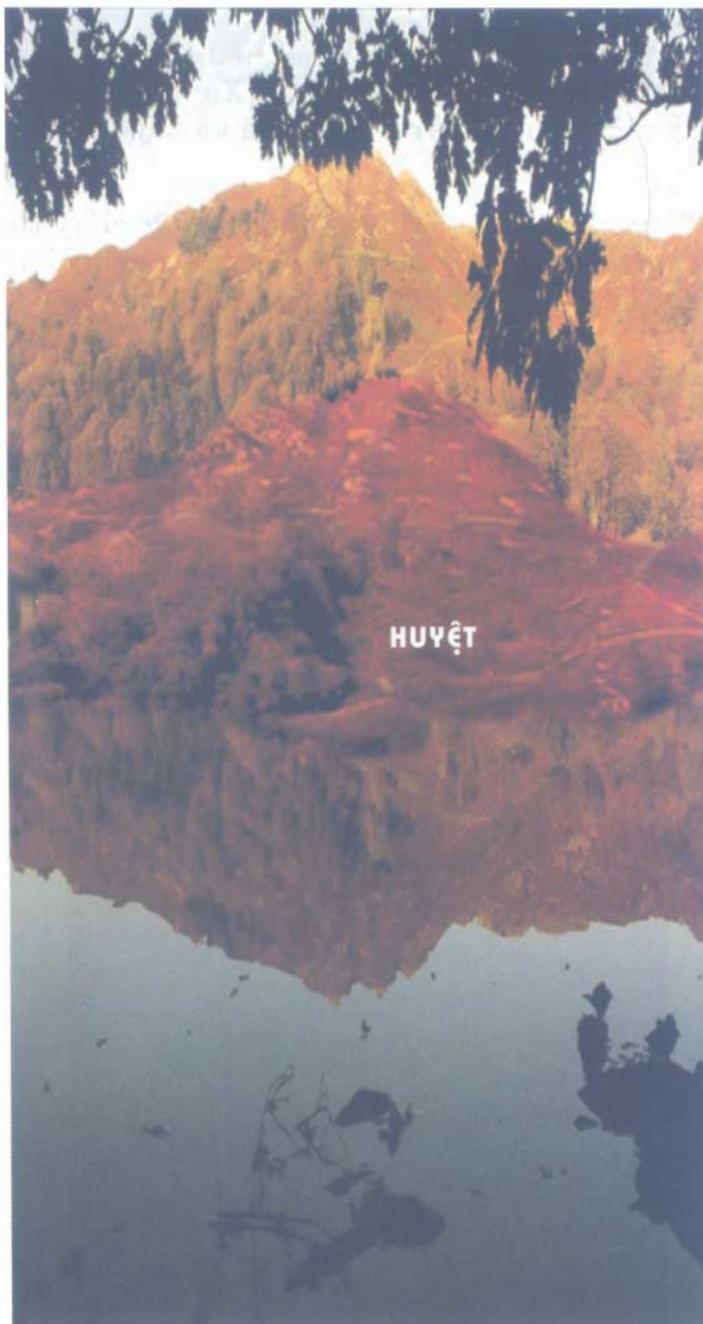
1. Xuyên: Thủy phá Minh Đường (đường nước chảy thẳng vào Minh Đường, xuyên qua tâm Minh Đường và chảy ra ngoài) hoặc đường nước đâm thẳng vào sườn núi nhỏ (Long Sa hoặc Hổ Sa).



Xuyên Minh Đường

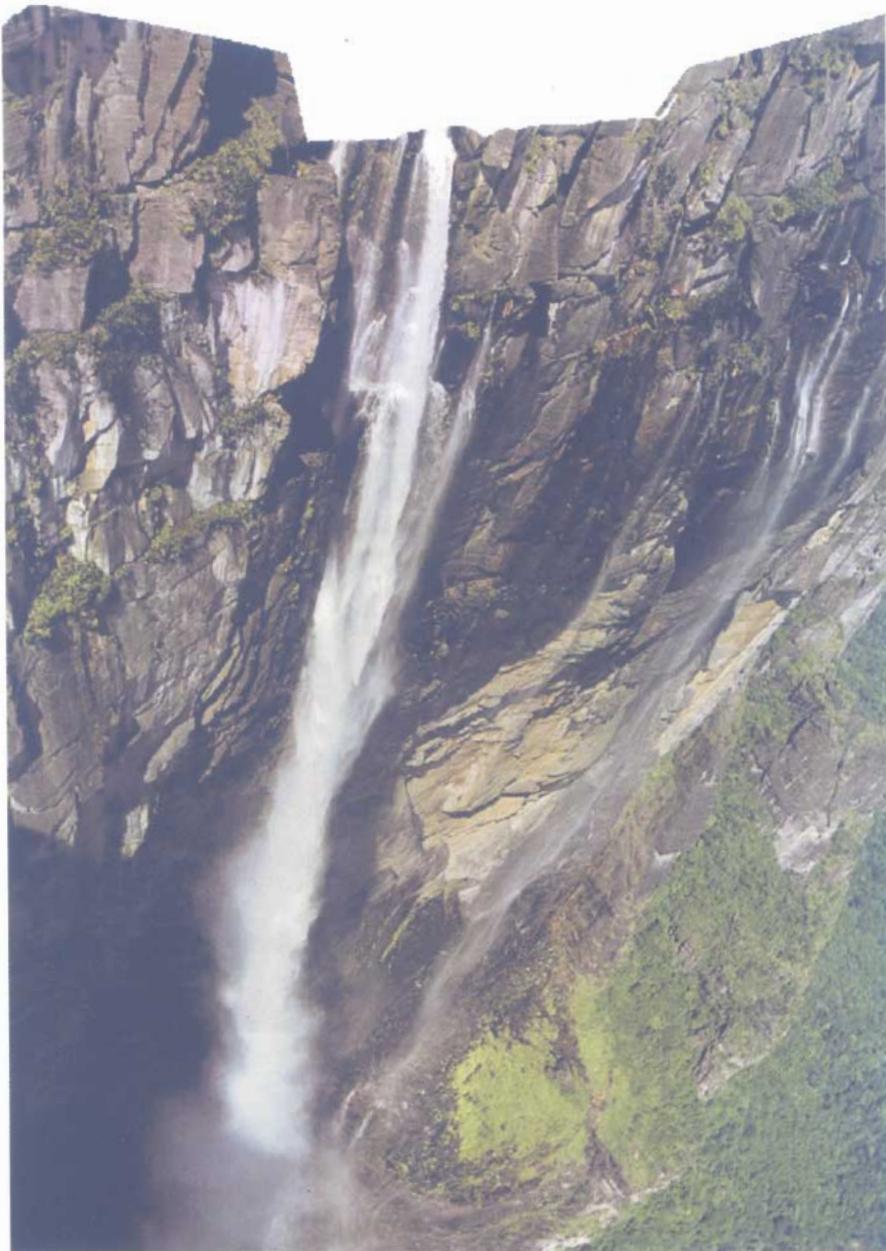


2. Cát: Phía trước huyệt không có núi nhỏ (Sa) che chắn, đường nước đi qua Nội đường, gây hại đến chân huyệt hoặc chiếu thẳng vào phía sau Huyệt tinh hoặc phía trước huyệt không có Dư khí, đường nước chảy qua ép sát chân núi. Tất cả những trường hợp đó đều gây ảnh hưởng không tốt đến chân huyệt. Đây còn gọi là nước cắt chân.



Nước cắt chân

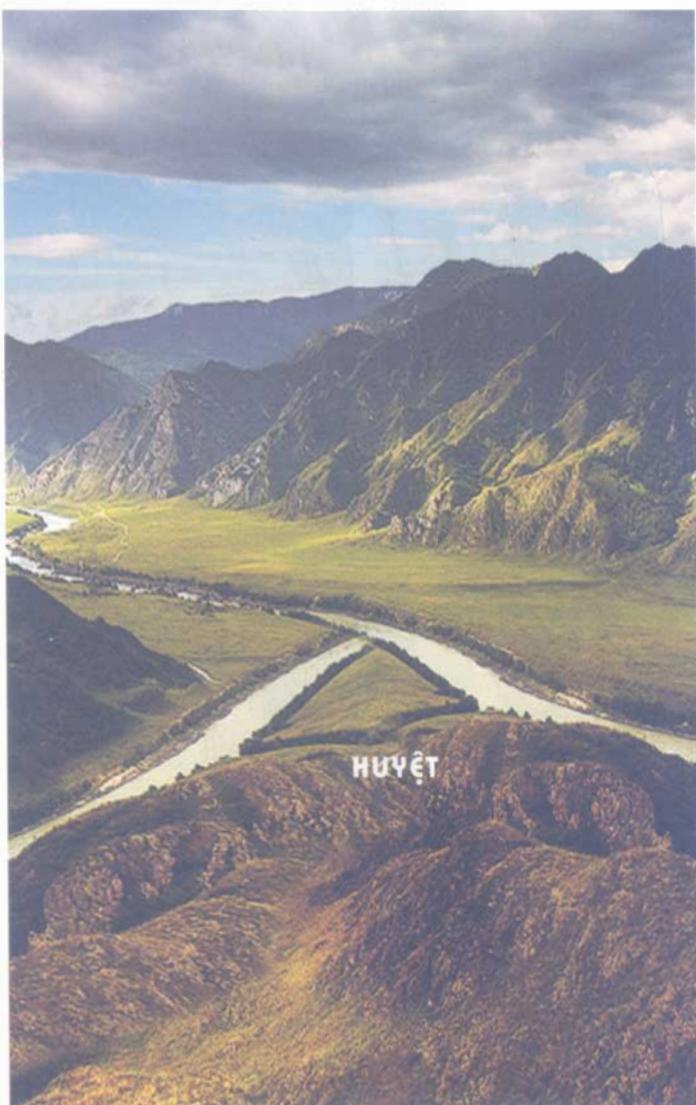
3. Tiên: Đường nước chảy đến và đi rất xiết và mạnh, giống như một mũi tên khi được bắn đi với tốc độ nhanh.



Tiên thủy



4. Xạ: Đường nước chảy xộc thẳng vào tâm huyệt hoặc hướng tới huyệt từ cả bên phải và bên trái giống hình mũi tên. Xạ thủy được chia thành các dạng là Xạ huyệt, Xạ yếu, Xạ Long Sa, Xạ cánh tay.



Xạ thủy xung huyệt

Những nơi có đường nước tạo thành một trong các dạng Xuyên, cát, tiễn, xạ như miêu tả ở trên đều là vùng đất xấu, không nên lựa chọn mà nên cố gắng tránh né đến vùng đất khác tốt hơn.





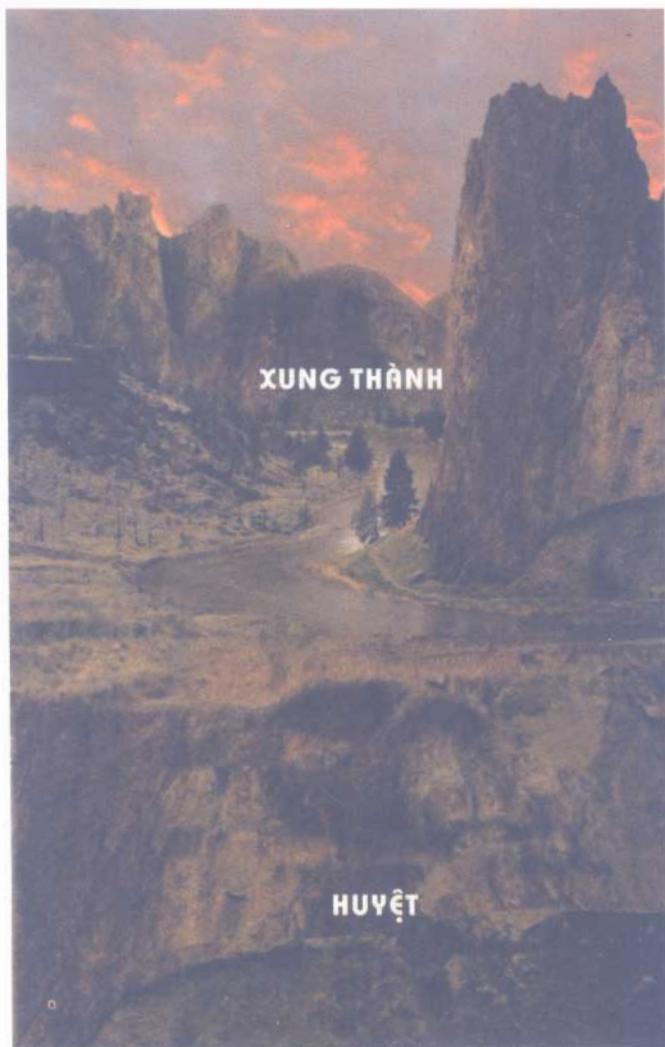
TƯƠNG XẤU CỦA THỦ Y THÀNH

Đến gấp xung huyệt thành, khuynh gia bại sản. Cong lưng, người vô tình.

1. Thành: Từ "thành" có hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất là chỉ các núi nhỏ (Sa) ở xung quanh Minh Đường Huyệt tinh; nghĩa thứ hai dùng để chỉ đường nước bao quanh huyệt, còn gọi là "Thủy thành", hoặc huyệt thành.

Núi nhỏ chắn phía trước khiến đường nước đột nhiên bị chặn lại và chảy xiết. Kiểu đường nước bị chặn bởi núi như vậy sẽ khiến người gặp khuynh gia bại sản. Tại sao lại như vậy? Như đã trình bày ở phần trên,

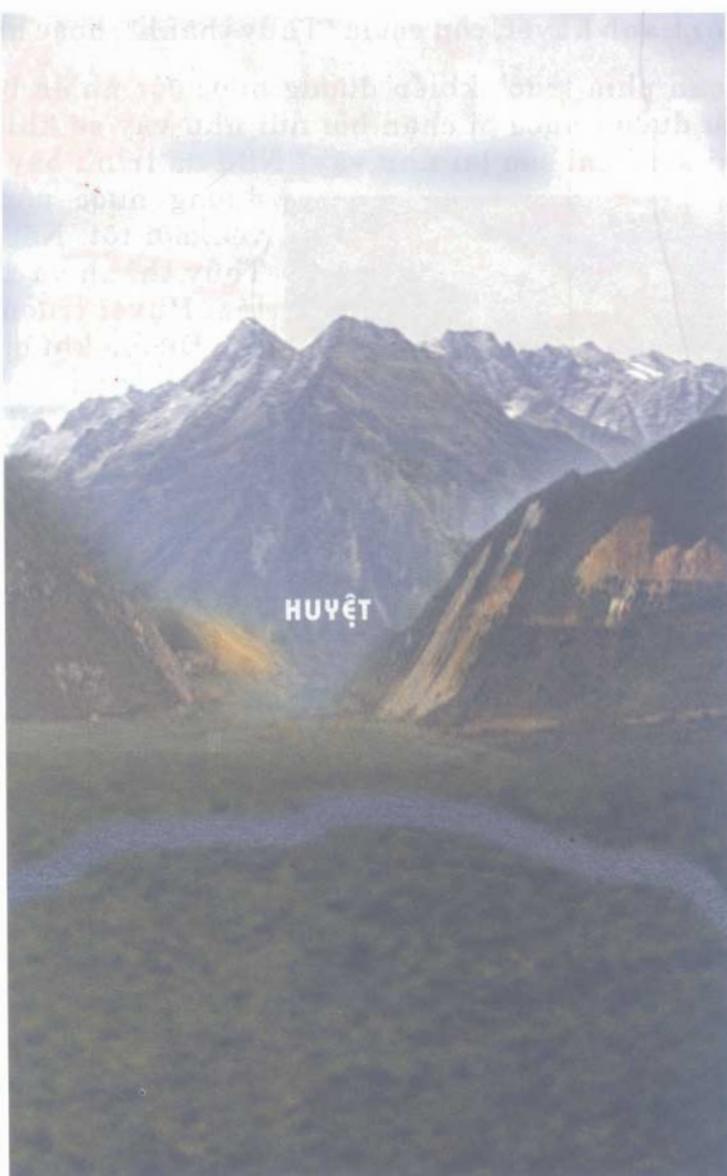
đường nước uốn lượn, vòng vèo mới tốt. Nếu là Mộc hình Thủy thành và xộc thẳng vào tâm Huyệt trường, tức là làm cho Đường khí bị xung tán, sẽ khiến người chủ bị khuynh gia bại sản. Như vậy, kiểu đường nước này đương nhiên là không tốt.



Xung huyệt thành



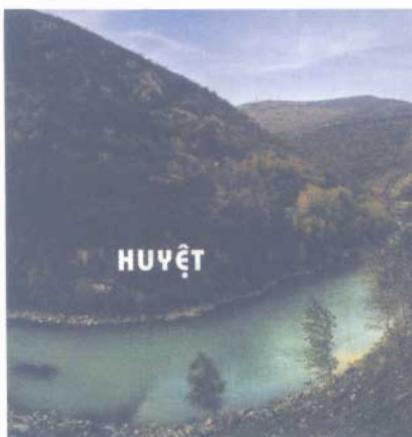
2. Đường nước cong lưng: Đường nước chảy thành hình vòng cung, quay lưng lại với thành. Kiểu đường nước chảy như vậy sẽ sinh ra những người có tâm địa xấu xa, giảo hoạt. Nếu đứng ở phía trước bia mộ không nhìn thấy đường nước hình vòng cung chảy phía sau mộ thì đường nước này không được xếp vào dạng xấu. Đường nước đến phải vòng vèo, uốn lượn, ôm lấy hướng huyệt thì mới được xem là hữu tình và được coi là đường nước tốt. Nếu đường nước chảy ngược và hướng ra phía ngoài thì được coi là vô tình, khiến tính tình con người cũng trở nên cố chấp, không hòa đồng và sẽ thường xuyên làm điều ác.



Nước cong cung

3. Đường nước chảy thành hình Kim (cong vòng), chảy uốn lượn, chảy ngang và thẳng (hình Thổ) được coi là những đường nước tốt. Ngược lại, đường nước chảy nghiêng lệch (hình Hỏa) hoặc đường nước chảy xộc thẳng xuống (hình Mộc) được cho là không tốt. Tất cả các dạng như Lai long, Huyệt tình, Đường khí, Cục thế... đều tốt, nhưng đường nước chảy thành dòng ôm ngược hoặc chảy quá xiết, ngáng xuống Huyệt thành, còn được gọi là Thủy cổ (từ "cổ" ở đây không có nghĩa là cổ điển, cổ đại mà có nghĩa là không tốt đẹp), khi đó Long chân mà lại điểm đúng Chính huyệt, thì đương nhiên không thể chỉ vì đường nước không tốt mà bỏ qua Huyệt trường. Trong trường hợp này, có thể dùng một số phương pháp để bù đắp cho sự không tốt của đường nước như dùng rào chắn hoặc trồng cây để khi đứng ở phía trước bia mộ sẽ không nhìn thấy đường nước phía sau. Tuyệt đối không nên chỉ vì đường nước không tốt mà bỏ huyệt. Kể cả khi không có Long (vô Long) thì cũng không được vội vàng kết luận ngay là đường nước ở đó không tốt mà cho rằng Tịch khẩu.

Thủy thành có 5 hình dạng là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Trong 5 dạng Thủy thành, có 2 dạng là Hỏa và Mộc được đánh giá là không tốt. Thủy thành dạng Mộc thường xộc thẳng vào, trong khi Thủy thành dạng Hỏa lại nhọn và nghiêng. "Ngọc Túy kinh" viết: "Bao vòng quanh mộ là Kim thành; Mộc là sợi dây thừng xổ mũi trâu; Hỏa giống như người lật ngược sách; Thủy tinh cong vòng, uốn khúc như hình chữ chi; Thổ tinh thẳng và bằng phẳng. Nhưng quan trọng hơn nữa là cần phân biệt cả tiếng nước chảy đó là đục hay trong". Không chỉ miêu tả rõ ràng hình dạng của Thủy thành một cách đơn thuần, câu nói của Ngọc Túy còn yêu cầu chúng ta cần lưu ý xem tiếng nước chảy, ngưng đọng là trong hay đục (xem hình). Ngũ hình của đồ hình Thủy thành cần có vượng và tương sinh với Tinh thể, nhất thiết không được tương khắc. Hình thức của Thủy thành tốt nhất là cong vòng, không nên cầu nệ nước chảy từ bên trái đổ về bên phải, chảy từ bên phải và đổ về bên trái, hoặc là Âm thuận Dương nghịch.

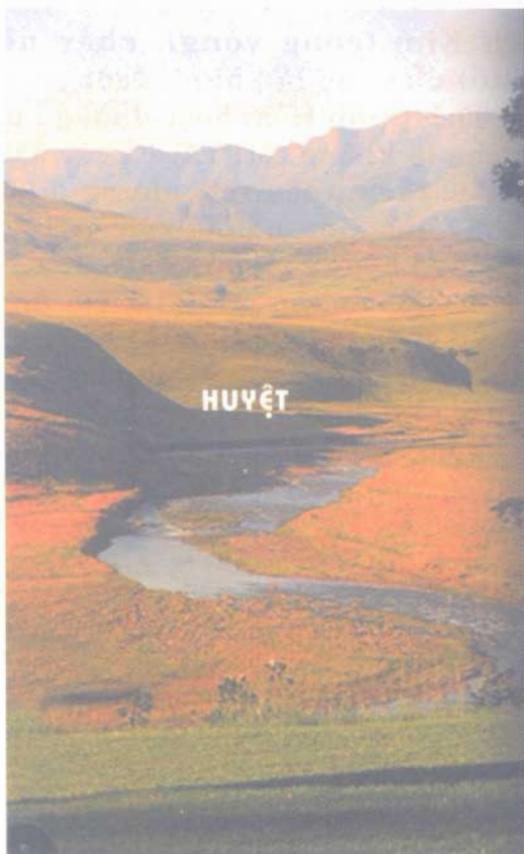


Thủy thành hình Kim

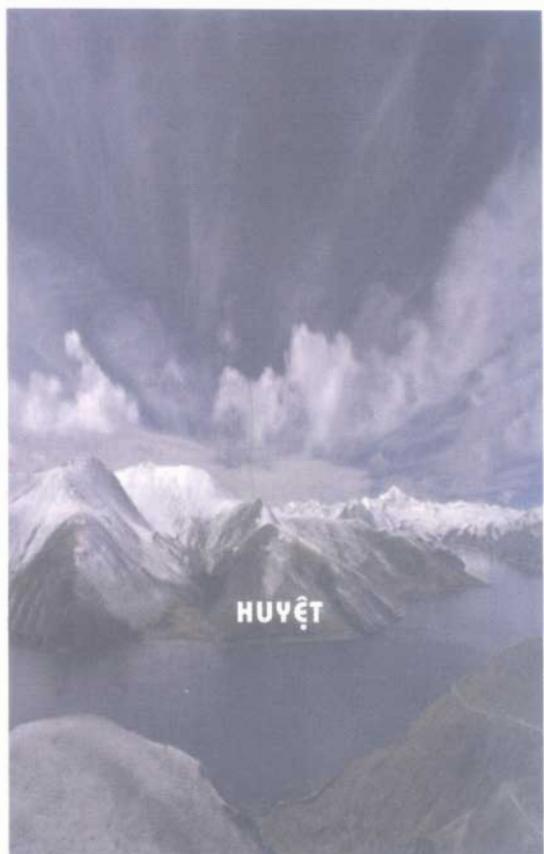


Thủy thành hình Mộc

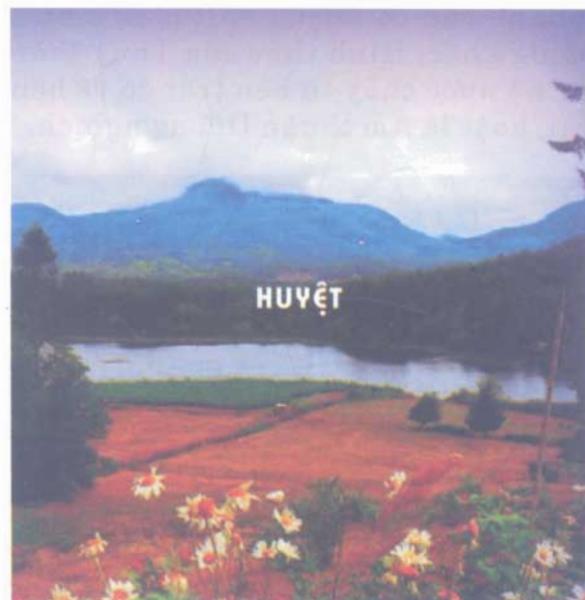




Thủy thành hình Hỏa



Thủy thành hình Thổ



Thủy thành hình Thủy





THỦY ỐM HUYỀN VŨ SẼ PHÁT PHÚC DÀI LÂU

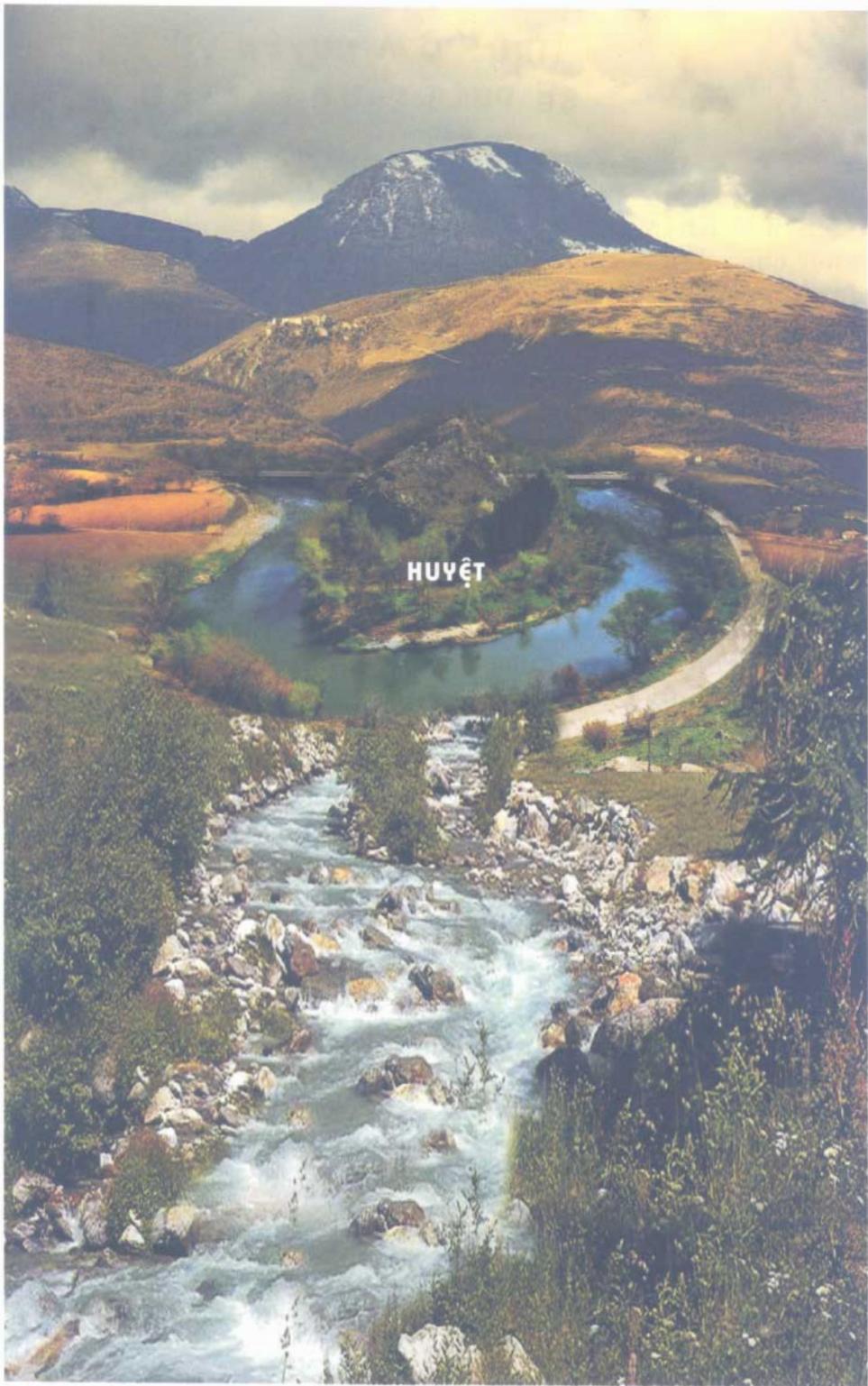
Huyền vũ là Kháo Sơn chính phía sau huyệt. Âm phần Dương trạch có đường nước chảy đến Minh Đường, sau đó đường nước này còn chảy ra sau vòng quanh Huyền vũ rồi mới chảy đi, thì mới phát phúc lâu dài, bền vững.

Với những người là quan chức, được hưởng nhiều phúc lộc thì nhất định phải có đường nước chảy đến Minh Đường và phải bao quanh Long Hổ Sa (Thanh long ở trên là nói chung cả Thanh long và Bạch Hổ ở bên trái và bên phải) rồi mới chảy đi. Chỉ có như vậy, Đường khí mới không bị phát tiết ra ngoài, con người tự nhiên được cả "phú" lẫn "quý".

Đường nước đến Minh Đường rồi chảy uốn khúc, vòng vèo, như đi mà lại như không đi. Khi đó, Ngoại khí ngưng đọng, Nội khí không bị phát tiết, khiến lực âm càng thêm lớn mạnh, giúp con người được hưởng phúc lâu dài. Vì vậy, các đường dẫn nước vào ở cả phía trước và phía sau đều phải dày đặc và gần với nhau, không được thưa thớt hay rời rạc. Thủy chảy quanh Huyền vũ, tức là Thủy khẩu ở phía sau, đường nước ở cả phía trước và phía sau đều quy về một mối, khi đó tự nhiên sẽ được khí tụ trường phái. Nếu ở phía sau không có Quan tỏa (chốt chặn) khiến bất cứ đường nước nào chảy đến cũng đều chảy đi dễ dàng và nhanh chóng thì khi có gió thổi tới, nước lạnh sẽ xâm nhập vào từ phía sau khiến khí nhược thân suy, sự phát phúc tất không được bền vững, lâu dài.

Long quý hồi nghịch (quay đầu hướng về núi tổ), không đơn thuần chỉ sự tương giao của nước và núi mà còn là Thủy bao quanh Huyền vũ hợp với Thủy khẩu ở phía sau, nghĩa là thu nhận đường nước từ phía sau lưng. Phía trước có Long Hổ hợp bao lấy Thủy khẩu, phía sau có Hợp khâm Thủy khẩu, có nguồn nước phong phú, dồi dào, tụ về phía trước Đường mà không chảy mạnh đi. Chỉ có như vậy mới được phát phúc lâu dài, người làm quan được hưởng nhiều bổng lộc, phú quý.





Đường nước về kho, phát phúc lâu dài



Đường nước chảy bao quanh Thanh Long, Bạch Hổ, khiến người làm quan được hưởng nhiều bỗng lộc, phú quý.



Nước quanh Thanh Long





THIÊN MÔN MỞ THU NGOẠI KHÍ ĐỊA HỘ ĐÓNG THU NỘI KHÍ

Quý ở chỗ Ngũ hộ đóng khép, Tam môn rộng mở. Cục tuy quý nhưng nếu Tam môn nhỏ hẹp thì không cần quan sát; huyệt tuy lạ nhưng nếu Ngũ hộ không đóng chặt thì không chọn.

Ngũ hộ: Địa hộ (cửa đất) là nơi nước chảy đi. Quanh huyệt trường có 8 cửa, ba cửa phía sau huyệt, cộng với hai cửa hai bên thành Ngũ hộ. Ngũ hộ cần đóng mới có thể tàng phong.

Tam môn: Thiên môn (cửa trời) là nơi nước chảy đến Đường. Trước huyệt trường có ba cửa, là Tam môn, là Đại Minh Đường, cần phải rộng rãi thoáng gió.

Tam môn địa hộ không dùng để chỉ phương vị, vì Dương trạch cũng có Tiền môn Hậu hộ.

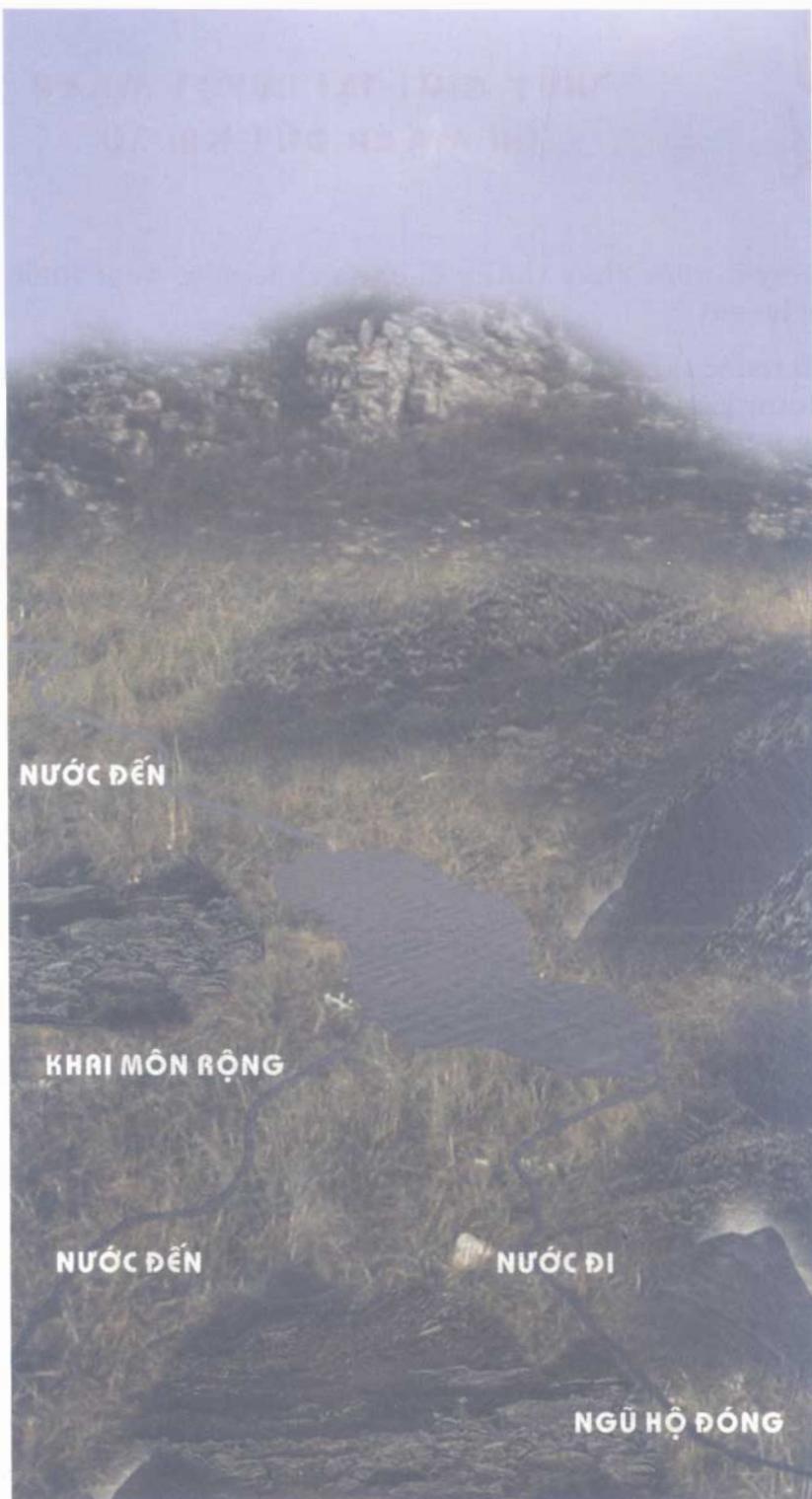
Thiên môn phải rộng mở để có thể dung nạp được lượng lớn nhất Ngoại khí vào Đường. Ngược lại, Địa hộ lại phải đóng thật chặt để nội khí không bị thất thoát ra ngoài. Đây chính là bố cục tốt đẹp, đáng quý nhất.

Huyệt thể (hình dạng của huyệt) rất kỳ lạ, nhưng Thiên môn lại bị ép xuống trở nên chật hẹp (đường vào nhỏ hẹp) hoặc Địa hộ rộng mở, khiến cục diện của La thành trở nên có Quý khí thì chỉ phát đạt ở mức độ nhỏ ngay sau khi chôn cất còn về lâu dài tất sẽ gặp thất bại.

Chỉ khi có Thiên môn rộng mở thì sơn thủy mới tìm đến. Chỉ khi Địa hộ đóng chặt thì sơn thủy mới hội tụ. Thiên môn không mở sẽ khiến Ngoại khí không tái được; Ngũ hộ không đóng chặt sẽ khiến Nội khí bị thất thoát, phát tiết ra bên ngoài. Đây là kiểu bố trí không tốt, không nên lựa chọn.

Một cách nói khác: Tam môn là chỉ nước đến Tam đường. Tam môn phải rộng mới tốt đẹp và hấp thu được khí. Ngũ hộ hay còn gọi là Hậu Tam dài, lại thêm Tả phù Hữu bặt (sự nương tựa, dựa dẫm ở cả bên trái và bên phải). Liêu Vũ đã từng nói: "Phía sau phải có Tam dài - 3 ngọn núi nhỏ; hai bên phải có núi phụ trợ, nương tựa, nếu được như vậy thì sẽ có phong tàng khí tụ. Điều kiện cần để đạt được như vậy là Ngũ hộ phải đóng khép thật chặt thì tất cả mới thông suốt, thuận lợi". Thầy Linh cho biết: "Hai bên tả hữu không được thấp, thấp quá không thể tàng phong tụ khí".

Nếu hiểu Cục là Tứ hợp cục, Ngũ hộ là Thái Suy Bệnh Tử Tuyệt của 12 cung Trường sinh, Tam môn là Tham lang Cự môn Vũ khúc của Du tinh thì sẽ ngược lại với ý ban đầu.



Thiên môn mở, Địa hộ đóng

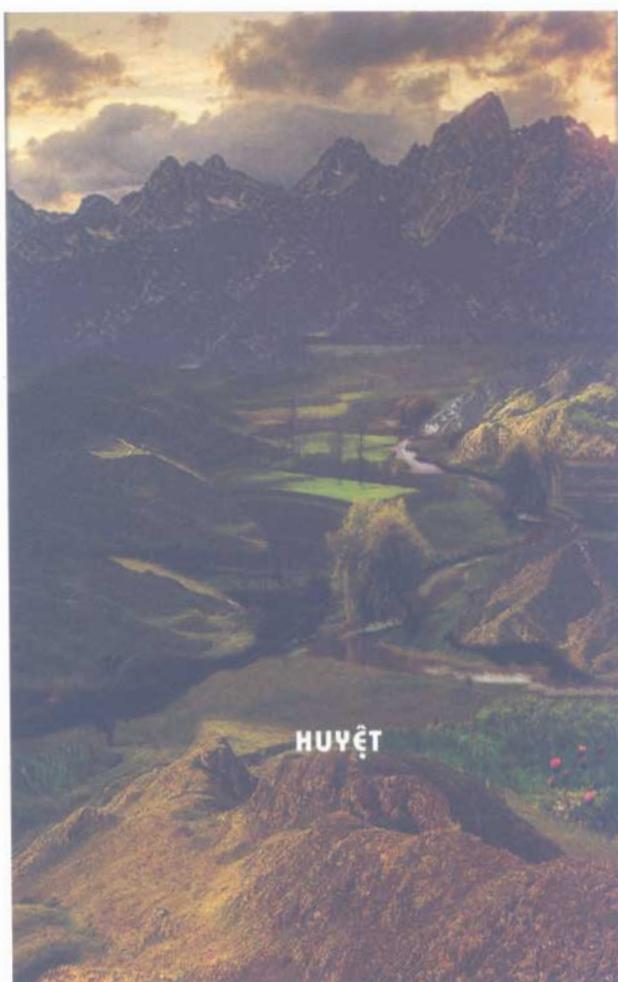




THỦY GIỚI TẠI HUYỆT MẠCH
THÌ MẠCH ĐỨT KHÍ TỤ

Trước huyệt nước chảy thẳng đi chưa chắc xấu, được nước bên ngoài chạy ngang lại cát.

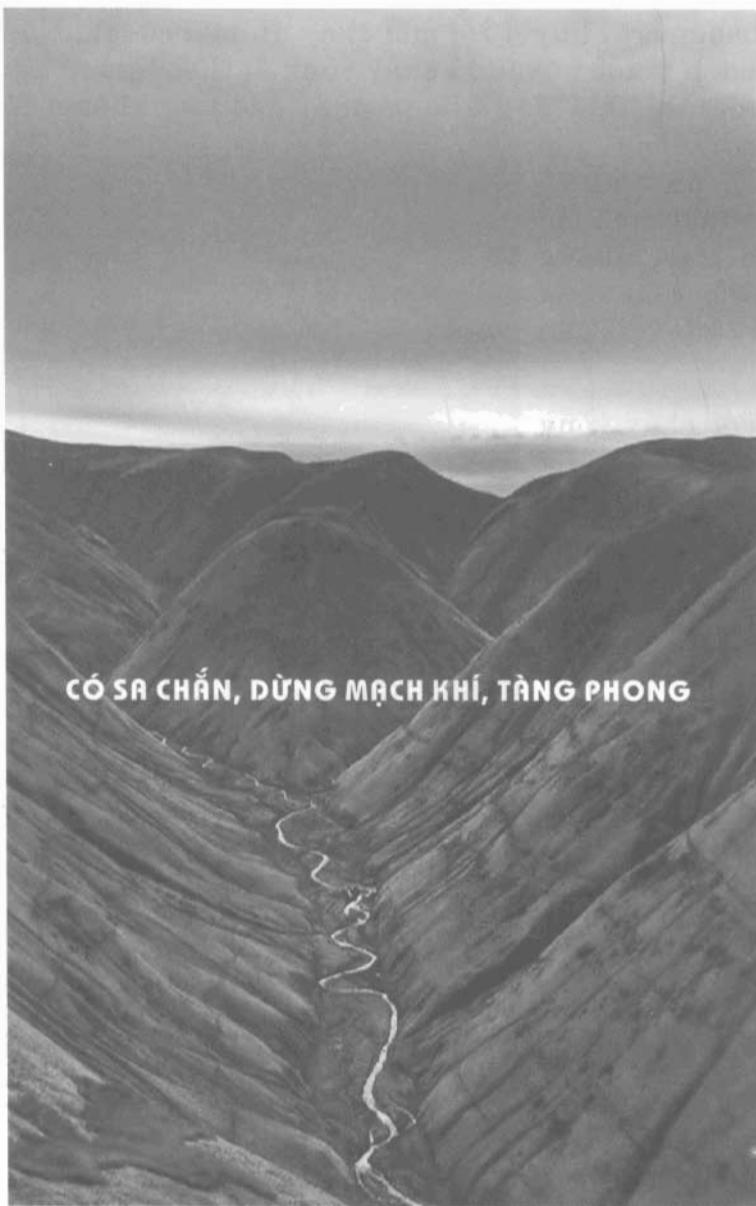
Nước từ trước tâm huyệt trường chảy thẳng đi, tuy ban đầu chưa thật sự có lợi nhưng cũng không thể nói là hung họa. Nếu ở một nơi tương đối xa có đường nước hướng về đầu huyệt, ôm lấy thủy đi, hung khí đến đó sẽ tụ lại, hóa hung thành cát. Vì vậy, nước chảy ra từ phía trước huyệt tất quý ở chỗ có núi nhỏ chắn ngang. Mạch dừng khí tụ, là do tác dụng của thủy; ngược lại, tàng phong vượng khí lại là do tác dụng của núi (sơn).



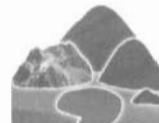
Nước chảy đi, chưa chắc đã hung

Tuy nhiên, đường nước chảy đi có dạng thẳng và dài, phía trước huyệt có hai núi nhỏ nằm ẩn, tiếp xúc với đường nước thật ở Tiểu Minh Đường. Bên dưới hai núi nhỏ nằm ẩn ở phía trước huyệt, chắc chắn có đường nước ngầm bao vây mạch khí, khiến Huyệt tình kết lại rất thân thiết.

Chân huyệt lại thấy như Long Hổ đẩy lên trước, thì huyệt phải có chân Sa chân Thủy, không được thiếu dù chỉ là một trong hai yếu tố. Chảy thẳng đi quá dài, có Án như bao đựng, cũng sê cát.

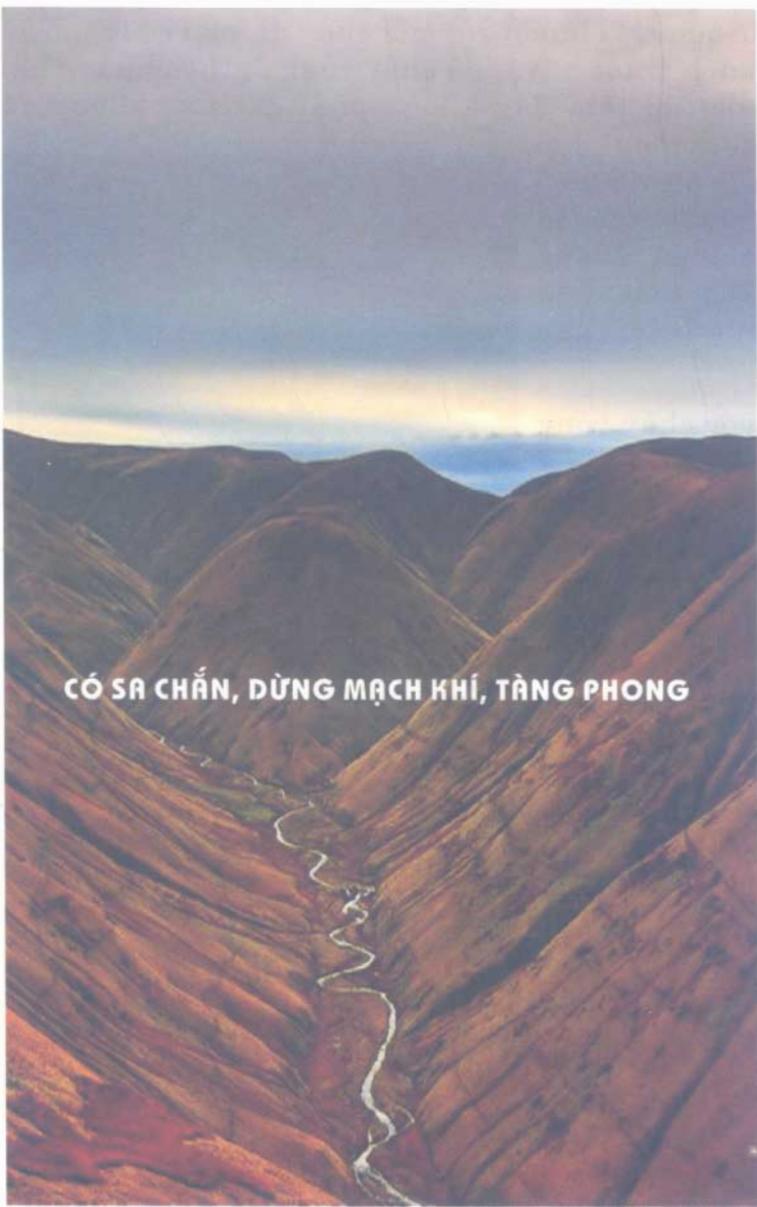


Núi chặn tàng phong



Tuy nhiên, đường nước chảy đi có dạng thẳng và dài, phía trước huyệt có hai núi nhỏ nằm ẩn, tiếp xúc với đường nước thật ở Tiểu Minh Đường. Bên dưới hai núi nhỏ nằm ẩn ở phía trước huyệt, chắc chắn có đường nước ngầm bao vây mạch khí, khiến Huyệt tình kết lại rất thân thiết.

Chân huyệt lại thấy như Long Hổ đẩy lên trước, thì huyệt phải có chân Sa chân Thủy, không được thiếu dù chỉ là một trong hai yếu tố. Chảy thẳng đi quá dài, có Án như bao đựng, cũng sê cát.



Núi chăn tàng phong



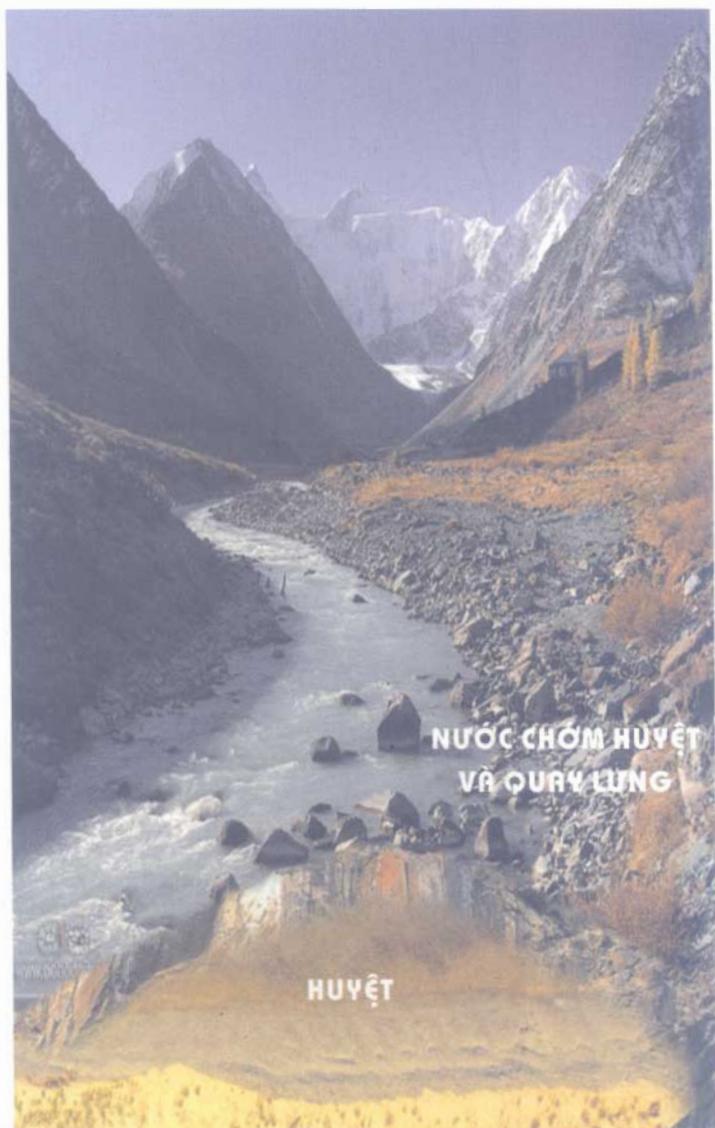


NÚI QUẢN CON NGƯỜI, NƯỚC QUẢN TÀI LỘC

Nước vòng qua huyệt rồi bỏ đi, vô giá trị. Nước ôm ngược vô tình, vừa phát đã suy.

Bất cứ đường nước nào chảy đến phía trước huyệt cũng cần vòng qua bên phải hoặc bên trái huyệt rồi mới chảy đi, mới có ích. Nếu đường nước chỉ vừa chớm đến trước huyệt đã chảy vòng đi theo hướng ngược lại thì cả khí và thủy đều bị tán, đây không phải đất tốt, không đáng giá. Tuy nhiên, trong trường hợp này, gia chủ hoàn toàn có thể bồi đắp nhân tạo để thay đổi cục diện đường nước nhằm tạo nên điều tốt đẹp, thuận lợi cho mình.

Đường nước chảy vòng qua huyệt, mà quay lưng thì không có chút giá trị nào.

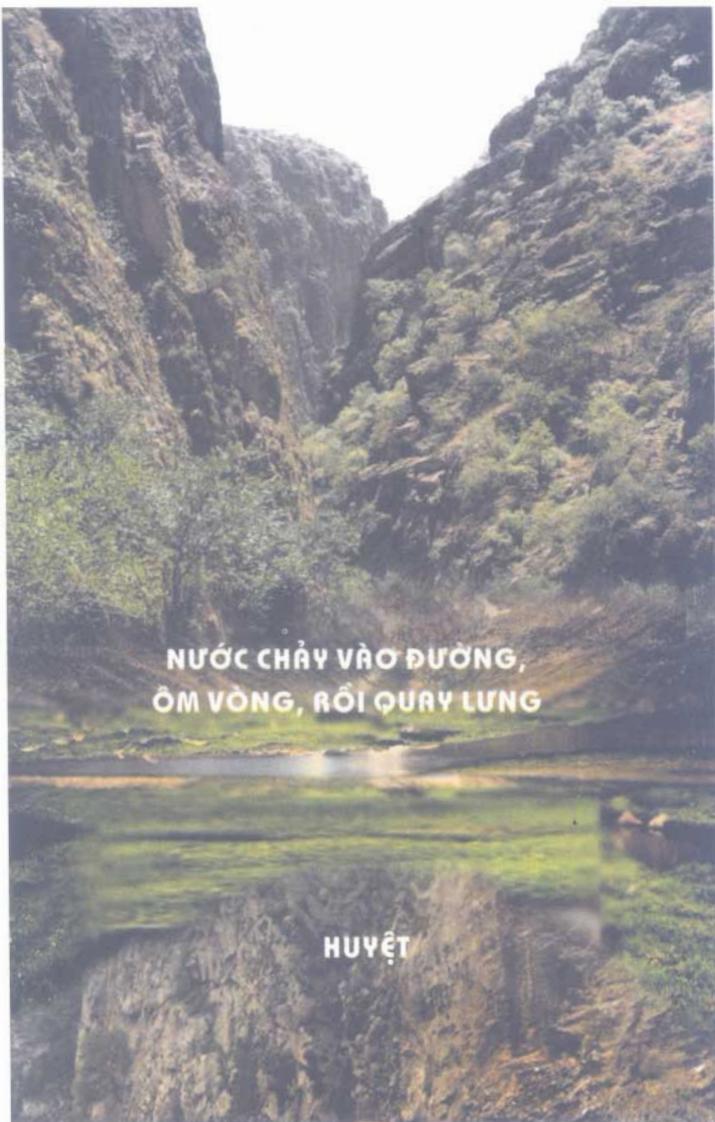


Nước quay lưng

Nếu đường nước chảy theo chiều ngang qua huyệt, nước chuyển mình mà đi, Sa tới lớn, thế nước nhỏ, không thể luận về có quay ngược lại hay không, mà phải xem đại thế.

Đường nước tuy đan nhập Đường nhưng vẫn phải ôm vòng hữu tình thì gia chủ mới được phát phúc lâu dài. Ngược lại, khi đã ôm vòng mà vẫn quay lưng mà đi, khi mới táng sẽ phát phúc, nhưng nhanh bại, mong muốn phát phúc nhưng đâu đâu cũng bại.

Nước chảy vào Đường và ôm vòng, nhưng lại quay lưng luôn, vừa phát đã suy, xem hình dưới.



Vừa ôm vòng đã quay lưng



Nếu Long đúng là Hoạt long thì huyệt này thật sự là một huyệt tốt. Nếu huyệt có đường nước chảy ngược hoặc ôm ngược lại thì nên bồi đắp nhân tạo. Tuy nhiên, nếu đường nước chảy lớn và xiết, không thể cải tạo hay thay đổi được thì có thể trồng cây để rào chắn lại. Nếu đứng trên huyệt không nhìn thấy đường nước thì cũng có nghĩa là không bị hung, nhưng Ngoại khí có thể ức chế và làm tiêu tán Nội khí, khiến Nội khí bị tổn thương nên việc phát phúc sẽ không được lâu dài. Núi quản con người, nước quản tài lộc. Nếu mạch núi vượng nhưng nước vô tình thì con người vượng mà tài lộc lại suy. Ngược lại, nếu nước hữu tình nhưng núi suy yếu thì tài lộc vượng mà con người lại suy. Nước chảy vòng hay ôm ngược thì đa phần là người vong, gia nghiệp nhanh chóng tiêu tán, luận vượng suy đều dùng phương pháp này.



NƯỚC NÊN ĐƯỜNG RỘNG NGOÀI HỆ P. TRÁI PHẢI NHƯ SỪNG TRÂU

Thủy khẩu cần thắt nhỏ như hồ lô. Nước ôm huyệt nên cong như sừng trâu.

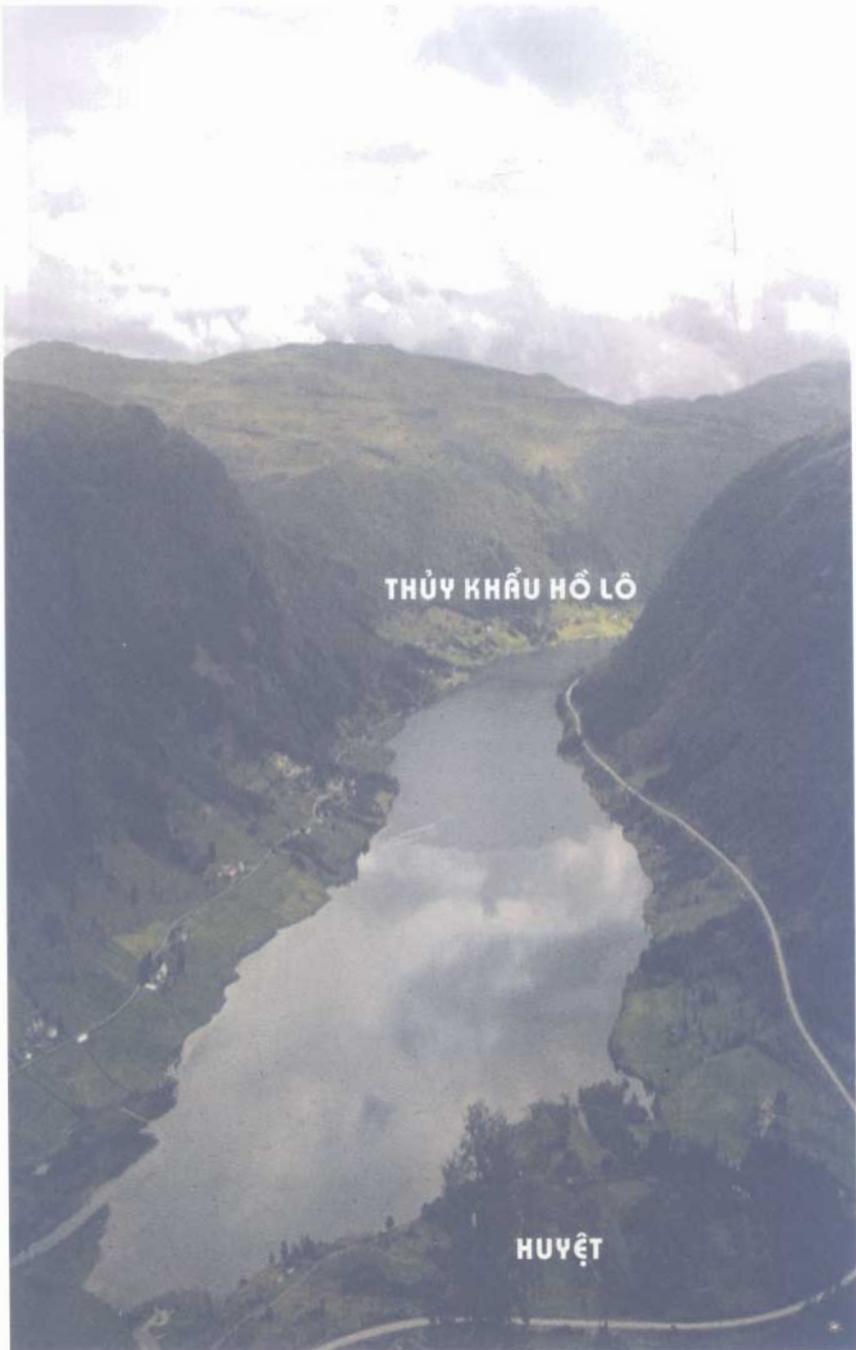
Hồ lô thường có dạng phần thân dưới phình to, phần cổ thắt nhỏ lại, chỉ cửa ra của Thủy khẩu, hai bên đều có Sa khóa lại, Nội khí tích tụ nhiều và làm nước được giữ lâu trong Đường, khi chảy ra chậm rãi, nhẹ nhàng. Miệng đường nước chảy ra nên nhỏ hẹp để nước chỉ có thể chảy ra rất nhẹ chứ không cuốn cuộn. Tuy nhiên, Thủy khẩu cũng có thể thay đổi tùy thuộc vào Huyệt tình, lúc trên đỉnh núi cao nhưng cũng có lúc lại ở Bình dương nên cũng cần có sự biến động, không nên cố chấp vào hình thế của nó mà phải biết biến thông.

Nước ở trong khe núi, thế nước chảy xiết nên Sạ thủ hai bên cần đứng chặn sát. Nước nơi bình dương lại rất nhẹ nhàng, gần như yên tĩnh, không cần thiết phải quá chặt; hơi có Sa chặn là được, là có thể cung cố được khí trong Huyệt đường.

Những nơi gần biển thường có thủy triều chảy ngược, chỗ rộng rãi lại có nhiều nước chảy vào, há miệng nuốt nước, vì thế cần biến thông tùy theo tình hình huyệt và thủy.

Dạng sừng trâu là chỉ đường nước chảy cong vòng giống hình sừng trâu. Đường nước sau khi chảy qua Hậu cung, nơi cong ôm lấy như dạng sừng trâu là quý khí. Đây cũng chính là sự cát của Thủy thành hình Kim.

Thủy khẩu quý ở chỗ có miệng nhỏ, thắt lại như miệng quả hồ lô nhưng Nội đường lại phải rộng rãi để nước có thể ngưng đọng lâu dài.



Địa hộ là cổ hồ lô, Nội Đường là bụng hồ lô.



Sa bao quanh quý ở chỗ có dạng sừng trâu.



HUYỆT

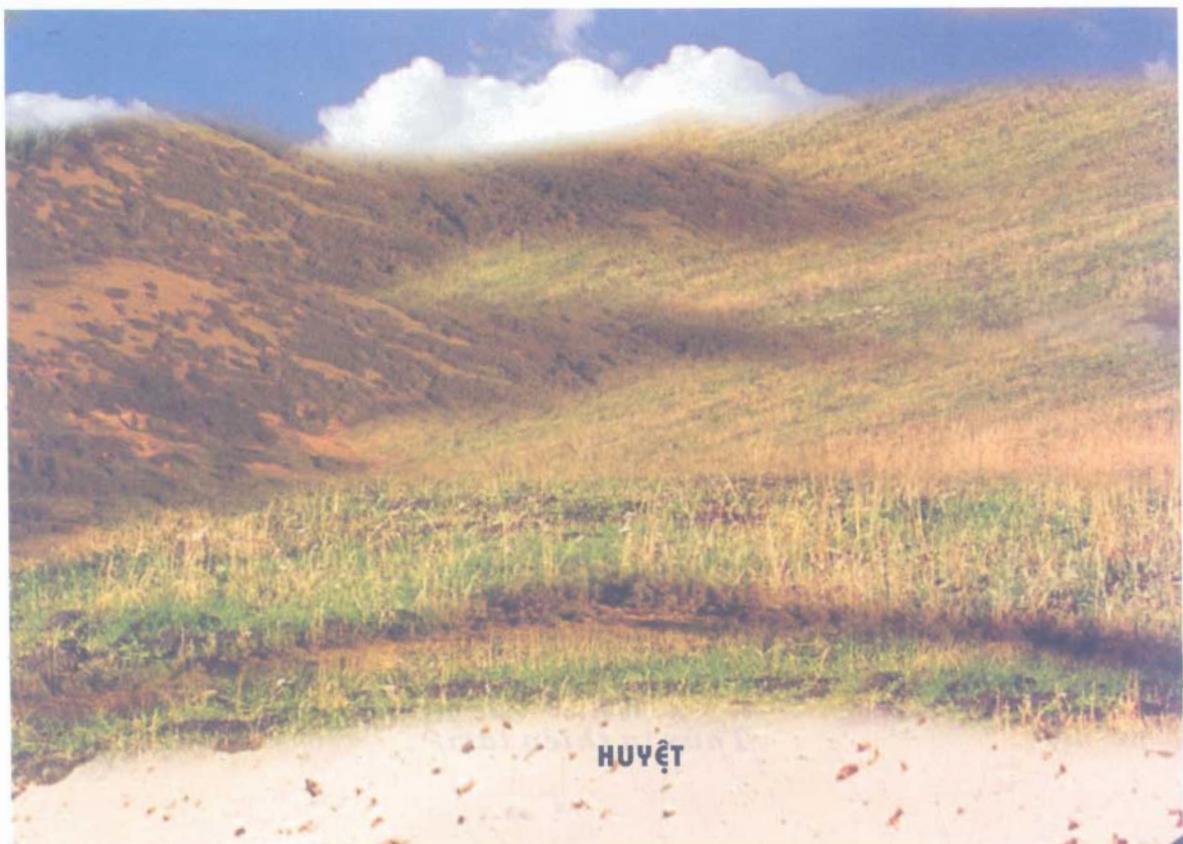
Hộ sa có dạng sừng trâu



CỬA BẢO VỆ THỦY KHẨU TRÊN CAO, VỪA DŨNG MÃNH VỪA CAO QUÝ

Núi hai bên thủy khẩu đan cài vào nhau chặn nước, nên cao vút, như các võ sĩ bảo vệ tường thành. Hồ tích nước nên yên tĩnh.

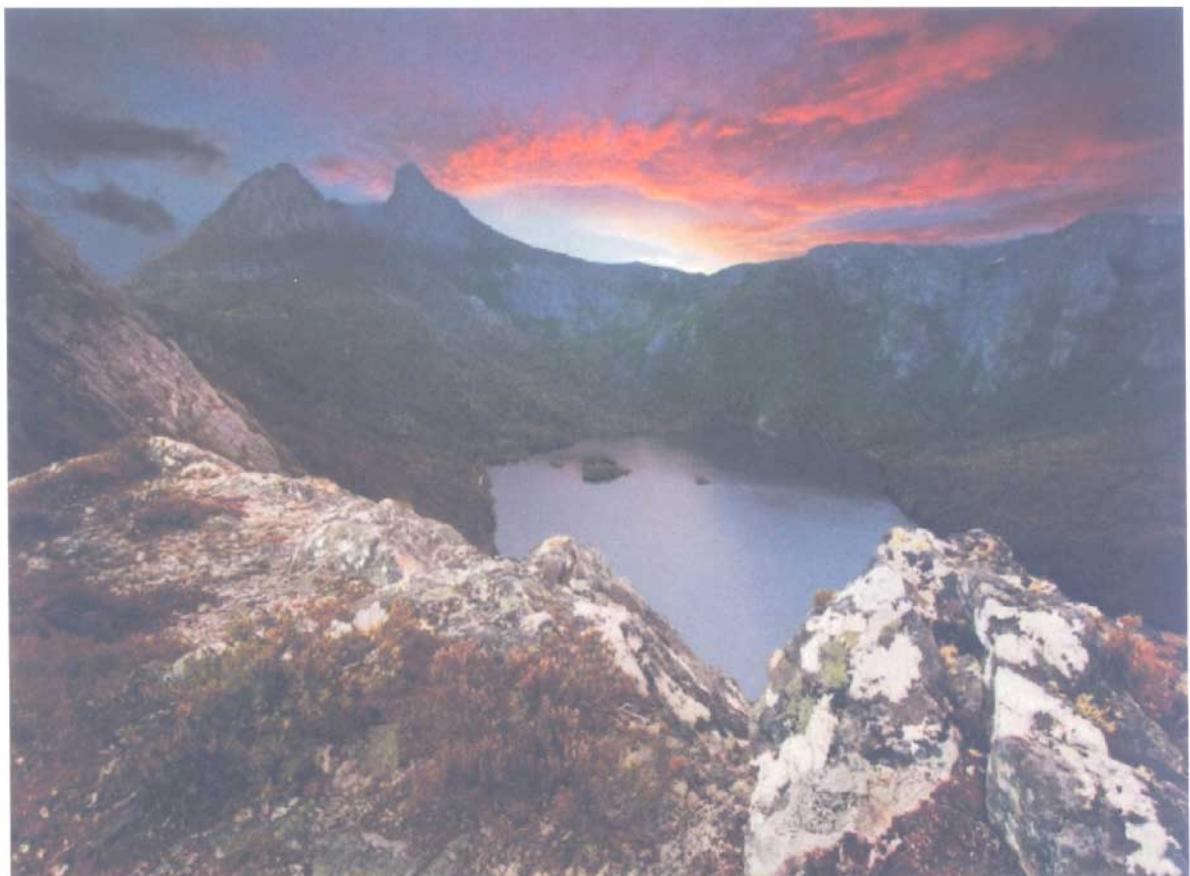
Hộ Sa hai bên khi đan cài vào nhau thì nên cao vút, để chặn đứng dòng nước, không cho nước chảy đi mất. Tốt nhất là loại Sa thật cao để chặn dòng nước sao cho không nhìn thấy dòng nước chảy ra là tốt nhất. Nước trước khi tụ lại Minh Đường hoặc tại các ao, hồ, sông, ngòi cần có sự lăng đọng để trở nên trong hơn, không thấy vẫn đục nữa thì mới tốt đẹp.



Hộ Sa giao nhau



Hình tượng núi cao sừng sững cũng giống như hình ảnh những võ sư đang làm nhiệm vụ gác cổng, bảo vệ tường thành để Thành trở thành một nơi "bất khả xâm phạm". Đây cũng là thế núi đẹp nhất, tốt lành nhất. Thủy khẩu nếu có được các núi bảo vệ dũng mãnh như vậy thì cũng sẽ trở thành Thủy khẩu đẹp nhất, tốt lành nhất. Núi bảo vệ ở bên cạnh Thủy khẩu càng cao thì gia đình càng gặp nhiều may mắn, phú quý. Hình tượng nước lăng đọng, ngưng tụ cũng giống như các bậc Hiền thân đang ra sức cố gắng phù vua giúp nước để giang sơn xã tắc thêm vững bền vậy. Tinh lặng, bất động và tích tụ để đầy dần lên chính là hình tượng đẹp nhất của nước. Hình tượng đó chính là Thủy tụ thiên tâm mà bất cứ người nào cũng đều biết là một kết cục rất tốt đẹp, phú quý.



Thủy tụ thiên tâm





NÚI NHỎ NƠI THỦY KHẨU CÓ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT

Sa nơi Thủy khẩu có ảnh hưởng lớn nhất

Sa là núi nhỏ nhô lên ở nơi dòng nước chảy ra. Sa có nhiều hình dạng như dạng rùa, rắn, sư tử, Long Hổ hoặc có dạng như Nhật Nguyệt. Triều án, Long Hổ, Loa thành đều là Sa. Nói theo ngôn ngữ hiện đại ngày nay thì Sa là những tảng đá (núi nhỏ) nhô lên ở những nơi gần nguồn nước, có tác dụng chặn dòng nước, dùng cho Long huyệt. Nếu ở Thủy khẩu có Sa dạng hai bên đều quay đầu vào trong thì đây tất là vùng đất tốt, rất phú quý. Ngược lại, nếu núi qua nhiều lột xác, lại nổi Tinh đinh thành hình, hình dạng xấu vô tình như cá chết, hướng ra phía ngoài chứ không thu thủy thì đây là nơi có sự suy bại hoặc hung tướng, nguy hiểm vô cùng. Thủy khẩu là Môn hộ của Long huyệt, nước không được chặn thì sẽ tuôn chảy không ngừng, khiến cho Nguyên khí bị thất thoát hết ra ngoài, tiền tài của gia chủ cũng theo đó mà tiêu tán. Vì vậy, Sa ở Thủy khẩu chính là yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến sự tốt xấu của Long huyệt.





THỦY HỮU TÌNH, VÔ TÌNH

Nghe nói từ thuở khai thiên lập địa đã có núi có sông.

Thiên: Là nhật, là dương, là núi, là cương, ứng với quẻ Càn.

Địa: Là nguyệt, là âm, là sông, là nhu, ứng với quẻ Khôn.

Trong thời kỳ hỗn mang, tức Trời Đất chưa được phân chia thì chưa có sông có núi. Trong thời hỗn độn sơ khai, do hiện tượng cọ sát giữa gió và khí, nước và đất nên đã có sự phân chia giữa núi và sông, những chỗ cao ở trên mặt đất và có địa thế dựng đứng tạo thành núi, còn những chỗ thấp, mềm có nhiều nước tạo thành sông.

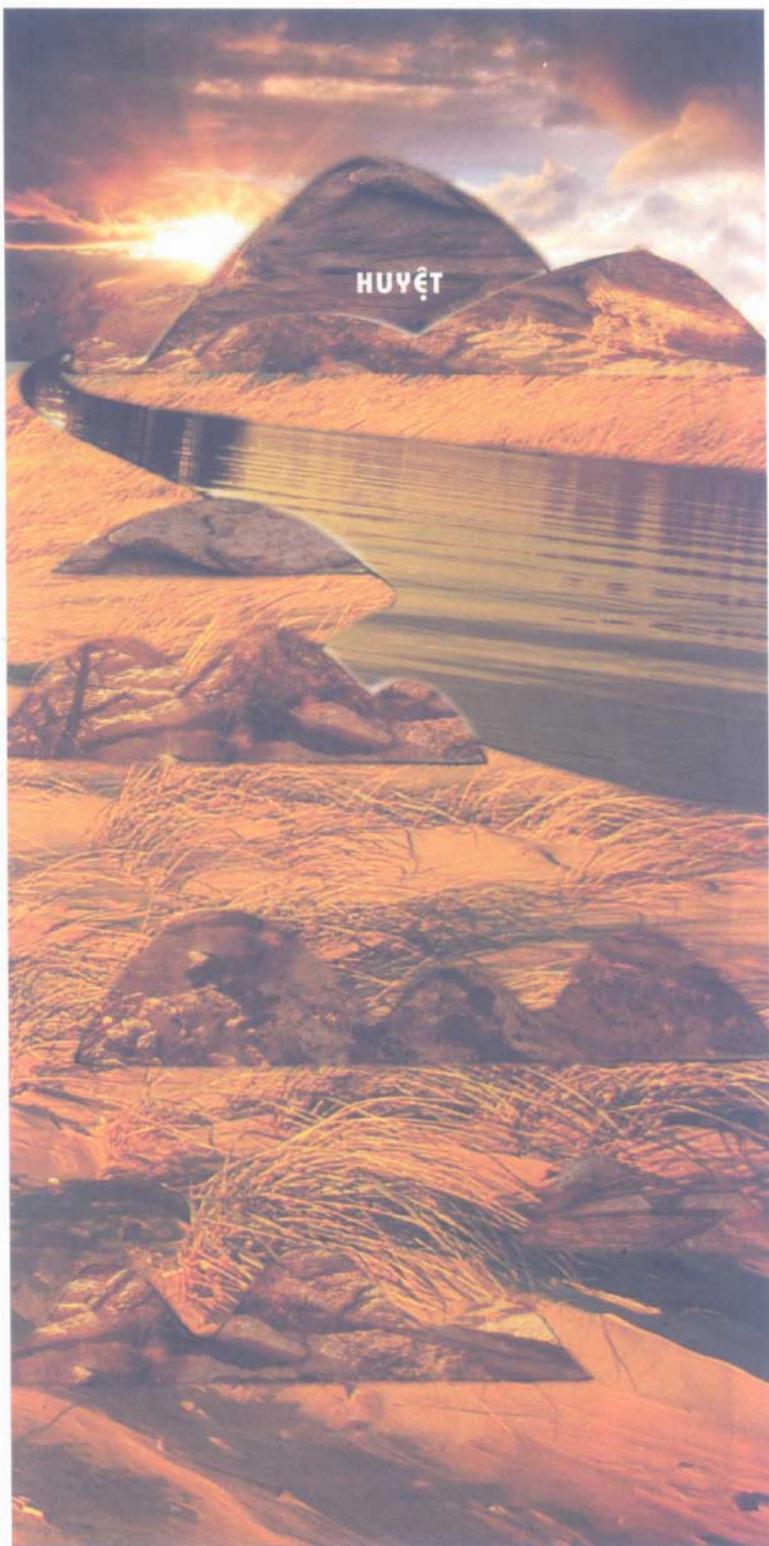
Nơi có địa thế cao vút gọi là núi, nếu hướng chảy của núi từ cao xuống thấp, ngang dọc đan xen và có thể như Thần long đi dạo, địa hình mấp mô, gọi là Cao cương long. Nếu là một vùng bằng phẳng, thoắt ẩn thoắt hiện, thì cao một thốn là sơn, thấp một thốn là thủy, gọi là Bình dương long.

Những nơi có địa thế thấp, có nước từ đâu nguồn chảy về và hội tụ thành sông, sau đó đổ ra biển lớn, nước có chảy tới và có chảy đi, như vậy hữu tình thì cát, vô tình thì hung. *Nước chảy đến hữu tình*, là chảy một cách hiền hòa, uốn lượn. *Nước chảy đi hữu tình* là có chảy đi nhưng vẫn không chảy hẳn, nửa muốn chảy nửa muốn dừng, hoặc tụ lại trước Minh Đường (tức khoảng đất bằng phẳng rộng rãi bên trước huyệt mộ), giúp cho gia đình có phúc.

Thủy hữu tình có 3 trường hợp:

1. Nước chảy đến chảy đi uốn lượn, lại tích tụ ở Minh Đường.

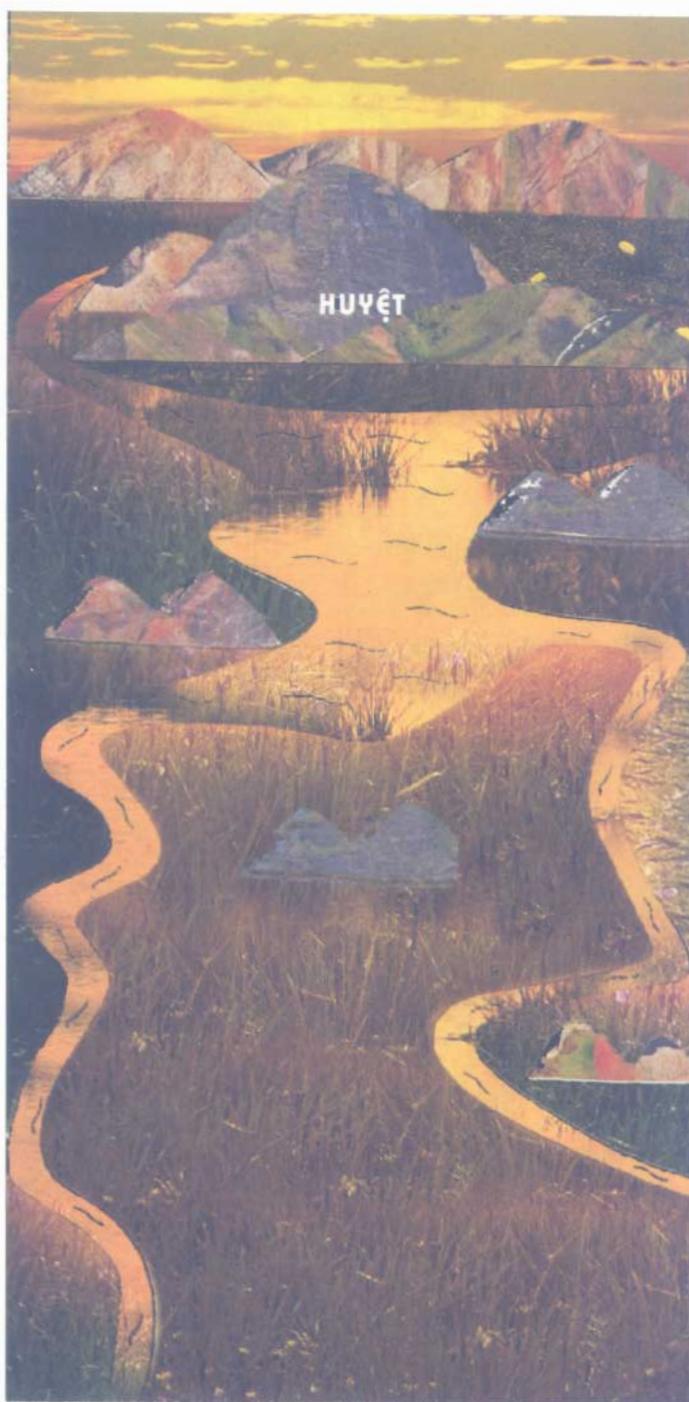




Nước uốn lượn, tụ ở Minh Đường

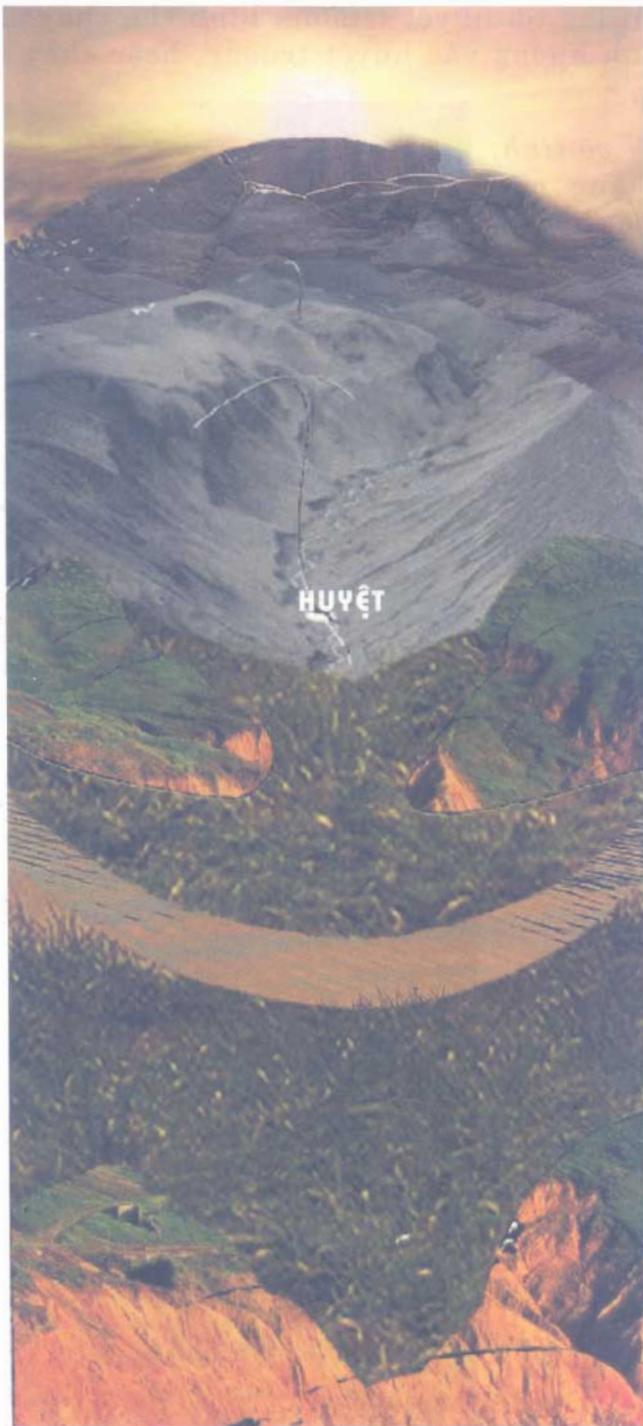


2. Nước ở khấp nơi chảy về Minh Đường trước huyệt mộ, tích tụ ở giữa huyệt trường và Án sơn (Thiên tâm).



Nước tại Thiên tâm

3. Nước chảy uốn cong một dải tạo thành Án trước huyệt mộ, nước uốn lượn như thắt lưng ôm lấy eo, gọi là Kim thành thủy.



Nước tạo thành Án

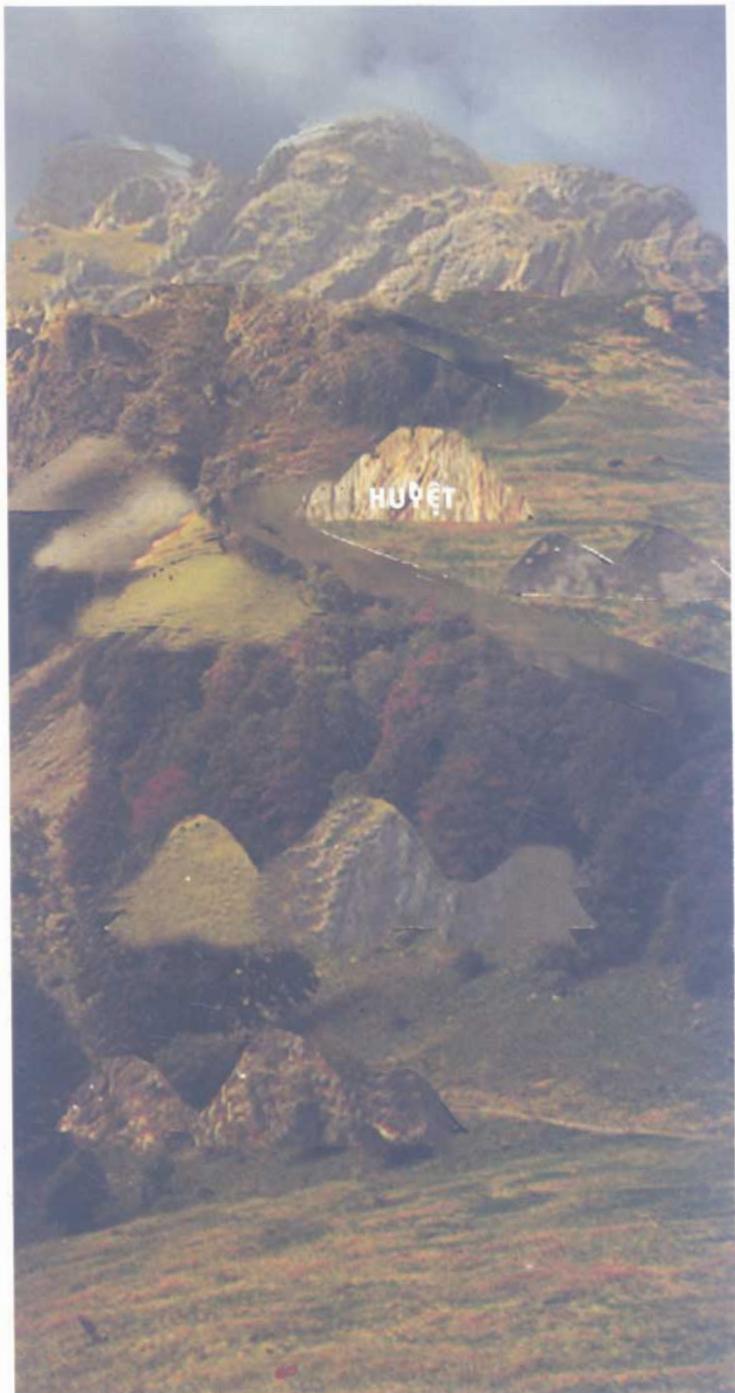


Thủy vô tình có 7 trường hợp:

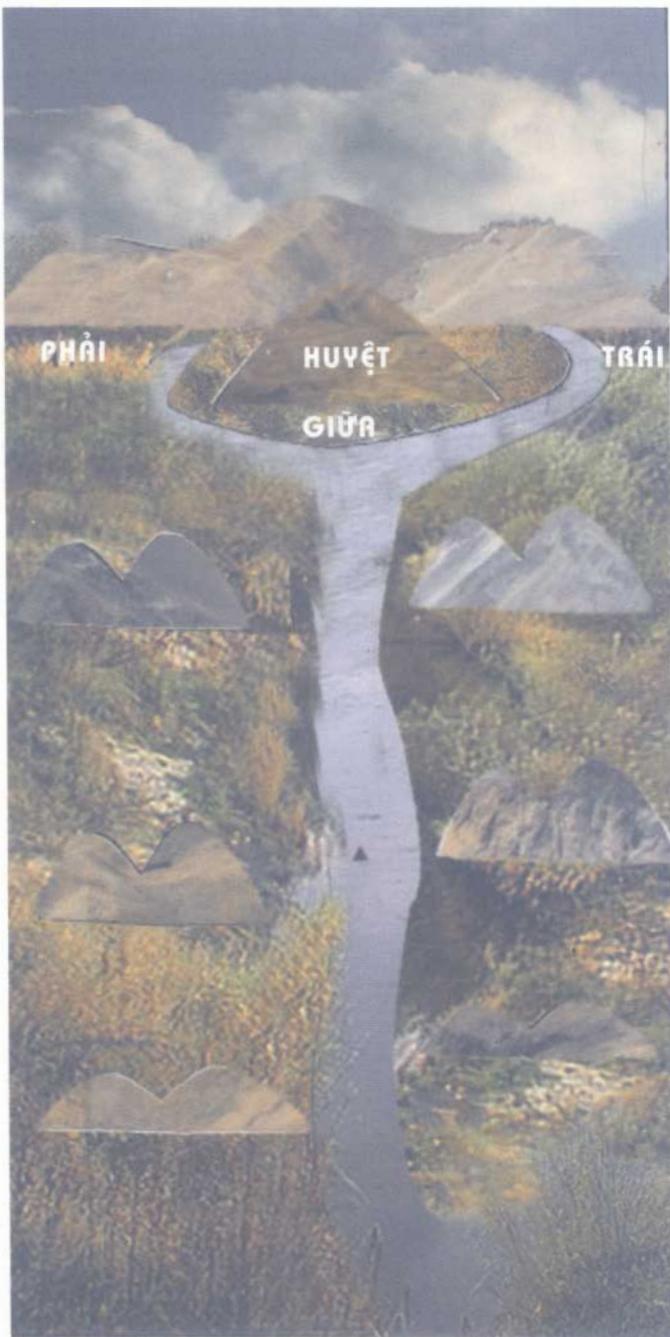
Nước chảy đến vô tình, là nước chảy đến như sự tử ra khỏi hang, hình thế uy nghiêm, hoặc xung, hoặc sát, hoặc xuyên qua. Nước chảy hùng dũng đầy sát khí lao tới huyệt trường, hình thế chảy chéo tới, hay thế phản cung vô tình hướng vào huyệt trường, hoặc chảy ngang qua ngay chân huyệt.

Nước chảy đi vô tình, là nước chảy thẳng một mạch qua trước huyệt, không quanh co uốn lượn.

1. Nước chảy thẳng từ mé bên đến, chủ về vợ con li tán, mỗi người sống một nơi.



2. Nước chảy ngược lại (nghịch thủy) đến Triều, rồi chia làm hai đi ra ngoài, ảnh hưởng đến các phòng (khái niệm phòng ở đây chỉ nhánh trong gia tộc) (bên phải phòng 3-6-9, bên trái phòng 1-4-7, giữa phòng 2-5-8). Như trong hình, nước chảy chéch ngược vào giữa, phòng 2 bị ảnh hưởng, chủ về phá tan gia nghiệp; Nếu nước chảy chéch ngược bên trái thì ảnh hưởng đến phòng 1 (hoặc chi trưởng), còn chảy chéch bên phải thì ảnh hưởng đến phòng 3.

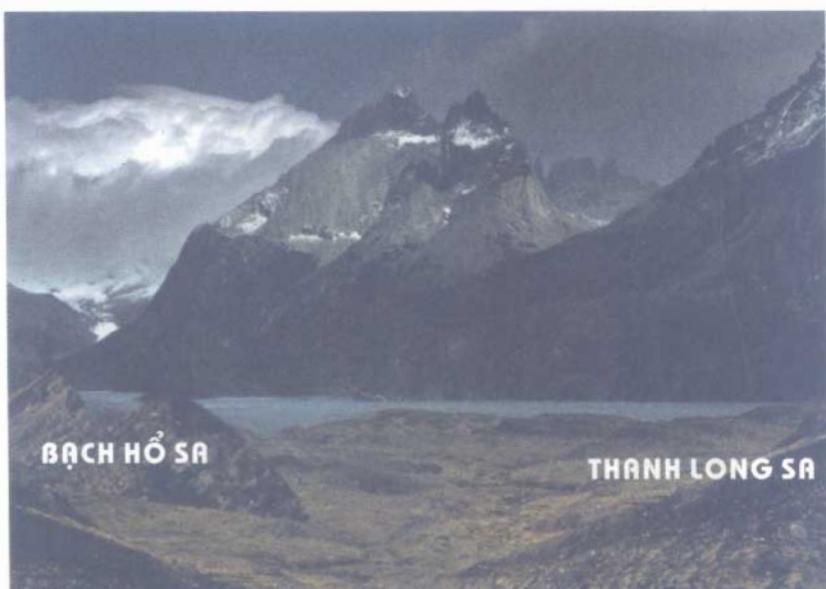


3. Nước cắt chân: Nước chảy rất gần nơi đặt huyệt, hơn nữa địa thế lại tương đối thấp, gọi là nước cắt chân. Tùy vị trí ảnh hưởng, mà có tác động đến gia đình. Như trong hình A, phòng 2 bị ảnh hưởng, còn trong hình B, nước chảy cắt Thanh Long Sa thì ảnh hưởng đến phòng 1; Nếu nước chảy cắt Bạch Hổ Sa thì ảnh hưởng đến phòng 3.

Thanh Long Sa (còn gọi là Tả sa): Nằm ở bên trái huyệt.

Bạch Hổ Sa (còn gọi là Hữu sa): Nằm ở bên phải huyệt.

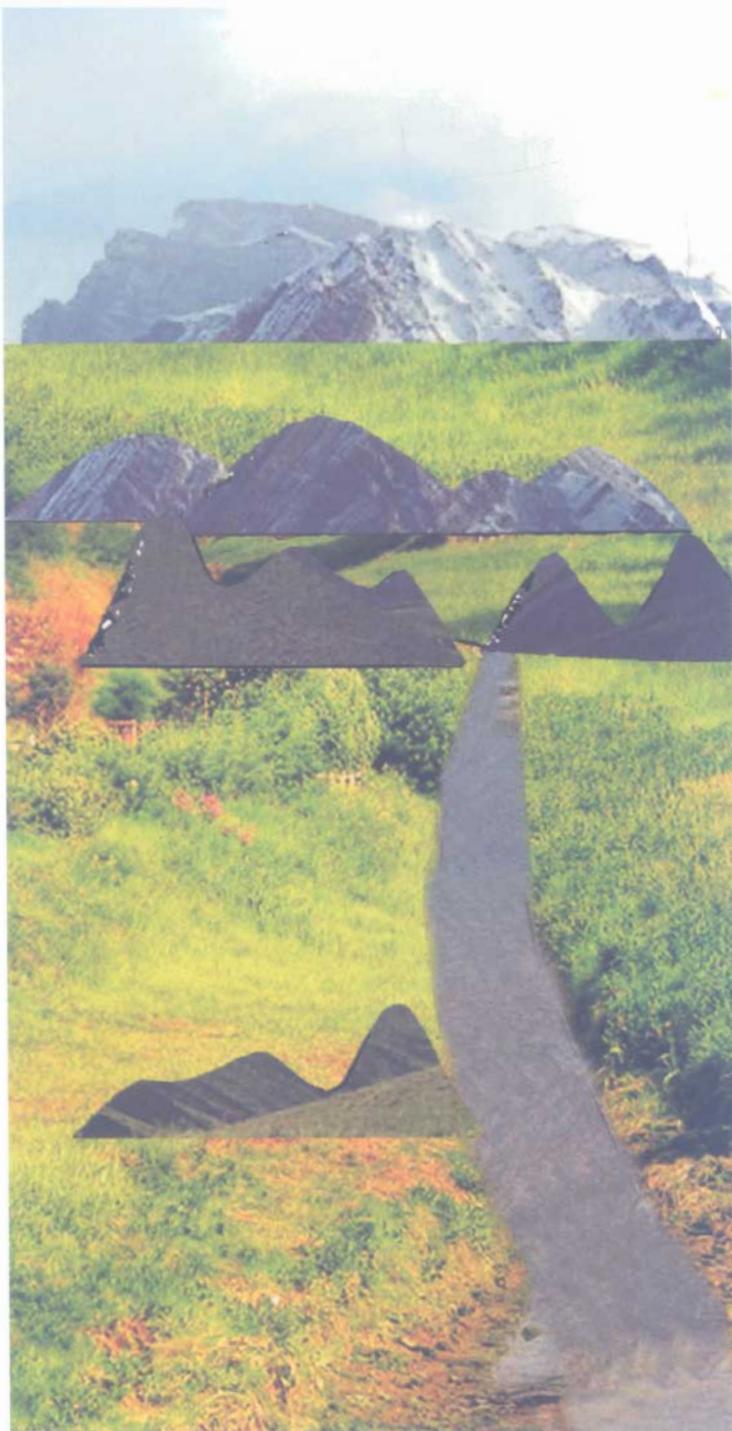
Hình A



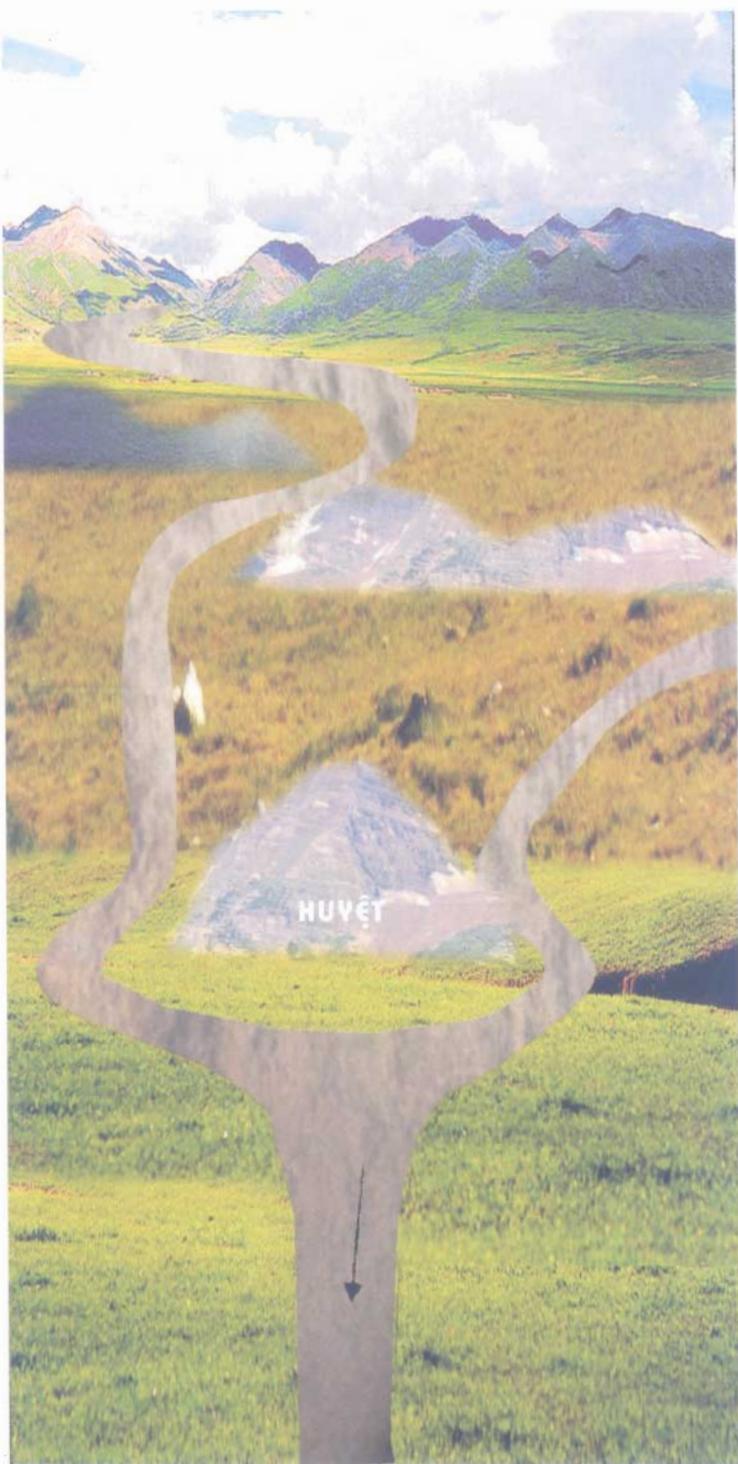
Hình B



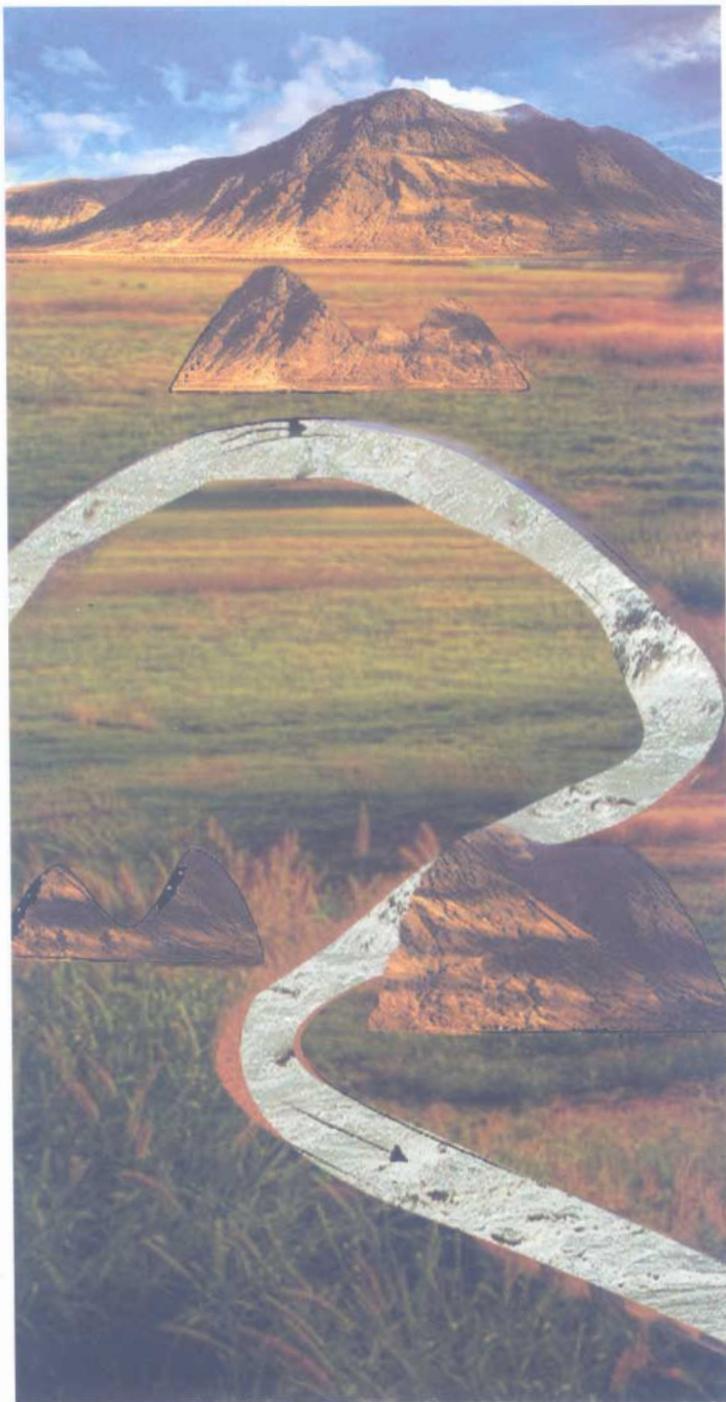
4. Chàng thành tốc bại: Nước từ thiên tâm chảy thẳng vào sát Thanh Long Sa và Bạch Hổ Sa, chủ về bần hàn, tuyệt tử tuyệt tông; chảy ở giữa tượng trưng cho phòng 2-5-8, chủ về tai họa sắp giáng xuống đầu người ở phòng 2.



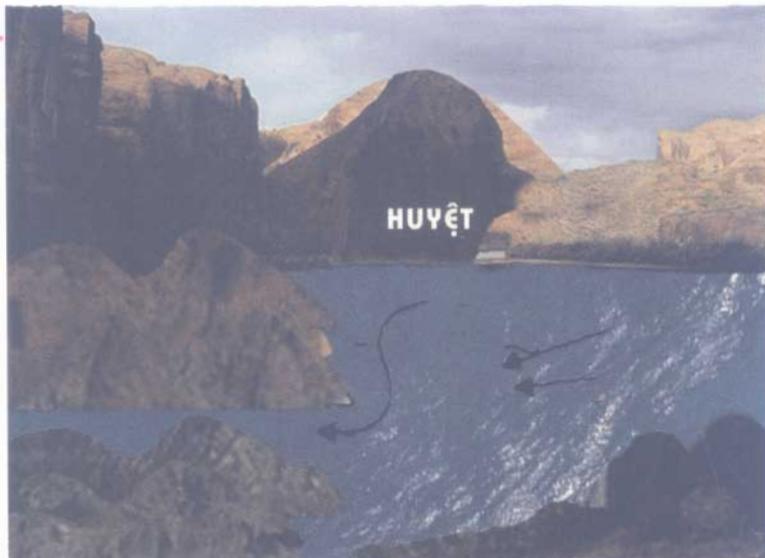
5. Hai dòng nước từ cạnh huyệt chảy đến trước Minh Đường, sau đó chảy thẳng đi, bên ngoài không có Án sơn bảo vệ, bên trong không có nước tích tụ, nếu có tử tôn thì cũng bần hèn.



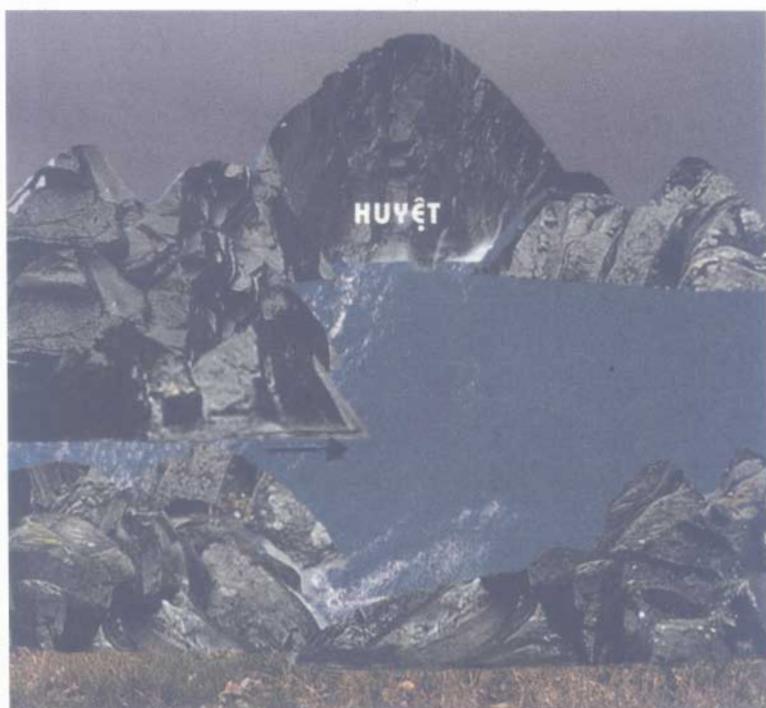
6. Phản cung sát thủy: Nước chảy phản cung vô tình với phòng thì phòng bại, chủ về con cháu phản nghịch, sống lang thang cơ nhỡ, phải đi tha hương kiếm sống, có lối sống phóng túng, rượu chè cờ bạc, không có nghề nghiệp.



7. Cửa nước chảy đến gọi là Thiên môn, nơi nước chảy đi gọi là Địa hộ. Vì thế mà “khai thiên lập địa” còn có nghĩa là: nước chảy đến thì nhiều, nước chảy đi thì ít là cát; Còn nước chảy đến ít, nước chảy đi nhiều là hung. Hung thì gọi là Nước chổi sể, tức nước chảy đi tản mạn như chiếc chổi sể.



Nước đến nhiều đi ít (Cát)



Nước đến ít đi nhiều (Hung, nước Chổi sể)



SINH VƯỢNG HƯU TÙ CỦA LONG THỦY

Sinh: Nguồn nước vốn sinh ra từ khí, nước đâu nguồn chảy mãi không ngừng.

Vượng: Nước vượng ở ao đầm, tức là nước phải tích tụ ở chính giữa Minh Đường trước huyệt, thì mới vượng.

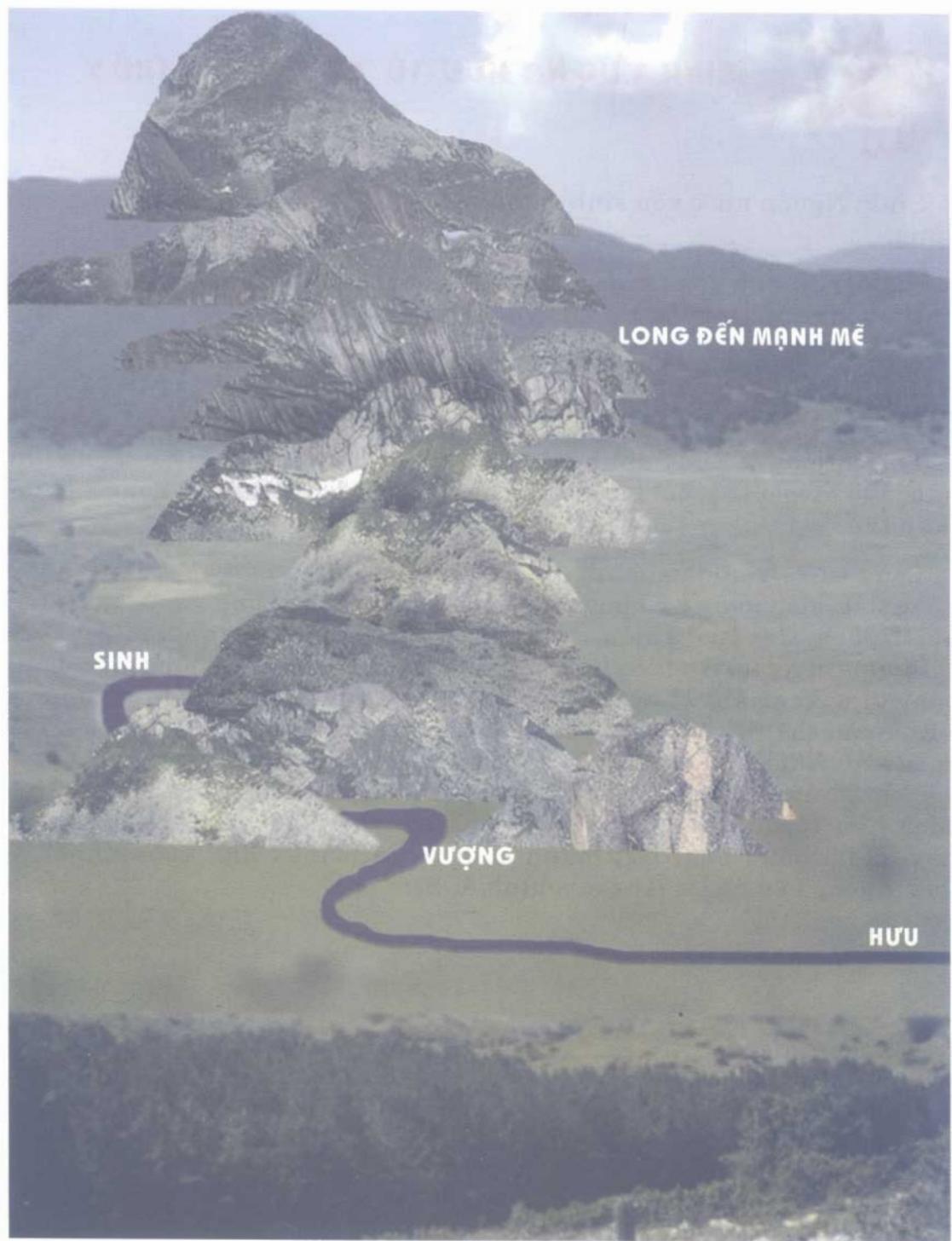
Hưu: Nước tàng rồi chảy ra khỏi huyệt trường.

Tù: Nước chảy thẳng, xung thẳng đều là tù.

Tuy chỉ nói về Thủy nhưng thực ra Long Thủy đều phải coi trọng như nhau, đều là một thể, bởi Long dẫn Thủy đi, còn Thủy thì nhờ Long mới tạo thành thế.

Long từ xa vạn dặm, sinh khí của mạch tập trung ở huyệt trường và không tiết, mà vượng ở Không đường, Thủy đến theo Long mạch, uốn chảy nhập Đường, tích tụ ở Thiên tâm, Thủy đi bị khóa rất mạnh, muốn đi vẫn bị giữ như tù ngục, trước có Long Hổ khóa chặt, Long khí không tiết, Thủy không tán. Khả năng chuyển động của Long Thủy là không bao giờ ngừng, do Khí tràn thành Thủy, nước chảy đi nhưng lại không đi mà tích tụ lại để dưỡng khí. Khí Thủy tuần hoàn không ngừng tương sinh. Khí trong huyệt được khí Thủy bên ngoài ngưng kết nuôi dưỡng, nên đắc thủy là đầu. Sinh vượng hưu tù được nói đến ở đây, chủ yếu thể hiện hình thế của Long Thủy, chứ không phải Ngũ hành sinh tử về mặt lý khí, tương khắc là thoái, không nên nhầm lẫn (xem hình A, B).





Hình A. Long thủy sinh vượng



NƯỚC CHẢY THẲNG ĐI LÀ TÙ
NƯỚC HAI BÊN KHÔNG CỘNG, MÀ CHẠY THẲNG

Hình B. Long thủy hữu tù





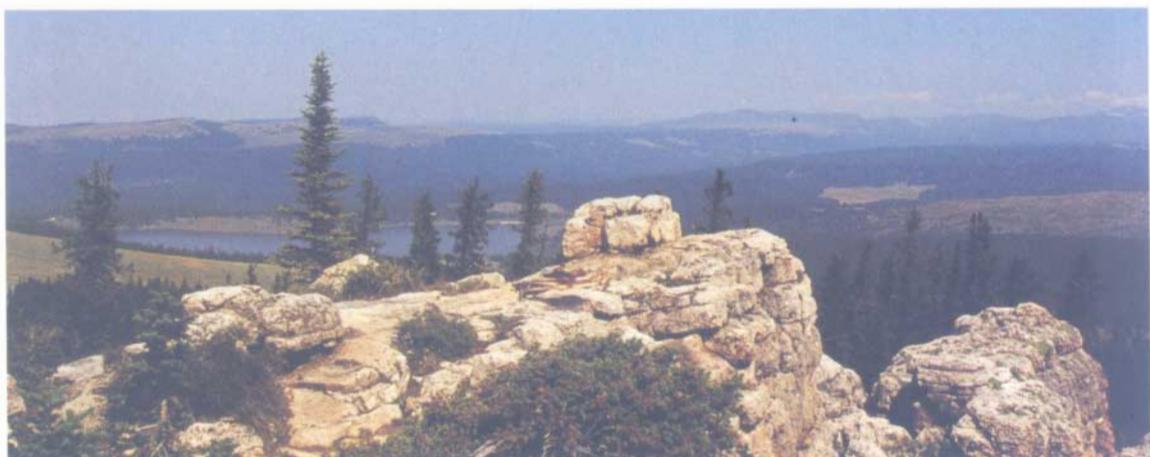
ĐỊA LINH SINH NHÂN KIỆT, NÚI KHÔ CẦN NGƯỜI SẼ KÉM

Địa linh: Sơn thủy hội tụ, được Âm Dương sinh khí, vận hóa thần cơ, địa linh hội tụ, dưỡng dục ra nhân tài hào kiệt. Sau hành Long tốt, lại có Sa tốt bảo vệ, chữ thập (+) của huyệt trường ứng với thiên tâm thập đạo, Long dừng Thủy tụ, Âm Dương giao hòa, là nơi của địa linh.

Nhân kiệt: Bậc thánh hiền và những anh hùng hào kiệt.

Khí hóa hình sinh: Khí của Âm Dương Sơn Thủy sau khi hóa khí, lấy hình của Sơn Thủy, vận chuyển mà sinh ra hình hài, có khí mới có hình, có khí hóa mới sinh ra con người. Sơn là Âm, được hình thành từ đất; Thủy là Dương, từ trên trời xuống. Huyệt lấy Thủy để xác định hướng, hướng lên thì thu khí Dương, còn khí Âm được Long mạch dẫn vào huyệt, hai khí Âm Dương tập trung trong huyệt, sinh ra vạn vật.

Khí của sông núi tạo ra hình thế của sông núi, hình thế sông núi qua cảm ứng với di cốt của tổ tông mà sinh ra thế hệ sau, các hình thế sông núi khác nhau sẽ tạo ra con người khác nhau. Như núi Thái sơn hùng vĩ sinh ra thánh hiền, núi sông cằn cỗi thì con người sinh ra sẽ thô kệch, tướng mạo xấu xí. Núi sông rộng lớn, sinh ra người hào phóng rộng lượng; Núi sông chật hẹp sinh ra người nhỏ nhen ích kỷ. Đinh Tài Phúc Thọ, hay bần hèn đều hình thành từ khí. Phú quý hay bần tiện đều có thể tìm từ trong hình thế của núi sông, nhưng địa lý kỳ diệu mà lại khó nắm bắt, mà cái lý phúc ấm tổ tiên cũng khó nói rõ ràng.



5.2 THỦY KHẨU

LA THÀNH ĐẾ ĐÓ



Trên La thành ở bốn phía có rất nhiều đỉnh núi (tinh phong) nhô cao sừng sững. Những đỉnh núi này được ví với các binh lính đang đứng xếp hàng nghiêm chỉnh để bảo vệ tòa thành.

Phía trước Minh Đường, nhiều núi thấp, tròn xếp thành hàng, nối tiếp nhau như những binh sĩ đứng xếp hàng hộ vệ. Những đỉnh núi thấp này còn được ví với những người lính đang xếp hàng vái lạy ở trước Minh Đường. Đất có hai đặc điểm như trên là đất rất tốt, nhiều phú quý, phúc âm của âm phần cũng có sức mạnh rất to lớn.

Duy chỉ có một đỉnh núi nhô lên cao với hình thế đẹp thì được gọi là Hoa biếu. Núi cao sừng sững che mưa chắn gió cho huyệt được gọi là cản môn. Có Hoa biếu, Cản môn tại Thủy khẩu thì đất đó mới đúng là đất tốt.

Núi tròn nằm liền kề, nối tiếp với nhau được gọi là lâu đài, núi có hình thế nhọn và đẹp được gọi là cổ giác. Các núi này nằm phía trên La thành, cho thấy đây là nơi đất tốt.

Núi và nước cùng hội tụ, cục thế rộng rãi, bằng phẳng, là nơi có thể xây dựng nên thành phố lớn. Nếu là núi nhỏ thì cũng có thể xây dựng thành thôn làng trù phú. Thủy khẩu có Hoa biếu cản môn, trên La thành lại có lâu đài, cổ giác xếp hàng ngay ngắn, đông người quần tụ, đường nước trong huyệt hướng về tổ tông. Đây là biểu tượng cho cảnh quốc thái dân an, tất sẽ sinh ra phú quý, tốt đẹp.





MẠN ĐÀM SƠN THỦY

Đất tốt là nơi có nhiều núi quây quần, tụ hội, hữu tình. Chỉ những nơi có núi và nước tương xứng với nhau thì mới được cho là hữu tình. Sự đối xứng giữa núi và nước thường không phân biệt núi lớn hay núi nhỏ, đường nước lớn hay nhỏ. Nếu phần lưng của núi và nước hướng về âm trạch hoặc dương trạch thì đất này lại càng vô tình hơn nữa. Nơi có đường nước chảy nghiêng, tán loạn, phần lưng của núi hướng về ngã trạch cũng đều là thế núi thế nước vô tình. Trăm sông đồng quy nghĩa là trăm dòng sông đều chảy về cùng một chỗ rồi mới tỏa đi các hướng khác nhau, có Thủy khẩu đi nên thế nước sẽ không tán loạn, nội khí ổn định, ngưng tụ. Tại những nơi đất có đặc điểm như vậy, con người thường thanh cao, quý trọng và trường thọ, được hưởng nhiều phú quý tốt đẹp.

Đường nước quyến luyến, thế núi ôm vòng tức là sự đối xứng của núi với nước. Núi ôm vòng, bao bọc cõi đường nước sau quyến luyến là sự đối xứng của nước với núi. Núi và nước phải tương xứng thì cả núi và nước mới hữu tình. Nếu núi và nước không đủ hoặc có hình dạng to nhỏ không cân đối với nhau thì đó là sự thiên lệch và không thể coi là tốt đẹp, cát lợi.

Thanh long, Bạch Hổ ôm vòng hợp với Thủy khẩu tốt đẹp là những yếu tố rất quan trọng trong việc xem xét huyệt mộ đó có tốt đẹp hay không. Nếu đường nước chảy đến từ phía bên trái thì Hổ Sa ở phía bên phải huyệt mộ phải nhượng bộ Long Sa và hơi ôm vòng vào để có thể đón đường nước chảy ngược từ bên trái tới. Ngược lại, nếu đường nước chảy đến từ phía bên phải thì Long Sa ở phía bên trái huyệt mộ phải nhượng bộ Hổ Sa và hơi ôm vòng vào để có thể đón được đường nước chảy ngược từ bên phải tới. Hình thế như vậy mới được coi là hữu tình. Những đường nước nhỏ chảy đến không hướng ra bên ngoài mà chảy theo chiều thuận, dung vào Long Sa, Hổ Sa mà thụ thủy nhập huyệt.

Nhiều núi quây quần, tụ hội, trăm sông đều hướng về một Thủy khẩu rồi mới chảy ra ngoài. Dạng Thủy khẩu như vậy được gọi tên là Thủy khẩu La thành. Long Hổ bao bọc, ôm vòng để đón đường nước chảy ngược từ trong Đường là Tiểu Thủy khẩu. Nội cục có hộ sa bao bọc được gọi là Tiểu La thành. Long Hổ ôm vòng lấy đường nước được gọi là Tiểu thủy khẩu thứ nhất. Ngoại cục có trăm dòng sông cùng chảy về một hướng được gọi là Đại thủy khẩu thứ hai.

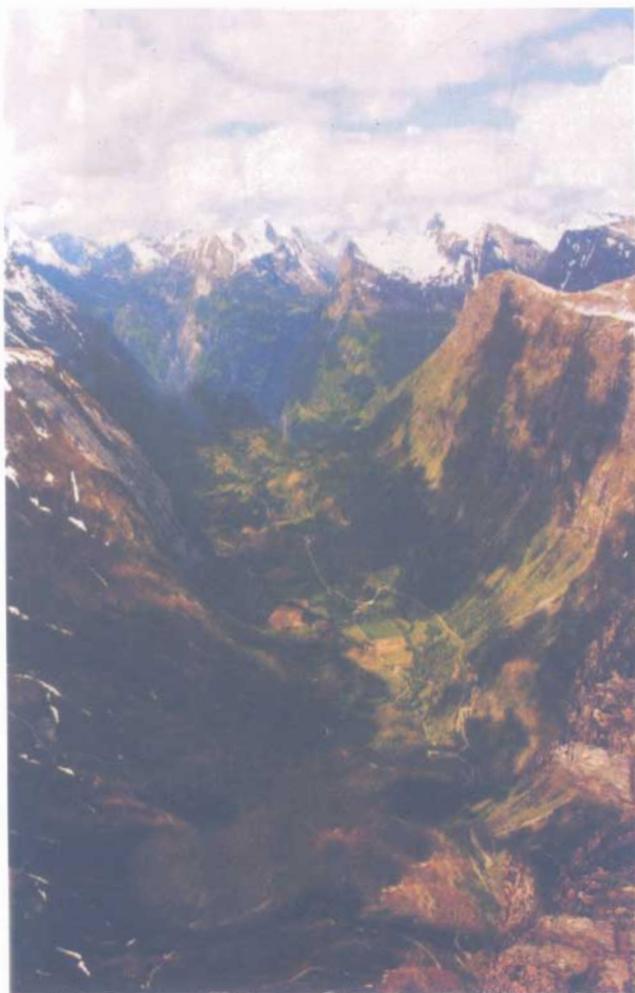




KHÁC BIỆT CỦA NÚI CAO, ĐẤT BẰNG, LA THÀNH, THỦY KHẨU

Bát môn là chỉ tám hướng. Nếu tám phương vị này có sự khuyết thiếu, Dâm phong thổi tới từ cả tám hướng. Loa thành Thủy khẩu quý ở chỗ tập trung dày đặc. Bát phong thổi khiến khí bị tán loạn. Như Thanh Điều đã từng nói: Nếu huyệt mộ bị đằng lộ thì không khác gì quan tài bị lật úp, gia cảnh không thể khám phá hơn lên.

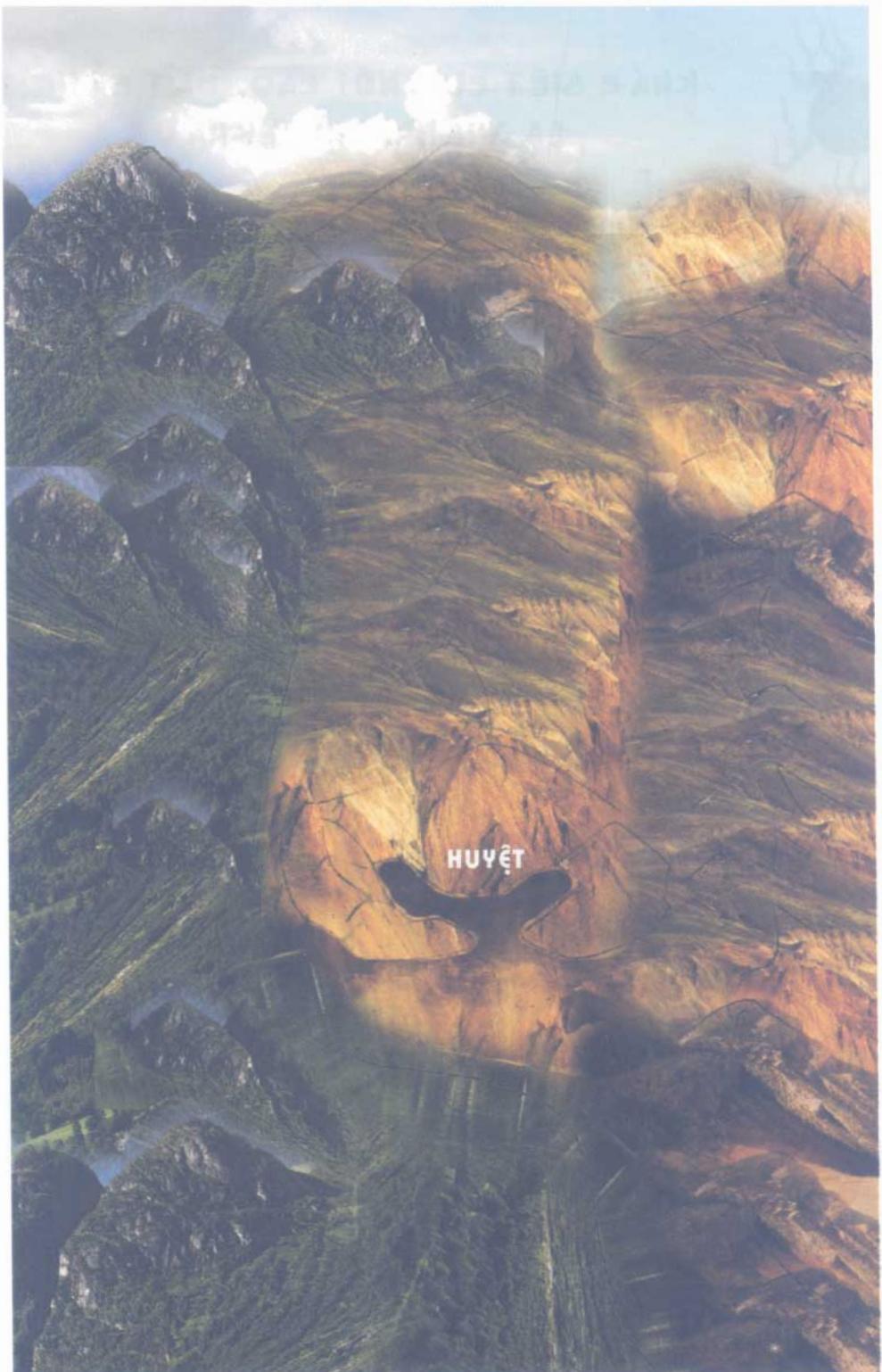
Tứ thủy nghĩa là đường nước ôm vòng, bao bọc cả bốn phía. Hay nói cách khác: tứ Thủy nghĩa là Tam hợp thủy ở phía trước huyệt và Tùy long thủy: Phía trước là Chu Tước, phía sau là Huyền vũ, bên trái là Thanh Long, bên phải là Bạch Hổ. Đây cũng chính là Tứ thú như đã đề cập đến ở phần trên.



Bát phong xuy là hung tướng của Tiểu La thành, trong đó cũng bao gồm cả Tiểu Thủy khẩu. Tứ thủy quy tụ ở Minh Đường, Tứ thú tướng tụ, bao bọc, ôm vòng khiến phong tà khí tụ. Các Sa thủ của La thành bao bọc, ôm vòng lấy nhau và hội tụ lại ở một nơi, nơi đó chính là Thủy Khẩu. Có La thành tốt thì mới có Thủy khẩu tốt. Núi đến có nước ôm vòng, bao bọc thì mới là nơi đất tốt, phú quý, vượng tài. Có được đất đó, dù gia cảnh bần hàn, nghèo khổ nhưng vẫn có thể làm đến chức quan to. Đây cũng chính là cát tướng của La thành Thủy khẩu.

*Trong Minh Đường có hố nhỏ,
đường nước tụ tạo thành cát tướng*





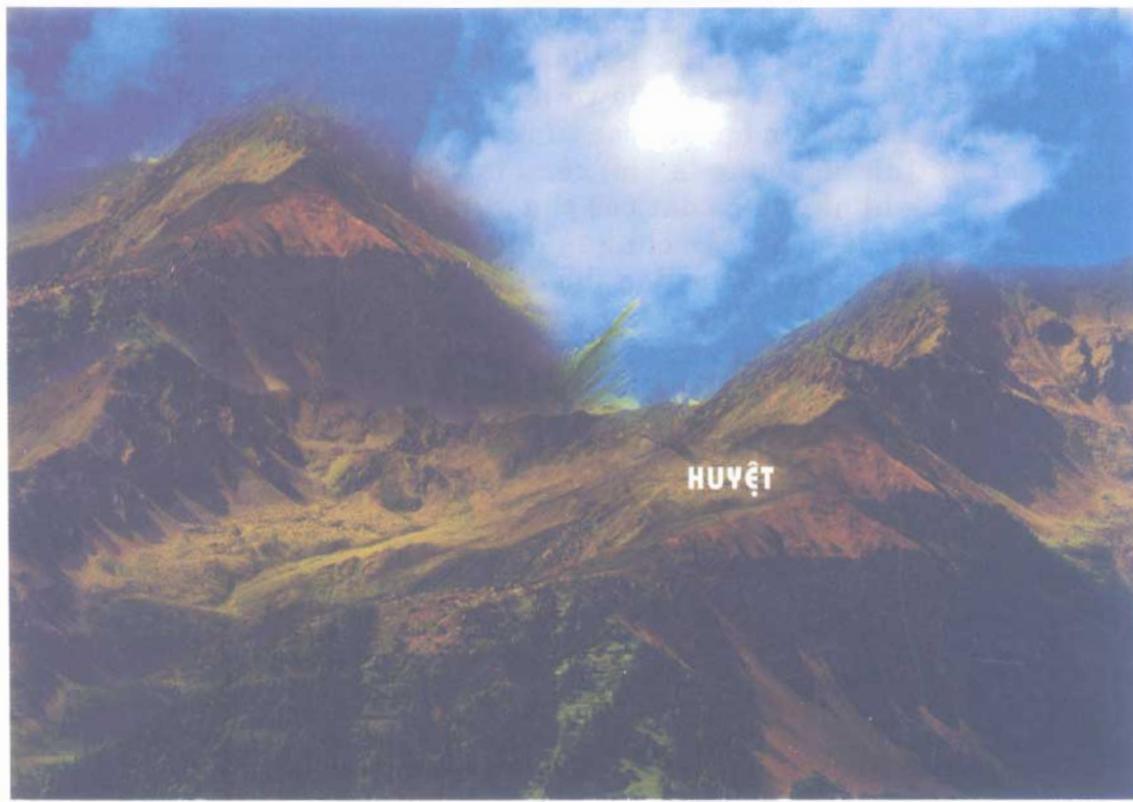
Núi đến có nước ôm vòng, bao bọc

Liêu Vũ cho rằng lồi lên là dương, lõm sâu xuống là âm. Tìm cái lõm sâu xuống trong những chỗ nhô lên là trong dương có âm, tìm cái nhô lên trong những chỗ lõm sâu xuống là trong âm có dương. Dương Quân Tùng lại chọn gò đất cao là âm (gò đất cao từng bị gió thổi qua nên hấp thụ được nhiều âm, là tĩnh nên cũng là âm) còn bình địa (đất bằng) là dương (gió thổi qua không bị những gò đất cao thuộc âm cản lại nên có thể thổi qua thổi lại dễ dàng, là động nên cũng là dương). Những vùng đất bằng xen giữa gò đất cao được gọi là âm hấp thụ dương; ngược lại, những gò đất đan xen giữa nơi đất bằng được gọi là dương hấp thụ âm. Hai cách giải thích trên tuy khác nhau nhưng thực ra chính là hai lý giải cho cùng một bản chất của hiện tượng, sự vật. Khi tìm âm dương tương phối của huyệt trường, âm dương có sự tương giao nên nếu là âm thì cần có dương huyệt và nếu là dương thì cần có âm huyệt.



Nơi đất trũng huyệt cần nhô





Nơi đất cao huyệt trũng

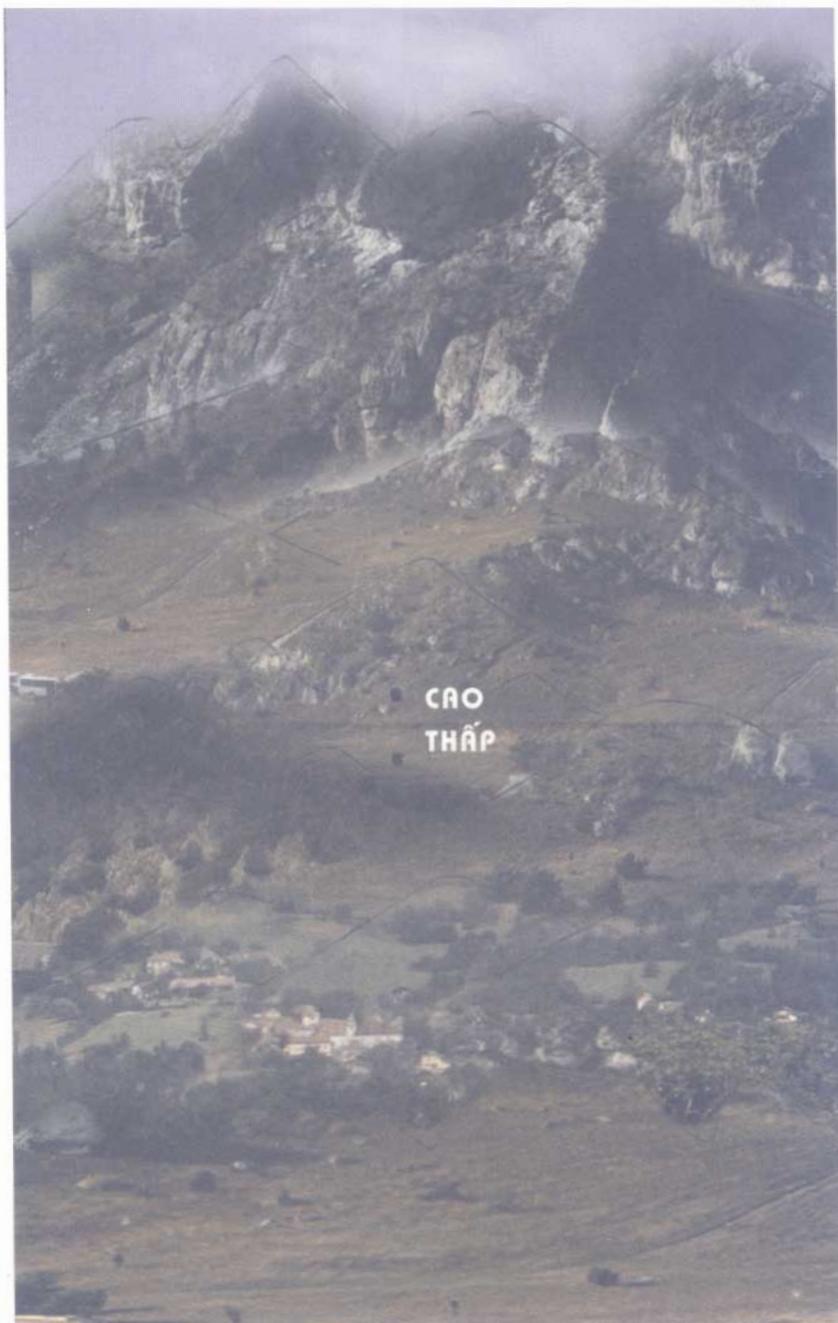
Cùng nguyên: là nơi đầu nguồn của cả núi và nước. Nơi khởi nguồn của nguồn nước thường có thế núi rất hùng vĩ, cao sừng sững tựa như chọc đến trời xanh. Tuy nhiên, kết huyệt ở nơi này lại không tốt đẹp bằng kết huyệt ở nơi đất bằng, bởi núi cao nghìn thước chỗ đầu nguồn cũng không thể sánh bằng một gò đất nhỏ chốn bình nguyên. Kết được huyệt tốt ở nơi đất bằng, sinh khí sẽ tụ lại rất lâu dài, tốt đẹp, huyệt tình sẽ có năng lực vô cùng lớn. Nơi bắt nguồn của Chính long ở trên núi cao cũng thường là nơi khí vượng. Tuy nhiên, ở những vùng đất bằng, chỗ có gò đất nhô cao lên cũng là nơi vượng khí, long mạch quý và nếu chọn kết huyệt có thể dẫn tới trạng thái cực vượng. Vì vậy mới có nhận định rằng: Những đỉnh núi cao sừng sững, hùng vĩ ở nơi đầu nguồn cũng không tốt đẹp được bằng một nấm đất nhỏ nhô cao ở nơi đất bằng. (Xem hình trang sau)



Kết huyết nơi gò đất



Ngoại cục tuy có nhiều núi cao sừng sững bao bọc, đan xen với nhau nhưng lại có nhiều chỗ khóa chặt, cự ly lại xa chứ không gần. Ngược lại, nếu các núi ở ngoại cục ôm vòng, bao bọc, càng gần thì càng phát đạt, càng điểm thân lại càng phát nhanh chóng. Đây là dạng núi vô cùng quý.



Các núi bên ngoài ôm vòng, bao bọc lấy huyệt mộ,
bên trong áp sát vào huyệt và tương đối cao.



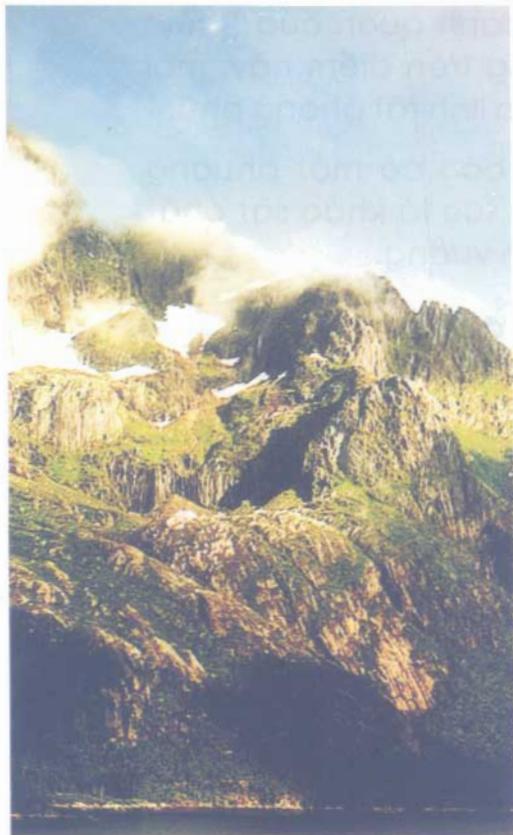
Các núi cao tuy có hình dạng rõ ràng, dễ phân biệt, cộng với thế núi hùng vĩ, sừng sững nhưng đường nước cũng thường chảy rất gấp và xiết, xộc thẳng xuống, lại nghe được cả tiếng nước chảy róc rách hay đổ xuống ầm ầm. Đặc điểm trên của núi và nước khiến sinh khí bị phát tán mà không tích tụ, cuối cùng là huyệt bại thoái. Nếu thế núi thô, ác, đá nhiều thì đó là dấu hiệu cho thấy sát khí quá nặng nề. Những nơi có địa hình như vậy chỉ có thể dùng làm Thần đàm bởi Thần đàm không sợ sát khí. Dương trạch và âm phần đều không nên xây dựng trên những vùng đất có đặc điểm như vậy. Nếu hình thế của núi không tốt thì dù có La thành, Thủy khẩu tốt vẫn không thể chọn dùng.

Huyệt sâu là chỉ huyệt nằm sâu dưới đất chứ không phải là chôn sâu trong lòng đất. Tại nơi đầu nguồn, dù là núi cao sừng sững hay là nơi đất bằng phẳng thì quan tài và quách cũng nên được chôn sâu, không nên chôn nông bởi sẽ có nguy cơ bị lộ ra ngoài bởi sự tàn phá khốc liệt của mưa gió. Huyệt tại nơi núi cao thì bên trái và bên phải nhất thiết phải có Thanh long, Bạch Hổ hộ vệ, ôm vòng bao bọc. Xét trên phương diện huyệt tình, dù là dãy núi hay gò đống đơn độc thì vẫn cần phải có nhân tố đóng vai trò hộ vệ, bảo vệ để huyệt không bị lộ ra ngoài bởi mưa gió.

Huyệt tại nơi đất bằng tuy không nhất thiết phải có Thanh long, Bạch Hổ bảo vệ ở hai bên nhưng nơi kết huyệt

vẫn phải đảm bảo được che chắn cẩn thận. Bên phải và bên trái của huyệt phải có Âm sa bao bọc. Những nơi có đặc điểm như vậy cũng thường có Chân long, có thể kết được huyệt tốt. Nếu chỉ có một ngọn núi nhỏ hoặc duy nhất một đỉnh nhô cao lên, bốn phía xung quanh đều tĩnh lặng, vắng vẻ thì không nên chọn làm nơi kết huyệt bởi huyệt sẽ bị cô độc, dễ lộ ra ngoài.

Khi quan sát La thành, Thủy khẩu ở nơi núi cao hay nơi đất bằng, tuyệt đối không được thực hiện một cách qua loa, đại khái mà cần vẽ sơ đồ thật cẩn thận, treo lên cao để quan sát lai lịch của dòng nước. Bên cạnh đó, cần sử dụng tốt nhân lực, quan sát tinh tường, tỉ mỉ thì mới mong có được kết quả tốt đẹp như ý nguyện.





PHẦN 6. ĐIỂM HUYỆT

Nơi đất cát tường thường rất rộng, trong khi đó huyệt là điểm tốt nhất trong khu đất này, phong thủy học cho rằng, sinh khí sẽ xuất hiện từ chính nơi này để đi lên. "Điểm huyệt" là chỉ việc sau khi đã khảo sát kỹ "sơn", "thủy", tìm ra "long", "sa" trong khu đất hữu tình này một cách chính xác. Các cảnh quan của "thủy" đã làm điểm này đẹp hơn. Đứng trên điểm này, mọi người sẽ có những cảm nhận tâm linh rất phong phú.

Trong quá trình tìm "huyệt", còn có một phương pháp có tính bổ trợ - tướng địa, tức là khảo sát chất lượng của đất để phán đoán sinh vượng.

Sau khi điểm đúng "huyệt", đó sẽ là tâm điểm để xây dựng cho công trình kiến trúc, lăng mộ,...





PHAI ĐIỂM DÙNG HUYỆT RỎ RANG

Mỗi vật thể đều có các chủng loại khác nhau, cũng chính là nói, vật suy theo loại. Hình là chỉ hình trong Ngũ hành. Vật là chỉ cầm thú, người. Hình là chỉ hình dạng của cầm thú, người. Muốn điểm Huyệt thì trước hết cần nắm rõ hình thế của Ngũ hành, mới phán đoán được thế cục. Do sòng núi sẽ hội tụ, mang các hình dạng của sự vật khác nhau nên khi quan sát sự vật cần phải phân loại theo hình dạng, Huyệt tình lại do hình dạng của vật tạo nên, từ đó có thể thấy hình dạng của vật cũng đóng vai trò trong việc xây nhà, dựng mộ.

Hình dạng của Ngũ hành ảnh hưởng thế nào tới cách đào Huyệt? Trước hết, cần tìm ra đường mà khí mạch vào, nắm bắt Huyệt tình. Huyệt là nơi hội tụ sinh khí, ngoài ra có thể điểm Huyệt bằng các cách khác như Thượng Kim, Huyệt Thổ, Tương Thủy, Ấm Thủy, phối hợp chốn cất theo đảo trượng pháp, có vậy mới không để xảy ra sai sót.

Ngũ trọng tình thể kết thành các hình dạng khác nhau, như Kim tình nhiều kết hình cầm, Mộc tình nhiều kết hình nhân, Thủy tình nhiều kết hình Long, xà, Hỏa tình nhiều kết hình nhân vật, Thổ tình nhiều kết hình thú. Mỗi hình dạng đều có tàng pháp riêng, do đó cũng sẽ có cách đào huyệt khác nhau.

Kim tình nhiều thì đào huyệt Thủy Oa, hình cầm thì nên đào Huyệt ở trên cánh, tổ, mào.

Mộc tình nhiều thì đào huyệt Trực Hình, hình nhân thì nên đào Huyệt ở tim, rốn, bộ phận sinh dục.

Thủy tình nhiều thì đào huyệt Khúc Địa, hình long, xà thì nên đào Huyệt trên mũi, cổ, tai, bụng, đầu, đuôi.

Hỏa tình nhiều thì đào huyệt Tâm Giác, hình thú thì nên đào Huyệt trên ngực, bụng, mũi, đuôi, tai, lưng.

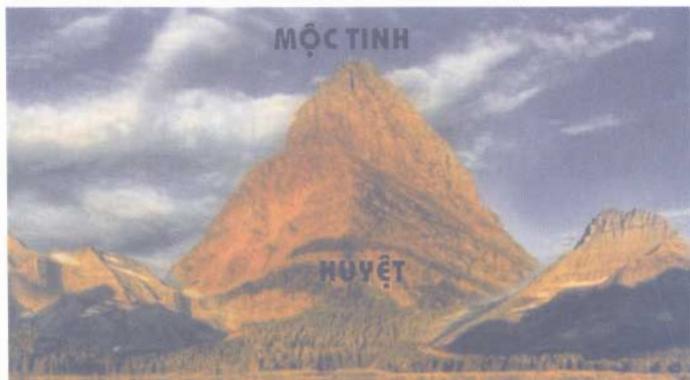
Hình huyệt có nhiều loại, thường không tách rời khỏi hình thể Ngũ hành, hình huyệt thay đổi liên tục, không thể kể xiết.

Dương Quân Tùng từng nói: "Lai Long giáng Huyệt tự nhiên mà có, hà tất phải xem cầm và thú, tuy nhiên huyệt có hình hổ báo oai phong lâm liệt thì đời sau có thể làm quan to". Cần biết rằng, phú quý sang hèn vốn



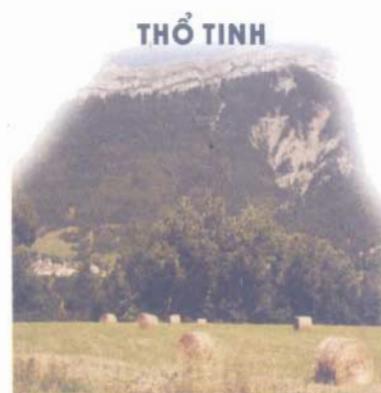
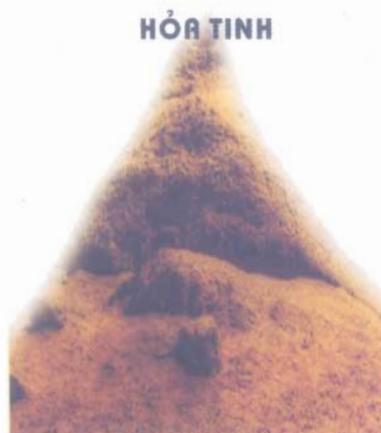
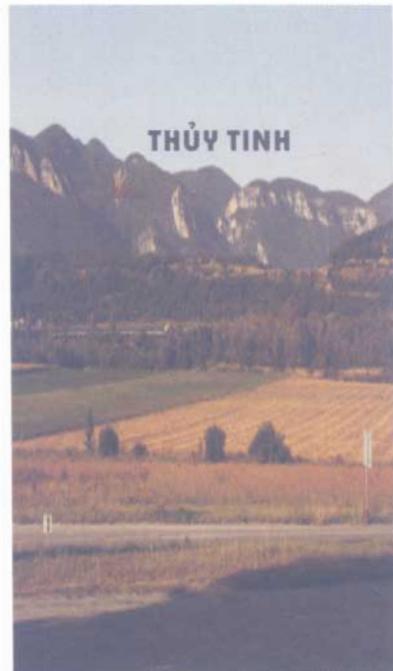
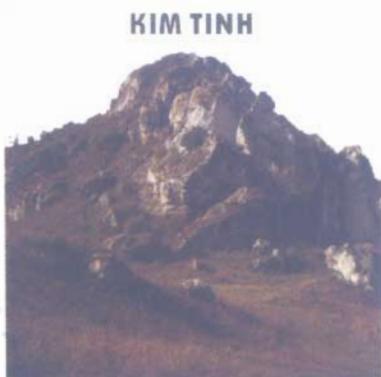
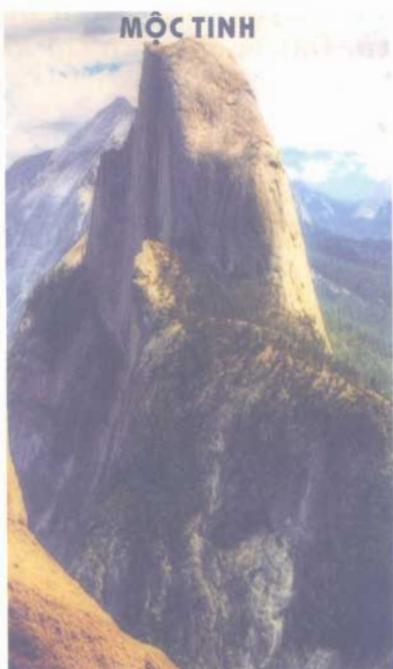
xuất từ Huyệt tình, quan phẩm do Huyệt tình quyết định, chứ không phải do Huyệt hình quyết định.

Phân biệt hung dữ dựa theo loài là không hợp pháp độ, trái với nguyên tắc thông thường, không nên coi đây là tiêu chuẩn duy nhất để xác định thế cục, chỉ có tác dụng tham khảo mà thôi. Dưới đây xin khắc họa một phần Huyệt hình để độc giả có thể hiểu rõ và tránh để rơi vào tình trạng "thật giả lẩn lộn", và không đến nỗi bị mọi người chê cười khi tưởng hươu là ngựa.



Hình nhân sinh

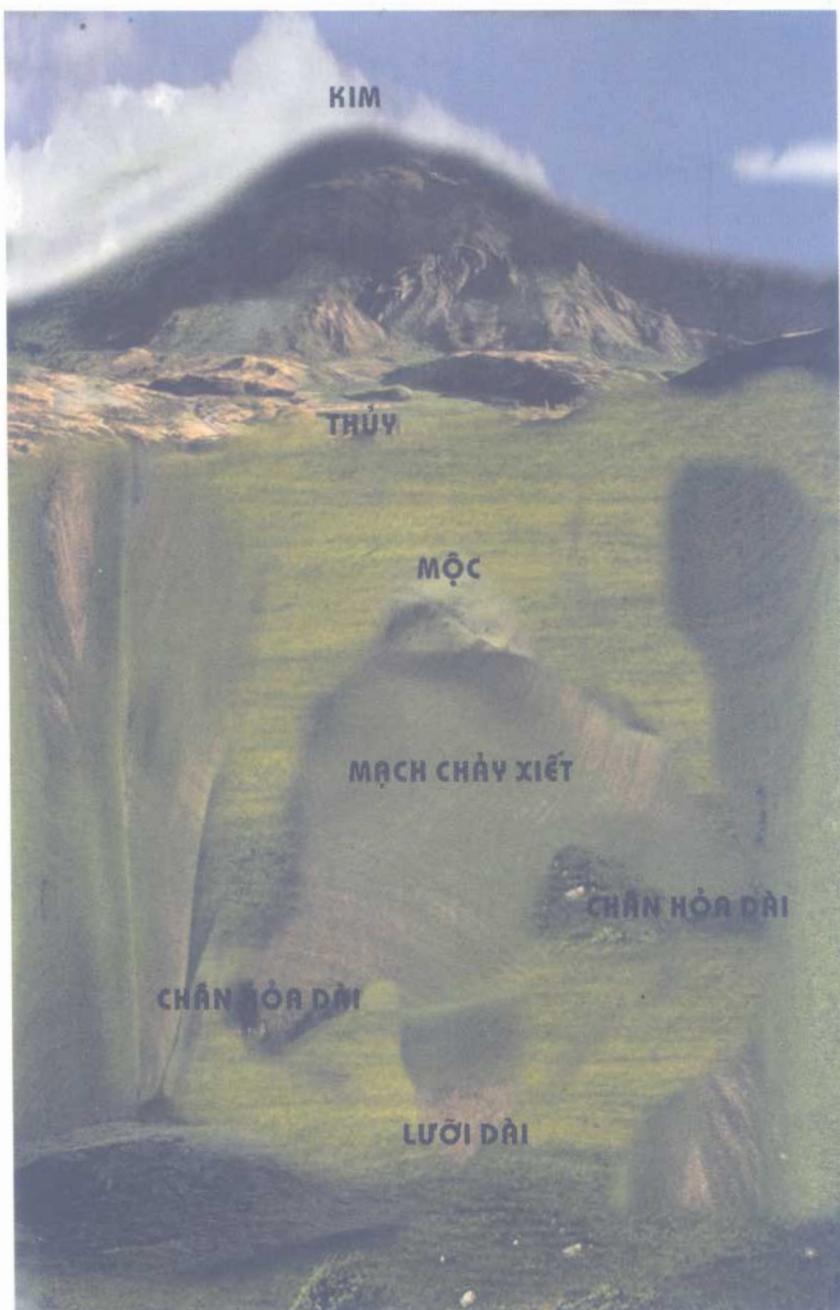
Ngũ hành Huyệt hình.



Ngũ hành Huyệt hình

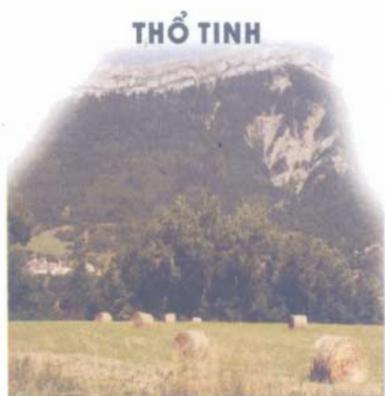
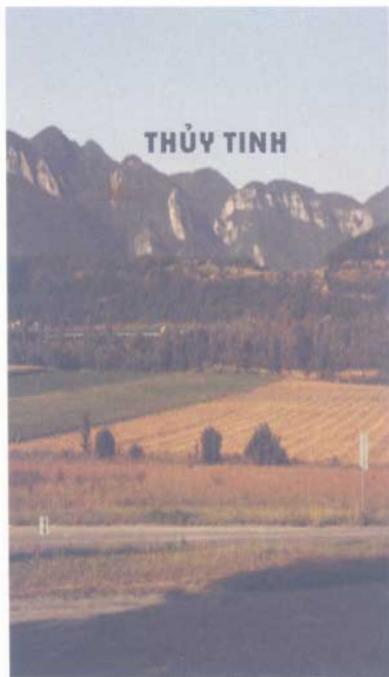
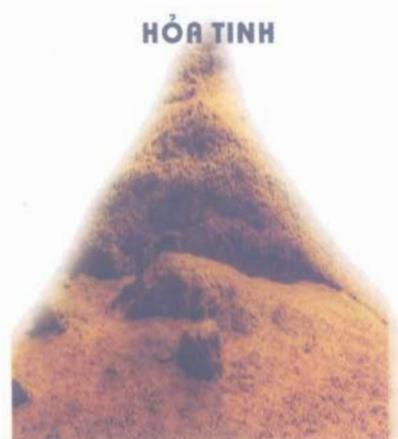
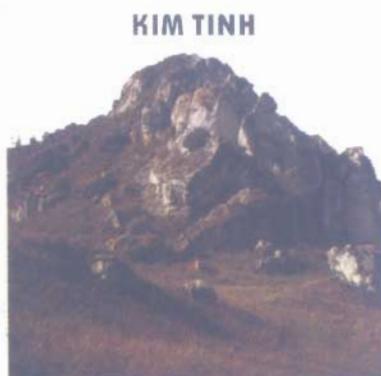
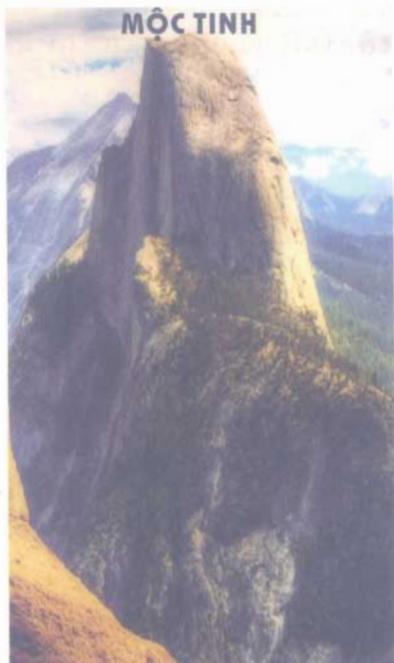


Hình hổ cao lớn, tròn tria và đẹp, hình sư tử có tròn có vuông, lưng cao sừng sững thấy rõ song đỉnh hình tròn, ở giữa hơi bằng thì kết Huyệt ở mình hổ, Kim đỉnh lại kết Huyệt ở đầu. Huyệt sư tử thân nhỏ, đầu to. Hình Kim Thủy kết Huyệt ở mình sư tử. Đất vuông vắn thì kết Huyệt ở đầu sư tử.



Trước phá sau thành, là Thủy tới sinh Mộc

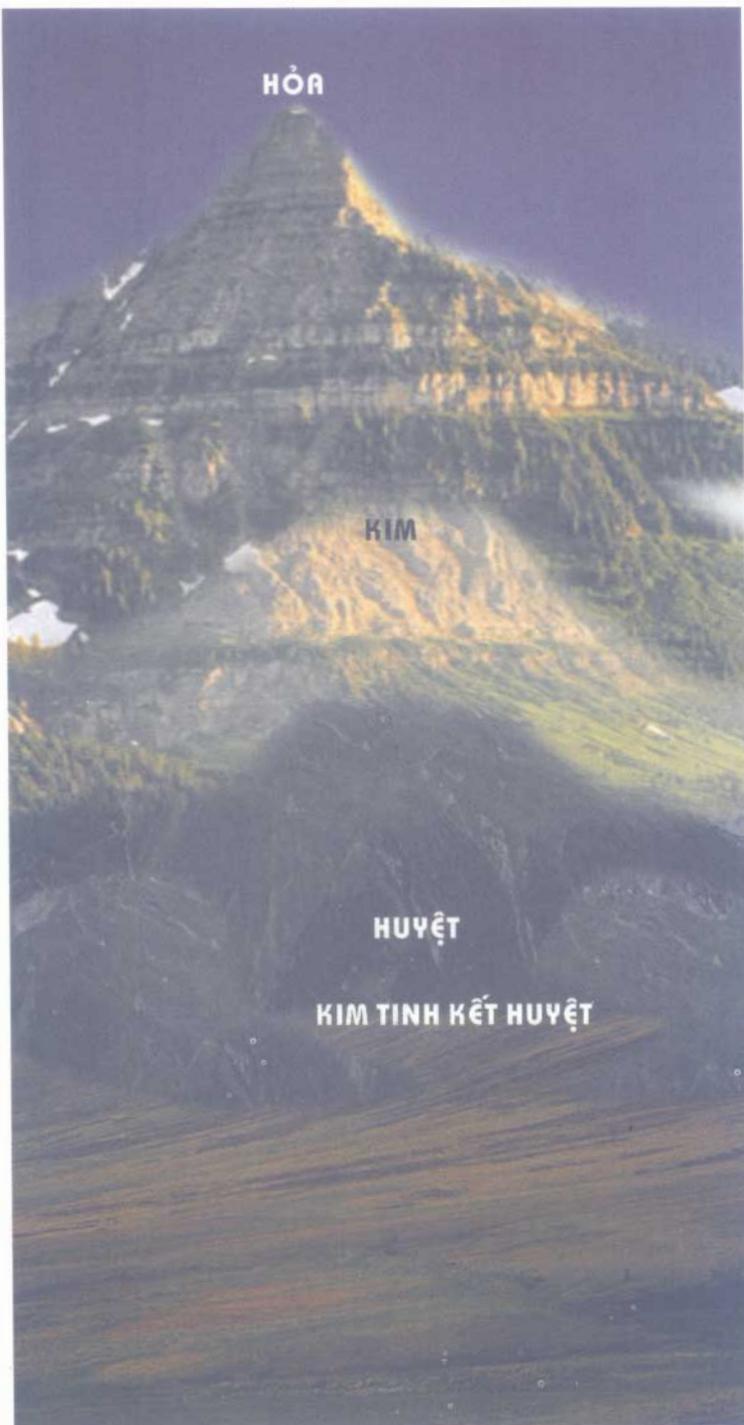
Ngũ hành Huyệt hình.



Ngũ hành Huyệt hình



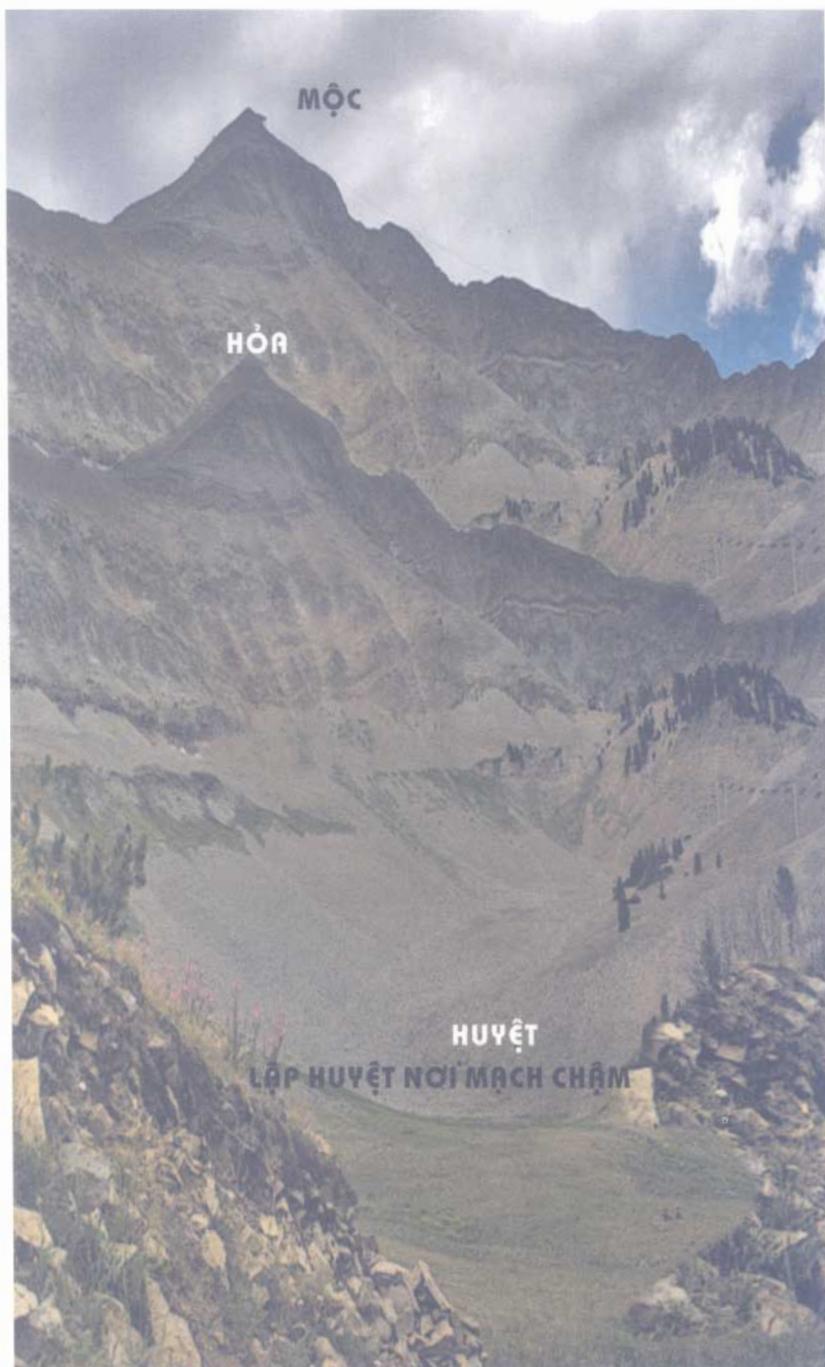
Hình chim ưng, đầu đuôi đều ngắn. Hình phượng hoàng đầu đuôi đều dài. Đa số hình gia cầm đều là Kim tinh, đời sau sẽ phát quý.



Đầu vinh cuối trì trệ, Hỏa tới khắc Kim

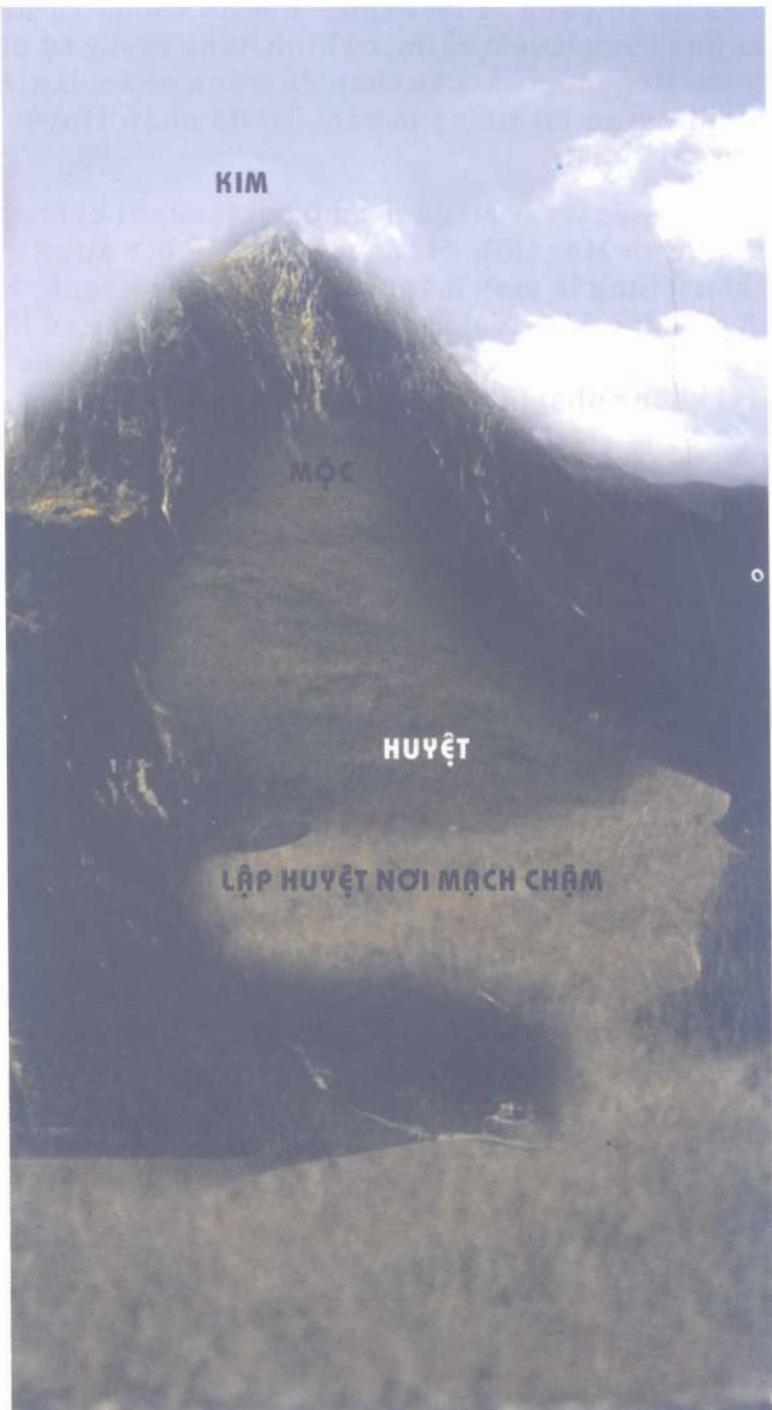


Hình hươu, mình gầy, đầu bằng. Hình ngựa, mình đầy đà, đầu nhọn.



*Huyệt Mộc sinh Hỏa thì sinh ra người
vừa có phúc, lại rất đức độ*

Hình giun, hình ngắn, hơi cong. Hình rắn ngoằn ngoèo, mình dài.



Kim khắc là Huyệt hung



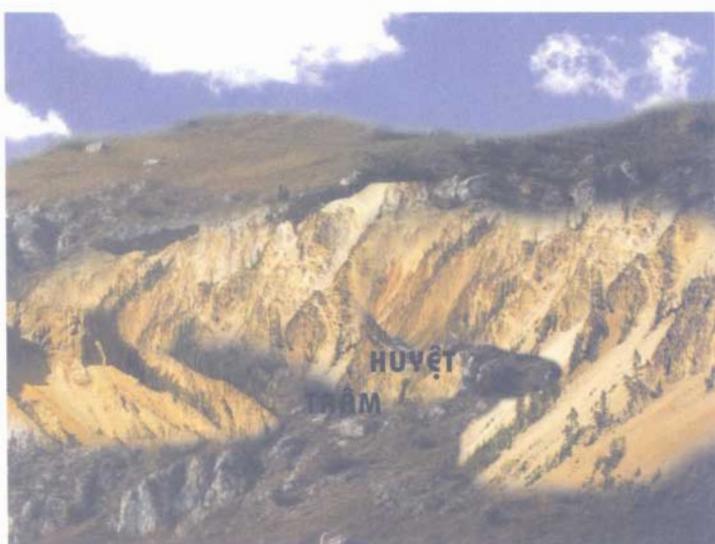
Tất nhiên Huyệt được đặt tên dựa vào hình, mà hình thì có nhiều dạng giống nhau, thực tế lại không phải là cùng một hình. Cần phân biệt rõ ràng, như hổ và sư tử cùng là loài thú, có hình tương tự nhau. Phượng hoàng và chim ưng cùng là loài chim, có hình dạng tương tự nhau, sự khác biệt không nhiều. Cần quan sát cẩn thận để tránh nhầm lẫn, tránh để xảy ra tình trạng nhìn giùn lại tưởng là rắn. Từ đó nhận Huyệt sai, cũng có nghĩa là sê chôn sai vị trí.

Huyệt có hình chiếc trâm cài đầu, cong nghiêng thì không phải là hình Kim thật, mà là hình Mộc tinh cúi đầu, được bao bọc xung quanh mới là Huyệt thật, chôn ở lưng là may mắn, cần tránh gió và lạnh. Hình kiếm là hình Mộc tinh đảo địa, khác với hình chiếc trâm, không có hình thế cong cong, phải có Long Hổ bao bọc thì mới có thể kết Huyệt, còn như có hình lươn chết thì lại không phải là nơi kết Huyệt tốt.

Huyệt tình cần có hộ vệ đứng quan sát bốn phía, chung quanh không cần bao bọc, không giống như huyệt hình ở trên. Huyệt hình chiếc trâm cần có Long Hổ chống mông vào nhau, bên trên có Tinh đinh, bên dưới có Chiên Thần (vùng đất bằng phẳng phía trước huyệt), trái phải khép lại, mới có thể điểm Huyệt.

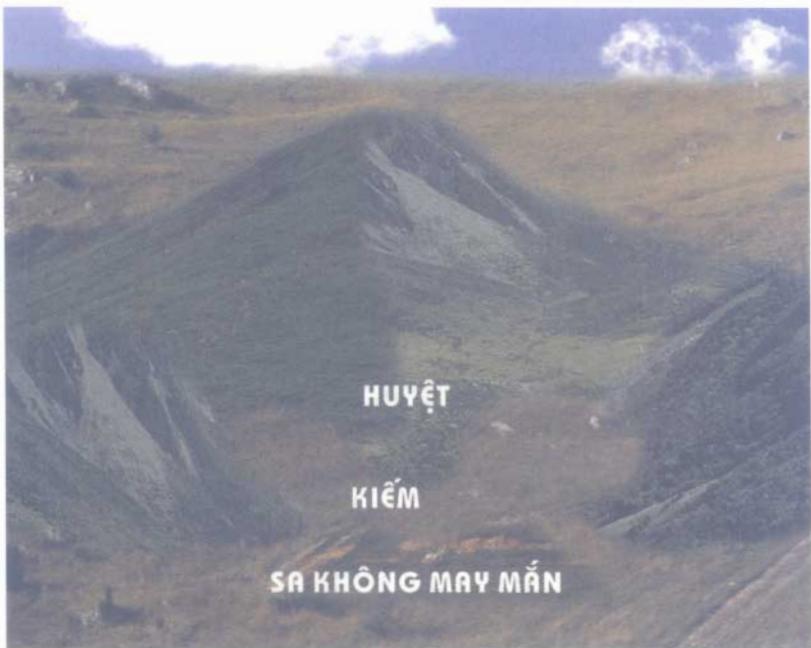
Hình chiếc trâm nên kết Huyệt Kiềm, không nên để nước làm ướt đầu, đầu trâm không tròn và trơn, hình thế không nứt, vỡ, nếu nước tràn vào Huyệt mà vẫn chôn thì tất sê sinh tai họa.

Nếu là hình Mộc tinh đảo địa, thẳng là kiếm. Nếu có thêm Sa hình ngang thì sẽ thành hình chữ T, đây là hình sát, đã không may mắn lại còn gấp dữ. Nếu hai bên không khép thì sẽ mất đi hình thật. Huyệt trâm hình kiếm cần từ Sa bao bọc xung quanh mới có thể chôn cất.



Huyệt hình trâm





Huyết hình kiếm



ỨNG NGHIỆM CỦA HÌNH SA

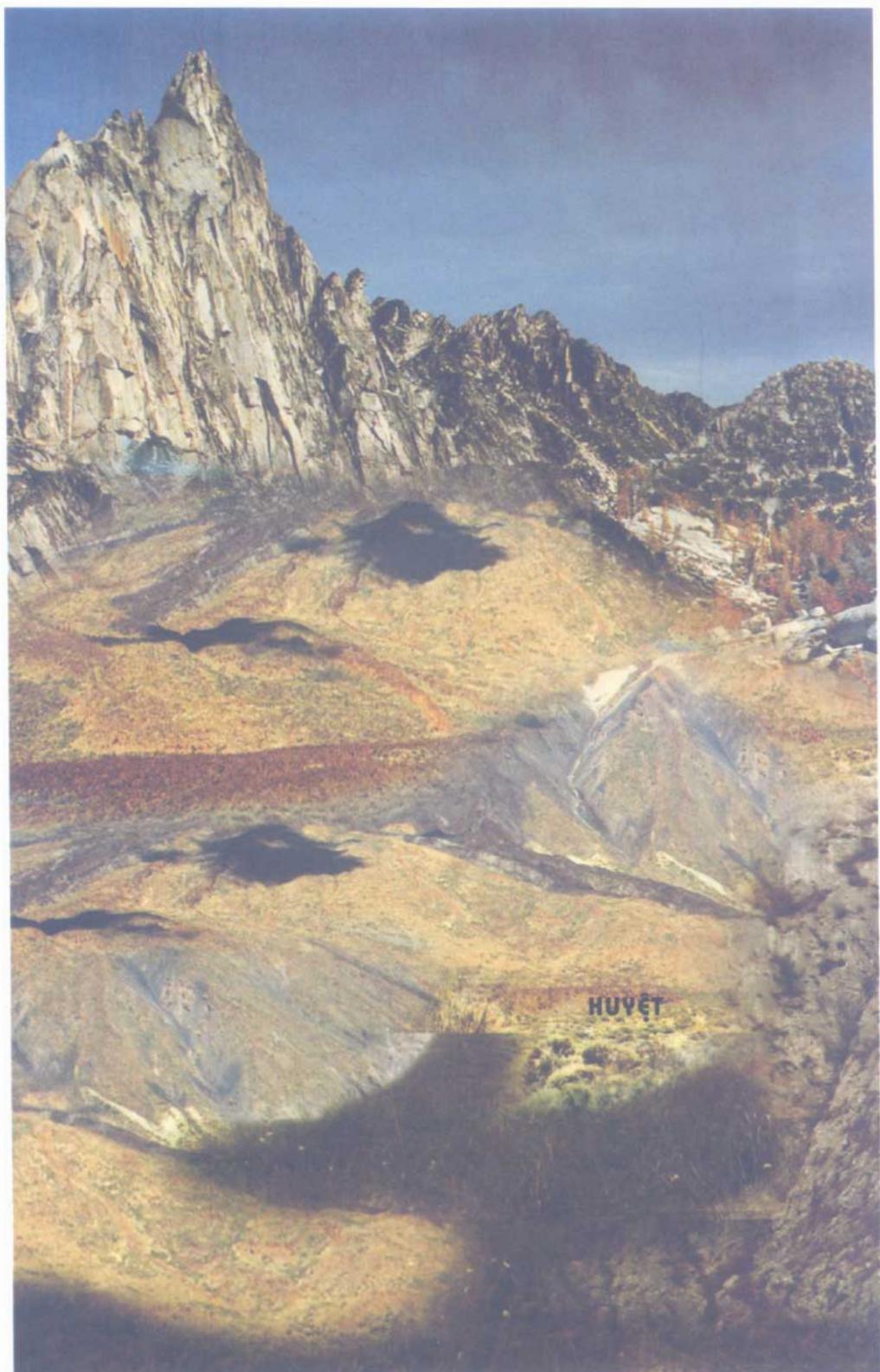
1. Đỉnh núi nhọn, thẳng, đẹp, ngay ngắn, có tư thế, gọi là Văn Bút. Hình nghiêng, dáng xiêu vẹo, gọi là Họa Bút. Sắc nhọn vòng quanh gọi là Nha Dao. Sắc nhọn, thẳng đứng là Sát Dao. Lai Long có sự khác biệt với đồng loại. Núi chủ đẹp, dáng đao mạo, thư thái, lại có hộ vệ tháp tùng thì Sát Dao hóa thành Nha Dao. Lai Long nghiêng, mềm, yếu thì không phải là quý Long, dù là Văn Bút cũng trở thành Họa Bút.

2. Án Sát phía trước sắc nhọn như dao, sẽ gặp hung, không may mắn. Tuy nhiên, nếu dùng cho người theo võ thì lại có thể làm tăng quyền thế, do đó tùy tình hình cụ thể mà dùng thì có thể chuyển hung thành cát.

3. Hình dạng núi Đảo Thi giống như người nằm chết bên lề đường thì là điềm dữ. Nếu có hình con quạ thì có thể chuyển hung thành cát

Núi có hình dạng giống thi thể bị trương phình thì cực hung, cần tránh. Kỳ thực chim muông bay lại ăn thi thể đã chết chỉ là suy luận giả tưởng mà thôi, do đó nhìn thấy hình hung này thì tốt nhất nên tránh. (Xem hình trang sau)







4. Núi Cổ (trống) tròn và bằng phẳng, núi Dịch (sáo) ngang và nhỏ, núi Ấm tròn và vuông, núi Kiếm nhỏ và thẳng, núi Hương Lư tròn và nhô ra.

Đạo khí là chỉ các loại như lọng, lò luyện linh đan, đều chỉ thần tiên, hình sa La Thành.

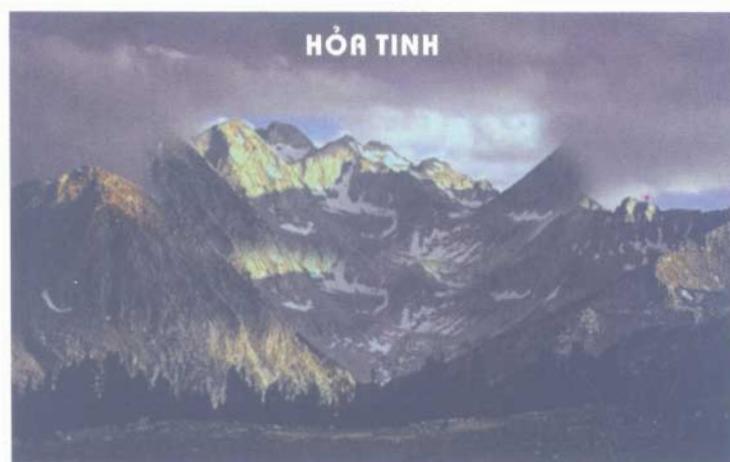
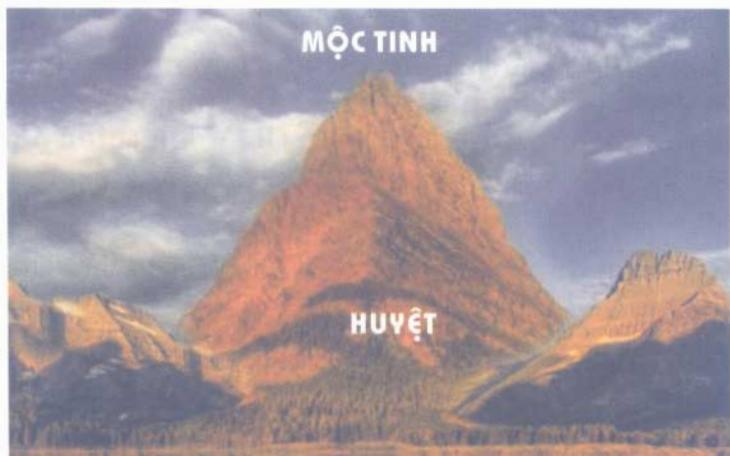


Nếu không có đạo khí thì Kháo Sơn sẽ không đẹp, nhưng lại có thể xuất hiện lệnh quan. Sa hình ấn, hình kiềm thì thiên sư mới giúp đỡ. Có hình ấn kiềm rồi, nhưng nếu có núi Hương Lư thì sẽ không xuất hiện người am hiểu đạo lý thực sự, mà chỉ xuất hiện những loại người kiểu như thầy bói, bà đồng.

Từ đó có thể thấy, nếu có tài xem hình Sa thì nên có sự kiểm chứng này. Phía trước Án chất đồng như bậc thang thì là Hương Lư thật, là đất của thầy bói, bà đồng.



A. Sa hình trống, sáo, cờ, nắp đây.



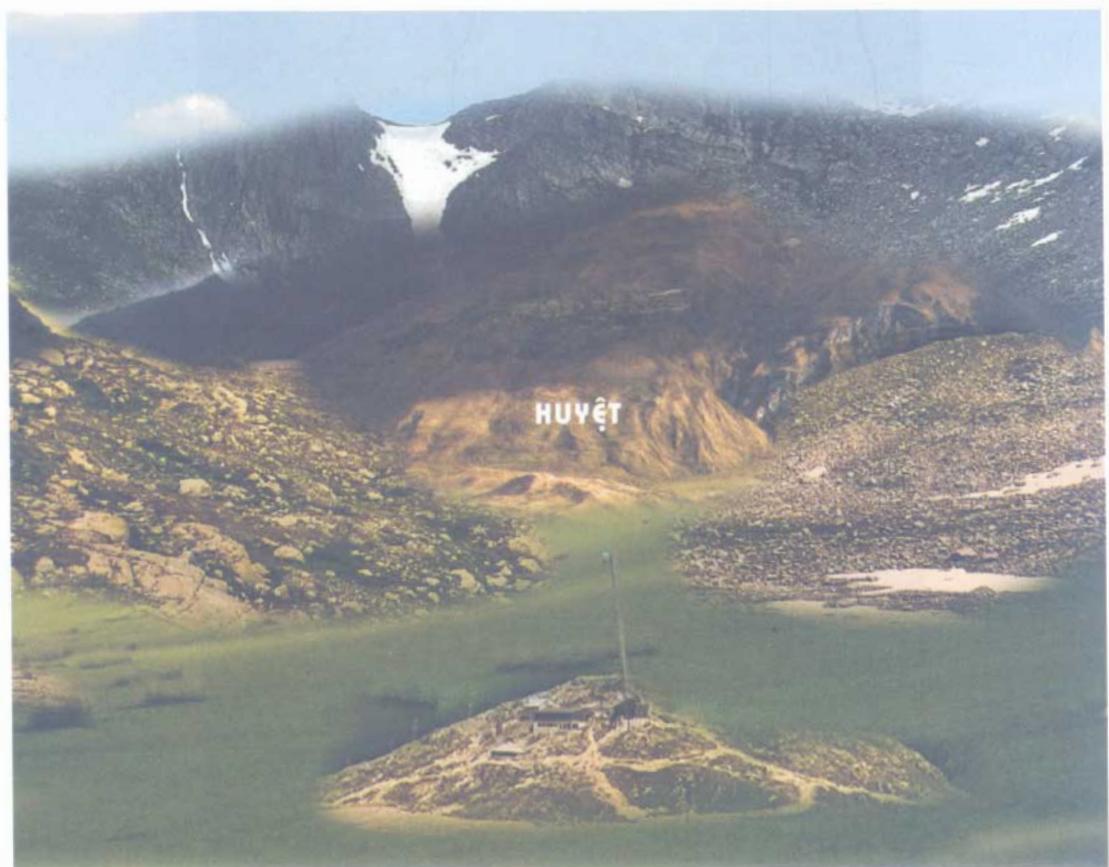
B. Hình nhân sinh



Nếu Sa Thủ có hình rùa, rắn, cúi chào và gấp nhau trước mộ thì là một trong những Sa lành, giống như Dương Quân Tùng từng nói tới: "Rùa, rắn gấp nhau trước mộ thì vong linh được siêu thoát lên thiên đường, con cháu đầy nhà. Chỉ có rùa hướng vào, còn rắn bò đi thì cũng vẫn có thể làm quan to".

5. Núi Hồ Lô dựng đứng, tròn và đẹp, hình hồ lô một đầu to, một đầu nhỏ, ở giữa thắt lại. Nếu có núi Hồ Lô xuất hiện thì đời sau sẽ sản sinh ra nhà toán học hoặc bác sĩ nổi tiếng.

6. Mộc tiêu (muôi gỗ) có đầu tròn, đuôi nhọn, nếu xuất hiện núi hình mộc tiêu, hơn nữa vài ba cái nối liền nhau thì đời sau sẽ có người mắc phải dịch bệnh kéo dài, là nữ giới thì sẽ trở thành quả phụ. Nếu chỉ có một núi Mộc Tiêu, hoặc cán muôi thẳng tới hoặc chỉ nhìn thấy đầu không nhìn thấy cán thì lại là núi may mắn, có thể phát phú.



Mộc tiêu (muôi gỗ)





Hồ Lô

7. Núi Báu Tướng (Trường Thinh, Trung Quốc) Phủ Chiên có hình dạng na ná núi Hồ Tăng lẽ Phật, tuy nhiên núi Lẽ Phật là núi trọc, hai bên có nhiều đỉnh núi nhô lên, núi Báu Tướng có hình dạng uy nghiêm, Long Sơn có khí quý, kết Huyệt rõ ràng, Triều, Án ngay ngắn, hai bên trái phải có trái thảm thì đời sau xuất hiện quý nhân. Nếu nhìn nhầm hình Hồ Tăng lẽ Phật thành hình Báu Tướng Phủ Chiên thì quả là sai lầm, bởi lẽ Hồ Tăng lẽ Phật không xuất hiện quý nhân, chỉ xuất hiện những kẻ nhàn rỗi, do đó cần phải quan sát kỹ, tránh bị nhầm lẫn.



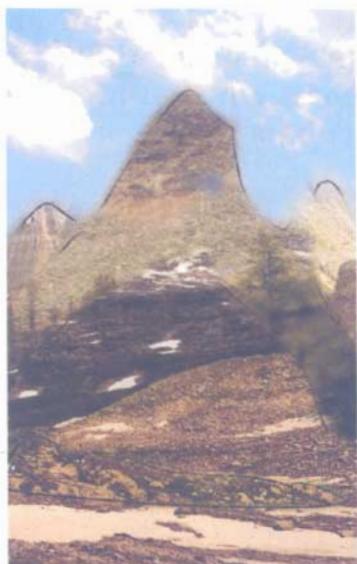
Núi Báu Tướng





*Núi Hồ Tăng
(nay còn có tên là Núi Hồng La)*

Núi có hình ác, to và nghiêng là Thi Sơn, có hình tròn, thanh tú là Tạ Ân Lãnh Chức Sơn, dựa vào thế mà nói thì Thi Sơn cứng đơ, còn Tạ Ân Lãnh Chức Sơn mềm mại, nếu không quan sát kỹ lâm tưởng Thi Sơn thành Tạ Ân Lãnh Chức Sơn thì sẽ lẩn lộn hung cát, từ đó khiến người trong nhà nghi ngờ lẫn nhau, hiểu nhầm người, hiểu lầm mình. Hình Sa giống nhau, song hung cát lại khác nhau, không thể không thận trọng. Lễ Phật mà lại không khoanh tay, bên trọng bên khinh, phía trước không trải thảm, điều này hoàn toàn khác với núi Báu Tướng Phủ Chiên (núi Báu Tướng có trải thảm).



Núi Tạ Ân



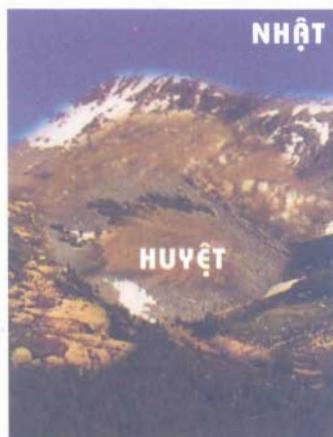
Núi Lãnh Chức



Trên đây là những hình núi tương tự nhau, nhưng lại có sự khác biệt rất lớn về hung và cát. Lấy Long Huyệt là chủ, Long thật Huyệt thăng thì Sa hung sẽ trở thành Sa cát, nếu Long hèn Huyệt không thăng thì Sa cát sẽ trở thành Sa hung, không mang lại phúc cho con cháu đời sau.

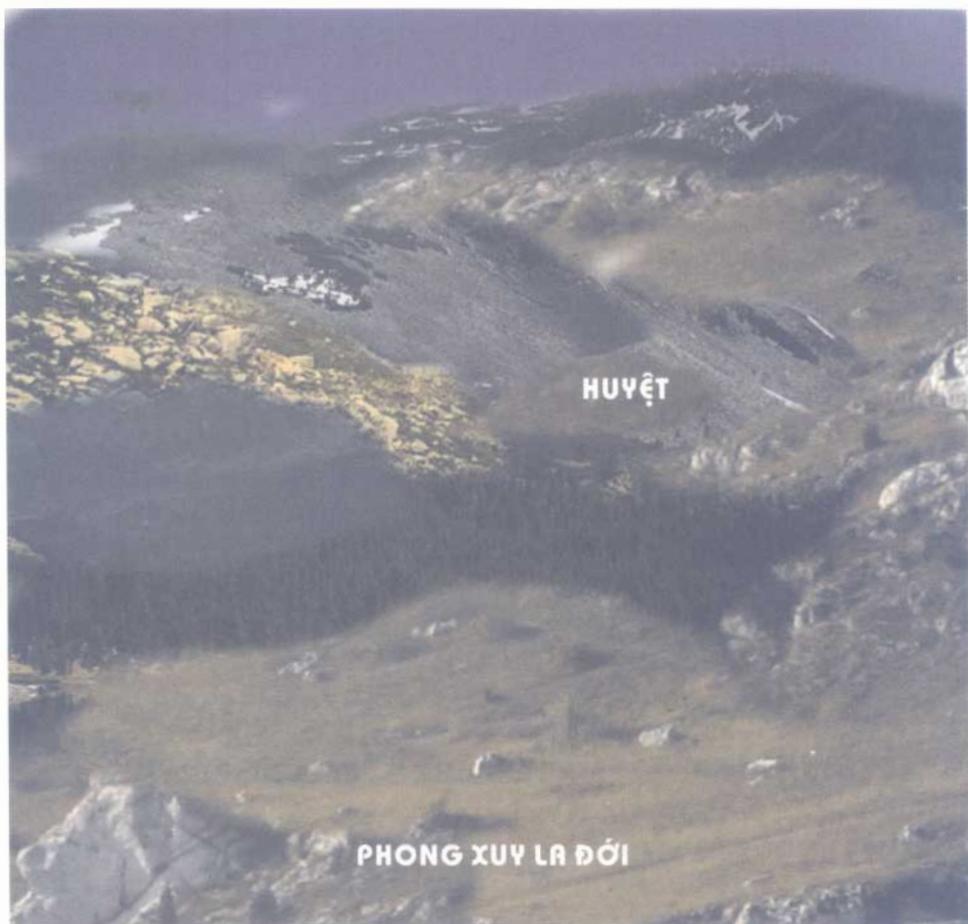
Phần này nhấn mạnh lại một lần nữa Lai Long Lạc Mạch là chủ, Sa là thuộc hạ, là vợ. Sự tiến hay lùi của nước là thế đi của Long, cần phải xuất phát từ Long.

8. Hình Tù Ngục (nhà ngục) và hình Tường Vân Bồng Nguyệt (mây tốt lành bê mặt trăng) đều chỉ những ngọn núi nhỏ bao bọc xung quanh Huyệt, tuy nhiên sự khác biệt giữa hai hình này là thế nào? "Các dãy núi đều cao, chỉ có mình tôi (Huyệt) thấp", là đặc trưng của hình Tù Ngục. Núi cao chèn ép, Huyệt thấp hơn các núi xung quanh, giống như là ngồi đáy giếng quan sát bầu trời. Còn hình Bồng Nguyệt là chỉ, những núi xung quanh có độ cao thấp ngang bằng với Huyệt, tạo nên bố cục hữu tình, còn nếu Bồng Nguyệt ức hiếp Huyệt thì sẽ tạo nên tình cảnh "hổ đói ăn thịt đê", rõ ràng thiếu tình. Tường Vân là chỉ hình sao có đầu tròn, đẹp và thanh tú, Bồng Nguyệt là chỉ sự bao bọc hữu tình, cả hai điều này đều cần quan sát kỹ. Hình nghiêng, chia ra hai bên gọi là Phan Hoa (cờ hoa), còn chia đôi mềm mại, nhẹ nhàng thì gọi là Phong Xuy La Đới (gió thổi dài lụa). Hình dạng của chúng giống nhau, đều là chỉ núi chia làm đôi, kéo dài xuống phía dưới, tạo thành thế "bay", khác biệt ở chỗ, hình Phan Hoa, Long Mạch thăng, dài, trúc xuống, không khép lại, thế này sẽ xuất hiện sư thầy nhàn rỗi ở các chùa chiền. Còn hình Phong Xuy La Đới mềm mại, có phân có hợp.



*Nhật Nguyệt La Đới
tạo nên cát hung khác nhau*

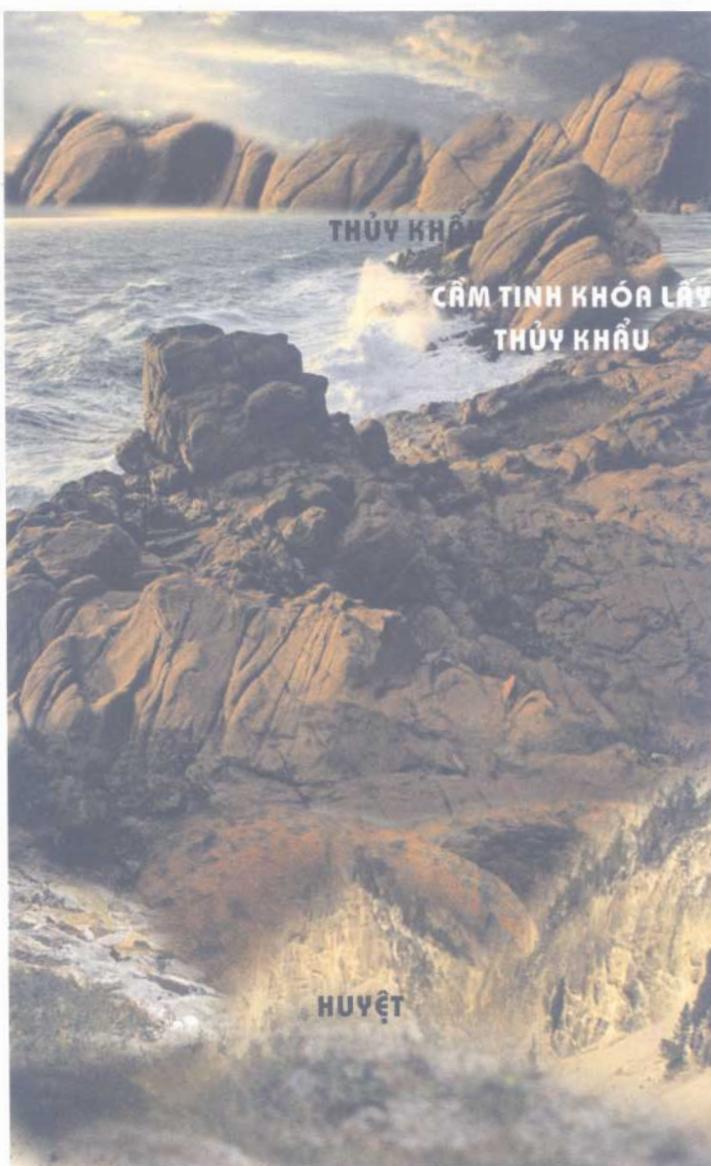




Đỉnh núi cao, nhọn, phân nhánh cao thấp không đều nhau, chân núi có móng chĩa ra gọi là Xuất Trận Kỳ (cờ xuất trận). Đầu Kỳ có đá thì sẽ thắng trận. Tâm Kỳ có đá thì sẽ thua trận. Nếu móng chân không rõ ràng, hình dạng vỡ vụn thì là Quỷ Kiếp Sơn (núi quỷ cướp bóc). Gọi là Quỷ Bóc là chỉ đỉnh núi nghiêng, vỡ vụn, có đá dũ.

Sát Thủy là chỉ nước chảy xiết, đâm thẳng. Đại Bút đặt ngang gọi là Phán Tử Bút (xử tội chết), Thuận Thủy Bút (thuận theo dòng nước) thì phá sản, sát thương, còn nếu quá ngang thu nước thì lại là tốt. Ứng nghiệm của Sa hung là, núi có hình cờ xuất trận, nếu gặp phải núi ác (núi sụt lở) thì sẽ xuất hiện đạo tặc, chuyên đi cướp bóc. Sa có Phán Tử Bút mà không phải là Văn Bút, nếu gặp Sát Thủy thì sẽ có họa sát thương. Sa có Xuất Trận Kỳ, Phán Tử Bút, Long thật Huyệt thẳng, không có Kiếp Sơn, Sát Thủy thì sẽ giương cờ xuất trận, xuất hiện võ tướng, có thể thắng trận. Phán Tử Bút tạo ra quan tòa phán xử tội sống hay chết, nếu gặp Kiếp Sơn, Hung Thủy thì sẽ bại trận giống như núi sập. Bút to, nằm ngang lại không đủ tư cách phán xử tội sống hay chết, do đó cần quan sát kỹ hình Sa để có kết luận chính xác.

Xem Sa không nên lệ thuộc vào hình Sa, trước hết cần xem huyệt tình (cái tình của huyệt) thế nào, ví như trước Huyệt có đá nhỏ, nhô lên gồnhỏ thì không thể gọi là Cổ Mục Sa. Hai chân núi to duỗi thẳng ra, còn núi nhỏ ở phía dưới núi to thì không thể nói đây là Lậu Thai Sơn. Muốn xem huyệt tình thì trước hết cần xem núi kết huyệt có hình dạng rồng cuộn không, nếu có hình dạng rồng cuộn mà phía trước huyệt lại có gò đất nhỏ thì gò đất này sẽ được gọi là hạt ngọc minh châu, như vậy sẽ tạo ra thế rồng đùavới ngọc. Nếu núi kết huyệt có Long nổi hình mèo thì gò đất và núi nhỏđược ví như là mèo đang vờn chuột. Có rồng thật (Chân Long) thì cũng sẽ có huyệt thật tương ứng, nếu không có rồng thật, huyệt thẳng thì gò đất tròn và gò đất nhỏ sẽ ứng với Cổ Mục và Lậu Thai.



Quan sát địa lý để tầm Long điểm Huyệt thì trước hết cần định quý hòn dựa theo hành Long Tinh thần, tiếp đó định hung dữ dựa theo hình Sa, xem ứng nghiệm và không ứng nghiệm ở đâu? Cần phán đoán dựa theo Quý thông hoạt pháp, chứ không nên phụ thuộc hoàn toàn vào lời nói của người xưa, cố chấp mà không thông.



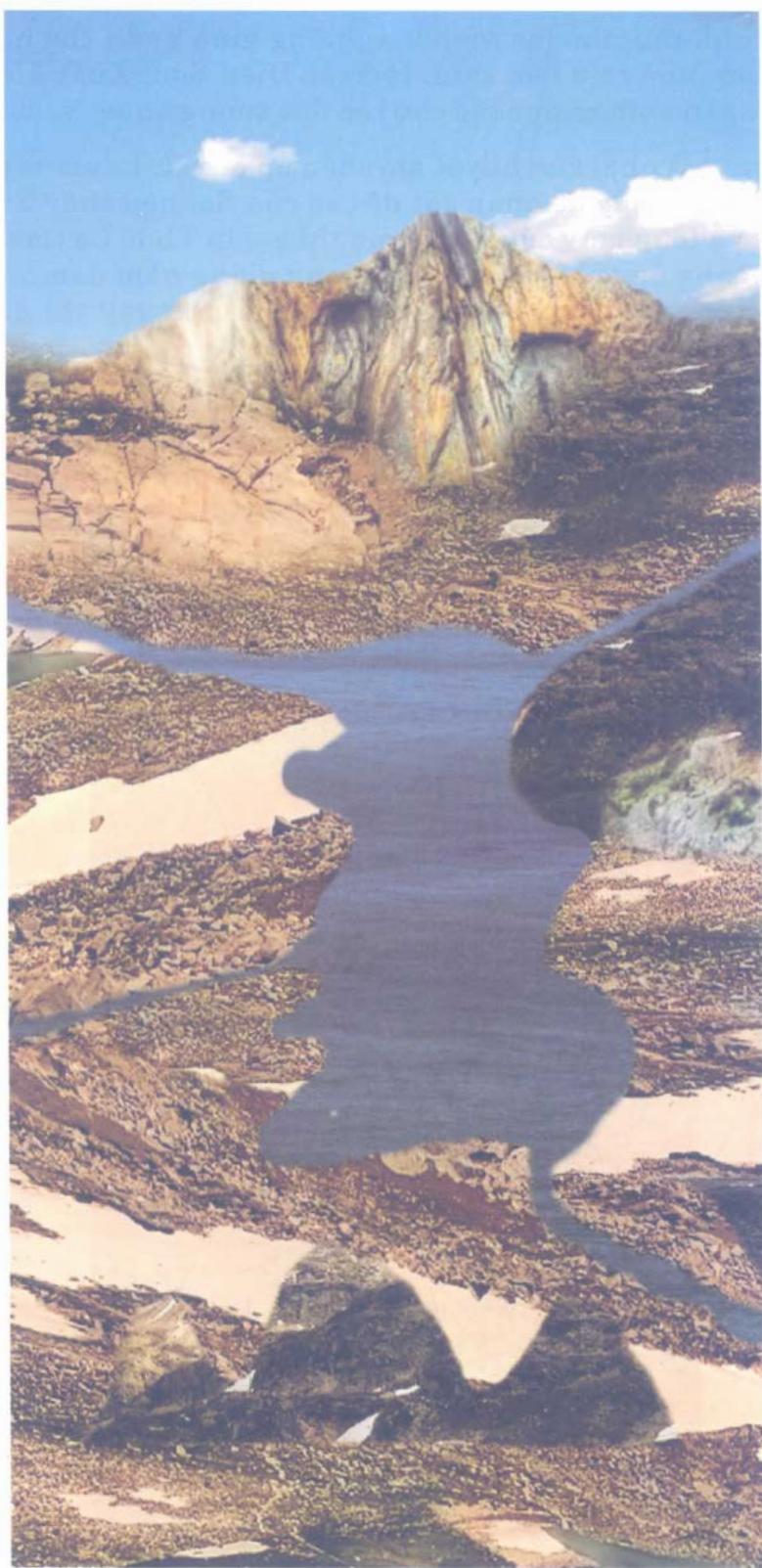
HÌNH HUNG QUANH HUYỆT

Nước chảy từng bậc từng bậc về phía trước ở trước huyệt, thế nước này hoàn toàn ngược lại với hình thế "Ngự Nhai Thủy", và được gọi là Quyển Liêm Thủy. Phía trước huyệt có Quyển Liêm Thủy thì sinh nhiều con gái, ít con trai. Con trai dễ chết yếu, còn con gái dễ trở thành quả phụ. Con trai ở rẻ, con gái phần lớn làm vợ kế của người khác.

Núi Nhĩ Bút phán thành hai đỉnh nhọn, bên cao bên thấp, và nghiêng. Núi Nhĩ Bút nhọn, thích tranh cãi, kiện tụng, Hình núi một đỉnh cao lớn, một đỉnh thấp bé, một bên cao sừng sững, một bên nghiêng thì là hai bút chạm ngòi vào nhau tới nơi kiện cáo.

Nước chảy chẽ ra hai bên trước huyệt thì sinh ra con cháu ngô ngược, bất hiếu; dù Long thật Huyệt thẳng mà có Triều, Án che chắn phía trước thì đều sinh ra người thiếu nghĩa khí và nhiều quả phụ. Nước chảy nhiều từ khe núi có dạng hình chữ bát, chảy nhẹ nhàng, từ tốn là cát, còn chảy cuồn cuộn, chảy xiết thì là hung. Nghịch Kỵ Long cần nước chảy đi từ hai bên, còn nếu nhập với tiểu Thủy ở phía sau Long rồi chảy đi thì là cát. Thuận Kỵ Long cần nhập với đại Thủy ở bên ngoài Long Hồ rồi chảy lên phía trước mới là cát. Bên ngoài Án có núi bao bọc lắn nhau giống như hai tướng ôm đầu thì nam nữ đời sau dâm loạn. Có hình vòng tay ôm lấy thì nữ giới phong lưu.

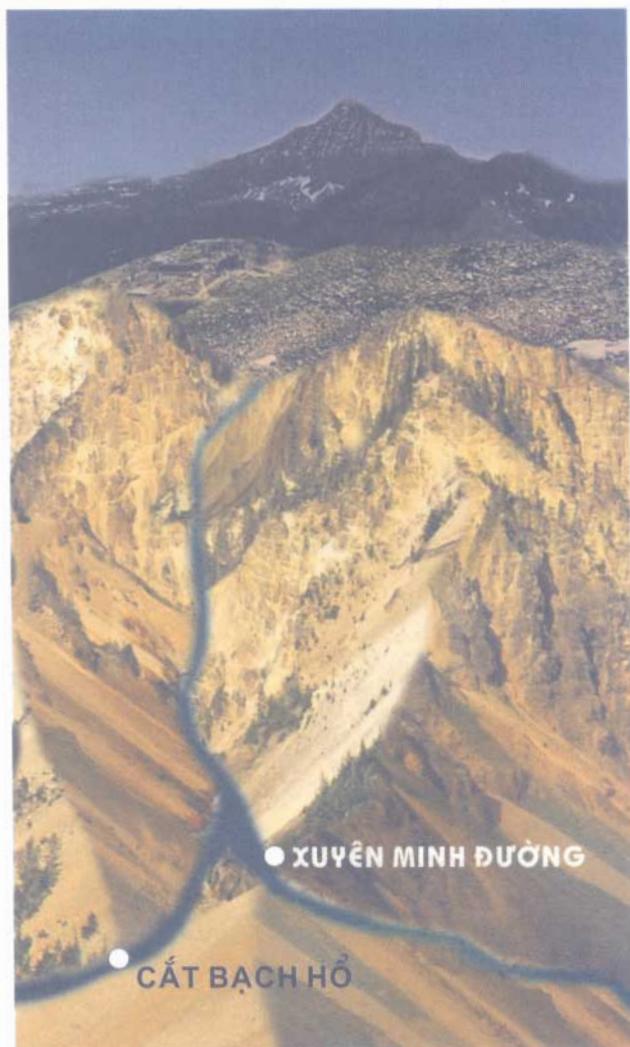
Núi tròn, nhỏ hoặc đá tròn, nhỏ gọi là Ngọc Án, có hình vuông thì gọi là Kim Tương (hòn vàng). Ngọc Án sụt lở thì dễ bị mù mắt, họa sảy thai. Nếu Kim Tương một đầu cao, một đầu thấp, lại bị nghiêng thì đời sau dễ chết ở nơi đất khách quê người. Kim Tương, Ngọc Án đều tròn, trơn nhẵn và ngay ngắn thì mới là cát.



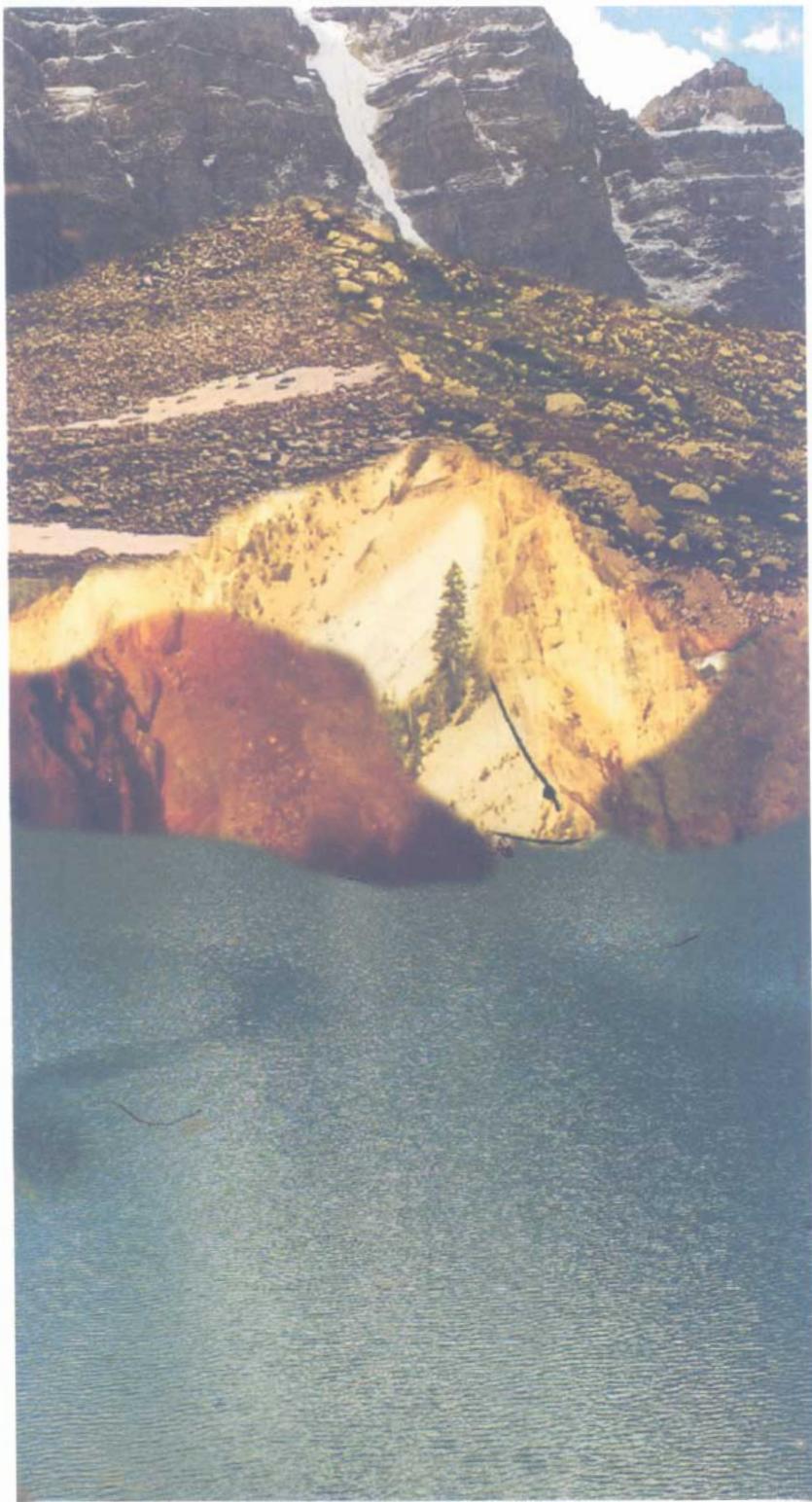
Một vài đỉnh núi nhô lên và hơi nghiêng giữa quần thể núi thì gọi là Thám Đầu Sơn, nhô ra ở bên cạnh là Trắc Diện Sơn. Xuất hiện hai ngọn núi này thì sẽ sản sinh ra đạo tặc chuyên đào tường khoét vách ăn trộm.

Sa hai bên trái phải của huyệt mộ chèn ép huyệt, khum tay trước trán ở giữa mắt và lông mày để quan sát độ cao của Sa, nếu thấy Sa cao ngang bằng với mắt và lông mày của huyệt mộ thì gọi là Thức Lệ (lau nước mắt). Nếu Sa cao ngang ngực huyệt mộ giống như giáng nấm đầm vào ngực, thì gọi là Thùy Hung (đánh vào ngực). Có Sa Thủ như vậy thì đời sau sẽ có người chết yếu và gặp họa.

Thủy Khẩu có núi hình người thì gọi là Đảo Thi Sơn, thì đời sau sẽ có người chết ở nơi đất khách quê người. Núi có hình quả dưa phình to gọi là Thũng Tước Sơn thì đời sau sẽ có người mắc bệnh phù thũng.



Đường vỡ xuyên tâm, Long đứt Thủy hung nhất



Nước cắt chân

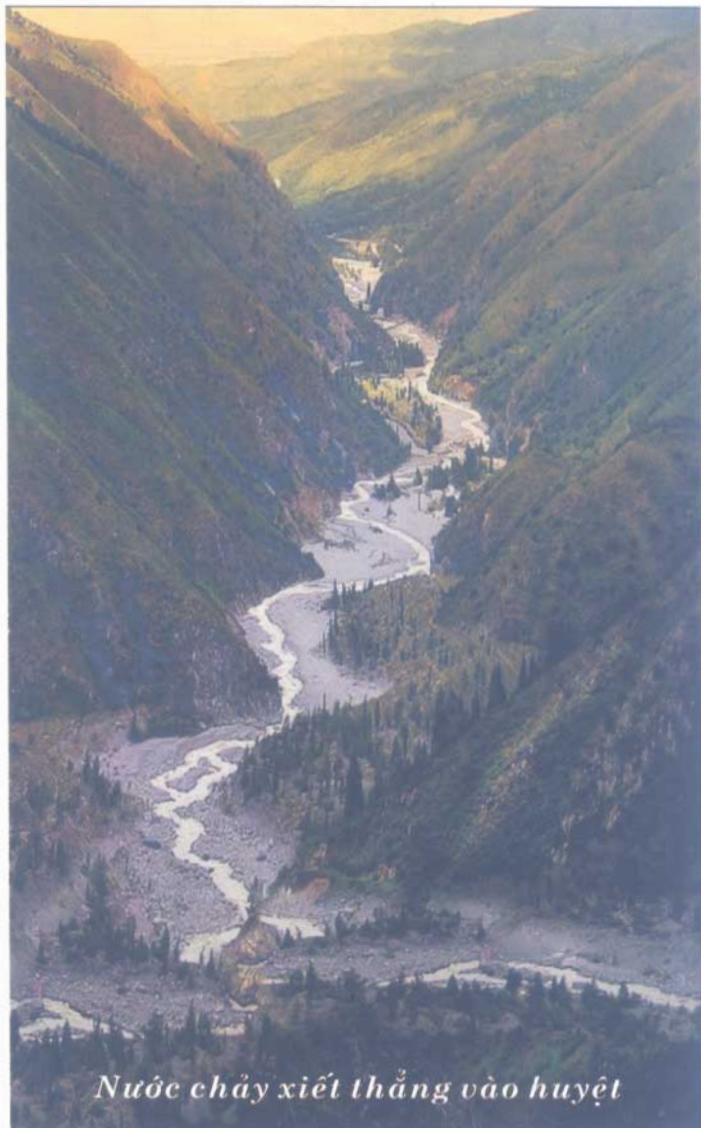


Tinh đinh kết huyệt cần cao sừng sững và trọc, có thể như mānh hổ xuống núi, đang đi tìm người ăn thịt. Bởi vậy có thể nói đây là thế hổ, tuy nhiên lại không thể ăn được thịt người, có được thế như vậy thì mới có thể chôn. Án sơn cần bao bọc, để hổ ăn Nhục án trước tiên, huyệt không lộ ra thì sẽ không thể làm thương được mộ. Nếu gió thổi lộ cơ thể thì cho thấy sát khí rất nặng, báo trước có người sẽ bị thương.

Thế rắn hung ác, sắc nhọn và mang sát khí thì cần di chuyển lánh nạn để không nhìn thấy sát nữa, không nhìn thấy sát hoặc không xuất sát cũng có nghĩa là có sự ức chế. Nếu không chắc chắn sẽ bị tổn hại.

Điểm huyệt hình con rết nên kết ở trong Oa Kiêm, Huyệt con chó đang ngủ nên kết ở trong lòng, những huyệt có hình hung ác kiểu này không nên coi nhẹ, cần chọn biện pháp di dời.

Huyệt hổ nên di dời tới trán thì có thể ức được sát. Huyệt rắn nên di dời tới cạnh tai thì có thể tránh được sát khí. Huyệt rết nên di chuyển vào trong gọng kìm thì có thể hóa sát. Huyệt chó di chuyển vào trong lòng thì có thể giấu được sát. Biết được cách di dời nơi chôn cất thì có thể tránh được họa hung, hơn nữa không làm thương tới Long.



Nước chảy xiết thăng vào huyệt



Ngẩng đầu, há miệng là hình ngựa hí.

Bên cao, bên dốc không cân đối là hình làm kinh động đến rắn. Hình dạng bên ngoài của hình Huyệt kết thành huyệt và không kết thành huyệt na ná nhau, cho nên cần nghiên cứu kỹ.

Núi giống hình ngựa thì mạch tới cần thẳng và chảy xiết, thế núi nhấp nhô không bằng phẳng, uốn lượn mới có thể kết huyệt. Thế ngựa hí cần nghe thấy tin tức phải chuyển ngay tư thế, chỉ là đi ngang qua chốn này chứ không phải muốn chạy tới nơi này, nên đây không phải là nơi Chân Long ngừng lại.

Nhập thủ Long mạch khúc khuỷu và nghiêng, nằm ẩn trong sườn núi thì không kết được huyệt thật. Mà hình Kinh Xà giống như sợ bị tấn công, nếu chôn ở nơi này thì làm sao có thể yên tâm được. Có cành nhọn, thẳng ở phải trái trước sau đâm thẳng vào huyệt thì đều là những vật làm kinh động đến rắn, khiến rắn sợ hãi.

Huyệt hình thuyền nên di dời tới nơi gần nước, huyệt hình thuyền gấp nước mới phát, chính là chọn thuyền ở bãi trước.

Kết huyệt hình đất ở trạng thái cá đang bơi lội thì nên bơi ngược theo dòng nước mới là tốt, bởi vì bơi ngược theo dòng nước mới thể hiện sức mạnh, có nghĩa là cá vượt Long môn thẳng tới trời, huyệt ngược nước nên Thiên Môn mở rộng.

Lực đất nhẹ, khí nổi thì không nên chôn, thì cũng giống như lá sen to mà không chỗ được vật nặng.

Hành Long Thủy tinh ngoằn ngoèo, khí mạch nhỏ, lực yếu khúc khuỷu thì là thế dây mướp, các nhánh mọc mầm nở hoa, huyệt nhiều mà không giống nhau, tuy nhiên do khí thế yếu nên chỉ hợp với cắt xén, mà không thể chặt đốn.

Huyệt hình bến đỗ, là Bình Dương Long kết huyệt. Bằng phẳng như lòng bàn tay, không sợ gió thổi mưa rơi. Đại Long đại mạch được nhiều người biết đến, còn Bình Dương Long thì ít người biết đến, không sợ gió thổi mưa rơi, chờ nên để ý tới những lời nói không thật của người khác, tuy nhiên khí thật và nước thật giao hoàn thì là nơi đáng quý của Bình Dương Long.

Kết huyệt ẩn ở trong nước hoặc nhô cao trên mặt nước, chính là thạch cốt băng nước qua mạch, không nên vứt bỏ đi vì thấy xung quanh đều có nước. Lớn nhỏ qua mạch, kết Sa băng, lập huyệt hình chim ưng thì nên có nước ở xung quanh.

Ngu Quán: Tức là bầy cá nối đuôi nhau thành một đường dài.



Hình Hương: Là mồi thơm. Cá ngừi thấy nhất định sẽ bơi lại, tranh nhau ăn, tức là nơi kết huyệt.

Quyển A: Là nơi quanh co. Nếu các mạch thằng tới thì không thể kết huyệt, nên chọn chỗ uốn cong để kết huyệt, còn như giống hình người ngồi câu cá thì cần chọn chỗ nước chảy uốn lượn để thả mồi, thì huyệt mới được thoái mái.

Ung trận: Bầy chim ưng bay nôï thành hàng.

Tiêu túc: Chỉ thông tin kết huyệt tồn tại.

Bầy chim ưng nằm phục, phần lớn có tư thế như đang nằm ở đồng trống mênh mông, nước xung quanh tụ về Tê Khẩu, hình thế La Thành phân rõ thì có thể chôn. Muốn quan sát huyệt thì trước hết cần quan sát Lai Long và núi ở trái phải trước sau, cũng như thế nước và thế cục của Đường. Nơi kết huyệt có hình Ngư Quán thì chắc chắn sẽ là huyệt sinh khí ngừng tụ. Còn nếu có hình khúc khuỷu, nước tích tụ, giống như người ngồi câu cá thì chắc chắn là huyệt tốt. Núi giống bầy chim ưng nằm phục thì thông tin "Long dừng kết huyệt" lan nhanh ra đồng trống, từ đó có thể kết được huyệt tốt.

Hình nhân, có huyệt Tam đình. Huyệt thượng đinh sợ gió thổi, vì gió thổi vào huyệt sẽ xua hết khí. Bộ phận bụng và rốn là nơi chứa đựng, lập Oa ở đây thì có thể tránh gió, ngoài ra, hai bên trái phải đều cần được bao bọc, Oa sâu trong huyệt không sợ gió thổi tới là cát. Huyệt hình nhân phần lớn là sao nhọn và thẳng. Sao sợ nhất là có gió thổi tới, do đó cần phải nấp trong Oa.

Hình cầm (chim) thì có thể chôn ở đầu hoặc đuôi đều được, tuy nhiên nhất định phải có cánh chim trùm lên, song không câu nệ cánh trái hay cánh phải, miễn thấy phồng lên là được. Kết huyệt cần chọn chỗ khí mạch ngưng tụ, Sa thủy bao bọc.

Ý nghĩa của lập huyệt là coi trọng huyệt pháp, ý nghĩa của huyệt pháp là coi trọng hình huyệt có thể sinh xuất. Hình thế sông núi biến đổi liên tục, lúc thì tiến lên phía trước, lúc lại tụt xuống phía sau. Mặc dù đặt tên huyệt theo hình người, vật, muông, thú, song huyệt pháp lại cần lập huyệt ở nơi tích tụ sinh khí, và không câu nệ vào tiêu chuẩn "dựa vào công dụng của hình tượng mà định ra tác dụng".

Nhận biết huyệt cần phải hiểu ngầm, hiểu ý mà không diễn tả bằng lời thì mới là thượng sách.



NGUYÊN LÝ TÌM HUYỆT

1. Cái (đậy): Có nghĩa là che đậy, phủ lên. Khí tụ ở núi là Thiên huyệt, do mạch tới bình lặng và từ tốn, kết lồng léo ở Tinh thần, nên cần dùng tới Cái pháp để nâng cao quan tài. Khi chôn, cần chừa lại đỉnh, phía sau gáy cần có chỗ dựa, không được chôn quá sâu, cũng không được để gió thổi vào, nếu gió thổi vào sẽ tan sinh khí, gây họa. Trong tàng pháp có 3 loại là Hoa Cái (che bàng hoa), Vân Cái (che bàng mây) và Bảo Cái (che bàng bảo bối).

Niêm (dính): Sơn mạch hùng thịnh, khí hạ xuống dưới chân núi, do đó mang nghĩa kết dính, Triều Sơn mềm phía dưới tức là bị dính chặt, kết thành Địa huyệt. Có hai cách hư niêm (dính giả) và thực niêm (dính thật)

Ý (dựa vào): Nghiêng không thẳng, khí tụ ở bên, gọi là huyệt Long trực, cũng có hai cách là thực ý (nghiêng thật) và hư ý (nghiêng giả). Chọn Ý pháp thì cần nắm vững ý nghĩa "Tỵ phạm thông sinh", cũng là hiểu rõ ý nghĩa "tựa nhờ".

Mạch tới thẳng và cứng, kết lồng léo ở bên thì cần sử dụng Ý pháp, đặt quan tài kề sát hai bên trái phải, Sa bên trái ngược dòng nước là tựa bên trái, Sa bên phải ngược dòng nước là tựa bên phải.

Song tú Triều Sơn cần có song ý, đơn tú thì cần đơn ý, phía sau có đỉnh núi cao sừng sững thì là thực ý (dựa thật), thấp bằng thì là hư ý (dựa giả). Tạo huyệt cần dựa vào Lai Long, chứ không thể dựa vào hư để thoát khí.

Chàng (va đập): Khí không ở trên, cũng không ở dưới, có nghĩa đâm thẳng. Mạch tới bình lặng và nhẹ nhàng, tích tụ ở giữa không nghiêng ngả, kết ở trung tâm, khí mạch tự khắc sẽ thẳng thì cần dùng tới Chàng pháp. Đặt quan tài ở giữa, nếu Long mạch tới nghiêng và ngang, lại kết lồng léo ở giữa thì nên dùng chàng pháp. Chàng pháp có hai loại va nhẹ và va mạnh, cần tùy thuộc vào độ dày mỏng khác nhau của khí mạch để phân thành va nhẹ hay va mạnh.

Xét về hình dạng thì Thổ phúc tàng Kim (bung đất giấu vàng), xét về thế thì là Huyệt nhân (huyệt hình người). Triều son cao, khí dày thì nên dùng va mạnh. Triều son thấp, khí mỏng thì nên dùng va nhẹ. Bốn loại huyệt pháp kể trên cần nghiên cứu nghiêm túc, xem Mạch tình nhanh hay chậm, Triều son cao hay thấp thì mới có thể nhận biết chính xác Huyệt tình mà không sợ hiểu sai.



Mạch tới bình lặng và nhẹ nhàng thì nên dùng Cái pháp, núi cao trúc ngực xuống huyệt, nói về thế thì là huyệt trời. Lai long tới nhanh, gấp thì dùng Niêm pháp, núi cao bằng phẳng, nói về thế thì là huyệt đất.

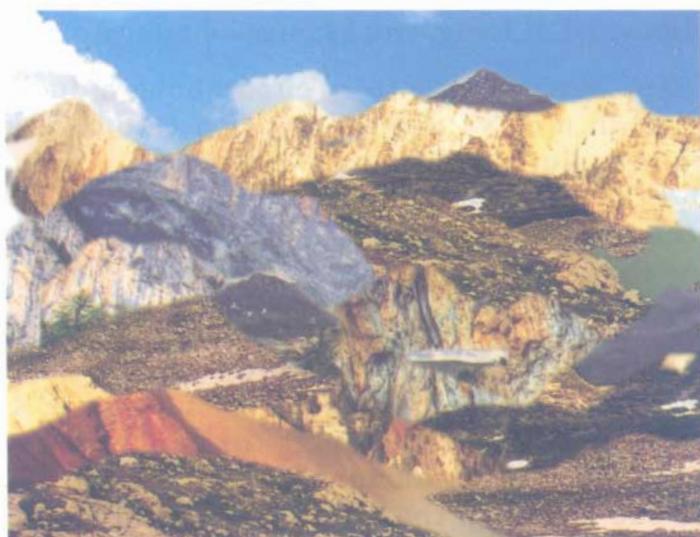
Mạch tới thẳng thì dùng Ý pháp, mạch tới ngang thì dùng Chàng pháp.

2. Mạch có Âm, Dương, huyệt có nuốt nhổ chìm nổi, Âm mạch tới chôn, như là nuốt vào trong miệng, thuần Âm xông thẳng giống như cắn gươm, cần có hai tầng chiên thần ở dưới thì mới có thể chôn quan tài, gọi là nhổ ra. Đây là Âm khí thu xuống phía dưới, mượn Dương khí thổi lên.

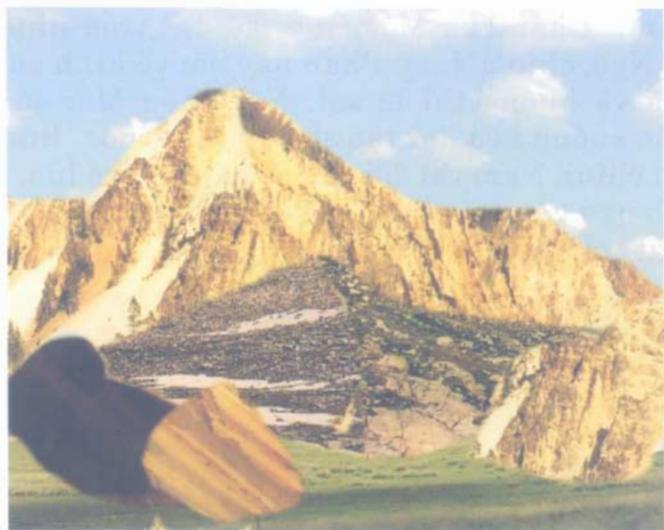
Dương mạch tới trong miệng, thuần Dương tới như bàn tay để ngừa, cần đông người đặt quan tài dưới Chiên Thần, gọi là nuốt vào, đây là vì Dương khí tạo huyệt cần dựa theo mạch tới, chứ không thể trống mà thoát khí.

3. Dương mạch tới trong miệng, thuần Dương tới như bàn tay để ngừa, cần đông người đặt quan tài dưới Chiên Thần, gọi là nuốt vào, đây là vì cái tình của Dương Khí, nhưng lại khiến chủ nhà thất bại, thiệt thân. Thuần Dương tới như dòng nước bay nghiêng, thì cả đời giống như quý ác, nhất thiết không được chôn cất ở vùng đất này, nếu chôn sẽ gặp họa. Sa ở bên trái, phải và đằng trước có hình dạng như người bê thúng thì nhất định sẽ sinh ra kẻ ăn xin (hình nghiêng), Long Hổ Sa đầu cao, hai bàn tay nắm lại thì sẽ sinh ra kẻ hung ác. Hình núi khác nhau sẽ tạo ra nhân vật có đặc điểm tính cách tương ứng.

Có thể thấy, hình dạng Sa ác sẽ xuất hiện kẻ nghèo hèn, đê tiện, dâm đãng, do đó nên tránh.



Sa ác - Quần áo lẩn lộn



Sa ác - Nấm đầm

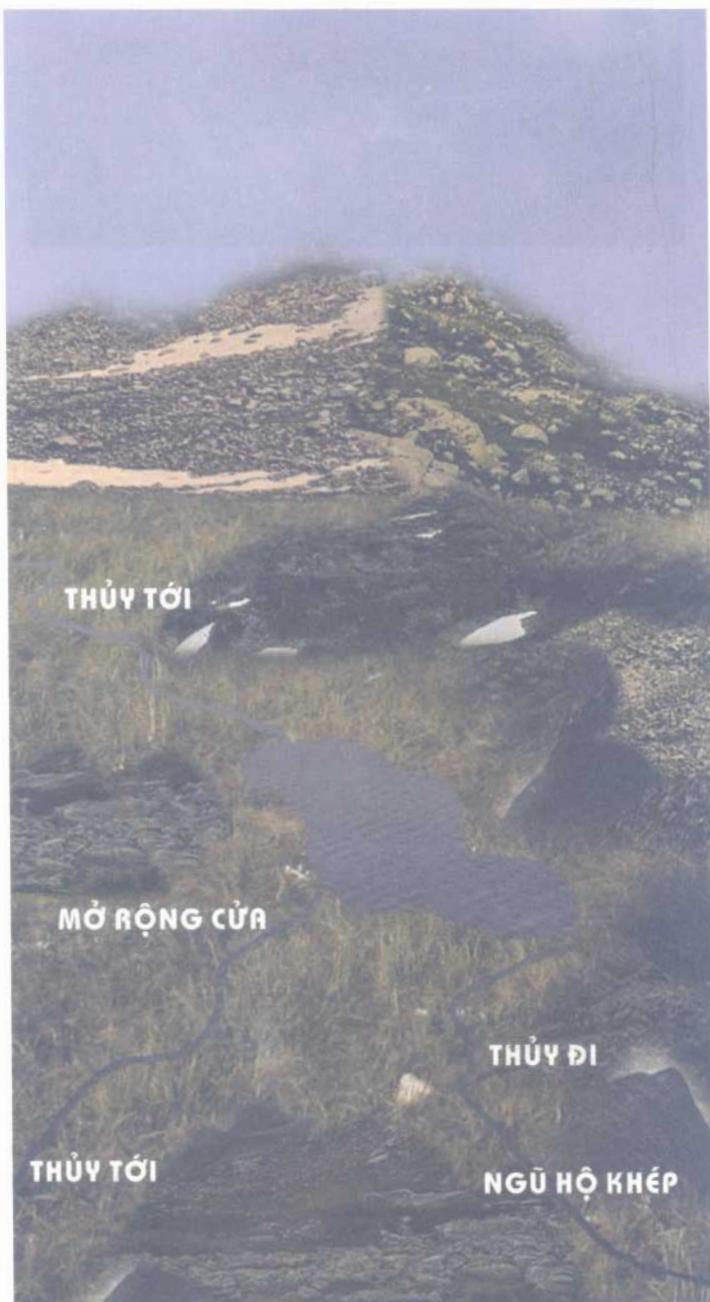


4. Thái Âm: Chỉ Nga Mi Kim tinh, nếu nước chảy phá vỡ Nga Mi Kim tinh, tạo thành hố thì sẽ xuất hiện phụ nữ làm mưa làm gió, có tính dâm đãng. Nếu Văn Khúc tinh nghiêng, không vững chắc là Tinh thể hình Thủy thì sẽ xuất hiện phụ nữ tham lam, dâm đãng, còn đàn ông thì chơi bời phóng túng. Lạc Phố: chỉ Trần Tư Vương Tào Thực gấp nữ thần ở Lạc Phố, chỉ có tính phong lưu.

5. Đầu tách làm hai nhánh, tức là mặt núi xuyên đỉnh có thung lũng (chỗ hõm xuống giữa gò nhô cao), dễ sinh gió thổi từ thung lũng. Nếu đỉnh núi Triều Sơn tê làm hai nhánh có hình giống như móng dê thì dễ sinh ra nghịch tử, không trung thực, bất hiếu và hư đốn. Nếu não của núi có nhiều nếp gấp giống như sườn trâu thì ắt sinh ra kẻ phạm pháp, bị kết tội tử hình.



6. Châm (kim): Chân của Mộc tinh, gò đất tròn như mộ lấp Huyền Châm làm vị trí Ngọ, chính Nam. Phần này nói về hình và phương vị, nếu giải thích là tọa và hướng thì là sai. Núi Hiếu Mão là chỉ núi dẹt và nghiêng, vai trúc xuống kéo dài tạo thế ở phía trước, Bút là Xung Thiên Hỏa tinh, ở vị trí chính Nam thì đời sau sẽ gặp họa về lửa, cần thận trọng. Nếu khoảng cách quá gần thì sẽ tạo thế uy nghiêm. Nếu đẹp và thân thiết thì lại không có gì trở ngại.



7. Tứ sơn hỗn loạn, trong đó có một núi ngay ngắn, chỉnh tề, giống như là một con hạc đứng cô lập giữa bầy chim, hay "người quân tử đứng giữa những kẻ tiểu nhân", mang nghĩa xuất chúng, nên trọng dụng.

Tứ sơn đẹp và thanh tú, trong đó có một núi ác độc, thô lỗ thì lại là "kẻ tiểu nhân đứng giữa những người quân tử", giống như là cùn sâu lầm rầu nỗi canh, bởi vậy nên vứt bỏ, không dùng núi này.

8. Mân thạch: Một thứ đá đẹp như ngọc mà không phải là ngọc thật. Ngọc là thứ quý giá nhất trong các loại đá, quần thể núi thấp đều như nhau, duy chỉ có một ngọn núi trong đó đẹp trội hẳn lên. Như trong đá giàu ngọc quý. Ngọc quý sinh ra từ đá, ngọc quý khác với tất cả các loại đá khác, điều này có nghĩa là mẹ nghèo hèn, con sang giàu, chủ nhân có nhiều con với vợ lẽ. Ở đây mượn đá và ngọc để so sánh.

Núi chủ hơi yếu, hoàn toàn dựa vào Lai Long và Tứ sơn mới có được tình và thế.

Mèo giống hổ nhưng không mạnh bằng hổ, chồn mượn uy hổ để tạo thế mạnh, rõ ràng hai cái này hoàn toàn trái ngược nhau. Chồn mượn uy hổ là nói mình rồng uốn lượn có thể, nhưng tới đầu Chủ tinh lại mềm yếu, hoàn toàn dựa vào núi phía sau bao bọc bảo vệ để tránh ngoại Dương tràn vào, hơn nữa trợ giúp sinh Chủ tinh, có như vậy thì đời sau mới sinh con trai thừa kế.

9. Thiên tâm chỉ huyệt, chân La Thành cũng chính là chân Thủy Thành ở Nội Đường. Điểm Huyệt cần sinh khí. Khí vốn không có cơ thể, nên mượn Long mạch làm cơ thể, nhìn thấy mạch thì biết là có khí, huyệt có khí mạch cần "trên có phân, dưới có hợp" thì mới là huyệt thật, mới có nhiều con trai nối dõi.

Nếu nhập thủ không có khí mạch, mà trên không phân, dưới không hợp, Lâm Đầu Thủy lại xông thẳng phá vỡ huyệt, tức là huyệt không sinh khí thì đời sau không có con cháu nối dõi. Thiên Tâm không nổi lên, Thủy lại không phân không hợp, Lâm Đầu chảy xuống dưới phá vỡ Thiên Tâm, thì dù sinh con trai thì con trai cũng nên xuất gia đì tu, đó là nguyên nhân vì sao huyệt không có khí dư.

Long Hổ Sa thu gọn trong Nội Đường, không có Sa che chắn, nước từ bên ngoài chảy tới đâm thẳng vào chân thành, làm hại chân thành, chân thành không vững chắc thì cần xuất gia.

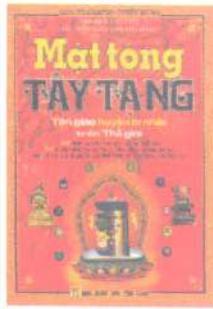
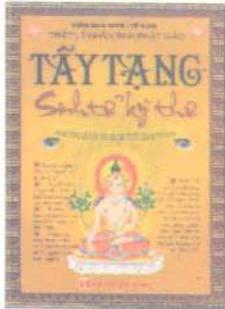




PHẦN 7. NHẬP LINH

"Nhập Linh" được mạt truyền trong dân gian, với nghi thức thỉnh cầu đấng bồ trên qua ấn, chú, hay linh phù, kết hợp việc tích đức hành thiện của gia chủ, để có được mồ yên mả đẹp. Trong phần này chúng tôi chỉ giới thiệu qua về ấn, chú, linh phù và nghi thức an táng của Phật giáo, Đạo giáo để bạn đọc có cái nhìn sơ lược.

Chi tiết về ấn, chú có thể tham khảo thêm
cuốn "Tây Tạng sinh tử kí thư"
và "Mật Tông Tây Tạng".



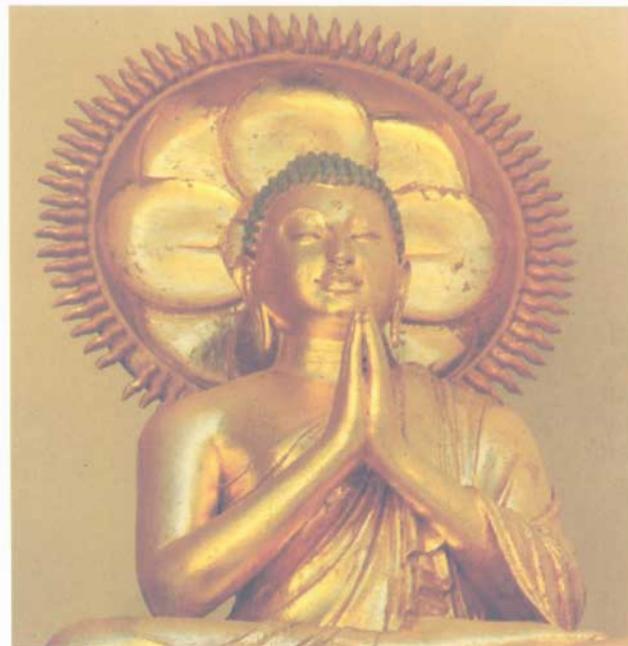
7.1 ẤN, CHÚ, LINH PHÙ



THỦ ẤN MẶT TÔNG

Thủ ấn, tức những tư thế khác nhau được tạo nên từ các ngón tay trên hai bàn tay. Nắm ngón trên một bàn tay, tính từ ngón út đến ngón trỏ, lần lượt đại diện cho năm đại đất, nước, gió, lửa, không; bàn tay phải tượng trưng cho trí tuệ, bàn tay trái tượng trưng cho định. Trí tuệ, định cùng năm đại sẽ kết thành những hình dáng, tư thế khác nhau, tượng trưng cho các ý nghĩa khác nhau.

Về tác dụng của thủ ấn, Mật Tông nhận định rằng, mươi ngón tay trên hai bàn tay chính là cầu nối trung gian để liên kết cơ thể người với vũ trụ, bên ngoài thì thông đạt với vũ trụ, bên trong thì nối liền với lục phủ ngũ tang. Bởi vậy, trong khi tu luyện Mật pháp, người tu hành thay đổi tư thế các ngón tay để bắt kết thành rất nhiều loại thủ ấn, như vậy, có thể cảm ứng với thân mật của chư Phật Bồ Tát trong vũ trụ, nhằm nhận được sự gia trì của họ, để đẩy nhanh hiệu quả tu hành, đồng thời bản thân cũng có được những năng lực thần thông của chư Phật Bồ Tát.



Thủ ấn chắp tay (*anjali mudra*)

Trong Mật Tông, dạng thủ ấn cơ bản nhất là chắp tay. Bàn tay trái tượng trưng cho chúng sinh, bàn tay phải tượng trưng cho Phật, bởi vậy, tư thế chắp tay có ý nghĩa là chúng sinh hợp nhất với Phật. Ngoài tư thế chắp tay ra, còn có "tứ đại thủ ấn", tức thủ ấn Đại Kim Cương luân, thủ ấn Bất động căn bản, thủ ấn Nội sư tử và thủ ấn Ngoại sư tử. Đây là năm loại thủ ấn căn bản trong quá trình tu luyện. Từ năm loại thủ ấn này, sẽ biến hoá ra vô số các dạng thủ ấn khác.



THÔNG ĐIỆP CỦA CÁC NGÓN TAY THEO MẬT TÔNG

Bí danh của các ngón tay

Trong giáo lý Mật Tông, các ngón tay có rất nhiều tên gọi khác nhau. Hai bàn tay được gọi là "trăng tròn" (mãn nguyệt), hoặc "hai cánh" (nhị vū). Mười ngón tay được gọi là "thập độ", hoặc "thập luân" (mười luân xa), "thập phong" (mười đỉnh núi). Bàn tay phải được gọi là Bát nhã, hay quán, huệ, trí; Bàn tay trái được gọi là Tam muội, hay chỉ (dừng), định, phúc.



Một số thủ ấn

Ấn Thiên định (*dhyani mudra*)

Lưng bàn tay phải đắp trên lòng bàn tay trái, hai ngón cái chạm nhau. Hai bàn tay đắp trên lòng, ngang bụng. Bàn tay phải phía trên tượng trưng cho tâm thức giác ngộ, bàn tay trái phía dưới tượng trưng thế giới hiện tượng.

Đây là thủ ấn thường gặp ở Phật A Di Đà.



Ấn Thí nguyện (*varada mudra*)

Thí nguyện là cho phép được toại nguyện, lòng tay phải hướng về phía trước, bàn tay chỉ xuống, thể hiện sự ban tặng ban phát. Một dạng khác là ngón trỏ và ngón cái chạm nhau thành vòng tròn.

Đây là kiểu thủ ấn thường gặp của Bảo Sinh Như Lai và các Độ mẫu.



Ấn Vô uý (*abhaya mudra*)

Vô úy là không sợ hãi, tượng trưng cho quyết tâm phỗ độ chúng sinh không ngại gian khổ. Lòng bàn tay phải mở ra, ngón tay hướng lên, đưa ngang vai.

Đây là ấn quyết mà Phật Thích Ca sử dụng ngay sau khi đắc đạo, và cũng là kiểu thủ ấn thường gặp ở Phật Bất Không Thành Tựu.

Ấn Xúc địa (*bhumisparsa mudra*)

Tượng trưng cho hàng phục yêu ma, tay trái hướng lên, đặt ngang bụng, tay phải chỉ xuống, lưng bàn tay hướng ra trước.

Đó là ấn quyết mà Phật Thích Ca gọi thوذ địa chứng minh mình đạt Phật quả và cũng là dấu hiệu của sự không lay chuyển, vì vậy đây cũng là thủ ấn hay gặp ở Phật Bất Động.





Ấn Chuyển pháp luân
(dharmacakrapravartana mudra)

Tượng trưng cho truyền pháp và giáo hóa, tay trái hướng vào thân, tay phải hướng ra. Trong mỗi tay, ngón trỏ và ngón cái chạm nhau thành vòng tròn, hai vòng tròn đó chạm nhau.

Đây là kiểu thủ ấn thường gặp ở Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, Phật Đại Nhật và Phật Di-lặc.



Ấn Trí quyên (bodhyagri mudra)

Tượng trưng cho tư duy, ngón tay trỏ của bàn tay phải được nắm ngón kia của tay trái nắm lấy.

Đây là kiểu thủ ấn thường gặp ở Phật Đại Nhật Như Lai.



Ấn Kim cương hợp chướng
(vajrapradama mudra)

Thể hiện tín tâm bất động, không thể lay chuyển, vững chắc như kim cương.



THỦ ẤN ĐÔNG MẶT

LÂM - THÂN TÂM ỐN ĐỊNH, biểu thị gấp mọi tình huống đều thung dung, có ý chí bất động bất hoắc, thể phách kiên cường.

Thủ ấn: Độc cõi ấn

Chú: Kim Cương Tát Đỏa tâm chú (ōng bǎn zhā er sà duǒ hōng)



BINH - NĂNG LƯỢNG, biểu thị tuổi thọ và năng lực sinh mệnh cải tử hoàn đồng.

Thủ ấn: Đại Kim Cương luân ấn

Chú: Giáng tam thế Minh Vương tâm chú



ĐẤU - ÂM THANH VŨ TRỤ, dũng mãnh quả cảm, gấp khó khăn lại càng vươn lên.

Thủ ấn: Ngoại sư tử ấn

Chú: Kim Cương Tát ĐỎA pháp thân chú



GIẢ - PHÚC NGUYÊN, biểu thị sức mạnh tự chi phối bản thân và người khác.

Thủ ấn: Nội sư tử ấn

Chú: Kim Cương Tát ĐỎA giáng ma chú



GIAI - CẨM ỨNG RỦI RO, biểu thị năng lực thấu hiểu nhân tâm, biết dụng nhân tâm.

Thủ ấn: Ngoại phoc ấn

Chú: Kim Cương Tát ĐỎA Phổ Hiền pháp thân chú



TRẬN - TÂM ĐIỆN CẨM ỨNG, năng lực thấu thị, hiểu rõ tâm lý đối phương.

Thủ ấn: Nội phoc ấn

Chú: Liên Hoa Sinh lục đạo Kim Cương chú (Om Mani Padme Hum)



LIỆT - KIÊM SOÁT THỜI KHÔNG, biểu thị tâm độ thế tha nhân.

Thủ ấn: Trí quyền ấn

Chú: Đại Nhật Như Lai tâm chú



TẠI - 5 NGUYÊN TỐ, tự do tự tại sử dụng năng lực siêu nhiên.

Thủ ấn: Nhật luân ấn

Chú: Đại Nhật Như Lai tâm chú



TIỀN - PHẬT TÂM, biểu thị cảnh giới Phật, một cảnh giới siêu nhiên.

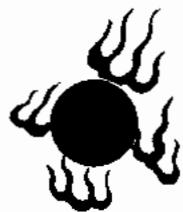
Thủ ấn: Ân hình ấn

Chú: Ma Lợi Chi Thiên tâm chú

Cửu tự chân ngôn này được dùng phối với Mandala Kim cương giới. Đọc chín chữ "Lâm, Bình, Đầu, Giả, Giai, Trận, Liệt, Tại, Tiên", kết chín ấn để hộ thân, giảm tai họa. Ban đầu phương pháp này dùng chú đơn thuần, nhưng sau thấy có hiệu nghiệm, nên được kết hợp với ấn, để tăng công lực.

Đầu tiên kết ấn Kim cương (Độc cõi ấn), miệng nhẩm chữ "Lâm", lần lượt kết chín ấn, và đọc hết chín chữ, sau đó kết Dao ấn, lấy tay vẽ trong không trung như sau:





KHÁI NIỆM CHÂN NGÔN (KHẨU MẶT)

Chân ngôn (thần chú, mạt chú), là những lời nói thần bí, huyền nhiệm của chư Phật. Bồ Tát, những lời nói mang tính chân lý tuyệt đối, cực kỳ màu nhiệm, hoàn toàn chân thực, có tác dụng nối thông trời đất vũ trụ và con người. Có rất nhiều chân ngôn, mỗi vị thần Bàn tòn khác nhau sẽ sở hữu những chân ngôn khác nhau. Xét về khía cạnh tu luyện, chân ngôn có thể phân chia thành các loại sau: túc tai (trừ diệt tai hoạ), tăng ích (làm lợi), kính ái (hay nhiếp triệu: cầm hoá), hàng phục. Căn cứ vào mặt hình thức, có thể chia thành các loại đại chú, trung chú, tiểu chú, căn bản chú, tâm chú (nhất tự chú), chủng tử chân ngôn. Tác dụng của chân ngôn là thông qua tần số âm thanh để làm rung động các khí mạch trong cơ thể, khiến nó tương ứng với tần số âm thanh của ý thức vũ trụ, từ đó phát quật được những tiềm năng của sinh mệnh, khơi thông nguồn trí tuệ siêu việt. Khả năng gợi mở, phát lộ chính là giá trị quan trọng nhất của chân ngôn, chứ không nằm ở ngữ nghĩa, câu chữ.

Bản thân chân ngôn không có gì đáng gọi là thần bí, mà nó chính là sự thể hiện của chân lý vũ trụ. Tiếng gió thổi, tiếng mưa rơi, tiếng nước chảy trong thế giới tự nhiên, tất cả mọi biểu hiện của cái đẹp tự nhiên trong vũ trụ, đều là chân ngôn. Nhưng chỉ có chân ngôn của chư Phật Bồ Tát mới có được sức mạnh giá trị siêu nhiên. Chân ngôn chính là sự giá trị ngữ mội trong tam mật giá trì. Khi niềm tin của con người được tương ứng với chư Phật Bồ Tát, họ sẽ có được sức mạnh siêu việt của Phật Bồ Tát, từ đó nhận được những tác dụng cực kỳ huyền bí.

Theo như quan niệm của Mật Tông, ngôn ngữ có thể chia thành năm loại, tức bốn loại vọng ngữ và một loại ngôn ngữ chân thực. Bốn loại vọng ngữ đó là: ngôn ngữ tướng, ngôn ngữ mộng, ngôn ngữ vọng chấp, ngôn ngữ vô thuỷ; Những loại ngôn ngữ này chỉ có tác dụng tại một địa điểm hoặc một thời điểm nhất định. Còn chân ngôn có thể quán thông tam thế, thu nhiếp thập phương, hoàn toàn khác với khẩu nghiệp của kẻ phàm phu tục tử.

Trong các kinh điển của Mật Tông, chân ngôn, với tư cách là "mật ngữ" nên không được tiến hành phiên dịch, mà trực tiếp phiên âm theo ngôn ngữ gốc. Chân ngôn cũng là một tổ hợp của từ ngữ hoặc âm tiết, được tụng niệm trong những giai đoạn nhất định của quá trình thiền định. Mỗi một vị chủ tôn đều sở hữu một chân ngôn riêng biệt của mình. Người tu hành cần phải thường xuyên tụng niệm và quán tưởng chân ngôn, để thiết lập mối liên hệ với cái bản ngã nguyên sơ nội tại của mình. Trong những nghi thức bế quan nghiêm ngặt, cần phải tụng niệm vài trăm nghìn lần cho đến vài triệu lần các loại chân ngôn khác nhau.





LỤC TỰ MINH CHÚ
OM MANI PADME HUM

Câu chân ngôn sáu chữ này được xuất phát từ nguyên văn tiếng Phạn, có thể phiên âm là "Om Mani Padme Hum", được tổ thành bởi sáu chữ cái tiếng Phạn, bởi vậy, nó vừa là một câu thần chú của Mật Tông, lại vừa là một phương pháp phát âm. Phần lớn các quan niệm cho rằng, câu chân ngôn sáu chữ này là thuộc về bộ Hoa Sen trong Phật giáo Mật Tông, bắt nguồn từ bài thánh ca sáu chữ do Đại sư Liên Hoa Sinh hát để cầu nguyện được vãng sinh vào thế giới Cực Lạc. Sau đó, Phật giáo Tây Tạng coi câu chân ngôn này là thần chú của Quan Thế Âm Bồ Tát. Về ý nghĩa cụ thể của câu chân ngôn này, xin xem phần giải thích dưới đây:

ॐ मणि पद्म हूम्

om ma ni pad me hum



Om

Thể hiện cái tâm của bộ Phật, khiến con người có được ngũ minh.

Mani

Tức ngọc như ý, tượng trưng cho cái tâm của bộ Bảo, tụng niệm chữ này mang đến cho người tu hành lòng từ bi, đưa con người thoát ly khỏi sáu cõi.

Padme

Tức hoa sen, tượng trưng cho cái tâm của bộ Hoa Sen, có tác dụng tiêu diệt mọi chướng ngại tà ma, ý nói Phật pháp cũng giống như đoá hoa sen, tuy sống trong bùn nhơ mà không vấy bẩn, vĩnh viễn thuần khiết.

Hum

Thể hiện cái tâm của bộ Kim Cương, có ý nghĩa cầu nguyện được thành tựu, tụng niệm chữ này giúp người tu hành có được công đức viên mãn.





CHÚ Ý KHI TỰNG NIỆM CHÂN NGÔN (ĐỌC CHÚ)

Chân ngôn chỉ bản tính chân thực và chân lý của vũ trụ. Tiếng gió thổi, tiếng nước chảy, tiếng chim hót, tất cả sự thể hiện của vẻ đẹp tự nhiên trong vũ trụ, đều là chân ngôn. Có thể nghe thấy chân ngôn ở tất cả mọi nơi. Vậy tại sao Mật Tông lại tôn sùng chân ngôn? Là bởi vì âm thanh của Phật là mang vẻ đẹp hài hòa, hàm chứa sức mạnh giá trị siêu nhiên của chư Phật Bồ Tát, khiến người nghe này sinh niềm hạnh phúc và sinh khởi tâm Bồ Đề.

Tựng niệm chân ngôn là một phương pháp tu luyện rất ôn hoà, linh hoạt, nếu tu luyện thấu đáo, có thể "một lời thâu tóm biển âm thanh". Gặp lúc đau khổ, phiền não, chỉ cần tựng niệm một câu chân ngôn, sẽ có thể được giải thoát, thể nghiệm được rằng biến âm thanh thực sự là phương pháp giải thoát hết sức vi diệu và huyền bí. Âm thanh của vũ trụ là vô tận, trong khi nhĩ căn của con người chỉ có sức nghe hữu hạn, thế nhưng năng lực "quán âm" trong bản tính của chúng ta là vô hạn. Thông qua việc tụng ca, niệm chú, chúng ta có thể làm rung động đến ba kinh mạch bảy luân xa trong thân thể, đà thông kinh mạch trung ương, xuyên suốt pháp giới.

Để tu luyện khẩu mật, thành thực cách tựng niệm, cần phải rèn luyện tốt công phu cơ bản. Ngoài việc luôn giữ gìn khẩu nghiệp thanh tịnh, thì về phương diện tựng niệm, cần phải học cách sử dụng âm diệu, cần phải thực sự hiểu được "ý nghĩa thực tướng của âm chữ", cần phải thực sự học được phương pháp tựng niệm chính xác, và hiểu được nguyên lý "dùng âm thanh thực hành Phật pháp".

Việc tựng niệm thân chú trong Mật Tông nhằm lợi dụng một dạng âm thanh đặc biệt để rung động các khí mạch bên trong cơ thể, khiến chúng phát ra các tiềm năng sinh mệnh, để tạo ra sức mạnh siêu việt khỏi sự vật hiện tượng, nhằm bước vào các lĩnh vực thân bí, từ đó, có thể phát quật được những năng lực đặc dị và trí tuệ trác việt trong cơ thể. Điểm trọng tâm thiết yếu nhất trong âm thanh bí mật - thân chú Mật Tông - chính là mối quan hệ giữa âm thanh và khí mạch trong cơ thể con người. Khoa học hiện đại cho đến nay vẫn chưa thể lý giải được về sức mạnh bí siêu việt khỏi vật lý vũ trụ của chân ngôn. Theo cách giải thích của Phật giáo và Mật Tông, bí mật của chân ngôn chỉ có chư Phật Bồ Tát từ cấp bậc bát địa Bồ Tát trở lên mới có thể hiểu được. Mặt khác, khi đã chứng nghiệm được cảnh giới từ Bát địa Bồ Tát trở lên, đã có thể tự mình nói ra được chân ngôn.

Trong việc tựng niệm, có ba yêu cầu đặc biệt quan trọng, đó là: tâm khí hợp nhất, thanh khí hợp nhất, thân tâm hợp nhất. Nếu thực hiện được ba yêu cầu này, thì âm thanh phát ra sẽ trở nên khác thường. Đặc biệt, các khí mạch bên trong thân thể - các luân xa bí mật, luân xa rốn, luân xa cuống họng, luân xa tim, luân xa dinh đầu... - sẽ lần lượt được mở ra, khiến người tu hành có thể nhanh chóng bước vào trạng thái tam muội của biển âm thanh. Không gian và thời gian đều tan vào cảnh giới định huệ, hoà tan vào cảnh giới biển âm thanh, bởi vậy, bằng một ý niệm có thể chuyển hoá được không - thời gian, chỉ với một ý niệm, có thể siêu việt khỏi quá trình lịch sử thành trụ hoại không của thế giới, để liêu ngộ được quá khứ, hiện tại và tương lai, tức "hết thảy mọi kiếp trong tam thế, ta nhập vào chỉ với một niệm". Phật pháp nhận định rằng, khả năng này vốn đã tồn tại sẵn trong bản tính của chúng sinh, nhưng chẳng qua nó ở trạng thái tiềm tàng trong cơ thể, chưa được phát huy mà thôi.



Trong tiếng Phạn, chân ngôn (chú) là Mantra, trong đó "Man" nguyên nghĩa chỉ tâm linh, "tra" có nghĩa là bảo hộ. Kết hợp lại, Mantra có nghĩa là bảo vệ tâm linh không bị biến dạng, biến chất, luôn giữ được trạng thái viên mãn tự nhiên.



Hai lỗi thường phạm phải trong tung niêm



1. Tinh thần uể oải, buôn ngủ, không chuyên tâm, không phát khởi được chính niệm, thậm chí không có cả ý niệm quán tưởng về thân, khẩu, ý, đó là một lỗi khá nghiêm trọng. Biện pháp hữu hiệu để đối phó với trạng thái này là bế khí.



2. Tư tưởng phân tán, không ngừng nghĩ ngợi lan man, hết đối tượng này sang đối tượng khác, khó tập trung ý niệm.





PHƯƠNG PHÁP TỰNG CHÂN NGÔN

Thông thường, phương pháp tụng niệm chân ngôn có thể phân chia thành bốn cấp bậc như sau: tụng niệm mở miệng, tụng niệm hoa sen, tụng niệm kim cương và tụng niệm Du Già. Mỗi phương pháp đều có những tác dụng đặc thù, độc lập, nên không thể chấp trước.

1. Tụng niệm mở miệng:

Trước hết, cần phải điều khí, điều tâm. Điều khí tụng niệm, cần phải thanh khí hợp nhất. Khi tiến hành tụng niệm mở miệng, cần phải mở mắt, dung hoà với ánh sáng tự nhiên để hình thành một màn ánh sáng, hoá thành ánh sáng vô tướng, thân tâm đều quên bỏ. Tụng niệm với từng quãng hơi, khiến cho khí mạch nội tại được mở thông, từng bước đã thông toàn bộ hệ thống khí mạch với các luân xa. Trong khi tụng niệm, chỉ cử động, rung bát lưỡi, còn môi và răng cần bất động. Cần phải quay trở lại để lắng nghe âm thanh của chính mình, chứ không nghe lời tụng niệm của người khác. Tụng niệm đến khi tốc độ niệm đã khá nhanh, có thể chuyển hoá từ cấp bậc tụng niệm mở miệng sang cấp bậc tụng niệm kim cương một cách tự nhiên.

2. Trong cấp bậc tụng niệm mở miệng đã bao hàm cả phép tụng niệm hoa sen

Tụng niệm hoa sen nghĩa là quán tưởng từ nguyệt luân trong tâm mình, hoặc ở trên phần lưỡi mình có bông hoa sen, trên bông hoa sen là chiếc vò ốc màu trắng, từ chiếc vò ốc đó phát ra những âm thanh thần diệu, và thực hiện việc tụng niệm. Tụng niệm hoa sen thường là mở miệng; Khi ca tụng, cũng có thể quán tưởng về ca tụng thông qua hình tượng hoa sen. Cao hơn một bậc, khi tụng niệm khép miệng cũng có thể tiến hành tụng niệm hoa sen.

3. Tụng niệm kim cương

Là phương pháp tụng niệm không cử động đến môi, răng với từng quãng hơi, chỉ có phần lưỡi là rung động. Lưỡi chính là mầm tim (tâm miêu), tâm khí hợp nhất, tâm sẽ phảng lặng như gương. Tốc độ tụng niệm khá chậm, nhưng không được phép chậm quá mức, nếu không, sẽ trở thành ca tụng. Khí mạch âm thanh đều tiến hành tụng niệm ở bên trong cơ thể, tựa như hàng vạn vạn tế bào trong cơ thể đang rung động, đang tụng niệm, tâm, khí, mạch đều mở rộng hoàn toàn, toàn thể thân tâm đều hòa hợp trọn vẹn vào trong biển âm thanh, sau đó, sẽ chuyển hoá thành biển ánh sáng, tức đi từ khí, thanh đến quang.

4. Tụng niệm Du Già

Tức tâm niệm, cũng là mặc niệm. ý niệm trong thân tâm và quán tưởng hợp nhất thành một thể, mới có thể nhập vào cảnh giới thiền định, tự quán chiếu bản thân, quên bỏ hình hài, dung hoà thân tâm.

Tụng niệm chân ngôn mật chú thường là khi hít vào thì mặc niệm, khi thở ra thì không niệm, điều này khác hẳn với các phương pháp tụng niệm thông thường khác. Tụng niệm thường kết hợp với quán tưởng, theo các thuyết duyên hình (nương theo hình), duyên thanh (nương theo âm thanh). Trong "Mật Tông đạo thứ đệ luận" có trình bày khá chi tiết về phương diện này.





TAM TỰ MINH CHÚ
OM AH HUM

Tam tự minh chú Om Ah Hum, còn được gọi là Kim Cương tụng túc, đây là câu thần chú căn bản của Giáo chủ Mật Tông Kim Cương Tổng Trì, tức Phổ Hiền Như Lai, tượng trưng cho tam mộc của Phật. "Om" tượng trưng cho thân mộc của Phật; "Ah" tượng trưng cho khẩu mộc, "Hum" tượng trưng cho ý mộc. Tam tự minh chú "Om Ah Hum" chính là một pháp âm căn bản tràn đầy vũ trụ và nhân loại.

Đây là âm tiết căn bản của năng lượng sống nguyên thuỷ trong vũ trụ, là âm thanh của bộ Trời hình nhì thượng. Nó hàm chứa nguồn năng lượng vô cùng vô tận, là bí mật âm thanh của bộ Phật, thể hiện thanh mộc của Phật.

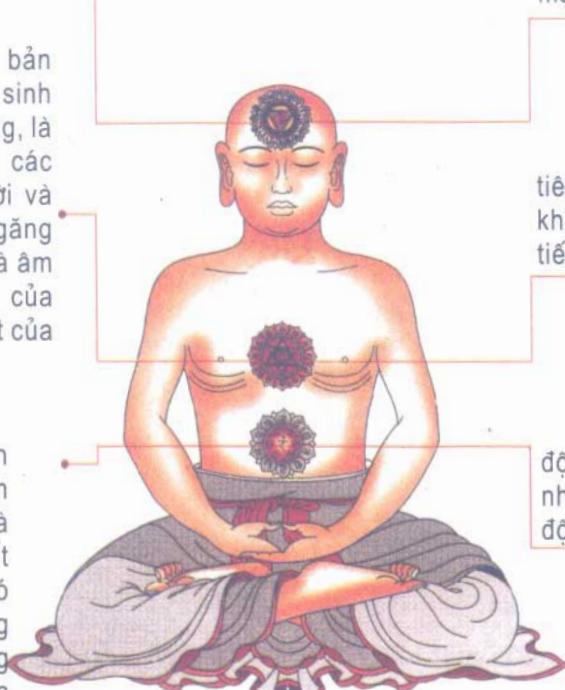
Đây là âm tiết căn bản của sự khai phá vũ trụ, sự sinh khởi của muôn vàn sự sống, là âm thanh đầu tiên của các sinh mệnh như con người và động vật, sở hữu nguồn năng lực vô cùng vô tận. Đây là âm tiết mở đầu cho bộ "Ah" của Mật Tông, và là thanh mộc của bộ Hoa Sen.

Đây là âm tiết căn bản của sức sống tiềm tàng của các sinh vật, là âm thanh của bộ Đất thuộc thế giới vật lý. Nó hàm chứa nguồn năng lượng sinh khởi vô cùng vô tận, là thanh mộc của bộ Kim Cương.

"Om" là tiếng đập của tim, là âm vang từ sức chảy trong huyết mạch.

"Ah" là âm tiết đầu tiên mà con người phát ra khi mới lọt lòng mẹ cất tiếng khóc chào đời.

"Hum" là các tiếng động trong thế giới vật lý, như tiếng sấm nổ, tiếng động đất.



Nguyên lý phát ám

OM

Âm thanh này phát ra khi khí trong cơ thể người chuyển về não bộ. Khi phát ra âm tiết này, cắn tròn môi và bộ phận cộng hưởng là vòm miệng, tạo thành một hình tròn đầy đặn. Tụng niệm âm tiết "Om" có thể điều hoà âm dương, bổ sung cho chỗ hư nhược, phát tiết cho chứng quá thực. Hiệu quả khiêm tốn nhất cũng có thể khiến trí não tĩnh táo, tinh thần sung sức. Khi cảm mạo, trúng gió, có thể tụng niệm liên tục âm tiết này, để khiến phần đầu toát mồ hôi, sê nhanh chóng khỏi bệnh.

AH

Âm thanh này phát ra khi máu huyết trong cơ thể người truyền về tim chuyển hoá thành khí, khí chuyển hoá khiến cho cổ họng phát ra âm thanh này. Lắng nghe ở bên trong là âm thanh vô thanh, nếu mở miệng sẽ trở thành hữu thanh. Hiểu được về diệu dụng của các âm thanh bộ "Ah", sẽ có thể mở thông được các nút thắt của năm luân xa, đồng thời, loại trừ được các bệnh tật tích tụ trong phủ tạng. Nếu thực hành dài lâu, sẽ có tác dụng làm rung động các khí mạch trong nội tạng.

HUM

Khi khí hạ xuống đến luân xa rốn sẽ phát ra âm tiết "Hum". Mật Tông Tây Tạng đặc biệt chú trọng đến âm tiết "Hum", coi "Hum" là âm tiết xuyên suốt tất thảy mọi âm thanh, tượng trưng cho cái tâm của năm bộ Phật. Khi quán tưởng âm tiết "Hum", có thể chuyển hoá năm loại phiền não thành năm trí sáng suốt. Biến cách niệm tụng các âm thanh bộ "Hum", sẽ đả thông được các nút thắt trong khí mạch, thúc đẩy quá trình trao đổi chất, kích thích năng lượng sống mới. ít nhất, cũng có tác dụng giúp cơ thể khoẻ mạnh, trường thọ.



THỔ ĐỊA CHÂN NGÔN

南無三滿哆沒駄喃.唵.度嚕度嚕,地尾,薩婆訶.*

nán wú sān mǎn duō méi tuó nán. ăn. dù lū dù lū, dì wěi, sà pó hé.

Nam mô tam mān đa một đà nam. Yêm. Độ rô độ rô, địa vī, tát bà ha.

Công đức khi niệm:

Theo kinh điển, chú này do Phật Đà hóa thân dạy, không ngừng tu trì chú này, có thể chứng được "Như Lai tâm địa", ngoài ra còn giúp tăng trưởng "Bồ đề tâm", bên trong chứng "Chân Như cảnh", có được đại trí huệ, đại tinh tấn.

Chú này còn dùng để gọi Thổ địa, kết hợp bắt ấn.



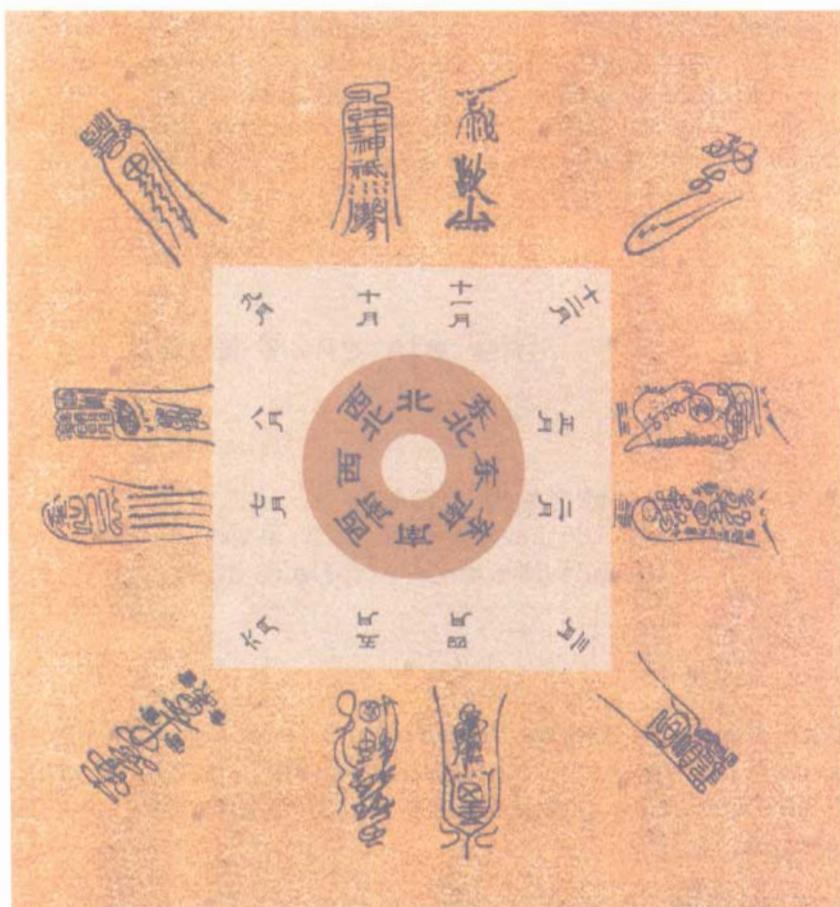


LINH PHÙ

Linh phù là những ký hiệu mang tính quy ước giữa bậc thượng sư với bê trên. Linh phù trong Mật Tông đa phần dựa trên các chân ngôn, trong khí đó linh phù của Đạo giáo xuất hiện dưới dạng sắc lệnh.

Linh phù trấn trạch

Thời cổ đại cho rằng nhà ở có thể dẫn đến tà ma, do đó nếu có linh phù dán các hướng, sẽ có tác dụng trừ tà. Còn thời nay, một số phái huyền thuật cho rằng nhà ở có những bức xạ xấu, mà có thể dùng linh phù để giảm thiểu. Hình bên dưới là linh phù tương ứng với các phương, theo từng tháng trong năm của người xưa.



Linh phù trấn trạch của người xưa

Linh phù Mật tông



Lục tự đại minh chân ngôn



Đại bi chú



Vô thượng Mật bộ bạt độ lục thủ đà la ni



Chuẩn đề Bồ tát chú luân



Phật đảnh tôn thắng chú luân



Địa tặng bồ tát



Linh phù trùng tang

Trùng tang có nghĩa là năm sinh của người mất trùng với giờ ngày tháng năm mất. Khi đó phải làm lễ an táng đặc biệt, thường đóng quan tài vào canh ba hay canh năm, rồi mang đi chôn, người nhà không mặc áo tang, không khóc. Đợi 7 ngày sau mới thông báo cho mọi người và làm tang giả bổ sung.

Theo dân gian, trùng tang liên táng là người mất phạm ngày giờ, hoặc ngày, hoặc tháng, hoặc năm nhưng trong ngày đó lại có Thiên Quan, Thiên Đức, Thiên Xá, Thiên Phước, Thiên Giải thì khỏi lo.

Thần trùng không phải là loại sâu bọ, hay ma quỷ gì, "bắt trùng" hay "nhốt trùng",... chỉ là cách nói quá lên để lừa gạt những ai nhẹ dạ cả tin.

Có nhiều thuyết về cách chọn ngày Trùng tang, dưới đây là thuyết đang khá phổ biến:

Tuổi người mất	Năm mất	Tháng mất	Ngày mất	Giờ mất	Liệm, chôn, cải táng kỵ ngày
Thân, Tý, Thìn	Tý	Tý (4)	Tý	Tý (9-11h)	Tý
Tỵ, Dậu, Sửu	Dần	Dần (Giêng)	Dần	Dần (3-5h)	Dần
Dần, Ngọ, Tuất	Hợi	Hợi (10)	Hợi	Hợi (21-23h)	Hợi
Hợi, Mão, Mùi	Thân	Thân (7)	Thân	Thân (15-17h)	Thân

Có nghĩa là người tuổi Thân, Tý, hay Thìn mà mất vào một trong giờ, ngày, tháng hoặc năm Tỵ là phạm Trùng tang. Khi liệm, chôn cất hay cải táng nên kỵ giờ Tỵ (9-11h).

Theo "Khâm định Hiệp kỷ biện phương thư" và "Địa lý tân thư", thì ngày Trùng tang cũng là ngày Phục nhật, tức tháng giêng ngày Giáp, tháng 2 ngày Ất, tháng 3 ngày Mậu, tháng 4 ngày Bính, tháng 5 ngày Đinh, tháng 6 ngày Kỷ, tháng 7 ngày Canh, tháng 8 ngày Tân, tháng 9 ngày Mậu, tháng 10 ngày Nhâm, tháng 11 ngày Quý, tháng chạp ngày Kỷ.

Khi phạm Trùng tang, không được liệm, chôn cất hay cải táng vào ngày Trùng tang, đồng thời làm lễ hóa giải. Theo "Ngọc hạp ký", viết 4 chữ mực đỏ lên giấy vàng, đặt lên quan tài.



Tháng giêng, tháng 2, tháng 6, tháng 9,
tháng chạp viết "Lục Canh thiên hình"

Tháng 3 viết "Lục Tân thiên đình"

Tháng 4 viết "Lục Nhâm thiên lao"

Tháng 5 viết "Lục Quý thiên ngực"

Tháng 7 viết "Lục Giáp thiên phúc"

Tháng 8 viết "Lục Ất thiên đức"

Tháng 10 viết "Lục Bính thiên uy"

Tháng 11 viết "Lục Đinh thiên âm"



Lục Canh thiên hình: Lục Canh là 6 lần số hàng Can (Canh), Thiên hình là một thần thiện, sẽ giúp đuổi thần ác. Các tháng khác tương tự. Tuy nhiên cách viết mỗi tháng không thống nhất, nhưng đại thể là như vậy. Thực tế đây cũng chỉ là cách ngoa ngôn của mấy ông thầy cúng mà thôi.

NGÀY NHẬP MỘ

Là tính ngày chôn. Khi tính ngày nhập mộ phải tính sao cho tứ trụ đều rơi vào "nhập mộ".

Nam nữ khởi từ Dần, nam đếm thuận, nữ đếm ngược. Mỗi năm đếm 1 ô, đếm hết năm thì đến tháng, đếm hết tháng thì đến ngày, đếm hết ngày thì đến giờ. Gặp Thìn Tuất Sửu Mùi là Nhập mộ (tốt), gặp Dần Thân Tỵ Hợi là Trùng tang, gặp Tý Ngọ Mão Dậu là Thiên di. Gặp Trùng tang hay Thiên di cần đổi ngày hay giờ chôn hay hạ huyệt.

Ví dụ nam 51 tuổi, chôn vào giờ Tỵ mùng 9 tháng 3.

Cách tính như sau: 51 tuổi đếm thuận 10 tuổi từ Dần, 51 tuổi sẽ đến Mùi, đếm tiếp tháng giêng từ Thân, tháng 3 là Tuất, đếm tiếp mùng 1 là Hợi, mùng 9 đến Mùi, đếm tiếp giờ Tỵ là Thân, giờ Tỵ sẽ đến Sửu. Cả 4 vị trí đều vào nhập mộ là tốt.



Một số sách thấy có chữ "Trùng tang", nên lấy luôn vòng này tính Trùng tang là không đúng.



7.2

NGHI THỨC AN TÁNG CỦA PHẬT GIÁO

Tại các vùng miền khác nhau tồn tại các tập tục an táng khác nhau, vậy rốt cuộc, phương thức an táng nào mới là đúng đắn và có lợi nhất cho người đã khuất? Phật giáo là một tôn giáo rất quan tâm nghiên cứu về cái chết và cuộc sống sau khi chết của con người, nên đương nhiên, lý luận Phật giáo không thể thiếu được những chỉ dẫn dành cho người chết. Trên thực tế, cả Phật giáo nói chung hay Mật Tông nói riêng từ lâu đã hình thành nên một hệ thống nghi thức tôn giáo dành riêng cho người chết, được gọi chung là "tiến vong" (siêu độ).

Không khóc lóc

Khi người hấp hối đã bước vào giờ khắc lâm chung nhưng chưa hôn mê, có hai điều kiêng kỵ cần phải tuân thủ: Thứ nhất, thân nhân của người hấp hối không nên nói những lời yêu thương quyến luyến, dùng tình cảm thế tục để níu kéo người hấp hối và khiến cho họ thêm đau buồn thương cảm; Thứ hai, không được khóc lóc, kêu than bên người hấp hối, làm rối loạn chính niệm của họ, khiến cho trong tâm họ nảy sinh nhiều tham luyến và chấp trước. Các nước Á Đông rất coi trọng tình cảm gia đình huyết thống, quan niệm rằng công ơn dưỡng dục của cha mẹ bao la như trời bể, nếu lúc cha mẹ lâm chung mà không biết khóc thương là bất hiếu. Thế nhưng ta cần phải nhận thức được rằng, than khóc không thể khiến cho người chết sống lại, mặt khác, còn làm rối loạn tư duy của người hấp hối, khiến cho họ khó có thể được vãng sinh về miền Tịnh độ.

Không dịch chuyển

Vào thời điểm lâm chung, bốn đại từ từ phân rã trong cơ thể người hấp hối, đây vốn dĩ là một quá trình vô cùng đau đớn, thống khổ. Nếu như trong lúc đó lại dịch chuyển cơ thể họ, sẽ càng làm cho họ thêm khổ sở. Bởi

vậy, trong giai đoạn lâm chung, cần đặt người hấp hối nằm yên trong tư thế thoải mái nhất. Nếu như họ đã hôn mê nhưng chưa tắt thở, cho dù mất súc khống chế mà đại tiểu tiện ra giường, cũng không nên lập tức lau chùi, tắm rửa ngay. Bởi vì cảm giác đau đớn khổ sở khi thân thể bị dịch chuyển dễ khiến người hấp hối này sinh lòng sân hận, ác niệm sẽ khiến họ phải đầu thai vào ba cõi ác. Trước khi thi thể giá lạnh hoàn toàn, cần phải chú ý trông chừng **không để muỗi, bọ chét đốt hay đậu trên thân thể và mặt** của người chết. Bởi vì khi họ đã tắt thở mà thân nhiệt vẫn chưa giá lạnh, **thì thân thức vẫn chưa thoát ly khỏi thể giác**. Lúc này, chỉ một tiếp xúc, va chạm nhẹ cũng khiến họ cảm thấy vô cùng đau đớn. Trong kinh Phật có ghi chép câu chuyện vua Ajatasatru (A Kỳ Đạt) phúc đức thâm hậu, sau khi qua đời đáng lẽ được đầu thai về cõi Trời, nhưng trong lúc lâm chung, do người hầu quạt bên cạnh để quạt chạm vào mặt, khiến trong lòng nhà vua này sinh niêm giận dữ, mà phải đầu thai làm rắn. May được nhà sư thuyết giới cứu độ, mới được trả lại cõi Trời. Bởi vậy, khi người thân vừa tắt thở, **nếu lập tức thay y phục, tắm rửa hay đưa vào nhà lạnh đều là cực kỳ bất lợi**.

Không sát sinh

Tất cả chúng sinh đều khao khát sống và sợ chết, đây là mong muốn chung của cả loài người và súc sinh. Phật giáo xuất phát từ quan điểm "chúng sinh bình đẳng", nên chính là tôn giáo trân trọng sinh mạng của chúng sinh hơn cả. Giới luật đầu tiên trong "ngũ giới" chính là cấm sát sinh, các môn đồ sau khi quy y cửa Phật đều phải tuyệt đối tuân thủ một nguyên tắc cơ bản là không được làm tổn thương đến các sinh mệnh. Sát sinh sẽ gây ra tội ác cực lớn. Đại sư Hoằng Nhất từng nói rằng: "Kẻ sát sinh kiếp này sẽ đoán mệnh, nhiều bệnh tật, tai họa, không con cháu, không được vãng sinh về miền Tịnh độ. Sau khi lừa đời, phải sa vào cõi Địa ngục, Quỷ đói, Súc sinh, trải qua vô lượng kiếp, chịu đủ mọi đau đớn thống khổ". Bởi vậy, nếu thân nhân đưa nhau mua gà vịt, tôm cá tươi sống về tắm bổ cho người bệnh lại sẽ đem đến tai họa cho họ, khiến họ phải gánh lấy tội sát sinh. Nếu như người bệnh thực sự cần thiết phải ăn cá thịt bò bồ, người nhà nên mua các loại thịt "ba không": không nhìn thấy giết, không nghe thấy giết, không phải giết để cho mình.



THÂN NHÂN CỦA NGƯỜI CHẾT CẦN GHI NHỚ

Trong giai đoạn lâm chung, bốn đại dần dần phân rã trong cơ thể người hấp hối, bởi vậy họ phải chịu sự hành hạ đau đớn về thể xác mà người thân không có cách nào gánh chịu thay họ. Khi đó, nên để người hấp hối nằm yên trong tư thế thoải mái nhất, không nên khóc lóc hay di chuyển thân thể họ, vì sẽ gây ảnh hưởng xấu đến thân thức của họ. Cũng không nên sát sinh vì sẽ làm tăng nghiệp ác của họ. Cần phải giúp người hấp hối ra đi một cách an lành, mãn nguyện.



Ba điều kiêng kỵ lúc lâm chung

1 KHÓC LỐC

Chỉ khiến người hấp hối càng thêm đau khổ thương tâm, làm rối loạn chính niệm của họ, khiến họ nảy sinh niềm chấp trước và tham luyến.

2 DỊCH CHUYỂN

Khiến người hấp hối vô cùng đau đớn khổ sở, dễ khơi dậy niềm sân hận để đẩy họ đầu thai vào bã cõi ác.

3 SÁT SINH

Khiến cho người hấp hối phải mang tội sát sinh, khó được vãng sinh về miền Tịnh độ.



NGHI THỨC CÓ LỢI: CÚNG BÁY TUẦN THẤT, TUNG KINH

Mục đích của nghi thức tiến vong (siêu độ)

Khả năng cảm giác, cảm thụ của thân trung ám là mẫn tiệp hơn rất nhiều so với khi còn sống. Nếu như thân nhân người chết nỗ lực tu trì nghiệp thiện, tích luỹ công đức trong quá trình người chết đang trải qua giai đoạn trung ám, sẽ có thể gia tăng được nghiệp thiện cho người đã mất; Hơn nữa, khi người chết nghe được kinh văn siêu độ, họ sẽ nảy sinh lòng sám hối, tội nghiệp vì thế sẽ được giảm nhẹ, không phải rơi vào cõi ác. Bởi vậy, thân nhân của người chết tốt nhất nên nén nỗi đau thương, để tiến hành siêu độ cho người chết theo đúng nghi quỹ của Phật giáo, không nên cầu nệ theo thói tục để bày vê những nghi thức rườm rà bất lợi, vừa không đem lại lợi ích thực tế, vừa tăng thêm lòng tham chấp của người đã mất.

Sau khi Phật giáo được du nhập vào Trung Hoa, đã dần dần hình thành nên một hệ thống nghi thức siêu độ vừa dựa theo tinh thần Phật pháp, vừa mang thêm những đặc sắc của người Hán. Hệ thống nghi thức này được người Trung Hoa gọi chung là "tiến vong". Sau đây, chúng tôi sẽ giới thiệu một số phương thức tiến vong cùng những quan niệm cần trang bị cho thân nhân người chết.

Cúng bảy tuần thất

Tập tục cúng bảy tuần thất bắt nguồn từ thuyết thân trung ám cứ bảy ngày chết một lần, lâu nhất không quá bảy bốn chín ngày sẽ được di đầu thai. Trong cuốn "*Du Già sư địa luận*" có viết: "Trong cõi trung ám, nếu không có được duyên tái sinh, phải qua hết bảy ngày. Nếu có được duyên tái sinh, thì không nhất định. Nếu qua hết bảy ngày cũng không có được duyên sinh, sẽ phải chết đi rồi quay trở lại, tiếp tục qua bảy ngày tiếp. Nếu như vẫn không có được duyên tái sinh, lại tiếp tục như thế, tối đa là qua bảy lần bảy ngày, sau đó sẽ có được duyên tái sinh". Cúng bảy tuần thất được tiến hành bảy lần vào ngày thứ 7, thứ 14, thứ 21, thứ 28, thứ 35, thứ 42 và thứ 49 sau khi người chết qua đời. Trong bảy ngày đó, cần phải mời pháp sư và tăng ni đến nhà, hoặc đến chùa chiền làm lễ. Còn trong những ngày còn lại, người nhà có thể tự tiến hành tung kinh niệm Phật cho người chết. Trong bảy bảy bốn chín ngày đó, thân thích của người chết không được phép sát sinh, tốt nhất cũng nên ăn chay. Tuần bảy thứ tư và tuần bảy thứ bảy là quan trọng nhất, vì thường thân trung ám sẽ đầu thai tái sinh vào trước tuần bảy thứ tư, còn tuần bảy thứ bảy là



ngày cuối cùng của thân trung ấm.

Tụng kinh

Tập quán tụng kinh được bắt đầu từ thời đại của Phật Tổ, khi đó, đại hội kết tập kinh điển lần thứ nhất vẫn chưa diễn ra, kinh văn vẫn chưa được ghi chép lại trên lá bối, nên Phật pháp chỉ được truyền bá bằng phương thức truyền miệng. Khi các đệ tử của đức Phật thay mặt đức Phật thuyết pháp, cần phải học thuộc lòng các bài kinh. Bởi vậy, tụng kinh đã trở thành điều kiện tiên quyết trong tu học và truyền bá Phật pháp. Ở Trung Hoa, thân thích của người chết thường mời các nhà sư hoặc ni cô đến tụng kinh, hoặc cũng có thể tự mình đến trước tượng Phật để tụng niệm. Tụng kinh ngoài việc có thể trợ giúp cho thân trung ấm, mà còn đem lại lợi ích cho những vong hồn gần bên mình. Trước khi tụng kinh, nên ăn chay, tránh những đồ ăn nặng mùi như hành, tỏi, hẹ. Bởi vì có nhiều người trời và vong hồn rất kỵ những đồ ăn nặng mùi.

NGHI THỨC CÚNG BẨY TUẦN THẤT

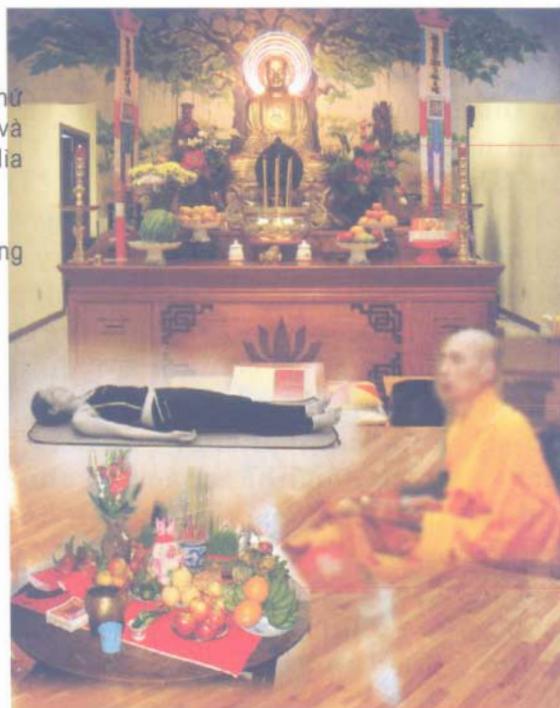
Cúng bảy tuần thất tức sau khi người chết qua đời, cứ bảy ngày cần phải mời pháp sư hoặc tăng ni đến nhà làm lễ, hoặc đích thân đến chùa chiền làm lễ cho người đã mất một lần, tổng cộng thực hành bảy lần. Nếu thực hiện nghi thức cúng bảy tuần thất đúng quy cách cho người chết, có thể đem đến cho họ rất nhiều trợ giúp thiết thực.

Thời gian

Các ngày thứ 7, thứ 14, thứ 21, thứ 28, thứ 35, thứ 42 và thứ 49 từ khi người chết lìa đời.

Địa điểm

Linh đường trong nhà riêng hoặc chùa chiền.



Tranh, tượng Phật

Mời pháp sư hoặc tăng ni đến tụng kinh

Lễ vật dùng để cúng dường pháp sư
Gồm hoa tươi, hoa quả theo mùa, sáu bát đồ chay, một bát cơm.



NGHI THỨC CÓ LỢI: BÁI SÁM VÀ TU PHẬT THẤT

Bái sám

Bái sám tức tụng kinh niệm Phật để sám hối cho bản thân mình hoặc cho người khác, hay còn gọi là lỗ sám. Tại Trung Hoa, tập tục bái sám đã thịnh hành ngay từ triều Lương Vũ Đế thời Nam triều. Khi đó, Hoàng hậu của Lương Vũ Đế là Hy thị báo mộng cho ông rằng, do lòng sân hận đố kỵ nên sau khi chết đi, bà đã phải đầu thai làm mäng xà, bà cầu xin Lương Vũ Đế giúp mình cầu siêu. Bởi vậy, hoàng đế lệnh cho Thiền sư Chí Công sưu tầm kinh Phật, tập hợp danh hiệu của chư Phật, để soạn ra một bộ nghi quỹ sám hối. Nhờ có công đức đó, Hy thị sau khi qua đời được vãng sinh về cõi trời Dao Lợi. Nghi quỹ này được tập hợp trong cuốn "*Lương Hoàng bảo sám*". Trong khi tiến hành bái sám, cần phải thành khẩn sám hối về các tội nghiệp mà bản thân mình đã tạo ra, thế rằng từ sau sẽ không bao giờ vi phạm nữa. Nghi quỹ bái sám thông dụng hiện nay được hình thành nhờ các thê hệ cao tăng đại đức căn cứ vào kinh Phật để tổng kết nên. Trong lịch sử cũng có rất nhiều pho "*Cảm ứng lục*" ghi chép lại những sự việc cảm ứng sau khi thực hiện nghi thức sám hối này.

Những phương pháp bái sám thông dụng bao gồm: "*Lương Hoàng bảo sám*", đây là phương pháp bái sám cổ xưa nhất hiện vẫn được bảo tồn; "*Tử bi tam muội thuỷ sám*", là phương pháp bái sám được hình thành từ việc Quốc sư Ngộ Đạt thời Đường dùng nước tam muội để rửa đi cái nhơ hình mặt người ở chân, bởi vậy mà tiêu trừ được nghiệp ác tích luỹ; "*Đại bi sám*" hay còn gọi là phép tắm chú đại bi nghìn mắt nghìn tay, là phương pháp bái sám căn cứ trên Đại bi chú; "*Dược Sư sám*" là phương pháp bái sám nhằm tiêu trừ tai họa, tăng gia tuổi thọ căn cứ vào "*Dược Sư Như Lai bản nguyện công đức kinh*"; "*Tịnh độ sám*" là phương pháp bái sám căn cứ vào "*Vô Lượng Thọ kinh*" cùng các kinh điển khác của phái Tịnh độ. Ngoài ra còn có bái sám Kim Cương, bái sám tám mươi tám Phật, bái sám mươi lăm Phật, bái sám nghìn Phật. Khi thỉnh cầu chúng tăng đến chủ trì lễ bái sám, cả nhà đều phải trai giới, thành tâm cầu nguyện, nếu có thể trực tiếp tham gia càng tốt.

Tu Phật thất

Người đầu tiên đề xướng tu Phật thất là Đại sư Huệ Viên triều Đông Tấn. Đầu thời Dân Quốc, vị Đại đức của môn phái Tịnh Độ tông núi Linh Nham - Tô Châu là Pháp sư Án Quang đã hoằng dương pháp môn này,



khiến cho phép tu Phật thất trở nên cực kỳ thịnh hành và được lưu truyền cho đến tận ngày nay. Căn cứ lý luận của phép tu Phật thất là một đoạn trong "Phật thuyết A Di Đà kinh": "Nếu có thiện nam tín nữ, nghe giáo Pháp của Phật A Di Đà, chấp trì danh hiệu, ngày thứ nhất, ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, một lòng không rối loạn, đến lúc người này lâm chung, Phật A Di Đà cùng các vị thánh sẽ hiển hiện trước mắt. Người này lúc lâm chung tâm thần không điên đảo, sẽ được vãng sinh đến cõi Tịnh độ Tây phương Cực Lạc của Phật A Di Đà, tâm niệm được tất cả chư Phật bảo hộ, để không đánh mất A Nậu Đa La tam miêu tam bồ đề". Tu Phật thất lấy bảy ngày là một đơn vị cơ sở, cần liên tục tụng niệm câu "Nam mô A Di Đà Phật" trong một hoặc nhiều đơn vị ngày đó. Trong thời gian tu Phật thất, người tham gia cần trai giới không được động chạm đến rượu, thịt, đồ tanh hôi, thành tâm tụng niệm, đồng thời hồi hướng công đức cho người chết, giúp họ được siêu độ.

BÁI SÁM VÀ TU PHẬT THẤT

Bái sám là một phương thức tiến vong khá thịnh hành. Sau khi người thân qua đời, thân thuộc nên mời pháp sư, tăng ni chủ trì nghi thức bái sám nhằm giúp người đã mất thanh trừ những nghiệp chướng của họ trong quá khứ, tụng kinh niệm Phật, cầu xin sự tha thứ đối với những lỗi lầm của người đã mất, khiến họ có thể bình yên vượt qua cõi trung ấm, được đầu thai vào cõi tốt.

Nếu tụng niệm "Dược Sư kinh", cần phải thờ cúng tranh, tượng Phật Dược Sư; Nếu tụng "Đại bi sám", cần thờ cúng tranh, tượng Quan Thế Âm Bồ Tát.

Tăng chúng tụng kinh



HỘ NIỆM

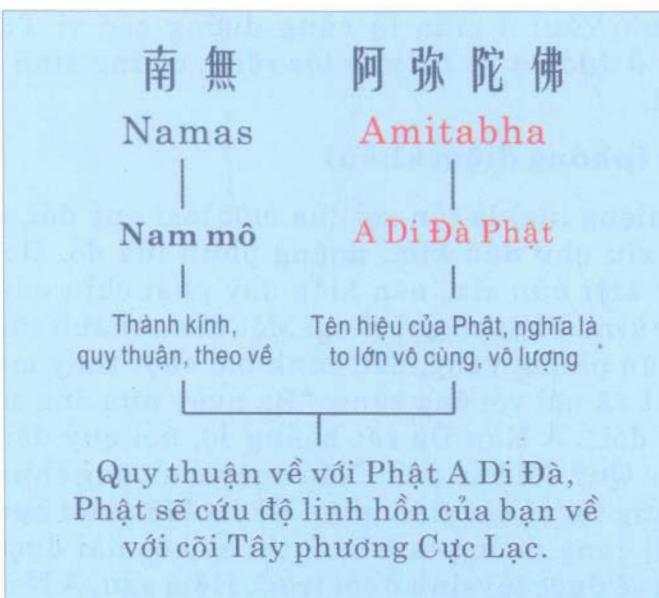
Hình thức Bái sám gần đây được phát triển mạnh nhờ cư sỹ Diệu Âm, bắt đầu từ nhân duyên niệm Phật để cầu nguyện cho mẹ vãng sinh, qua hơn 20 năm chuyên tâm niệm Thánh hiệu Phật A Di Đà, cư sĩ Diệu Âm đã thành tựu nhất tâm, đồng thời luôn sẻ chia và trợ duyên những trải nghiệm về pháp môn niệm Phật, thông qua thành lập các ban hộ niệm.

Hộ niệm là phương pháp ứng dụng Kinh Phật một cách cụ thể, chính xác, hữu hiệu, đúng lúc và trực tiếp cứu độ người lâm chung vãng sinh cực lạc....

...Bắt đầu từ năm 2003, cư sỹ đã âm thầm vận động sự hộ niệm ở Việt Nam. Đến nay đã có hàng trăm trường hợp vãng sinh với thoại tưởng hiển hiện tốt đẹp, bất khả tư nghị! Nhờ thấy sự màu nhiệm này, đã có rất nhiều Chùa, Phật tử đồng tu, LH tại gia khắp nơi hưởng ứng, tự lập Đạo tràng niệm Phật, nhóm Hộ niệm, nhóm Cộng tu... đang ngày đêm niệm Phật và tham gia hộ niệm cứu người lâm chung vãng sinh Tịnh Độ.

Nhận thấy rõ ràng lợi ích lớn lao này, cư sỹ Diệu Âm mạnh dạn vận động chư Đạo Tràng, Đồng tu khắp nơi phát lòng tin tưởng vững mạnh vào Pháp môn Tịnh Độ, ngày đêm niệm "A Di Đà Phật" cầu hết báo thân này được vãng sinh. Ngoài ra, còn đặc biệt chú trọng phương pháp hộ niệm để kịp thời ứng dụng hầu cứu độ người hữu duyên, đồng tu, người thân...giúp họ thành tựu đạo nghiệp.

Ý nghĩa của câu "Nam mô A Di Đà Phật"





NGHỊ THỨC CÓ LỢI: CÚNG THỦY LỤC, CÓ HỒN

Pháp hội Thuỷ lục

Đối tượng bố thí, siêu độ của pháp hội thuỷ lục thực chất bao gồm tất cả các vong linh hữu tình tại ba xứ thuỷ, lục, không. Pháp hội thuỷ lục là một dạng thức long trọng nhất trong các pháp sự cầu siêu của Phật giáo Trung Hoa. Pháp sự này được hình thành từ sự kết hợp của "Lục đạo từ sám" của Lương Vũ Đế và "Minh đạo vô giá đại trai" của Mật tông triều Đường. Tương truyền Lương Vũ Đế mơ thấy một vị thần tăng đến nói rằng: "Chúng sinh trong sáu cõi phải chịu đựng nỗi khổ vô lượng vô biên, tại sao không lập một đàn trai thuỷ lục để phổ độ cho họ?" Và Lương Vũ Đế đã nghe theo lời căn dặn của Thiền sư Chí Công, tiến hành sưu tầm kinh Phật, ngày đêm miệt mài đọc duyệt, để soạn ra cuốn nghi quỹ này. Pháp hội thuỷ lục sau khi được lưu hành dưới thời Tống đã nhanh chóng thịnh hành trong toàn quốc, và đã trở thành một hình thức pháp hội cầu siêu thông dụng nhất được cử hành sau mỗi cuộc chiến tranh. Nhà văn học Bắc Tống Tô Đông Pha từng lập một đạo tràng thuỷ lục để cầu siêu cho người vợ quá cố là Vương Phất. Đối tượng được cúng dường, bố thí của pháp hội Thuỷ lục gồm chia làm ba nhóm: bên trên là cúng dường chư Phật Bồ Tát, Duyên Giác Thanh Văn; ở giữa là cúng dường các vị Trời như Phạm Vương, Đề Thích; ở dưới là bố thí cho tộc rồng, chúng sinh A Tu La cùng chúng sinh các cõi.

Cúng cõi hồn (phóng diệm khẩu)

Diệm khẩu (miệng lửa) là tên gọi của một loài quỷ đói, thân hình gầy dét, cổ họng nhỏ xíu như đầu kim, miệng phun lửa đỏ. Do lúc sinh tiền chúng có thói keo kiệt bùn xỉn, nên kiếp này phải chịu quả báo làm quỷ diệm khẩu. Trong kinh Phật có ghi rằng: Một đêm, thánh tăng A Nan Đà ở một mình trong căn phòng vắng, đến canh ba, chợt thấy một con quỷ đói hiện lên trước mắt và nói với ông rằng: "Ba ngày nữa ông sẽ chết và phải đầu thai làm quỷ đói". A Nan Đà rất hoảng sợ, hỏi quỷ đói phải làm thế nào mới thoát nạn. Quỷ đói bèn nói: "Nếu ngày mai, ông chuẩn bị cho trăm nghìn quỷ đói chúng tôi và các tiên nhân Bà La Môn mỗi người một bát đồ ăn, giúp chúng tôi cúng dường tam bảo, thì sẽ kéo dài được tuổi thọ của ông, còn chúng tôi sẽ được tái sinh ở cõi trời". Hôm sau, A Nan Đà thuật lại câu chuyện này với Phật Đà, Phật Đà liền thuyết giảng "Diệm khẩu kinh" và phép bố thí cho ông, và pháp sự "phóng diệm khẩu" (tức thả quỷ diệm khẩu, ta vẫn quen gọi là cúng cõi hồn) được bắt đầu từ đó. Pháp hội diệm



khẩu là chủ yếu là nhằm bối thí cho chúng sinh tại cõi Quỷ đói, đồng lời cũng là một trong những hoạt động tiến vong dành cho người quá cố. Nhờ pháp hội diệm khẩu, quỷ đói sẽ nhờ vào pháp lực của Phật mà được ăn no, sau đó, sẽ thuyết giảng Phật pháp cho họ, khiến họ vui vẻ tin theo, giải thoát khỏi cõi Quỷ đói. Nếu người quá cố không phải rơi vào cõi Quỷ đói, thì thông qua nghi thức này có thể thay mặt người quá cố bối thí cho chúng sinh cõi Quỷ đói, bởi vậy sẽ tích luỹ được công đức lớn cho họ.

Tương tự với pháp hội phóng diệm khẩu còn có pháp hội Vu Lan. Pháp hội Vu Lan được ra đời dựa trên bộ kinh "Phật thuyết vu lan bồn kinh", là một nghi thức Phật giáo được cử hành vào rằm tháng bảy âm lịch hàng năm để siêu độ cho tổ tiên, thân nhân trong dòng họ. Tương truyền xưa kia, ngài Mục Kiền Liên dùng phép thần thông nhìn thấy mẹ bị rơi vào cõi Quỷ đói, bèn cầu xin Phật Đà chỉ dẫn cách cứu mẹ. Phật Đà bèn thuyết giảng cho ông bộ kinh này. Về sau, Phật giáo Trung Hoa dựa trên nội dung bộ kinh để đặt ra pháp hội Vu Lan.

CÚNG CÔ HỒN

Nguồn gốc của pháp hội cúng cô hồn (phóng diệm khẩu): Bối thí cho quỷ đói

Đối tượng bối thí chủ yếu của pháp hội cúng cô hồn là chúng sinh cõi Quỷ đói, pháp hội này cũng là một trong những nghi thức tiến vong đối với người quá cố. Nhờ pháp hội này, quỷ đói sẽ nhờ vào pháp lực của Phật mà được ăn no, sau đó sẽ thuyết pháp cho họ, khiến họ vui vẻ tin theo, nhờ đó mà được thoát ly khỏi cõi Quỷ đói.

Chúng sinh cõi quỷ đói có thể chia là ba nhóm chính loại

- Quỷ không tiền: không được ăn uống. Nhóm này gồm quỷ diệm khẩu (miệng phun lửa), quỷ châm hấu (cổ họng bé như cây kim), quỷ xú khẩu (miệng hôi thối).
- Quỷ ít tiền: ít được ăn uống. Nhóm này gồm quỷ châm mao (lồng kim châm), quỷ xú mao (lồng thối), quỷ đại anh (ung nhọt lớn).
- Quỷ nhiều tiền: được ăn uống nhiều. Nhóm này gồm quỷ đắc khí (có được đồ ăn bỏ lại khi cúng tế), quỷ đắc thất (có được đồ ăn rơi vãi trong ngô, hẻm), quỷ thế lực (nhờ thế lực uy quyền mà được cúng tế).





THIÊN TÁNG

Nguồn gốc của thiên táng

Tại Tây Tạng cổ xưa, khi Phật giáo vẫn chưa du nhập đến, phương thức xử lý thi hài của người Tạng thường là bỏ xác chết ở những nơi hoang vắng. Tập tục này có liên quan đến điều kiện địa lý tự nhiên của cao nguyên Tây Tạng, khí hậu lạnh lẽo khắc nghiệt ở đây khiến đất đai cứng rắn khác thường, đặc biệt là vào mùa đông, nên khó có thể áp dụng phương thức mai táng (chôn). Sự du nhập của Phật giáo đến Tây Tạng đã gây ảnh hưởng rất lớn đối với tập tục an táng nơi đây. Phật giáo quan niệm bồ thí là một yêu cầu cơ bản dành cho mọi tín đồ. Bồ thí gồm có bồ thí vật chất, bồ thí pháp và bồ thí vô uý. Bồ thí thân thể cũng là một hình thức bồ thí, vì lấy chính thân xác máu thịt của bản thân làm vật bồ thí, nên công đức càng thêm thù thắng. Trong cuốn "Yếu hành xá thân kinh" tìm thấy tại Đôn Hoàng có khuyên người ta sau khi chết nên chặt nhỏ thi hài rồi đem bỏ trong rừng xác. Tương truyền xưa kia, đức Phật Đà trong một kiếp trước đã dùng thân xác của mình để bồ thí cho chim ưng đói, vì muốn cứu một con chim bồ câu nhỏ. Trong một kiếp khác, người lại hiến thân xác mình làm mồi cho hổ đói. Quan niệm "bồ thí Bồ Tát, không tiếc tính mệnh" đã có ảnh hưởng rất lớn đối với những người dân Tạng sùng tín Phật pháp. Hơn nữa, sau khi con người lìa đời, thân trung ấm cũng thoát ly khỏi thể xác, bởi vậy, thú đem bồ thí chỉ là một cái xác vô tri vô giác mà thôi. Bởi đó, thiên táng đã trở thành một hình thức an táng phổ biến nhất, chiếm vị trí chủ đạo trong tất cả các hình thức an táng của dân tộc Tạng.

Quy trình thiên táng

Một quy trình thiên táng hoàn thiện được bắt đầu ngay từ khi người hấp hối bước vào giai đoạn hôn mê. Trước hết, cần phải cho người hấp hối uống một viên cam lồ, mời Lạt Ma đến bên người hấp hối tụng kinh. Sau khi người hấp hối trút hơi thở cuối cùng, người ta sẽ phủ lên mặt họ một tấm vải trắng, tuyệt đối không được phép động chạm, di chuyển di thể, đồng thời mời Lạt ma thực hiện phép Phowa (chuyển thức) để giúp thân trung ấm có thể được đầu thai về ba cõi tốt. Vào khoảng 4, 5 giờ sáng ngày thứ 3 hoặc thứ 4 sau khi chết, thân nhân của người chết đặt họ trong tư thế cuộn tròn như khi nằm trong bào thai, rồi dùng một tấm áo màu trắng cuộn lại, giao cho người công xác công lên dài thiêng táng. Những người chết vì bệnh truyền nhiễm nguy hiểm không được phép thiêng táng, vì dễ



truyền bệnh cho chim ưng đầu trọc, làm hỏng ý nghĩa bố thí. Sau khi đến đài thiền táng, cần nỗi lửa đốt cây dâu cho bốc khói để thông báo cho chim ưng đầu trọc biết. Các vị Lạt ma đứng bên cạnh tụng niệm kinh siêu độ. Lúc này, chim ưng đầu trọc đã lũ lượt bay đến. Thiên táng sư cởi bỏ y phục của xác chết và bắt đầu chia nhỏ xác chết theo một trình tự nhất định, tách rời xương thịt, dùng đá tảng đập nhỏ các khúc xương, trộn với bột mạch. Thịt da được chặt nhỏ để riêng. Sau khi hoàn tất, họ thổi còi gọi chim ưng đầu trọc đến, lần lượt mang xương, thịt của người chết cho chim ưng ăn. Thế nhưng cũng có nhiều trường hợp chim ưng không chịu ăn xác chết, hoặc cũng có khi nhiều xác chết đồng thời được mang đến, nhưng bầy chim ưng chỉ ăn một vài trong số đó. Bởi vậy, trong dân gian lưu truyền giả thuyết lúc sống làm nhiều việc ác, sau khi chết đi chim ưng đầu trọc sẽ không thèm ăn xác. Nên người Tạng quan niệm rằng nếu xác chết được chim ưng ăn hết là điềm may. Nếu không được ăn hết, cần phải hoả thiêu các phần di thể còn lại, và tụng kinh siêu độ cho họ.

CHỦ TÔN RỪNG XÁC (THI LÂM CHỦ CHITIPATI)

Chủ tôn rừng xác là vị thần chủ tể khu vực thiên táng của người Tây Tạng, cũng là vị thần chủ tể của những nhà tu hành ở một mình trong rừng xác hoặc bāi tha ma. Trong các bức tranh Thang-ka của Tây Tạng, chủ tôn rừng xác được thể hiện dưới hình thù hai bộ xương trắng, một nam một nữ, đầu đội mũ kết bằng năm chiếc đầu lâu, mắt ló hung quang, đứng bằng một chân dẫm lên đài sen, chân còn lại co lên, đứng trong ngọn lửa bát nhã.





HỎA TÁNG

Trà tỳ

Trong Phật giáo, hỏa táng được gọi là "trà tỳ" (jhapeti). Sau khi Phật Thích Ca Mâu Ni nhập Niết Bàn, chúng đệ tử đã tiến hành nghi thức trà tỳ pháp thể của ngài, thu được rất nhiều hạt xá lợi. Sau đó, vua A Dục (Ashoka) đã chia các hạt xá lợi thành tám vạn bốn nghìn phần, xây dựng tám vạn bốn nghìn tháp xá lợi tại Ấn Độ, Nepal, Trung Hoa để thờ cúng. Như vậy, ngay từ thời Phật Đà, nghi lễ an táng chủ yếu trong Phật giáo Ấn Độ đã là hỏa táng, nghi thức tuy đơn giản nhưng mang đậm ý nghĩa tôn giáo. Trước khi hỏa hoá, các nhà sư sẽ chủ trì nghi thức tôn giáo, tụng niệm các bài kệ trong "Kinh A Hàm", sau đó châm lửa đốt giàn thiêu xếp bằng củi gỗ, để thiêu cháy di thể thành tro. Cho đến ngày nay, hình thức an táng này vẫn tồn tại ở một số khu vực Phật giáo nam truyền thịnh hành như Thái Lan, Campuchia.

Người Trung Quốc từ xưa đã thịnh hành phương pháp mai táng, sau khi Phật giáo du nhập vào Trung Hoa đã gây ảnh hưởng ít nhiều đến nghi thức an táng của dân tộc Hán. Từ thời Hán trở đi, các tăng nhân sau khi viên tịch thường lựa chọn nghi thức trà tỳ cho tang lễ của mình. Nếu là bậc cao tăng đại đức, sau khi hỏa hoá sẽ xuất hiện hạt xá lợi và linh cốt, cần phải xây tháp để cất trữ chờ phung, những tháp thế này được gọi là tháp xá lợi hoặc tháp linh cốt. Ngày nay, tại những chùa lớn với hàng trăm năm lịch sử thường có những "rừng tháp" trong khuôn viên chùa, đây chính là một nét đặc sắc của Phật giáo Trung Hoa so với Phật giáo Ấn Độ.

Phong tục hỏa táng tại Tây Tạng

Hỏa táng là một phương thức an táng xuất hiện khá sớm tại Tây Tạng, từ trước khi Phật giáo du nhập đến khu vực này. Có lẽ tập tục này được bắt nguồn từ các dân tộc thiểu số tại miền tây hoặc tây nam của Trung Hoa. Nhưng sau khi Phật giáo được du nhập vào Tây Tạng, nghi thức này đã được thêm vào nhiều màu sắc tôn giáo hơn là mang tính chất tập tục. Tại nhiều khu vực, chỉ có các bậc cao tăng đại đức hoặc quý tộc mới được phép áp dụng nghi thức hỏa táng. Tại những vùng đất nằm sâu trong rừng rậm, hỏa táng thường phổ biến hơn. Trước khi tiến hành nghi thức hỏa táng, người thân sẽ tiến hành các nghi thức siêu độ, cúng dường, bố thí cho người quá cố, cũng tương tự như khi thực hành nghi thức thiên táng. Đáng

chú ý hơn cả là cách thức xử lý đối với tro xương của người chết sau khi hoả táng, vì người dân Tạng quan niệm đem tro xương của người bình thường thờ cúng trong chùa hoặc trong nhà không những không có lợi, mà còn đem đến sự rủi ro. Người dân Tây Tạng rất ưa chuộng loại tượng Phật nhỏ được đúc khuôn từ đất bùn, gọi là Tsha-tsha. Khi nặn đủ mười vạn Tsha-tsha, người ta sẽ xây một căn phòng nhỏ hoặc tháp nhỏ để cất trữ. Bởi vậy, theo truyền thống tôn giáo, người Tạng thường đem tro xương người chết trộn với bùn đất sạch, nặn thành Tsha-tsha. Đến khi nặn đủ mười vạn tượng thì xây phòng riêng thờ cúng, họ quan niệm đó mới là phương pháp mang lại lợi ích thực sự cho người quá cố.



THÁP TẠNG

Tập tục an táng độc đáo

Tại Trung Hoa, thường sau khi hoả táng pháp thể của các cao tăng đại đức, người ta thường lấy xây tháp để bảo quản xá lợi của họ. Nhưng ở Tây Tạng lại tồn tại tập tục an táng toàn vẹn thi hài trong tháp. Tương truyền tập tục này được áp dụng lần đầu tiên cho Tạng vương Tùng Tân Can Bố (Songtsen Gampo). Trong "Ngũ bộ di giáo" có chép rằng, di hài của vua Tùng Tân Can Bố không đem hoả hoá, mà được an táng toàn vẹn di thể trong tư thế xếp bằng trên đài cao ở chính giữa lăng tẩm lớn, sau đó phong lăng. Tùng Tân Can Bố là người khai sáng cho phong trào sùng bái Phật giáo hậu truyền tại Tây Tạng, nhưng ông không phải là tăng nhân. Bởi vậy, việc ông được áp dụng hình thức an táng này tất nhiên sẽ bắt nguồn cho tập tục an táng trọn vẹn di hài trong Phật tháp dành cho cao tăng, Phật sống về sau. Sử sách cũng ghi chép lại, vào 1200 năm trước đây, người dân Tây Tạng đã xây dựng toà linh tháp đầu tiên dành cho vị Đại thành tựu Ấn Độ là Đại sư Liên Hoa Sinh (Padmāsambhava) dưới chân núi bên tu viện Tang Diên (Samye). Thường chỉ những nhân vật có công đức đặc biệt lớn lao mới được phép xây linh tháp, áp dụng nghi lễ tháp táng. Nếu người thường cũng tuỳ tiện học đòi theo, sẽ phải chịu hậu hoạn không nhỏ.

Cách xử lý di thể trước khi nhập tháp

Trước tiến hành phong tháp chứa di thể của các bậc đại thành tựu, pháp thể của họ phải trải qua một công đoạn xử lý đặc biệt, đồng thời phải



tuân thủ theo những nghi quỹ nhất định. Phương thức xử lý thứ nhất là trước hết, tắm rửa cho pháp thể bằng dung dịch thảo mộc pha hương liệu, sau đó dùng muối hút khô máu huyết và dịch lỏng trong di thể. Phần muối thấm máu và thể dịch của Phật sống được gọi là "dun-tshai", được người Tạng coi như thánh vật, có thể chữa trị trăm bệnh, lại có thể trừ tà trừ tai, chùa chiền thường dùng loại muối này làm quà tặng tân khách. Phương thức xử lý thứ hai, là đặt di thể vào trong một hộp gỗ cao bằng thân người, xung quanh trải đầy cát khô, cát khô sẽ hút dần nước trong di thể, quá trình làm khô này phải kéo dài đến ba năm. Ngoài ra, cũng có thể đặt di thể vào trong một căn phòng có hầm lò dưới đất, nền nhà phủ các loại bột đặc thù để hong khô. Sau khi pháp thể đã được xử lý chống phân huỷ xong, có khi còn được thiếp lên các lá vàng, tắm nước hồng hoa Tây Tạng và hương liệu, sau đó người ta sẽ mặc áo cà sa, đội mũ nǎm Phật cho pháp thể, đặt các pháp khí như chuỳ kim cương, kinh Phật, chuông kim cương vào tay, để các đồ trang trí phía sau lưng và đặt pháp thể trong tư thế kiết già. Sau đó, mới thỉnh pháp thể vào an táng trong tháp để cung phụng.

Thông thường, các linh tháp dùng để an táng cao tăng đại đức hoặc Phật sống được cấu trúc từ ba phần là chân tháp, bình tháp và tương luân. Nếu nhìn từ trang sức bên ngoài, thì linh tháp có thể chia làm rất nhiều loại, như tháp vàng, tháp bạc, tháp đồng, tháp gỗ, tháp đất, việc lựa chọn nguyên liệu cho linh tháp sẽ căn cứ vào địa vị của Phật sống lúc sinh thời. Thường thì Phật sống Đạt Lai Lạt Ma, Ban Thiền Lạt Ma sẽ được an táng trong tháp vàng, *Ganden Tripa* (Phật sống Cam Đan) được an táng trong tháp bạc. Các linh tháp được bố trí trong các cung điện lớn nhỏ của tu viện.



THỦY TÁNG, THỔ TÁNG

Các tập tục an táng đa dạng

Hơn 1200 năm trước đây, hoàng thất Thổ Phồn đã xây dựng cho họ những lăng mộ lớn. Sau khi Phật giáo được du nhập vào Tây Tạng, thổ táng (mai táng, chôn) đã dần dần trở thành một hình thức an táng thấp cấp, chỉ được áp dụng với những người mắc bệnh truyền nhiễm, tử tội, chết bất đắc kỳ tử hoặc những kẻ loạn luân.

Thuỷ táng là một hình thức phụ trợ của tục thiêu táng. Tại những khu vực thịnh hành tập tục thiêu táng, thì thuỷ táng là một hình thức an táng được áp dụng cho những người neo đơn cô độc, ăn mày hoặc người có địa vị

kinh tế thấp kém. Tại những vùng rừng sâu, khe núi ít có chim ưng đầu trọc sinh sống, thì thuỷ táng lại trở thành phương thức an táng chủ yếu. Thường người ta dùng vải trắng bọc thi thể lại, cõng đến bờ sông, chia nhỏ thi hài rồi ném xuống nước, cũng có khi cho cả thi hài nguyên vẹn xuống sông. Ý nghĩa tôn giáo của thuỷ táng cũng tương tự như thiên táng, đều nhằm bố thí thân thể, thuỷ táng là bố thí cho cá, thiên táng là bố thí cho chim. Tại những khu vực thịnh hành tập tục thuỷ táng, có những thuỷ táng sư và những khu vực thuỷ táng riêng biệt, những nghi thức áp dụng trong quá trình thuỷ táng cũng tương tự như với thiên táng. Ngoài ra, trẻ nhỏ chết yếu cũng thường được đem thuỷ táng, mà không cử hành tang lễ. Vì lý do đó mà người Tây Tạng không ăn cá và những loài thuỷ sinh khác.

Hình thức dã táng (táng ngoài đồng) thịnh hành ở vùng cao nguyên Tạng Bắc và một vài khu vực hiếm hoi của Nội Mông Cổ. Người ta cho gia súc chở xác đến những đồng hoang xa xôi hẻo lánh, bỏ lại thi thể trần trụi bố thí cho chim thú ăn thịt. Chừng mươi ngày nửa tháng sau, người thân sẽ quay lại kiểm tra, nếu chỉ còn lại phần xương, thì sẽ chôn cất xương cốt ngay tại chỗ.

Cũng có nơi áp dụng hình thức nhai táng, ta đem đặt di thể trong những hang đá khô ráo, thoáng gió, dùng đá tảng bít cửa hang.

An táng nhiều lần là trước hết đem thi thể mai táng dưới đất, sau vụ thu thì quật mộ lên hoả táng di hài.

Đặc điểm chung của các tập tục an táng tại vùng Tây Tạng

Các phương thức an táng của người Tây Tạng chịu ảnh hưởng khá lớn của điều kiện tự nhiên: Tại các cao nguyên rộng lớn vắng vẻ thịnh hành tục thiên táng; Tại các vùng rừng rậm thịnh hành tục hoả táng; Những nơi gần sông lớn thịnh hành tục thuỷ táng. Xét về tư tưởng chủ đạo, tất cả các hình thức an táng đó đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo. Vì theo quan niệm của người dân Tạng, cái chết không phải là kết thúc, mà là một sự bắt đầu mới, bởi vậy làm thế nào để giúp người chết có được một sự tái sinh tốt đẹp hơn trong quãng thời gian trung ẩm ngắn ngủi đã trở thành mục đích tối quan trọng của hoạt động an táng. Các quy định không được di chuyển thi thể, không cử nhạc ôn ào, thỉnh cầu Lạt ma tụng kinh, thực hiện phép Phowa chuyển thức, bố thí cho người nghèo, cho động vật hoang dã, cũng dường tam bảo... đều là nhằm mục đích này. Chính quan niệm về sự tái sinh đã khiến thân thích của người quá cố giữ được thái độ bình thản trước cái chết của người thân, không quá sa đà vào đau thương, phiền não.



TẬP TỤC AN TÁNG ĐA DẠNG

Hầu hết các hình thức an táng của mọi dân tộc trên thế giới đều hiện diện tại vùng Tây Tạng. Dù là tục thiền táng bồ thí thân xác cho chim, tục hỏa táng hỏa thiêu thi thể thành xá lị, tục thuỷ táng bồ thí thân xác cho cá, hay tục tháp táng dành cho cao tăng đại đức, tất cả đều thể hiện niềm tin tuyệt đối của người dân Tây Tạng đối với sự tái sinh sau khi chết.



Điều kiện tự nhiên quy định những hình thức an táng khác nhau

Cao nguyên rộng lớn → Thiên táng

Rừng rậm → Hoả táng

Gần sông lớn → Thuỷ táng

Cao tăng đại đức → Tháp táng



7.3 NGHI THỨC VỀ VONG LINH CỦA NGƯỜI XƯA

XÓA HỘ KHẨU NHÂN GIAN
TẠI THẦN THỔ ĐỊA



Sau khi Hắc Bạch Vô Thường ^(*) bắt hồn của người chết đi, trước hết, họ sẽ đưa linh hồn đến gặp thần Thổ Địa trong miếu Thổ Địa, nhằm xoá tên khỏi sổ hộ khẩu tại nhân gian, cắt đứt mọi mối quan hệ với trần thế.



Thổ Địa ông

Vị thần cai quản một khu vực nhất định được nhân gian cung phụng là Thổ Địa công thường xuất hiện với hình tượng một cụ già tóc trắng, phúc sức giản dị, tác phong hiền hậu nhân từ. Trong dân gian mỗi khi tổ chức các hoạt động cúng tế quan trọng cầu phúc trừ tai, trên ban thờ thường đặt tượng Thổ Địa.

ĐỊA VI

Cõi âm: Là chức quan nhỏ cơ bản, nhưng không được phép thiếu khuyết.

Dương gian: Là vị thần bảo hộ của một khu vực, rất được nhân dân yêu mến.

Đạo giáo: Địa vị thấp hơn các thần tiên nhỏ.

* Theo người xưa, khi người chết đi, Hắc Bạch Vô Thường theo lệnh Diêm Vương đi bắt linh hồn về địa ngục theo sổ sinh tử.



NHIỆM VỤ

Cõi âm: Giúp linh hồn người chết xoá tên khỏi hộ khẩu nhân gian.

Dương gian: Quản lý tất cả các chuyện lặt vặt tại dương gian như ma chay cười hỏi, thiên tai nhân hoạ, là thần bảo hộ của một khu vực nhất định.



Thổ Địa bà

Trong miếu Thổ Địa của một số địa phương, bên cạnh Thổ Địa ông còn có hình tượng một bà cụ tóc búi, đó chính là Thổ Địa bà, phu nhân của Thổ Địa ông, thế nhưng hình tượng Thổ Địa bà rất ít khi xuất hiện.



TIN NGƯƠNG THỔ ĐỊA

Trong thế giới quỷ thần của người xưa, thì thần Thổ Địa chỉ là một chức quan rất nhỏ đứng sau cùng trong chúng thần, nhưng lại có số lượng cực kỳ đông đảo, tại tất cả những nơi có người ở, người dân đều thờ cúng thần Thổ Địa.

Người xưa đã có truyền thống thờ cúng thần Thổ Địa, mỗi địa phương đều có ngôi miếu Thổ Địa riêng, hương hoả rất thịnh. Trong các thôn xóm, ngõ hẻm, nơi nơi đều có thể bắt gặp những miếu Thổ Địa nhỏ trông như một ban thờ có mái che làm bằng đá hoặc gỗ, bên trong thờ tượng Thổ Địa công, Thổ Địa bà.





SINH NHẬT THỔ ĐỊA

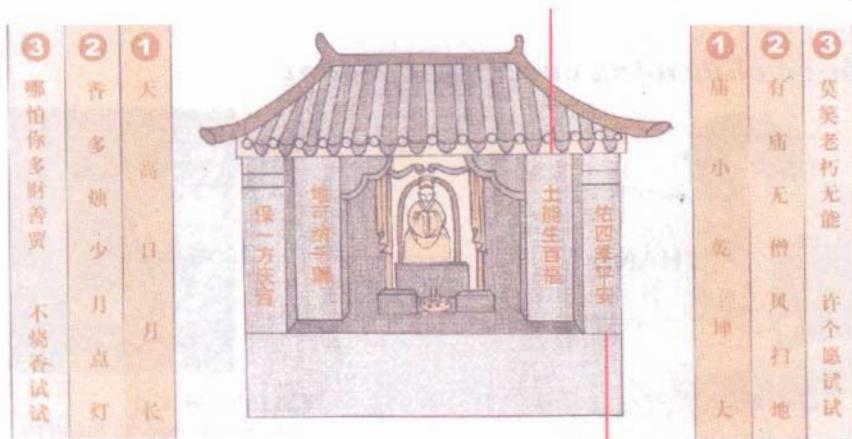
Sinh nhật Thổ Địa:
Thường là vào ngày 2 tháng 2, ngày 6 tháng 6 hoặc ngày 8 tháng 12 âm lịch.

Câu đối trong miếu Thổ Địa

Cùng với sự phát triển của tập tục thờ cúng thần Thổ Địa, thì việc xây dựng miếu Thổ Địa cũng được chú ý hơn. Trong đó, những câu đối tại miếu Thổ Địa có thể phản ánh rõ nhất về chức năng của thần Thổ Địa, cùng những tâm nguyện tốt đẹp mà nhân dân kính thác ở thần Thổ Địa.

- 1 Miếu nhỏ Càn Khôn rộng
- 1 Trời cao Nhật Nguyệt dài
- 2 Có miếu không sư gió quét bụi
- 2 Hương nhiều nến ít nguyệt châm đèn
- 3 Chớ cười già đây vô dụng, cứ cầu nguyện thử xem
Dẫu có tiền của tràn trề, không thắp hương sẽ biết

Thổ sinh ra trăm phúc
Địa thâu nạp muôn lành



Giúp bốn phía bình an
Giữ một phương cát khánh





THÀNH HOÀNG

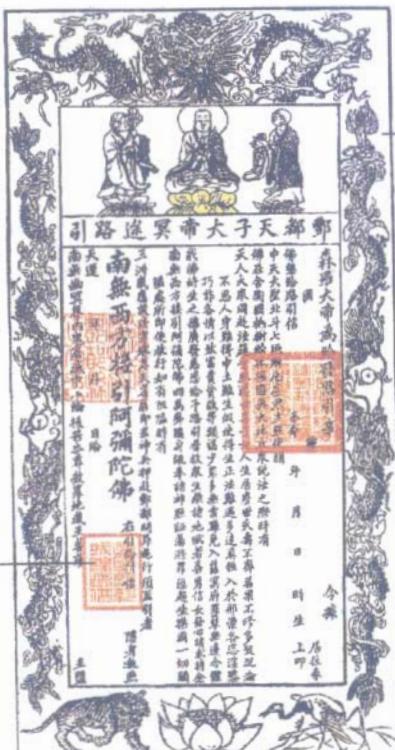
Sau khi đến miếu Thổ Địa xoá tên, vong hồn sẽ phải đến miếu Thành Hoàng để lấy giấy đi đường, loại giấy này do Diêm Vương phát hành, đó chính là giấy phép để đi đến địa phủ.

Giấy đi đường

Vong hồn đến miếu Thành Hoàng để lấy giấy đi đường về chốn địa phủ.

Diêm Vương

Giấy đi đường do Diêm Vương phát hành, là giấy tờ để đi vào địa phủ, bên dưới có đóng dấu của Diêm Vương



Giấy đi đường

Đây là một tờ giấy màu vàng dài khoảng ba thước, rộng khoảng hai thước, in ấn thô vụng, giá thành rẻ mạt. Khi đi qua Quỷ Môn quan, vong hồn cần phải trình giấy phép này cho các tiểu quỷ canh cửa kiểm tra mới có thể vào được âm tào địa phủ.

Nguồn gốc và chức năng của Thành Hoàng



Nguồn gốc của Thành Hoàng

Thành: Tường thành đắp bằng đất.

Hoàng: Hào quanh thành không có nước.

THẦN HOÁ
→



Thần Thành Hoàng

Vốn là vị thần bảo hộ thành trì, duy trì trật tự, về sau được chuyển hóa thành vị thần bảo hộ quốc gia, trừ bạo an dân, quản lý vong hồn, điều hoà mưa gió.



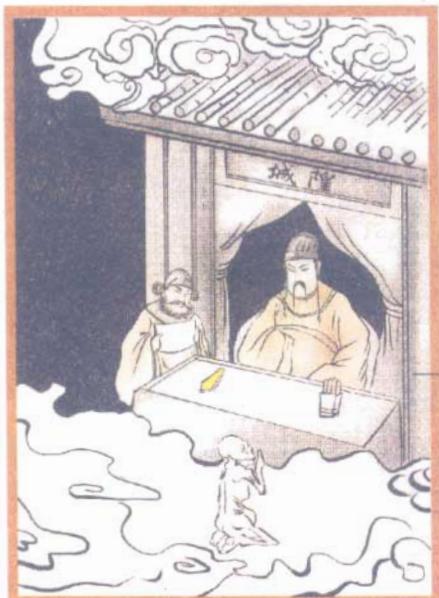
TÍN NGƯƠNG THÀNH HOÀNG

Nhân dân hết sức sùng tín Thành Hoàng, từ đó đã hình thành nên các hoạt động như xin phiếu đi đường, đốt đơn kêu oan, trú miếu trừ bệnh, xin xử kiện đêm, Thành Hoàng đi tuần,...

CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN TÍN NGƯƠNG THỜ THÀNH HOÀNG TRONG DÂN GIAN

Xin phiếu đi đường	Đốt đơn kêu oan	Trú miếu trừ bệnh	Xin xử kiện đêm	Thành Hoàng đi tuần
Những người chết nơi đất khách nếu muốn về quê an táng, cần phải đến miếu Thành Hoàng xin phiếu đi đường.	Người dân nếu bị oan khuất, có thể viết đơn đến đốt trước miếu Thành Hoàng, Thành Hoàng sẽ giúp họ kêu oan.	Người mắc bệnh tật đến ở miếu Thành Hoàng để không cho tà ma lại gần, bệnh tật tự nhiên sẽ khỏi.	Xin Thành Hoàng mở phiên tòa ban đêm để xử kiện cho vong hồn, khi đó, sẽ có mấy đồng cốt nam tham gia, trong đó một người đóng vai vong hồn, những người còn lại sẽ tụng kinh.	Thông thường mỗi năm được cử hành ba lần vào các mùa xuân, thu, đông, mùa xuân vào tiết Thanh minh, mùa thu vào rằm tháng bảy, mùa đông vào mồng một tháng mười.

Thành Hoàng xử kiện



Tương truyền bắt đầu từ triều Minh, thần Thành Hoàng trở thành vị Đại Tổng quản cai quản dương gian và cõi âm. Nếu người dân này sinh mối quan hệ thị phi không thể giải quyết được, phần lớn đều tìm thần Thành Hoàng để xin phán xét, điều này thể hiện tư tưởng "tà không thắng chính", "có tội khó thoát".

Bên cạnh Thành Hoàng có tám đại tướng, phán quan, đầu trâu, mặt ngựa, Hắc Bạch Vô Thường, thần Chung Cổ cùng Thập điện Diêm Vương, thập bát ti.



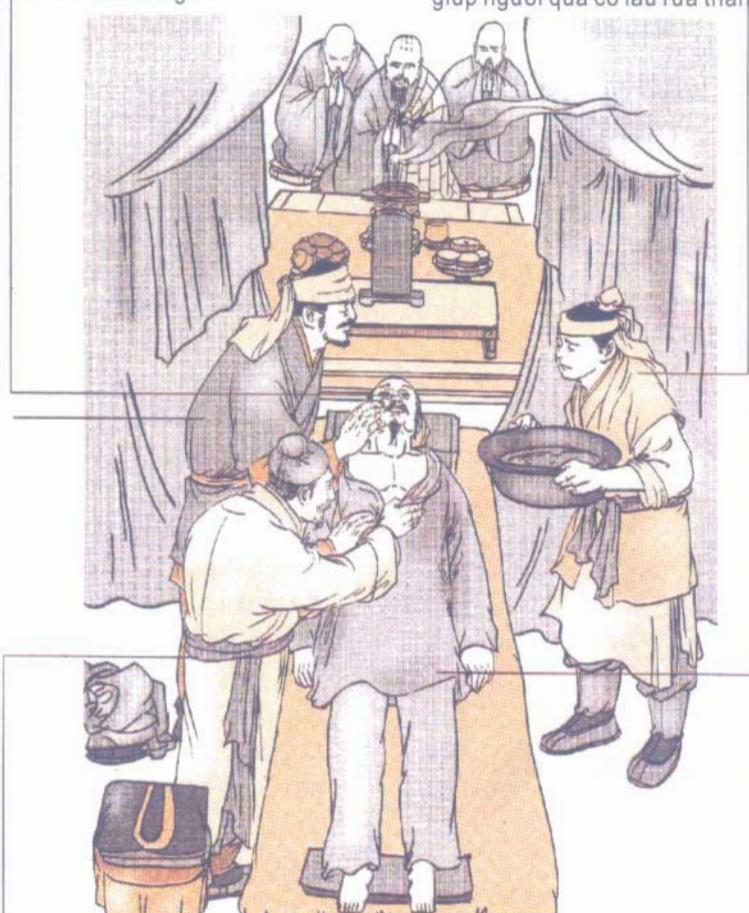


CHỈNH TRANG CHO NGƯỜI MẤT

Người nhà cần phải tắm gội, thay áo mới và chỉnh trang cho người quá cố, đây là một truyền thống rất lâu đời, nhằm mục đích giúp người chết lên đường được đàng hoàng. Đây cũng là một cách để chăm chút cho người đã chết.

Kiểm tra hơi thở

Người nhà đặt sợi xơ bông bên mũi người hấp hối để kiểm tra, nếu vẫn còn thở, thì xơ bông sẽ động đậy. Đến khi xơ bông không còn động đậy nữa, chứng tỏ họ đã ngưng thở, có thể cử hành tang lễ.



Phóng hàm

Phóng hàm, tức đặt một vật nào đó vào trong miệng người chết, thường là tiền xu, nhà giàu thời xưa thường dùng vàng hoặc ngọc.

Thay áo

Người nhà sẽ thay áo cho người quá cố. Do người chết thân thể cứng đờ, rất khó thay áo, nên về sau người ta thường thay áo và tắm gội ngay từ khi hấp hối.

Tắm gội

Một nghi thức nhằm vệ sinh thân thể cho người quá cố, bao gồm cả cắt móng tay móng chân, cạo râu, chải đầu. Nghi thức tắm gội thời xưa khá phức tạp, ngày nay người ta phần lớn chỉ giúp người quá cố lau rửa thân thể.

Tiến mài lộ

Đặt tiền giấy vào túi áo người quá cố, gọi là tiền mài lộ, tương truyền trên đường đến âm ty, mỗi khi qua sông, qua cầu đều phải dùng đến.

Nay đa số hiểu nhầm thành đi qua cầu qua sông nơi trần thế người nhà cũng ném tiền lẻ xuống sông.

Nước tắm gội cho người chết cũng khá đặc biệt, tức phải dùng nước dương chuyển hóa thành nước âm. Phương pháp là trước hết đốt tiền giấy, ngũ ý mua nước từ các âm hồn của cõi âm. Sau đó ném mấy đồng tiền xu xuống giếng hoặc xuống sông, rồi mới múc nước lên dùng.

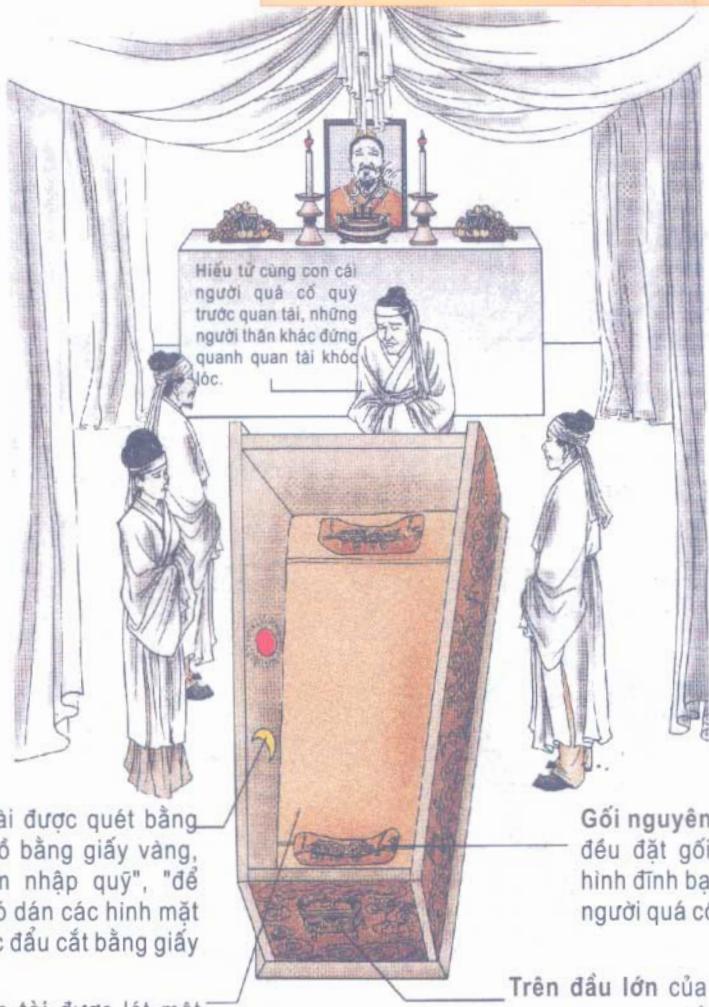




CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI LIỆM

Sau khi người thân qua đời, trước hết phải thực hiện nghi thức gọi hồn, nếu như người chết không sống lại, sẽ tiến hành liệm xác. Ý nghĩa của nghi thức này là người chết đã hoàn toàn cắt đứt với dương gian, từ biệt người thân lần cuối cùng, bởi vậy, nghi lễ liệm rất long trọng, có rất nhiều quy định phức tạp.

Quan tài chủ yếu được làm bằng gỗ, có hình hộp chữ nhật, trước cao sau thấp, trước rộng sau hẹp. Sau khi quan tài đã làm xong, thi đặt vào chỗ cố định không được di chuyển.



Mặt trong quan tài được quét bằng dầu thông hoặc hồ bắc giấy vàng, ngũ ý "hoàng kim nhập quý", "để phúc cháu con", có dán các hình mặt trời, mặt trăng, bắc đầu cắt bằng giấy vàng, giấy bạc.

Đáy quan tài được lót một lớp cỏ khô, trên hồ giấy. Sau đó trải lên một lớp giấy bẩn, rồi phủ lên trên cùng một lớp chăn bông.

Gối nguyên bảo Hai đầu quan tài đều đặt gối nguyên bảo (gối có hình đinh bạc), để đặt đầu và chân người quá cố lên trên.

Trên đầu lớn của quan tài vẽ hoa văn mây, đài sen, viết dòng chữ "Linh cữu (họ tên người chết)"; Đầu nhỏ của quan tài vẽ hình đinh hương hoặc nén hương.





GỌI HỒN

Sau khi linh hồn của người hấp hối đã lìa khỏi xác, người nhà cần tiến hành nghi thức chiêu hồn, nhằm mục đích gọi linh hồn người chết quay trở về, hy vọng họ được hồi sinh, thể hiện sự lưu luyến của người thân đối với người quá cố.



Khi người thân mới tắt thở, người ta thường cẩm áo của người chết, trèo lên nóc nhà, quay mặt về phương bắc gọi tên người chết.



Sau đó cuộn chiếc áo lại, ném xuống dưới nhà, để người đứng phía dưới đỡ lấy.



Đem áo trùm lên thân thể người chết.



Quan sát xem người chết có hơi thở và nhịp tim hay không, để xác nhận người chết đã đã chết thật hay chưa. Nếu người chết không có dấu hiệu hồi sinh, mới chính thức cử hành tang lễ.





QUÀN LINH CỨU

Theo tập tục của người xưa, ngoài trẻ vị thành niên cần phải lập tức chôn cất, thì người thành niên, đặc biệt là những cụ già sống thọ được chết bình yên trong nhà, thì linh cữu thường quàn trong nhà ít nhất ba ngày mới liệm xác, đây chính là tục quàn linh cữu.

Quàn linh cữu

Tỏ ý lưu luyến, mong người chết được hồi sinh.

Quan tài thường được quàn trong nhà hết tuần thất mới mai táng. Sau khi người thân qua đời, người nhà cần cử hành nghi thức cúng tuần thất, quàn linh cữu trong nhà, bày đạo tràng tụng kinh trong bảy bảy bốn mươi chín ngày. Đây là một phong tục chịu ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo giáo.



Người nhà

Tỏ vẻ đau khổ cùng cực, không dành lòng vĩnh biệt người thân.

Viếng

Quàn linh cữu còn là để thân bằng cố hữu gần xa có thời gian đến viếng.

Quan điểm của Phật giáo về quàn linh cữu

Sau khi qua đời, những người làm được rất nhiều việc thiện sẽ lập tức được vế trời; những người làm quá nhiều điều ác lập tức sa xuống địa ngục. Còn những người bình thường sẽ được đầu thai. Trạng thái của người quá cố từ khi chết đi cho đến trước khi được đầu thai được gọi là thân Trung ấm.



CHẾT

Phật giáo nhận định rằng, trong thời gian quàn linh cữu, người chết ở trong trạng thái thân Trung ấm, cảm nhận của thân Trung ấm là nhạy cảm hơn rất nhiều so với khi còn sống, nên người thân cần phải cầu pháp siêu độ, tăng cường nghiệp thiện cho người quá cố.

THÂN TRUNG ẤM



ĐẦU THAI

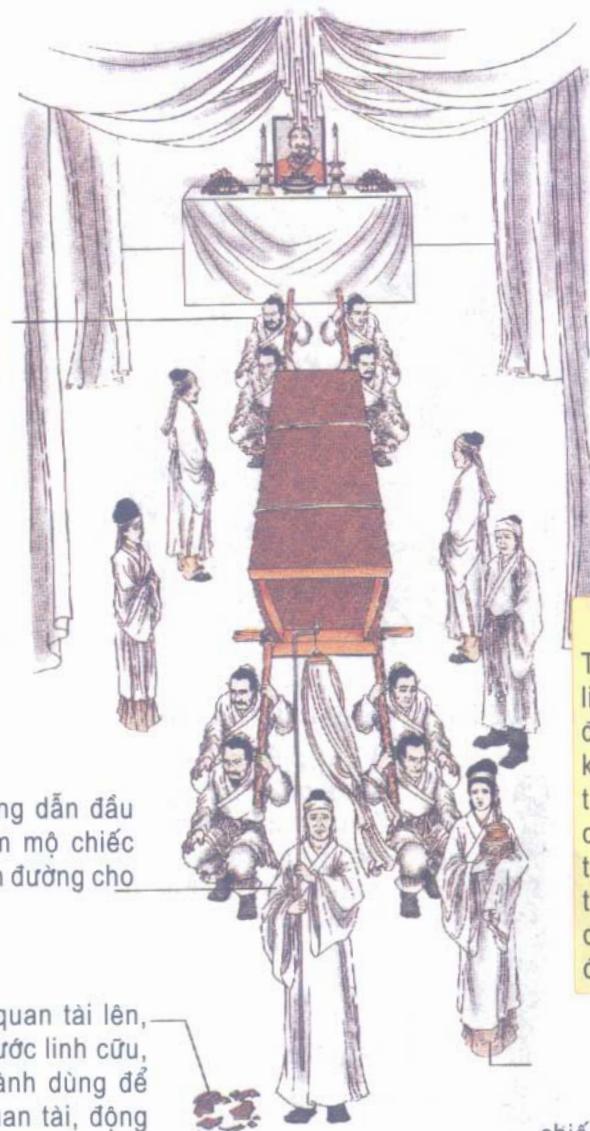
Thời gian tồn tại của thân Trung ấm thường là bốn mươi chín ngày. Bởi vậy, trong khoảng thời gian đó, nếu người thân mời được tăng ni đến lập đạo tràng siêu độ, sẽ giúp được người chết đầu thai về nơi tốt đẹp hơn.





KHỞI LINH

Sau khi thi thể đã nhập quan tài, cần phải chọn ngày hoàng đạo để an táng, gọi là đưa tang. Trong đó, thao tác khiêng quan tài ra khỏi cửa gọi là khởi linh, có rất nhiều quy định phức tạp.



Người khiêng quan tài

Những người phu khiêng quan tài sau khi nghe tiếng chửu vỡ, lập tức nhấc quan tài lên.

Phướn

Con trai trưởng dẫn đầu đám tang, tay cầm mõ chiếc phướn dùng để dẫn đường cho linh xa.

Đập chậu

Trước khi nhấc quan tài lên, con trai trưởng quỳ trước linh cữu, đập vỡ chiếc chậu sành dùng để đốt tiền giấy trước quan tài, động tác này thể hiện mối quan hệ thừa kế. Cần phải đập một lần duy nhất, vỡ càng vụn càng tốt.

Khởi tẫn

Trước khi tiến hành khởi linh, còn có một bước đệm gọi là khởi tẫn. Sau khi liệm xác vào quan tài, người ta thường chuyển linh cữu đến thêm phía tây, nên khởi tẫn nghĩa là chuyển quan tài trở về nhà chính để chuẩn bị đưa tang.

Ôm vò

Con dâu trưởng ôm chiếc vò "diệm thực", trong đó đựng phần cơm cúng sau cùng.



ĐƯA TANG

Sau nghi quỹ khởi linh, người ta khiêng quan tài đến nơi chôn cất, bắt đầu đưa đám. Đưa đám là một nghi lễ quan trọng trong tập tục tang ma, đoàn người đưa đám tuy không ồn ào náo nhiệt như rước dâu, nhưng cũng rất khí thế.

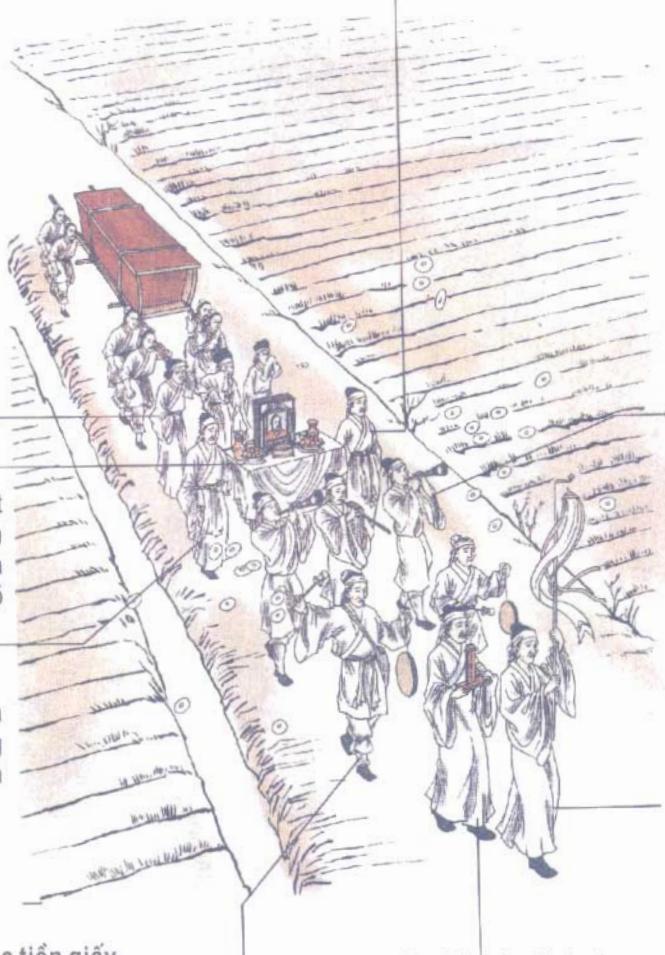
Đàn ông khóc

Đàn ông thân thích đi theo linh cữu, trên tay đều cầm gậy tang

Phụ nữ than khóc
Con gái, con dâu của người chết đi trước quan tài, khóc thật lớn tiếng. Nếu tiếng khóc không đủ lớn, sẽ bị coi là bất hiếu.

Linh sàng
Trên linh sàng đặt linh vị hoặc chân dung của người quá cố cùng các loại đồ dùng

Hát đưa vong
Nam giới trong nhà hát khúc đưa vong trong tiếng khóc than của phụ nữ.



Rắc tiền giấy
Gõ một tiếng thanh la thì tung một tờ tiền giấy, tiền giấy tức tiền mai lộ cho vong hồn ở cõi âm.

Trai thứ ôm linh vị
Con trai thứ ôm linh vị tạm bằng giấy

Cử nhạc
Đội kèn thổi khúc nhạc đưa đám bi thương.

Phướn
Con trai trưởng cầm phướn đi đầu đoàn người, dùng để dẫn đường cho vong hồn.



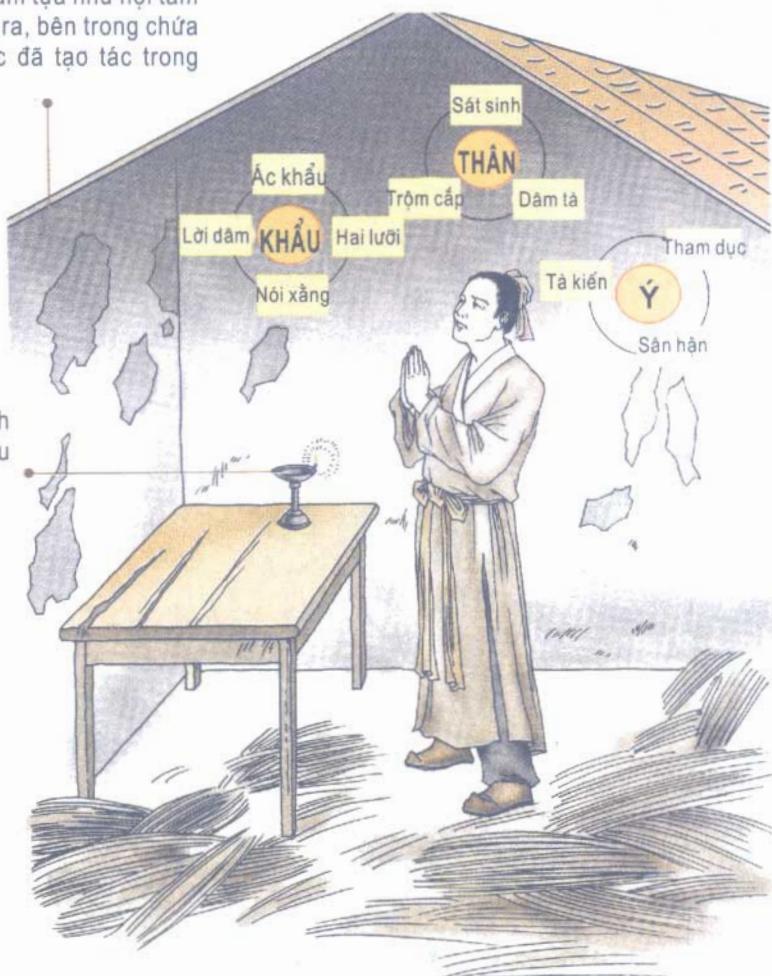


BÁI SÁM TRỪ NGHIỆP

Cần mời tăng ni đến cử hành nghi thức bái sám để tiêu trừ nghiệp chướng trong quá khứ của người quá cố để được đầu thai tốt hơn. Nghiệp chính là những sự việc mà con người đã làm ra, hành vi của con người gồm ba khía cạnh thân, khẩu, ý, tạo nghiệp thiện sẽ được quả thiện, tạo nghiệp ác sẽ gặp quả báo.

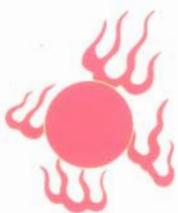
Căn phòng tối tăm tựa như nội tâm chưa từng được nhận ra, bên trong chứa đầy những nghiệp ác đã tạo tác trong một đời người.

Ngọn đèn chính
là cái tâm sám hối cầu
xin tha thứ.



Màn đêm của nghiệp ác dần dùng ngọn đèn sám hối mới có thể nhận thức và nhìn rõ, như vậy sẽ đến được cảnh giới bất khả tư nghị, nghiệp chướng sẽ được tiêu trừ.





LÀM CÔNG ĐỨC SIÊU ĐỘ CHO NGƯỜI MẤT

Vào thời cổ đại, việc mời tăng ni đến tụng kinh siêu độ cho người quá khứ được gọi là làm công đức, thao tác này có thể giúp vong hồn người chết sớm được giải thoát khỏi nỗi đau khổ trong chốn u minh. Làm công đức cũng phải tuân theo trình tự nhất định.

Chồng tháp

Treo tháp tiền giấy giữa nhà, hoà thượng tụng kinh để mời các lộ thần tiên đến, sau đó, cầm phướn, dẫn hiếu tử đốt tháp rồi lên đường.

Qua cầu

Xếp ghế làm cầu, hoà thượng dẫn đường phía trước, hiếu tử cầm lư hương đi theo phía sau.

Quy tiến

Hiếu tử quỳ trên mặt đất, đốt áo giấy, tiền giấy, để người chết có đồ dùng tại cõi âm.



Đồ cúng

Trên linh sàng treo tranh Quan Âm, Thập điện Diêm Vương và mười tám tầng địa ngục.

Ca khúc

Trong quá trình làm công đức, hoà thượng sẽ hát các khúc ca "Mời tiên" (Thỉnh tiên khúc) và "Dẫn dắt vong hồn" (Dẫn hồn khúc).

Tắm gội

Quây chiếu cõi mới xung quanh chậu tắm đựng đầy nước sạch, hoà thượng cầm phướn gọi hồn đặt vào trong chiếu, vừa lắc chuông vừa tụng kinh, để tắm gội thay quần áo cho người chết, chuẩn bị lên đường.





NGHỊ THỨC LUYỆN ĐỘ

Đạo giáo nhận định rằng siêu độ có thể giúp vong hồn thoát khỏi trั̂m luân, tiêu trừ nghiệp chướng để lên được thiên giới, bởi vậy nghi thức luyện độ cho đến nay vẫn là một pháp sự độ vong thường gặp trong nghi lễ Đạo giáo.

Bước 1: Kính thần

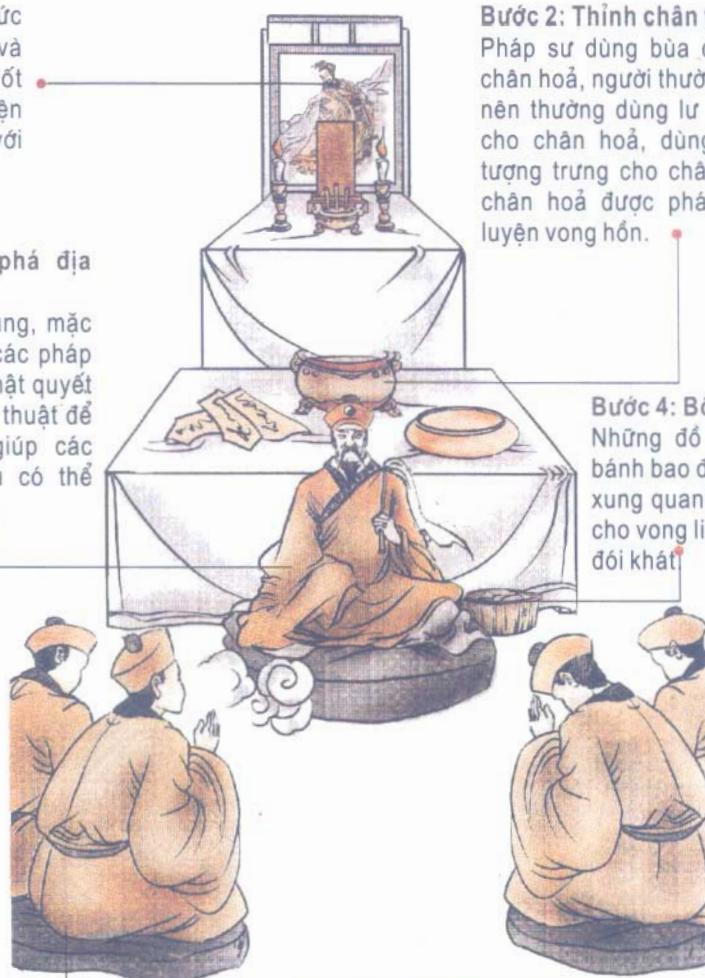
Khi bắt đầu nghi thức luyện độ, pháp sư và đạo chúng phải đốt hương tế đàn, thể hiện niềm tôn kính đối với thần linh.

Bước 3: Pháp sư phá địa ngục

Pháp sư luyện nội cung, mặc tưởng, sau đó dùng các pháp thuật như thần chú, mật quyết để hỗ trợ, dùng pháp thuật để phá vỡ địa ngục, giúp các vong hồn bị cầm tù có thể thoát khỏi địa ngục.

Bước 2: Thỉnh chân thuỷ chân hoả

Pháp sư dùng bùa để thỉnh chân thuỷ chân hoả, người thường không nhìn thấy, nên thường dùng lư hương tượng trưng cho chân hoả, dùng chén đựng nước tượng trưng cho chân thuỷ. Chân thuỷ, chân hoả được pháp sư dùng để nội luyện vong hồn.



Bước 5: Giải oan hồn

Pháp sư và đạo chúng tụng kinh để giải trừ các oán nghiệp lúc sinh tiền của vong hồn, giúp vong hồn sớm được lên trời.

Bước 4: Bổ thí đồ ăn

Những đồ ăn như cháo gạo, bánh bao được pháp sư ném ra xung quanh tượng trưng bổ thí cho vong linh, giúp họ qua khỏi đói khát.

Sau khi làm phép luyện độ, vong hồn sẽ có được cuộc sống mới, khi kết thúc, pháp sư và các đạo sĩ cần bái thần tôn, cảm tạ sự giúp đỡ của thần linh, tổng tiền các vị thần về nơi cư trú, kết thúc nghi thức luyện độ. Trong một số chùa miền Bắc, đây là hình thức cúng Triệu linh - Mở bát phá ngục.





NGHI THỨC QUA CẦU

Dụng ý của nghi thức này là mượn chiếc cầu để giúp vong hồn vượt qua chướng ngại, đến được tiên giới.

Bước 5: An vị

Khi kết thúc nghi lễ, cần tiến vong hồn về trên linh sàng.

Bước 1: Thỉnh linh

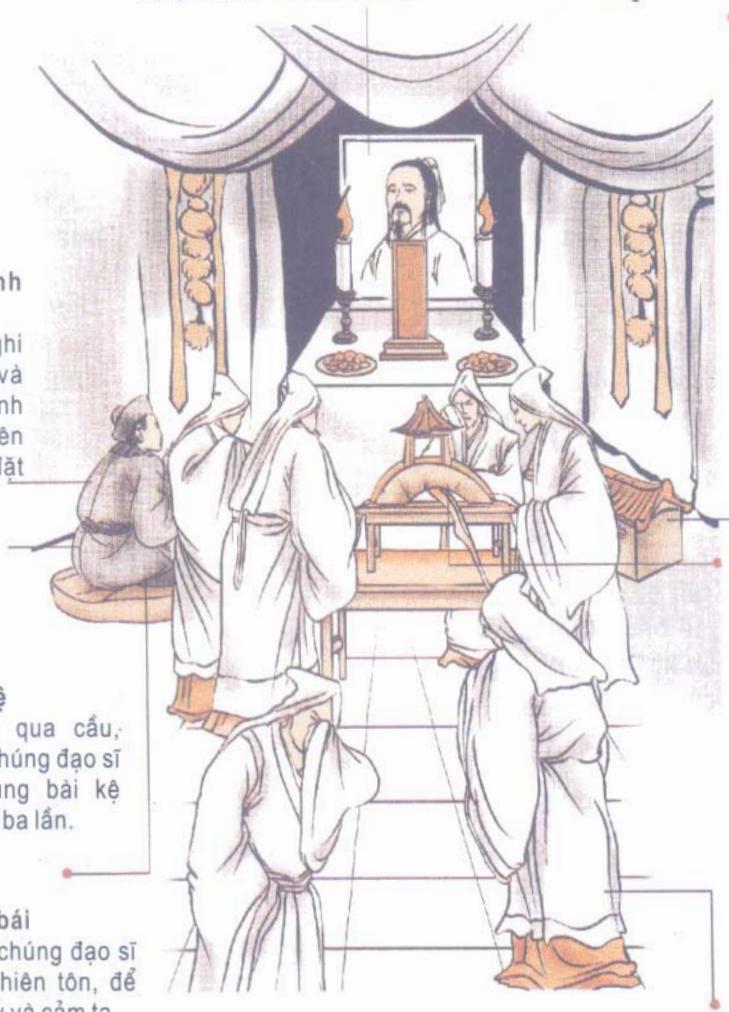
Khi bắt đầu nghi lễ, pháp sư và đạo sĩ cần thỉnh vong hồn từ trên linh sàng nơi đặt bài vị.

Pháp sư đọc kệ

Khi vong hồn qua cầu, pháp sư cùng chúng đạo sĩ đồng thanh tụng bài kệ qua cầu, lặp lại ba lần.

Bước 4: Triều bái

Pháp sư cùng chúng đạo sĩ bái tạ các vị thiên tôn, để thể hiện ý quy y và cảm tạ.



Bước 2: Tắm gội

Dùng nước sạch để tắm gội cho vong linh, gội rửa các bụi bẩn tội lỗi. Đôi khi người ta đặt "phòng tắm" ở bên cạnh linh sàng.

Bước 3: Qua cầu

Được sự dẫn dắt của thiên tôn, vong hồn đi qua cây cầu pháp để đến cõi tiên.

Người thân đứng hầu vong linh

Người thân của vong linh cầm dải vải trắng xuyên qua cầu pháp, đứng hầu vong linh.





BÙA HỘ THÂN
GIÚP NGƯỜI MẤT TÁI SINH
THEO QUAN NIỆM CỦA NGƯỜI AI CẬP

Người Ai Cập có một số loại bùa hộ thân có liên quan đến sự tái sinh của vong hồn. Những lá bùa hộ thân này đã được quan Tư tế đặt ở xung quanh xác ướp trước khi hạ táng, chúng sẽ đem lại những tác dụng to lớn khi vong hồn tái sinh.

DJED PILLAR



Người ta cho rằng Djed pillar là cột sống của Osiris, loại bùa này được đặt trong các lớp vải quấn xác ướp, có khả năng khiến thể xác của người chết đứng thẳng dậy.

ĐAI THẦN ANKH



Đai thần Ankh tượng trưng cho bộ phận sinh dục của nữ thần Ixis, tấm bùa này sẽ giúp vong linh khôi phục được khả năng tình dục sau khi được tái sinh.

GỐI

Chiếc gối đã được thầy Tư tế phù咒 sẽ bảo hộ phần đầu của vong hồn không bị những tà ma âm giới chém xuống.



Đây là bức phù điêu trang trí có hình Djed pillar và Ankh. Djed pillar được khảm bởi các loại ngọc quý, còn Ankh được tạc từ một viên đá đỏ. Ở giữa là hình con bọ cánh cứng khepra, ba thứ này được khảm lên trên một tấm vàng có hình một căn phòng.

Ngoài ba loại bùa hộ thân trong trang trước, một số sách cổ cũng mô tả về các loại bùa hộ thân khác, tác dụng của chúng không phải là hỗ trợ cho quá trình tái sinh của xác chết, mà nhằm bảo vệ cho vong hồn được bình yên tại thế giới bên kia.

CHIM ƯNG VÀNG



Tấm bùa này có hình con chim ưng đang xoè cánh, được đeo trên cổ xác chết, như vậy vong hồn có được sự che chở của nữ thần Ixis, để vượt qua vùng đầm lầy của xứ u minh.

Nữ thần Ixis

Nữ thần Ixis là mẹ của thần đầu ưng Horus, nếu người chết mang theo tấm bùa hộ thân hình chim ưng cánh vàng, thì vong hồn và thể xác của người chết sẽ được nữ thần Ixis che chở tựa như người mẹ bảo bọc con cái.



QUYỀN TRƯỢNG VÀNG

Kinh sách viết rằng quyền trượng vàng cần được đặt ở phần cổ xác ướp, đây là một điều rất khó hiểu, có lẽ là nên đặt bên cạnh xác ướp thì đúng hơn.



HUY CHƯƠNG CHIM ƯNG VÀNG

Có hình chim ưng vàng, được đặt trước ngực xác ướp, như vậy vong hồn người chết sẽ nhận được sự bảo vệ của nữ thần Ixis.





PHẦN 8.
LUẬN CÁCH CỤC





BÀN VỀ TIỀN TÍCH TỔ MỘ

Tiền tích ở đây chỉ dấu tích địa lý mà các bậc Tiên hiền đi trước để lại. Những người học thuật Phong thủy tuy có nhiều kiến thức trên sách vở nhưng lại có ít kinh nghiệm thực tế. Những người này cần cố gắng tranh thủ thời gian, đích thân lên núi tìm kiếm tiền tích thì mới biết hình thế nào của Long mạch, Sa thủ, Huyệt trường, đường nước là tốt và nên chọn, hình thế nào là không tốt và không nên chọn cũng như các hình thế đó sẽ phát huy tác dụng như thế nào trong thực tế. Bên cạnh đó, những người học Phong thủy cũng cần nghiên cứu chuyên sâu bằng tất cả nhiệt huyết, trái tim của mình thì mới mong chạm tới được những tinh hoa của nghệ thuật này. Càng xem nhiều nguyên nhân dẫn tới sự sinh họa hay phát phúc thì lại càng quen thuộc, thành thục và tinh thông hơn. Đây cũng chính là lời khuyên của Dương Quân Tùng dành cho những người đi sau: Nên cố gắng tìm kiếm thật nhiều bởi những điều nhìn thấy luôn chính xác, chân thực và đáng tin cậy hơn những điều nghe thấy. Việc này thậm chí còn hữu ích hơn so với việc nghiên ngâm hàng nghìn bản "tầm long" khác.

Tìm kiếm tiền tích, tìm được phần mộ cổ tạo nên sự phát phúc cho con cháu, biết được Long mạch, huyệt tình, hộ sa, đường nước và Minh Đường nên hối hợp với nhau như thế nào thì sẽ đạt được hiệu quả tốt nhất. Khi khai huyệt, chứng huyệt cũng cần xem xét cách cục một cách kỹ càng, tỉ mỉ. Với những huyệt mộ gây họa, cần tìm hiểu để xem huyệt tình thất độ ở điểm nào, các yếu tố khác phối hợp với nhau ra sau dẫn đến hậu quả là huyệt mộ vừa không tàng phong lại vừa không tụ khí, khiến nước trong Đường cứ chảy nghiêng ra bên ngoài. Khi tìm hiểu kỹ càng như vậy, sự vô tình hay hữu tình của các yếu tố trong Huyệt trường sẽ trở nên rõ ràng như bày ra trước mắt và người xem sẽ biết ngay là có nên chọn kết huyệt ở nơi đó hay không. Không nên chỉ nghe những người khác mô tả hay nói lại một cách chung chung, khái quát mà cần đích thân đến tận nơi để quan sát, tìm hiểu kỹ càng, tin vào những điều tận mắt mình nhìn thấy thì việc tìm kiếm mới thật sự hiệu quả, thu hoạch được nhiều điều bổ ích. Những điều nghe thấy từ người khác chưa hẳn đã là sự thật, chỉ những điều mình tận mắt chứng kiến mới là căn cứ xác thực, đáng tin cậy nhất. Đây núi hùng dũng, đá thô và to, đường nước chảy nhanh và xiết, khí tan chữ không tụ thường sẽ có chân long. Long Hổ cùng ôm vòng; núi nhỏ hộ vệ, Án sơn và huyệt trường cùng nhau tạo thành hình thế đưa tiễn và tiếp đón. Đây chính là nơi đất tốt, là cách cục toàn mỹ, tất sẽ sản sinh ra những



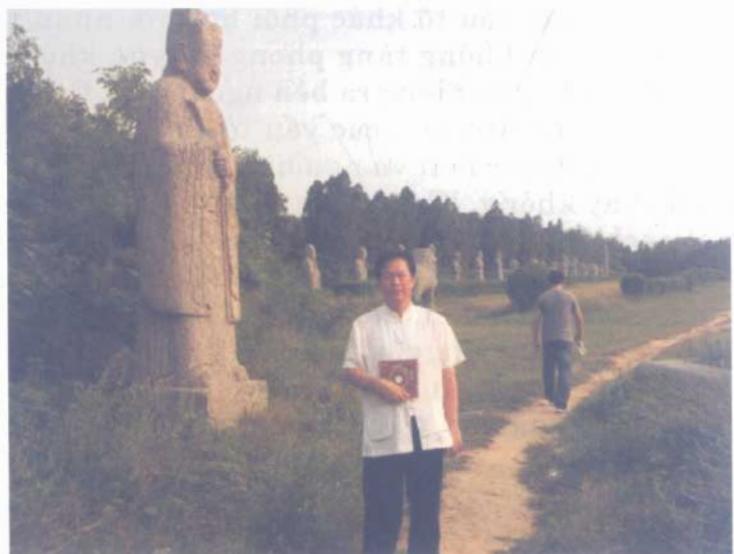
người hiền tài để phò tá, phụ giúp Minh chủ.

Hát hình hô tường là tên gọi của dạng núi và đường nước có sự phối hợp, tương trợ lẫn nhau, sau đó mới là Chân hình Chân cách. Xét về mặt câu chữ, cái thật của hình thế không bị mất đi. Hình thế núi và nước có sự hoàn hảo, tốt đẹp. Nếu nhìn địa thế bằng mắt thường, ta sẽ thấy tất cả những sự tốt đẹp như đang bày ra trước mắt, cho thấy sơn thủy rất hữu tình. Ngược lại, nếu hình thế núi và nước không có sự hoàn hảo, tốt đẹp thì huyệt trưởng thường vô tình, khiến ta khó xem được cách cục.

Nơi được coi là chân long, có thể kết huyệt thường phải có hình thế đẹp, khả quan. Tuy nhiên, mộ tổ của những nhà quyền quý thường được đặt tại những nơi hấp thu được chính khí của núi sông. Núi và nước tốt đẹp, ổn định, núi nhỏ ở bên phải và bên trái đều có xu hướng cong vòng, bao bọc huyệt mộ. Hình thế này hoàn toàn khác với hình thế của những huyệt mộ khác.

Sự xuất hiện của Long mạch, cát thìn của Hậu long, Triều sơn thường ở một vài đoạn nào đó. Thời điểm tốt hay xấu của Hình thế thường được lấy căn cứ là các con số hoặc chẵn hoặc lẻ. Các con số khác nhau nên dẫn đến sự hưng vượng hay thất bại khác nhau. Theo cách tính từng bước một, ta biết được năm nào sẽ vượng, giờ nào sẽ suy. Cách tính này thường cho kết quả ngay lập tức. Thời đoạn có thể dài hoặc ngắn, xa hoặc gần. Sự phúc họa, sang hèn của người đời sau đều ít nhiều chịu ảnh hưởng từ phần mộ của tổ tiên. Vì vậy mới có câu khuyên rằng việc quan sát kỹ Long mạch của phần mộ sẽ hữu ích hơn việc chỉ ngồi nhà đọc sách nghiên cứu.

Núi nào có hình thế đẹp, núi nào có dạng hình vuông hoặc dạng hình tròn, dáng núi nghiêng hay thẳng, tốt xấu ra sao,... đều sẽ ảnh hưởng đến sự hữu tình hay vô tình của huyệt mộ hay sự thành bại của việc xuất quân chinh phạt kẻ thù. Nếu núi ở các phương vị Tí, Sửu, Mão, Dậu thì người sinh ra gặp phúc hay gặp họa, vận đào hoa ra sao, cuộc sống khó khăn hay nhàn hạ,... đều có thể nhìn qua là đoán biết được ngay.



Khảo sát lăng triều Tống tại Hà Nam, Trung Quốc

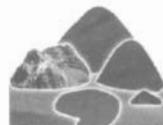
Núi và nước thường có cả hình thế tốt và hình thế xấu. Tuy nhiên, sự ứng nghiệm của hình thế xấu của nước thường có thể thấy ngay lập tức trong khi sự ứng nghiệm của hình thế xấu của núi lại chậm hơn nhiều lần. Núi thường ở trong trạng thái tĩnh còn nước lại luôn ở trong trạng thái động. Đây cũng chính là quy luật động tĩnh của Âm dương bất địch.

Sự tốt hay xấu, điềm họa hay điềm phúc của phần mộ trên núi cao đều có sự ứng nghiệm của hình sông thế núi. Trên phương diện này, thiên tích của cổ nhân có thể chứng minh rất rõ ràng. Núi có hình dạng thô kệch, xấu xí và ác, lại chầu từ phía trước mặt thì tất sẽ nhanh chóng sinh ra điềm họa. Nếu đường nước chảy nhanh và xiết nhưng khi đứng trên huyệt không nhìn thấy được thì việc họa thường đến chậm hơn. Bên cạnh đó, tuy có được Long mạch tốt nhưng nếu tính toán không chuẩn xác, không có được Chính huyệt hoặc gấp Thiên tinh phá long, hoặc nước bị thất thoát ra bên ngoài, thoát khí hoặc khi chôn cất không tính toán đúng độ nông sâu của quan tài trong huyệt hoặc khi chôn cất gấp nhiều điểm xấu thì sao có thể phát phúc gặp may?

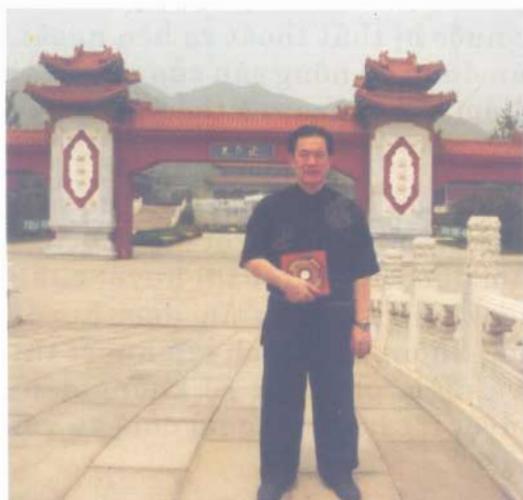
Trời sinh người, đất sinh huyệt. Sự giao hòa của trời đất sẽ tạo nên những thế hệ sau. Nếu con người không được sinh ra thì huyệt mộ dưới đất sâu sẽ dùng làm gì? Nếu không có người tìm được huyệt tốt thì huyệt cũng ẩn chứ không hiện và có thể bị mất dần theo thời gian. Nếu tìm được huyệt tốt nhưng không có sự chỉ bảo của thầy giỏi, không biết cách lập huyệt thì huyệt đó cũng không thể sử dụng được và điềm phúc tất sẽ không đến. Trong trường hợp đó, tốt nhất là nên để huyệt tốt lại cho người đời sau với phúc phần và duyên may tốt hơn thụ hưởng.



Khảo sát tại Laixi, Trung Quốc



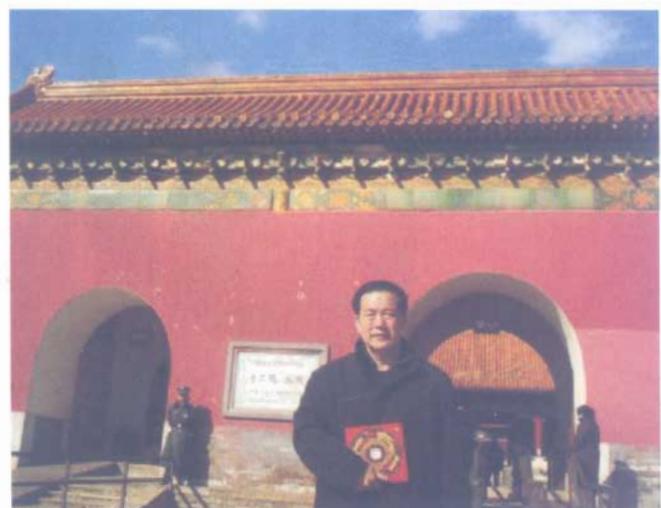
Theo Dương Quân Tùng, nhà phong thủy cần thường xuyên khảo sát tiên tích cổ mộ, xem những hình thế mà người xưa lựa chọn đã phát huy tác dụng thế nào trong thực tế. Việc tìm kiếm thực tế này luôn chính xác, chân thực và đáng tin cậy hơn là chỉ xem lý thuyết.



*Khảo sát Vườn Thiên Thọ,
Bắc Kinh*



Tham quan, khảo sát đền Hoàng Đế



Khảo sát 13 lăng đời Minh



BÀN VỀ HẬU LONG

Lý thuyết về những điều tinh diệu thường rất khó nắm bắt. Muốn hiểu được chúng, cần có sự chuyên tâm nghiên cứu, tìm tòi cẩn như phải tham khảo ý kiến của những người đi trước, nhất thiết không được chỉ khăng khăng bảo thủ với những kiến giải của mình.

Khi tham khảo về sự ứng nghiệm cát hung của phần mỏ tổ tiên cũng như sự tiềm ẩn của huyệt tình từ những người khác, chúng ta đều cần nghiên cứu, khảo sát thật kỹ càng, tỉ mỉ. Nếu chỉ tiến hành khảo cứu sơ qua ở những bước đầu thì thất bại là một kết cục khó mà tránh khỏi. Vì vậy, cần xem xét kỹ càng sự cát hung lành dữ của Long mạch đến từ phía sau để nhận biết được sự sang hèn. Đây là cách làm có căn cứ và hợp lý hơn cả.

Tam cát: Xét theo tinh thần thì hình của Cửu tinh chính là Tham Lang Mộc tinh. Xét hình dạng của Cự Môn Thổ tinh và Vũ khúc Tam tinh thì nhọn, tròn và vuông chính là Tam cát. Nếu Hậu long có hình dạng như vậy thì gia chủ sẽ phát phúc nhanh chóng và lâu dài. Các đường nước tụ lại ở phía trong đường. Nước trong các ao hồ sông ngòi thường có dạng hình tròn, chảy tụ lại. Đây cũng chính là Tam cát, cho thấy gia chủ sẽ nhanh chóng phát tài. Xem Long mạch đến từ phía sau, xem Tam cát tinh thần châu phia trước có hướng như thế nào bằng cách đếm số bước chân tiến hay lùi tính từ phía trước huyệt, người xem sẽ biết mình nên tiến tới hay lui lại chờ thời. Nếu gặp được Cát tinh, tất sẽ có phát phúc. Nếu gặp được đường nước tạo thành dạng Tam cát, tất sẽ được phát tài trong tương lai không xa. Số bước chân đi để gặp đúng nơi đường nước ngưng tụ thành Tam cát sẽ bằng đúng số năm phải chờ đợi để được phát tài phát lộc. Đây là điều vô cùng tốt đẹp. Vì vậy, gặp đường nước chảy xiết chưa hẳn đã là điều dữ.

Đếm số bước tiến lên phía trước từ huyệt và lượng nước, tiến từng bước một lên phía trước, vừa tiến vừa dự báo về lượng nước ở trong Đường. Việc làm này chỉ sự phát tài trong tương lai. Nếu bước lùi là để kiểm tra độ dài của Long mạch, tính từ trung tâm của huyệt. Cứ lùi dần từng bước như vậy, mỗi bước lùi tương ứng với 3 năm; 10 bước lùi được tính bằng cả cuộc đời. Đếm số bước cho đến khi gặp Cát tinh thì dừng lại, số bước đó cũng chính là số năm cần tiếp tục chờ đợi để được phát phúc hưởng lộc.

Qua việc đếm số bước tiến và lùi, ta có thể biết tốc độ phát phúc nhanh



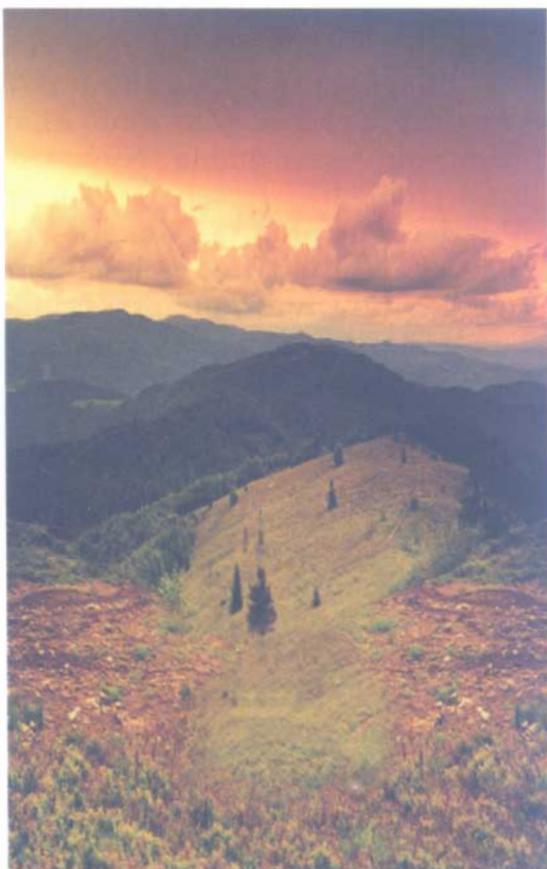
hay chậm. Bên cạnh đó, cần quan sát kỹ sự tụ hội của Long khí, đường chảy của nước ở bên cạnh các núi nhỏ. Nói tóm lại, Long mạch, huyệt mỗ, các núi nhỏ ở bên cạnh huyệt và đường nước chảy xung quanh đều là các yếu tố giúp xem xét, suy đoán họa phúc của người đời sau. Nếu xét riêng về Long mạch thì việc xem xét Long mạch đến từ phía sau sẽ cho kết quả dự báo chuẩn xác, đáng tin cậy nhất.

Điểm xui rủi: Chỉ bên trong Minh Đường hoặc trong Cách cục có núi dữ hoặc nước dữ. Bên cạnh Thủy khẩu có núi cao trấn giữ, gió thổi thốc thẳng vào Huyệt đường, nước chảy xộc thẳng vào Minh Đường, phần chân núi xòe rộng như những móng vuốt sắc nhọn, núi có hình thế thô, ác và áp sát vào huyệt là những hình thế thuộc dạng hung tướng của núi và nước. Khi biết được hung tướng của núi và nước ở hướng nào, ta biết chắc rằng tai họa cũng sẽ từ hướng đó, vào đúng ngày tháng đó mà đến.

Tam hợp chỉ: Dần, Ngọ, Tuất hợp với Hỏa; Thân, Tý, Thìn hợp với Thủy; Hợi, Mão, Mùi hợp với Mộc; Ty, Dậu, Sửu hợp với Kim. Tứ xung nghĩa là Tý, Ngọ, Mão, Dậu xung khắc với nhau; Thìn, Tuất, Sửu, Mùi xung khắc với nhau; Dần, Thân, Ty, Hợi xung khắc với nhau. Đây cũng chính là Tam hợp và Tứ xung của Địa chi. Nếu xét theo Thiên can thì Tam hợp là: Càn, Giáp, Đinh; Khôn, Nhâm, Ất; Tốn, Canh, Quý; Cấn, Bính, Tân và Tứ xung là: Giáp, Canh, Bính, Nhâm; Ất, Tân, Đinh, Quý; Càn, Tốn, Khôn, Cấn.

Gặp được núi tốt nước tốt tất sẽ phát phúc lâu dài; ngược lại, nếu gặp núi dữ, nước dữ thì chắc chắn sẽ nảy sinh tai họa.

Núi lớn mà nước nhỏ, núi và nước không cân đối thì Minh Đường phải rộng rãi và bằng phẳng thì cái nhỏ bé của đường nước mới không hiển hiện ra bên ngoài. Ngược lại, nếu nước lớn mà núi nhỏ thì phải nhờ vào công đức cao dày của tổ tiên mới mong bù đắp và làm cho thế nước, thế núi cân bằng trở lại.



LÂU DÀI TỐN THỦ Y CỤC

Những đỉnh núi thường nối liền với nhau, khi nhô lên cao, khi lại thụt xuống thấp. Đất bằng nối với nhau liền một dải và cũng có chỗ nhô lên, chỗ lại thụt xuống thấp. Những nơi núi đá lô nhô, lúp xúp, nối với nhau liền thành một dải thường là nơi kết huyệt và tất sẽ xuất hiện nhiều dấu tích kỳ lạ.

Những đường nước chảy ở phía trước Minh Đường uốn khúc, quanh co, ôm vòng và nối tiếp nhau, tạo nên khung cảnh của sự quyền luyến, hữu tình. Khi có đường nước như vậy, Thủy khẩu ở trên núi cao cũng phải trùng trùng giao tòa thì sự phát phúc mới được lâu dài. Bên cạnh đó, đường nước cũng phải ôm vòng, bao bọc lấy phần miệng, tạo nên khung cảnh hữu tình.

Khi xem Thủy cục, phải quan sát xem hai bên bờ có sự đan xen, khép chặt với nhau để giữ được Nội khí hay không. Dù các đường nước có uốn lượn, cong vòng và hữu tình nhưng Thủy khẩu lại không có yếu tố gì trấn giữ, đường nước đến dài hơn đường nước đi khiến khí không thể tụ, Thủy khí thoát hết ra ngoài. Vì vậy, ở Thủy khẩu cần có núi trấn giữ, khóa từ lớp trong ra đến lớp ngoài thì kết huyệt mới thật sự bền vững, ổn định.

Bốn phía xung quanh huyệt đều có núi non trùng điệp, hết lớp này đến lớp khác nối nhau không dứt thì tự nhiên sẽ gặp được nhiều cát lợi. Các núi bên ngoài nối tiếp, đan xen với nhau không dứt (bên ngoài và bên trong cục đều có nhiều Nô Sa) sẽ bổ trợ được nếu núi nhỏ hộ vệ ở bên trong thấp, nhỏ. Các núi ở bên trong và bên ngoài cục nối nhau trùng trùng điệp điệp, lớp này đan xen với lớp khác khiến khí hội tụ hoàn toàn, kết huyệt sẽ gặp rất nhiều thuận lợi, tốt đẹp.

Bên ngoài Long thủy lại có thêm nhiều đường nước chảy đan xen, ôm vòng với nhau và khép kín thì sự phát phúc lại càng bền vững và lâu dài.

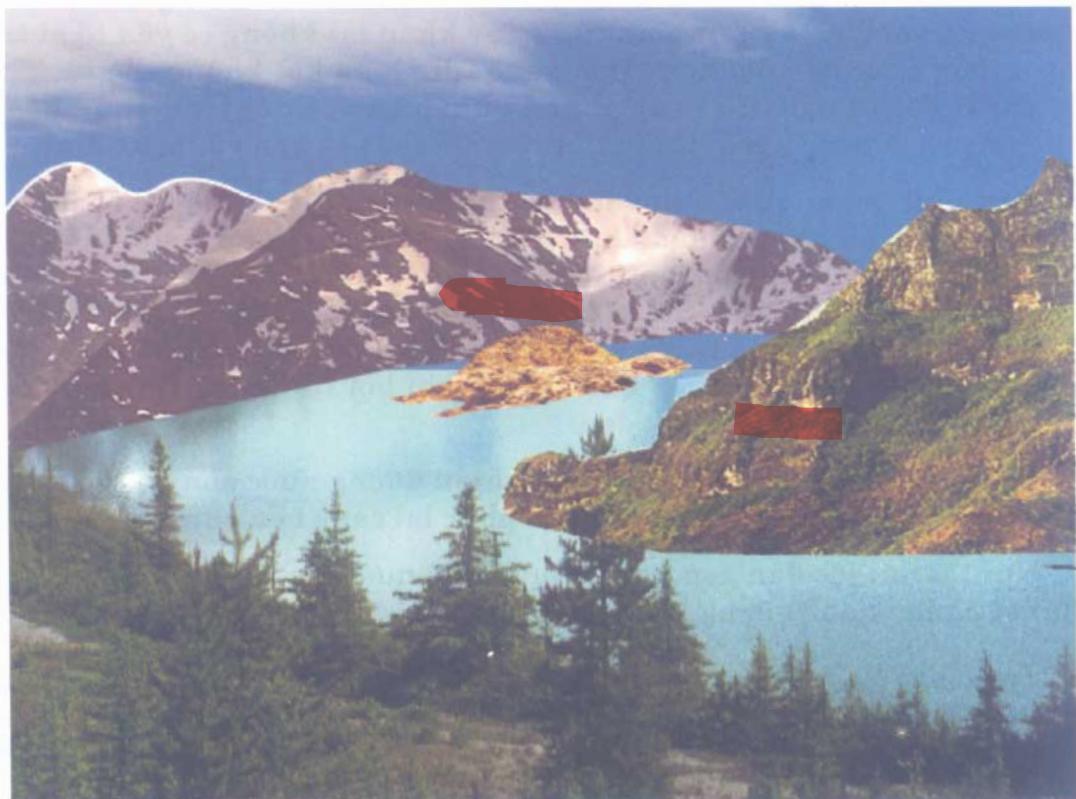
Núi tài núi lộc đan xen, lại thêm đường nước ôm vòng thì tốc độ phát phúc sẽ càng nhanh chóng, thuận lợi hơn.

Triều sơn và Án sơn rộng rãi, Đường cục rộng và bằng phẳng, núi non bao vây cả bốn phía khiến không gian như khép kín lại, không có một chỗ trống, chỉ thấy các đường nước đang cuồn cuộn đổ lại từ phía xa. Đây là điểm tốt cho Đường cục, cho thấy đây là nơi đất tốt, có thể phát phúc lâu dài.



Nếu bên cạnh Âm trạch và Dương trạch có rừng rậm với bóng râm dày đặc thì đây là dấu hiệu tượng trưng cho sự hưng vượng. Nếu cây cối khô héo, úa vàng, rừng cây không còn sức sống thì đây là dấu hiệu cho thấy tài lực của gia chủ đang trong lúc suy vong. Đất bằng lấy núi đá làm xương cốt, đất làm thịt, đường nước làm mạch máu, cây cối làm lông tóc. Nếu xương cốt thịnh thì Long khí vượng. Từ sự quan sát bề ngoài có thể suy đoán ra tình trạng bên trong một cách tương đối chuẩn xác và rõ ràng.

Thiên quan hay còn gọi là Thiên môn, chỉ Thủy khẩu đến (nơi đường nước đến). Địa trực hay còn gọi là Địa hộ, chỉ Thủy khẩu đi (nơi đường nước đi). Nếu tại Thiên quan có kỳ sơn (núi lạ) hay kỳ thạch (đá lạ), Địa trực có dấu vết của phiến đá lớn chèn ngang thì gia chủ sẽ sớm được phát phúc. Ngược lại, nếu những dấu hiệu này đều ở phía xa thì sự phát phúc sẽ chậm hơn nhiều lần. Thiên môn có thể ngăn chặn sự xâm nhập của các yếu tố bên ngoài nên sẽ khiến Ngoại khí không xâm nhập được vào Nội khí. Địa hộ lại có khả năng làm chậm tốc độ của đường nước chảy đi, chuyển cho dòng nước hướng về phía Đường nên tự nhiên sẽ làm khí vượng, giúp gia chủ có được phú quý lâu dài. Kỳ sơn kỳ thạch lắp kín Thủy khẩu, Thiên môn có sự đóng khép, Địa hộ tự sẽ chuyển trực.





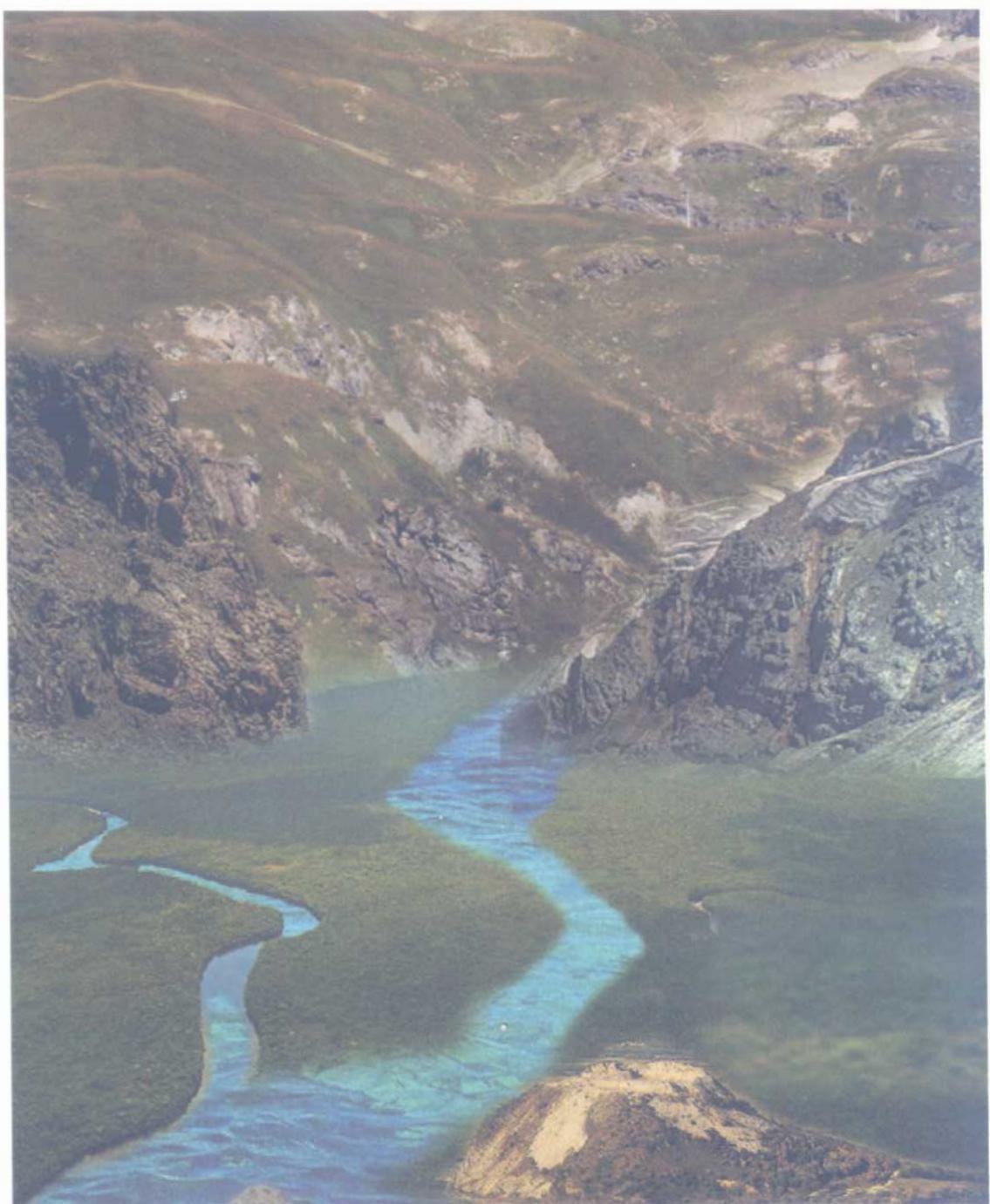
HÌNH KÝ CỦA SƠN

Trâu kỵ: Chỉ trâu đất hay chính là huyệt mộ. Huyệt mộ không nên có đường nước chảy thẳng và xuyên ngang qua giống như sợi dây thừng xỏ qua mũi trâu vậy. Môi ở phía trước huyệt nhỏ, xuyên thẳng vào giống như một sợi dây thừng, chủ mất mát, thụt lùi và thất bại. Nếu điểm tiếp giáp này ở trên sừng trâu, thoái áp và khiến cho ruộng đất bị bỏ phế, đất ở mũi trâu sẽ dẫn đến những chuyện kiện tụng chốn quan trường. Nếu đất ở mặt trâu thì cần đề phòng sẽ bị xử phạt nghiêm khắc. Nếu huyệt trường không tốt thì con người không thể phát phúc, cần đề phòng phạm vào những điều xấu như trên.



Hổ kỵ: Chỉ núi nhỏ hộ vệ ở hai bên của huyệt. Nếu đường nước đâm thẳng vào Long Sa thì cũng có nghĩa Long huyệt đã bị đường nước đâm thẳng vào. Điều này tương ứng với việc Long mạch bị một mũi tên bắn lén từ phía xa đâm thẳng vào phần lưng, khiến sinh khí bị xung tán. Vì vậy, khi lựa chọn Long mạch, cần quan sát kỹ càng đường nước chảy ở phía trước và phía sau. Nếu phía trước huyệt có đường nước chảy xộc thẳng thì Nội khí bên trong Đường dễ bị xung tán. Hình thế đó của nước và núi sẽ khiến gia chủ dễ gặp thương vong, thất bại. Cả Long Sa và Hổ Sa đều cần đề phòng những "mũi tên bắn lén từ xa" như vậy bởi sẽ dễ dẫn đến thương vong.

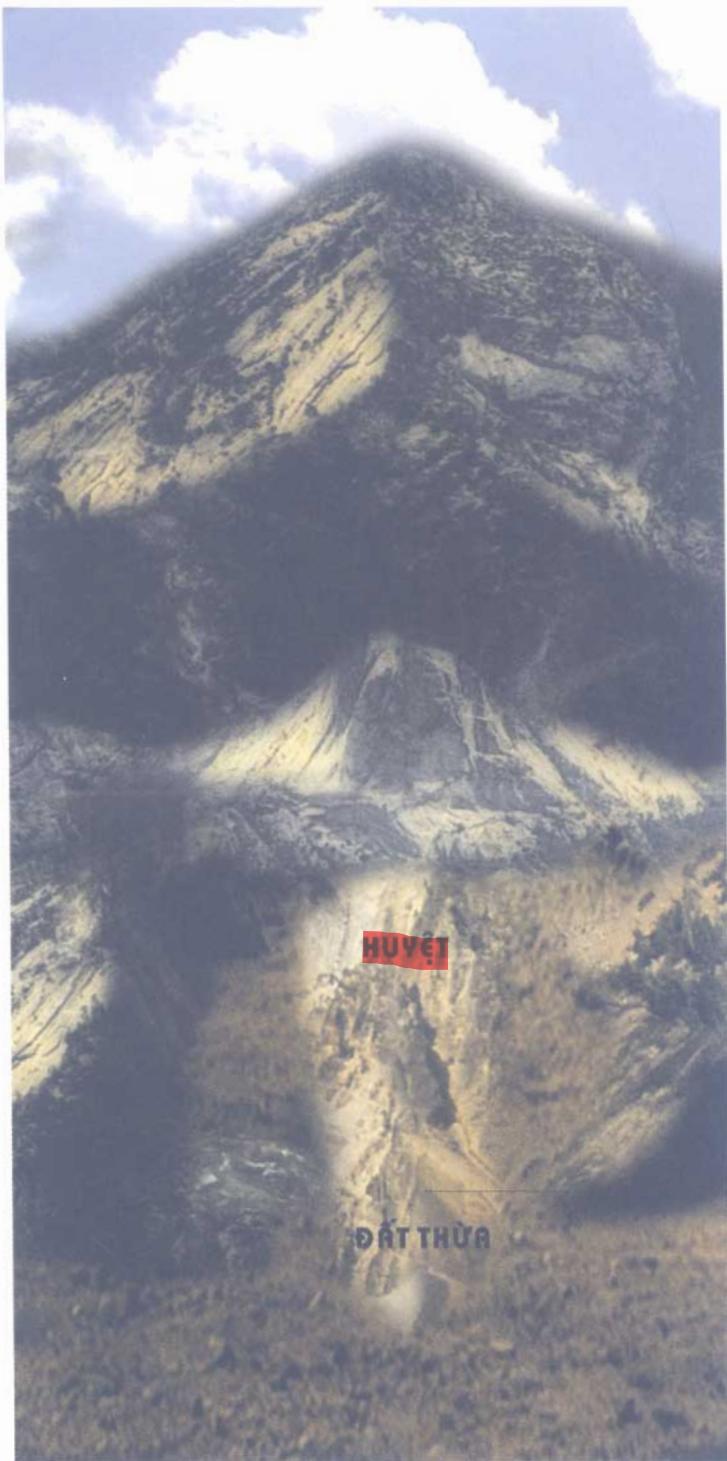




Long ky



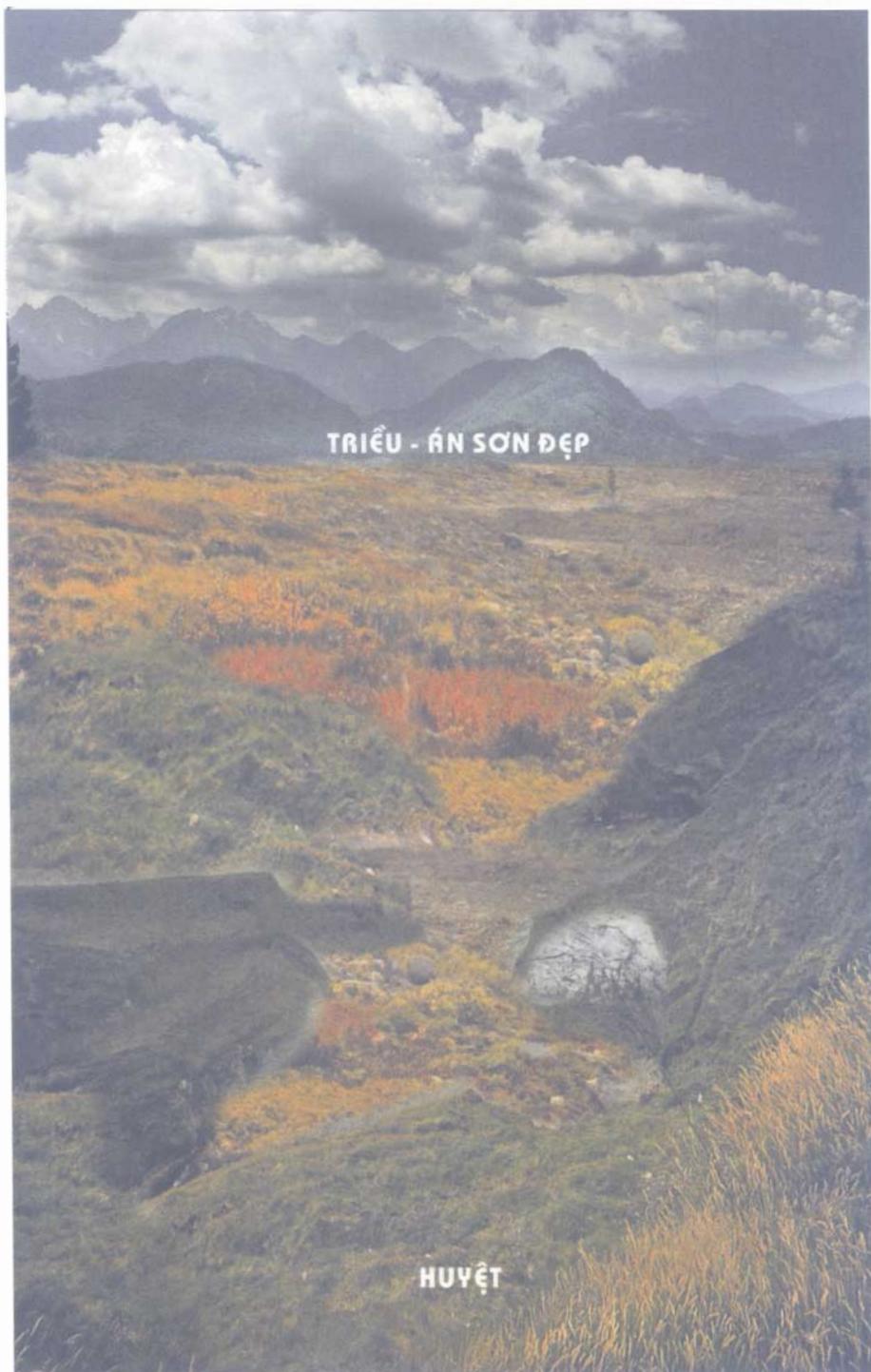
Trước huyệt dư khí nhiều, Long Hổ sa không ôm nổi, nên không bảo vệ nổi huyệt, nếu tìm thấy đúng chân Long, không muốn bỏ, thì cần đào cắt bỏ phần đất phía trước.



Chỗ đất
thừa cần
đào bỏ.



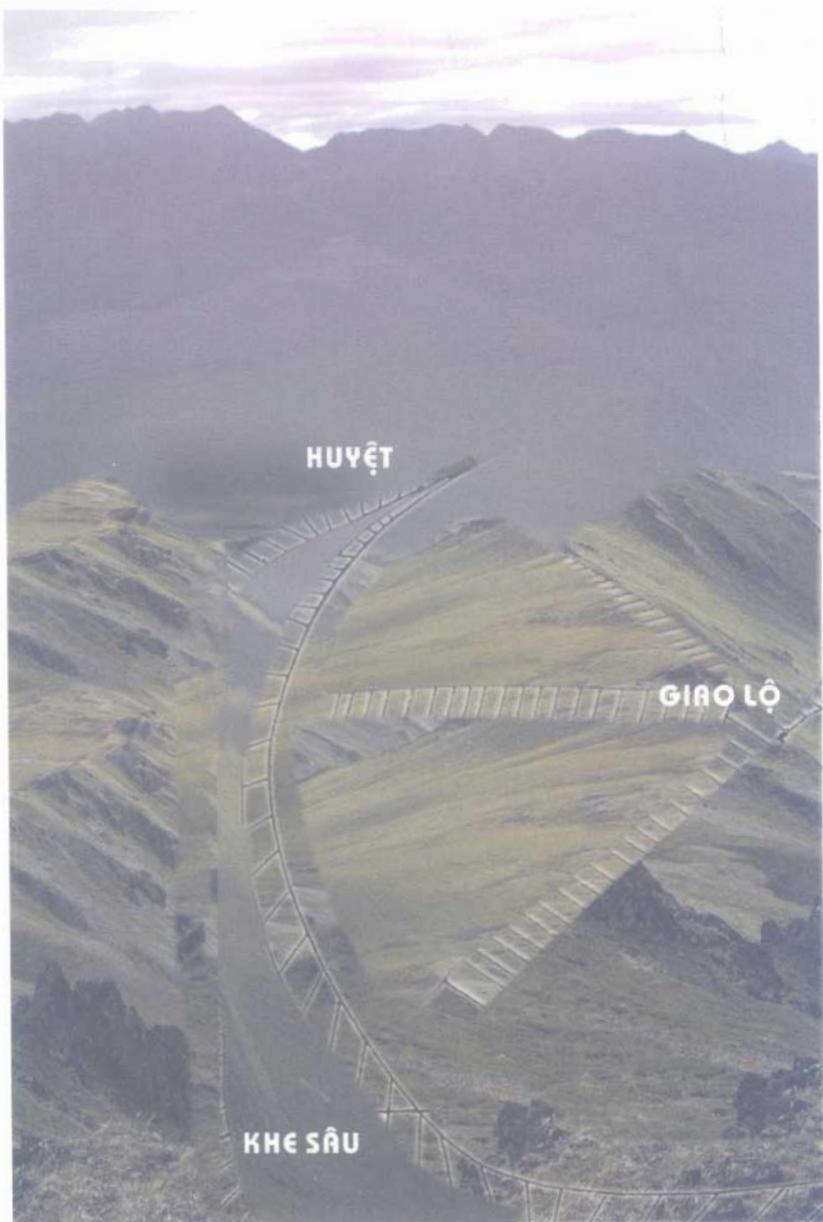
Tiền sơn tối kỵ đá lở hay vỡ nát bởi sẽ gặp nhiều điều hung họa.



ĐÁ LỞ

Nếu phía trước Huyệt trường có khe nước sâu thì khe nước này cũng được gọi là Âm tiên. Dư khí đã cạn kiệt, nhìn thấy cả khe sâu cho thấy người trong gia đình sẽ gặp hạn ngã xuống nước hoặc bị ngã dẫn tới thương tích nặng nề.

Phần cánh tay của Thanh long, Bạch Hổ tối ky có điểm giao nhau của các con đường chạy qua (giao lộ) bởi như vậy là Tai sát. Nếu đường nước chạy xuyên thẳng qua đầu huyệt mô là dấu hiệu cho thấy người trong nhà dễ bị đao kiếm làm cho thương tích nặng nề.



Giao lộ, khe nước sâu



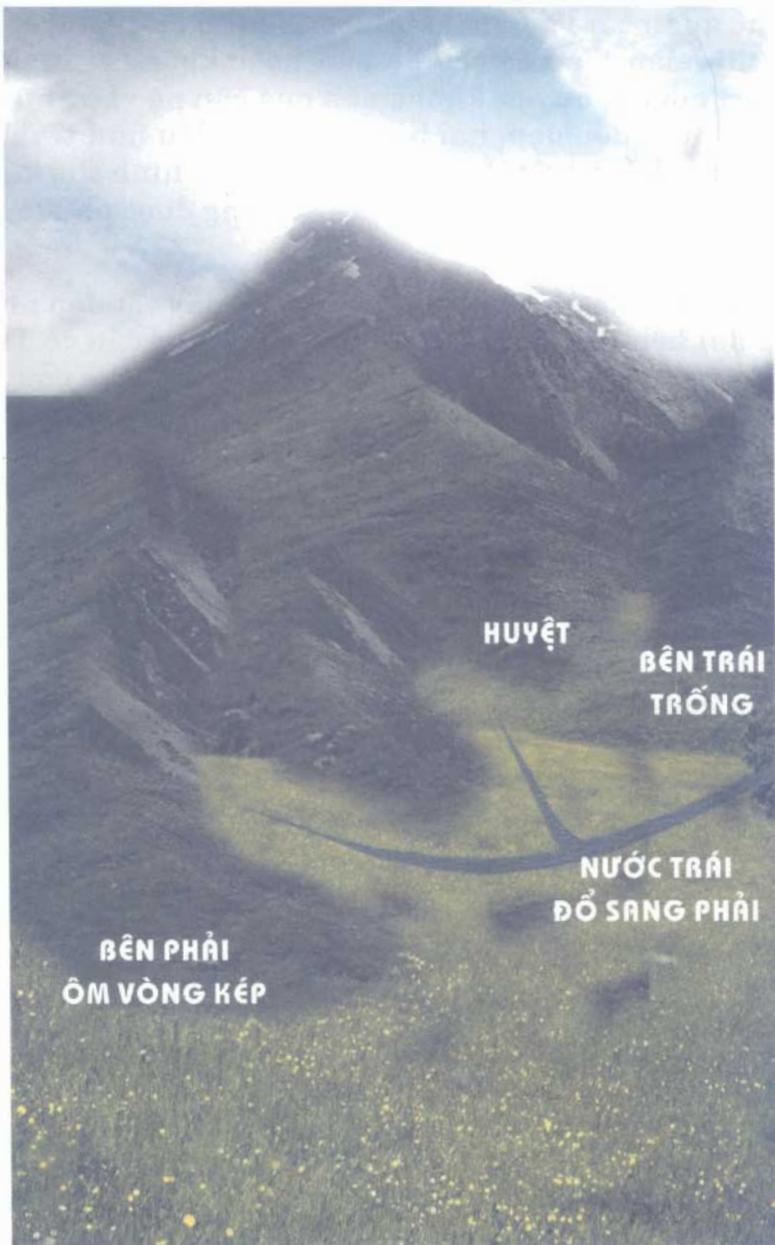
Khi xem xét địa hình, cần quan sát trước, sau, trên, dưới một cách cẩn thận, kỹ càng. Nếu phần trên của núi bị nghiêng lệch, không thẳng thì sẽ không hình thành nên Tinh thể của Ngũ tinh, khiến Long mạch bị tán loạn. Nếu núi có xu hướng đổ xuống như hình những cây cọ thì đây cũng là dấu hiệu cho thấy đất này không thể và không nên được chọn làm nơi kết huyệt.



Núi đá đổ xuống hình cọ



Nếu phía bên trái huyệt mỏ không có núi non bảo vệ nhưng bên phải lại có nhiều lớp núi trùng điệp, ôm vòng lấy nhau thì những cơn gió thổi vào huyệt mỏ từ phía bên trái sẽ không thể bị cản lại. Điều đó cũng khiến khí trong huyệt đường không thể tụ lại mà trở nên tản mát, tán loạn. Nếu muốn chọn nơi đất có đặc điểm như vậy để kết huyệt thì sẽ chỉ tốn nhiều công sức mà không có kết quả gì tốt đẹp. Nhận định này cũng đúng nếu bên phải huyệt mỏ không có núi, núi ở bên trái lại trùng điệp và ôm vòng.



Bên trái không có Sa



Tướng mạo bên ngoài chỉ hình thế của nước và núi. Tướng mạo bên trong chỉ Long huyệt. Nếu Long là Chân long, huyệt là Chính huyệt thì dù hình thế của nước và núi ở bên ngoài có điểm không tốt đẹp, ta vẫn có thể dùng những ưu điểm của Long huyệt để bù lại cho những khuyết điểm đó. Khi đó, lúc Đăng huyệt, có thể phân biệt được hình thế của núi và nước bên ngoài là hữu tình hay vô tình.

Hình thế cơ bản của Long mạch, núi nhỏ hộ vệ, huyệt trường và đường nước đều có thể quan sát và nắm bắt được. Nếu có một khuyết điểm nhỏ ở phần nào đó thì hoàn toàn có thể bỏ qua hoặc không tính đến. Khi lựa chọn đất tốt làm nơi kết huyệt, không nên quá cùn nệ vào những tiểu tiết. Hình thế núi và nước đều đẹp, hai bên trái phải đều hữu tình thì rất nên chọn đất đó làm nơi kết huyệt. Long mạch tiềm ẩn, hình thế không tốt đẹp thì tốt nhất là không nên lựa chọn bởi sẽ khó dùng được phương pháp gì để chuyển hung thành cát.

Tuy Long mạch tiềm ẩn với hình thế không mấy tốt đẹp nhưng nếu có núi hộ vệ ở cả hai bên trái phải, phía trước phía sau đều có Triều ứng để dựa vào, Đường cục lại tốt đẹp, bằng phẳng thì hình thế của Long mạch tuy xấu nhưng lại là bên trong tốt mà bên ngoài vụng. Những đặc điểm đó cho thấy đây chắc chắn là nơi có Kỳ huyệt. Ngược lại, tuy hình thế của núi và nước đều đẹp nhưng nếu Long huyệt không phải là Chân long và Chính huyệt thì cũng không thể chọn đất đó làm nơi kết huyệt tốt. Nếu chỉ nhận biết được Chính huyệt, không nhận biết được những huyệt lạ, chỉ thích núi nhỏ hộ vệ ở hai bên mạnh mẽ, hữu tình mà không xét đến những yếu tố chính phụ khác thì huyệt đó cũng chỉ là hư vô, là huyệt giả mà thôi.





PHẦN 9.
LUẬN CÁT HUNG





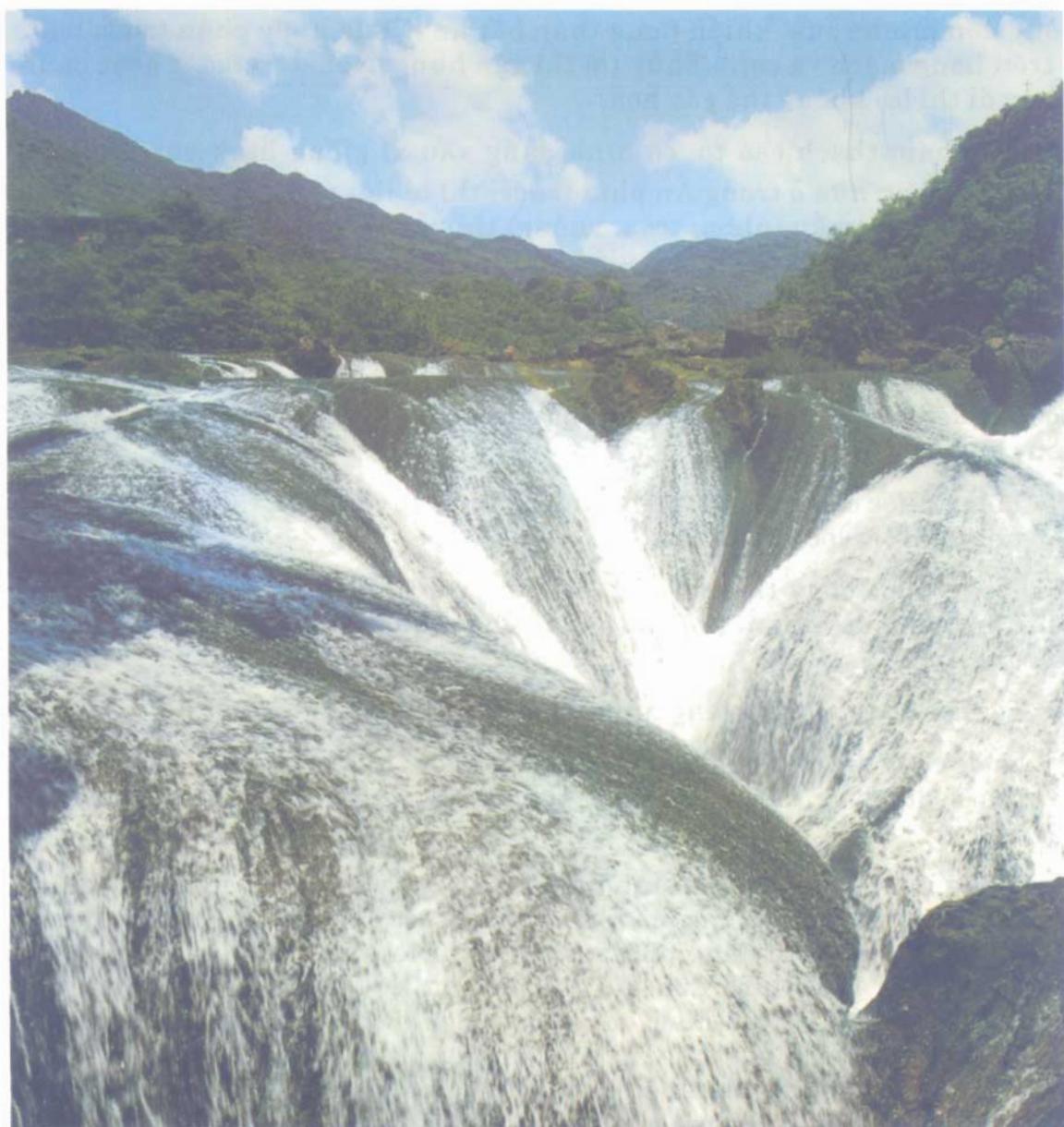
SA SỤT LỞ,
LONG HỒ VÔ TÌNH

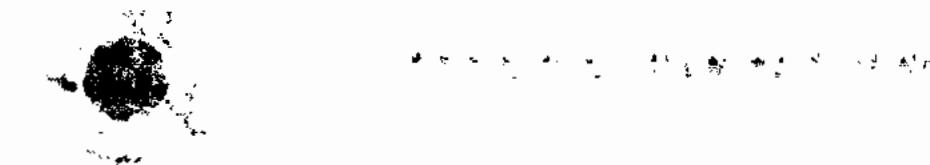
Đất sụt lở quỷ thần không yên. Lai Long và đất đá ở núi chủ bỗng nhiên sụt lở thì sẽ khắc Long thần, làm kinh động đến Nguyên Thần, lực phúc âm yếu đi, bởi vậy, quỷ thần ở nơi chôn đều cảm thấy bất an.

Cây cổ cần sinh khí đầu tiên, nếu xung quanh mộ cây cổ héo tàn thì chứng tỏ sinh khí không đủ, khí vượng sẽ yếu đi, nhất định chủ nhân sẽ thụt lùi.



Nếu trong Minh Đường ùn ùn nước chảy ra, ngoại khí không ngang, nội khí bị thổi phân tán. Bạch Hổ Sa có nham thạch trắng muốt ở trong miệng thì giống như là hổ nhẹ răng, chắc chắn chủ nhân sẽ bị xử phạt thân thể. Nếu di chuyển đá trắng muốt ra nơi xa thì sẽ không sợ Bạch Hổ làm thương người, bởi vì ở nơi xa, khả năng sát thương cực nhẹ. Do đó, đá trắng lộ ra sẽ xử phạt thân thể, chuyển tới nơi xa sẽ không phải lo lắng.





Tạo huyệt cần Long Hổ hữu tình, nếu bên cạnh mộ có chùa miếu thì kỵ nghe tiếng trống và chuông, bởi vì tiếng trống và chuông có thể làm kinh động đến mình rồng, khiến Long thần bất an. Chùa miếu chắn trước mặt, ở trên Long mạch và cạnh Thủy tối thì gặp hung. Nếu ở trên đất hoặc cạnh Thủy đi thì lại không thể gây họa.

Đá nham thạch cao to, có hình dạng xấu xí giống hình súng, gươm, dao, cuốc, hơn nữa ở trong Án phía trước, thì bị liệt vào sao hung sát. Mặc dù là hình may mắn (nhọn, tròn, vuông) thì vẫn sẽ gặp tai họa. Nếu thạch cốt nhập cục như ngọc chế ấn giám thì lại là tướng cát. Nếu sao có hình may mắn là một trong ba hình nhọn, tròn, vuông thì tức là ngồi ở hậu Long thì Long thần được quý trọng, phú quý tự khắc sẽ tới.

Núi phía trước sau, trái phải mộ đột nhiên sụp lở thì chắc chắn sẽ gặp họa. Thường nghe thấy tiếng nước gầm thét như tiếng kêu khóc thì tất sẽ gặp chuyện tang tóc.

Tiếng nước chảy róc rách như tiếng vòng, xuyến, hoa tai bằng vàng và vào nhau thì tài lộc sẽ cùng tới.

Tiếng nước chảy tí tách, đều đều như rơi từng giọt từ chiếc ấm bằng đồng bị thủng đáy thì ắt giữ chức quan châu, quan huyện, trở thành quan của dân.

Tiếng nước chảy âm vang như tiếng trống đánh thì là quý.

Nước chảy xiết, thê lương như là đang khóc thì tất gặp họa. Tiếng nước có lành có dữ, do đó cần phải quan sát và lắng nghe kỹ để phán đoán chính xác.

Tiếng nước phân thành lành và dữ, nếu nước phát ra tiếng dữ thì lại không bằng nghe thấy tiếng mà không thấy nước chảy, hoặc chỉ lắng đọng, hoặc chảy chậm rãi, không phát ra tiếng thì là tốt. Nước là động, sự kỳ diệu của nước là ở tĩnh. Còn núi là tĩnh, sự kỳ diệu ở tư thế đi có thể chuyển thành động. Nếu nước chỉ có ở trước Minh Đường, minh lai triều cống (chắp tay vái đường hoàng) lại không bằng nghịch thủy lai triều (nước chảy ngược tối), phía bên ngoài lại có Sa Thủ che chắn, không thể tiết nội khí ra ngoài. Không tiết được khí trong nội Đường nên ám cung (chắp tay vái ngầm) là tốt nhất.

Nước không phát ra âm thanh, chắp tay vái ngầm thì là cát, một núi, một nước hữu tình, hướng về chủ là cát, vô tình quay lưng vào chủ là hung. Quyến luyến không nỡ rời xa (tức là vừa hướng vào vừa quay lưng đi) thì vừa có phúc, vừa có họa. Chỉ cần sơn thủy bình lặng, thong dong thì tất có lợi cho chủ. Vội vàng và gấp rút thì lại có hại. Vừa gấp rút vừa từ tốn thì sẽ vừa có lợi vừa có hại.

Sơn thủy có tới có đi, có vội vàng có thong thả, do vậy cần quan sát kỹ địa thế, cách quan sát đất cần phải suy nghĩ thấu đáo và cẩn thận. Thẩm Long định Huyệt sát Sa duyệt Thủy đều không thể qua loa đại khái, chỉ cần sơ suất một chút là có thể phạm sai lầm ngay. Cần phải làm theo tuần tự, muốn xem thế núi và Huyệt trường thì trước hết cần xem Lai Long, tiếp đến quan sát Huyệt tình, sau đó quan sát Sa Thủy xung quanh Đường thì mới có thể kết luận nơi kết Huyệt có tốt hay không.





HUYỆT CÁT KHI ĐƯỢC BẢO VỆ

Huyệt trường tốt nhất là Đường cục mật thiết, Thủy Khẩu đóng chặt, sinh khí ẩn trong Oa Minh Đường của Huyệt tích tụ ở bên trong.

Huyệt tình xấu nhất là Đường cục ảm đạm, hoang tàn, xung quanh Huyệt trường trống trải, gió thổi vào trong Huyệt làm tan sinh khí.

Bản thân Huyệt không tự bao bọc được, cách thủy và có núi cao bảo vệ giống như là bình phong thì là cát. Bên trong không có khiếm khuyết thì là đẹp, còn có khiếm khuyết hoặc nghiêng, lệch thì không đẹp. Nếu kéo dài Long Hổ làm Án Sơn thì cần có hình dạng uốn lượn, giống như khuỷu tay thì mới là cát, khí uốn lượn ẩn vào ngóc ngách là cát, còn xộc thẳng ra thì không là cát.

Hai núi được so sánh như chủ và khách, do đó nên đối xử hữu tình cảm với nhau, chủ cần đối xử và tôn trọng khách quý. Chủ khách hữu tình ý, thanh khí tương đồng, mới có thể đối nhau.

Phân nhánh từ cùng một núi Tổ tiên thì chắc chắn sẽ có khí tương đồng, song hành như anh em. Khi dừng bước thì như có quân thần tổ chức tiệc chúc mừng, chủ khách gặp nhau tay bắt mặt mừng, chỉ cần tình cảm, không cần thiết phải xem Sơn Long có cao và dày hay không.



MỤC LỤC

Lời giới thiệu	5
Phần 1. Kiến thức chung	7
Phần 2. Tích đức	21
Phần 3. Tâm long	30
3.1 Nhập môn	31
3.2 Long mạch	97
3.3 Ngũ tinh	129
3.4 Long hổ	224
Phần 4. Sát sa	242
Phần 5. Quán thủy	263
5.1 Thủy pháp	264
5.2 Thủy khẩu	307
Phần 6. Điểm huyết	316
Phần 7. Nhập linh	348
7.1 Ăn, chử, linh phù	349
7.2 Nghi thức an táng của Phật giáo	366
7.3 Nghi thức về vong linh của người xưa	383
Phần 8. Luận cách cục	400
Phần 9. Luận cát hung	417

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI
Nhà B15, Lô 2, Mỹ Đình 1, Hà Nội
ĐT : (04) 6287.2633

Phong thủy cảnh quan

CỔ ĐÔ THƯ

Chịu trách nhiệm xuất bản: **BÙI VIỆT BẮC**

Biên tập: **THẾ VINH**

Bìa: **NSMINHLAM**

Sửa bản in: **TÁC GIẢ**

Mọi góp ý, trao đổi xin viết tại
webphongthuy.com

In 1500 cuốn khổ 19 x 27cm, tại Cty Cổ phần Văn hóa Hà Nội

Số đăng ký KHXB:1053-2009/CXB/02-19/TĐ

In xong nộp lưu chiểu năm 2010

ĐẠI ĐỨC THÍCH MINH TÔNG

PHƯƠNG PHÁP THỜ

Thần tài Mật tông

密宗财神



TG NHA XUAT BAN TON GIAO

密
宗
财
神

- * Giới thiệu 50 vị thần tài và cách tu tài.
 - * Hệ thống nhận biết thần tài hoàn chỉnh nhất.
 - * Trên 150 bức hình sinh động về các thần tài.
 - * Mở rộng cánh cửa bí mật về thần tài trong
- PHẬT GIAO
MẬT TÔNG



PHÁT HÀNH TẠI NHÀ SÁCH MINH LÃM

52A Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 043.9.427.393; ĐT/Fax: 043.9.427.407-043.9.387.391
Website: nsminhlam.com.vn Email: nsminhlam@gmail.com

TÂM LONG ĐIỂM HUYẾT NHẤP LINH



GIA :269.000Đ